

THÀNH PHẬT CHI ĐẠO

Trước tác: Pháp Sư AN THUẬN

Hiệu đính Bản Việt: Tỳ Kheo Thích Đồng Tĩnh

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

Việt dịch : Cư sĩ Lê Hồng Sơn

Quyển 1

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

Kính dâng Giác linh nhị vị Hòa Thượng:

Giám Đốc: Thích Thiện Hòa

Phó Giám Đốc: Thích Thiện Hoa

Phật Học Đường Nam Việt,

Chùa Ân Quang, 243 đường Sư Vạn Hạnh

Quận 10, Tp. Sài Gòn

(Nay Quận 5, Tp Hồ Chí Minh)

LỜI TỰA

Hiện nay đạo Phật ngày càng được chú ý trên khắp thế giới. Nhiều hội Phật học và nhóm học Phật đã ra đời và ngày càng có nhiều sách viết về phương pháp tu học đã được giới thiệu. Đạo Phật là đạo của Trí Tuệ, không phải chỉ của đức tin. Cho nên, sự giác ngộ chân chánh hay giáo huấn tu tập đều thông qua Trí Tuệ. Do sự thích nghi ngẫu nhiên hợp lý và tự do lựa chọn, Phật pháp trong quá trình truyền bá có thể nói là nội dung vô cùng phong phú và muôn màu muôn vẻ. Tuy nhiên, một điều đáng tiếc là hầu hết các nội dung được trình bày vẫn chưa rõ ràng, súc tích và có hướng đi cụ thể.

Trong bộ sách này, Đại sư Ấn Thuận đã bàn đến hầu hết những giáo lý căn bản của đạo Phật. Chủ đạo là nói về Ngũ Thừa Phật Giáo: Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa, Phật Thừa.

Kế tiếp đó, Ngài giới thiệu và giảng giải những phương pháp thực hành rõ ràng, về ngôi vị chứng đắc cụ thể và sự tương quan giữa Phật giáo và nhân gian.

Đây có thể nói là một cẩm nang xuất sắc về các giai đoạn học Phật trong Phật giáo Trung Quốc và Việt Nam. Tác phẩm có cấu trúc chặt chẽ, từng giai đoạn rõ ràng, phạm vi tuy rộng nhưng cô đọng, có khả năng diễn đạt ý cốt lõi của mỗi phương pháp tu học. Mặc dù con Người, Trời, và Nhị Thừa, Bồ Tát Thừa có những khía cạnh khác nhau, nhưng với tính chất tương tức, dung thông, các cảnh giới có thể kết nối với

nhau từ thế giới này sang thế giới khác, và thậm chí đến sự viên mãn tối thượng của Phật quả.

Với bản dịch này, chúng tôi đã cố gắng hết mức theo sát nguyên văn và làm cho lời dịch dễ hiểu. Nhưng có một giới hạn cho sự giản dị hóa mà nếu vượt qua chúng ta sẽ dễ đánh mất ý nghĩa đặc biệt mà ngài Ấn Thuận Đại sư muốn truyền dạy. Chúng tôi đã cẩn thận ghi lại những lời lẽ chính đáng của tác giả thay vì một lối dịch thoát ý có thể dễ hiểu hơn nhưng lại dễ rơi vào lỗi uốn cong ý nghĩa.

Chúng tôi hi vọng bộ sách này, nếu phù hợp với căn cơ trình độ của mỗi người mà thấy được phần nào lợi ích từ bộ sách để có thể vận dụng được vào sự tu tập, có nhiều kết quả tốt, rồi chia sẻ lại cho nhiều người cùng thực hành, tu tập và cảm nhận được sự an lạc nhằm tạo ra nguồn phước báu to lớn cho tự thân thì đó là sự thành công của bộ sách. Công đức còn lại, xin hồi hướng cho Pháp giới chúng sanh, để nhân ra khắp nơi cùng cộng hưởng.

Chúng tôi rất mong được sự góp ý chân thành của các bậc cao minh và các vị học Phật, để mọi điều tốt được nhân lên, mọi điều chưa tốt được khắc phục hầu cho lợi lạc tất cả chúng sanh.

Đà Nẵng, 10-2 (Nhượn)- Quý Mão
Phật Lịch 2567.
Tỳ Kheo Thích Đồng Tịnh
Kính đề.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: QUY Y TAM BẢO	5
1.1. Tâm trạng khi quy y.....	6
1.2. Đối Tượng Quy Y.....	9
1.2.1. Chẳng phải là nơi Quy Y.....	9
1.2.2. Đúng là nơi quy y.....	25
1.3. Nghi thức quy y.....	61
1.3.1. Nghi thức	61
1.3.2. Công đức:.....	64
1.4. Thể tánh của Quy y.....	65
1.5. Chân nghĩa của quy y.....	68
CHƯƠNG 2: NGHE PHÁP THÂM NHẬP	72
2.1. Nghe Pháp.....	73
2.1.1. Bốn loại công đức.	73
2.1.2. Lìa xa hai ví dụ, ba sai lầm	76
2.1.3. Thái độ nghe Pháp.....	79
2.2. Thâm nhập vào Phật Pháp.....	83
2.2.1. Điều quan trọng trước nhất để thâm nhập vào Phật Pháp	83
2.2.2. Trước tiên quyết giữ lấy điều đặc biệt hơn hết... ..	88
2.2.3. Xác lập mục tiêu.	95
CHƯƠNG 3: PHÁP CHUNG CỦA NĂM THỪA.....	114
3.1. Giải, hành cùng tiến bước (Học và Hành song song).	115

3.2. Chánh kiến của thế gian.....	119
3.2.1. Bốn loại Chánh kiến.....	120
3.2.2. Năm hướng của thế gian	152
3.2.3. Nhắc nhở Tu Thiện.	185
3.3. Việc làm chân chánh của Người và Trời.....	186
3.3.1. Xác lập hạnh nguyện.....	186
3.3.2. Pháp môn thông thường	191
3.3.3. Pháp Môn Dễ Tu	244

CHƯƠNG 1: QUY Y TAM BẢO

❖ **Tất cả pháp môn đều là con đường đi đến thành Phật.**

• **Học Phật là để thành Phật.**

Học Phật là học tập theo Phật. Chúng ta lấy Phật làm lý tưởng, lấy Phật làm gương mẫu, luôn luôn học tập theo Phật. Nếu đi đến bình đẳng như Phật, đó chính là thành Phật.

• **Tu học để thành Phật phải có phương pháp hướng dẫn đúng đắn.**

Phật là vị thánh tột bậc đại giác, đại bi, công đức tròn đầy. Kẻ phàm phu vô trí bậc phước muốn theo tu tập để đến được quả Phật tột bậc như thế rất khó khăn, nên việc tu học này cần có phương pháp và tuân thủ đúng đắn chánh đạo mới có thể từ từ đi đến Phật quả được. Vì vậy, phát tâm học Phật phải đúng pháp môn, đúng chánh đạo. Pháp môn, chánh đạo tu tập để thành Phật ấy chính là Con Đường Đi Đến Thành Phật.

• **Tất cả con đường, đều là pháp môn tu tập dẫn đến Thành Phật.**

Phật pháp thích ứng với những căn tính khác nhau, cho nên có rất nhiều con Đường, nào: Phước đức, Trí Tuệ, Khó đi, Dễ đi, Thế gian, Xuất thế gian, Thanh Văn, Bồ Tát...

Nhưng rốt cuộc đều không có hai mà tất cả đều là Phương Pháp Thành Phật; đều là **“Khiến cho chúng sanh Khai, Thi, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật”**; cho nên nói: Chỉ có một con đường thanh tịnh, chỉ có một vị giải thoát; *“Phương tiện thì nhiều phương pháp tu tập, trở về không có hai đường. Giống như muôn sông ngàn suối đều xuất phát từ lòng đất và điều đổ ra biển cả”*.

- **Dẫn kinh để chứng minh.**

Tất cả phương pháp đều là con đường dẫn đến thành Phật, cho nên trong kinh A Hàm, kinh Pháp Hoa gọi Pháp của Phật là Con Đường dẫn đến Nhất Thừa hay Phật thừa.

- ❖ **Quy y Tam Bảo mới vào được cửa Phật.**

Tam Bảo là cương yếu của Phật pháp. Quy y Tam Bảo là cơ sở ban đầu đi vào cửa Phật. Công đức của Tam Bảo thật là vô lượng, vô biên, không thể nghĩ bàn. Vì vậy, phát tâm học Phật, trước hết phải Quy Y Tam Bảo: **Trở Về Nương Tựa Ba Ngôi Báu.**

1.1. Tâm trạng khi quy y.

有海無边际,	<i>Hữu hải vô biên tế,</i>
世间多忧苦,	<i>Thế gian đa ưu khổ,</i>

流转起还没, *Lưu chuyển khởi hoàn một,*
 何处是依怙. *Hà xứ thị y hũ.*

Biển lớn không bờ bến, Thế gian nhiều khổ đau,
Trôi nổi hụp lặn hoài, Biết nương tựa nơi đâu.

- **Với tâm khẩn thiết cầu cứu mới có được công đức quy y trọn vẹn.**

Quy Y phải có thành tâm hướng về, nương tựa. Như người rơi vào biển cả, theo sóng bênh bồng, bốn phía mịt mờ. Trong cảnh mấp mé sóng chết, thấy được bó cỏ chập chờn trên mặt nước, dường như bàn tay đưa ra cứu vớt, nghe được tiếng chim kêu gió thổi, dường như tiếng kêu cứu âm vang, tâm trạng mong muốn cứu giúp còn tha thiết hơn vạn phần. Có thể nói, lúc ấy, chỉ còn biết van xin được cứu sống. Giá mà có chiếc thuyền đi qua, quăng cho sợi dây hay phao cứu sinh thì tay liền nắm lấy, có cố sức leo lên thuyền không?

Thành khẩn mong muốn Quy Y cũng giống như người rơi xuống biển cả, muốn được cứu sống vậy. Như thế, công đức mẫu nhiệm của sự Quy Y mới thành tựu hoàn toàn.

- **Trôi nổi trong biển khổ ví như cái khổ của sóng chết trong sáu nẻo luân hồi.**

Đời sống hiện tại ví như biển khổ nhấp nhô sóng dữ.

○ **Sinh mạng loài hữu tình trôi nổi trong biển cả mênh mông.**

Thế gian lấy chúng sanh làm gốc, là loài có tình thức, có sinh mạng; là nơi tồn tại thật sự, cho nên kinh Phật gọi chúng sanh là Hữu (Bhava)

Mỗi chúng sanh, trong quá khứ, đã sanh đi sanh lại nhiều lần.

Kiếp trước đã không ra khỏi sanh tử; kiếp sau lại sanh tiếp theo, vô cùng.

Sinh mạng trôi nổi của chúng sanh (Hữu) tiếp nối không dừng như biển cả mịt mờ, không bờ bến.

Đời sống hiện tại này chẳng hơn gì một con sóng bập bênh trong biển cả.

○ **Chúng sanh trôi nổi, hụp lặn, đau khổ ở thế gian.**

Từ quá khứ đến hiện tại, khổ nhiều, vui ít; vui hết, khổ đến; đúng là khổ đau thật nhiều. Cho nên, Phật nói là “Ưu, bi, não khổ thuần đại khổ tụ”: Cuộc đời tập trung toàn là lo âu, buồn, đau, khổ não.

Chúng sanh ở thế gian lo âu, đau khổ vô cùng, tợ dòng nước xoáy tròn trong biển cả. Rồi chợt sanh làm trời, làm người; chợt đọa địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Lên xuống

chìm nổi, xoay vần không ngừng. Đây là sự trôi lăn trong biển khổ của chúng sanh mà không có bi ai, đau đớn nào so sánh cho bằng.

- **Kêu cứu khẩn thiết, tìm cầu sự nương tựa.**

Nhân loại dường như rơi vào trong biển lớn, theo sóng bập bênh, bốn phía mờ mịt, nhưng đâu còn biết kêu cứu sự giúp đỡ nào đây.

Chúng sanh hụp lặn trong biển sanh tử, sao không cầu cứu sự giúp đỡ; tìm tòi sự tự tại, giải thoát; đến bờ bên kia vậy! Muốn đến được nơi ấy, phải thành tâm mong cầu Quy Y, cứu giúp, khẩn thiết thì tự nhiên phát sanh.

Nhưng mà, chỗ nào là nơi Quy Y đúng nhất; chỗ nào là nơi Nương Tựa đúng nhất đây?

Tóm lại, không thể nắm bừa một bó cỏ bập bênh trên mặt nước làm phao cứu sinh.

1.2. Đối Tượng Quy Y.

1.2.1. Chẳng phải là nơi Quy Y.

1.2.1.1. Vui thú ở thế gian.

積聚皆銷散,

Tích tụ giai tiêu tán,

崇高必墮落,

Sùng cao tất đoạ lạc,

合會要當離, *Hợp hội yếu đương ly,*
 有生無不死, *Hữu sanh vô bất tử,*
 國家治還亂, *Quốc gia trị hoàn loạn,*
 器界成復毀, *Khí giới thành phục huỷ,*
 世間諸可樂, *Thế gian chư khả lạc,*
 無事可依怙. *Vô sự khả y hũ.*

Giàu sang rồi tiêu tan, Danh vọng sẽ lụi tàn,
Sum vầy ắt chia xa, Có sống sao không chết.
Thanh bình đến loạn lạc, Vũ trụ thành lại huỷ.
Thế gian có gì vui, Không đâu nương tựa cả.

• **Say mê cuộc đời không cần Quy Y.**

Có người không biết mong cầu Quy Y. Có người mong cầu Quy Y lại lâm lạc tà sư, ngoại đạo.

Vì sao không mong cầu Quy Y? Tâm trạng mê đắm trần thế không còn biết gì và cho là có ý nghĩa nhất. Đợi đến khi biến cố tới chân mới tỉnh lại thì đau buồn thất vọng ập đến, cứu vãn đâu còn kịp nữa!

• **Xin nêu ra sáu thứ say mê hiện có:**

○ *Tài sản tom góp rồi tiêu tan*

▪ *Lấy tài sản làm chỗ dựa.*

Có nhiều người lấy kinh tế làm số một, có tiền là có tất cả; thậm chí nói: “*Có tiền mua tiên cũng được*”.

- ***Phân tích: Tài sản không phải là chỗ đáng nương tựa.***

- ✓ Tài sản là của chung năm nhà.

Tài sản là của chung của năm nhà, không thể một mình làm chủ được. Không cần nói giàu có đến mức nào, nhưng tài sản cuối cùng phải tiêu tan. Không cần đề cập đến những người không biết kinh doanh thì tiền của đã lãng phí hơn phân nửa. Tiền của của một người còn không thể làm chủ được; cho nên Phật nói: “*Của chung năm nhà*”: Thuỷ tai, hoả hoạn, đạo tặc, vua ác, con oan nghiệt. Tài sản, chớp mắt, hoá thành không.

- ✓ Tài sản có bản chất khổ đau và khó giữ được.

Gom góp tài sản không những không thể kinh doanh và bảo tồn mà còn dẫn đến vô vàn lo âu và đau khổ. Có khi nó là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn, khổ đau; cho nên Đức Phật đã nói đạo tặc, ác vương là có thật. Tài sản vốn đem lại nhiều lo âu, đau khổ và không có cách nào giữ gìn. Sao lại có thể nói: có tiền là có tất cả ư?

- ***Danh lợi ngút trời rồi tử nhục.***

- ***Nương tựa vào danh lợi và quyền thế.***

Tôn sùng danh lợi và quyền thế. Tham đắm lợi quyền. Khi còn tại vị quát mây hét gió, thoả lòng vừa ý; hầu như tất cả đều do khí khái của ta đây.

- ***Phân tích thì quyền và lợi không thể dựa vào.***

Tuy nhiên, cuộc đời thì phải có lúc thịnh, lúc suy.

✓ Căn cứ lịch sử, chứng minh rõ ràng điều này là hiển nhiên.

Ví dụ như Hitler hay Stalin, họ đều vô cùng thịnh trị trong thời đại của mình, nhưng kết cục cuối cùng cũng không thoát khỏi sự suy vong.

✓ Dựa vào truyền thuyết Phật giáo:

Sau khi chết, hơi ấm còn ở đỉnh đầu thì thần thức người chết sanh lên làm trời Đế Thích.

Trong truyện ký Phật Giáo nói: Người chết rồi, ở đỉnh đầu còn nóng thì thần thức sanh lên cõi trời Đao Lợi. Khi phước đức không còn thì đoạ xuống nhân gian, không tránh khỏi ưu khổ và chết.

Ở địa vị này là chủ tể của trời đất, là cha của nhân loại, gọi là Đế Thích. Cuối cùng hết phước, cũng không tránh khỏi đầu thai vào bụng lừa, bụng ngựa. Danh tiếng ngất trời, địa vị cao sang, thật tể, cũng không đủ để nương tựa.

○ ***Bà con, bạn hữu rồi cũng chia ly.***

- ***Nương tựa vào người thân, bạn lành***

Hoặc là cha mẹ, con cái, vợ chồng làm nên gia đình dư giả, ấm no.

Hoặc trong trường học thầy trò, bạn học, đồng nghiệp tánh nết hợp nhau giúp đỡ lẫn nhau làm nên bạn hữu thâm tình.

Con người là loài động vật có tính xã hội cao, có thể kết thân, bạn hiền, cùng chung hợp tác. Đó là một việc làm cực kỳ lý tưởng và an toàn nữa.

▪ ***Thân thuộc cũng không thể nương tựa.***

Nhưng mà, từ thân yêu biến thành oan gia. Điều này tạm thời không nói đến.

Cho dù, thân yêu, gần gũi đến đâu rồi cũng phải chia ly. Một ngày nào đó, sanh ly tử biệt cũng đến, lìa xa cha mẹ, xa cách vợ con; cô đơn thê thảm trên hình thành chiếc bóng; ai đoái hoài ai đây!

○ ***Sanh tồn: có sanh phải có chết.***

▪ ***Nương tựa vào sanh mạng của chính mình.***

Kinh nghiệm cho chúng ta biết: Đã có sống thì phải có chết

Chết là một sự thật, bất cứ nơi đâu vẫn là như thế; cơ thể con người đối với chính mình, hầu hết, dường như không hiểu hết về cái chết.

Sự sanh tồn có ý nghĩa nằm gọn trong vì danh vì lợi, tom góp, tranh giành tất cả về cho mình.

▪ *Nêu lên tính điên đảo về sự không biết chết.*

Miệng luôn nói đến chết, nhưng đối với việc làm, đối với con người, lại không hiểu biết tí xít nào về cái chết.

人 生 不 滿 百, 常 有 千 歲 忧

Nhân sanh bất mãn bách, thường hữu thiên tuế ưu:

Đời người không tròn 100 năm, mà luôn lo sao sống được đến 1000 tuổi. Đây là tính điên đảo: suy tư về cái không Chết.

不 死 之 覺 = 不 死 之 念

Bất tử chi giác = bất tử chi niệm: Không biết về cái chết, không nhớ về cái chết.

Tà kiến có: Sống mãi mãi và sống rất lâu đều do cái Bất Tử Kiến này mà ra. Nhưng anh(chị) có nghe nói, đúng là có Cái Bất Tử không?

Bốn câu đầu trong bài kệ sau còn gọi là Tứ Phi Thường Kệ của Pháp Cú Thí Dụ:

常 者 皆 盡, *Thường giả giai tận,*

高 者 亦 墮, *Cao giả diệc đọa,*

合 會 有 離, *Hợp giả hữu ly,*

生 者 有 死. *Sanh giả hữu tử.*

*Còn thì phải Hết, Cao ắt phải Rơi,
Hợp thì có Tan, Sống thì có Chết.*

○ **Quốc gia thanh bình rồi trở lại loạn lạc**

- ***Nương tựa vào sự cường thịnh của quốc gia.***

Quốc gia đối với chúng ta, có thể nói là người bảo hộ, an toàn. Sự cường thịnh, phồn vinh của quốc gia là sự an lạc và tự do của dân chúng có quan hệ rất mật thiết. Do đây có người cho rằng: Chỉ cần quốc gia giàu mạnh thì chúng ta liền có chỗ nương tựa an ổn.

- ***Phân tích quốc gia cũng chẳng phải là nơi nương cậy.***

Sự giàu mạnh của quốc gia, chưa chắc là nơi an vui của chính mình.

Không chỉ sự thành bại của phe đảng chính trị không hoàn toàn phản ánh trung thực mục tiêu của quốc gia hay sao? Mà quốc gia trực tiếp vào dòng lịch sử lúc trị, lúc loạn. Bình an, thịnh trị đó, rồi loạn sau đó. Lịch sử trong nước và quốc tế đã chứng minh sự thật này, không còn nghi ngờ gì nữa. Cho nên, lấy quốc gia làm chỗ dựa nương là không đúng, không an toàn.

○ **Xã hội, thế giới thành tru rồi hoại diệt**

- ***Lấy xã hội văn minh làm ý nghĩa của đời người.***

Có người cho rằng: Con người là động vật văn minh có tính xã hội và liên quan trực tiếp của sự tiến bộ ấy. Đây chính là ý nghĩa chân chính của loài người. Như thế mình còn ham muốn gì nữa, tìm tòi chỗ nương tựa, trở về phù phiếm nào nữa? Đây là cái thấy của đa số, chứ không phải cái thấy riêng lẻ của một người!

- ***Phân tích lấy xã hội làm ý nghĩa của đời người là ảo tưởng.***

Sự tiến bộ của xã hội văn hoá, tạm thời, xem là ý nghĩa chân chính của con người.

Nhưng hoạt động của xã hội loài người còn dựa vào thế giới của nó cư trú (thế giới của chúng ta là quả địa cầu này) thì không thể lìa bỏ được. Mà địa cầu này đang ngưng tụ hình thành, rồi cũng sẽ huỷ diệt tiêu tan. Thành, hoại như vậy là một quá trình xoay vòng bất tận.

Xin thử ví dụ: Quả đất, một ngày nào đó, hoại diệt, lúc ấy, sự sống của nhân loại văn minh còn có ý nghĩa chân thật gì? Lấy xã hội tiến bộ làm chuẩn mực cho ý nghĩa chính của đời người; đó mới là người ảo tưởng thật sự.

- ***Tóm lại, những cái vui của thế gian, không cái gì đáng để nương cậy.***

Hầu hết, con người không thể hướng dẫn, tìm tòi, nhiệt tâm cho việc quy y của mình, đó là do lầm lẫn ý nghĩa trước mắt tầm thường. Vì hầu hết những người thế gian thường mê đắm những sự việc khoái lạc ở trên, nên sanh ra nhận thức sai lầm. Quả những việc ấy đã chứng minh: Không có một việc nào đáng để nương cậy. Hết thấy đều vô thường, không có gì an vui, sao lại có thể là chỗ nương cậy được?

1.2.1.2. Ngoại đạo.

鬼神好凶殺,	<i>Quy thân hảo hung sát,</i>
欲天耽諸欲,	<i>Dục thiên đān chư dục,</i>
獨梵依慢住,	<i>Độc Phạm y mạn trụ,</i>
亦非歸依處.	<i>Diệc phi quy y xứ.</i>

*Quy thân hay giết người. Cõi Dục nhiều ham muốn,
Đại Phạm tạm nương tựa. Chẳng phải nơi Quy Y.*

- **Có người mong cầu quy y lại tin nhầm vào đối tượng Quy Y.**

Biết mong cầu quy y, nhưng lại bị lầm lạc bởi ngoại đạo, tà phái. Đối tượng của quy y không chỉ y lại người khác thì cũng lấy người khác làm điển hình để bắt chước theo. Đó chính là loại tâm lý không tự giác, cũng là loại tâm lý bị huân tập. Vì vậy thật cẩn thận.

- **Tóm tắt khuyết điểm do tin tưởng sai lầm về đối tượng quy y.**

- **Quỷ thần**

- **Quỷ thần trong tôn giáo.**

- ✓ Quan điểm quỷ thần của Trung Quốc:

Người chết thành quỷ, thần. Thần trời; thần đất; người chết thành quỷ, người chết có công đức thành thần.

Mỗi hiện tượng có thần khác nhau: thần mưa; thần gió; thần thổ địa; thần ngũ cốc...

Kinh Dịch nói: Sơn tinh, mộc quái. Tức là chỉ cho tinh khí của núi rừng, cây cối gọi là Ly My, Vọng Lượng; cô hồn là người chết không có ai cúng giỗ.

- ✓ Quỷ thần theo kinh Phật:

Quỷ là nạ quỷ (quỷ đói).

Thần là nói chung các trời do Bốn Đại Vương cai quản. Chủ yếu là Dạ Xoa, La Sát, Na Đà (rồng), Ma Hầu La Đà (thần rắn), Ca Lô La (Kim Xí Điểu)...hoặc là Đại Lực Thần Vương, hoặc là súc sinh cao đẳng.

- ✓ Quỷ thần theo Thiên Chúa Giáo:

Ma quỷ theo Thiên Chúa Giáo là rồng lớn, rắn, linh hồn, thiên sứ có cánh giống người.

- **Ưu, khuyết điểm của quỷ thần:**

✓ Ưu điểm:

Thỉnh thoảng giúp đỡ người. Những quỷ thần này có ít nhiều công đức, có chút ít thần lực, cũng có hướng thiện, bậc cao là phục dịch cho các trời. Một vài loài thấp hơn có thể giúp sức cho con người; cho nên được người sùng bái, khẩn cầu ban phước, diệt sạch tà ác; hoặc xin đừng làm hại.

✓ Khuyết điểm: đạo đức không đủ, tánh nóng nảy, thích giết người.

Quỷ thần đều còn phiền não. Đó là tánh của chúng, có khi còn hơn cả con người; đặc biệt tánh sân hận và thích giết, làm tổn thương con người.

▪ ***Tai họa của việc sùng bái quỷ thần.***

Chúng yêu cầu con người cung cấp, hy sinh máu, thịt, cho đến đòi hỏi hy sinh cả con người. Nếu con người không cung kính cúng dường hay mạo phạm chúng thì sẽ báo thù một cách tàn khốc, như cuồng phong, lụt lội; mưa tuyết, ôn dịch...

Nêu lên một vài bằng chứng.

Bọn xã hội đen, thế lực ác trong cuộc sống cũng tương tự như thế. Gặp khi bất hạnh, chúng cũng vung dao cứu giúp, bênh vực cho chúng ta. Nhưng tốt hơn hết nên xa lánh chúng, vì tánh khí của chúng bất thường, không lường trước được.

- ***Nên làm theo lời dạy của Đức Khổng Tử: Kính nhi viễn chi.***

Đức khổng tử là bậc vĩ nhân đã dạy: Quý thần kính mà nên xa. Đây là cách thông minh nhất để không rước hoạ vào thân.

○ **Đại thân: Trời cõi Dục**

- ***Ý nghĩa của “Dục”.***

Dục là năm dục vật chất: Sắc, Thính, Hương, Vị, Xúc vi diệu và dục tánh nam, nữ.

Thiên (trời) có ý nghĩa là ánh sáng, nói chung về Thiên Đế.

- ***Các chủng trời cõi Dục.***

Chủng loại trời cõi Dục: có sáu trời cõi Dục.

Thấp nhất là thiên chúng của Tứ Thiên Vương có tám bộ quỷ thân: Dạ Xoa, La Sát, Càn Thát Bà, Khẩn Na La, Cưu Bàn Đà, Tỳ Xá Thứ, Phú Đôn Na, Ca Sát Phú Đôn Na.

Tiếp đến là trời Đao Lợi (trời ba mươi ba), Dạ Ma, Đâu Suất, Hoá Lạc, Tha Hoá Tự Tại.

Sáu trời này đều ham muốn vật chất, dâm dục nam nữ, cho nên gọi là Dục Thiên.

- ***Ưu, khuyết điểm của trời cõi Dục:***

✓ **Ưu điểm:** Tôn trọng hoà bình, ham thích đạo đức.

Trời cõi dục và nhân loại có quan hệ mật thiết, phải kể đến là Thích Đế là Thích Đề Hoàn Nhân vua của trời Đạo Lợi.

Tôn trọng hoà bình, ham thích đạo đức, mong muốn nhân loại tiến bộ. Mặc dù cai trị cõi trời này, nhưng thỉnh thoảng cũng phát động chiến tranh; tha thứ kẻ địch, không chủ trương giết hại.

Đế Thích trở thành Đại Đế vương quốc có nhiều thần, thông qua quỷ thần thống trị nhân gian. Thiên nữ vây quanh; so với truyền thuyết của Trung Quốc về Ngọc Hoàng, Thượng Đế rất gần.

✓ Khuyết điểm: đời sống xa hoa, phóng túng, mục nát.

So với các quỷ thần thì quỷ thần ở Dục thiên cao hơn nhiều; những khuyết điểm xuất phát từ đam mê các dục kể trên; ở trong sự hưởng thụ vật dục và dục tánh, không tránh khỏi xa hoa, phóng túng nên đời sống trở nên đắm say, mục nát. Do đó, đời sống trí huệ, đạo đức bị thoái hoá dần.

Từ trước đã nói: Đế Thích từng thỉnh Phật nói Pháp, cách đây chưa lâu, những gì có liên hệ với Phật nói, về sau, cũng quên luôn.

Các trời hưởng thụ vật dục dễ đoạ lạc.

“*Dục là gốc của khổ*”, kinh Tạp A Hàm nói: Dục năng sanh bách khổ; dục thị chúng khổ bản.

Các trời hưởng thụ những vật dục như thế thì dễ đoạ lạc là chắc rồi. Chính mình còn không giữ được thì cần thiết gì đến quy y!

○ **Thần sáng tạo.**

▪ ***Ý nghĩa:***

✓ **Phân loại Phạm:**

Đó là Phạm Thiên trên cõi Dục và cõi Sắc.

Sắc giới chia ra bốn Thiên: Sơ thiên lại chia ba trời: Phạm Chúng, Phạm Phụ, Đại Phạm.

✓ **Ý nghĩa của Phạm:** Thanh tịnh hết mực, gần với nghĩa sự trong sạch của bậc thánh.

Trời Phạm Chúng: Nhân dân; trời Phạm Phụ: quan lại; trời Đại Phạm (có một không hai): Đế Vương, cho nên gọi là Độc Phạm.

▪ ***Ưu, khuyết điểm của Phạm Thiên:***

✓ **Ưu điểm:** Thanh tịnh, từ bi, bác ái.

Phạm Thiên rất thanh tịnh, không dâm dục, cũng không tham lam vật dục của thế tục.

Về tinh thần: Đức hạnh, từ bi, bác ái và rất cao thượng. Ở trong tôn giáo, nói chung, có thể nói là người nổi bậc.

✓ Khuyết điểm: tà thuyết nông cuồng, ngạo mạn.

- Truyền thuyết về trời Đại Phạm.

Dựa vào kinh Phật:

Trời Đại Phạm xuất hiện thì quần thần, nhân dân chưa có, cõi Dục cũng chưa có, đến địa cầu và các nơi ở khác cũng chưa có.

Trời Đại Phạm muốn có trời, đất, cõi dục cũng dần dần ngưng tụ và hoàn thành.

Muốn có con người, con người liền sanh ra. Vì tâm trời Đại Phạm dựa vào kiêu mạn (tâm ngạo mạn); cho nên sanh ra hiểu biết sai lầm, điên cuồng và cho rằng Trời, Đất do ta sáng tạo, nhân loại do ta sanh ra, thời gian sinh tồn khá dài, rồi bảo với thần dân rằng chính ta là bậc thường trụ, bất biến, vô thử vô chung đây.

- Trời Đại Phạm giống như Thượng Đế.

Trời đại phạm của Ấn Độ tương tự Thượng Đế của Cơ Đốc Giáo.

- Sự hiểu biết sai lầm của nhất thần giáo là căn nguyên của tội ác.

Tịnh hạnh của Phạm Vương khắc chế tình dục của thế tục và tinh thần từ ái thật đáng khen ngợi.

Đáng tiếc, tà thuyết ngạo mạn điên cuồng, xem tất cả là tôi tớ; tin ta thì sống, không tin ta thì chết đã biến ông ta thành kẻ đại độc tài. Sự tà độc của Nhất Thần giáo đã tràn lan khắp thế giới và đã trở thành một nguyên nhân lớn của tội ác.

Thử nghĩ: Nếu không khoe khoan điên cuồng, kiêu ngạo thái quá, thì vị này là vua trời Đại Phạm, hay Thượng Đế cũng lưu chuyển trong biển khổ đau, sống chết mà thôi.

- **Tóm lại, những tôn giáo không phải là nơi Quy Y.**

Trời cõi Vô Sắc vì không có mối liên hệ với Cõi Dục nên không nói ở đây.

Từ Phạm Thiên trở lên còn có trời Nhị, Tam, Tứ Thiên. Trở lên nữa có trời ở cõi Vô Sắc. Nhưng không có tiếp xúc gì với con người; chỉ một số người rất ít có khả năng tin thọ, phụng hành nên không thể thành xã hội và tín ngưỡng tôn giáo. Đây là lý do không đề cập đến.

Hầu hết tôn giáo đều không thể xa lìa phiền não, ra ngoài sanh tử. Hầu hết tôn giáo không ngoài Nhất Thần Giáo, Đa Thần Giáo. Như trên đã nói, những tôn giáo ấy đều không xa lìa phiền não được, tự cứu còn không được, rảnh đâu cứu vớt khổ đau, phiền não của chúng sanh.

1.2.2. Đúng là nơi quy y.

1.2.2.1. Tam Bảo.

歸 依 處 處 求,	<i>Quy y xư xư cầu,</i>
求 之 遍 十 方,	<i>Cầu chi biến thập phương,</i>
究 竟 歸 依 處,	<i>Cứu cánh quy y xư,</i>
三 寶 最 吉 祥.	<i>Tam bảo tối kiết tường.</i>
<i>Quy y tìm khắp nơi,</i>	<i>Tìm hết cả mười phương,</i>
<i>Chỗ quy y cuối cùng,</i>	<i>An lành nhất Tam Bảo.</i>

- **Nói rõ nơi quy y cuối cùng.**

- **Quý thân khắp mười phương đều không phải là chỗ quy y.**

Con người chúng ta cảm nhận được khổ đau, bức bách của sanh tử nên tìm tòi chỗ quy y ở khắp nơi, nhưng đều không phải là chỗ đúng nhất để Quy Y.

- **Chỗ đúng nhất để quy y là Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng**

Đây mới là chỗ quy y đúng và cuối cùng nhất. Đó là Tam Bảo, chỉ có trong Phật Giáo.

Phật, Pháp, Tăng rất khó gặp được, không gì sánh bằng, công dụng rất mực, cho nên, gọi là Quý Báu (Bảo). Quy y Tam Bảo làm cho chúng ta từ hung dữ biến thành hiền lành, từ tai nạn trở thành tốt đẹp; bỏ ác về với hiền lành; từ đen tối

chuyển thành ánh sáng; xa lìa thống khổ có được an lạc. Tất cả những việc tốt lành này, hết thảy đều thành tựu, cho nên, nói là tốt lành nhất.

- **Bằng chứng cứ thật sự hướng về Tam Bảo là nơi nương tựa cuối cùng.**

Tất cả đều không đáng để quy y, chỉ có Tam Bảo mới đúng là nơi đáng quy y. Đây không phải là khen mình chê người mà là một kết luận có lý do và bằng chứng.

- ***Thông thường nêu lên Phạm Thiên và Đế Thích làm chứng cứ.***

- ***Phạm Thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân.***

Sau khi Phật Thích Ca thành Phật không lâu, Phạm Thiên Vương là vị thần sáng tạo, từ trên trời xuống cõi Ta Bà, khẩn cầu Như Lai nói pháp. Phật Thích Ca chấp thuận mới chuyển pháp luân để cứu độ loài người. Phạm Thiên Vương, nhân đây, cũng thành đệ tử của Phật và đã chứng được thánh quả ly dục.

- ***Đế Thích gặp Phật nghe pháp tránh đầu thai vào bụng heo.***

Trong đời quá khứ, trời Đế Thích là vị thần đặc biệt gần gũi với Ngọc Hoàng Đại Đế, biết mình sắp chết. Bất hạnh làm sao, sau khi chết phải đọa vào trong bào thai heo. Ông rất

buồn khổ, đi nhờ Đại Phạm Thiên Vương, Đại Tự Tại Thiên cứu giúp, cho đến, tất cả thần, tiên mà, kết quả không có ai cứu được. Cuối cùng, ông gặp được Đức Phật, nghe Phật nói Pháp mới cứu được tai ách đầu thai làm heo và sanh trở lại cõi trời.

▪ ***Thiên thần và thần sáng tạo đều quy y Phật.***

Đại thần của Đa Thần giáo và sáng tạo thần của Nhất Thần giáo đều quy y Phật.

- **Lý do:** Là vì Tam Bảo có đầy đủ công đức nên là chỗ quy y của tất cả chúng sanh.

1.2.2.2. Ý nghĩa Tam Bảo.

a. *Ca ngợi công đức Tam Bảo.*

Ca ngợi công đức Phật.

Trí- Chứng- Pháp thân.

正法以為身,	<i>Chánh Pháp dĩ vi thân,</i>
淨慧以為命,	<i>Tịnh Huệ dĩ vi mạng,</i>
智月朗秋空,	<i>Trí nguyệt lãng thu không,</i>
禮佛兩足尊.	<i>Lễ Phật lưỡng túc tôn.</i>

Lấy Chánh Pháp làm thân, Lấy Tịnh Huệ làm mạng,

Trí là trăng thu sáng láng, Lễ Phật Lưỡng Túc Tôn.

- Phật là bậc trí huệ triệt chứng chánh pháp.

○ **Phật là bậc giác ngộ tròn đầy.**

- ***Phật là tiếng Phạn có nghĩa là người Giác Ngộ. Giác Ngộ, chứng được chánh pháp một cách viên mãn nên thấu đạt Pháp Thân.***

Cái mà Phật giác ngộ, chứng được là Chánh Pháp. Chánh pháp cũng được dịch là Diệu Pháp.

Pháp là quy tắc, không biến mất, cho nên Chánh Pháp là Trung Chánh, không thiên, không lệch, là Chân Lý vi diệu. Đây là Chân Lý Vĩnh Cửu, phổ biến, tuyệt đối.

Giác ngộ, chứng được viên mãn Chánh Pháp mới gọi là Phật. Cho nên, Phật lấy Chánh Pháp làm Thân và gọi là Pháp Thân, cũng chính là cái hiển hiện cụ thể của chân lý tuyệt đối.

- ***Phật lấy Trí Huệ Vô Lượng làm sinh mạng và chứng được Pháp Thân.***

Phật là gì mà giác ngộ, chứng được viên mãn vậy?

Vì Phật có trí huệ vô lượng, thanh tịnh (Trí huệ thanh tịnh, là tất cả phiền não, tạp nhiễm).

Trí huệ thanh tịnh nhất, cái mà Phật giác ngộ, chứng được cũng chính là Thanh Tịnh Tối Thượng; cho nên gọi là Pháp Giới Tột Cùng Thanh Tịnh (Pháp Giới là Pháp Thân). Chánh pháp thì không ở đâu nhưng đâu đâu cũng có; khi mê hoàn toàn không giảm mất chút nào; khi giác ngộ cũng không tăng

thêm tí nào. Ai có Trí Huệ Thanh Tịnh mới chứng được Chánh Pháp Thanh Tịnh; cho nên, Phật lấy Trí Huệ Thanh Tịnh làm sinh mạng, gọi là Huệ Mạng.

Tóm lại, thống nhất Pháp Thân và Huệ Mạng chính là Phật.

○ *Lấy mặt trăng sáng giữa khung trời mùa thu để ví dụ cho Phật Trí và Pháp Thân.*

▪ *Trí huệ của Phật giống như vàng trắng sáng.*

Thê chứng Chánh Pháp chính là Thanh Tịnh, Trí Huệ như ánh sáng mặt trăng mùa thu chiếu soi, khung trời trong vắt. Không có một chút mây đen, ánh trăng trong trẻo, khung trời màu xanh biếc cũng trong veo trong ánh sáng của trăng thu.

▪ *Đây gọi là Phật trí giác ngộ chiếu soi thanh tịnh, Chánh Pháp đã chứng được triệt để. Chánh Pháp cũng ở trong Tịnh Huệ mà hiển hiện ra một cách trong veo tuyệt vời.*

▪ *Lấy Bồ tát so sánh với Phật.*

Kinh nói: “*Bồ tát như vàng trắng trong mát, ngao du khoảng không vô tận*”. Bồ tát còn như thế, huống nữa là Phật!

• **Phật là bậc đáng cung kính, trở về nương tựa hoàn toàn.**

○ **Bằng ba nghiệp trở về, lễ bái cung kính, tin tưởng nơi Phật.**

Pháp thân và Huệ mạng đã đạt đến viên mãn hoàn toàn. Đó là giá trị có được của chúng sinh quy y kính Phật.

Lễ là tôn kính.

Như lễ bái, thăm hỏi là thân lễ

Khen ngợi công đức là ngữ lễ

Trọn lòng tin tưởng, cung kính là ý lễ

Ba nghiệp lễ kính này là biểu thị sự quy y và tin tưởng của chúng ta đối với Phật.

○ **Trong loài người, Phật là người có đủ Phước Và Huệ nên còn gọi là bậc Lương Túc Tôn cao quý hơn cả.**

Lương túc tôn là lời tán thán Phật. Có hai cách giải thích:

▪ ***Bậc tôn quý nhất trong loài người.***

Lương túc (hai chân) là chỉ loài người. Phật là người tôn quý nhất trong loài người, cho nên, gọi là Lương Túc Tôn.

Như kinh nói: 正覺兩足尊; 生為四足勝: Loài có hai chân, bậc Chánh Giác là tôn quý nhất; trong chúng sanh, loài có bốn chân, ngựa là vượt trội nhất.

▪ ***Có đủ cả Phước, Huệ tôn quý nhất.***

Lương túc là đầy đủ Phước Đức và Trí Huệ. Có phước đức lớn, trí huệ lớn, không chỉ là Phật mà, Bồ Tát cũng như thế.

Nhưng trong hàng thánh hiền có đủ phước đức và trí huệ, thì Phật là tôn quý và vượt trội hơn hết, cho nên gọi là Lương Túc Tôn.

Lễ kính bốn sự.

三世佛無量,	<i>Tam thế Phật vô lượng,</i>
十方佛亦爾,	<i>Thập phương Phật diệc nhĩ,</i>
悲願來濁世,	<i>Bi nguyện lai trọc thế,</i>
禮佛釋迦文.	<i>Lễ Phật Thích Ca Văn.</i>
<i>Phật ba đời vô lượng,</i>	<i>Phật mười phương cũng thế,</i>
<i>Bi nguyện đến cõi trần,</i>	<i>Kính lễ Phật Thích Ca.</i>

• **Theo thời gian và không gian mà nói thì có vô lượng Phật.**

Phật là tên gọi của bậc Thánh Đại Giác. Ai giác ngộ, chứng được viên mãn Chánh Pháp, thì người ấy là Phật; cho nên, nhiều người phát tâm học Phật thì nhiều người thành Phật.

○ **Theo thời gian mà nói có ba đời vô lượng Phật**

Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai có Phật xuất hiện vô lượng.

▪ ***Xin nêu tên ba đời chư Phật:***

Hiện tại là Phật Thích Ca Mâu Ni

Quá khứ là Phật Ca Diếp, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Phật Thi Khí, Phật Tỳ Bà Thi...

Vị lai có Phật Di Lặc, Phật Lô Lô Chí.

▪ ***Lấy quá khứ so sánh với vị lai.***

Phật quá khứ vô lượng, vô số; Phật vị lai cũng như thế. Kiếp Trang Nghiêm ở quá khứ: bắt đầu Phật Hoa Quang, cuối cùng Phật Tỳ Xá Phù. Tất cả một nghìn Phật.

Kiếp Hiền ở hiện tại: bắt đầu Phật Câu Lưu Tôn, cuối cùng Phật Lô Lô Chí. Tất cả một nghìn Phật.

Kiếp Tinh Tú ở vị lai: bắt đầu Phật Nhật Quang; cuối cùng Phật Di Lặc. Tất cả một nghìn Phật.

○ **Theo không gian mà nói** có vô lượng Phật trong mười phương. Như hiện tại: Đông Phương có Phật Bất Động, Phật Dược Sư... Tây phương hiện có Phật A Di Đà...

○ **Người học Phật nên quy y, tôn kính Phật trong ba đời, mười phương.**

Người học Phật quy y Tam Bảo nên quy kính tất cả Phật trong ba đời, mười phương.

• **Không bỏ chúng sanh ở cõi đời ô trược là Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.**

Nhưng, nếu chúng ta từ thế giới này mà nói thì có một vị đặc biệt nên quy kính, đó chính là Bồ Sư Phật Thích Ca Mâu Ni

○ **Bi nguyện của Bồ Sư**

Đức Phật Thích Ca, khi còn ở trong nhân vị Bồ Tát, đã phát tâm đại bi cứu khổ cứu nạn, đã phát đại nguyện lực nhận chịu khổ nạn, không vãng sanh về Tịnh Độ mà phát nguyện tu hành đến khi thành Phật tại cõi nhơ ứ này; vì chúng sanh cõi này chịu nhiều khổ đau nên việc cứu giúp là rất bức bách!

我不入地獄，誰入地獄

Ngã bất nhập địa ngục, thùy nhập địa ngục.

Ta không vào địa ngục, ai vào địa ngục đây.

Tinh thần vĩ đại ấy là một sự thật mà Phật Thích Ca Mâu Ni thật tế đã hoàn thành được.

○ **Ân đức của Bồ Sư.**

Ngài đã đến cuộc đời ngũ trược và ác này tu hành, và thành Phật để cứu giúp chúng ta mà không bỏ sót một chúng sanh khổ não nào. Về quá khứ gần hai nghìn năm trăm năm, Phật Thích Ca đã sanh ở Ấn Độ: rồi xuất gia, tu hành, thành Phật. Nhưng về sau, chúng ta đã biến thành một thế giới hắc ám, đầy tội ác; may ra còn có ánh sáng Phật pháp. Thế giới

Phật pháp này là do Phật Thích Ca Mâu Ni đến và vì chúng ta mà nói pháp. Thật đó là một ân đức vô cùng!

○ **Mười phương Phật đều khen ngợi**

Sự vĩ đại của Phật Thích Ca, không chỉ chúng ta tôn kính, khen ngợi mà mười phương chư Phật cũng đồng thanh khen ngợi! Như kinh đã nói: “Các vị Phật khác cũng khen ngợi ta (Thích Ca Mâu Ni)”.

○ **Đặc biệt kính lễ Phật Thích Ca.**

Lý do, sau khi chúng ta quy kính Phật trong mười phương ba đời, phải đặc biệt kính lễ Phật Bổn Sư: Thích Ca Văn (là tên khác của Phật Thích Ca Mâu Ni) là vì những điều đã nói trên.

Cũng thế, quy y Tăng là quy y tất cả Tăng; dĩ nhiên ta phải chọn vị có đạo đức và trí huệ.

Ba đức đầy đủ

智 圓 悲 無 極,	<i>Trí viên bi vô cực,</i>
斷 障 無 餘 習,	<i>Đoạn chướng vô dư tập,</i>
三 德 等 究 竟,	<i>Tam đức đẳng cứu cánh,</i>
方 便 示 差 別.	<i>Phương tiện thị sai biệt.</i>
<i>Trí, Bi viên mãn nhất,</i>	<i>Hoàn toàn hết tập khí,</i>
<i>Ba đức đều rốt ráo,</i>	<i>Phương tiện thì khác nhau.</i>

- **Dựa vào cổ đức nêu ba đức khen ngợi Phật.**

Dựa vào các bậc thánh nhân cổ đại mà khen ngợi Phật pháp, lấy ba đức (**trí, đạo, ân**) để khen ngợi Phật.

- *Viên mãn Trí Đức.*

- *Trí Huệ của Phật viên mãn, đầy đủ Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Chủng Trí.*

Trí huệ của Phật rất ráo viên mãn.

Nhất Thiết Trí là giác ngộ hoàn toàn bản tính của tất cả pháp.

Nhất thiết chủng trí là giác ngộ hoàn toàn vô số tướng của tất cả pháp.

Không chỉ giác ngộ bản tính của tất cả pháp mà còn, giác ngộ bản tính, hình thái, tác dụng, mối quan hệ... của tất cả pháp và giác ngộ cả hiện tại, quá khứ, vị lai. Giác ngộ vô số tướng của tất cả pháp từ nhiều phương diện; cho nên, Phật gọi là Nhất thiết Chủng Trí.

- *Tự mình giải thoát còn giải thoát cho người khác.*

Chúng sanh thống khổ mà không thể giải quyết được; chỉ vì ngu muội mà làm việc sai lầm. Với trí huệ viên mãn của Phật, cho nên, không chỉ tự mình giải thoát mà còn, có khả năng bằng vô lượng phương tiện thiện xảo (Diệu dụng của

Trí Huệ) để giải thoát cho chúng sanh. Đây là ca tụng Trí Huệ Viên mãn của Phật.

○ **Viên mãn Ân Đức.**

- **Tâm đại bi bao trùm tất cả.** Đức Phật cứu khổ bằng tâm đại bi không có giới hạn mà bao trùm cả thế giới, cả chúng sanh và tất cả khổ nạn. Tâm bi thiết tha vô cùng hạn lượng.

- **Lấy Bồ Tát so sánh với Phật.**

Ở nhân vị Bồ Tát như Quan Âm, Địa Tạng còn không thể đến được đại bi, đại nguyện, huông nữa là Phật quả! Đây là ân đức viên mãn của Phật.

○ **Viên mãn đoạn đức.**

- **Tuy Bi, Trí đều quan trọng nhưng Đoạn đức không triệt để thì không gọi là rốt ráo.**

Có người trí huệ cao nhưng bi tâm mỏng, có người từ bi, yêu thương nặng mà trí huệ lại bình thường.

Có người bi, trí đều nặng nhưng phiền não tạp nhiễm ở nội tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh, vì vậy không được rốt ráo.

- **Chỉ có Phật dứt trừ phiền não, không còn Tập Khí.**

Chỉ có Như Lai dứt trừ tất cả phiền não về Lý Chương, Sự Chương cho đến Tập Khí không còn sót mảy may. Đây là ca tụng đoạn đức viên mãn của Phật.

- **Nói riêng về Tập Khí.**

- **Từ vô thỉ tập tánh phiền não đã có rất lâu.**

Vì sao gọi là Tập Khí hay Dư tập? Chính là từ xưa đến giờ, tập tánh phiền não đã ăn sâu quá lâu.

- **So sánh sự dứt trừ Tập Khí của các bậc thánh.**

- ***Nhị thừa có thể dứt trừ phiền não mà không thể dứt trừ Tập Khí.***

Các A la Hán đệ tử của Phật đã dứt trừ hết phiền não, nhưng Tập Khí vẫn còn sót lại. Vì vậy, mới có vị mắng chửi người, có vị vung tay múa chân (khi gặp sự cố vui quá hay giận quá), có vị khấn khấn kiến thức của mình.

- ***Chỉ có Phật mới dứt hết tập khí phiền não một cách hoàn toàn.***

Chỉ có Phật mới dứt hết hoàn toàn phiền não, Tập Khí. Đây là bậc thánh thanh tịnh nhất, trong sạch nhất.

- **Luận về Thượng Đế không phải là bậc thánh trong sạch.**

Tín đồ Cơ Đốc Giáo, khi nói đến Thượng Đế đều cho là bậc thánh thanh khiết. Kỳ thật, Ngài hành động hay im lặng đều nổi giận, giết người đến trăm ngàn vạn, cho đến dùng nước lũ (hồng thủy) nhận chìm trái đất, biết bao nhiêu con người, động vật đều vùi thây dưới dòng nước lạnh; ngạo

mạng, nông cuồng, hiếu sát vô cùng mà lại nói là bậc thanh khiết sao?

- **Chỉ có Phật đầy đủ ba Đức.**

Chúng ta tin tưởng, quy y Phật không phải là mê tín cũng không phải là cùng dòng họ với Phật.

Tín đồ Phật Giáo là ai viên mãn tất cả công đức thì chúng ta mới quy kính người ấy.

Thật sự viên mãn được tất cả công đức chỉ có Phật thôi, cho nên, chúng ta phải quy y Ngài, không quy y thiên thần của ngoại đạo.

- **Chư Phật đều bình đẳng, không khác nhau, vì chúng sanh mà thị hiện có khác nhau.**

- **Ba đức của chư Phật đều bình đẳng, rất ráo.**

Ba đức là Trí Đức, Ân Đức, Đoạn Đức mà, tất cả Phật đều bình đẳng, đều rất ráo, đều viên mãn, không có chút khác nhau.

- **Chỉ vì ứng hiện cho chúng sanh mà, có biểu thị muôn vàn khác nhau.**

Đối chiếu từ kinh điển:

Sắc thân của Phật có lớn nhỏ.

Thọ mạng của Phật có dài ngắn.

Quốc độ của Phật có tịnh uế.

Đệ tử của Phật có nhiều ít.

Chánh pháp trụ thế không giống nhau.

Nên biết rằng đây là phương tiện thị hiện của Phật nhằm thích ứng căn tánh của chúng sanh, mới có sự khác nhau như thế, chứ hoàn toàn công đức thật sự của Phật không hề khác nhau, chớ có mê lầm mà sanh tâm phân biệt! Hãy ca tụng công đức quý báu của Phật.

Ca tụng công đức của Pháp.

Ba ví dụ về Pháp Ân

丘井空聚落,	<i>Khâu tỉnh không tụ lạc,</i>
朽故寂無人,	<i>Hủ cố tịch vô nhân,</i>
彼岸林泉樂,	<i>Bỉ ngạn lâm tuyền lạc,</i>
禮法離欲尊.	<i>Lễ pháp ly dục tôn.</i>

Giếng hoang làng xóm vắng, Vô thường không bóng người
Bờ kia suối rừng vui, Lễ pháp Bạc Ly Dục.

- **Tuần tự lấy ba Pháp Ân để nói công đức của Pháp Bảo.**
 Đây là tán thán công đức của Pháp Bảo. Hai câu trên có hai thí dụ; cần giảng giải rõ như sau:

- **Chư hành vô thường:**

- *Giếng hoang (khâu tỉnh) là thí dụ.*

Có người rảo bước trên cánh đồng hoang, không chú ý, rớt xuống giếng hoang.

May mà, một tay nắm được cái dây khô mọc ven thành giếng nên chưa rơi xuống đáy.

Dưới đáy giếng có bốn con rắn độc, há miệng, lưỡi thò, chờ sẵn anh ta.

Một con chuột đang cắn sợi dây khô, không biết chừng nào đứt.

Ở trong tình cảnh nguy cấp này, người ấy ngược lên nhìn sợi dây thấy có một ong đang nhỏ xuống. Anh ta lè lưỡi liếm lấy, bèn quên hết cảnh nguy hiểm này!

Thậm chí, bầy ong bay quanh đốt anh ta; anh ta đang hưởng thụ mật ngọt, bỗng quên hết.

▪ ***Giảng rõ thí dụ.***

✓ Nói về khổ sở bức bách, mỏng manh của vô thường.

Đây là nói: chúng sanh ở trong cánh đồng hoang sanh tử đều do Nghiệp Lực Chiêu Cảm Của Thân Năm Uẩn này.

Sợi dây khô chỉ cho mạng căn.

Con chuột đang gặm nhấm sợi dây khô, giống như sự bức bách của vô thường. Một hơi thở, một hơi thở tiếp nối đi qua là trở thành quá khứ và mạng căn sẽ giảm dần, ngắn dần.

Bất luận là giếng hoang, dây khô, chuột gặm đều là thí dụ về cái khổ bức bách của vô thường, cho nên nói là hủ cố (nguyên nhân, lý do dẫn đến mục rỗng).

Bốn con rắn là thí dụ bốn đại: Bốn đại không điều hoà sẽ đưa đến bệnh hoạn cho đến chết như vết thương do rắn độc cắn.

✓ Vì dục lạc mà thờ ơ với cái khổ to lớn về sanh tử.

Mật ong ví như năm dục khoái lạc. Con người ở trong khổ bức bách của sống chết vô thường, hưởng thụ được chút ít Dục Lạc, liền quên bẵng; không còn quan tâm đến bầy ong đến đót, cũng như không quan tâm đến cái Quả Khổ của năm dục đem đến. Cái khổ lớn nhất là sống, chết, thế mà, chưa đủ làm cho chúng sanh cảnh giác, thì quả thật cực ngu!

○ Các pháp không có ngã

▪ ***Thí dụ thôn xóm vắng hoe***

Thôn xóm vắng hoe là thôn xóm không có người ở, cho nên nói là tịch vô nhân.

Có người muốn trốn chạy hình phạt của quốc vương, trên đường đi, đến một thôn xóm không có người ở. Anh ta muốn ở đó một đêm, rồi sẽ đi tiếp. Bỗng nghe tiếng người nói: Đi đi! Đó là tiếng kẻ ăn trộm đến ở vùng này. Nếu gặp phải kẻ trộm, e rằng sẽ tán thân mất mạng chằng!

▪ ***Giảng rõ thí dụ.***

- ✓ Từ cửa sáu căn không có ngã (thật) khởi lên thức Hữu Lâu rồi đọa lạc.

Điều này nói rằng có người muốn thoát ly sự khống chế của ma vương, tu học Phật Pháp; có người thất bại ngay ở cửa của sáu căn.

Thôn xóm vắng tênh giống như sáu căn. Sáu căn: Kiến, Văn, Giác, Tri (Cái mà nhãn thức chứng thực là Kiến; cái mà nhĩ thức chứng thực là Văn; cái mà Tỷ, Thiệt, Thân chứng được là Giác; cái mà ý thức chứng thực là Tri). Thông thường cho đó là có cái tự ngã ở trong nhưng thật ra không có tự ngã (không có cái gọi là người) có thể được. Đây là sáu căn không có ngã. Xúc đối với cảnh giới sáu trần phát khởi sẵn thức hữu lậu giống như đạo tặc.

Sáu thức chu du sáu căn không nên khởi lên tham lam, sân hận, vô vàn phiền não cướp mất công đức, pháp tài. Vì lý do này mà chúng sanh rơi xuống đường ác.

- ✓ Tóm lại, nguyên nhân muốn ra khỏi ba cõi do ma vương thống trị, người tu học Phật pháp, cốt là không nên để cho sáu căn lừa gạt mà nên hướng thẳng về phía trước để đến được cảnh giới an toàn.

- ***Niết bàn vắng lặng.***

- ✓ Thí dụ: suối rừng ở bờ bên kia.

Trên đã nói đến cuộc chạy trốn một cách khó khăn, là bỏ xóm làng vắng tênh mà đạo tặc lại tới; để đi thẳng đến biên thùy của một quốc gia, lại bị một con sông lớn chặn bước chân; nhưng bị người rượt theo bắt lại. Khi sắp sửa đuổi kịp, lúc ấy ông ta thấy từ xa bờ của con sông lớn mà không thuộc lãnh thổ của quốc vương mà lại có rừng xanh, suối chảy bao quanh nên càng an toàn, khoái lạc. Ông ta không để ý gì nữa, bèn bơi qua sông lớn. Đây mới là cuộc thoát ly sự lo sợ của tử thần, mới thật là nghỉ ngơi khả dĩ.

- ✓ Niết bàn Bờ Bên Kia mới thật là sự an vui, vắng lặng chân chánh.

Thí dụ này nói rằng người học Phật chớ để sai lầm của sáu căn lừa gạt mà phải vượt qua con sông lớn sống chết. Đây mới là ra khỏi cảnh giới của ma vương, đến bờ bên kia là Niết Bàn, mới có thể hưởng thụ được niềm vui vắng lặng của bất sanh bất diệt, mới đến được cảnh giới an nhàn hoàn toàn.

- **Giảng rõ về Niết Bàn.**

- ***Niết Bàn cảnh giới rốt ráo của tất cả các bậc thánh.***

Từ “*Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã*”, cho đến “*Niết Bàn tịch tịnh*”. Đây là Tam Pháp Ấn là ba chân lý chủ

yếu của Phật pháp. Nhưng Niết Bàn lại thông qua Vô Thường, Vô Ngã mà thật hiện, là chỗ trở về rốt ráo của tất cả bậc thánh. Đây chính là Pháp Bảo mà chúng ta cần quy y kính lễ.

○ **Niết Bàn được kính trọng hơn hết trong tất cả pháp ly Dục.**

Nếu thế tục tu tập thiên định cũng có thể ra khỏi phiền não một phần nào đó. Thì đó là Dục. Nhưng bậc Tam Thừa, do Trí Huệ chứng được Niết Bàn mới là xa lìa Dục một cách rốt ráo. Ở trong tất cả pháp, xa lìa Dục thì Niết Bàn là vô cùng tôn kính và hơn hết, cho nên gọi là Ly Dục Tôn.

Nương đạo đi vào Niết Bàn.

正法妙難思,	<i>Chánh pháp diệu nan tư,</i>
善淨常安樂,	<i>Thiện, Tịnh thường an lạc,</i>
依古仙人道,	<i>Y cổ tiên nhân đạo,</i>
能入於涅槃.	<i>Năng nhập u Niết Bàn.</i>

*Chánh pháp vi diệu khó nghĩ suy,
Thiện, Tịnh luôn luôn được an lạc,
Dựa vào đạo của các bậc Tiên Nhân xưa,
Có thể tu chứng vào Niết Bàn.*

• **Tóm tắt thẳng đức Niết Bàn.**

○ **Niết bàn là nơi trở về, là cảnh giới Tự chứng.**

Niết Bàn là nơi quy y của tất cả các bậc Thánh, của tất cả người học Phật. Vì trình độ chứng ngộ, thể nhập Niết Bàn không giống nhau nên có Hữu Dư Niết Bàn, Vô Dư Niết Bàn, Đại Bát Niết Bàn... khác nhau. Thật ra, Niết Bàn chính là Chánh Pháp. Chánh Pháp là cảnh giới tự chứng vi diệu, khó nghĩ bàn, cho nên nói: 如人飲水, 冷暖自知 Như người uống nước; nóng, lạnh tự biết.

○ **Nói rõ bốn đức của Chánh Pháp: Thiện, Tịnh, Thường, Lạc.**

Chánh Pháp là Thiện, đây là tuyệt đối hoàn thiện với ý nghĩa vượt trội.

Tịnh: vì Chánh Pháp không bị ô uế bởi tạp nhiễm của phiền não, cũng không bị duyên khởi bởi phiền não tạp nhiễm, cho nên gọi là Thanh Tịnh (trong veo).

Thường: Chánh pháp siêu việt tánh chất của thời gian, bất sanh bất diệt, xưa nay như thế.

An lạc: Đó là không còn sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ não; đó là trạng thái an lạc tuyệt đối, lìa xa mọi ràng buộc.

Tóm lại, chánh pháp không thể nghĩ bàn, công đức cũng bất khả tư nghì.

● **Nương con đường xưa đi vào Niết Bàn**

○ **Chánh pháp chính là Niết Bàn**

Dựa vào cảnh giới trí huệ mà gọi là Chánh Pháp.

Như nói từ trí huệ mà chứng nhập Chánh Pháp, ấy là được tự do chân chánh nên gọi là Niết Bàn, vì vậy, Chánh Pháp chính là Niết Bàn.

○ **Theo đường cổ tiên nhân thì có thể vào Niết Bàn**

Chỉ cần đi theo con đường chân chánh của chư Phật, đại tiên nhân thời quá khứ thì có thể chứng nhập vào Niết Bàn giải thoát. Nói con đường cổ tiên nhân đi, kinh A Hàm và kinh Lăng Già...đều có đề cập đến.

Bởi vì Chánh pháp, từ xưa đến nay, là như thế, là con đường chân chánh tu hành có thể vào Niết Bàn, cũng là xưa nay như thế.

Tất cả chư Phật ở quá khứ, không có vị nào không đi qua con đường chân chánh này mà vào được Niết Bàn. Đây không phải là con đườngdo Phật Thích Ca tạo ra, mà là con đường đã có sẵn của chư vị cổ Phật, cho nên gọi là Cổ đạo (con đường đã có lâu rồi). Trên là ca tụng công đức của Pháp Bảo.

Ca tụng công đức Tăng Già.

Bản chất Tăng Già

依法以攝僧, *Y Pháp dĩ nhiếp Tăng,*
 和樂淨為本, *Hoà, Lạc, Tịnh vi bản,*
 事和或理和, *Sự hoà hoặc Lý hoà,*
 禮僧眾中尊. *Lễ Tăng chúng Trung Tôn.*

*Dựa vào pháp nhiếp trì Tăng, Lấy Hoà, Lạc, Tịnh làm gốc,
 Thấy rõ Sự và Lý, Kính lễ Tăng chúng là Trung Tôn.*

• **Nguyên tắc nhiếp trì Tăng.**

○ **Ý nghĩa Tăng Già.**

Phật Thích Ca thành Phật, thuyết pháp, có nhiều đệ tử xuất gia. Vì vậy, Phật tổ chức Tăng Già hay gọi tắt là Tăng. Tăng là một nhóm người, là một đoàn thể có tổ chức, có kỷ luật, cho nên dịch là Hoà Hợp Tăng.

○ **Dựa pháp nhiếp trì Tăng.**

Phật dựa vào cái gì để tập hợp tăng chúng? Không phải là dựa vào tài năng của mình, cho nên, Phật nói “*Ta không nhiếp thọ chúng*”.

Phật dựa vào Pháp nhiếp trì người khác, khiến họ thành Tăng Già.

- ***Pháp là con đường chân chánh của đời người, là Niết Bàn cứu cánh.***

Phật dùng Pháp này chiêu cảm mọi người, để mọi người vì đại sự nhân sanh mà tập hợp lại để nương tựa vào nhau.

- *Pháp là chế độ có luật pháp, quy chế của chánh đạo, thích hợp với đời sống của con người, có quy tắc của chánh đạo.*

Phật dựa vào pháp tất hoàn toàn đúng đắn, tốt đẹp của nơi chốn trụ xứ giữa cá nhân và tha nhân, thiết chế quy luật, tổ chức cho mọi người.

• **Đặc sắc quy chế giới luật của Tăng đoàn**

Dựa vào Pháp mà tổ chức Tăng chúng, dùng ba đặc sắc:

Hoà, Lạc, Tịnh làm căn bản

○ Hoà hợp:

Hoà hợp có hai: Sự hoà và Lý hoà.

Sự hoà có sáu gọi là **Lục Hoà**.

Thực chất của Tăng Đoàn có ba hoà: **Kiến, Giới, Lợi**.

Kiến Hoà Đồng Giải: Về Kiến Giải, đại chúng đi đến nhất trí với nhau. Đây là Tư Tưởng thống nhất.

Gới Hoà Đồng Tôn: Về Giới Luật, đại chúng phụng hành như nhau. Đây là quy chế chung.

Lợi Hoà Đồng Quân: Về mọi thọ dụng cho đời sống của đại chúng đều giống nhau. Đây là sự công bằng về kinh tế.

Sự hoà đồng về Tư Tưởng, Quy Chế, Kinh Tế là thực chất của Tăng Đoàn Phật Giáo.

Ba biểu hiện của Thân, Tâm: **Thân, Ngũ, Ý** hoà hợp.

Đời sống biểu hiện của Thân, Tâm dưới một hình thức nhất định. Đó là Thân hoà cộng trụ; Ngũ hoà vô tránh; Ý hoà đồng duyệt.

Lục hoà này, Tăng chúng xuất gia phải nhất trí phụng hành.

Lý hoà là **cùng chứng Niết Bàn**.

Nếu chỉ có sự hoà là Phạm Tăng; Lý Hoà nữa mới là Thắng Nghĩa Tăng.

Chỉ vì, Phật Thích Ca ở đời ác năm trược này mới dựa vào Pháp thu phục Tăng để trở thành lực lượng trung tâm của Phật giáo trụ trì, vì vậy sự hoà được đề cao.

An Lạc.

Trong đoàn thể Tăng chúng cốt ở tại Sự Hoà hay Lý Hoà thì thân tâm của chúng mới an lạc, mới siêng năng tu hành.

Thanh tịnh.

Ở trong Tăng đoàn hoà đồng, vui vẻ, giúp nhau cố gắng, nhắc nhở; nếu có phạm giới cũng mau chóng sám hối cho trong sạch; Tăng đoàn, nhờ vậy, giữ được vững chắc hoàn

toàn. Phật dạy chư Tăng luôn nhớ gìn giữ Tăng Đoàn hoàn hảo.

○ **Tăng đoàn Phật Giáo là đáng tôn trọng nhất.**

- ***Tăng sỹ là bậc trong thì tu tập theo lời Phật dạy, ngoài thì hoằng dương Phật pháp.***

Dựa vào tự tu đạt được thân, tâm thanh tịnh mà nói thì Tăng Đoàn khiến cho chúng ta có được nhân duyên thù thắng để được an lạc và thanh tịnh. Đây là cái lò lớn hun đúc nên bậc Hiền, Thánh.

Dựa vào lợi tha bằng cách hoằng dương pháp Phật mà nói, thì Tăng Đoàn là lực lượng tập thể để giữ vững và thúc đẩy Phật Pháp tiến lên.

- ***Tăng đoàn Phật Giáo là đoàn thể rất đáng tôn kính.***

Tăng già là một trong ba ngôi báu. Đệ tử của Phật nên nương tựa, tôn kính, lễ bái Tăng Già.

Đoàn Thể tôn giáo, không riêng Phật Giáo, như ở Ấn Độ có đoàn thể Sa Môn Lục Sư đều có tăng chúng, nhưng trong chúng tăng của mỗi tôn giáo, thì Tăng Già phụng hành Phật Pháp là đáng tôn kính nhất, cho nên, gọi là Chúng Trung Tôn.

○ **Sáu lý do Phật chế giới luật làm pháp tắc để nhiếp phục**

Tăng Già:

- ***Động cơ.***

1. Hoà hợp: thu phục, nuôi dưỡng Tăng.
2. An lạc: khiến cho Tăng an lạc.
3. Thanh tịnh: Làm người không biết xấu hổ, cảm phục; người có tâm quý được an ổn, vững vàng.

▪ **Mục đích:**

4. Ngoại hoá: Người không tin Tam Bảo, phát tâm tin; người có chánh tin lợi ích được tăng trưởng.
5. Nội chứng: Ở trong pháp hiện tại mà chứng được Trí Lộ Tận; chưa sanh phiền não, làm cho không sanh (vô sanh Trí: Trí làm cho phiền não không sanh).

▪ **Mục đích cuối cùng.**

6. Lý tưởng cứu cánh: Chánh pháp trụ thế lâu dài

Công năng của Tăng già:

敬 僧 莫 呵 僧,	<i>Kính Tăng mạc ha Tăng,</i>
亦 莫 衡 量 僧,	<i>Diệc mạc hoành lượng Tăng,</i>
隨 佛 修 行 者,	<i>Tùng Phật tu hành giả,</i>
住 持 正 法 城.	<i>Trụ trì Chánh Pháp thành.</i>

Kính Tăng chớ mắng Tăng,	Cũng chớ so sánh Tăng,
Bậc theo Phật tu hành,	Là thành bảo hộ chánh pháp.

- **Đặc biệt, thái độ Phật tử tại gia khi nói chuyện với chư Tăng.**

Tăng bảo là đối tượng quy y của Phật tử tại gia, vì vậy, nói bài tụng này dành riêng cho tín đồ tại gia.

○ **Cung kính chư Tăng, chớ có nặng lời.**

▪ ***Cung kính chư Tăng.***

- ✓ **Nên bằng tam nghiệp kính lễ, tứ sự cúng dường Chư Tăng.**

Tín đồ tại gia phải tôn kính Chư Tăng bằng tâm thành, bằng ngôn ngữ lễ phép, bằng thân lễ bái.

Vâng lệnh theo ý tứ của Chư Tăng, phục vụ cho các vị Tỷ Kheo, tùy theo nhu yếu của chư Tăng như: y phục, ẩm thực, thuốc men, giường chiếu, các loại cúng dường cần thiết từng ngày.

- ✓ **Cung kính với chư Tăng, công đức khó có được.**

Đối với chư Tăng, quan trọng nhất là không sanh tâm khinh mạn. Phật tử hiện đại, tâm tin kính Phật, Pháp vẫn còn, nhưng tin kính chư Tăng thì giảm nhiều. Hoặc là chỉ tin kính thầy mình quy y hay kính một vài vị mà thôi. Như thế là quy kính Tam Bảo không đầy đủ, khó lắm, công đức đối với Phật, Pháp ít có; không dễ sanh trưởng được.

▪ ***Chớ nặng lời với chư Tăng.***

- ✓ **Việc của Tăng do Tăng giải quyết.**

Tăng chúng nhiều như thế, đương nhiên, có thánh Tăng, có phạm Tăng có giữ giới trong sạch, có phạm giới bất tịnh. Đệ tử tại gia chúng ta, nếu thấy có vị không thanh tịnh, không đúng pháp, cũng nên chấp nhận; đây là công việc của người xuất gia để cho Tăng Đoàn căn cứ vào giới luật xử lý, chớ có tùy tiện huỷ báng toàn thể Tăng Đoàn, hay một, vài vị. Tín đồ phải thật lòng hộ pháp, có thể đề xuất ý kiến lên tăng đoàn để xử lý.

✓ Theo lời Phật dạy, chớ gây tội ác.

Dựa vào lời Phật dạy thì không xảy ra những việc đã nói, đưa đến phạm tội. Quốc pháp cũng không thể tùy tiện xử phạt.

○ *Chớ so sánh, chi ly với Chư Tăng.*

▪ *Đối với Chư Tăng không nên phân biệt mà tất cả đều bao dung.*

Đã là một vị xuất gia thì trở thành một thành viên của Tăng Đoàn, chớ có phân biệt nhiều về: Tuổi tác; nam nữ; trình độ học vấn; siêng năng hay lười biếng; giữ giới hay phạm giới; cùng quê hay khác quê.

Đã là thành viên của Tăng Đoàn đều phải tôn trọng, cung kính và bố thí. Vì Tăng Đoàn giống như biển cả dung chứa tất cả, từ thấp nhất đến cao nhất.

- ***Chớ lấy điều mình không thích mà hoạch hoẹ Tăng Đoàn.***

Nhưng trong đời có nhiều hạng người hoặc trọng trì giới hoặc trọng thiên định hoặc trọng tụng niệm hoặc trọng oai nghi hoặc trọng học hỏi nghĩa lý. Do đây, nảy sanh phân biệt, sai lầm, rồi nói tốt, nói xấu; người này hơn, người kia kém; ủng hộ người này, phản đối người kia. Tín đồ chúng ta chớ có bằng tâm bất bình đẳng mà hoạch hoẹ Tăng Đoàn.

- ***Công đức của Tăng chúng không thể lấy già, trẻ làm chuẩn mực để so sánh.***

Công đức của Tăng chúng không thể có nhận thức như nhau. Đa số coi trọng tuổi cao, xem thường tuổi trẻ. Đâu biết rằng “*Tuổi trẻ tài cao*”. Ngược lại, có vị lụm khụm, da nhăn tóc bạc; sáu căn quờ quạng; ham muốn thọ dụng nhiều mà khả năng hoằng dương chánh pháp chẳng bao nhiêu thì, đâu có gì hệ trọng đối với công đức của Phật Pháp.

- **Sứ mệnh của Tăng Đoàn**

- ***Từ trước đến giờ, tiếp nối giữ gìn Phật Pháp là Tăng Đoàn.***

- ***Tuy có khác nhau nhưng điều là những người theo Phật tu hành.***

Tín đồ đối với chư Tăng nên tôn trọng, tin tưởng. Đã là xuất gia thì thuộc về Tăng Đoàn, tuy trình độ rất khác nhau nhưng đều là người theo Phật tu hành.

▪ ***Nhân duyên của chúng xuất gia để giữ gìn Ba Ngôi Báu.***

Chỉ vì có chúng xuất gia mới có tự, viện; mới có tượng Phật, mới có kinh sách; mới có ba ngôi báu đáng tôn kính. Từ trước đến giờ, Phật, Pháp đều do Tăng Đoàn tiếp nối.

▪ ***Tăng chúng tuy có khác nhau, nhưng đều là nhân tố giữ gìn Chánh Pháp.***

Nguyên nhân đưa đến phân biệt là vì sự khác nhau, không sao tránh khỏi, là trong hàng Tăng chúng có cao, thấp; hơn, kém; phạm thánh nhưng nói chung, tất cả sức mạnh của Tăng Đoàn đều giữ gìn Chánh pháp của Như Lai, kiên cố như thành đồng vách sắt, ngăn chặn thiên ma, ngoại đạo phá hoại.

○ ***Chư Tăng là phước điền của trời, người nên kính mến và cùng nhau hợp lực giúp đỡ.***

Nhiều người hiểu ra rằng chính mình có lòng tin tưởng đầu tiên đối với Phật Pháp hay có sự hứng thú đầu tiên, không nhất định đều là bậc hiền, thánh đâu! Lý do nói rằng Tỳ Khưu phá giới mà vẫn mặc áo cà sa, vẫn là ruộng phước của trời người. Lòng chân thành của tín đồ tại gia là phải tôn kính

đặc biệt Tăng Đoàn; phải ái mộ, giúp đỡ Tăng Đoàn; phải yểm trợ sự hoà hợp, an lạc; thanh tịnh cho Tăng Đoàn: nhất thiết không được nói xấu, trách móc hay dùng quyền lực tạo nên tranh chấp trong Tăng Đoàn.

○ **Thái độ của Phật đối với Chúng Tăng có thể làm lời răn dạy cho chúng tại gia.**

Khi Phật còn tại thế, Tăng già đã phát sanh tranh chấp, Phật luôn luôn không chấp nhận: chia Tăng đoàn hai bộ (Thượng Toạ độ, Đại Chúng bộ). Đối với tín đồ, Phật nói: Đây đều là Tăng thì đều nên cúng dường. Bởi vì: 如破金杖為二分, 二俱是金: Nếu bẻ cây trượng bằng vàng thành hai phần, thì hai phần ấy đều là vàng (Tứ Phần Luật, quyển 43). Đây là lời dạy của Phật cho Phật tử tại gia luôn luôn canh cánh bên mình: luôn nhớ ca tụng công đức Tăng Bảo

b. Phân chia Tam Bảo.

三寶真實德,	<i>Tam Bảo chân thật đức,</i>
無漏性清淨,	<i>Vô lậu tánh thanh tịnh,</i>
化世真亦俗,	<i>Hoá thế chân diệc tục,</i>
佛法得長存.	<i>Phật pháp đắc trường tồn.</i>

Đức chân thật của Tam Bảo, Tánh vô lậu trong veo,

Dạy đời cả Chân và Tục, Phật pháp được dài lâu.

- **Tam Bảo thể tục.**

- **Trụ trì Tam Bảo.**

Tam Bảo là đối tượng chúng ta quy y. Trong tất cả tôn giáo đều có giáo chủ, giáo lý, tín đồ. Tam bảo thì vô cùng viên mãn thanh tịnh. Nhưng tượng Phật và Tăng chúng thì không phù hợp với ý nghĩa như thế đâu! Đây là điều nên biết: Như Phật giáo hiện tại.

- ***Nội dung của Trụ Trì Tam Bảo.***

Tượng Phật hoặc bằng ngọc, vàng, đá, đồng, gỗ, giấy; Pháp là tam tạng kinh điển hoặc ý nghĩa được giảng giải của các bậc cổ đức xưa nay; Tăng là chúng xuất gia.

- ***Dựa vào trụ trì Tam Bảo để hướng về chân thật Tam Bảo.***

Khi gọi là trụ trì Tam Bảo, sau khi Phật diệt độ, Tam Bảo là Phật giáo lưu truyền ở thế gian. Dựa vào đây mà quy hướng đến Tam Bảo chân thật.

- **Hoá tướng Tam Bảo.**

- ***Nội dung hoá tướng Tam Bảo.***

Giống như Phật Thích Ca ra đời, Phật Thích Ca là Phật Bảo.

Phật khai thị giáo thuyết: Tứ Đế, Duyên Khởi, Niết Bàn...
là Pháp Bảo.

Phàm chúng, Thánh chúng theo Phật xuất gia là Tăng Bảo.

- ***Dựa vào hoá tướng Tam Bảo để hướng về tất cả Tam Bảo ở mười phương.***

Hoá tướng Tam Bảo này là khi Phật xuất hiện giáo hoá thế gian, dùng ba tướng này làm Tam Bảo. Dựa vào đây mà quy hướng tất cả Phật, Chánh pháp, tất cả hiền thánh Tăng trong mười phương mà cung kính, cúng dường.

- **Tóm lại**, Tam Bảo hoá tướng và Tam Bảo trụ trì là hình tướng cụ thể Phật Giáo ở thế gian. Lấy đây làm đối tượng quy y, theo đó, càng đi vào sâu hơn trên đường tu tập để đến Chân Thật Tam Bảo.

• Tam Bảo chân thật

- **Tam Bảo chân thật, có hai:**

- ***Tam Bảo vô lậu:***

- ✓ **Phật Bảo vô lậu:** Phật trí là công đức vô lậu của Phật.

Dựa vào Thanh Văn Thừa mà nói thì Phật có năm phần pháp thân: **Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến**. Dựa vào Đại Thừa mà nói thì Phật đủ bốn trí

vô lượng, tất cả công đức vô lậu được thu nhiếp vào Bồ Đề.

✓ Pháp Bảo Niết Bàn: Chánh Pháp hoặc Niết Bàn là Pháp Bảo.

✓ Tăng Bảo Vô Lậu: Tăng Bảo là công đức vô lậu của bậc hữu học, vô học. Dựa vào Thanh Văn Thừa mà nói thì công đức vô lậu của bậc Tứ Song, Bát Bối. Dựa vào Đại Thừa nói thì công đức vô lậu của Bồ Tát gồm cả Thanh Văn, Bích Chi Phật.

▪ ***Tam Bảo Thanh Tịnh***. Theo giáo lý Đại Thừa mà nói:

✓ Phật Bảo là Viên Mãn Thanh Tịnh Pháp Giới; là hiển lộ Pháp Giới Thanh Tịnh viên mãn tột cùng (bao gồm Cả Thể, Tướng, Nghiệp dụng).

✓ Tăng Bảo là phần nhỏ của pháp giới thanh tịnh; là pháp giới thanh tịnh hiển lộ được phần nhỏ.

✓ Pháp Bảo là pháp giới không tăng, giảm, không phân biệt làm hai, là pháp giới khắp mười phương mà không tăng, không giảm; không hai không khác (còn gọi là Chân Như, Thật Tướng...).

Thường gọi là Nhất Thể Tam Bảo, Lý Thể Tam Bảo, Thường Trụ Tam Bảo; ý nghĩa như nhau, tên gọi khác thôi.

○ **Tam Bảo chân thật thì Tánh Tịnh, vô lậu:**

▪ **Ý nghĩa vô tận:** Đề gọi là công đức chân thật Tam Bảo thì phải vô lậu; thì phải không cùng tương ứng với phiền não, tạp nhiễm; cũng không duyên khởi bởi phiền não, tạp nhiễm.

▪ **Ý nghĩa tánh tịnh:** Tánh thanh tịnh.

Công đức hữu vi của vô lậu gọi là Thanh Tịnh.

Công đức vô vi, không những thanh tịnh lìa xa cấu nhiễm mà, ở trong tạp nhiễm, cũng vẫn có Bản Tánh Thanh Tịnh.

▪ **Nơi chân thật quy y là Vô Lậu Tánh Tịnh.**

Tam bảo vô lậu tánh tịnh mới là nơi chân chánh quy y.

● **Nương tựa hướng về chân.**

○ **Phương pháp học tập là nương Trụ Trì Tam Bảo hướng về Chân Thật Tam Bảo.**

Chỉ vì, theo Phật pháp dạy bảo, hướng dẫn thế gian, đem lại lợi ích cho chúng sanh mà nói không chỉ nên quy y công đức chân thật Tam Bảo mà cũng nên quy kính sự tướng trụ trì Tam Bảo của thế tục (Phật xuất hiện ở đời là Tam Bảo hiện tướng giáo hoá chúng sanh).

Bởi vì, chỉ quy y thế tục Tam Bảo thì không sao tránh khỏi hình thức sùng bái. Nhưng chỉ tôn trọng Tam Bảo thẳng

nghĩa, chân thật thì cũng không thể tránh khỏi ý nghĩa cao sâu mà, phần đông khó thấu hiểu được.

Sở dĩ phải quy y hiện thật Tam Bảo trụ trì là vì, nhờ đây mà, hướng thẳng đến Tam Bảo chân thật. Phật giáo trọng thị Tượng Giáo (giáo lý được biểu thị qua hình tượng cụ thể).

Lý do của nó là ở đây.

○ **Sự, Lý vô ngại thì Phật pháp mới trường tồn.**

Trụ trì Tam Bảo là biểu tượng, nhờ đây, mà công đức chân thật Tam Bảo mới hiển lộ. Từ đây mới có thể thâm nhập từ cạn vào sâu giáo pháp của Phật Đà: Sự, Lý vô ngại Pháp Phật mới lâu dài, mới là nơi cứu khổ, gia hộ, là nơi làm thành ruộng phước cho tất cả chúng sanh.

1.3. Nghi thức quy y

1.3.1. Nghi thức

自 誓 盡 形 壽,

Tự thệ tận hình thọ,

歸 依 佛 法 僧,

Quy y Phật Pháp Tăng,

至 心 修 供 養,

Chí Tâm tu cúng dường,

時 念 諸 勝 利.

Thời niệm chư thắng lợi.

Tự thệ hết đời này,

Quy y Phật, Pháp, Tăng,

Chí tâm tu, cúng dường,

Luôn nhớ tám công đức.

- **Quá trình nghi thức thọ Tam Quy.**

- **Tinh tâm sám hối.**

Tam bảo Phật, Pháp, Tăng hoàn toàn thanh tịnh, đầy đủ công đức, cho nên, là nơi chân chánh quy y.

Thọ quy y, trước hết, cần cầu sám hối, sanh tâm cung kính, thanh tịnh.

- **Tự nói lời thề nguyện.**

Quy trước mặt Bốn Sư, theo lời thầy dạy, tự mình phát lời thề nguyện rằng:

Con là đệ tử (*tên họ*) suốt đời xin quy y Phật, bậc Lương Túc Tôn.

Trọn đời quy y Pháp, bậc Ly Dục Tôn.

Trọn đời quy y Tăng, Bậc Chúng Trung Tôn (*3lần*)

Xin đại đức ghi nhớ cho, từ bi hộ niệm, con là ưu bà tắc (*ô ba sách ca*) họ tên, suốt đời hộ trì Tam Bảo và xin được gia hộ.

Con đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi; quy y Tăng rồi (*3lần*) (dựa kinh Đại Danh và Luật thuyết).

- Trọn cả một đời.

Đã phát nguyện thọ trì Tam Bảo, đâu còn e ngại hai đầu sanh, tử, cũng không thể nào giữa đường hối tiếc. Đó là nói vậy thôi, cũng không thể nói: Tôi không tin Tam Bảo hay nói

tôi không phải là đệ tử của Tam Bảo. Nếu quy y rồi lại buông bỏ thì, đời đời kiếp kiếp, chịu khổ vô cùng. Vì vậy phải nhớ kỹ Thệ nguyện: “*quy y Tam Bảo suốt đời*”

- **Phương thức cúng dường Tam Bảo.**

- **Cúng dường bằng tâm thái: Chí thành, tôn kính.**

Đã quy y Tam Bảo, tu tập và cúng dường phải bằng tâm chí thành. Khi đối trước tượng Phật (tháp Phật), kinh điển, Tăng chúng phải cực kỳ trang nghiêm, thanh tịnh, không được xem thường mà phải sanh tâm tôn kính.

- **Nội dung Cúng Dường:**

Cúng dường Phật như lễ bái, ca tụng, đi nhiễu; hương, hoa, âm nhạc, đèn, cờ, phướn, bảo cái... tất cả đều thật trang nghiêm.

Cúng dường Pháp như viết kinh, in kinh, sửa sang kinh điển hư cũ; lấy hương, hoa cúng dường.

Cúng dường Tăng như y phục, ẩm thực, toạ cụ, thuốc thang, vật dụng hằng ngày, chớ cúng dường vật phẩm không đúng quy định trong giới luật của Phật chế.

- **Cúng dường cao nhất là làm đúng lời Phật dạy.**

Cúng dường cao nhất, không phải là rập khuôn theo giáo pháp của Như Lai mà phải theo lời chỉ đạo của chúng tăng để phụng hành thiết thật nhất.

- **Tu tập để thành tựu tín tâm.**

- **Tu hành sáu thời mỗi ngày đêm.**

Phật giáo đồ ở nước ta đều tu theo hai thời khoá tụng sáng, chiều, thời gian khá dài. Tín đồ tại gia bận nhiều việc, có ít nhiều không thích hợp. Tốt nhất, theo cách của Ấn Độ tu hành sáu thời: Ngày ba, đêm ba.

- **Luôn nhớ công đức của Tam Bảo.**

Khi đã quy y Tam Bảo, cần phải luôn luôn nhớ đến công đức vượt trội của Tam Bảo, như: Thành đệ tử của Phật; Giới luật đã thọ; Nghiệp chướng giảm nhẹ; phước đức có được thêm nhiều; không đi theo đường ác; Người và phi nhân đều không thể quấy phá; Tất cả việc tốt đều thành công; Thành được Phật đạo.

Nếu luôn luôn nhớ đến vô số công đức Tam Bảo mà tu tập thì, đối với việc tu học Phật đạo, tín tâm thành tựu, mà còn có được công đức hy hữu. Đó không phải là việc dễ gì có được.

1.3.2. Công đức:

此 歸 依 最 尊, *Thử quy y tối tôn,*

此 歸 依 最 勝, *Thử quy y tối thắng.*

不 由 餘 歸 依, *Bất do dư quy y,*

得 樂 得 安 隱. *Đắc lạc đắc an ổn.*

*Quy y này tôn kính nhất, Quy y này vượt trội nhất.
Không còn quy y nào khác, Được vui và an ổn.*

- **Ca tụng Tam Bảo.**

Như trên đã nói: Trong tất cả quy y, thì quy y Tam Bảo là tối tôn, tối thắng. Nếu chân thành cầu quy y, đương nhiên, phi quy y Tam Bảo Phật giáo, là không thể.

- **Biện biệt quy y.**

- *Tôn giáo khác không cứu cánh, không phải là chỗ để quy y.*

Không cần phân biệt tà, chánh; có phải là quy y bất cứ tôn giáo nào cũng như nhau! Giáo chủ, Giáo pháp, Giáo đồ của những tôn giáo khác, xa lìa ô nhiễm không rốt ráo, công đức không đầy đủ; tự cứu còn không được thì làm sao có thể là chỗ để người khác trở về nương tựa (quy y).

- *Quy y tôn giáo khác không thể có được an vui vĩnh viễn.*

Vì thế, nếu quy y ngoại đạo, chắc chắn cũng không vì lý do nào khác để quy y mà có thể có được công đức an lạc hữu vi, có được an ổn vô vi.

An ổn là chỉ Niết Bàn thường lạc rốt ráo.

1.4. Thể tánh của Quy y.

所說歸依者, *Sở thuyết quy y giả,*

信願以為體, *Tín nguyện dĩ vi thể,*
 歸彼及向彼, *Quy bỉ cập hướng bỉ,*
 依彼得救濟. *Y bỉ đắc cứu tế.*

Ý nghĩa của quy y, Lấy Tín, Nguyện làm thể.
 Trở về, hướng theo đó, Nương đó được cứu tế.

• **Quy y lấy Tín, Nguyện làm Thể.**

Yêu cầu, đối tượng, nghi thức của quy y đều đã nói qua.

Nhưng ý nghĩa (sở thuyết) của quy y, rốt cuộc là gì?

○ **Tín sâu công đức của Tam Bảo:**

Khẩn cầu Tam Bảo gia trì.

Tha thiết tín thuận. Tin rằng đã có được chỗ quy y chân xác. Đúng là nhân này sẽ sanh ra vô vàn công đức. Biết rằng công đức của Tam Bảo như thế mới lập nguyện trở thành đệ tử của Phật rồi tín thọ phụng hành; khẩn cầu oai đức Tam Bảo gia trì, nhiếp thọ. Quy y chính là lấy **tâm tín nguyện này làm thể tánh.**

○ **Đem cả thân, tâm này thuộc về Tam Bảo; chứ không phải thiên ma, ngoại đạo.**

Lý do khi đã quy y rồi thì đem cả chính tâm, thân mình thuộc về Tam Bảo mà không thuộc về thiên ma, ngoại đạo nữa. Lúc nào, ở đâu cũng đều hướng về Tam Bảo, tâm không bao giờ xao lãng.

- **Tâm trạng quy y khẩn thiết như đứa bé lạc đường tìm được mẹ.**

Ví dụ như đứa bé lạc đường bơ vơ đứng ở ngã tư đường, xe cộ dập dìu, mỗi lúc càng lo sợ vì nguy hiểm khó lường. Ngay lúc ấy, bỗng gặp được mẹ ngay trước mặt; được mẹ che chở; bình an và ôm vào lòng thương yêu. Tâm trạng quy y Tam Bảo cũng như thế.

- **Chân thành, thiết tha, tín thuận thì được Tam Bảo cứu giúp.**

Nếu được như thế, nương tựa vào oai đức Tam Bảo thì có được sự cứu giúp. Trong tiếng Phạn, từ **quy y** có nghĩa là **cứu giúp**. Vì vậy công đức, oai lực của Tam Bảo có khả năng gia trì, nhiếp thọ, hướng dẫn người quy y; khiến cho đạt được cảnh dứt khổ, thường vui.

- **Từ sự tín thuận, khẩn cầu của chính mình mà có được sự gia trì, hướng dẫn của Tam Bảo.**

Tóm lại, từ người quy y mà nói: Quy y là lập Tín, Nguyện, Khẩn cầu sự nhiếp thọ, cứu giúp của Tam Bảo.

Từ Tam Bảo là nơi quy y mà nói: công đức, oai lực của Tam Bảo không thể nghĩ bàn, gia hộ, hướng dẫn cho chúng sanh hướng đến cảnh giới chí thiện.

1.5. Chân nghĩa của quy y.

若人自歸命,	<i>Nhược nhân tự quy mạng,</i>
自力自依止,	<i>Tự lực tự y chỉ,</i>
是人則能契,	<i>Thị nhân tắc năng khế,</i>
歸依真實義.	<i>Quy y chân thật nghĩa.</i>

<i>Nếu người tự quy mạng,</i>	<i>Tự lực tự y chỉ,</i>
<i>Người ấy đã phù hợp,</i>	<i>Nghĩa chân thật quy y.</i>

- **Ý nghĩa tổng quát.**

- **Các tôn giáo đều trong sự cứu giúp của tha lực.**

Nói chung quy y là tín ngưỡng, cầu mong trợ lực từ bên ngoài, nhờ tha lực mà được cứu giúp. Tôn giáo nương tựa tha lực đều như thế.

- **Phật pháp lại trong việc tự lực tu tập:**

Nhưng Phật pháp không chỉ như thế, không giống như ngoại đạo ở một số điểm.

- ***Giáo giới tối hậu của Phật là Niết Bàn.***

Trên hội Niết Bàn, lời dạy cuối cùng của Phật cho đệ tử rằng “*Nương tựa vào chính mình, nương tựa vào giáo pháp, không nương tựa bất cứ nơi nào*”.

Đây chính là nói: Đệ tử chúng ta nương tựa vào tự lực, cần phải nương tựa vào chánh pháp để tu tập và không y lại vào bất kỳ sức mạnh nào khác.

▪ ***Sự tỉnh ngộ của thầy A Nan trong Kinh Lăng Nghiêm.***

Trong kinh Lăng Nghiêm, thầy A Nan nói: “*Chính con, từ khi phát tâm xuất gia, theo Phật, vì y vào oai thần của Phật nên thường tự suy nghĩ: Ta không lo gì tu tập vì nghĩ rằng có Như Lai thương sẽ có Tam Muội, đâu biết thân, tâm không thay thế nhau được*” Tất cả phải dựa vào sự tu tập của chính mình.

• **Ý nghĩa chân thật của Quy Y.**

- **Trở về chính mình, làm cho Tam Bảo hiện rõ trong thân, tâm.**

Ý nghĩa sâu xa của Quy Y là trở về chính Tâm, Tánh của mình:

Chính ta có Tánh Phật, chính ta có khả năng thành Phật;

Đương thể của chính thân, tâm chính là Chánh Pháp, Niết Bàn;

Chính ta nương vào Pháp tu hành, tự thân và Tăng già là một thể.

Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng đều không lìa tự thân, đều do thân, tâm của chính mình mà được thành tựu viên mãn.

○ **Do nhiếp thọ, gia trì nên tự tâm phát khởi thực hiện.**

Nhìn từ bề ngoài, Quy Y là tin vào, dựa vào, sự gia trì, nhiếp thọ của tha lực.

Nhìn vào sâu sắc hơn, Quy Y chỉ là tăng thượng duyên mà, thật ra, là chính thân, tâm của mình phát khởi và thực hiện cho được sự mong muốn của chính mình.

○ **Đem thân mạng phụng hiến cho Tam Bảo, tư lực nương tựa đúng với ý nghĩa chân thật.**

Lý do nói rằng “Nếu một người nào mà chính mình quy mạng (Mạng là hoà hợp thân và tâm). Quy mạng là đem cả thân, tâm phụng hiến cho Tam Bảo. Nương tựa vào Tự Lực, nương tựa vào chính mình, vào Chánh Pháp mà tu tập và không giống như A Nan là “*Ý vào oai thần của Phật mà chính mình không chịu khó tu tập*”. Người như thế mới phù hợp với ý nghĩa chân thật của Quy Y.

CHƯƠNG 2: NGHE PHÁP THÂM NHẬP

❖ Nghe pháp mới thâm nhập Phật Đạo.

Trên nói về Quy Y Tam Bảo. Sau khi quy y nên nghe nhiều Chánh Pháp thì mới có thể thâm nhập Phật Đạo.

❖ Liên quan giữa tu hành và nghe Pháp.

- **Có người cho rằng Phật Pháp cốt ở tu hành, nghe Pháp có ích gì?**

Há không thấy trên hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan “*Chỉ ham học nhiều nên đạo lực chưa được chu toàn*”. Vì vậy không tránh khỏi nạn ma Đãng Đà sao?

Không biết rằng tôn giả A Nan “*Chỉ ham học nhiều*” nhưng đồng thời không phải là học (nghe).

- **Chủ ý nghe (học) Pháp là để tu học Pháp Phật.**

Tất cả Thánh điển đều nói về tu học Phật Pháp. Không nghe pháp thì không thể tu.

Nếu không học (nghe) thì làm sao hiểu được Liễu Sanh Thoát Tử là gì?

Làm sao hiểu được thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà?

Làm sao biết được sự hương thượng rõ ràng?

Làm sao biết được Chánh Pháp của Phật dạy?

Nếu tất cả đều không nghe không học thì cũng không thể hiểu được Quy Y Tam Bảo là gì?

2.1. Nghe Pháp.

2.1.1. Bốn loại công đức.

由聞知諸法, Do văn tri chư Pháp,

由聞遮眾惡, Do văn giá chúng ác,

由聞斷無義, Do văn đoạn vô nghĩa,

由聞得涅槃. Do văn đắc Niết Bàn.

Do nghe, biết các Pháp. Do nghe, ngăn được ác.

Do nghe, dứt tà pháp. Do nghe, chứng Niết Bàn.

- **Tất cả công đức trong Phật pháp đều do nghe Pháp mà có.**

Trong thánh điển này có bài tụng khen ngợi công đức nghe Pháp. Có thể nói tất cả công đức trong Phật Pháp đều do nghe Pháp mà có.

- **Từ ba chỗ mà nghe Pháp**

Nói đến “nghe Pháp”, Bồ Tát Long Thọ nói: Có ba chỗ nghe: Nghe Pháp từ Phật; Nghe Pháp từ đệ tử của Phật; Nghe Pháp từ kinh điển.

- **Nghe bằng tai hay đọc kinh sách đều là xuất phát điểm tu học Phật Pháp.**

- **Từ Phật và đệ tử là tai nghe ngôn giáo.**

Nghe Pháp từ Phật và đệ tử là ngôn ngữ khai thị chính mình được nghe, cho nên kinh nói: “*Đây là cách biểu hiện giáo thể chân thật, âm thanh nghe được thanh tịnh tuyệt vời*”. Chỉ vì sau khi Thích Ca Như Lai vào Niết Bàn thì chúng ta chỉ nghe được Pháp từ đệ tử của Phật.

Tuy nhiên, mười phương chư Phật, như Đông phương có Phật Dược Sư, Tây phương có Phật A Di Đà, hiện giờ, vẫn đang thuyết pháp; nhưng vì đối với chúng ta lúc này ở đây, trừ phi đã đọc kinh, nghe pháp, tu hành và có trình độ tương đương thì mới có thể nghe được, còn không, thì không thể thấy và nghe được các đức Phật ấy đang nói Pháp.

▪ ***Đọc kinh luận từ Tam Tạng.***

Từ kinh luận mà hiểu được Pháp, chính là “*Tự mình lấy điển chương của người xưa làm thầy*”. Từ đọc trong kinh luận mà hiểu được Phật Pháp; cho nên, từ nghe được Pháp của đệ tử Phật hay đọc kinh giáo đều gọi là nghe Pháp, học Pháp rồi bắt đầu tu tập.

• **Tóm tắt bốn loại công đức khi nghe Pháp:**

○ **Nhờ nghe, biết được các Pháp.**

Từ nghe Chánh Pháp mới biết được các Pháp.

Các Pháp là gì? Đó là Pháp lành, Pháp ác, Pháp hữu lậu, Pháp vô lậu...

Nghe rồi mới biết được tất cả pháp này; biết rồi thì nên tu tập hay là bỏ.

Lại nữa, Pháp có nghĩa là hợp pháp. Nghe Phật pháp rồi thì biết có vô vàn Pháp lành nên nương theo đó tu học.

○ **Nhờ nghe trừ bỏ tà pháp.**

Nhờ nghe Chánh Pháp nên có thể ngăn ngừa nhiều tội ác; hay là niệm ác trong tâm, hay thấy hành động ác của thân và miệng. Nếu nghe được Chánh Pháp thì biết được cái gì là ác, quả báo ác là gì, rồi đưa đến dứt trừ tâm ác, ngăn ngừa tâm ác khởi lên.

○ **Nhờ nghe Pháp, đoạn trừ tà pháp.**

Do nghe Chánh Pháp mới có thể ngăn chặn, trừ bỏ những cách tu tập vô nghĩa của tà pháp.

▪ ***Ngoại đạo tự tu khổ hạnh và dạy người tu khổ hạnh.***

Có một số ngoại đạo, tuy có tâm cầu giải thoát, nhưng lại làm đường lạc lối, tu khổ hạnh: không ăn, không nằm, loã hình...; Cho là tu những khổ hạnh này có thể đắc đạo. Những người chính mình tu khổ hạnh, lại còn chỉ dạy cho người khác tu theo.

▪ ***Nghe pháp tránh xa khổ hạnh vô ích.***

Những khổ hạnh này, Phật gọi là làm việc vô nghĩa, không có chút ý nghĩa gì mà, tự làm việc ngu si chuốc lấy cái khổ.

Đã nghe được Chánh Pháp của Phật, tự nhiên lìa xa những khổ hạnh ấy, tu hành theo Chánh Đạo; không rơi vào sào huyệt của ngoại đạo.

○ **Do nghe được Chánh Pháp mà chứng được Niết Bàn**

Nhờ nghe được Chánh Pháp, như Pháp tu hành. Chứng được Niết Bàn, giải thoát.

Đây chính là tất cả công đức của Phật Pháp. Đó không phải là nhờ nghe theo Chánh pháp mà có được hay sao?

2.1.2. Lìa xa hai ví dụ, ba sai lầm

如 器 受 於 水,	<i>Như khí thọ ư thủy,</i>
如 地 植 於 種,	<i>Như địa thực ư chủng,</i>
應 離 三 種 失,	<i>Ứng ly tam chủng thất,</i>
諦 聽 善 思 念.	<i>Đế thính thiện tư niệm.</i>

Như vật dùng đựng nước, *Như mặt đất trồng cây.*

Nên lìa ba sai lầm, *Nghe rõ, suy nghĩ kỹ.*

- **Nghe pháp nên nghe rõ, tư duy, ghi nhớ mới có được lợi ích.**

Khi Phật còn ở đời, chỉ bày Chánh Pháp thường chỉ dạy thính chúng rằng “*Nghe rõ, nghe rõ, suy nghĩ thật kỹ!*”

Bởi vì, nếu nghe pháp mà không thể làm như Pháp. Như thế, chẳng có được công đức gì của việc nghe Pháp.

- **Nêu hai ví dụ để làm rõ khi nghe Pháp nên lìa bỏ ba thứ sai lầm.**

Bây giờ nêu lên hai ví dụ, rồi sẽ nói rõ khi nghe pháp nên lìa bỏ ba thứ sai lầm.

- **Ví dụ vật dụng để đựng như cái lu đựng nước, không được có ba khuyết điểm này.**

Ví dụ 1: khi trời mưa, dùng lu đựng nước. Nếu dùng lu chứa nước ấy thì nên tránh ba thứ sai lầm là: Vật dụng lật úp, dơ uế, rò rỉ. Đó là ba sai lầm khi dùng vật dụng đựng nước.

- ***Nếu cái lu úp miệng xuống đất thì nước mưa không rơi vào được.***

Nếu trong lu có chất bẩn, chất độc mà dùng để đựng nước, không những không dùng được mà còn hại đến người.

Nên cái lu nứt, bể, nước từ từ rò rỉ ra ngoài hết, còn đâu mà sử dụng.

- ***Nghe Pháp nên lìa bỏ ba sai lầm, mà nghe rõ, suy nghĩ kỹ thì mới lãnh thọ được Pháp.***

Ví dụ người nghe Pháp thế này:

Không chú tâm (như cái lu úp xuống đất). Nghe như vậy như không nghe.

Tuy có chú tâm nghe mà tâm đã có sẵn thành kiến: hoài nghi, tà chấp (như trong cái lu có chất bẩn, chất độc) thì cho dù có nghe được Chánh pháp cũng không thể sanh công đức

được; ngược lại còn sanh ra tội ác do tà kiến, huỷ báng Chánh pháp.

Trong tâm, tuy không có thành kiến, nghi ngờ mà lại tán loạn, công việc bộn bề, lúc quên lúc nhớ. Nghe Pháp như thế, cho dù không có ba sai lầm thì chẳng có công đức gì khi nghe Pháp. Cho nên mới nói: Nên nghe rõ, nên suy nghĩ kỹ, nên ghi nhớ rõ ràng.

○ **Ví dụ: trồng cây, giống như đất trồng đối với hạt mầm.**

Ví dụ 2: Trồng hạt lúa, đậu trên đất cũng có ba sự sai lầm:

▪ **Ẩn ý.**

Gieo trên cát, đá thì không thể mọc mầm.

Trồng buộc dây gai xuống đất mà muốn nó mọc mầm, cũng sống không lâu và sẽ héo khô nhanh chóng.

Gieo hạt trên đất tốt và cỏ dại cản trở, cũng không đâm rễ sâu xuống đất, lại bị chim chóc cắn đọt. Nếu gieo hạt như thế thì thu hoạch được gì?

▪ **Tổng hợp pháp.**

Nghe Phật Pháp cũng như thế: nghe Pháp là nghe huân tập, chính là hạt giống tâm pháp xuất thế.

Nhưng nếu không chú ý lãnh thọ; hoặc lãnh thọ mà tâm tạp nhiễm; hoặc tâm, tuy thanh tịnh, nhưng không được bao lâu rồi quên mất.

Nghe pháp như thế thì không có kết quả gì.

Cho nên nghe Pháp mong có lợi ích phải lìa bỏ ba loại sai lầm đó để nghe cho thật rõ, suy nghĩ cho thật kỹ, ghi nhớ cho sâu sắc thì mới có ích lợi.

2.1.3. Thái độ nghe Pháp.

病 想 醫 藥 想, *Bệnh tưởng y dược tưởng,*

殷 重 療 治 想, *Ân trọng liệu trị tưởng,*

隨 聞 如 說 行, *Tùng văn như thuyết hành,*

佛 說 法 如 鏡. *Phật thuyết pháp như cảnh.*

Biết bệnh biết thuốc chữa, Biết cách chữa trị đúng,

Nghe Pháp, làm chuẩn xác, Phật nói Pháp chân thật.

• Nghe Pháp nên biết bốn loại:

Khi nghe pháp nên biết bốn loại: Bệnh tưởng, Ý tưởng, Dược tưởng và Ân trọng điều trị tương ứng. Biết bệnh, biết cách chữa bệnh, biết thuốc và biết sự quan trọng của trị liệu.

Khi nghe Pháp, cần phải có thái độ tiếp thu Pháp như thế nào?

Phật Thích Ca nói: Thân chúng sanh có ba bệnh: Lão, Bệnh, Tử.

Tâm có ba bệnh: Tham, sân, si. Đức Như Lai vì thế ra đời.

Nói cách khác Phật là bậc Đại Y Vương; Pháp là thuốc hay; Tăng như người giúp đỡ bệnh nhân. Tam Bảo xuất hiện ở thế gian chính là cứu giúp những trọng bệnh ấy cho chúng sanh. Cho nên nghe pháp Phật phải có quan niệm như thế.

○ **Biết bệnh là biết trong bệnh của Thân, Tâm.**

Biết bệnh: Chính mình từ vô thủy đến nay, chỉ vì cái bệnh của Thân, Tâm ràng buộc; làm cho muốn sống không được, muốn chết cũng không. Sống, chết mãi mãi, đau khổ vô cùng. Chính mình có bệnh nặng cho nên, khổ sâu; vì vậy phải nhận thức một cách chính xác. Nếu không biết chính mình có bệnh hay là biết có bệnh mà quyết không tìm thuốc trị bệnh; ấy gọi là Vô Duyên với Pháp Phật.

○ **Biết cách chữa bệnh: Đệ tử của Phật là thầy thuốc giỏi.**

Biết cách chữa bệnh là biết thân mình có bệnh nặng, không có một người nào khác (ngoại đạo) chữa khỏi mà, chỉ có đệ tử của Phật, thầy nói Pháp là lương y chữa trị khỏi bệnh nặng này. Vì vậy phải gần gũi bậc thiện tri thức, cung kính cúng dường giống như người bệnh tin tưởng hoàn toàn thầy thuốc và có tặng phẩm trang trọng cho thầy.

○ **Biết đúng thuốc: pháp của Phật là thuốc hay.**

Biết đúng thuốc để trị bệnh, chứ không phải đọc toa thuốc mà có hiệu nghiệm; cốt là sử dụng thuốc để trị hết bệnh.

Pháp sư nói cũng như thế: Chỉ bày phương pháp tu hành, cần dựa vào Pháp Dược mà thực dụng, mới có thể trị hết bệnh nặng từ thân và tâm. Nếu không, giống như đọc toa thuốc mà không thực dụng thì chẳng có ích lợi gì! Kinh nói:

我雖宣說極善法, *Ngã tuy tuyên thuyết cực thiện pháp,*
 汝若聞已不實行, *Nhữ nhược văn dĩ bất thực hành,*
 如諸病者負藥囊, *Như chư bệnh giả phụ dược nang,*
 終不能療自體病. *Chung bất năng liệu tự thể bệnh.*

Tuy ta nói pháp rất lành.

Nếu người đã nghe mà không tu.

Như người bệnh không uống thuốc,

Tự thể Bệnh, cuối cùng, sao chữa hết.

- **Biết chú trọng đến việc trị bệnh, uống thuốc lâu mới hết bệnh.**

Biết chú trọng đến việc trị bệnh: Đó là trọng bệnh sanh tử. Bệnh này thật sự đã vào đến chỗ hiểm yếu. May mắn gặp được thầy giỏi, thuốc hay, có uống lâu Pháp dược này thì hiệu quả thấy rõ ràng. Có thể có một vài người học Phật mong muốn có hiệu quả tức thì nhưng tu tập lại kém cỏi nên trọng bệnh sanh tử, không thể giải thoát được; đưa đến thất

vọng rồi lười biếng. Đây là hạng người không thể cố gắng, tiến thủ, thì còn hy vọng gì nữa!

- **Nghe Pháp nên phản tỉnh tự thân, giống như soi gương.**
Phật pháp không phải là sự truyền bá tri thức, càng không phải là sản phẩm để giải trí.

- **Căn cứ vào thực hành; Nói và Làm đi đôi**

Phật pháp là nhận thức rõ bản thân ta có trọng bệnh nên phải tìm thầy giỏi, thuốc hay. Vì vậy nói rằng tùy theo chỗ nghe được về Chánh Pháp phải hạ quyết tâm; cố gắng tu hành giống như những gì đã nói.

- **Mẫu mực tu hành. Phật nói Pháp như tấm gương soi.**

Phật đã từng nói: Ta nói Pháp giống như tấm gương soi, chính các ông phải soi vào đó.

Những gì Phật nói: chính là phải quan sát chính mình để tránh khỏi những sai lầm và được nhiều công đức. Nếu có sai lầm thì nên hổ thẹn, sám hối để xa lìa lầm lỗi. Nếu không có lầm lỗi nên sanh tâm vui mừng. Nếu quán sát thấy chính mình có công đức nên sanh tâm vui mừng; nếu không có công đức nên cố gắng tu tập.

Tóm lại, nghe Phật Pháp là chính mình phải tu hành mẫu mực; nghe Pháp rồi phải biểu hiện qua thực hành. Đây là điều cực kỳ quan trọng.

2.2. Thâm nhập vào Phật Pháp.

2.2.1. Điều quan trọng trước nhất để thâm nhập vào Phật Pháp

2.2.1.1. Gần gũi bạn lành.

趣入正法者, *Thú nhập Chánh Pháp giả,*
 應親近善士, *Ứng thân cận Thiện Sĩ,*
 證教達實性, *Chứng giáo đạt thật tánh,*
 悲愍巧為說. *Bi mẫn xảo vi thuyết.*

Người thâm nhập Chánh Pháp, Gần gũi Thiện Trí Thức,
Chứng ngộ được Thật Tánh, Thuyết Pháp vì bi mẫn.

- **Để nhanh chóng đi sâu vào Chánh Pháp nên gần gũi bậc Thiện Trí Thức.**

Chánh Pháp, tuy có thể từ kinh điển hiểu được, nhưng chủ yếu là nghe được Pháp Sư giảng giải. Pháp Sư là người hướng dẫn, kể đến đọc kinh sách, cuối cùng nhanh chóng lãnh hội dễ dàng. Cho nên, điều quan trọng để đi sâu vào Phật Pháp, tiến bộ trên đường đạo là “*Nên gần gũi bậc Thiện Trí Thức*”.

Thiện Trí Thức, nhất là bậc Thiện Trí Thức về Đại Thừa. Đức Phật từng nhờ “*Sự gần gũi bậc Thiện Trí Thức, lắng nghe Chánh Pháp, suy tư đúng sự thật, theo Chánh Pháp mà*

tu hành”. Muốn vào dòng Thánh phải đủ bốn điều kiện thì mới có thể gần gũi được bậc Thiện Tri Thức.

- **Tóm tắt công đức của Bậc Thiện Tri Thức.**

Như thế nào mới là Thiện Tri Thức?

Bậc Thiện Tri Thức không phải có nhiều đệ tử, có chùa to, tướng mạo đẹp hay học rộng hiểu nhiều thế gian pháp.

- ***Những đức tánh của bậc Thiện Tri Thức:***

- **Chứng đức** là chỉ ba Vô Lậu Học: Giới thanh tịnh, Định thành tựu, Huệ thành tựu.
- **Giáo đức:** là thâm nhập kinh tạng, thành tựu đa văn, có khả năng hướng dẫn, chỉ bày cho người học, tu tập chánh đạo Đại Thừa.
- **Chứng được Thật Tánh:** Thật Tánh là tên khác của Chánh Pháp, đây là sự thông đạt do chứng được Trí Huệ hoặc là sự thông đạt do nghe, suy nghĩ giáo lý mà được.
- **Bi mãn:** có tâm Từ Bi; không phải là vì danh văn, lợi dưỡng, nhưng mà vì lợi ích cho chúng sanh nên nói Pháp.
- **Khéo léo nói Pháp:** Tài giỏi biện luận nên có được thành công, bằng phương tiện khéo léo nói Pháp cho chúng sanh, vì thế, người nghe dễ hiểu, dễ có lợi ích; nếu thành tựu những công đức này thì không thể không có bậc Thiện Tri Thức lớn.

- **Thiện Tri Thức thành tựu phần nhỏ.**

Có thể vào thời mạt Pháp, bậc Thiện Tri Thức hoàn hảo khó gặp được, nhưng người tu học Phật Pháp không thể không có thầy, bạn, cho nên, không thể không tìm bậc Thiện Tri Thức thấp hơn.

Kinh có nói: Nếu có được một trong tám phần công đức cũng có thể gần gũi được bậc ấy.

Kinh Niết Bàn nói: “*Bốn chỗ nương tựa*”: Bốn hạng người có thể chọn làm sư trưởng: Trước dựa vào người, tuy chưa dứt hết Phiền Nã, chứng được Thật Tánh nhưng đã thông đạt được một phần mười sáu ý nghĩa Phật Tánh.

Tóm lại: thời mạt thế, khó gặp Thiện Tri Thức. Nếu trong việc tu tập và thấu hiểu Chánh Pháp, mà có được một phần vượt qua chính mình thì không gì bằng là gần gũi Thiện Tri Thức.

2.2.1.2. Gần gũi đúng như Pháp.

觀德莫觀失, *Quán đức mạc quán thất,*

隨順莫違逆, *Tùy thuận mạc vi nghịch,*

佛說滿梵行, *Phật thuyết mãn Phạm Hạnh,*

學者應尊敬. *Học giả ưng tôn kính.*

Thấy đức chớ thấy lỗi, Tùy theo chớ trái ngược,
Phật nói toàn Phạm Hạnh, Người học nên tôn kính.

- **Thái độ gần gũi Thiện Sĩ đúng như Pháp.**

- **Thấy đức chớ thấy lỗi.**

Không những Thiện Tri Thức hoàn hảo đức độ mà ngay cả Thiện Tri Thức chỉ có phần nhỏ đức độ, như Pháp, không thể gần gũi cũng không thể lấy đó để căn cứ. Bởi vì, đối với Thiện Tri Thức chỉ thấy đức, chứ không được thấy lỗi.

- ***Chỉ chú ý sở trường của Thiện sĩ mà học Pháp thì mới có được lợi ích.***

Ví dụ, khi gặp bậc thiện sỹ có cách cư sử, đối nhân đúng đắn,... Chúng ta chỉ cần chú ý đến những ưu điểm này và theo gương đó thực hành theo để đạt được những ưu điểm này và không nên nhìn vào những lỗi lầm khác. Làm được điều này thì mới có được lợi ích.

Ngược lại, nếu không thấy công đức mà chỉ chấp vào phần khuyết điểm của bậc Thiện Tri Thức; như thế chẳng những không đúng, mà cũng không nên, vì không được chút lợi ích gì. Cho dù là bậc Thiện Tri Thức hoàn hảo cũng không thể hoàn toàn viên mãn mà, không có một khuyết điểm gì.

- ***Trong lòng luôn luôn tự giác gần gũi với Thiện sĩ.***

Nguyên nhân gần gũi Thiện Tri Thức là tùy lúc mình nên tỉnh thức, biết làm gì? Chớ có tìm tòi lỗi lầm của Thiện Tri Thức mà là vì muốn học tập chỗ sở trường của sư trưởng. Có

được như thế thì đến chỗ sư trưởng để được gần gũi và như thế mới có lợi ích. Đức Không Tử nói: “Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta vậy” Thật là câu nói có ý nghĩa.

○ **Thuận long chớ có ngược lại**

- **Nên tôn sư, trọng đạo để sư trưởng vui vẻ.**

Làm sao để sư trưởng vui vẻ? Đó là:

Tùy sức cúng dường tài vật.

Phục vụ sư trưởng hết lòng.

Tu hành theo chỉ dạy của sư trưởng.

Việc cung kính, gần gũi bậc Thiện Tri Thức trong Phật Pháp hoàn toàn là biểu hiện tinh thần: “*Tôn sư trọng đạo*”.

Giả sử sư trưởng yêu cầu làm việc phi pháp, thì sao? Nếu thế thì không tùy thuận mà, một cách uyển chuyển nói rõ ý tứ của mình.

○ ***Không có tâm cung kính đối với Phật pháp thì không thể có công đức từ Phật pháp***

Tu học theo Pháp Phật, nếu không tôn kính sư trưởng đúng pháp mà, muốn có công đức từ Phật pháp thì hoàn toàn không thể; như kinh nói: “Nếu người ấy đối với thầy mà còn giữ tâm hờn trách hoặc tâm ghét bỏ hoặc tâm buồn bực; thế nhưng muốn có công đức thì không thể có được”

- **Phật khen công đức của Thiện Sĩ.**

Phật nói hoàn toàn Phạm Hạnh, người học nên tôn kính.

Kể đến Như Lai khen ngợi công đức của bậc Thiện Tri Thức.

Thầy A Nan nói: “*Người Phạm Hạnh không hoàn toàn, gọi là Thiện Tri Thức*”.

Phật nói: “*Chớ nói thế. Phạm Hạnh thanh tịnh hoàn toàn mới gọi là Thiện Tri Thức?*”.

Ý của thầy A Nan: Gần gũi bậc Thiện Tri Thức, phạm hạnh vị ấy thanh tịnh thì được gọi là đã hoàn thành được một nửa.

Có thể đó là ý của Phật. Gần gũi bậc Thiện Tri Thức có thể nói phạm hạnh đã thanh tịnh hoàn toàn. Chứng tỏ Phật trọng thị Thiện Tri Thức như thế nào!

Sở dĩ, người học phải tôn kính, cúng dường Thiện Tri Thức là vì công đức gần gũi Thiện Tri Thức, như kinh Hoa Nghiêm và nhiều kinh khác nói: Không thể nào nói hết được.

2.2.2. Trước tiên quyết giữ lấy điều đặc biệt hơn hết.

2.2.2.1. Lìa xa tám nạn.

離 彼 三 途 苦, *Ly bỉ tam đồ khổ,*

不 生 長 壽 天, *Bất sanh Trường Thọ thiên,*

佛 世 生 中 國, *Phật thế sanh Trung quốc,*

根具離邪見。 *Căn cụ ly tà kiến.*

Lìa ba đường khổ ấy; Không sanh trời Trường Thọ;
Phật xuất thế kinh đô, Còn mình nơi biên địa;
Sáu căn không đầy đủ; Chưa xa lìa tà kiến.

• **Nghe pháp Phật cốt lìa tám nạn.**

Người xưa nói: “*Khó gặp bậc Thiện Tri Thức*”; khó nghe được pháp Phật. Duyên lành gặp được còn khó đến thế, xin chớ cho là dễ có duyên lành. Cốt yếu để nghe được pháp Phật là lìa xa tám nạn.

• **Nội dung tám nạn.**

○ *Bốn nạn đầu là không được làm người. Lìa xa ba đường khổ. Không sanh lên trời Trường Thọ.*

▪ *Đọa vào ba đường dữ, không có duyên nghe được pháp Phật cũng không thể xuất gia, thọ giới, tu hành.*

Cần phải thoát khỏi: Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỷ. Đó là quả báo khổ đau của tam đồ. Nếu sanh trong ba đường ác này thì không có duyên lành nghe pháp Phật. Tuy nhiên, Đại Lực Quỷ Vương, Long Vương... cũng có thể đến nghe pháp Phật được, tùy theo duyên lành ít hay nhiều. Nhưng vẫn không thể xuất gia, thọ giới, tu hành.

▪ *Sanh làm trời, khó nghe được pháp, tu hành.*

Chỉ cần không sanh vào cõi trời Trường Thọ. Cõi Vô Sắc có bốn trời: Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ; Cõi Sắc có trời Vô Tưởng, những vị ở trời này, thọ mạng rất dài, bằng thọ mạng tám vạn đại kiếp ở trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Đây là những cõi không có duyên lành nghe pháp Phật.

Căn cứ Tăng Nhất A Hàm, phẩm Bát Nạn nói: Đã sanh lên cõi trời đều gọi là Trời Trường Thọ, đều không thể nghe Pháp Phật, tu hành. Vì vậy, trên không sanh lên các cõi trời, dưới không đoạ vào ba đường ác; chỉ có làm thân người mới có thể gặp được Phật Pháp.

○ **Tuy được làm thân người cũng phải lìa xa bốn nạn sau:**

▪ ***Phật xuất thế ở kinh đô.***

Sanh gặp lúc Phật xuất thế. Phật xuất thế tức là thời đại có Pháp Phật. Nhưng nếu sanh trước Phật xuất thế hay sau khi Phật pháp diệt vong. Những người này cũng không có duyên lành nghe được pháp Phật.

▪ ***Giáng Sanh ở biên địa.***

Cho dù sanh ở kinh đô là nơi có Phật và Tăng chúng hoằng dương chánh pháp. Ngược lại là vùng thôn quê hẻo lánh. Cho

nên, dù có cùng thời với Phật, những người ấy ở những nơi như vậy, cũng không nghe được pháp Phật, tu hành.

▪ ***Sáu căn đầy đủ.***

Còn phải có sáu căn đầy đủ. Nếu không thì không thể nói, tâm trí cuồng loạn thì không thể hiểu nghĩa lý. Như thế, dù có sanh ra ở kinh đô, gặp Phật cũng bằng không.

Nếu không có đủ sáu căn thì dù có sanh cùng thời với Phật và gặp được Phật cũng không học tập hay tu hành theo giáo pháp của Phật được. Kiếp này coi như uổng phí mà thôi!

▪ ***Rời xa nhà Tà kiến.***

Tuy không có những chướng ngại ở trên mà lại sanh trưởng vào trong nhà Tà kiến hay trong vùng ngoại đạo và tập tánh sai lầm chông chát. Đó cũng là vô duyên với Phật pháp, cho nên gọi là lìa xa Tà kiến.

• ***Lìa xa ngũ nghĩa.***

Tám việc ấy thường gọi là Tám Nạn vì nó làm chướng ngại cho người học Phật. Với Tám Nạn này làm mất thời cơ cho người tu học Phật pháp. Chúng ta không rơi vào trong Tám nạn này. Thật may mắn làm sao!

2.2.2.2. Có được thân người.

a. *Thân người đầy đủ hơn hết.*

生死流轉中, *Sanh tử lưu chuyển trung,*

人身最難得. *Nhân thân tối nan đắc.*

憶梵行勤勇, *Ức phạm hạnh cần dũng.*

三事勝諸天. *Tam sự thắng chư thiên.*

Lưu chuyển trong sanh tử, Làm người là khó được,
Nhớ phạm hạnh dũng tiến, Ba việc hơn hẳn Trời.

• **Từ hai phương diện, nói rõ làm người khó.**

Có người cho rằng đời người chẳng có ý nghĩa gì, nào là hiểu biết thấp kém, nào là hoàn cảnh xấu ác. Do đó, tự trách móc mình, tự hèn giận mình, tự ngược đãi mình; không thể phát tâm tu học theo Phật pháp. Không biết ở trong năm đường “sanh tử lưu chuyển ấy”, được làm người là khó nhất. Đây là cơ hội khó gặp; nếu tự xem thường mình rồi sống lâu lỏng thì thật là, không biết giá trị đích thực của mình. Tuy được làm người, có thể nói qua hai phương diện:

- *Được làm người khó như con rùa mù ở dưới biển lâu năm, trôi lên mặt nước mà gặp được cái lỗ của cây gỗ đang bông bênh.*

Ở trong sanh tử lưu chuyển, phần nhiều, sanh vào đường dữ, phần ít, sanh vào đường lành.

- *Người có ba việc: Nhớ nghĩ; Siêng, dũng mãnh; Phạm hạnh vượt hơn các trời.*

Làm người, tuy có vô vàn thống khổ, không vừa ý; nhưng rất khó được. Kinh nói: Ba việc của con người: Siêng, dũng mãnh; nhớ nghĩ; Phạm hạnh, chúng sanh trong ba đường ác không bì đã đành mà đến các trời cũng hơn rất nhiều.

▪ ***Hơn về nhớ nghĩ.***

Con người có thể nhớ nghĩ quá khứ, giữ gìn kinh nghiệm của quá khứ. Nhờ vậy, con người bằng sức suy tư, suy luận đặc biệt này phát triển nên gọi là hơn về nhớ nghĩ.

▪ ***Hơn về Phạm hạnh.***

Có người không tính đến vụ lợi mà chỉ lo chế phục chính mình để tu tập phạm hạnh hay hạnh thanh tịnh, làm sao chính mình thân tâm hợp lý và mọi người cũng có lợi ích. Đó là chí nguyện hy sinh chính mình, là tinh thần đạo đức của loài người. Thật là một việc phi thường nên gọi là Phạm Hạnh.

▪ ***Hơn về siêng năng và dũng mãnh.***

Con người muốn thành công một mục đích nào đó, phải có năng lực chịu đựng khổ sở, gian nan và tinh cần, dũng mãnh mới làm được; nếu không hoàn thành mục đích, quyết không ngừng. Đây gọi là hơn về siêng năng, dũng mãnh.

• **Nói riêng ba đức và tính trọng yếu của thân người.**

- **Ba đức là nguyên nhân quan trọng để thành Phật, làm Tổ.**

Nho giáo nói: Trí, Nhân, Dũng là ba đức mà con người phải có, so với đại thể lời Phật nói giống nhau. Cho nên, trong chúng sanh, con người là quý báu nhất; thành hiền, thành thánh, thành Phật, thành Tổ đều tôn trọng sự vĩ đại của loài người này và những thành công có được là nỗ lực vươn lên.

○ **Thân người là cõi an vui mà các trời ngưỡng vọng.**

Kinh nói: Nếu các trời mạng chung, các trời ấy sẽ nói: “*Nguyện được sanh vào trong cõi an lạc*”. Cõi an lạc là điều ước muốn của những người khác, đó chính là Cõi Người. Thân người còn là cõi an vui mà các trời ngưỡng vọng. Sống như thế nào để là Người? Đó là trái lại: Tự oán trách, tự xem thường mình; rồi để đời long bong, lêu lổng.

b. Cố gắng siêng học.

難得今已得,	<i>Nan đắc kim dĩ đắc,</i>
精勤修法行,	<i>Tinh cần tu pháp hành,</i>
莫使入寶山,	<i>Mạc sử nhập bảo sơn,</i>
垂手歎空歸.	<i>Thùy thủ thán không quy.</i>

Khó được, giờ đã được, Chăm chỉ theo lời Phật.

Chớ như người vào núi báu, Trở về bàn tay không.

- **Siêng năng có được ích lợi từ Phật pháp.**

Thân người khó được nay đã được. Ấy là điều đáng mừng, giữ lấy thời cơ khó được này mà siêng năng tu tập theo Pháp Phật. Mạng sống vô thường, kinh nói: “Mạng người ở trong hơi thở”, Xin chớ đợi ngày mai, năm sau hay là tương lai. Nhân dịp thuận lợi này, ở trong ngôi nhà Phật pháp, đừng mãi tiến bước đi trên con đường Chánh Pháp, mới mong có được ích lợi trong việc tu học giáo lý Phật đà.

- **Lêu lỏng một đời, tay không thương cảm.**

Chớ để một đời lông bông, vô ích và chờ hơi thở ra không hít vào được nữa; đối với Phật pháp không có được chút gì, vẫn là đôi bàn tay trắng, mặc dù bao năm đã sống trong thiền môn, với tứ sự cúng dường của đàn na tín thí. Chẳng khác gì người vào núi châu báu, thấy biết bao ngọc ngà trân quý mà chẳng chọn được cho mình một món để sử dụng. Đến lúc rời khỏi núi báu thì hai tay trắng buông xuôi, rồi hối tiếc vô cùng, đôi chân lững thững bước về; không có được một cái gì. Khi sống không cố gắng, lúc chết chỉ là thương đau. Nào có ích lợi gì đâu?

2.2.3 Xác lập mục tiêu.

2.2.3.1. Từ văn phát khởi nguyện.

聞法而發心, *Văn pháp nhi phát tâm,*

隨機成差別. *Tùy cơ thành sai biệt.*

Nghe pháp rồi phát tâm, Tùy cơ thành khác nhau.

• **Phát tâm là từ nghe được Pháp Phật.**

Gần gũi Thiện Tri Thức, nghe được Pháp Phật rồi phát tâm tu học. Vì căn tánh của chúng sanh không giống nhau nên pháp Phật cũng phải tùy cơ. Do đó, trong Phật pháp có muôn vàn trình độ cao, thấp khác nhau.

○ **Ý nghĩa của phát tâm.**

Nói đến phát Tâm chính là lập chí nguyện vững chắc cho việc tu tập. Vì vậy, chí nguyện là mục tiêu vươn tới.

Phát Tâm, hoàn toàn không khởi Tâm, động Niệm ngẫu nhiên mà chính là phát khởi Tín Nguyện một cách kiên định.

○ **Từ chỗ nghe Pháp mà nói về căn tánh.**

- **Chính mình nghe pháp do Phật nói thì có thể biết căn cơ của chính mình.**

Khi Như Lai hay bậc Đại Bồ Tát nói pháp; nếu người nghe là một người thì, đương nhiên, ứng cơ nói Pháp, sao cho thích hợp căn tánh của người nghe ấy có thể lãnh nhận Pháp Môn sâu hay cạn không giống nhau. Nếu ở trong đại chúng, đức Như Lai có thần lực không thể nghĩ bàn, cho nên, tùy theo trình độ thính chúng mà mỗi người có sự lãnh hội khác nhau. Vì vậy, “Phật dùng một âm thanh để nói Pháp, chúng sanh,

tùy loại, đều hiểu được”. Đối với tình huống này, cũng có thể nói, nghe được pháp môn nào thì tùy căn cơ của chính mình thích ứng với pháp môn ấy.

▪ ***Nói chung, nghe hay đọc Phật Pháp thì tự mình không thể quyết định căn cơ.***

✓ Pháp sư không dễ phân biệt năng lực của căn cơ.

Pháp sư không dễ có được năng lực: “Dùng một âm thanh nói pháp mà chúng sanh, tùy loại, hiểu được hết”, cũng không có năng lực phân biệt được căn cơ mà, chỉ là nói lên những điều mình đã hiểu, đã làm. Thính chúng nghe được pháp môn ấy thì không hẳn có căn tánh thích ứng với một pháp môn như vậy.

✓ Không phải chính mình đọc hoặc gặp được cái gì mà, chính là căn cơ là cái gì.

Có người nghe được từ kinh điển, bất cứ sách gì hoặc đọc tuần tự từ thấp lên cao hoặc là đọc có sự chọn lựa đều không thể nói gặp được cái gì cho chính căn cơ nào.

Ví như, ở Tây Tạng thành hành pháp môn Mật Tông; ở Phương Nam thành hành Tiểu Thừa; ở Trung Quốc thành hành Thiên Tông. Dường như đến những chỗ ấy là như thế, nhưng có thể nói căn tánh người ở Tây Tạng đều là Mật

Tông, Phương Nam đều là Tiểu Thừa, Trung Quốc đều là đốn ngộ không?

• **Do phát tâm mà quyết định căn tánh của chính mình.**

Vì thế, căn tánh của chính mình là gì, chủ yếu, dựa vào Tâm nguyện của chính mình mà quyết định; chứ không phải đọc tụng thọ trì pháp môn gì, rồi tự cho mình là căn tánh gì.

Như trên đã nói ở Tây Tạng có một vị Lạt Ma tu tập theo mật Tông thành Phật, cuối cùng chứng được quả Thanh Văn. Có người lấy việc này hỏi bậc Thiện Trí Thức; Thiện Trí Thức nói: Tu Mật Tông chứng quả nhỏ, nói chung vậy là tốt rồi; còn có người tu mật Tông thành thiên ma ngoại đạo kìa!

Vì thế, không chấp chặt một pháp môn nào là vĩ đại, là mầu nhiệm mà điều cần thiết là kiểm điểm sự phát tâm của chính mình.

2.2.3.2. Ba loại Phát Tâm.

下 求 增 上 生, *Hạ cầu tăng thượng sanh,*

現 樂 後 亦 樂. *Hiện lạc hậu diệc lạc.*

中 發 出 離 心, *Trung phát xuất ly tâm,*

涅 槃 解 脫 樂. *Niết bàn, giải thoát lạc.*

最 上 菩 提 心, *Tối thượng Bồ Đề Tâm,*

悲 智 究 竟 樂. *Bi trí cứu cánh lạc.*

Loại thấp cầu tốt hơn, Hiện tại, mai sau vui.
Loại hai, xuất ly tâm, Vui Niết Bàn, Giải Thoát.
Cao nhất, Tâm Bồ Đề, Rốt ráo vui Bi, Trí.

- **Có ba loại phát tâm khác nhau:**

Liên quan đến Phát Tâm tu học là hướng thượng, đúng là trong muôn ngàn sai khác, nói không thể cùng. Nếu quy nạp thì không ngoài ba loại: Sanh Tâm tăng thượng, Tâm xuất ly; Tâm Bồ Đề. Đây chính là bậc Hạ Sĩ, Trung Sĩ, Thượng Sĩ mà Bồ Tát Di Lặc đã nói.

- **Nội dung khác nhau của ba loại phát tâm.**

- *Tâm thăng tiến ở Hạ phẩm- Sanh thăng tiến từ dưới, hiện tại vui sau cũng vui.*
 - *Nhân duyên của sanh Tâm tăng thượng.*

Vì sao gọi là Sanh Tăng Thượng? Đó là quả báo có được ở đời sau, so với đời này có khá hơn chút đỉnh.

Ví như: Tướng mạo, Thọ mạng, Danh dự, Phú quý, Quyền thế, Quyền thuộc, Tri thức, Năng lực, Thân thể khoẻ mạnh, Gia đình an vui, Bạn bè giúp đỡ. Tất cả những thứ này đều hy vọng kiếp sau tốt hơn kiếp này nhiều.

Ở trong Phật pháp, những thứ này chưa triệt để; nhưng là chánh đáng để được tiến bộ hơn.

- *Loại hai là kết quả Trời, Người.*

Ở phương diện này lại chia hai loại: Nguyện sanh làm người thế gian; Nguyện sanh lên Trời.

Trong Phật pháp tu hành đúng đắn thì được an lạc đời này, đời sau; hoặc đời này khổ, đời sau vui.

Người, Trời nương vào căn tánh, mong cầu đời này vui, lại mong cầu đời sau vui. Nhờ dựa vào Pháp Phật tu trì có được đời này an lạc, đời sau được quả báo tốt.

Chẳng qua, do hoàn cảnh chỉ cầu phước đức, an vui đời sau, dù rằng đời này chịu khổ sở chút đỉnh, hy sinh chút đỉnh. Như vậy cũng chưa từng có thể. Cho nên, đời này vui và đời sau vui thì rất là lý tưởng; bất đắc dĩ, đời này khổ, đời sau vui, cũng không quá lắm.

Tu tập theo tà hạnh, điên đảo thì đời này vui, đời sau khổ; hoặc đời này khổ, đời sau càng khổ.

Cho đến đời này hưởng thọ nhưng đời sau chịu khổ; hoặc là đời này chịu khổ oan uổng và đời sau thống khổ vô cùng. Những trường hợp này không liên quan đến Chánh Pháp Như Lai mà là tà hạnh, điên đảo.

- *Tâm, Hạnh, Quả khác nhau.*

Lấy phước lạc của Trời, Người làm mục tiêu, do đây mà phát Tâm, vì đây mà tu hành đều thuộc về hạ sĩ trong Phật Pháp.

Đã phát tâm Tăng Thượng này, dù có tu trì pháp xuất thế, chẳng qua, cũng hưởng phước báo của Trời, Người mà thôi.

Ngược lại, nếu phát nguyện này mà không tạo tác những nghiệp ác; khi nghiệp này đã lớn mạnh thì không đoạ vào ba đường ác, muốn cần Tăng Thượng cũng không thể được.

- **Phẩm trung tâm Xuất Ly. Bạc Trung Tâm Xuất Ly thì được quả An Vui Niết Bàn, Giải thoát.**

Nhân sĩ ở bậc Trung thì phát Tâm Xuất Ly

- ***Nhân duyên phát Xuất Ly Tâm.***

Quả Trời, Người do sanh Tâm Tăng Thượng, tuy nói không rơi vào đường ác, nhưng còn hưởng thượng tiến bộ. Càng tiến bộ nhiều, cuối cùng lưu chuyển trong ba cõi, hoàn toàn không thể đến được địa vị cứu cánh. Nếu sanh lên cõi Trời, từ cõi Dục đến cõi Sắc, từ cõi Sắc đến cõi vô Sắc và sanh thẳng đến Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng là cùng, không thể tiến hơn nữa được. Một khi hưởng hết nghiệp lực thì đoạ lạc lại.

Cần thấu hiểu kỹ chỗ này, cảm giác cho được: “Ba cõi không an, giống như nhà lửa” mà phát khởi Chí Nguyện ra khỏi sanh tử trong ba cõi.

▪ ***Loại hai: Quả giải thoát.***

Phát tâm như thế, tu tập pháp hành xuất thế thì giải thoát được sanh tử, chứng được an lạc giải thoát của Niết Bàn.

An vui giải thoát là lìa bỏ phiền não mà được. So với cái vui của thế gian thì hết vui sanh buồn, vui đi khổ đến, không giống nhau tí nào. Còn đây là triệt để thoát hẳn sanh tử, không lưu chuyển trở lại; so với quả lành của bậc hạ sĩ, phần nhiều, hoàn toàn rốt ráo. Về mặt sau này, còn chia hai loại: Thanh Văn Thừa; Duyên Giác Thừa; gọi chung là Nhị Thừa về phát tâm và kết quả khá giống nhau.

▪ ***Khác nhau về Tâm, Hành, Quả.***

Trên đã nói phát tâm xuất ly, tuy tu pháp Đại Thừa hơn hết nhưng nỗ lực đến mấy cũng chỉ chứng được quả nhỏ.

Ngược lại, nếu phát tâm xuất ly mà không tu hạnh xuất ly hay là làm việc ác, phi pháp; như thế là nghiệp lực vượt hơn nguyện lực; ngay cả thiện báo của Trời, người cũng không thể được.

- ***Tâm Bồ Đề thương phẩm: Tâm Bồ Đề tối thương với Bi, Trí, An, Vui rốt ráo.***

Phẩm hạnh cao nhất của con người là phát Tâm Bồ Đề lớn.

▪ ***Ý nghĩa Tâm Bồ Đề.***

Tiếng Phạn gọi Bồ Đề có nghĩa là Giác Ngộ. Quả vị của Như Lai là tất cả công đức nên gọi là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Đó là lấy Đại Giác làm trung tâm và khái quát tất cả công đức. Phát Tâm Bồ Đề là chí nguyện lớn trên thành Phật Đạo, dưới độ chúng sanh.

▪ ***Nhân duyên phát Bồ Đề Tâm.***

✓ Biết Tâm Xuất Ly chưa viên mãn.

Tâm Xuất Ly của bậc trung sĩ, tuy nói là rất ráo, nhưng chưa cao thượng hoàn toàn; giống như con thuyền nhỏ đi giữa dòng chưa đến nơi thì hành khách rơi xuống nước. Nếu có người nào chẳng nhìn chung quanh mà cố sức bơi lên bờ, nhìn thấy bạn bè bị chìm trong nước mà trong lòng không chút xúc động, chỉ một mình thư thả, nghỉ ngơi. Nếu nói thoát được hiểm nghèo cho cá nhân thì người này thành công; nếu nói về đạo đức của con người thì người này chưa viên mãn.

✓ Chỉ có Phật là viên mãn nên phát đại nguyện thành Phật.

Nguyên nhân có người không lo cho riêng mình được giải thoát mà phát nguyện tự cứu, cứu người; tự lợi, lợi người; mong muốn cùng với tất cả chúng sanh đều được giải thoát.

Nhưng điều thiết yếu gì mới có khả năng này? Chỉ có Phật mới hoàn thành được chí nguyện lớn này. Đại trí, đại bi, đại nguyện, đại lực của Phật mới cứu độ chúng sanh triệt để được. Điều này, chính Phật là gương mẫu cho việc phát chí nguyện lớn thành Phật. Đó chính là Tâm Bồ Đề.

▪ ***Tâm, Hành, Quả viên mãn là thành Phật.***

Đã phát khởi Tâm Bồ Đề, tu hạnh Bồ Đề, tự lợi, lợi tha, đến khi viên mãn hoàn toàn là thành Phật; có đại bi, có đại trí chúng được an lạc của Đại Niết Bàn cùng cực rốt ráo. Mục tiêu duy nhất: Trên thành Phật đạo, dưới hoá độ chúng sanh nên phát tâm tu hành. Thế mới là phát Tâm cao tột ở trong Phật pháp, mới là phẩm cách cao tột của con người. Mong mọi người cùng học Phật, ai cũng lấy đây làm mục tiêu tu hành.

2.2.3.3. Thứ tự trước sau.

a. Nương tựa, liên quan lẫn nhau.

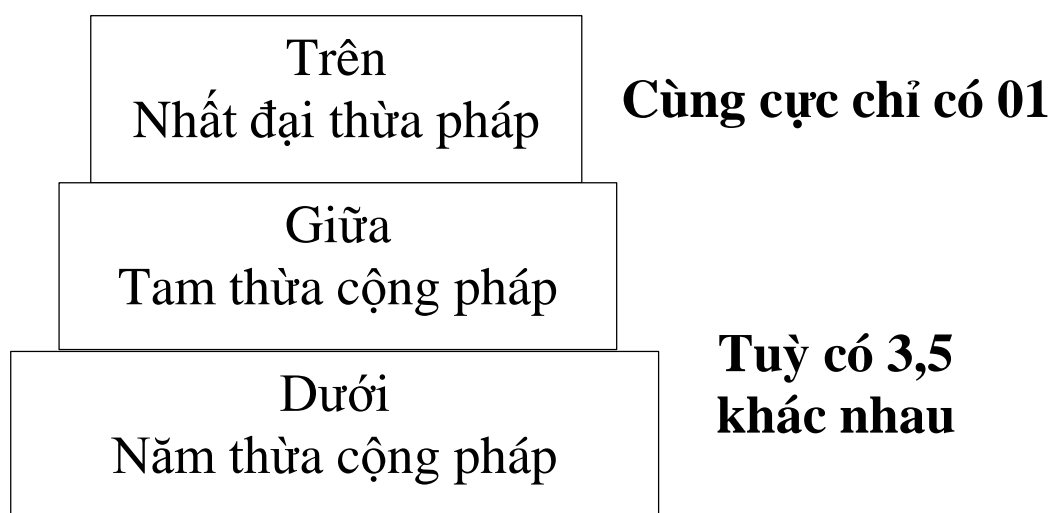
依下能起上,	<i>Y hạ năng khởi thượng,</i>
依上能攝下;	<i>Y thượng năng nhiếp hạ;</i>
隨機五三異,	<i>Tùy cơ ngũ tam dị,</i>
歸極唯一大.	<i>Quy cực duy nhất đại.</i>

Nương dưới vươn lên được, Nương trên bao gồm dưới.

Tùy cơ ba, năm khác, Cùng cực chỉ một thôi.

• **Tánh liên quan đến ba loại phát Tâm.**

Phật pháp, tùy chia thượng, trung, hạ khác nhau, nhưng đều có ý nghĩa rôt ráo, tất cả lập trường, không ngoài dẫn đến Thành Phật. Đây không phải là độc lập, không phải là không tương quan, nhưng quan hệ nội tại có nương tựa lẫn nhau; như đồ biểu sau:



Từ dưới vươn lên trên; từ trên bao gồm dưới.

Đây là cái tháp cao ba tầng, từ thấp nhất lên cao nhất có mối quan hệ trên hình thức.

○ **Nương theo tướng mà nói mối quan hệ: Dưới, Giữa, Trên tức là nương từ Dưới vươn lên Trên.**

▪ ***Dựa theo tướng mà nói:***

Cái tháp là ví dụ.

Tầng trệt là cơ sở mới xây lên tầng giữa; nương tầng (trệt) giữa làm cơ sở mới xây lên tầng trên. Giống như từ Nhất

Tâm muốn xây lên tầng trên cao nhất, chứ không thể bỏ tầng trệt, tầng giữa mà xây lên được; đó là điều sai lầm, chắc chắn không thành công.

▪ ***Hợp pháp.***

Trong ba cấp bậc của Phật pháp cũng là nương bậc pháp dưới vươn lên bậc thấp giữa; nương bậc thấp giữa vươn lên bậc thấp trên.

▪ ***Dẫn chứng.***

✓ Dẫn những điều Long Thọ nói làm chứng:

“Đã được sanh ra bậc Tăng Thượng, dần dần chắc chắn được bậc Thù Thắng”.

Chắc chắn được bậc Thù Thắng chính là pháp rốt ráo giải thoát của bậc Trung và Thượng (Giữa và Trên).

Thứ tự này, trong kinh A Hàm có nói đến: “*Ấy là pháp thường của chư Phật*”.

✓ Dẫn những điều Đề Bà nói làm chứng.

Bồ Tát Đề Bà cũng nói: “*Bậc hạ sĩ, trước là ác, làm lành; Bậc trung sĩ phá trừ Ngã, sau cùng, bậc thượng sĩ dứt trừ tất cả Kiến Hoặc, nếu biết thật hành thiện xảo*”

Biết được thứ tự trước sau này mới có thể, đối với tất cả Pháp Phật mà thật hành phương tiện thiện xảo.

Cho nên, Bồ Tát Đề Bà còn nói: “*Bậc Chánh Đẳng Giác nói điều này, phương tiện giống như bậc thang*”

○ **Mối tương quan giữa Thượng, Trung, Hạ với ý nghĩa nương Trên bao gồm Dưới.**

▪ ***Dựa vào mối tương quan mà nói:***

Cái tháp là ví dụ.

Giống như xây cái tháp ba tầng, có tầng giữa vì đã có tầng dưới; có tầng trên cùng, chắc chắn, đã có tầng giữa, tầng dưới.

▪ ***Hợp pháp.***

Lý do, trong Phật pháp, nương vào Sĩ pháp bậc thượng mới bao gồm được bậc Sĩ pháp bậc trung, bậc hạ được; nương vào Sĩ pháp bậc trung thì chắc chắn, bao gồm được Sĩ pháp bậc hạ.

▪ ***Dẫn chứng.***

Như trong kinh Pháp Hoa nói: Nhị Thừa là ba trăm do tuần, Đại Thừa là năm trăm do tuần. Nhưng trong năm trăm do tuần, bao hàm được ba trăm do tuần; ba trăm do tuần là trạm trung chuyển của năm trăm do tuần. Đây là bao gồm bậc kiến địa (Sơ quả thanh văn) quán thông tất cả Phật pháp, là điều cần thiết thiện xảo đối với toàn bộ Phật Pháp.

- **Chánh kiến chung của hai đại sư, tức tiêu chí nương tựa, duy trì nhau.**

Đại sư Thái Hư nói: Pháp của bậc hạ sĩ là pháp chung của Năm Thừa; pháp của bậc trung sĩ là pháp chung của Ba Thừa.

Trong Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận của đại sư Tông Cách Ba nói: Pháp hạ sĩ thì chung với hạ sĩ đạo, pháp trung sĩ thì chung với trung sĩ đạo.

Chữ chung (共) này mà các bậc trí giả thuộc Hán Tạng đồng hoá là Chánh Kiến, cũng là tiêu chí nương tựa, liên quan lẫn nhau

- **Nói vắn tắt chỗ khác, giống giữa Nhất, Tam, Ngũ Thừa.**
 - **Theo căn tánh của chúng sanh mà nói sự khác nhau giữa Năm Thừa và Ba Thừa.**

Như trên đã nói, sở dĩ theo căn tánh của chúng sanh là vì Phật pháp dùng phương tiện để tùy cơ độ sanh nên có Năm Thừa: Người, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát không giống nhau.

Hoặc là nặng về pháp xuất thế, Phật nói Ba Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát khác nhau.

Căn cơ không cùng, tất nhiên, pháp môn cũng khác nhau.

- **Theo bốn nguyên của Như Lai thì chỉ nói Nhất Thừa (hay Đại Thừa hay Phật Thừa).**

- ***Trở về Tông chỉ rõt ráo thì tất cả pháp đều là pháp Đại Thừa.***

Theo bốn nguyện xuất thế của Như Lai mà nói: Tất cả pháp môn đều là con đường dẫn đến thành Phật; Trở về nguồn cội chỉ có Nhất Thừa hay Đại Thừa.

- ***Dẫn chứng cùng trở về Pháp Đại Thừa.***

- ✓ Pháp lành của bậc Thanh Văn Xuất Thế chính là pháp Đại Thừa.

Thông thường, pháp tu xuất ly của Thanh Văn Thừa (bậc trung) là chứng được quả Niết Bàn, nhưng ở trên hội Pháp Hoa, Phật nói: Đó là phương tiện, thật ra, chính là pháp Đại Thừa, cho nên mới nói: “*Những gì các ông tu hành, đó là đại Bồ Tát*”.

Luận Đại Trí Độ cũng nói: “*Dứt trừ Trí Nhị Thừa chính là Vô Sanh Pháp Nhân*” (ở trong thật tướng không sanh diệt của các pháp mà tin nhận không vướng mắc, không thối lui; đó gọi Vô Sanh Nhân hay Vô Sanh Pháp Nhân).

- ✓ Pháp lành của Trời, người cũng là pháp Nhất Thừa thành Phật.

Như kinh Pháp Hoa nói: “*Chỉ niệm một lần Nam Mô Phật, đều được thành Phật Đạo*”.

Cúng dường một nén hương, một cành hoa; chấp tay, cúi đầu cung kính lễ bái; một lần niệm danh hiệu Phật. Đây là những pháp lành của Trời, người đều trở về lập trường của Đại Thừa, đều là pháp Nhất Thừa dẫn đến Phật quả.

○ **Sự giống và khác nhau giữa Nhất Thừa và Đại Thừa.**

▪ **Đại Thừa là Nhất Thừa.**

Nhất Thừa và Đại Thừa có người hiểu không giống nhau; kỳ thật, cả hai là một.

Kinh Pháp Hoa và Kinh Thắng Man đều nói: Pháp Nhất Thừa, có lúc, cũng gọi là Đại Thừa.

▪ **Tùy cơ đặt tên nên không giống nhau.**

Tương đối thì Đại Thừa và Nhị Thừa sử dụng nhiều hơn, còn Nhất Thừa, phần nhiều, khi nói về thành Phật mới đề cập đến. Tùy tình huống như nói về Nhân thì gọi là Bồ Tát Thừa; nói về Quả thì gọi là Phật Thừa.

b. Bao gồm tất cả

不 滯 於 中 下, *Bất trệ ư trung hạ,*

亦 不 棄 中 下, *Diệc bất khí trung hạ,*

圓 攝 向 佛 乘, *Viên nhiếp hướng Phật Thừa,*

不 謗 於 正 法. *Bất báng ư Chánh Pháp.*

Không kẹt vào trung, hạ, Cũng không bỏ trung, hạ,

Tất cả hướng Phật Thừa, Không chê bai Chánh Pháp.

- **Nói chung pháp thượng, trung, hạ đều là pháp môn thành Phật.**

Theo thứ lớp trước sau của Phật Pháp, nói một cách đơn giản thì:

- **Không từ bỏ Pháp trung hạ.**

- ***Không kẹt trung, hạ mà nương vào đó để hướng thượng.***

Bởi vì, khi tu học Phật đạo không nên mắc kẹt vào bậc trung, bậc hạ. Nếu mắc kẹt vào bậc trung, bậc hạ thì Nhân, Thiên đạo, Tiểu Thừa đạo không thể khế hợp với bản ý của Như Lai.

- ***Không bỏ bậc trung, bậc hạ đều là Bồ Tát đạo.***

Phát tâm Bồ Đề có mục tiêu là thành Phật và cũng bỏ pháp hành của bậc trung, bậc hạ. Bởi vì tất cả pháp hành này đều là pháp hành của Bồ Tát, đều là pháp môn để thành Phật.

- **Không chỉ chú trong pháp môn bậc Thượng.**

Có một số người cầu mong bậc cao thượng, nhiệm màu mà thực hành Đại Thừa, không quan tâm đến pháp hành của bậc trung, bậc hạ. Không biết rằng đã bỏ ba trăm do tuần thì làm sao đến được Bảo Sở năm trăm do tuần!

- **Bao gồm các pháp thượng, trung, hạ, quy hướng về Phật Thừa; không chê bai Chánh Pháp.**

Nhân đây, người tu học đã trải qua Bồ Đề Chánh Đạo, cần phải bao gồm đầy đủ tất cả pháp trung, hạ và cùng hướng về Phật Thừa; chớ viễn vông, hảo huyền, đàm huyền nói diệu; ở trong một vị của pháp môn vô biên mà gây ra bao nhiêu rắc rối, đến nỗi, chê bai chánh pháp.

- **Có hai loại người chê bai chánh pháp.**

- **Chê bai pháp Phật bằng những nhân thức khác.**

Dựa vào kinh sách khác, không phải là Pháp Phật để chê bai. Loại chê bai này, mọi người đều dễ biết, cần phải xa lánh.

- **Loại hai có bốn loại do cố chấp mà chê bai pháp Phật:**

Có người cho rằng tôi có căn cơ lớn, không cần học pháp trung, hạ.

Có người cho rằng pháp môn nhân quả, thiện ác vì người ngu si nói, không liên quan gì đến tôi.

Có người cho rằng trong pháp Đại Thừa, chỉ cần bộ kinh hay nửa bộ kinh nào đó, vị Phật nào đó, câu thần chú nào đó; một khi đã hiểu được kinh Phật, chú ấy thì đối với tất cả pháp Phật khác không cần nữa.

Có người cho rằng chỉ cần tu hành chân thật, không cần Văn, Tư kinh giáo làm gì.

○ Những loại người ở trên chệch pháp Phật đều do không biết cương yếu Phật pháp.

Những loại người ấy, có thể nói đó là loại người dị đồ đồng qui (đi khác đường mà về một chỗ) đều vứt bỏ kinh điển, vứt bỏ pháp môn; chỉ giữ lấy một giọt nước mà vứt bỏ cả đại dương. Với chùng ấy, tự cho mình là biển cả.

Với những người ấy có thể nói: 無 慧 之 信, 增 長 愚 痴 Vô huệ chi tín, tăng trưởng ngu si: Tin tưởng mà không có trí huệ thì ngu si càng tăng trưởng.

CHƯƠNG 3: PHÁP CHUNG CỦA NĂM THỪA

❖ **Pháp chung của năm thừa là cơ sở của pháp xuất thế gian, cũng là pháp chung của thế gian với Phật giáo.**

Pháp tâm Sanh Thượng là pháp môn phổ thông tu tập để sanh làm người, làm trời, là con đường bậc hạ ở trong Phật pháp, cũng là cơ sở pháp của bậc Thánh xuất thế, cho nên gọi là Pháp Chung của Năm Thừa.

Ở đây muốn nói: Pháp của bậc Thánh Tam Thừa tu xuất thế, tuy không cầu quả báo Trời, người, nhưng không thể không đầy đủ công đức của Trời, Người.

Nếu chỉ cầu sanh ở nhân gian, thiên thượng thôi thì gọi là Nhân Thừa, Thiên Thừa. Đó là Phật giáo chung với pháp thế gian. Như Nho giáo gần với Nhân Thừa; Đạo Giáo; Gia Tô giáo; Hồi Giáo có liên quan với Thiên Thừa.

❖ **Tuy là cầu sanh trời, người nhưng so với tôn giáo khác, thì Phật giáo có vượt trội hơn.**

Đã đành, Pháp thế gian nói chung cũng có thể đạt được mục đích sanh làm Trời, làm người. Thế thì, người cầu sanh cõi Trời, cõi Người đâu cần phải quy y Tam Bảo, tu học pháp năm thừa chung của Phật Giáo.

- **Tu pháp năm thừa chung thì thẳng vào pháp xuất thế.**

Phật pháp hoàn toàn không nói người cầu sanh cõi Người, cõi Trời không Quy Y Tam Bảo thì những người này không thể tu theo Phật giáo. Song, nếu Quy Y Tam Bảo tu Ngũ Thừa Cộng Pháp thì, không những được an toàn hơn, mà còn tiến thẳng vào cửa lớn Phật Thừa. Chỉ cần hướng thượng thẳng tiến thì có thể vào thẳng pháp Xuất Thế.

- **Tu tôn giáo khác, ngược lại là chướng ngại cho việc xuất thế.**

Ngược lại, nếu tín ngưỡng vào tôn giáo khác, tuy cũng có thể sanh làm Người, làm Trời, nhưng không ở trong Tam Bảo tích tập duyên lành hoặc là đưa đến cô chấp (thành kiến về tôn giáo). Dựa vào pháp Trời, người thì được nhưng đi vào con đường lớn của Pháp Xuất Thế, không những không thể được mà ngược lại, còn bế tắc.

Lý do cùng cầu sanh cõi Người, cõi Trời mà quy y Tam Bảo, ở trong Phật pháp tu hành, so với tín ngưỡng những tôn giáo khác thì được sự tốt đẹp nhiều hơn là vậy!

3.1. Giải, hành cùng tiến bước (Học và Hành song song).

正信歸依者,	<i>Chánh tín quy y giả,</i>
應修於正見,	<i>Ứng tu ư Chánh kiến,</i>
及修於正命,	<i>Cập tu ư Chánh Mạng,</i>

勝進不為難. *Thắng tiến bất vị nan.*

Người nương tựa Chánh Tín, Nên tu Chánh kiến,
Và tu Chánh Mạng, Tiến bộ không gì khó.

- **Giải, Hành thành tựu thì được tiến bộ.**

Đã có Chánh tín nơi Tam Bảo và thọ Quy y thì trở thành Phật tử, tín đồ của Phật Giáo.

Phật tử tu học theo Pháp chung của Năm Thừa; trong ấy cần nắm chắc điều gì?

Về phương diện hành vi của người học Phật, trước hết, nên tu Chánh Kiến.

Về phương diện hành vi của người học Phật, trước hết, cần tu tập Chánh mạng.

Phật từng nói: Người khó có được Chánh kiến và Chánh Mạng. Với hai điều này, nếu tu tập thành tựu được, việc tiến bộ này cũng không phải là dễ. Hướng thượng tu học Pháp Xuất Thế còn không khó, huống gì cầu sanh ở cõi người, cõi trời!

- **Nói vắn tắt về Chánh kiến.**

- **Chánh Kiến là tri kiến do suy luận mà có.**

Chánh kiến là sự hiểu biết chính xác. Kiến và Thức khác nhau. Kiến là chủ trương kiên định có từ suy luận, cho nên, chánh kiến chọn điều hay, đúng rồi cố giữ lấy. Học Phật, cốt

yêu phải có Chánh Kiến, như bắt đầu đi xa, trước hết phải biết rõ con đường đi, rồi mới tin chắc con đường ấy dẫn đến mục đích.

Nhận thức chính xác chưa chắc thành Chánh Kiến. Như hiện tại nghe nói trái đất chuyển động quanh mặt trời, có thể nói đó là tri thức; nhưng tri thức này của Galilei đã bị Cơ Đốc giáo bức hại, cầm tù không thương tiếc; dù đó mới là **Kiến**. Vì vậy, tri thức cần phải chính xác và luôn luôn tu tập, nuôi dưỡng để trở thành Chánh Kiến vững chắc.

○ *Chánh Kiến của thế gian có sức mạnh không làm rơi vào đường ác.*

Chánh Kiến có thể gian Chánh Kiến và xuất thế gian Chánh Kiến. Trong Pháp Chung năm Thừa còn pháp thế gian trong ấy.

Chánh Kiến tuy chỉ cái thấy vững chắc, không thay đổi nhưng còn chỉ sức mạnh cực lớn, như kinh nói: 假使有世間, 正見增上者, 雖復百千生終不墮惡趣: Giả sử hữu thế gian, Chánh Kiến tăng thượng giả, tuy phục bách thiên sanh, chung bất đoạ ác thú: Giả sử ở thế gian, có người chánh kiến tăng trưởng và hướng thượng, tuy sống trăm ngàn đời, cuối cùng vẫn không rơi vào đường ác.

- **Nói sơ về Chánh Mạng.**

- **Ý nghĩa Chánh Mạng.**

Chánh Mạng là gì? Mạng là sanh tồn, sanh hoạt.

Bất cứ người tại gia hay xuất gia đều không thể không sanh hoạt; tất cả kinh tế của sự sống như y phục, ăn uống, đi lại... hợp pháp đều được sử dụng. Đó gọi là Chánh Mạng. Kinh tế sanh hoạt bình thường là điều quan trọng hết sức; hầu hết tội ác đều từ đời sống kinh tế bất chánh mà ra.

- **Luận nói có hai loại Chánh Mạng và Tà Mạng.**

- ***Người tại gia.***

- ✓ **Sống đúng với luật pháp quốc gia, không trái với Phật pháp là Chánh Mạng.**

Người tại gia học Phật, không những tuân theo pháp luật quốc gia mà còn, không trái với pháp Phật.

- ✓ **Tà mạng là không tuân thủ luật nghi.**

Nếu sống bằng sát sanh (đồ tể, thợ săn); trộm cướp; dâm dật (mại dâm); chủ nhà chứa; vọng ngữ (lừa gạt, giang hồ); rượu chè (nấu rượu, quán nhậu). Những cách sống ấy trong Phật Pháp gọi là “Không tuân theo luật nghi”, là Tà Mạng, là chướng ngại sự tu hành.

- ***Người xuất gia.***

- ✓ **Sống nhờ sự bố thí của tín đồ là Chánh Mạng.**

Người xuất gia sống nhờ vào sự bố thí của tín đồ là sống Chánh Mạng.

✓ Biên thủ của tín thí là Tà Mạng.

Bốc thuốc, xem mạch (nếu là nghĩa vụ thì không phạm); xem sao giải hạn; xem tướng tốt xấu làm kế sanh nhai hoặc lừa gạt tín đồ. Đó là Tà Mạng.

▪ *Làm kinh tế và tiêu dùng đúng như pháp mới là Chánh Mạng trong Phật pháp.*

Kinh tế đúng như pháp, tiêu dùng không xa xỉ, không keo kiệt; đó là Chánh Mạng. Cần phải như thế, mới có thể tương ứng với Phật pháp; nếu không thì thân người chưa chắc đã bảo đảm, nói chi đến liễu sanh thoát tử.

○ Không tu Chánh Mạng thì hại mình hại người.

Học Phật mà không tu Chánh Mạng, đó là nguyên nhân Phật giáo Trung Quốc suy đồi. Học Phật Pháp, nhất định phải có nghề nghiệp hợp pháp: thà chịu thống khổ trong một thời gian ngắn, rồi thay đổi nghề nghiệp tà ác ấy, quyết không giữ mãi đời sống tà mạng này để hại mình, hại người.

3.2. Chánh kiến của thế gian.

Có bốn loại Chánh Kiến

3.2.1. Bốn loại Chánh kiến

3.2.1.1. Tổng quát.

所說正見者, *Sở thuyết Chánh kiến giả,*

人生之正觀. *Nhân sanh chi Chánh quán.*

Những gì nói về Chánh kiến, Là Chánh quán của đời người.

- **Quan sát đúng đắn về đời người là Chánh Kiến thuộc thế gian.**

Trên đã nói về Chánh Kiến rồi nhưng rốt ráo là gì?

Dựa vào Chánh Kiến của người thế gian mà nói, đó là sự hiểu biết đúng đắn về đời người, đó cũng là sự quan sát về đời người.

Ý nghĩa sự quan sát về đời người là con người phải tuân theo Chánh Đạo. Từ quan sát chánh xác mới trở thành Định Kiến bằng niềm tin kiên cố, cũng là Chánh Kiến. Đối với người tu học Phật Pháp, chánh kiến cực kỳ quan trọng, giống y bánh lái của con tàu.

- **Chánh kiến không đầy đủ gặp ngoại cảnh dễ dao động.**

Đức Phật từng dạy: Có được Chánh Kiến đặc biệt là Phật tử tại gia, rất khó có được.

- *Vì dinh dưỡng mà mở rộng giới Sát.*

Nếu có người tin tưởng chí thành Tam Bảo, ưa làm việc bố thí, thấu hiểu Phật lý. Đúng là một Phật tử gương mẫu; nhưng

mà đến lúc già yếu; do nghe người ta nói bậy về vấn đề dinh dưỡng, ăn chay gần mười năm mà lại cho phép (mở ra) giới sát.

○ *Vì bệnh tật mà cầu thần linh, xem bói toán.*

Có người bị phải bệnh tật triền miên, trong một thời gian ngắn không thể khoẻ mạnh. Vì vậy mà cầu thần linh, xem bói toán, đến miếu thần tiên mong cầu mộng lành.

○ *Vì thân xác này mà học theo ngoại đạo.*

Có một số người siêng năng tu hành, đến khi tuổi già; vì quá yêu mến cái thân xác mục rã này, liền tu tinh, luyện khí, dùng thủ thuật cấy ghép bộ phận động vật để được cường tráng, nhưng kết quả lại mất mạng.

Tóm lại, tất cả điều này đều do Chánh Kiến không đầy đủ; không thể kiên định tu hành và niềm tin không thay đổi. Đây mới là thân xác, hoàn cảnh không tốt, mà đã dao động, chuyển hướng. Học Phật là phải thấu hiểu về sanh tử, mở ra con đường giác ngộ; hơn nữa, trước tu tập cốt thành tựu Chánh Kiến.

3.2.1.2. Bàn riêng.

a. Có thiện có ác.

心淨或不淨, *Tâm tịnh hoặc bất tịnh,*

利他或損他; *Lợi tha hoặc tổn tha;*

善行不善行, *Thiện hành bất thiện hành,*
佛子應諦察. *Phật tử ứng để sát.*

Tâm tịnh hay bất tịnh, Lợi người hay hại người;
Làm lành hay không lành, Phật tử nên xem kỹ.

- **Chánh Kiến có thiện, có ác.**

Phật nói Chánh Kiến ở thế gian có bốn loại.

- **Bắt tay tu học Chánh Kiến từ sự hiểu biết xác đáng về đạo đức.**

Chánh Kiến có thiện, có ác; bắt đầu suy nghĩ làm việc gì chúng ta phải xác tín, có thiện và bất thiện; cũng chính là có đạo đức và không có đạo đức. Chánh Kiến trong Phật pháp từ kiến thức chính xác của thế gian và xuất thế gian có định luật đạo đức. Nếu kiên quyết phủ định đạo đức, đó là tà kiến, như Lục sư ngoại đạo ở Ấn Độ; triết học hoài nghi, duy vật luận của Thuận thế ngoại đạo.

- **Phân biệt thiện và bất thiện.**

Như thế nào là Thiện, bất Thiện?

- ***Căn cứ vào nội tâm mà nói Tâm tịnh hay Bất tịnh.***

Từ nội tâm của chính mình mà nói: “*Tâm tịnh*” là thiện; nếu như “*Không tịnh*” là không thiện.

- ✓ **Tâm tịnh thiện là tâm sở thiện của ba thiện căn.**

Nội tâm của chúng ta luôn luôn có nhân tố bất tịnh là phiền não loạn động; nếu phiền não tạp nhiễm không khởi lên mà nhân tố thanh tịnh của tâm khởi lên, đó là thiện.

Nếu như ngược lại với tham, sân, si là không tham, không sân, không si; ưa chuộng hiền, thánh mà xem trọng tà, quý, bạo ác, khiến cho tâm định, thân an để siêng năng thực hành chỉ ác, hành thiện. Những việc này đều là Tịnh, là Thiện.

✓ Tâm không tịnh, không thiện là tâm sở ác của ba độc.

Ngược lại với tâm sở thiện trên như: Tham, sân, si, vô tâm, vô quý, bất tín, phóng dật; đó chính là bất tịnh, bất thiện.

▪ ***Dựa vào việc làm đối với người khác là lợi hay hại.***

Nhìn thấy việc làm ảnh hưởng đến người khác.

Như có lợi đối với người khác là thiện; có hại đối với người khác là bất thiện. Mọi người đều có quan hệ với nhau, nên hợp tác giúp đỡ lẫn nhau; xử sự vui vẻ, hoà thuận đúng phép tắc giữa mình và người.

Như làm một việc gì hại người, lợi mình cũng là bất thiện không thể làm. Hay làm một việc gì hại mình, lợi người cũng là điều không nên làm.

▪ ***Theo quá trình từ trong ra ngoài: làm lành, làm không lành.***

Từ trong tâm đến ảnh hưởng bên ngoài, chắc chắn có sự khác nhau giữa thiện hạnh và bất thiện hạnh (làm lành và làm không lành).

Hành là động tác của thân, khẩu. Ý hành là động tác của nội tâm. Ba động tác này đều có thiện và bất thiện, cho nên gọi là làm lành, làm không lành.

• **Chánh kiến là tin, hiểu Thiện, Ác rõ ràng vững chắc.**

Tất cả đệ tử của Phật, hoặc là Phật tử kế thừa gia nghiệp Phật Đà nên quan sát kỹ lưỡng; không những phải tin chắc là thiện hay bất thiện, mà còn phải phân biệt thế nào là thiện, là bất thiện để tu tập thành tựu Chánh kiến kiên định, làm mẫu mực cho chúng ta khi phát tâm thật hành.

b. Có nghiệp có báo.

有報必由業, *Hữu báo tất do nghiệp,*
 微小轉廣大, *Vi tiểu chuyển quảng đại,*
 能引或能滿, *Năng dẫn hoặc năng mãn,*
 決定或不定, *Quyết định hoặc bất định,*
 現生或後報, *Hiện sanh hoặc hậu báo,*
 諸業不失壞. *Chư nghiệp bất thất hoại.*

Do nghiệp nên có báo, Nhỏ xiu chuyển thành lớn,
 Hướng dẫn đến hoàn mãn, Quyết định hay bất định,

Đời nay hoặc đời sau, Các nghiệp còn nguyên vẹn.

- **Có nghiệp, có báo là Chánh Kiến.**

- ***Không thể có định kiến nghiệp báo thiện, ác; sự tin, hiểu về thiện, ác sẽ dao động.***

Có thiện, có ác, trừ thiếu sót tà kiến, hầu hết đều tin hiểu cả.

Song, thiện và ác, dựa vào giá trị hành vi mà nói, chính nó là quả báo về hành vi ấy. Nếu không có định kiến với vấn đề này thì vì hoàn cảnh nào đó mà niềm tin và sự lý giải về thiện và ác sẽ dao động.

Ngày xưa, có một vị đại thần trung quân ái quốc, bị vua xử tử. Lúc sắp chết, ông nói với con trai: “Cha định dạy con làm ác; song, ác thì không thể làm. Cha muốn dạy con làm lành; song cha không thể làm ác!”

Chính vì ông ấy làm lành mà không được quả báo tốt, do đó sanh tâm nghi ngờ đối với Lành và Dữ. Cho nên, chẳng những đối với thiện, ác cần phải có Chánh Kiến nghiệp, mà còn phải có Chánh Kiến nghiệp báo về thiện ác nữa.

- ***Quả báo từ nghiệp nhân sanh ra.***

Tất cả quả báo mà chúng sanh có được, tất nhiên, từ nghiệp lực chiêu cảm.

Có nghiệp, rồi sau, mới có báo. Nghiệp rất nhiều không giống nhau, cho nên mới có quả báo không giống nhau.

Nghiệp thì rất là nhiều, rất là phức tạp; vì vậy, quả báo cũng rất nhiều, rất phức tạp.

▪ ***Ý nghĩa của Nghiệp:***

✓ Nghiệp do sức mạnh của Ý Chí thúc đẩy.

Nghiệp là gì? Báo là gì? Nghiệp là việc làm, là động tác.

Động tác thân thể, ngôn ngữ, nội tâm của chúng ta xuất phát từ sự suy tư, sức mạnh ý chí thôi thúc. Ấy là Nghiệp.

✓ Sự liên quan giữa Nghiệp và Báo.

Căn cứ hiện tại để nói: Những hoạt động thân, miệng, ý có thiện, có ác của chúng ta phát sinh bởi một động lực hướng dẫn; đó là giá trị của đạo đức và không có đạo đức.

- Lao động nông nghiệp, công nghiệp giống như sự nghiệp có liên quan với thiện, ác.

Làm thiện, làm ác..., đó là sự nghiệp cũng như công việc lao động về nông nghiệp, về công nghiệp.

- Nghiệp lực giống như giá trị lao động có được, đó là tiền (công).

- Tiền có thể đổi để lấy đồ dùng giống như quả báo.

Nhờ làm việc mà có được tiền bạc, đó là giá trị của lao động, có thể đổi lấy đồ dùng thích hợp; cho nên có nhiều loại nghiệp lực và chiêu cảm được nhiều loại quả báo.

- ***Ý nghĩa của Báo chính là Di Thực, đó là ý nghĩa đúng nhất, hay Di Loại Nhi Thực.***

Đây là mối liên hệ ở trong Nhân Quả, thuộc loại Nhân, Quả không cùng loại; như làm lành thì được phước an vui ở cõi trời, làm ác thì bị khổ đau ở địa ngục.

- ***Nghiệp lực do Chánh Kiến làm ra, cảm thọ khổ, vui. Ấy là giá trị của thiện, ác.***

Nghiệp lực dựa vào nơi làm ra thì cảm thọ báo ứng hoặc khổ hoặc vui. Đó là vấn đề quan trọng của Chánh Kiến về Thiện, Ác mới có giá trị nhất định. Chỉ có thể thôi.

- **Xin nêu lên một số ý nghĩa của Nghiệp Báo.**

- **Từ nhỏ bé trở thành to lớn.**

- ***Liên tục tạo ra nghiệp nhẹ sẽ tích tập thành nghiệp nặng.***

Ở đây muốn nói: Nghiệp thiện hoặc nghiệp ác nhỏ xíu, nếu liên tục tạo ra thì sẽ tích tập thành nghiệp lực to lớn.

Kinh Cú Pháp nói: 莫輕小惡,以爲無殃,水滴雖微,漸盈大器: mạc khinh tiểu ác, dĩ vi vô ương, thủy đích tuy vi, tiệm doanh đại khí: Chớ xem thường ác nhỏ, Không đem lại tai ương. Giọt nước tuy bé xíu, dần dần đầy ang to. Nghiệp lành cũng như thế.

Người xưa cũng có nói: 勿以惡小而爲之, 勿以善小而不爲: Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi: Chớ xem thường việc ác nhỏ mà làm; việc thiện nhỏ mà không làm. Ý nghĩa giống như nhau.

▪ *Tùy hỷ liên tục thì lực dụng của nghiệp sẽ to lớn.*

Lại còn, nếu tạo tác nghiệp ác hại người, xưa nay cho, là không quan trọng, nhưng chính mình, đối với nghiệp ác này, luôn luôn cảm thấy vừa lòng, đắc ý. Như thế, không cắt đứt ác nghiệp tùy hỷ thì lực dụng của ác nhỏ sẽ trở thành to lớn, so với đại ác chẳng khác gì.

Cũng như thế, thiện nghiệp tuy nhỏ bé, nếu chính ta, tâm luôn hoan hỷ, làm theo thì thiện nghiệp nhỏ, từ từ, cũng trở thành thiện nghiệp lớn.

▪ *Chớ xem thường nghiệp, không tùy hỷ ác nghiệp, tùy hỷ thiện nghiệp.*

Lý do, chúng ta không nên xem thường nghiệp, không nên tùy hỷ ác nghiệp mà, phải tùy hỷ nghiệp lành, mới tốt.

○ *Nghiệp có: Năng dẫn, Năng mãn.*

▪ *Nghiệp năng dẫn.*

Trong vô số nghiệp, có một loại mà nghiệp lực đặc biệt mạnh mẽ. Đó là **Nghiệp Năng Dẫn**, một thật thể báo ứng trong năm đường (ngũ thú) mà chúng ta chiêm cảm: Hoặc

sanh cõi trời; hoặc đọa địa ngục; hoặc đọa bàng sanh. Trong ấy còn vô số loại khác nhau nữa, như trong loài bàng sanh có thể là cạp, có thể là cá...

Đã do sức mạnh của nghiệp chiêu cảm được tổng thể của quả báo về một loài thì sẽ thành chúng sanh của loài đó (tổng thể quả báo: Uẩn, Xứ, Giới). Và gọi đó là Dẫn Nghiệp

▪ ***Mãn nghiệp:***

Còn có một loại nghiệp, hoàn toàn không thể dẫn chúng ta chịu tổng thể quả báo sanh tử mà ngược lại, đối với nhiều phương diện của báo thân người này, có được sự viên mãn hoàn toàn. Đó gọi là **Mãn Nghiệp**.

▪ ***Liên quan giữa Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp.***

Nếu sanh làm người, mặc dù có muôn ngàn sự khác nhau nhưng đều là người; người là tổng báo của Dẫn Nghiệp chiêu cảm.

Những thứ còn lại, như: Sáu căn đầy đủ hay không; tướng mạo có trang nghiêm hay không; màu da đen hay trắng, mắt có sáng tỏ hay không, âm thanh có trong trẻo hay không; hiểu biết có sáng suốt hay không... Những hạng người như thế rất khác nhau, đều do Mãn Nghiệp khác nhau chiêu cảm.

▪ ***Sự khác nhau giữa công sức đời này với nghiệp lực.***

Chẳng qua, trong đó còn có sự khác nhau giữa công sức (hay sự trưởng dưỡng) của đời này với nghiệp báo.

Như tầm nhìn của con người có một hạn chế nhất định (cũng là sự bất đồng của mỗi người). Đó là Nghiệp Lực.

Dựa vào thuốc men, dinh dưỡng, bảo hộ, luyện tập, khiến cho đạt được giới hạn tối đa ấy, ví như tuổi cao mà nhãn lực còn tốt. Đó là nhờ vào sự trưởng dưỡng của công sức đời này.

○ **Quyết định hay không quyết định.**

Nghiệp còn có hai loại: Quyết định hay không quyết định, trong đó còn có Thời gian và Quả Báo không cùng lúc.

▪ ***Thời gian chịu quả báo***

✓ Quả báo có thời gian nhất định hay không nhất định.

Đã có nghiệp, tất nhiên, chiêu cảm quả báo. Đó là quả báo quyết định; nhưng khi nào chịu quả báo? Đời này hay đời sau đó là quả báo bất định.

✓ Thời gian chịu quả báo thì chắc chắn, còn quả báo thì không chắc chắn.

Có thời gian chắc chắn chịu quả báo, nhưng chịu quả báo gì thì không chắc chắn.

✓ Quả báo nhất định, thời gian chịu quả báo cũng nhất định.

Quả báo chiêu cảm được và thời gian chịu quả báo đều nhất định. Ví dụ: Phạm năm nghiệp Vô Gián: Giết cha, ghét mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng; kiếp sau, chắc chắn, đọa xuống địa ngục.

✓ Thời gian chịu quả báo và quả báo đều không nhất định.

Cũng có thời gian và quả báo đều không chắc chắn. Đây hầu hết là nghiệp nhẹ.

▪ *Tất cả nghiệp đều là nghiệp bất định.*

Cổ đức nói: Tất cả nghiệp đều là nghiệp bất định, nói cách khác, tất cả nghiệp đều có **tính cải thiện**.

Chỉ cần quyết tâm thống thiết thì, dù nghiệp ác gì, cũng đều từ nặng thành nhẹ được hay là có hy vọng chịu quả báo bất định.

✓ Dẫn chứng kinh Diêm Dụ.

Kinh Diêm Dụ nói: “*Phạm ác nghiệp trọng đại, chỉ cần có đủ thời gian (nếu già chết quá nhanh thì khó); nhưng dựa vào kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật thì còn có một pháp: Niệm Phật A Di Đà với quyết tâm thống thiết “Tu thân, tu giới, tu định, tu huệ”* thì nghiệp nặng có thể chịu quả báo nhẹ hay bất định. Đây giống như người lấy rất nhiều muối ném xuống dòng sông sâu, dài thì nước của sông ấy không thể mặn được.

Ngược lại, tuy tạo nghiệp tội ít mà chẳng biết tu thân, tu giới, tu định, tu huệ cũng phải chịu quả báo khổ. Việc này cũng giống như lấy ít muối bỏ vào cái cốc nước nhỏ thì nước trong cốc ấy vẫn mặn chát. Đây là chứng minh cho nghiệp bất định.

✓ Dẫn pháp Đại Thừa làm chứng.

Trong pháp Đại Thừa, quán sát **Tánh của Nghiệp vốn** không, bằng cách sám hối chuyển hóa tội nặng thành nhẹ hay dứt trừ; cũng chính là ý nghĩa của Tu Huệ. Cho nên, phạm nghiệp ác nặng, chớ có nản lòng mà phải tha thiết sám hối, tu học Phật pháp.

○ Quả báo đời nay hoặc đời sau.

▪ *Nói chung về nghiệp của ba thời kỳ.*

Thời gian từ khi tạo Nghiệp và chịu Quả Báo có thể chia làm ba kỳ:

Nghiệp báo đời hiện tại là đời này tạo nghiệp, hiện tại phải chịu quả báo.

Nghiệp báo sau khi sanh là phải đợi sau khi thân này chết, đời sống kế tiếp ấy, mới chiêu cảm quả báo.

Nghiệp báo đời sau là sau khi tạo nghiệp, cần phải cách một, hai hay trải qua trăm, ngàn đời mới chịu quả báo.

Vì vậy, Tạo nghiệp, Thọ Báo không thể chỉ căn cứ đời này mà suy tưởng được. Như nói:

行 惡 見 樂,	<i>Hành ác kiến lạc,</i>
為 惡 未 熟,	<i>Vi ác vị thực,</i>
至 其 惡 熟,	<i>Chí kỳ ác thực,</i>
自 見 受 苦	<i>Tự kiến thọ khổ.</i>
行 善 見 苦,	<i>Hành thiện kiến khổ,</i>
為 善 未 熟,	<i>Vi thiện vị thực,</i>
至 其 善 熟,	<i>Chí kỳ thiện thực,</i>
自 見 受 樂.	<i>Tự kiến thọ lạc.</i>

<i>Làm ác mà gặp vui,</i>	<i>Là vì ác chưa chín.</i>
<i>Đến khi ác ấy chín,</i>	<i>Tự chịu khổ liền thôi.</i>
<i>Làm lành mà gặp ác,</i>	<i>Là vì lành chưa chín.</i>
<i>Đến khi lành ấy chín,</i>	<i>Tự gặp an vui ngay.</i>

▪ **Nói riêng nghiệp ba đời.**

✓ Nghiệp báo đời này chỉ có kinh báo và hoa báo.

Hiện báo của nghiệp trong ba đời, có thể là nghiệp báo nhẹ, cũng có thể là quả báo của nghiệp nặng.

Bởi vì quả báo hiện tại là nghiệp lực thiện ác đời trước chiêu cảm; chưa chết thì không có cơ sở hay sự cố trọng đại

để biến đổi.

- Nghiệp nhẹ chịu quả báo hiện tiền.

Nghiệp nhẹ thì tại sao chịu quả báo hiện tại? Bởi vì nghiệp nhẹ không thay đổi được quả báo quan trọng một đời này. Ví như chính phủ hiện do đảng nào đó cai trị vốn có chính sách cơ bản, không thể có sự thay đổi quan trọng ngược lại. Với đảng không cầm quyền, nếu có ý kiến không quan trọng thì chính quyền hiện tại có thể vui vẻ tiếp nhận ý kiến ấy.

- Nghiệp nặng tại sao chịu quả báo trong đời này (Đối với quả báo tương lai mà nói)?

Bởi vì nghiệp lực quá nặng, đối với toàn thể quả báo có ở hiện tại, chịu ảnh hưởng quá lớn. Đây giống như thế lực đảng không cầm quyền quá mạnh nên chính quyền hiện tại không thể tiếp nhận ít nhiều ý kiến ấy, chỉ là để sự tồn tại của chính quyền không nguy hiểm với điều kiện chính quyền phải có chính sách tốt.

✓ Cho đến nghiệp báo đời này và nghiệp báo đời sau đều có khinh trọng.

- **Điểm chung của nghiệp báo là các nghiệp không mất đi.**
 - *Nghiệp hợp với duyên thì chịu quả báo.*

Tóm lại, nghiệp có nhiều loại không giống nhau nhưng có một điểm tuyệt đối tương đồng. **Đó là các nghiệp không mất trước khi chịu quả báo, nếu như chưa chứng quả vị giải thoát; đó là nghiệp không thể mất đi, cho dù thế nào.** Có nghiệp thì có báo. Đời này chưa chịu quả báo, đời sau chưa chịu, đến ngàn vạn đời sau, nghiệp lực vẫn hiển nhiên tồn tại; chỉ cần nhân, duyên hòa hợp, thì quả báo ắt phải nhận lấy.

○ **Xin nêu thí dụ trong Tam Muội Thủy Sâm:**

Phẩm Duyên Khởi trong Tam Muội Thủy Sâm nói rằng: Vào thời Tây Hán, vì Viên Áng bị hại nên giết lầm Triệu Thố. Tội sát sanh do Viên Áng làm (sai người khác giết), mãi đến khi chưa chịu quả báo. Đến mãi kiếp sau, khi làm quốc sư Ngô Đạt vào cuối nhà Đường, Quốc Sư Ngô Đạt do tham đắm tòa trầm hương mới chiêu cảm quả báo ác nghiệp là mù tịt mắt người xuất hiện ở đầu gối của ngài. Theo truyền thuyết này nói lên ý nghĩa: Nghiệp lực rõ ràng không thể mất đi được.

c. Có đời trước, có đời sau.

隨業報善惡,

Tùy nghiệp báo thiện, ác,

五趣常流轉,

Ngũ thú thường lưu chuyển,

隨重或隨習,

Tùy trọng hoặc tùy tập,

或復隨憶念, *Hoặc phục tùy ức niệm,*
 由業往後有, *Do nghiệp vãng hậu hữu,*
 薪盡火相傳. *Tân tận hỏa tương truyền.*

Quả Thiện, Ác tùy nghiệp, *Năm nẻo thường tới lui,*
Tùy Nặng hoặc tùy Tập, *Hoặc còn tùy Nhớ Nghĩ,*
Từ nghiệp đến thân sau, *Củi hết lửa còn truyền.*

• **Chánh kiến là nhận biết có đời trước, có kiếp sau.**

○ **Không thể tin nhận hai quan niệm: Đời trước, đời sau.**

Thiện, ác đều có quả báo, đa số tin điều này. Nhưng có một ít chỉ tin quả báo hiện tại của nghiệp hiện tại, không tin quả báo đời sau. Nhưng làm thiện, làm ác, quả báo hiện tiền chỉ có số ít nên không thể hiểu lầm rằng “*Thiên Đạo vô tri*” (Đạo trời không thấu).

Có số ít người chỉ tin quả báo nghiệp thiện, ác ở đời con, cháu. Như nói: Tích thiện chỉ gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương: Nhà nào chứa điều thiện, chắc chắn dư sự an vui; nhà nào chứa điều ác, chắc chắn dư sự tai ương.

Có một số người chỉ tin đời này, đời sau nhưng không tin đời trước, như tín đồ đạo Cơ Đốc,...

Dựa vào tôn giáo này, tuy dạng người bỏ ác hướng thiện nhưng không hiểu rõ đời trước, đối với quả báo đời này nhiều sự khác nhau thì không có cách nào nói cho rõ được, cũng không có cách nào làm cho người ta phát sanh chánh kiến hợp lý.

Cơ Đốc Giáo nói: Sanh ra bị mù mắt, đó là thần muốn biểu hiện quyền lực ngay trên thân thể của người ấy. Kỳ thật, Cơ Đốc giáo không thể trả lời được vấn đề này, bởi vì trong thế giới hiện nay, tại sao người mù nhiều đến thế!

- Vì vậy, không chỉ có Chánh Kiến về thiện, ác, nghiệp báo; đối với đời trước, đời sau, cần tiến thêm một bước nữa với sự tín giải kiên định, hầu Chánh Kiến mới phát sanh được.

- **Nghiệp báo lưu chuyển đối với đời trước, đời sau.**

- Tùy theo nghiệp mà chiêu cảm quả báo thiện, ác.

Chúng sanh tạo ra nhiều nghiệp, nào: Thiện nghiệp, ác nghiệp, dẫn nghiệp, mãn nghiệp, sanh báo nghiệp, hậu báo nghiệp. Tùy theo nghiệp lực này mà chiêu cảm đến quả báo đời sau.

Quả báo của thiện nghiệp ở cõi người, cõi trời. Quả báo của ác nghiệp ở địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ.

○ **Thường trôi lăn trong năm đường.**

▪ **Sự khác nhau giữa năm đường.**

Năm đường là địa ngục, bàng sanh, ngã quý, người, trời. Từ vô thủy đến nay, chúng sanh luôn luôn trôi lăn trong năm nẻo luân hồi do nghiệp lực thiện, ác; sanh mãi không ngừng.

Chữ Thú có nghĩa là hướng về; chính là theo nghiệp dẫn đến nơi ấy. Với năm loại này nên gọi là Năm Đường.

▪ **Sự khác nhau giữa năm đường và sáu đường:**

✓ Lập riêng A Tu La thành sáu đường.

Thêm A Tu La vào năm đường ở trên thành sáu đường. A Tu La dịch ý là Phi Thiên. Đạo là dịch khác của Thú.

✓ Nếu gộp A Tu La vào đường quý hay bàng sanh thì thành năm đường.

Trong kinh luận của Đại, Tiểu Thừa có khi nói năm đường, có khi nói sáu đường. Phần lớn A Tu La ở trong biển lớn, cho nên có thể gọi vào đường quý hay đường bàng sanh thì thành năm đường.

▪ **Phạm vi lưu chuyển là ở trong năm đường ấy.**

Lưu chuyển là luân hồi. Lưu chuyển là Luân hồi. Ở đây không nói là lên, xuống năm đường; đời trước, đời sau; có

một thứ tự cố định, mà là muốn nói lên hay xuống, tới lui cũng không ra ngoài phạm vi năm đường ấy.

○ **Có ba loại nghiệp lực từ đời này đến đời kia.**

Lấy đời này để nói thì nghiệp được tạo ra rất khó kể xiết và nghiệp lực chưa chấm dứt trong đời quá khứ còn tích lũy đến hiện tại. Đó là nghiệp đời trước chưa hết mà, nghiệp đời sau lại đến và càng về sau càng nhiều. Nếu đời này chết đi thì cuối cùng quả báo đời sau là chiêu cảm một loại nghiệp gì? Không thể xác định được, nhưng không ra ngoài ba loại lớn:

▪ ***Tùy trọng.***

Có người làm nghiệp lành trọng đại hoặc làm nghiệp ác trọng đại, như năm nghiệp vô gián...

Nghiệp lực mạnh mẽ khác thường, không kể đến có ý thức hay không có ý thức thì Trọng nghiệp vẫn chiếm địa vị ưu việt.

Đến khi sắp chết, thấy địa ngục hoặc thấy thiên đường. Đó chính là Nghiệp Tướng hiện tiền. Đó là những dấu hiệu thần thức người chết đi lên hoặc đi xuống. Cứ tiếp tục như thế trọng nghiệp thiện hay ác khởi lên công dụng chiêu cảm quả báo đời vị lai một cách chắc chắn.

▪ ***Tùy tập.***

Tập quán tạo tác không dừng. Đã không có trọng ác, cũng không có đại thiện trong một đời trôi qua.

Trong một đời trôi qua, tuy trọng nghiệp không rõ ràng nhưng nghiệp thiện, ác đã làm liên tục. Đối với nghiệp thiện hoặc ác nào đó nuôi dưỡng thành tập quán và đã trở thành sức mạnh to lớn; đến khi sắp chết, loại nghiệp lực do tập quán này tạo thành, tự nhiên, phát sanh tác dụng chiêu cảm quả báo đời sau. Đây là điều chắc chắn.

Hồi xưa, có một vị trưởng giả hỏi Phật: Thường ngày, con niệm Phật, không mất chánh niệm. Nhưng mà, có lúc ở ngã tư đường, người đông xe cộ cũng nhiều, đến cố tâm niệm Phật cũng quên. Con chợt nghĩ, ngay tại lúc đó, chẳng may chết đi thì không biết có bị đọa lạc hay không?

Đức Phật bảo với ông: Sẽ không bị đọa lạc, vì ông thường ngày niệm Phật, nuôi dưỡng đã thành tập quán thiện hướng về Phật, cho nên, dù mất chánh niệm khi chết cũng sẽ sanh lên cõi trời; vì nghiệp lực lớn mạnh nên, không nhất định, tương ứng với Tâm. Ví như một cây lớn nghiêng về phía Đông, khi cây ấy bị đốn, chắc chắn nó sẽ ngã về hướng ấy.

Quan trọng nhất là thường ngày nuôi dưỡng Thiện nghiệp thành tập quán. Cho nên phải ngưng ác, làm lành; hay làm các nghiệp lành trọng đại. Như vậy, dĩ nhiên là rất

tốt. Việc cần thiết nhất là còn phải tu hành hằng ngày để nuôi dưỡng thành tập quán thì lúc chết, nhờ nghiệp lực sẽ đi lên.

▪ *Tùy ức niệm.*

Hoặc có người tùy Ưc Niệm. Nghĩa là đang sống mà không có nghiệp thiện hay ác to lớn, quan trọng; cũng không tạo ra tập quán thiện hay ác nghiệp, đến lúc chết, hoảng hốt, rơi vào tình huống chẳng biết đi về đâu. Cuối cùng, bỗng nhớ đến việc lành đã làm, nhờ thế, phát sanh thiện nghiệp, rồi cảm thọ được quả báo trời, người; nếu bỗng nhớ việc ác đã làm lúc sống, do đó, phát sanh ác nghiệp đưa đến đọa lạc. Đối với loại người này, khi sắp chết mà nhớ lại việc đã làm khi sống như thế, là cực kỳ quan trọng. Vì vậy, khi người sắp chết, tốt nhất là nói pháp cho họ nghe, niệm Phật cho họ nghe, nhắc lại những việc làm lành của họ khi còn sống, để họ nhớ lại việc lành ấy, thì sẽ chiêu cảm quả báo thiện nghiệp đã làm.

Quan trọng nhất là huân tập nghiệp mọi lúc mọi nơi.

Trợ niệm khi sắp chết của Tịnh Độ Tông cũng nằm trong ý nghĩa này. Đó cũng là cách **Tùy Ưc Niệm** (gợi lại trí nhớ trong ký ức), giống như Tùy Trọng, Tùy Tập của chúng sanh, đến lúc sắp chết, nghiệp lực rất lớn. Nếu Trọng Nghiệp, Tập

Nghiệp là ác thì rất khó làm cho những người ấy nhớ lại Tam Bảo hay công đức Bồ Thái, Trì Giới. Học Phật, Tu Hành rốt lại là việc làm khẩn thiết lúc sanh bình.

- **Nghiệp cảm sống, chết tương tục không dứt.**

- Từ nghiệp đi đến Thân sau.

- *Từ Nghiệp chiêu cảm Quả Báo; sống chết tiếp nối không dễ gì nhận thấy rõ ràng.*

Chúng sanh, ở trong sống chết, không được tự tại mà thuận theo sự sắp xếp của Nghiệp Lực. Đời sống hiện tại trải qua giai đoạn tử vong, rồi chuyển biến, bắt đầu một đời sống mới, đi đến những quả báo đời sau cũng thế. Đây chính là sanh rồi lại sanh, trong khoảng đời này và đời sau; không phải một, không phải khác; liên tục, không phải thường, không phải đoạn; quả thật, cực sâu sắc, không dễ nhận thấy rõ ràng được.

- *Đối với vấn đề Nghiệp Cảm Sanh, Tử.*

- ✓ Bậc Thánh và người chứng được thiên nhãn thông thấy rõ quả báo do nghiệp cảm.

Do nghiệp cảm quả báo mà sống, chết không dừng. Với bậc Thánh thì không chút nghi ngờ; đặc biệt người chứng được thiên nhãn Thông (ngoại đạo cũng chứng được, cho nên, ngoại đạo cũng lý giải, tin tưởng ít nhiều nghiệp báo đời trước, đời sau), đối với vấn đề này thấy rõ, không sai lầm.

✓ Nhưng hầu hết phàm phu không có trí thanh tịnh, đối với đời trước kiếp sau, hoàn toàn mờ tối, đâu có biết gì.

Tuy có một ít người biết được nhân và đời sống kiếp trước, nhưng lại bị duy vật luận tầm thường phủ nhận.

✓ Ba cách hiểu rõ và tin tưởng Nghiệp Cảm

Có thể biết, hiểu rõ và tin tưởng Nghiệp Cảm bằng ba cách: **Hiện Chứng Lượng, Thánh Ngôn Lượng, Tỷ Lượng.**

Cho nên, tốt nhất cho việc tu học là dựa vào Pháp Phật, mới được trí thanh tịnh, phát sanh thiên nhãn thông thì chính mình sẽ chứng thật vấn đề này.

Ngoài cách này ra, chỉ có niềm tin lời dạy của Đức Như Lai và dựa vào khả năng suy luận mới tin tưởng, hiểu được.

○ **Củ hết lửa vẫn lưu truyền.**

Nói rõ ràng giáo lý, người mới học không dễ gì. Xin tạm nêu lên một ví dụ: “Củ hết Lửa vẫn lưu truyền” để nói rõ ý nghĩa.

▪ *Từ ví dụ trên sẽ nêu lên mối quan hệ giữa đời trước, đời sau không phải thường, không phải đoạn một cách rõ ràng.*

Trang Tử nói: 薪火傳也，不知其盡也: Tân hỏa truyền dã, bất tri kỳ tận dã: Lửa, Củ truyền nhau, không biết

cái tận cùng của nó.

Đại sư Viễn Công ở núi Lô đã từng dẫn ví dụ này để nói về đạo lý tương tục của chết và sống.

✓ Lửa trước và lửa sau.

Giống như củi trước đốt cháy phừng lên ánh sáng, đợi đến khi củi hết, lửa tắt; lại đốt đến bó củi khác, lửa cháy lên trở lại càng dữ hơn.

Củi trước không phải là củi sau; lửa sau cũng không phải là lửa trước; nhưng lửa sau không thể không nói từ lửa của củi trước đến.

✓ Đời này và kiếp sau.

Với những thuyết này nói rằng khi hoạt động của sanh mạng ngừng lại thì mở ra một sanh mạng mới; đời này không phải là đời sau, nhưng mà, đời sau chắc chắn dựa vào nghiệp lực của đời này mà có.

- *Từ lửa của củi tiếp nối sẽ rõ được mối quan hệ giữa đời này, đời sau không phải một, không phải khác.*

Nhưng từ chết đến sống, đều có khoảng cách của không gian và thời gian, vì vậy, việc tái sanh sau khi chết được tiếp nối như thế nào là điều cần, phải giải thích cho rõ.

✓ Phật nói: Công năng ở đời quá khứ khi Nghiệp Diệt không mất.

Dựa vào nghĩa sâu xa của pháp Phật mà nói: Sự hoạt động của Thân, Tâm là sự biểu hiện hình thái của sanh mạng.

Khi chết thì, từng sát na, thân, tâm mất đi. Sự biểu hiện rõ nhất của Thân, Tâm, lúc ấy, bỗng nhiên dừng lại; nhưng hoạt động của Thân, Tâm ở quá khứ thì không mất. Đây chính là “業滅過去，功能不失”： Nghiệp diệt quá khứ, Công Năng bất thất” Đây có thể nói: Sanh mạng tiềm tại.

Chờ đến khi Nhân Duyên chín muồi thì Nghiệp Lực quá khứ sẽ dẫn đến hoạt động của một Thân, Tâm mới và bắt đầu một sanh mạng mới.

✓ Dụ hợp: Nghiệp lực không mất như tro tàn lại cháy.

Bây giờ dùng lại ví dụ: Củi, Lửa tương truyền.

Khi lửa đốt vật, ánh sáng phát ra mạnh mẽ, giống như biểu hiện sự hoạt động của sanh mạng. Chờ đến lửa cháy hết hoàn toàn thì ánh sáng của lửa phát ra cũng hết. Giống như kết quả của một mạng sống: Chết rồi Lửa đã tắt, tro nóng dường như cũng lạnh dần, nhưng tro nóng gặp được vật dễ cháy, còn thêm ngọn gió thổi vào, giống như tro tàn lại phát cháy, giống như ánh sáng mới phát ra hừng hực.

Chờ đến khi nhân duyên hoà hợp thì Nghiệp Lực ở quá khứ sẽ phát sanh ra một mạng sống mới.

○ *Tóm lại, sanh tử nối tiếp nhau không thường, không đoạn; không một, không khác.*

- *Theo ví dụ mà nói: Thời gian, không gian của đời trước, đời sau đều không làm trở ngại khoảng cách.*

Ánh sáng từ tro tàn mà cháy lại không phải là lửa đời trước, nhưng mối quan hệ với lửa đời trước thì rõ ràng không thể phân ly. Đây giống như đời sau không phải đời trước, nhưng nghiệp lực đời trước và đời sau có quan hệ.

Từ lửa trước đến lửa sau, về thời gian, có thể có gián cách. Đây giống như khoảng cách thời gian và không gian giữa đời trước và đời sau, về cự ly, không có trở ngại. Đây chỉ là ví dụ thôi.

- *Dựa vào pháp Phật mà nói: Trong Pháp Tánh Không, giống như ảo hoá, không thể có gián cách của thời gian, không gian.*

Nếu dựa vào Phật pháp mà nói: Nghiệp Lực của quá khứ, ở trong pháp Tánh không như ảo hoá, vốn không thể nói có sự gián cách của thời gian, không gian, chỉ cần sự hoà hợp của Nhân Duyên (như con người sanh ra cần có sự hoà hợp tinh cha, huyết mẹ...) trong khoảng thời gian, không gian nào đó để dẫn đến một sanh mạng mới được sanh ra và hoạt động của Thân, Tâm mới bắt đầu.

d. Có cảnh thánh, cảnh phàm.

生死常相續, *Sanh tử thường tương tục,*

聖者得解脫, *Thánh giả đắc giải thoát,*

凡聖縛脫異, *Phàm thánh phược thoát dị,*

深信勿疑惑. *Thâm tín vật nghi hoặc.*

Sống chết luôn tiếp nối, Bậc Thánh thì giải thoát,

Phàm phu bị trói buộc, Tin sâu chớ nghi ngờ.

• **Chánh kiến có phàm phu và Thánh nhân.**

- **Có người tin ba chánh kiến ở trước, nhưng không tin bậc thánh, con người thì không hy vọng gì.**

Chánh kiến có chánh kiến thiện ác, nghiệp báo, đời trước đời sau. Tuy nhiên, rất khó có được chánh kiến. Ví như không tin cảnh giới tự tại, giải thoát của bậc thánh; chúng sanh thật là khổ! Trôi lăn trong năm đường; sống chết liên tục; lên xuống không ngừng. Đây là màn bi kịch của con người diễn hoài không dứt. Làm thế nào đây!

- **Tin tưởng vào bậc Thánh thì con người mới phá tan được u minh, hướng về ánh sáng.**

Con người quyết không tuyệt vọng, như thế mà, tin chắc vào sự tự tại, giải thoát của bậc thánh mới có thể tiến bước, vươn xa; phá tan hắc ám, khai thác ánh sáng vô biên. Vì vậy, cần thiết phải có Chánh Kiến về phàm phu, về thánh nhân.

- **Sự khác nhau giữa phàm, thánh.**

- **Đôi diện với sống, chết thì mới hiểu rõ phàm, thánh.**

- ***Phàm phu sanh, tử nối tiếp không dừng.***

Từ vô thủy đến nay, chúng sanh ở trong năm đường, sống chết, chết sống, lưu chuyển tương tục; nói chung, đây là hạng phàm phu.

- ***Bậc Thánh thì từ sanh, tử mà được giải thoát.***

- ✓ **Bậc Thánh trải qua tu hành mà chứng được và ra khỏi sanh tử.**

Thánh nhân là dùng trí thanh tịnh, vô lậu, thể chứng pháp Tánh.

Như thế nào mới gọi là bậc Thánh?

Một khi thể hiện được Trí Vô Lậu, thanh tịnh, thể chứng được Pháp Tánh (Chân Như của tất cả Pháp); đó chính là Thánh Nhân. Chớ lẫn lộn với thần thánh giả danh của thế gian. Thánh nhân cũng có nhiều cấp bậc; nhưng so với phàm phu, căn bản không giống nhau. Đó chính là ở chỗ, một bên, chứng được Trí thanh tịnh và thể nhập chân lý; một bên thì chưa.

- ✓ **Giải thoát là bằng Trí Thanh Tịnh cắt đứt căn bản phiền não, sanh tử.**

Thế nào gọi là Giải Thoát? Giải là mở ra; Thoát là ra khỏi.

Ở trong sanh tử, chúng sanh không được tự tại, giống như bị trói buộc ở trong lưới.

Bậc Thánh đã chứng được Trí Thanh Tịnh thì cắt đứt phiền não căn bản sanh tử. Đây là từ sanh tử mới được giải thoát, mới được tự tại, mới được an lạc chân thật.

▪ ***Dựa vào ngu si và trí huệ hiểu rõ Phàm, Thánh.***

✓ Tất cả phàm phu, thánh nhân đều có Thân Thức.

Phàm phu, Thánh nhân từ xưa đến nay đều giống nhau là có thân thức, hay có báo thân là Thân Thức (有識之身 Hữu thức chi thân).

✓ Vì vô minh và trí huệ nên có sự khác nhau giữa phàm, thánh.

Bởi vì phàm phu ngu si lấy Vô Minh làm chủ nên mới bị trói buộc trong sanh tử, không được tự tại.

Bậc thánh nhờ tu tập vững chãi nên mới được Trí thanh tịnh, lấy Bát Nhã làm chủ nên mới thoát khỏi sự trói buộc của sanh tử.

▪ ***Phàm, Thánh khác nhau ở chỗ trói buộc và giải thoát; nên tin sâu, chớ nghi ngờ, dù tí xíu.***

Đây là sự khác nhau giữa phàm thì trói buộc còn thánh thì giải thoát, phải có long tin sâu sắc, chớ nghi ngờ dù tí xíu.

✓ Tin có bậc Thánh là có giải thoát, có sự tu dưỡng thì dần dần trở thành hạt giống của pháp xuất thế.

Vì có lòng tin thì biết có bậc Thánh, có giải thoát, có trí huệ chân chánh, có năng lực lớn; đối với công đức của bậc Thánh như: Tam Minh (thiên nhãn, túc mạng, lậu tận), lục thông (thần cảnh, thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, lậu tận), thập lực (Xứ phi xứ trí, nghiệp dị thực trí, tịnh lực giải thoát đẳng trì đẳng chí trí, căn thắng liệt trí, chủng chủng thắng giải trí, chủng chủng giới trí, biến thú hành trí, túc trụ tùy niệm trí, tử sanh trí, lậu tận trí), Tứ vô sở úy (thuyết nhất thiết trí, thuyết lậu tận, thuyết tận khổ đạo, thuyết chương đạo), Thập bát bất cộng pháp (thân vô thất, ngữ vô thất, niệm vô thất, vô dị tướng, vô bất định tâm, vô bất tri dĩ xả, dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, niệm vô giảm, huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm, trí tri quá khứ vô trước vô ngại, trí tri vi lai vô trước vô ngại, trí tri hiện tại vô trước vô ngại, thân nghiệp tùy trí huệ hành, ngữ nghiệp tùy trí huệ hành, ý nghiệp tùy trí huệ hành), đều tin nhận hoàn toàn. Khả năng này chính là phương cách phụng hành Nhân Thừa, Thiên Thừa; hiện giờ chưa thể cầu mong tiến bước trên

đường xuất thế, giải thoát theo pháp Phật mà chỉ có thể nuôi dưỡng từ từ hạt giống pháp xuất thế.

✓ Không tin có bậc thánh thì trăm điều hại, không một điều lợi.

Nếu không như thế thì tất cả công đức của bao nhiêu bậc Thánh đều không thể tin được. Đây không những là chệch sự thật mà còn huân tập thành chủng tử của tà pháp và nó làm chướng ngại cho sự tiến tu của chính mình.

- Cách suy nghĩ của người ngu.

Có một ít người tự cho mình thông minh, lấy cái hiểu biết của phàm phu đem so sánh tất cả với những kiến thức khác, biết rằng mình không phải là Thánh, không có trí thanh tịnh, không có thần thông. Con người đều là như thế, làm gì có thánh nhân trong đó? Đây là sự ngu si của loại người này. Thật đáng thương sao.

- Nêu lên những việc thô thiển của thế gian để làm rõ tình huống ấy.

Giống như dùng đất sét để làm cái bình mà chưa qua lửa nung luyện nên gặp nước thì tan rã; gặp nắng nóng gió thổi bể hư, hao mòn. Còn nếu đã qua lửa nung luyện thì sẽ thành

cái bình sứ, lúc ấy, gặp nước sẽ không tan, gặp gió thổi, gặp nắng soi sẽ không hao mòn, tan vỡ.

Những việc tầm thường, thô thiển của thế gian đã trải qua tu luyện vẫn còn vô số bất đồng, hướng chi tự xưng: “Con người là linh thiêng nhất trong vạn vật” sao?.

✓ Tin và hiểu thật sâu sắc sự tồn tại của phàm, Thánh để đưa đến Chánh kiến vững chắc.

Sự tồn tại của phàm phu và Thánh nhân, từ trong niềm tin và hiểu biết thật sâu sắc, vững chãi thì mới phát khởi Chánh Kiến kiên định.

Trên đã nói rõ nội dung chủ yếu của Chánh Kiến thế gian. Đó là kiến thức không thể thiếu của người tu, học pháp Phật.

3.2.2. Năm hướng của thế gian

3.2.2.1. Năm đường trong thế gian có nhiều bức bách và khổ đau.

流轉五趣中, *Lưu chuyển ngũ thú trung,*

身心多苦迫. *Thân tâm đa khổ bách.*

Trôi nổi trong năm đường, Thân tâm nhiều đau thương.

- **Tóm lại, năm đường nhiều đau khổ, bức bách.**

Chúng sanh trôi nổi trong năm đường, thật sự không dễ chịu chút nào. Về thân tâm luôn luôn chịu biết bao khổ sở.

- **Riêng nói khổ sở nhiều ít của năm đường.**

Chẳng qua từ khổ nhiều đến khổ ít nên cũng cảm thấy nhẹ nhàng đôi chút.

Ba đường ác khổ nhiều, không cần nói nhiều.

Người đời cũng thế “*Trong mười chuyện thì chín chuyện không như ý*”.

Chư thiên hưởng phước cũng trở lại buồn khổ. Đặc biệt là lúc sắp chết, tự biết mình sẽ bị đọa lạc, buồn khổ vô cùng không thể nói lên lời!

3.2.2.2. Khổ và Vui khác nhau.

a. Đường ác.

Phân biệt các đường ác

Địa ngục.

大地獄極熱,	<i>Địa ngục cực nhiệt,</i>
近邊遍遊歷,	<i>Cận biên biến du lịch,</i>
八寒及孤獨,	<i>Bát Hàn cập Cô Độc,</i>
是諸苦中極.	<i>Thị chư khổ trung cực.</i>

<i>Đại địa ngục nóng lắm,</i>	<i>Từ gần cho đến xa,</i>
<i>Bát Hàn và Cô Độc,</i>	<i>Nhưng nơi khổ rất mực..</i>

- **Ý nghĩa của địa ngục.**

Trước nói sự khổ đau của địa ngục. Địa ngục tiếng Phạn gọi là Nại Lạc Ca, có nghĩa là chỗ khổ.

- **Hợp bốn loại địa ngục thành mười tám loại địa ngục.**
Địa ngục chia ra bốn loại, tổng cộng mười tám địa ngục.
- **Loại thứ nhất là tám địa ngục nóng, là địa ngục lớn rất nóng.**
 - ***Chịu khổ sở nóng bức vô cùng do lửa dữ thiêu đốt, nên gọi là tám địa ngục nóng.***

Chủ yếu là tám địa ngục nóng.

Chủ yếu là tám địa ngục căn bản.

Do lửa dữ thiêu đốt, chịu khổ đau bức bách, nên gọi là tám địa ngục nóng.

Thiết lập tám địa ngục nóng ở trung tâm địa cầu.

- ***Căn cứ kinh luận nói rằng tám địa ngục nóng ở trung tâm địa cầu.***

✓ **Kinh luận nói: Tám địa ngục lớn ở tầng cuối của trái đất này.**

Trung tâm địa cầu là nơi lửa thiêu đốt dữ dội; giống như núi lửa bùng phát, phun trào lửa nóng ra ngoài.

Kinh Phật và Cựu Ước Cơ Đốc Giáo đều có nói đến quả đất nứt toát ra, chôn sống thân người xuống địa ngục.

Vì vậy bát nhiệt địa ngục, chắc chắn dưới đất là trung tâm địa cầu, không nghi ngờ gì nữa.

✓ Bác bỏ sự nghi ngờ của người khác.

Có người hoài nghi: Lửa nóng như thế, mạng sống làm sao tồn tại? Đó là không biết nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn!

Có loài vào nước thì chết, có loài vào trong nước mới sống được. Có loài chôn xuống đất thì chết, có người sanh trưởng dưới đất. Chúng sanh không thể nghĩ bàn, chớ có chỉ dựa vào tình trạng sinh lý của chính mình mà suy tưởng rằng tất cả cũng như thế.

✓ Tên gọi và đặc điểm của tám địa ngục lớn.

- Tám địa ngục lớn là: Đẳng hoạt, hắc thẳng, chúng hợp, hào khiêu, đại hào khiêu, viêm nhiệt, cực nhiệt, vô gián.
- Đặc điểm: Những địa ngục này có hai đặc điểm:
- + Chịu bức hại của lửa thiêu đốt nóng như nước đồng sôi.

Hết thủy đều bị lửa thiêu đốt dữ dội, tương tự nước đồng sôi nấu chảy (gần giống như nham thạch của núi lửa). Đất sắt, nhà sắt, chảo sắt, rào sắt, núi sắt, dây sắt, dao sắt, vòng sắt, chày sắt, chuỗi sắt, than sắt, đinh sắt, kiếm sắt, viên sắt; những đồng sắt đốt cháy này với vô vàn cách bức bách tội nhân.

+ Thân to sống lâu, cùng cực khổ đau không ngừng mà muốn chết không thể.

Thân thể càng lớn, tuổi thọ càng dài (địa ngục vô gián sống lâu một trung kiếp = 335.960.000 năm). Nguyên nhân có những đau khổ vô cùng trong địa ngục, không phải muốn chết mà được, muốn sống cũng không xong, vì đời trước nghiệp lực chưa hết nên đâu có cách nào, chết cho được; đốt cháy thành tro mà còn phải sống lại. Địa ngục vô gián sâu tận trong lòng đất (tiếng Phạn là A Tỳ) lửa cháy dữ dội, thân thể cực kỳ thống khổ, không gián đoạn tí nào. Đây là chỗ chịu quả báo cho chúng sanh tạo tội cực ác.

○ **Địa ngục cận biên.**

- ***Sự quan hệ giữa địa ngục cận biên và bát nhiệt địa ngục.***

Địa ngục Cận Biên còn gọi là Du Tăng địa ngục. Nơi đây gần với tám địa ngục lớn, nhiệt độ của những địa ngục này tương đương với nhau.

- ✓ **Từ tám địa ngục nhiệt hợp với bốn cửa thành 128 địa ngục.**

Mỗi địa ngục lớn đều có bốn cửa. Từ mỗi cửa đi ra có bốn loại địa ngục giống nhau. Như thế, mỗi địa ngục có bốn cửa

và mỗi cửa có bốn địa ngục, tổng cộng có mười sáu địa ngục. Tám địa ngục đều như thế nên tất cả có 128 địa ngục.

✓ Giải thích danh từ Du Tăng (遊 增).

Chúng sanh trong tám địa ngục lớn, khi chịu khổ đau xong thì từ mỗi cửa đi ra, lại lần lượt phải đi khắp bốn cửa địa ngục này. Mỗi nơi đi đến chịu khổ đau càng tăng lên, cho nên gọi là Du Tăng.

▪ *Tên gọi và nội dung của bốn địa ngục.*

Bốn địa ngục là:

Đường Ôi: Hàm tro nóng bức.

Thử Phấn: Hồ chứa phân bùn và rất nhiều ruồi nặng đục khoét.

Phong nhận có ba nơi: Đường lưỡi dao; Rừng lá như cây kiếm; trong rừng còn có chó dữ; Rừng Thích Thiết, trong rừng còn có chim lớn mổ bằng sắt. Ba chỗ này đều bị dao, tên đâm chém, khổ đau.

Vô Cực Hà: Nơi nước tro sôi nóng, rơi vào trong đó giống như đậu rang trong chảo dầu sôi.

○ **Bát hàn địa ngục.**

- *Vị trí địa lý của Bát hàn địa ngục là Nam Cực và Bắc Cực.*

Bát hàn địa ngục hoặc nói từ Bát đại địa ngục, từ chiều ngang trung tâm địa cầu đến ngoài biên; hoặc là ở bên kia núi Thiết Vi. Núi Thiết Vi là một phần của thế giới này, nó nằm ven địa cầu. Truyền thuyết mặt trời, mặt trăng khó chiếu đến, rất lạnh, cho nên, suy ra Hàn địa ngục ở Nam, Bắc cực, có thể không sai.

▪ *Giải thích tên gọi, ý nghĩa của Bát hàn địa ngục.*

Bát hàn địa ngục là:

Bao hay Bao Liệt là mụn, nhọt vỡ ra.

Hát triết tra, Hách hách phàm, Hồ hồ phàm(đây là ba nơi, dựa vào sự lạnh buốt mà gọi tên)

Thanh liên, Hồng liên, Đại hồng liên(đây là ba nơi, dựa vào màu da và sự nứt nẻ của da mà gọi tên) Sống rất dài nên thống khổ không chịu thấu.

Vì vậy nói rằng:

Lạnh buốt xương thịt, không gì sánh nổi,

Khắp thân run rẩy và co quắp,

Hàng trăm mụn nhọt sanh trùng nhận,

Bắt nhai máu tuỷ chảy đầy miệng,

Răng lạnh thấu xương, lông dựng ngược,

Mắt, tai, cổ họng băng đóng kín,

Thân, tâm u tối vô cùng tận.

Trong Hàn địa ngục khổ đường nào!

○ **Cô độc địa ngục.**

▪ ***Chỗ của Cô độc địa ngục là Nhân gian.***

Địa ngục cô độc có thể nói là Địa Ngục ở Nhân Gian, hoặc ở trong núi sâu, hoặc ở nơi hải đảo, hoặc ở nơi đồng trống, hoặc ở chốn rừng thẳm. Những nơi ấy đều có loại địa ngục này.

▪ ***Ý nghĩa của Cô Độc địa ngục.***

Đây không phải là nhiều người tập trung một chỗ mà là ít người, hoặc chỉ một hai người. Do nghiệp lực khác nhau mà chiêu cảm đi đến địa ngục này. Một loại quả báo nên gọi là Cô Độc.

▪ ***Xin nêu ví dụ để thuyết minh.***

Gần đây báo có đăng tin: Nơi nào đó ở Đài Loan, có người cha ngược đãi con gái ruột, nhốt con trong căn phòng tối tăm, không ánh sáng, không thoáng khí, ăn không no, mặc không ấm suốt mười lăm năm, đứa trẻ phát triển rất xấu về hình thể: Nào mặt xanh mét, da phù thũng, không còn giống con người nữa. Đây là nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn. Dưới bóng mặt trời này, nơi phồn hoa đô hội, lại có người dở

sống dở chết! Tình cảnh của đũa bé này tương tự địa ngục cô độc.

- **Cái khổ cùng cực trong bốn loại mười tám địa ngục.**

Bốn loại mười tám địa ngục này là nơi tất cả chúng sanh chịu khổ sở cùng cực. Trước việc không có cách nào giải thoát sanh tử. Mọi người đều nhận thấy cái khả năng đọa lạc, khổ đau này nên sanh tâm cực kỳ sợ hãi. Tốt nhất là chớ làm ác.

Bàng sanh.

旁生種種異, *Bàng sanh chủng chủng dị,*

吞噉驅使苦. *Thôn đạm khu sử khổ.*

Bàng sanh bao nhiêu loại, Cắn xé ăn lẫn nhau.

- **Nói sơ qua về nhiều loại bàng sanh khác nhau.**

Lại nói về khổ đau bức bách của loài bàng sanh. Bàng sanh hoặc gọi là súc sanh là bao quát tất cả những loài ngoài loài người. Người cận đại gọi đó là động vật. Hình thái, nhan sắc, chỗ ở, sinh hoạt, tuổi thọ của chúng ta hoàn toàn khác hẳn với những loài ấy.

- **Hình thái từ không chân đến nhiều chân.**

Loài không chân: con giun đất. Loài hai chân: loài chim. Loài bốn chân: loài thú. Loài nhiều chân: từ sáu, tám đến nhiều chân là loài trùng.

○ **Chỗ ở: gồm lưỡng thể và ba thể.**

Nói về chỗ ở, vốn trước kia ở trong biển lớn, sau mới chia ra mỗi loài một nơi. Do vậy mới có loài ở trong nước, loài ở đất liền, loài ở không gian khác nhau. Trong ấy, có loài lưỡng thể, có loài bay trong không gian, có loài đi trên đất, có loài lặn xuống nước.

○ **Sinh hoạt và tuổi thọ khác nhau rất lớn.**

Trí lực của chúng ta có cao thấp, thọ mạng của chúng ta có dài ngắn, hưởng thọ của chúng ta có khổ vui đều có sự khác nhau rất xa. Như rồng và chim kim Xí, có loài còn hưởng thọ hơn hẳn loài người! Nhưng thông thường mà nói những loài ác thú này vô cùng thống khổ.

○ **Thân sắc và hình thái đều do tâm lý ảnh hưởng đến sinh lý mà thành.**

Kinh nói “鳥 等 心 種 種 故 色 種 種” : Điều đẳng Tâm chủng cố, sắc chủng chủng: Các loài như chim vân vân, vì có tâm niệm phức tạp, nên màu sắc sắc sỡ. Dựa vào những nghiên cứu gần đây đã chứng minh vấn đề này.

Mắt của chim và thú (phát sinh nhãn thức) có khả năng phân biệt màu sắc: Xanh, hồng, tím và lông mao lông vũ trên thân của loài này với màu sắc rất đẹp; nếu những loài ấy

không biết màu hồng vân vân là vì lông của chúng có màu tro, màu nâu.

Côn trùng dùng màu sắc để bảo hộ nên có hình dáng giống như cành cây, lá khô.

Điều ấy, chẳng qua là nhờ ở lâu trong một hoàn cảnh nên luôn luôn nhận thức như thế, huân tập vào nội tâm; do tổ chức của tâm lý ảnh hưởng sinh lý, cho đến ảnh hưởng đến màu sắc biểu hiện ra ngoài.

- **Kể đến nói rõ khổ sở bức bách của loài bàng sanh.**

- **Giết hại và ăn nuốt lẫn nhau.**

- ***Loài bàng sanh ăn nuốt lẫn nhau.***

Cái khổ đau của loài bàng sanh chính là tàn sát, ăn nuốt lẫn nhau, cá lớn đớp cá bé, con lớn ăn con nhỏ. Cảnh này ở đâu cũng có. Con nhện giăng tơ ở góc nhà là để bắt những con trùng bay qua; con ếch, chim chóc ăn côn trùng, với một số lượng đáng sợ; những con trùng nhỏ trốn trong bông cây, cũng có loài chim gõ kiến đến ăn chúng. Thông thường kiến càng là thức ăn ngon của loài chim xuyên sơn giáp. Long vương còn bị Kim xí điều ăn nuốt.

- ***Thói quen ác độc của loài người là giết hại, ăn nuốt loài bàng sanh.***

Loài người đối với bàng sanh cũng có thói quen tàn sát, thôn tính. Có người bắt giết với số lượng lớn để lấy da, lông, răng, sừng của chúng để sản xuất thời trang. Thế giới bàng sanh, hiện giờ, là một lò sát sanh không phút giây nào ngừng nghỉ.

○ **Cái khổ bị trói buộc, sai sử, nô dịch.**

Còn có những loại như trâu, ngựa vân vân bị con người trói buộc, đánh đập, sai khiến nô dịch, không một chút tự do. Cái đau khổ bức bách của loài bàng sanh gần giống như địa ngục.

○ **Hành vi tàn sát, ăn nuốt giống như bàng sanh.**

Trước kia, khi Phật Thích Ca còn là thái tử, một ngày nọ, ra đồng xem nông dân cày ruộng, thấy nông phu cơ cực khổ quá chừng.

Nông phu thúc giục con trâu cày ruộng bằng những lần roi đánh đập, trên thân rướm máu đến lả tả xuống mặt đất và những côn trùng từ dưới đất bị hất tung lên, phơi mình trên nắng gắt. Những con chim trên trời, lao mình xuống, mổ lấy, nuốt chửng những con vật bé nhỏ kia. Thái tử thấy loài bàng sanh tàn sát, ăn nuốt lẫn nhau, lòng vô cùng thương xót nên phát nguyện xuất gia, tu hành.

Mọi người không chỉ không hết hoảng mà còn không cảm động, ngược lại, còn ăn nuốt chúng nó, so với loài bàng sanh, có gì khác đâu?!

Nga quỷ.

餓鬼常饑渴, *Nga quỷ thường cơ khát,*

不淨以為食. *Bất tịnh dĩ vi thực.*

Nga quỷ thường đói khát, Lấy vật bất tịnh làm thức ăn.

• **Nga, quỷ không phải người chết làm quỷ.**

Nga quỷ là một loại chúng sanh trong ba đường ác. Dựa vào mặt chữ mà nói loại này thường chịu đói khát. Nga quỷ là một loại trong năm đường, so với hiểu biết phổ thông là người chết làm quỷ không giống nhau.

• **Nga quỷ có ba loại lớn**

Trong pháp Phật nói: Nga quỷ có ba loại: không tiền của, ít tiền của, nhiều tiền của.

○ **Ba loại quỷ không có tiền của: Không có gì ăn, uống.**

Quỷ không tiền cũng có hai loại:

Cự khẩu: (Chính là Diệm Khẩu), khi ăn uống miệng hóa ra lửa dữ.

Châm khẩu: cuống họng nhỏ xíu như cây kim, khi ăn uống không nuốt xuống được.

Xú khẩu: Miệng hôi thúi, không thể ăn uống.

○ **Ba loại quý thiếu tiên của: Quý ăn đồ bất tịnh.**

Quý thiếu tiên của ba loại ít, nhiều có thể ăn, uống được, cũng ba loại:

Châm mao, xú mao, brou cô là do đặc trưng của thân thể mà có tên gọi như vậy.

Có loại khi gặp thức ăn, thức uống liền hóa thành máu mủ dơ bẩn, hoặc chỉ ăn đàm dãi, nước tiểu, phân... những thứ bẩn thiếu.

Dựa vào loài quý này mà nói, vì ăn uống thức ăn dơ dáy nên nói như vậy.

○ **Ba loại quý nhiều tiên của, hưởng thọ phong phú thức ăn, thức uống.**

Quý nhiều tiên và hưởng thọ khá phong phú, cũng có ba loại:

Khí giả là loài quý sống nhờ vật thực cứng giỗ của loài người. Loài người này gần giống với Thần Đạo.

Thất giả là loài quý sống nhờ vật phẩm vứt bỏ của nhân gian. Loại này hay gặp đói khát khổ sở.

Đại thể: đây là Dạ Xoa, La Sát là Đại Lực quý vương, phước hưởng thọ gần giống trời.

○ **Giải thích danh từ Nga Quý.**

Tuy có nhiều loại, nhưng phần nhiều là quý Vô Tài, Thiếu tài là quý chịu đói khát vô cùng. Do đó gọi chung là Ngạ Quỷ.

Nguyên nhân sanh vào sáu đường.

悉由三不善, *Tất do tam bất thiện,*

惡行之所感。 *Ác hành chi sở cảm.*

Át do ba Bất Thiện, Cảm thọ bởi làm ác.

- **Căn nguyên của quả báo khổ đau trong đường ác là ba Bất Thiện Căn.**

Trên đã nói ba đường ác chính là do Ba Bất Thiện căn của phiền não, cảm nhận ác hành trọng đại: sát sanh, trộm cướp, tà dâm chính mình tạo ra.

Cõi Dục có ba căn nguyên Bất Thiện Pháp là Tham Dục, Sân Hận, Tà Kiến (Si). Do sự phát động của phiền não này sẽ dẫn đến bao nhiêu hành vi Tà Ác. Từ Ác Hành đến Ác Nghiệp. Từ đây dẫn đến cảm nhận quả báo khổ đau trong đường ác.

Nếu tạo nghiệp sát sanh thì do tham dục phát sanh, dẫn dắt, nếu mưu kế cướp tiền của người thì mất thân hại mạng.

Có người do sân hận dẫn dắt rồi đưa đến báo oán, phục thù; hay có người vì cơn nóng giận bộc phát nhất thời rồi đưa

đến giết hại mạng sống.

Cũng có người từ tà kiến dẫn dắt, như ngoại đạo giết hại bò, dê để cúng tế thần linh.

Sát sanh như thế, trộm cướp, tà dâm cũng như thế.

• **Tùy theo ba cấp bậc nặng hay nhẹ mà dẫn đến ác báo.**

Với ba Bất Thiện Căn này dẫn vào Ác Nghiệp:

- Thượng phẩm cực ác cảm thọ quả báo địa ngục.
- Trung phẩm cảm thọ quả báo bàng sanh.
- Hạ phẩm đọa vào ngã quý.

Tóm lại, tâm không khởi lên phiền não sâu nặng thì không làm trọng tội đại ác; như thế sẽ không rơi vào ba đường ác.

b. Đường thiện

Loài người:

人中苦樂雜,	<i>Nhân trung khổ lạc tạp,</i>
升沈之樞紐,	<i>Thăng trầm chi xu nữu;</i>
人本誤鬼本,	<i>Nhân bản ngộ quỷ bản,</i>
習俗謬相沿.	<i>Tập tục mậu tương duyên.</i>

Loài người có cả khổ và vui

Đầu mối thăng, trầm ở tại đây;

Gốc người ngờ vực là gốc quỷ,

Tiếp nối sai lầm những thói quen.

- **Ở thế gian phải có đạo tràng tốt mới có học Phật pháp để Trí huệ tăng trưởng.**

Bây giờ cần nói đến thân người ở trong Đường Lành. Đây là điều thiết yếu mà chúng ta phải hiểu.

Thọ báo ở trong loài người không giống như khổ đau, khó chịu trong ba Đường Ác, cũng không giống như phước lạc đời sống trên mấy tầng trời mà, thân người có cả khổ lẫn vui, khổ đó rồi vui đó. Đối với việc học Pháp Phật, không còn hoàn cảnh nào tốt hơn.

Vì khổ đau quá nhiều trong đường ác, đâu còn gì rảnh rang để tu học.

Và sự an vui thái quá trên các cõi trời, chỉ biết hưởng thụ nên Trí huệ sẽ tiêu hao dần. Như thế cũng chẳng thích hợp với Phật pháp.

Ở cõi Người, giống như mài dao trên đá, càng mài càng bén; sống trên cõi Trời giống như mài dao xuống đất, càng mài sẽ càng lụt.

- **Người là đầu mối thắt, trầm của Năm Đường.**

Ở trong năm đường, loài người là đầu mối của thắt trầm.

- *Sanh trên cõi Trời, rơi xuống đường Ác đều do thân người tạo Nghiệp quyết định.*

Nếu sanh lên các cõi Trời là từ sự tích tập Nghiệp Lành, tu tập Thiên Định.

Nếu từ Trời rồi lên cao hơn nữa hay từ đường Ác rồi sanh lên trời. Đây là nghiệp lành mà con người đã làm trong đời quá khứ.

Chúng sanh rơi xuống Đường Ác, hơn nữa, cũng từ Ác Nghiệp của thân người mà ra.

▪ ***Từ trời rơi xuống Đường Ác.***

Nếu từ Trời rơi xuống Đường Ác, đây không phải là do khi làm trời tạo ra điều Ác, vì chư thiên không làm nghiệp nghiêm trọng (các trời từ Cõi Sắc lên chỉ có Phiền Não Hữu Phú Vô Ký. Phiền não rất vi tế và không phải thiện không phải ác; cuối cùng loại phiền não này có tính không thanh tịnh. Yêu Tỵ Ngã là Bản Năng cũng thuộc loại này, đưa đến dâm dục của Dục Ái, đưa đến Sân, Si... không giống nhau. Con người và hầu hết loài súc sanh thì Dâm Dục là Bản Năng; đến một thời kỳ nhất định, sinh lý thay đổi thì Bản Năng ấy phát hiện. Đã thuộc Bản Năng không thể nói là Thiện là Ác. Như trâu, dê ăn cỏ không thể nói là chúng có đức tốt không sát sanh; con nhện giăng lưới bắt côn trùng để ăn, cũng không thể nói là tạo Ác Nghiệp Sát Sanh. Nếu phiền

não dựa Bản Năng phát khởi lên và hành động dựa vào tính tự nhiên thì cũng thuộc Vô Ký). Đây là hưởng hết phước báo ở cõi Trời, thụ nhận quả báo đã chín mùi của Ác Nghiệp ở quá khứ chưa hết hẳn.

▪ ***Từ địa ngục sanh vào Đường Ác.***

Nếu từ Địa Ngục sanh vào Bàn Sanh hoặc ngạ Quỷ, chắc chắn không phải chúng sanh ở địa ngục đã tạo ra Ác Nghiệp. Chúng sanh ở Địa Ngục chịu khổ vô cùng không sao kể xiết, còn thì giờ đâu để làm ác nữa? Tất cả ác nghiệp này đều do con người đã tạo ra trong quá khứ.

▪ ***Từ Quỷ và Bàn sanh sanh vào đường ác.***

✓ Quỷ và Bàn sanh trừ bậc cao cấp, còn lại đều không tạo ra Dẫn Nghiệp.

Quỷ và Bàn sanh trừ số ít cao cấp, đa số còn lại không tạo ra Ác Nghiệp.

✓ Quỷ và Bàn sanh tuy không thanh tịnh và chỉ có nghiệp nhẹ, báo nhẹ.

Hiểu biết của người đời nông cạn, cuồng điên đưa đến lầm lạc, giết người còn phủ nhận trọng tội; hưởng chi hầu hết bàn sanh lại càng không biết gì, chỉ dựa vào bản năng sanh tồn mà hành động. Cá lớn nuốt cá bé, thú lớn đớp thú nhỏ. Đó là hiện tượng đáng thương của chúng sanh, không thanh

tịnh, có thể có nghiệp nhẹ, quả báo nhẹ; nhưng chắc chắn sẽ không do đây mà hình thành Dẫn Nghiệp, khiến cho chúng sanh đọa lạc vào ba đường ác. Vì vậy, do nghiệp Lục mà thăng, trầm (trừ số ít ngạ quỷ, súc sanh); Chủ yếu là sự chiêu cảm từ Nghiệp Lục Thiện, Ác của con người.

○ **Chỉ có con người mới có thể tạo ra Cực Ác hay Cực Thiện cho đến thành Phật.**

Đọa địa ngục, đó là Ác Nghiệp của con người. Cắt đứt Căn Lành, đó là hành động cực ác, đến nỗi, cũng không còn trong nhất thời. Việc này chỉ con người mới có khả năng.

Ngược lại, tu thiền định sanh lên trời là nghiệp lành của con người. Được xuất gia, giữ giới, tu hành, vượt qua sanh tử, thành Phật, cũng chỉ có con người mới có khả năng.

Vì vậy, con người làm ác, có thể đến cực ác; làm lành cũng có thể đến cực thiện.

Dựa vào Năm Nẻo thăng, trầm mà nói: Việc làm Thiện, làm Ác của con người là đầu mối then chốt của tất cả đều xuất phát từ đây mà lên hay xuống.

Con người là như thế, phải rất cảnh giác, chớ để mất người thân, rơi xuống đường ác.

Và cũng nên vui mừng, nhờ thân này cắt đứt sanh tử và là cơ hội đạt đến quả Phật.

- **Gốc người ngờ vực là gốc quý, thói quen sai lầm tiếp nối nhau.**

- **Nói chung, hầu hết con người đều hiểu sai đối với *Sanh tử, Luân hồi.***

Liên quan với Sanh tử Luân hồi, hầu hết con người đều hiểu sai rất nhiều.

- **Xin nêu lên giáo pháp của vài Tôn giáo về vấn đề này.**

- **Quan điểm luân hồi của Ấn Độ giáo là:**

Con người chết rồi, không kể thánh nhân, phàm nhân, thiện nhân, ác nhân; tất cả đều đi vào đô thành của Diêm Ma Vương. Những kẻ ác phải đi qua sự phán xét của vua Diêm Ma, rồi bị đưa vào các loại địa ngục để chịu hình phạt.

- **Quan điểm Luân hồi trong Phật giáo Trung Quốc.**

Từ lâu, Trung Quốc cho rằng con người chết thành quý. “*Quý là trở về vậy*”.

Quan điểm Luân hồi của Phật giáo, theo quan niệm cũ của người Trung Quốc, đại khái là tất cả người chết đều trở thành quý.

Người có công đức thì trở thành thần; người có tội phải trải qua sự báo ứng không giống nhau, ở trong địa ngục, chịu sự trừng phạt trong mười điện của vua Diêm La. Chờ đến khi

chịu tội xong, mới dựa theo hành nghiệp đời trước đi đến thọ sanh các nơi như loài người hay súc sanh.

▪ *Nói riêng về quan niệm sai lầm luân hồi trong Phật giáo Trung Quốc.*

✓ Phật nói: Sanh Tử Luân Hồi là điều cơ bản của con người.

Hầu hết Phật tử Trung Quốc không rõ về lưu chuyển sanh tử của Phật giáo. Đó là lý thuyết Nhân Bản, đó là do con người tạo ra Nghiệp Thiện, Nghiệp Ác.

Con người chết rồi sẽ dựa vào nghiệp Lực thọ sanh quả báo loài Trời, loài người, ngạ quỷ, súc sanh, bàng sanh, địa ngục.

✓ Phật giáo Trung Quốc vì lấy Quỷ Bản của Trung Quốc làm mẫu mực.

Hầu hết hiểu nhầm là vì lấy Quỷ Bản của Trung Quốc làm mẫu mực; cho rằng sau khi con người chết, tất cả đều làm Quỷ. Đồng thời, bắt phân giữa quỷ và địa ngục, cho nên, chấp nhận quỷ chịu khổ ở địa ngục; chịu tội xong, trở lại nhân gian hoặc thọ thai bàng sanh. Đây là một sai lầm quá mức!

✓ Sai lầm về Quỷ Bản Luân, lâu dần thành tập tục.

- Mặc dù, muốn sanh về cõi trời, về tịnh độ nhưng lại chuẩn bị làm quý.

Vậy mà, thuyết sai lầm về tập tục này truyền bá lâu dần thành phong tục. Có một số người học Phật, biết được cần phải sanh lên trời, về Tịnh Độ, nhưng đồng thời chưa quên được thói cũ “*Người chết thành quý*”. Vì thế, miệng luôn nói phải sanh lên trời, sanh về tịnh độ, tuy vậy, cùng lúc lại toan tính trở thành Quý với tiền âm phủ, nhà giấy, vàng mã... và còn chuẩn bị kỹ lưỡng.

- Không biết rằng người chết sẽ lưu chuyển theo Nghiệp, không chắc chắn đọa vào loài quý.

Không biết người chết rồi, lưu chuyển theo Nghiệp Lực, sanh làm người, làm trời cũng không phải ít, niệm Phật cũng có người vãng sanh Tây Phương. Làm sao có thể nói chắc chắn rằng cha, mẹ của mình, chết rồi đọa xuống quý đạo trong đường ác! Có thể nào sỉ nhục, bất hiếu với cha, mẹ đến thế! Trung Quốc, hầu hết theo Quý Bản Luận, sai lầm nối tiếp sai lầm đến nay, đã quá lâu. Nếu không từ căn bản để chỉnh đốn những sai lầm ấy thì không thể nào.

Cõi trời

天趣初欲界, *Thiên thú sơ Dục Giới,*

色及無色界, *Sắc cập Vô Sắc Giới,*
 身勝壽亦勝, *Thân thắng thọ diệc thắng,*
 樂勝定亦勝. *Lạc thắng định diệc thắng.*

Cõi trời, trước Dục giới, Sắc và Vô Sắc giới.

Thân đẹp, sống thật lâu, Vui nhiều, Định cũng vững.

• **Loài trời có ba cõi.**

Trong sanh tử lưu chuyển, loài trời là Đường Lành, so với cõi người thì tốt đẹp rất nhiều.

○ **Cõi Dục**

▪ ***Tính chất chúng sanh cõi Dục và phiền não ràng buộc.***

Trước hết là trời Dục giới, không chỉ có Tâm có Sắc mà còn có cảnh Năm Dục và nam nữ Dục. Phiền não của chúng sanh trói buộc ở cảnh giới này không thể thoát ly được. Đó là cõi Dục.

▪ ***Chủng loại của chúng sanh ở cõi Dục.***

✓ **Đó là địa ngục, Bàn sanh, Nga quý, Người, A tu la.**

Đại địa của cõi Dục có: Mặt đất, Dưới đất, Trong nước, Trong hư không. Còn có các loài thuộc cõi Dục như Địa ngục, Bàn sanh, Nga quý, Người, A tu la.

✓ **Cõi Dục có sáu tầng trời có thể chia thành Địa cư và không cư.**

Ngoài những loài này ra, còn có Trời thuộc cõi Dục.

Dựa vào vị trí núi Tu Di ở trung tâm quả đất, có cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, cõi Trời Đao Lợi. Hai trời này là địa Cư Thiên.

Từ đây trở lên có Trời Dạ Ma, Trời Đâu Suất, Trời Hỏa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại. Bốn trời là không cư thiên. Cộng lại có sáu Trời.

- ***Sáu Trời cõi Dục có hình dáng tương tự con người nhưng phước đức, an vui vượt trội hơn nhiều.***

Sáu trời cõi Dục đều có hình dạng quốc gia với vua tôi, nam nữ, so với nhân gian không khác nhau nhiều, chỉ có phước đức, an vui vượt bậc thế thôi.

○ **Cõi Sắc.**

- ***Tính chất chúng sanh ở cõi Sắc và phiền não ràng buộc.***

Cõi Dục trở lên là cõi Sắc, đây là cõi có Tâm thức, có thân thể không có Dục Lạc. Phiền não chúng sanh bị ràng buộc ở đây (sắc) không thể thoát ly, cho nên gọi là Cõi Sắc.

- ***Cõi Sắc chia ra Bốn Thiên, mười tám Trời.***

Trời cõi Sắc, chia sơ lược là Bốn Thiên, chia chi tiết là mười tám trời.

Sơ thiên có ba Trời: Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm. Ở đây không phân biệt nam, nữ, nhưng vẫn còn hình thức quốc gia, vua tôi, nhân dân.

Nhị Thiên có ba Trời: Thiếu Quang, Vô Lượng Quang, Quang Âm.

Tam thiên có ba Trời: Thiên tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh.

Tứ thiên có chín Trời: Vô Vân, Phước Sanh, Quảng Quả, Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến, Sắc Cứu Cánh.

- ***Hình thức thế giới của Nhị thiên trở lên đều thuộc của chính mình.***

Nhị thiên trở lên đều ở riêng một mình, không ở chung nhiều người. Thế giới chính là cung điện của riêng mình, không giống như khí thế giới cộng đồng ở nhân gian.

○ **Cõi Vô Sắc.**

- ***Tính chất phiền não trói buộc của chúng sanh ở cõi Vô Sắc.***

Từ đây trở lên là cõi Vô Sắc. Ở đây thân thể và chỗ ở đều không phải vật chất (sắc) mà chỉ có Tâm thức. Chúng sanh bị trói buộc bởi Tâm, Tâm pháp này.

- ***Hình thức thế giới không có không gian, không có xứ sở.***

Vì không có vật chất nên không gian chiếm hữu, cho nên không thể nói ở đâu. Chúng sanh ở đây chỉ dựa vào Thiên Định (nghiệp nhân sanh vào cõi trời này) mà nói thì cõi này cao hơn Tứ Thiên Cõi Sắc nhiều lắm.

▪ ***Cõi Vô Sắc có bốn Trời.***

Cõi Vô Sắc cũng có bốn Trời: không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên.

Ba cõi có tổng cộng hai mươi tám trời.

○ **Các trời trong cõi có tổng cộng hai mươi tám.**

▪ ***Tán Địa.***

Dục giới: Ngũ thú tạp cư địa.

1. Địa ngục, 2. Súc sanh, 3. Ngạ quỷ, 4. A Tu La, 5. Cõi người có bốn châu, 6. Địa cư thiên (trời ở trên đất) có 2 trời:

a. Bốn Đại Vương Chúng Thiên, b. Đạo Lợi Thiên không cư thiên có bốn trời (trời ở trên không), c. Dạ Ma Thiên, d. Đâu Suất Thiên, e. Lạc Biến Hóa Thiên, f. Tha Hóa Tự Tại Thiên.

▪ ***Định địa.***

✓ Sắc giới có mười tám trời:

- **Ly sanh hỷ lạc địa.**

Sơ thiên: Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên, Đại Phạm Thiên

Nhi thiên: Định Sanh Hỷ Lạc Địa, Thiếu Quang Thiên, Vô Lượng Quang Thiên, Quang Âm Thiên.

- **Ly hỷ diệu lạc địa.**

Tam thiên: Thiếu Tịnh Thiên, Vô Lượng Tịnh Thiên, Biến Tịnh Thiên.

- **Xả Niệm Thanh Tịnh Địa.**

Tứ Thiên: Vô Vân Thiên, Phước Sanh Thiên, Quảng Quả Thiên, Vô Tướng Thiên, Vô Phiền Thiên, Vô Nhiệt Thiên, Thiện Hiện Thiên, Thiện Kiến Thiên, Sắc Cứu Cánh Thiên.

✓ **Vô Sắc giới có bốn trời:**

Không Vô Biên Xứ Thiên Không Vô Biên Xứ Địa

Thức Vô Biên Xứ Thiên Thức Vô Biên Xứ Địa

Vô Sở Hữu Xứ Thiên Vô Sở Hữu Xứ Địa

Phi tướng Phi phi tướng Xứ Thiên Phi tướng Phi phi tướng Xứ Địa

• **Phước lạc của Cõi Trời có bốn việc:**

○ **Cõi Trời là cõi phước lạc nhất trong năm cõi**

▪ ***Thân thể trang nghiêm.***

Thân thể cao lớn

Thấp nhất là Trời Tứ Vương, thân cao $\frac{1}{4}$ câu lô xá bằng 90 trượng. (1 trượng = 10 thước Trung Quốc)

8 câu lô xá bằng 1 du thiện na. Theo kinh Phật nói: 1 du thiện na = 16 dặm của Trung Quốc.

Trời sắc cứu cánh, thân cao 16.000 du thiện na = 256.000 dặm.

▪ ***Đoan nghiêm vượt trội hơn người đời.***

Chẳng những thân cao lớn mà còn trang nghiêm nữa, người đời không thể bì kịp.

Ngày xưa, em của Phật là Nan Đà có vợ tên là Tôn Đà Lợi người đẹp duy nhất lúc ấy. Khi Nan Đà đã xuất gia mà vẫn luôn nhớ đến nàng. Như Lai đem Nan Đà lên trời Đạo Lợi thấy thiên nữ, Nan Đà hiểu ra rằng Tôn Đà Lợi chẳng khác mấy so với con khi chợt mắt nên không còn nhớ đến nàng nữa từ đó.

○ ***Thọ mạng thù thắng.***

▪ ***Cõi trời sống rất lâu.***

Thấp nhất là trời Tứ Đại Vương chúng cũng sống lâu đến 500 tuổi, tương đương nhân gian là 900.000 tuổi.

Cao nhất là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng, sống lâu đến 8.000 đại kiếp. Trong một đời sống ở trời ấy, so với thế giới

này của chúng ta trải qua thời kỳ hoại rồi thành, thành rồi hoại. Cứ như thế 80.000 lần. Sống lâu như vậy, quả thật, mong trường sanh hay sống mãi, không phải là điều viễn tưởng.

▪ ***An vui cùng cực.***

Trời Cõi Dục có vô số dục lạc.

Cõi Sắc, từ Sơ Thiên đến Tam Thiên không còn ưu sầu khổ não mà chỉ có niềm vui Thiên Định vi diệu.

Tứ Thiên trở lên thì Tâm, Cảnh hòa hợp, yên lặng an trú trong Định, so với Cõi Dục thì còn phiền não, loạn động; từ Sơ Thiên đến Tam Thiên thì còn hỷ, lạc xung động, đúng là hạnh phúc tột độ.

• **Thiên định hơn hết.**

Trời cõi Dục ở Không Cư cũng có một ít định lực.

Sơ Thiên trở lên chính là quả báo của tu tập Tứ Thiên và Tứ Vô Sắc Định.

Một đời sanh lên trời sẽ có quả báo ở trong Định lâu dài; từ khi định lực hết thì thọ mạng của họ cũng hết. Từ việc thọ mạng lâu dài ấy có thể biết quả báo thiên định của Trời Sắc, Vô Sắc thù thắng như thế nào.

Tóm lại, sanh tử trong ba cõi thì cõi Trời có phước, lạc hơn hết.

3.2.2.3. Khổ, vui đều do Nghiệp.

諸苦由惡業, *Chư khổ do ác nghiệp,*

樂由善業集. *Lạc do thiện nghiệp tập.*

苦樂隨業盡, *Khổ, Lạc tùy nghiệp tận,*

修善宜積極. *Tu thiện nghi tích cực.*

Các khổ do nghiệp ác, An vui từ nghiệp lành.

Tùy nghiệp hết khổ, vui, Nên tích cực tu thiện.

• **Khổ, Vui trong năm đường đều do Nghiệp mà có.**

Con người, ai ai cũng chán khổ, tìm vui. Hết thấy đều không muốn rơi vào đường ác mà, muốn sanh lên cõi người, cõi trời, nhưng đâu phải cứ mong muốn là thành công mà, cần thiết, trong Hành Nghiệp, phải đừng làm điều ác, siêng năng làm điều lành mới có được.

Như cái khổ trong ba đường gồm có: Cái khổ nhân gian, buồn khổ của trời Dục Giới. Tất cả khổ này đều do Ác Nghiệp đời trước mà có.

Phước Đức, An vui ở cõi trời gồm có: Cái vui của nhân gian; cái vui của Bàng Sanh, Ngạ quỷ thậm chí trong Địa

Ngục (trừ địa ngục Vô Gián) cũng có tí xíu cảm giác an vui. Vô số quả báo an vui đều do Thiện Nghiệp tích tập mà có.

Quả báo Vui và Khỏe, chắc chắn, dựa vào Hành Nghiệp Thiện, Ác đem lại. Cho nên, chỉ ngừng làm Ác, phát huy Thiện mới có thể lìa Khỏe, được vui.

• **Khỏe, Vui theo Nghiệp mà hết; phải tích cực tu tập điều Lành.**

○ *Quả báo khỏe, vui theo Nghiệp lực mà kết thúc.*

Dựa vào nghiệp thiện, ác chiêu cảm quả báo Khỏe, Đau; không phải vĩnh viễn mà, tùy vào hạn lượng của Nghiệp Lực kết thúc hay chưa. Đây là nhận thức cực kỳ quan trọng cho người tu Phật.

○ *Nêu lên cảnh thuận, nghịch.*

- *Gặp phải nghịch cảnh không nên bi quan, mà phải nỗ lực tu tập Nghiệp Lành để cầu phước đức, an lạc về sau.*

Nếu bản thân thật thực tin và hiểu đúng ý nghĩa lời Phật dạy thì dù cho gặp cảnh thống khổ sẽ không thất vọng, bi quan mà phải hiểu đây là do hữu hạn Ác Nghiệp chiêu cảm nên cuối cùng quả khổ cũng phải đi qua (ngay cả khi rơi vào địa ngục cũng sẽ được giải thoát); vì sao chỉ vì thống khổ mà

tự làm rối loạn chính mình; phải nỗ lực tu tập Thiện Nghiệp mới mong được phước, lạc mai sau.

- ***Gặp được thuận duyên, không nên đắc ý buông lung. Phải biết phước, lạc cũng sẽ qua đi.***

Nếu gặp được thuận an vui cũng không được đắc thắng buông lung mà, phải biết đây là quả báo của Thiện Nghiệp. Nghiệp lực thiện cũng có hạn lượng; phước đức; an vui chẳng được bao lâu, rồi cũng đi qua (dù có sanh lên trời Phi Tướng Phi Phi Tướng cũng không tránh khỏi đọa lạc); vì sao có thể vì chút an vui mà buông lung tu tập thiện nghiệp.

- ***Nêu ví dụ làm rõ vấn đề.***

Ví dụ: Nếu năm mất mùa. Sinh hoạt khó khăn thì chỉ còn cách ra sức cày bừa, gieo trồng, phân bón, dẫn nước vào ruộng, trừ sâu phá hại nông sản. Như thế mới mong thoát khỏi đói khổ và thu hoạch sản lượng dồi dào, có được an vui, hạnh phúc.

Nếu gặp năm được mùa thì kho lẫm chứa đầy ngũ cốc, lại càng ra sức cày bừa, gieo giống, bón phân, dẫn nước, khử trùng. Nếu không như vậy, mà ngồi ăn núi lở; chờ đến khi không còn gì để ăn. Thế là khổ nữa.

- **Không quan trọng tình huống hiện tại mà chỉ xác lập Chánh Kiến: Ra sức thực hành điều thiện.**

Nguyên nhân dựa vào Chánh Kiến tin sâu, hiểu rõ nghiệp quả, chán khổ tìm vui; đây không phải là đặt nặng tình hình hiện tại như thế nào mà chỉ biết xác lập là: “*Phải tích cực tu thiện*”. Quan niệm đời người chỉ cần biết ra sức thực hành điều Thiện mới có được Chánh Kiến về Phật Pháp mà thôi.

3.2.3. Nhắc nhở Tu Thiện.

若時能行善, *Nhược thời năng hành thiện,*

而未作善業, *Nhi vị tác Thiện Nghiệp,*

一旦苦果臨, *Nhất đán khổ quả lâm,*

爾時復何為? *Nhĩ thời phục hà vi?*

Đã đến lúc làm lành, Mà không chịu làm lành,

Ngày kia khổ đau đến, Lúc ấy làm gì đây?

- **Phải nắm lấy cơ hội làm lành để tự tạo nên nghiệp lành.**

Đây là bài kệ nhắc nhở phải làm lành tức thì. Nếu hiện giờ chưa rơi vào tám nạn; chưa là trẻ nít, già nua; chưa tàn phế, điên cuồng; mà lại còn có tri thức; còn có năng lực; còn có tiền của; còn có địa vị; còn có danh vọng; quả thật có thể tu tập Thiện Nghiệp; đây là cơ hội rất khó có được! Nếu không

biết thương mình, bỏ phứt thời gian mà chưa chịu ra sức tu tập Nghiệp Lành; há có đáng tiếc không!

- **Thân người vô thường, sớm tu tập Nghiệp Lành chớ có chần chừ.**

Được làm người hiện tại, đó là quả an vui, là chiêu cảm của Nghiệp Lành ở quá khứ. Nghiệp Lực có hạn lượng, không thể duy trì lâu dài. Khi tu tập Nghiệp Lành đã không còn, vậy thì một ngày kia, già chết ập đến; đương nhiên ác nghiệp chín muồi; khổ quả đến nơi. Thử hỏi: Đến lúc này còn tu tập Nghiệp Lành kịp nữa không!

Vì vậy, con người nên sớm thực hành điều thiện, không thể chờ đợi, không thể nhỡ như qua ngày.

3.3. Việc làm chân chánh của Người và Trời.

3.3.1. Xác lập hạnh nguyện.

求人而得人, *Cầu nhân nhi đắc nhân,*

修天不生天, *Tu thiên bất sanh thiên,*

勤修三福行, *Cần tu tam phúc hạnh,*

願生佛陀前. *Nguyện sanh Phật Đà tiền.*

Cầu người thì được người, Tu thiên chẳng sanh thiên,

Siêng tu ba phước hạnh, Nguyện sanh Phật hiện tiền.

- **Có ba vấn đề tu học thừa Trời, Người.**

Dựa vào ý tưởng ở trên mà nói: Nên biết ra sức làm lành, cần được quả an lạc của Trời, Người.

Nhưng ở trong Thừa Người, Trời, tu học thừa nào là tốt nhất?

Cái gì mới là quả báo Thiện Nghiệp sanh làm Trời, Người?

Làm thế nào mới không thể bị trói buộc vào phước báo của Trời, Người hoặc không đọa lạc do Ác Nghiệp đã tạo?

Trong bài kệ này sẽ giải đáp ba vấn đề đó.

- **Nhân thừa so với Thiên Thừa thì thắng hơn.**

Thừa người, thừa trời đều là quả lành.

- **Tu học Nhân Thừa của pháp Phật hơn Thiên Thừa.**

Dựa vào phước báo mà nói: Phước báo của Thiên thừa so với Nhân thừa hơn rất nhiều. Cho nên cần tu pháp nhân thừa thì, tốt nhất, nên tu pháp Thiên thừa. Tuy nhiên, như trên đã nói: Người có ba việc, so sánh còn hơn cả Trời. Phật ra đời ở thế gian; chư Thiên mạng chung cũng lấy thế gian làm Lạc Độ; ở đây thích hợp cho việc tu tập Phật Pháp, nhân gian so với trên Trời tốt hơn, pháp Nhân Thừa so với pháp Thiên Thừa cũng đáng quý hơn!

- **Đừng mong phước lạc cõi Trời mà không tu Định tâm hậu thì khó tránh khỏi chương ngại.**

Chúng ta nhờ có thân người để học Phật. Rất không nên ham muốn phúc lạc ở cõi Trời. Vì thế phải tu pháp Nhân Thừa. Là vì cầu có được thân người mà tu tập chánh pháp Nhân Thừa; đương nhiên, dựa vào nghiệp thọ quả báo là có được thân người cao quý.

Cho đến pháp Thiên Thừa, không phải hoàn toàn không thể tu; nhưng quan trọng không phải vì sanh lên Trời, đồng thời không mong muốn sanh lên cõi Trời. Pháp tu hành Thiên Thừa như thế là do Từ Nguyên Lực không vượt qua Nghiệp Lực để có quả báo sanh lên Trời. Nguyên Lực thì không thể nghĩ bàn! Tuy nhiên, pháp sâu xa của Thiên Thừa là Thiên Định lại là không phải là pháp vi diệu. E rằng Nguyên Lực không địch nổi Nghiệp Lực; bị Nghiệp Lực dẫn đến cõi Trời. Ở đây sẽ rơi vào tám nạn và trở thành chướng ngại lớn cho việc học Phật.

- **Ba phúc hạnh là quả báo của Chánh Nghiệp được sanh Nhân, Thiên Thừa.**

Cần tu tập Thiện Nghiệp của Nhân, Thiên thừa mới có được quả an lạc để sanh làm người, làm trời. Chánh Nghiệp sanh làm người, làm trời, Phật nói đó là ba phúc nghiệp của Bồ Thí, Trì giới, Tu định. Cho nên chỉ cần siêng tu ba Hạnh

Phúc Nghiệp mới có thể có được quả báo phúc lạc của trời, người.

Có một số người không hiểu rõ Nhân Quả, không tu Chánh Nghiệp mà muốn sanh làm Trời, Người là điều sai lầm. Như cầu khẩn Thượng Đế, mong mỏi Thượng Đế cứu độ cho và đạt được mục đích sanh lên Trời. Phật từng quở trách những người ấy: Không tu Nghiệp Lành mà cầu khẩn được sanh làm Trời; giống như ném tảng đá lớn vào trong ao rồi ngồi trên bờ cầu khẩn, mong sao tảng đá nổi lên mặt nước trở lại. Cổ đức từng nói: 生天自有生天業, 未必求仙便生仙: Sanh thiên tự hữu sanh thiên nghiệp, vị tất cầu tiên tiện sanh tiên: Làm trời do Nghiệp tạo làm Trời, chưa chắc cầu làm tiên liền được làm tiên.

Nhưng thế gian không biết đúng đắn Nhân Quả, không biết con đường đúng đắn để tu hành; lại mong muốn sai lầm cầu làm người, làm trời như vậy, không phải là ít. Thật đáng thương sao!

- **Phát nguyện gặp Phật, nghe Pháp, tu hành mới không chịu sự trói buộc quả báo của Trời, Người, cũng không đọa lạc vào chốn khổ đau.**

Tu tập pháp lành Trời, Người làm sao không bị trói buộc quả báo của Trời, Người hoặc là do làm ác mà bị đọa lạc?

Điều này chỉ còn cách phát nguyện sanh ra đời gặp Phật xuất thế, được gần gũi Phật, nghe pháp, tu hành mới có kết quả.

Nếu sanh gặp Phật ra đời, thấy Phật, nghe Pháp và có duyên với Phật, cùng có duyên với vô số thầy hiền, bạn tốt học Phật pháp, chẳng những huân tập căn lành Phật pháp mà còn kết duyên lành rộng rãi với Chánh pháp. Như vậy, kiếp sau sanh ở nhân gian sẽ gặp thầy, bạn dẫn dắt, phát nguyện trở về với Tam Bảo, gặp Phật, nghe Pháp, tu hành cùng vô số bạn đạo có duyên học Phật.

Tăng trưởng dần lên như thế, kể cả công đức sẽ không còn làm ác, đánh mất thân người; mà thiện căn còn tăng trưởng, hạt giống Phật càng được thành thực. Do đây đi vào pháp đại thừa xuất thế, lấy Phật đạo làm giai cấp tiến lên.

• **Có nguyện, có hành thì không mất thân người còn đi vào được Phật đạo.**

Cho nên khi người học chưa có thể phát tâm xuất ly, phát tâm Bồ đề thì nên khuyên thực hành pháp Đại Thừa, từng ngày phát nguyện: “惟願三寶慈悲攝受! 願生

世世，見佛聞法”：Duy nguyện Tam Bảo từ bi nhiếp thọ! nguyện sanh sanh thế thế, kiến Phật văn Pháp: Xin nguyện Tam Bảo từ bi nhiếp thọ! Nguyện đời đời kiếp kiếp gặp Phật nghe Pháp. Phát nguyện gặp Phật nghe Pháp này, tu hành Nhân Thừa, chắc chắn sẽ không mất thân người, do đó đi vào Phật Đạo.

3.3.2. Pháp môn thông thường

3.3.2.1. Ba loại phước lạc

a. Bồ thí phước lạc

Thí là Nhân của Lạc.

依資具得樂, *Y tư cụ đắc lạc;*
 依施得資具, *Y thí đắc tư cụ,*
 故佛為眾生, *Cố Phật vị chúng sanh,*
 先讚布施福. *Tiên tán bố thí phước.*

*Dựa vào tiền của để được vui,
 Nhờ vào bố thí để có tiền của;
 Cho nên Phật thương chúng sanh,
 Trước, khen ngợi phước bố thí.*

- **Có ba loại căn bản phước nghiệp là thiện nghiệp của Trời, Người.**

Từ đây trở xuống, nói rõ ba loại Phước Nghiệp. Trước nói về Phước Nghiệp Bồ Thí.

○ **Trước nói: Khởi đầu Chánh Pháp, kế nói: Pháp Xuất Thế.**

Như Lai nói pháp, không như chúng ta bây giờ. Một khi, Phật nói ra là Liễu Sanh Thoát Tử; Vãng Sanh Tịnh Độ; tức Có tức Không; tức Tâm tức Phật.

Đối với tất cả chúng sanh, trước hết, Như Lai nói chung: “Bồ Thí, Trì Giới, Tu Định Sanh Thiên”

Nếu đối với chung cho Năm Thừa thì công đức này (chỉ Nghiệp Lành chung cho Trời, Người) mà có khả năng Tin Tưởng, Thọ Trì, Phụng Hành, lại còn phát khởi căn lành xuất thế. Đây là đề cập đến Pháp Môn Xuất Thế.

○ **Nêu lên bài tụng của Bồ Tát Nguyệt Xứng, nói rõ trong ba Phước Nghiệp thì Phước Nghiệp Bồ Thí là quan trọng nhất.**

Trong ba Phước Nghiệp này, trước hết, Như Lai nói về Bồ Thí. Đây là đạo lý vô cùng trọng yếu. Bài tụng của Bồ Tát Nguyệt Xứng như sau:

彼諸眾生皆求樂, *Bỉ chư chúng sanh giai cầu lạc,*
若無資具樂非有, *Nhược vô tư cụ lạc phi hữu*

知受用具從施出, *Tri thọ dụng cụ tùng thí xuất,*
 故佛先說布施論. *Có Phật tiên thuyết bố thí luận.*

*Các chúng sanh ấy đều tìm vui,
 Nếu không tiền của, vui không có,
 Dụng cụ thọ được từ bố thí,
 Trước nhất Phật nói Luận Bố Thí.*

Bài tụng này đem đến lời khai thị minh xác về Bố Thí.

- **Nương vào tiền của có an lạc.**

- **Thân tâm được an vui của tất cả hữu tình đều lấy tiền của làm cơ sở.**

Nhu cầu sinh sống của con người chủ yếu dựa vào ăn uống, đi lại, thuốc men, mới có thể có được phước đức, an vui.

Bàng sanh là động vật thấp nhất cũng phải lấy thực vật làm thức ăn mới có thể có được phước lạc để sanh tồn. Vì vậy, phước lạc của chúng ta (lạc đây có nghĩa là sự hưởng thụ an vui do sinh lý phát khởi) không thể lìa khỏi nhu yếu thuộc vật chất mà tồn tại; về tinh thần có rất nhiều Hỷ, Lạc; thông thường cũng phải dựa vào cơ sở này.

- **Sống mà không biết lo xa thì mới nên học phương pháp cắt đứt bản cùng.**

Vì vậy, người xưa nói: “*Kho vừa đầy rồi sau mới nghĩ đến lễ nghĩa*”; giàu có rồi sau đó mới đề cao giáo hóa. Đây là hạt giống phước đức, an lạc của sự sống; là nhu cầu cơ bản của con người; Đức Phật, chưa bao giờ, phản đối nhu cầu chánh đáng này, mà còn xem đây là điều kiện tiên quyết và nói: “Phật pháp là dạy cách căn bản vĩnh viễn cắt đứt bản cùng”.

- **Dựa vào Bồ Thí mà có được của cải.**

Của cải vật chất từ đâu mà đến?

- *Người đời chỉ biết có duyên đời này mà không biết nhân đời trước.*

Người đời chỉ biết việc làm lao nhọc, khoa học phát triển. Đây chỉ là duyên hiện tại, trước mắt mà không biết nghiệp từ đời trước xa xôi.

- *Phật dạy của cải có được là do nghiệp.*

Phật nói: “Dựa vào thiện nghiệp bồ thí vật chất nên đời này mới có tiền của, vật chất sung mãn”.

- ***Đơn cử sự liên tục và kết thúc của vật chất.***

- ✓ *Không dùng hoặc dùng hết thì đều kết thúc ở đời này.*

Vật chất chúng ta có được, nếu cất giữ mà không dùng tới, bất ngờ chết đi thì chẳng còn gì; Nếu chính mình hưởng thụ hoặc lãng phí thì cũng chẳng còn gì.

- ✓ *Phước điền bồ thí thì mới có thể liên tục đến đời sau.*

Nếu đem một phần vật chất làm phước điền bố thí thì sẽ cảm thụ được phước đức, an lạc về vật chất đời sau. Công đức bố thí có nhiều, ít nên phước lạc cũng có khác nhau. Việc này giống như đem gieo hạt xuống ruộng, tương lai thu hoạch kết quả đến trăm, ngàn lần.

▪ ***Phân biệt nhân đời trước, duyên đời này để chỉ rõ nhân quả của lạc quả.***

✓ Nhân đời trước thì chung, duyên đời này từ nhiều nguồn khác nhau.

Tất cả vật chất của giới tự nhiên là cảm thọ, cộng nghiệp của chúng sanh; còn dựa vào nghiệp lực của đời trước nên mỗi người hưởng thụ một phần đóng góp của riêng mình.

✓ Nếu không có nghiệp bố thí đời trước thì duyên hiện tại cũng không.

Phước lạc vật chất do nghiệp lực cảm thụ được, tuy chủ yếu do công lao của đời sống hiện tại gom góp, phát triển, tạo tác; nhưng nếu không có nghiệp bố thí thì không có vật chất. Ví dụ ở vùng nghèo nàn hoặc thiếu thốn một số vật chất nào đó, cho dù cố sức bằng tất cả điều kiện có thể có, cũng không có cách nào khả thi.

✓ Quả vui phải dựa vào nghiệp Nhân bố thí mà có.

Vì vậy, phúc lạc về vật chất, thực ra, dựa vào nghiệp thiện bố thí đời trước mà có, cho nên Phật vì chúng sanh, trước khen ngợi phước bố thí.

- **Để có được đời sống vật chất đầy đủ và dứt trừ được cái khổ bản cùng nên Phật, trước, khen ngợi phước nghiệp Bố Thí.**

Như vậy, cuộc sống có đầy đủ vật chất là nhu cầu phước lạc tất yếu của đời người, đây là mong muốn cơ bản, chánh đáng hàng đầu. Đời sống đầy đủ vật chất này là dựa vào phước nghiệp bố thí, vì thế Phật vì chúng sanh nói pháp, thấy đều khen ngợi phước báo bố thí, khuyên người tu tập công đức bố thí để đời sau tránh khỏi gian khổ nghèo nàn làm ảnh hưởng đến sự thành công của sự nghiệp và tiến tu Phật pháp.

Thọ dụng vật chất là căn bản cho sự an vui của người đời và là pháp căn bản xuất thế, vì vậy khen ngợi phước nghiệp bố thí.

Như Lai, trước khen bố thí là đã thấy rõ thọ dụng vật chất chính là kiến lập sự an lạc của con người ở trần gian, là sự tu học của pháp xuất thế, chứ không thể nói suông mà thành tựu được.

Nói chung về Bố Thí

施以捨以利, *Thí dĩ xả dĩ lợi,*

由悲由敬別, *Do bi do kính biệt,*
 心田事不同, *Tâm điều sự bất đồng,*
 功德分勝劣. *Công đức phân thắng liệt.*

Bố thí là buông để có lợi,

Do thương do kính có khác nhau,

Trong lòng tác ý đâu có giống,

Công đức hơn thua cũng chẳng đồng.

- **Với Ngũ Thừa cộng Pháp vương nặng vào bố thí vật chất.**

Bố thí theo Ngũ Thừa cộng Pháp thì vương nặng vào bố thí vật chất.

- **Nói chung các loại bố thí.**

- **Định nghĩa Bố Thí: Bố thí là buông để có lợi.**

- ***Bố thí có hai điều kiện là Mở Lòng và Làm Lợi Người.***

Thế nào mới cho là Bố Thí? Bố thí phải có hai điều kiện lớn:

Buông bỏ: Đối với vật chất, chính mình phải có Tâm buông bỏ, Tâm hy sinh. Nếu có người vay mượn mà không thể trả, hay thất thoát, hay miễn cưỡng cho ai mà Tâm không thoải mái và lòng hối tiếc không thôi. Đây không thể gọi là Bố Thí.

Vì lợi ích cho người: Bồ thí giúp người hoặc súc sanh, cốt cho người có được lợi ích. Nếu đem vật phẩm độc hại cho người với ý đồ giết chết đối phương thì không thể gọi là bồ thí.

Vì vậy, bồ thí có định nghĩa là Tâm ý vui vẻ, hy sinh phước lạc của chính mình để đem lại phước lạc cho người khác.

▪ ***Tinh thần bồ thí có thể tiếp cận với pháp Đại Thừa.***

Chân thật bồ thí chính là duyên góp của mình để làm lợi ích cho người. Không lạ gì, Lợi Tha là pháp đầu tiên của Đại Thừa, công đức Bồ Thí có giá trị cực kỳ quan trọng.

○ **Phân biệt động cơ và đối tượng của Bồ Thí.**

Động cơ và đối tượng của Bồ Thí như thế nào? Vấn đề này cũng có hai loại:

Do lòng thương xót (Bi Tâm): Đối với những người già yếu, cô độc, tàn phế, tật bệnh; hay những người bị tai họa do nước lụt, hỏa hoạn, bão tố; hay những người bị chiến tranh tàn phá; hay những người già nua sắp chết. Hãy bằng tâm thương xót đồng loại, thật lòng bồ thí, thời đại gần đây đã đề xướng công việc từ thiện để tạo cơ hội cho chúng ta có thể hiện lòng từ bi mẫn này đối với đồng bào.

Do tôn kính: đối với cha mẹ hiếu dưỡng; đối với tôn

trưởng cung phụng. Cung kính, cúng dường Tam Bảo là bổ thí với tâm tôn kính cũng có nghĩa là báo đức.

Động cơ và đối tượng của hai loại bổ thí này khác nhau.

○ **Từ ba việc mà có hơn, kém về công đức bổ thí khác nhau.**

Nói đến hơn, kém về công đức bổ thí là dựa vào ba phương diện này để nói:

▪ ***Tâm phân biệt hơn, kém.***

Tâm không giống nhau: hoặc là tâm sâu nặng về Bi Mẫn và Tôn Kính; hoặc lợt lạt về tâm tôn kính; hoặc là không có cả hai tâm này. Vì tâm không giống nhau nên tuy bổ thí tuy giống nhau nhưng công đức khác nhau nhiều.

▪ ***Phước điền hơn, kém khác nhau.***

Phước điền là bổ thí cốt gieo trồng phước đức.

✓ **Kính điền là lấy Phật làm đối tượng tôn kính nhất.**

Trong kính điền thì cúng dường cha mẹ hơn cúng dường tôn trưởng. Trong Tam Bảo thì cúng dường bậc Sơ quả không bằng cúng dường bậc Nhị quả; Nhị quả không bằng bậc Tam quả... Bồ Tát không bằng Phật. Tất cả công đức bổ thí đều không bằng công đức bổ thí Phật. Đây chính là duyên cơ tôn kính vượt trội nhất về phước điền.

✓ **Bi điền: đối tượng trước nhất là người già nua, tàn phế.**

Trong bi điền lấy mức độ khác nhau về đối tượng đáng thương xót để phân chia, nếu là người trẻ mà không chịu cố gắng lao động, đến nỗi không có cơm ăn, áo mặc; tuy những người này đáng thương, nhưng không bằng người già nua, tàn phế.

▪ **Hơn, kém việc phân chia vật được bố thí.**

Sự là chỉ vật phẩm được bố thí.

Nếu tâm và phước giống nhau thì phải dựa vào vật phẩm được bố thí nhiều hay ít, từ đó, công đức chia ra nhiều hay ít.

Trong ba loại này lấy tâm làm trọng yếu. Với Phật pháp luôn lấy tâm làm trọng, cho nên, người nghèo bố thí một đồng hay một trái cây mà công đức hơn gấp trăm, vạn lần người giàu bố thí số lượng tiền của to lớn.

Chớ bố thí không đúng pháp.

施 應 如 法 施, *Thí ưng như pháp thí,*

勿 隨 至 怖 報, *Vật tùy chí bố báo,*

求 報 及 習 先, *Cầu báo cập tập tiên,*

希 天 要 名 等. *Hy thiên yếu danh đẳng.*

Bố thí nên đúng pháp, Chớ bố thí theo kiểu: Tùy Chí và Sợ hãi; Báo ân cùng Cầu lợi; Theo truyền thống; Lên trời; Mong Danh Tiếng với cuộc đời.

- **Ở trong vật phẩm bố thí Tịnh, Bất Tịnh nên chọn vật phẩm sạch sẽ bố thí; bố thí phải đúng pháp.**

Công đức bố thí có lớn, nhỏ là dựa vào động cơ, đối tượng và vật phẩm để phân chia. Vì vậy, có một số việc bố thí không thuần nhất, không cao thượng nên tránh đi mà phải chọn bố thí đúng pháp. Những gì là không thuần nhất, không cao thượng, không đúng với ý nghĩa chân thật Phước Nghiệp?

- **Xin nêu lên bảy loại Bố Thí bất tịnh:**

- **Bố Thí Tùy Chí:**

Không phải chính mình phát tâm tự động bố thí mà do có người xin, hay quyên góp đến tận nhà, không thể từ chối, miễn cưỡng bố thí mà lòng đau không dứt.

- **Bố Thí vì sợ hãi: chữ bố này có nghĩa là Sợ hãi.**

Đây là nhận ra tài sản, địa vị, sanh mạng của mình đến hồi nguy cấp, khó bảo toàn được, sợ rằng thế nào cũng mất đi, do đó vội vàng bố thí; hy vọng nhờ công đức bố thí mà tai qua nạn khỏi, kéo dài mạng sống; gặp được quả báo dữ hóa lành. Kiểu bố thí này là hiện tượng, hầu hết tín đồ Phật tử thường thể hiện.

- **Bố thí để báo ân:**

Vì đã nhận ân huệ của người nên bây giờ bố thí để trả ơn. Đây không thể gọi là gieo hạt giống phước mà chỉ là trả nợ. Có một số người gặp phải hoàn cảnh không thuận lợi, liền hướng về thần, Phật cầu nguyện. Đến khi hoàn cảnh thuận lợi thì bố thí đền trả lại. Cách này cũng không đúng tiêu chuẩn bố thí.

○ **Bố thí để cầu lợi:**

Ngay lúc bố thí đã mong mỗi người nào đó báo đáp cho. Thậm chí còn hy vọng người khác giúp đỡ; mong cầu người khác, vì mình mà hiến cả thân mạng. Đây mới là lúc nào, cũng lấy lễ vật long trọng đem đi bố thí, khiến cho người khác vì mình cảm kích mà ra sức giúp đỡ.

○ **Bố thí vì tập tục:**

Chính mình không có ý muốn bố thí, chỉ vì xã hội hay cha mẹ truyền lại thôi; mỗi năm gồm có bố thí Tam Bảo hay bố thí cho cơ quan từ thiện, lâu dần, thành tập tục bố thí lấy có.

○ **Bố thí vì muốn là trời:**

Đây chỉ là mong cầu có được sự an vui của thiên thần, có được sự giúp đỡ của thiên thần; hoặc là mong muốn sanh lên nước trời mà bố thí.

○ **Bố thí cầu danh:**

Chỉ vì mua danh mà thực hành bồ thí. Có một số người ở trước quần chúng đông đảo, vì thể diện, bồ thí để chứng tỏ ta đây rộng lượng, hào phóng.

• **Bồ thí không đúng cách (Bất Tịnh), tuy có công đức nhưng không phải là đúng nghĩa Bồ thí của pháp Phật.**

Đây là những cách bồ thí, đương nhiên, cũng có công đức ít, nhiều; nhưng so với ý nghĩa chân thật về Bồ thí của pháp Phật thì dường như đi quá xa! Bởi vì, phải xuất phát từ Tâm Bi, kính sâu sắc mà thực hành Bồ thí đúng như pháp Phật, thì mới đúng.

b. Phước nghiệp giữ giới.

Ý nghĩa quan trọng.

克己以利他, *Khắc kỷ dĩ lợi tha,*

堅忍持淨戒. *Kiên nhẫn trì tịnh giới.*

Khắc kỷ để lợi người, Kiên trì giữ tịnh giới.

• **Giới hạnh khắc kỷ để lợi người là nghiệp bồ thí vượt trội.**

Bây giờ cần nói đến phước nghiệp giữ giới. Chủ yếu của bồ thí là hy sinh tiền của ngoài thân để đem lợi ích cho chúng sanh. Đó là đức hạnh có giá trị cao quý nhất, nhưng còn có thể làm được. Dứt ác làm lành để có được thanh tịnh cho Tâm mình, chính là tông yếu của Pháp Phật, cho nên, so với

việc buông bỏ vật chất ngoài thân, lại càng vượt trội hơn. Giới là khắc chế tư dục của chính mình để đạt được đức hạnh cho đời sống an vui của trần thế, chính là từ khắc kỷ để lợi người vậy.

○ **Xin nêu hai giới để làm rõ vấn đề.**

Như giữ giới không trộm cướp, không phải là không trộm cướp hôm nay, ngày mai, cũng không phải là không trộm cướp ông A, bà B, mà là từ đây về sau, không trộm cướp tài sản của tất cả mọi người, của tất cả chúng sanh: Để giữ được giới không trộm cướp đối với tài sản của tất cả mọi người, của tất cả chúng sanh. Vì vậy, giữ giới không trộm cướp là một bảo đảm an toàn cho tài sản của tất cả chúng sanh không bị xâm hại.

Như giữ giới không tà dâm: Không phải giới hạn cho vài người này mà từ đây về sau, đối với tất cả giới tính, quyết không dùng thủ đoạn dụ dỗ, cưỡng bức để thỏa mãn ham muốn nhục dục của chính mình, đưa đến phá hoại an vui, hòa thuận, trinh tiết của gia đình người khác.

○ **Đối với công đức lợi tha của Năm Giới, Phật khen ngợi vượt trội hơn cả Bồ Thí.**

Vì thế, Phật khen năm giới là năm món bố thí lớn. Với công đức lợi tha này, thực ra, so với bố thí thông thường, còn có giá trị cao thượng hơn.

- **Giữ giới cần tâm quyết định, kiên nhẫn, chịu đựng sự thử thách cả trong lẫn ngoài mới có thể giữ được không phạm.**

Giữ gìn giới hạnh chính là khắc chế ham muốn riêng tư của mình, cho nên phải có quyết tâm vững vàng, nhận lấy vô vàn thử thách; chịu đựng khốn khổ, gian nan; chịu đựng sự dụ dỗ, uy hiếp, cưỡng bức của hoàn cảnh ác liệt; chịu đựng tư dục của nội tâm không để cho nó quấy rối, phiền não; thậm chí, còn phải có quyết tâm: 寧持戒而死, 不毀戒而生: Ninh trì giới nhi tử, Bất hủy giới nhi sanh: Thà giữ giới mà chết, Còn hơn phá giới mà sống.

Kiên nhẫn khắc chế tình dục, hoàn cảnh như thế mới đảm bảo giữ Tịnh Giới được; không để cho hủy phạm giới hạnh; không để cho công đức nhiều năm giữ giới mà chỉ trong một ngày thất bại toàn bộ (chỉ vì phạm giới); như người cả đời tuân thủ pháp luật, chỉ có một lần phạm pháp, liền bị sự chế tài của pháp luật.

Phân loại giới luật:

Năm giới.

Ý nghĩa của năm giới:

以己度他情, *Dĩ kỷ độ tha tình,*
 莫殺莫行杖, *Mạc sát mạc hành trượng,*
 勿盜勿邪淫, *Vật đạo vật tà dâm,*
 勿作虛誑語, *Vật tác hư cuống ngữ,*
 飲酒敗眾德, *Ẩm tửu bại chúng đức,*
 佛子應受持. *Phật tử ưng thọ trì.*

Quên mình cứu hữu tình, **Chớ giết**, Chớ đánh đập,
Chớ trộm, Chớ tà dâm, **Chớ nói lời giả dối,**
Uống rượu hại đức hạnh, Phật tử nên giữ gìn.

- **Ba loại giới đức của Pháp Chung Năm Thừa.**

Hiện giờ nói ba loại giới: năm giới, tám giới, thập thiện giới. Đây là giới đức của Pháp Chung Năm Thừa.

- **Nói rõ ý nghĩa giữ giới.**

- **Không hiểu ý nghĩa giữ giới như ham muốn công đức.**
Đó không phải giữ giới lý tưởng.

Trước nói năm giới. Vì sao cần giữ giới? Có một số người không hiểu ý nghĩa giữ giới nhưng, chỉ vì yêu mến công đức giữ giới nên trì giới thôi. Tuy vậy, đây là việc làm tốt nhưng không phải là lý tưởng.

- **Quên mình cứu hữu tình.**

- *Phật, Nho, đối với đức hạnh giữ giới đều giống nhau là quên mình cứu chúng sanh.*

✓ Phật pháp.

- Kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa đều nói giữ giới là quên mình để cứu độ chúng sanh.

Từ kinh A Hàm, kinh Pháp Cú đến kinh Đại Thừa, Phật đều nói rõ về Giữ Giới; đây là “*Quên mình để cứu độ chúng sanh*”, nhờ tự nguyện khắc chế tình dục của mình mà đức hạnh được nuôi dưỡng.

- Quên mình cứu độ chúng sanh, tức là pháp Tự Thông trong khế kinh đã nói.

Lấy tâm tình của chính mình để thông cảm tâm tình của tất cả chúng sanh; trong kinh gọi là pháp Tự Thông, nhà Nho cũng gọi là Thứ Đạo (suy kỹ cập nhân: Suy bụng ta ra bụng người).

Bộ tương ưng nói: “*Ta muốn sống, không muốn chết, muốn hạnh phúc, muốn tránh khổ. Nếu có kẻ muốn phá bỏ cái muốn sống; muốn không chết; muốn hạnh phúc; muốn tránh khổ cho ta, cho sinh mạng ta này (đây là dựa vào Sát Sanh mà nói); đây là những thứ ta yêu thích chăng?*”.

Nếu là những thứ ta không yêu thích thì ta phá bỏ; như vậy, những thứ chúng sanh khác không ưa thích cũng phá bỏ hay sao? Thế thì làm tổn thương nhau, giết hại nhau bất tận!

✓ Nho giáo.

Đây chính là điều Đức Khổng Tử nói: “己所不欲, 勿施於人: Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”.

✓ Đa tô giáo.

Đức chúa Jesu cũng nói “*Muốn người khác đối đãi với bạn như thế nào, thì bạn cũng phải đối đãi với người như thế*”.

▪ ***Quên mình cứu độ người là đạo đức bình thường giữa người với người.***

Đạo đức này không khó, từ đây có được ý thức về quên mình cứu độ người khác. Nhưng đạo đức của cơ Đốc giáo thì bắt đầu từ tình yêu Chúa mà có.

○ ***Trì giới vốn là biểu hiện của tự nguyện xuất phát từ tâm từ bi.***

Chính mình chán khổ tìm vui, người khác cũng thế vì sao có thể cướp đoạt niềm vui của người khác để họ càng thêm đau khổ ư? Vì sao không cùng vui với niềm vui của họ, không cứu giúp những khổ đau của họ?. Phật dạy: “*Từ bi là đem an vui đến, nhổ phăng khổ đau đi*”. Đây là tinh thần thực

tế. Cho nên khắc chế tình dục của chính mình, đó là giữ giới, không có gì khác mà là pháp Tự Thông (tự hiểu, tự cảm thông). Từ bi vốn xuất phát từ tự nguyện giữ giới. Đây là pháp tu: “Đời này vui, đời sau cũng vui”.

- **Nói rõ năm giới.**

- **Năm giới tuy là cơ bản của Phật tử tại gia, cũng là nguyên lý nhất quán của Giới Đức.**

Năm giới là giới luật của Phật tử tại gia thọ trì (Thiện nam: Ưu Bà Tắc, Thiện nữ: Ưu Bà Di) gọi là giới Cận Sự (Ưu Bà). Đây là giới đức cơ bản của gia đình nhưng cũng là nguyên lý nhất quán cơ bản của giới đức, cho đến giới Bồ Tát cũng không ra ngoài, chẳng qua càng triệt để thì càng thanh tịnh mà thôi. Năm giới vốn xuất phát từ: 以己度他情: Dĩ kỷ độ tha tình; Quên mình cứu chúng sanh.

- **Nói rõ Giới Tướng của năm giới.**

- ***Bốn giới đầu là tánh giới: Chớ giết, Chớ đánh đập; chớ trộm; chớ tà dâm; chớ nói lời giả dối.***

- ✓ **Chớ giết là giới không được sát sanh.**

Không kể tự tay giết hay sai người khác giết đều có tội, cắt đứt mạng sống của chúng sanh, chính là sát sanh. Nếu ngộ sát

(không cố tình làm) vẫn phải chịu trách nhiệm nhưng không thành trọng tội.

Trong giết hại chúng sanh, đương nhiên, giết người là tội nặng nhất.

Chớ đánh đập là cầm hãn dùng dao, gậy, gạch, đá làm tổn thương chúng sanh. Tổn thương, tuy không cấu thành tội sát, nhưng cũng là tội giết, chẳng qua tội nhẹ chút ít mà thôi.

✓ Chớ trộm là giới không cho mà lấy.

Không kể là của quốc gia, của tư nhân; theo Phật giáo: Tất cả của cải có chủ, nếu chủ nhân không đồng ý mà lén lấy, cưỡng bức lấy, chiếm lấy... đều phạm giới trộm cướp.

Theo Phật giáo, không thể vì lý do: Nghèo đói, bệnh tật, hiếu dưỡng cha mẹ, nuôi nấng vợ con mà trộm cướp. Bởi vì, đã là trộm cướp thì phải là tội.

✓ Chớ tà dâm, là giới không được tà dâm.

Nếu nam, nữ đồng ý, người bảo hộ đồng ý, không trái pháp luật, có nghi thức hôn lễ, công nhận thành vợ, chồng. Chánh dâm của vợ chồng này là yếu tố xây dựng gia đình, là tất yếu có con cháu nối dõi, là chánh đáng, không có tội.

Ngược lại, trai, gái ở trong gia đình đã được sự đồng ý của đôi phương nhưng với pháp Phật thì không cho phép (như khi

thọ giới Bát Quan Trai), quốc pháp cũng không cho phép hay dòng họ, người bảo hộ không đồng ý thì đều thuộc Tà Dâm. Đây là sự ngăn cấm đối với tín đồ tại gia của Phật giáo. Bởi vì, đây không những làm tổn thương ý chí tự do của đôi phương mà còn phá hoại hạnh phúc gia đình, là hành vi xấu làm rối loạn trật tự xã hội.

✓ Chớ nói lời dối trá, là giới không được Vọng Ngữ.

Vì lợi ích cho mình, cho bà con, bạn bè hoặc làm cho kẻ thù bị tổn hại mà nói những lời dối trá thậm tệ. Không biết mà nói là biết, biết nói là không biết; có nói không; không nói có; phải nói trái; trái nói phải. Vì những lời nói dối trá này để cho mình và người thân được lợi ích, để cho người khác chịu tổn hại; đó là phạm tội vọng ngữ nghiêm trọng. Những lời nói vọng ngữ khác, tội có nhẹ hơn.

✓ Nói rõ nghĩa tổng hợp của **Tánh Giới**.

Bốn giới trên gọi là Tánh Giới, tội ác do phạm bốn giới này vốn có tự bản thân, không kể có thọ giới không thọ giới, hết thấy đều phạm tội. Không chỉ trong pháp Phật không cho phép mà trong quốc pháp cũng ngăn cấm.

- *Giới thứ năm là cấm uống rượu là Giá Giới, nhưng cũng nghiêm cấm.*

✓ Chớ uống rượu là giới cấm uống rượu.

Làm cho tâm người rối loạn, chính là rượu, tuyệt đối không được uống.

Theo Pháp Phật mà nói: Rượu, đối với con người, hoàn toàn không được uống.

Tuy vậy, có một số người nói: uống rượu làm cho thân thể khỏe mạnh, nhưng theo Phật Pháp, có thể nói không đúng tí nào.

Rượu có thể làm rối loạn, làm hư đốn đức hạnh đối với Phật pháp và thế gian.

Uống rượu làm cho tâm hỗn loạn, không thể tự mình làm chủ được. Say rồi không chỉ làm sai, dù xưa nay giữ gìn giới luật, nghiêm khắc. Một khi đã uống rượu say thì cùng lúc phạm cả bốn trọng tội: Sát, Đạo, Dâm, Vọng; cho nên nói: Làm cho đức hạnh bại hoại. Thật ra, không chỉ công đức trong Phật pháp mà cho đến hạnh phúc gia đình, tình cảm bằng hữu, tiền của sự nghiệp, cũng vì uống rượu mà, tan nát không còn.

Rượu làm cho người mê loạn, làm chướng ngại trí huệ, là tội đầu phá hoại các đức hạnh.

Nguồn gốc của tất cả tội ác, đưa đến điên đảo chẳng biết gì, đó chính là rượu. Lại nữa, uống rượu làm cho người rơi vào trạng thái mê loạn; uống rượu thành thói quen là trở ngại lớn cho chánh niệm, chánh trí. Có một số người thường hay say xỉn, sanh ra con cái có tinh thần không bình thường hoặc bị chứng trí huệ kém cỏi. Cho nên, uống rượu dường như không có tội ác gì nhưng, thật ra rất chướng ngại cho trí huệ, đứng đầu tội làm bại hoại đức hạnh.

✓ Nên giữ năm giới thật nghiêm là cơ sở đi theo pháp môn xuất thế.

Vì thế, không chỉ giữ bốn giới trước thật nghiêm mà, người Phật tử còn phải giữ giới không được uống rượu cẩn trọng hơn để bảo tồn đức hạnh, đồng thời, tiến tu trí huệ là pháp môn xuất thế căn bản.

Công đức của 5 giới

五 戒 盡 形 壽, Năm giới tận hình thọ,

眾 德 之 所 歸. Chúng đức chi sở quy.

Suốt đời giữ năm giới, Là nơi phước đức trở về.

• Ngũ giới.

Từ trước đến đây đã nói về năm giới là tịnh giới mà Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di phải giữ gìn. Khi quy y Tam Bảo, tự

nguyện nói: “*Từ đây đến hết đời, con nguyện trở về, nương tựa ba ngôi Tam Bảo Phật, Pháp, Tăng*”; cho nên suốt đời giữ gìn năm giới.

○ **Quy y là tín nguyện, thọ giới là thực hành.**

Quy y là tín nguyện chí hướng về Tam Bảo, thọ năm giới là thực hành quy y hướng về Tam Bảo.

▪ ***Quy y không thọ giới là quy y giả danh.***

Quy y mà không giữ năm giới thì có thể gọi là giả danh Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Thực ra, chỉ là giả danh quy y thôi.

▪ ***Từ: “giữ gìn mạng sống” trong văn quy y tức là thệ nguyện thọ giới.***

Khi quy y nói: “*Từ hôm nay đến chết, Giữ gìn mạng sống*”, chính là thệ nguyện thọ giới.

Giới là pháp vốn có liên quan với từ bi, cho nên không sát sanh là gốc của giữ gìn mạng sống; không trộm cướp, không tà dâm... đều là phân biệt rõ ràng để nói về giữ gìn mạng sống. Có người dịch từ Hộ Sanh (giữ gìn mạng sống) thành “*Xả sanh*” càng rõ hơn nêu lên giới Bất Sát trong năm giới làm ví dụ (khi thọ giới không phải nói rõ tất cả giới điều, thọ giới tỳ kheo cũng như thế). Vì vậy, sau khi quy y mới thọ năm giới, đừng quá phân biệt giới Tương mà thôi.

○ **Có bốn cách thọ trì năm giới:**

- ***Chân thành quy y Tam Bảo thì phải thọ trì năm giới.***

Đã chân thành quy Y Tam Bảo không thể không thọ trì năm giới. Có tín ngưỡng mà không cải thiện hành vi thì rõ ràng tín ngưỡng thiếu chân thật, không thể xem Ưu Bà Tắc đầy đủ.

- ***Nêu lên cách bốn loại thọ giới từ một phần cho đến toàn phần.***

Tuy Như Lai đại bi hiểu rõ tập nhiễm sâu nặng của nữ cư sĩ tại gia, không dễ gì thọ trì toàn bộ tịnh giới cùng một lúc; nhưng nếu nghiêm khắc thì sẽ làm cho họ không được gằn gỏi Tam Bảo, cho nên, tùy từng người mà có thể giữ được nhiều hay ít giới nên chia bốn loại Ưu Bà Tắc: Ưu Bà Tắc giữ một giới; Ưu Bà Tắc giữ hai giới; Ưu Bà Tắc giữ ba Giới; Ưu Bà Tắc giữ năm giới;

Do đó, trong những người Phật tử tại gia quy y Tam Bảo, nếu giữ được năm giới thanh tịnh là bậc Thượng Thiện.

- **Năm giới là chỗ trở về muôn phước.**

Thọ năm giới và giữ được thanh tịnh, đó có thể gọi là nơi trở về của muôn phước; giống như có được ngọc Ma Ni, lúc ấy, tất cả châu báu sẽ theo nhau trở về.

- *Đời sống hiện được an vui, làm mọi việc được may mắn.*

Do giữ giới, đời sống hiện tại không phạm quốc pháp, được xã hội tôn trọng và trời, người hoan hỷ, thiên long hộ trì, quỷ thần tà ác muốn lôi kéo cũng không thể, nên mọi việc đều may mắn tốt lành.

- *Quả báo đời sau sanh vào cõi lành hay hơn nữa, có thể phát sanh công đức xuất thế.*

Giữ giới là không làm tất cả tội ác, tâm tánh thanh tịnh, quả báo sanh lên làm người, làm trời, cũng có thể là nơi Định, Huệ nương tựa, phát sanh công đức xuất thế. Công đức của năm giới, không thể nói hết!

Tám giới.

加行日夜戒, *Da hành nhật da giới,*

隨順出離者. *Tùy thuận xuất hy giả.*

Thọ giới Bát Quan Trai, Bạc tùy thuận xuất ly.

● Ý nghĩa 8 giới.

Loại thứ hai của Tịnh Giới là giới Bát Quan Trai có tám giới cũng gọi là Giới Cận Trụ.

- *Nghĩa tổng hợp của tám giới quan trai.*

- *Giải thích giới tướng của tám giới này.*

- ✓ Năm giới trước giống năm giới đã thọ, chỉ có giới không dâm giống người xuất gia.

Tám giới là không sát sanh, không trộm cướp, không dâm dục, không nói dối, không uống rượu. Năm giới này giống năm giới đã nói ở trước.

Chỉ có giới không Dâm dục chỉ áp dụng trong thời hạn thọ giới dù là quan hệ với vợ chồng cũng cấm tuyệt đối, giống như người xuất gia cho nên nói là không Dâm.

- ✓ Ba giới sau giống như người xuất gia.

Sáu là không được xúc hương, cài hoa trang điểm thân thể, không ca múa, xem nghe; dĩ nhiên, chính mình không được làm những việc đó.

Bảy không được ngồi nằm trên giường cao rộng lớn, sang trọng.

Tám không được ăn phi thời, nghĩa là quá Ngọ không được ăn.

Ba giới sau giống người xuất gia.

- ***Nói rõ ý nghĩa chữ Trai.***

Trong 8 giới thì giới không được ăn phi thời gọi là Trai.

- ***Ý nghĩa của căn trụ giới. Thọ giới Bát Quan Trai, Bạc tùy thuận Xuất Ly.***

▪ ***Giải thích ý nghĩa.***

Đệ tử Phật tại gia, chưa thể xuất gia tu hành, nhưng đối với đời sống xuất gia vô cùng hâm mộ. Vì vậy, Phật chế ra tám giới để Phật tử tại gia tập tu hạnh xuất gia bằng cách thọ trì tám giới trong một ngày một đêm. Đây gọi là hạnh của Bậc tùy thuận xuất ly A La Hán..., học tập sống đời đạm bạc của người xuất gia.

Người thọ giới này ở gần gũi với chư Tăng, Ni, cho nên gọi là Cận Trụ giới.

▪ ***Thọ tám giới là thời gian ngắn hạn của người tại gia tập tu hạnh của người xuất gia.***

Năm giới thì suốt đời giữ gìn, chính là đức hạnh của Phật tử tại gia, vì thế, phải học tập hạnh xuất gia trong thời gian ngắn nên thọ tám giới này. Như giữ thêm giới không được cầm giữ vàng bạc, chính là giới của Sa Di chính thức xuất gia.

• **Nghi thức thọ trì và kỳ hạn của tám giới.**

○ **Thời gian và nghi thức.**

Phật chế tám giới Bát quan trai thọ trì trong một ngày một đêm, thông thường là sáu ngày chay trong mỗi tháng; tức là vào các ngày 8,14,15,23,29,30 (ÂL) là những ngày bố thí, tu

thiện ở Ấn Độ. Vào sáng sớm những ngày này, nói chung, đến chùa, mời thầy A Xà Lê truyền cho 8 giới Bát quan trai. Người đang giữ giới không được hủy phạm, cho đến sáng hôm sau, mặt trời mọc ở phương Đông, thì tuyên bố khóa tu hoàn tất. Lần sau có muốn thọ giới này cũng thực hiện như thế.

○ **Kỳ hạn thọ trì giới.**

▪ ***Phật chế thọ trì một ngày đêm.***

Phật tử tại gia không thể sống lâu dài như người xuất gia, cho nên, Phật chế thọ trì tám giới trong một ngày đêm.

▪ ***Không giới hạn trong một ngày đêm mà tùy vào sự phát tâm thọ trì của người thọ giới.***

Đã đành là như thế, nhưng không hẳn giới hạn trong một ngày đêm mà tùy sự phát tâm của người thọ giới, có thể kéo dài thời gian ba ngày, năm ngày hay một tháng đều có thể được.

• **Thứ tự trước sau và so sánh công đức giữa năm giới và tám giới.**

○ **Công đức giữa năm giới và tám giới có hơn, kém khác nhau.**

So với năm giới, tám giới tinh nghiêm hơn nhiều. Nhưng năm giới thì thọ trì suốt đời, cũng có chỗ vượt hơn Bát quan trai giới; cho nên, công đức năm giới và tám giới theo tình huống thọ trì mà quyết định, khó nói bên nào hơn, bên nào kém.

- **Tuy có thứ tự trước sau giữa năm giới và tám giới, nhưng cũng có ngoại lệ.**

Lại nữa, năm giới là giới Phật tử tại gia luôn thực hành; tiến lên một bước là học tập đời sống xuất gia; vì vậy, thỉnh thoảng mới thọ trì Bát quan trai giới; nhưng cũng có lúc không thể thọ trì năm giới suốt đời mà có phát tâm tu Bát quan trai giới này trong ngắn hạn. Tuy trường hợp này là ngoại lệ, nhưng Phật pháp chủ yếu hướng dẫn con người làm điều thiện, cho nên, cũng cho phép như thế.

Giới thập thiện.

不 殺 盜 邪 淫,	<i>Bát sát, đạo, tà dâm,</i>
不 妄 語 兩 舌,	<i>Bát vọng ngữ, lưỡng thiệt,</i>
不 惡 口 綺 語,	<i>Bát ác khẩu, y ngữ,</i>
離 貪 瞋 邪 見.	<i>Ly tham, sân, tà kiến.</i>
諸 善 之 根 本,	<i>Chư thiện chi căn bản,</i>

佛說十善業, *Phật thuyết thập thiện nghiệp,*
 人天善所依, *Nhân, thiên thiện sở y,*
 三乘聖法立. *Tam thừa thánh pháp lập.*

*Không giết, không trộm, không tà dâm,
 Không nói hai lời, không vọng ngữ,
 Không nói thêu dệt, không nói ác,
 Xa lìa tham, sân và tà kiến.
 Ấy là căn bốn các điều lành,
 Nên Phật nói Nghiệp đạo Thập Thiện,
 Là nơi nương tựa cho trời, người,
 Là Ba Thừa pháp Phật lập ra.*

- **Nói chung về giới Thập Thiện**

- **Thập thiện là giới.**

Tịnh giới thứ ba, thập thiện nghiệp cũng gọi là thập thiện giới.

- **Từ Luật Nghi và Giới Luận về Thập Thiện Nghiệp**

- ***Trong luật nghi mà Phật quy định hoàn toàn không có Thập Thiện Nghiệp.***

Khi Như Lai quy định luật nghi, trong ấy có nghi thức trao và nhận nhưng hoàn toàn không có Thập Thiện Nghiệp.

- ***Kinh và Luận đều nói Thập Thiện Nghiệp là Giới.***

- ✓ Kinh Luận Đại Thừa đều nói Thập Thiện Nghiệp là giới của Bồ Tát.

Chỉ dựa vào kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa; kinh Ưu Bà Tắc Giới...; Nhập Trung Luận; Nhiếp Ba La Mật Đa Luận... đều nói Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới của Bồ Tát.

- ✓ Từ A Hàm về sau đều khen Thập Thiện và Năm Giới như nhau và là đức hạnh chủ yếu.

- ***Luật nghi và Giới tuy có giống và khác nhưng đều là Giới, còn lấy Thập Thiện Nghiệp làm căn bản.***

- ✓ Thập Thiện Nghiệp là Giới cũng là căn bản.

Trong pháp Phật, Giới là Luật Nghi có giống và khác nhau ít nhiều. Bất luận là tự nguyện thọ trì hay thọ trì từ thầy đều là Giới; căn bản là Thập Thiện Nghiệp.

- ✓ Năm giới, tám giới là giới cũng là luật nghi.

Dựa vào hoàn cảnh, căn tánh của người tu học mà quy định giới luật tuân thủ không giống nhau, năm giới, tám giới... và tám loại Luật Nghi (gom hết vào giới luật của Thanh Văn) là Giới cũng là Luật Nghi.

- ✓ Trong giới phước nghiệp, căn bản của đức hạnh là Thập Thiện Nghiệp.

Vì thế, ở trong giới phước nghiệp lại nói Thập Thiện Nghiệp là căn bản của đức hạnh.

- **Giải thích tướng của Thập Thiện Nghiệp.**

Thập Thiện Nghiệp chia làm ba loại: Thân, Miệng, Ý.

- **Thân có ba: không sát sanh, trộm cướp, tà dâm.**

Thân thiện nghiệp có ba: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm so với ba giới trước của năm giới giống nhau.

- **Miệng có bốn: không nói dối, hai lời; không nói ác, nói lời thù dật.**

Ngữ thiện nghiệp có bốn: Không nói dối; không nói hai lời; không nói ác; không nói thù dật.

- ***Giải thích bốn giới tướng của miệng.***

Không nói dối giống với giới thứ năm.

Không nói hai lưỡi: không chỉ là động cơ phá hoại sự hòa hợp tốt đẹp của người khác, mà còn đâm bị thóc, chọc bị gạo, làm thị phi đảo lộn, ly gián dòng họ.

Không nói lời ác: không nói lời độc ác, gièm pha khiến người khó chịu, như mắng nhiếc, chửi rủa, trêu chọc, phê phán nghiệt ngã, hà khắc, đả kích cay độc.

Không nói lời thù dật; không nói lời vô nghĩa, như bàn tán chuyện trộm cướp, dâm ô; chuyện trào phúng; phê phán chua cay, nghiệt ngã; nói lời bóng gió. Cách nói năng này không những hao tổn thời gian mà còn có hại cho thân tâm.

- ***Ngữ nghiệp là đức hạnh căn bản cho sự an lạc nói chung.***

Mười nghiệp lành chú trọng bốn nghiệp lành thuộc về ngôn ngữ là điểm chung cho sự hòa thuận, an lạc của loài người.

Mười nghiệp lành chú trọng vào ngữ nghiệp đã nói rõ: Đây là đức hạnh căn bản chung cho sự hòa thuận, an lạc của loài người.

Truyền bá ngôn ngữ, văn tự, khoa học, kỹ thuật mà bằng bốn khẩu nghiệp ác là đi ngược lại với đức hạnh chân chánh thông thường của loài người.

Con người truyền đạt tâm tình, ý nghĩa đến người khác bằng ngôn ngữ. Nếu con người với nhau trong cuộc đời này chỉ toàn sử dụng vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ để trao đổi hằng ngày thì thử hỏi an lạc của con người, hòa thuận của gia đình, thịnh trị của quốc gia, bình an của thiên hạ từ đâu mà có được?

Sự truyền đạt của ngôn ngữ, tuy nói: “*Miệng người nhanh như gió*”, rốt cuộc không dễ gì truyền bá khắp nơi. Từ khi có chữ viết ra đời mới có thể truyền đi xa hơn, lâu hơn; Gần đây còn phát minh thêm điện thoại, truyền hình; đây là ý thức của

loài người trên thế giới này, tin tức, nhờ vậy, càng phổ biến nhanh chóng.

Nhưng mà một khi tin tức phổ biến nhanh chóng thì nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói thêu dệt lại càng đầy đủ. Hiện tại, chúng ta đang đối mặt với một thế giới như vậy. Tuyên truyền rằng đang xây dựng một nền hòa bình vĩnh cửu cho nhân loại, nhưng ngược lại với đức hạnh, luân thường của loài người. Đó đúng là leo lên cây tìm cá.

○ **Ý có ba: xa lìa Tham, Sân, Tà Kiến.**

Thiện nghiệp của Ý có ba: xa lìa tham dục; sân hận và Tà kiến.

▪ ***Giải thích ba giới tướng thuộc ý.***

Lìa xa tham dục là đối với tài sản, địa vị quyền lực của người khác không mong tâm thèm muốn cho được, không mưu tính kế hoạch cướp lấy tài sản của người khác mà chính mình phải an phận tri túc, lìa bỏ tâm tham dục.

Xa lìa sân hận là đối với người khác không khởi lên tâm sân hận, oán thù; không rấp tâm làm tổn hại người khác.

Lìa xa Tà Kiến chính là Chánh Kiến. Chánh kiến có thiện ác; có nghiệp báo; có đời trước, kiếp sau; có phàm phu, thánh nhân.

- *Ý nghiệp, tuy thuộc nội tâm nhưng nó là nguồn gốc của thân nghiệp, khẩu nghiệp.* Hai nghiệp này biểu hiện ra là hành vi của thân và miệng.

Lìa mười nghiệp ác, thực hành mười nghiệp thiện, đó chính là đức hạnh con người nên làm.

Ngược với Thập thiện là Thập ác. Bỏ thập ác làm thập thiện; đó thực sự là đức hạnh mà con người nên làm.

- **Thập thiện là căn bản của các việc lành.**

- *Thập thiện là nghiệp quan trọng.*

Các nghiệp thiện vốn rất nhiều nhưng nghiệp quan trọng nghe, thấy được rõ ràng là Mười Nghiệp Thiện.

- *Mười Nghiệp Thiện là đức hạnh khởi đầu và cùng tốt của con người.*

- *Mười việc lành này là nơi nương tựa căn bản của tất cả điều lành.*

Vì vậy căn bản của thiện nghiệp, Phật nói chính là mười nghiệp thiện.

Ở trong pháp Đại Thừa là giới của Bồ Tát cũng là căn bản tất cả hạnh lành của Thanh Văn, Duyên Giác, Trời, Người. Cho nên nói: “*Chỗ nương tựa của trời, người tu tập*”; “*là pháp Tam Thừa của Phật, từ đây mà thành lập*”.

- ***Dẫn kinh để chứng minh.***

Ở trong Phật pháp, mười nghiệp thiện là đức hạnh bắt đầu và cuối cùng.

Trong khi kinh Hải Long Vương nói: “*Những người tu thiện pháp là những chúng sanh thuộc trời, người hoàn toàn dựa vào nơi căn bản. Dựa vào nơi căn bản là sự giác ngộ của Thanh Văn, Độc Giác; Dựa vào nơi căn bản là sự giác ngộ của bậc Vô Thượng Chánh Đẳng. Dựa vào nơi căn bản là những gì: Đó là mười nghiệp Lành*”.

Lại nói: “*Con đường của mười nghiệp lành là sanh làm trời, người, chứng được Quả học, Vô học của các bậc sa môn, sự giác ngộ của Độc Giác và tất cả các diệu hạnh của Bồ Tát, là chỗ nương tựa của tất cả Phật pháp*”.

c. Tu định là phước nghiệp.

Đối trị hai tai vạ

欲 樂 不 可 著,	<i>Dục lạc bất khả trước,</i>
散 亂 多 眾 苦,	<i>Tán loạn đa chúng khổ,</i>
依 慈 住 淨 戒,	<i>Y từ trụ trì giới,</i>
修 定 最 為 樂.	<i>Tu định tối vi lạc.</i>

Dục lạc không được dính; Tán loạn nhiều khổ đau;
Nương từ, giữ giới tốt; Tu định là vui nhất.

- **Tổng quát về tu định phước nghiệp.**

Bây giờ lại nói về tu định phước nghiệp.

○ **Chỉ có tu định mới có thể đạt được mục đích Tự Tĩnh Kỳ Ý.**

Có người cho rằng Bồ thí là thiện hạnh lợi tha tích cực, còn trì giới chỉ là đức hạnh tiêu cực cho chính mình; tu định, đây là phước nghiệp gì mà nói? Không biết rằng Phật pháp lấy “Tự Tĩnh Kỳ Ý” làm nòng cốt, nhưng các pháp trong thế gian chỉ có Tu Định mới có thể đạt được mục đích.

○ **Căn bản đức hạnh của chính trị, giáo dục đều tham cứu đến nội tâm.**

Phàm là chính trị dùng đức để giáo hóa dân chúng; tôn giáo cũng thế, lấy đức để giáo hóa mọi người; xét cho cùng, đều phải đi đến căn bản đức hạnh; cho nên, không thể không tham cứu đến nội tâm.

▪ ***Quan niệm tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của nhà Nho cũng xuất phát từ Chánh Tâm mà ra.***

Nếu nhà Nho lấy Tu, Tề, Trị, Bình làm nhiệm vụ mà không Tu Thân thì không thể. “Từ vua cho đến dân thường đều lấy Tu Thân làm gốc”, nhưng Tu Thân còn phải từ hiểu biết thấu đáo (trí tri); Tâm ý chân thành (thành ý); Tâm hồn chánh trực (chánh tâm) mà thực hành. Căn bản là triệt để vấn đề ở nội tâm của chính mình. Đó là Định Tâm Thanh Tĩnh thì

không còn sự nhiễu loạn do nhiễm ô. Đây, há không gọi là Thiệu sao? Đây chính là Đức Hạnh đáng quý.

- ***Theo quan điểm của sách Đại Học thì Định là quá trình nội tâm của phước nghiệp.***

Như sách Đại Học nói: “*Biết dừng lại rồi sau mới Định*”, đến khi “*An rồi sau mới có Sở Đắc*”. Đây chính là quá trình nội tâm tu Định Phước Nghiệp của thế gian.

- **Lý do và chuẩn bị của Tu Định.**

- **Chủ yếu của Tu Định là đối trị Dục Lạc và Tán Loạn.**

Vì sao phải Tu Định? Lý do không phải ít, nhưng chủ yếu là nhận ra Tội Ác thực sự này của thế gian xuất phát từ hai nguyên nhân chính mà, nếu không Tu Định thì không thể đối trị được.

- ***Dục lạc là gốc của khổ giống như mật ngọt dính trên lưỡi dao bén.***

Dục lạc: Con người đối với vật chất; đối với sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc chạm dễ chịu thích ý vừa lòng với mình và ham muốn tính yêu nam nữ đều là những lưu luyến không thể rời xa. Ham muốn hiện tại, tham đắm không buông. Ham muốn quá khứ, niệm niệm không quên. Ham muốn vị lai, mù quáng tìm tòi. Những dục lạc (ham muốn) này tìm tòi gian khổ không thôi mà rất khó có được. Khi có

được nó rồi lại lo sợ khó thể giữ nổi; đến lúc mất rồi, buồn đau không kể xiết! Thử nghĩ: Tất cả những vấn đề của đời người: Xã hội, kinh tế, chính trị... dường như tồn tại không ngoài sự tham cầu dục lạc của mọi người. Dục lạc thì Chớ Có Dính Vào, nó giống như mật ngọt dính trên lưỡi dao bén; dường như không có gì đáng kể, nhưng vì không biết, thè lưỡi liếm vào thì rất khổ đau bởi cái hại cắt lưỡi khó lường.

▪ ***Tán loạn, không thể tự chủ, dễ sanh khởi phiền não.***

Tâm người tán loạn, so với con vượn nhảy nhót không ngừng còn gấp ngàn lần. Vì từ trong tâm tán loạn nên tánh tình dễ xúc nổi, nhận thức không rõ ràng, chính xác (tán loạn nặng đến cả cái học ở thế gian cũng không sao hiểu được); tự mình không khống chế được bản thân, hầu hết đều biến chuyển theo hoàn cảnh. Tán loạn có sức mạnh của nhân tố phiền não, điên đảo phát sanh, làm cho con người rơi vào biển ham muốn với bao nhiêu lo buồn, khổ sở bởi yếu đuối, tự mình không thể nào ra khỏi.

- ***Tu Định mới có thể không bị ràng buộc bởi Dục Lạc, không bị nhiễu loạn bởi Dục Lạc, tâm địa sáng trong an định và chính mình có được tự do.***

Tu Định phải đầy đủ Từ Tâm và Tịnh Giới. Nhưng tu tập

Thiền Định, trước không thể không chuẩn bị hai điều; nếu không có thể sẽ dẫn đến hại nhiều hơn lợi.

Một là dựa vào Tâm Từ.

Tu Định không phải vì hiếu kỳ, không phải vì ý đồ thỏa mãn dục lạc vô độ hay để sống lâu; hoặc là mong có được thần thông để báo thù ai đó mà, cốt là nuôi dưỡng Tâm Từ với ý niệm đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Có Tâm Từ thì tâm tánh sẽ được nhu hòa, dễ dàng tu tập thành tựu. Khi đã thành tựu rồi không lợi dụng định lực, thần thông làm nhiều loạn chúng sanh.

Hai là an trụ trong Tịnh Giới.

Để an trụ trong Tịnh Giới phải thọ trì mười nghiệp đạo, thân, miệng phải biểu hiện đức hạnh hiền lành. Nếu hành nghiệp không chánh đáng, tu định sẽ chiêu cảm tà ma. Có thành tựu Định Lực cũng là tà định; kết quả thành quyền thuộc của ma vương, hại mình, hại người mà thôi.

- **Tin, hiểu rằng cái vui thế gian không hơn được cái vui của thiền định, cho nên, phải cố sức Tu Định.**

Trước khi tu cần xác tín rằng các pháp trong thế gian, Tu Định là an lạc cao nhất. Cái vui ở thế gian là cái vui năm Dục, cái vui nam nữ dâm dục là hơn hết; nhưng so với cái vui

Thiền Định thì không thể nào bằng được. Niềm vui trong Định thấu tận xương tủy, lan tỏa toàn thân, ví như trận mưa lớn, nước lênh láng từ cống rãnh đến sông suối, ao hồ.

Nếu xác tín và hiểu được rằng Tu Định phát sinh niềm hỷ lạc mà trong thế gian không có gì sánh bằng; ngay khi tu tập cũng không luyến ái dục lạc, vật chất bên ngoài mà một lòng kiên trì tu tập không đứt đoạn, không lười biếng.

Quá trình tu tập thiền định.

調攝於三事, *Điều nhiếp u tam sự,*

心一境名定, *Tâm nhất cảnh danh Định,*

漸離於分別, *Tiệm ly u phân biệt,*

苦樂次第盡. *Khổ lạc thứ đệ tận.*

Đối với ba việc phải điều phục, nuôi dưỡng.

Chú tâm vào một cảnh gọi là Định.

Từ từ xa lìa sự phân biệt, Khổ, vui lần lượt hết.

• **Quá trình tu tập thiền định.**

- **Phương pháp tu tập Thiền Định là điều phục, nuôi dưỡng Thân, Tâm.**

Nói đến phương pháp tu tập Thiền Định thì không ra ngoài điều phục, nuôi dưỡng Thân, Tâm.

- ***Nghĩa chung của điều, nhiếp***

Điều là nhiếp phục, là điều hòa. Tâm người như con ngựa hoang, khó thuần hóa; như con trâu dữ, phá hoại mùa màng; phải cần có công phu điều phục, rèn luyện một thời gian để cho tâm nhu nhuyễn, chuyển hóa theo ý muốn của mình; cho nên người xưa nói: “*Điều tâm giống như điều phục ngựa, chẵn dất trâu*”

Điều còn có nghĩa là điều hòa thân thể; Hơi thở; Tâm niệm. Cả ba việc này cốt điều hòa Tâm cho dễ chịu, hoàn hảo, đừng để Tâm loạn động. Chỉ có như thế Tâm mới từ từ đi vào An Định.

Nhiếp là thu nhiếp, khiến cho Tâm niệm tập trung, không để cho nó tán loạn.

▪ ***Đối tượng điều nhiếp.***

Có ba việc là đối tượng để điều nhiếp (điều phục và thay thế hay nuôi dưỡng), đó là Thân, Tức, Tâm (thân thể, hơi thở vô ra, tâm niệm) như sách Tiểu Chỉ Quán đã nói.

Thân thể cần an ổn, ngay thẳng, thanh thản, điều hòa; không được hành động tùy tiện, cũng đừng để thân thể có cảm giác bức xúc, căng thẳng, như mắt nhắm nghiền, miệng mím chặt, lưỡi cong lên.

Điều tức là thở ra, hít vô nhẹ nhàng, chậm rãi, không phát

ra tiếng cũng không được biến động hình thể của miệng, mũi, dờng như có, dờng như không; nhưng phải từ từ tập luyện, không nên quá gấp.

Điều Tâm là khiến Tâm buộc chặt vào Niệm (trong cảnh duyên hiện tiền), đừng để cho tán loạn, đừng để cho hôn trầm, đừng để cho trạo cử, Tâm Ý tập trung (trở về một nơi) thì Tâm có thể bình an, ngay thẳng và tự nhiên an trú trong Định.

Ba việc này có tương quan với nhau nhưng tâm là chính, ở trong thân thể thì thường vắng lặng, yên bình; Tâm và Hơi thở nương tựa lẫn nhau thì mới đến được Cảnh Định.

○ **Hai quá trình Đắc Định và Tu Định.**

▪ ***Đạt được Tâm Nhất Cảnh Tánh thì gọi là Định.***

Cần tu tập như thế nào mới được xem là Đạt Định? Khi đạt đến TÂM NHẤT CẢNH TÁNH thì gọi là Định.

Định là tiếng Phạn gọi là Tam Ma Địa (samAdthi) có nghĩa là Đẳng Trì.

Đẳng là Bình Chánh: Ngay thẳng, yên tĩnh; không xúc nổi, bồn chồn; trầm ngâm, tằm tối.

Trì là thu nhiếp tâm, giữ gìn Chánh Niệm, không để tâm tán loạn.

▪ ***Làm sáng tỏ quá trình trước, sau tu tập Định.***

Khi mới tu tập Định thì cột niệm vào một cảnh, khi đó vọng tưởng lao xao, Tâm không dễ gì an trụ. Niệm giống như sợi dây leo, khiến tâm luôn chuyển động theo cảnh. Tu tập lâu dần, vọng niệm từ từ cắt đứt; tiến lên bước nữa, vọng niệm thỉnh thoảng còn khởi lên, lâu hơn nữa mới duy trì được Tâm bình đẳng (an ổn), Tâm trụ vào một Cảnh, như thân tâm nhẹ nhàng, an tịnh. Đó chính là Đắc Định.

- **Trình độ sâu, cạn của Định.**

Định có nhiều trình độ, từ cạn vào sâu mà hay nói là Tứ Thiền, Bát Định. Bây giờ, nói rõ một số loại.

- **Xa lìa dần dần sự phân biệt.**

Căn cứ vào sự phân biệt mà nói thì Định là xa lìa dần dần sự phân biệt.

- ***Người không có Định thì hết thấy đều có phân biệt.***

Như tâm niệm của người bình thường, không thể cắt đứt được sự đổi thay bởi Trần Duyên, càng không dễ dứt được sự thay đổi đối với việc lãnh hội và thực hành.

- ***Người tu tập thiền định dần dần lìa xa phân biệt.***

Một khi đã tu tập thiền định để Tâm an trụ vào một cảnh, niệm, niệm tương tục an trụ rõ ràng. Tâm cực kỳ an định và sáng tỏ rất mực thì mới có thể đi vào Định được.

✓ Sơ Thiền và Trung Gian Thiền đều có phân biệt.

Có một số người vọng niệm đã dứt một ít, hoặc là tối tăm, bất giác liền cho là Tâm Vô Phân Biệt.

Không biết rằng đi sâu vào Sơ Thiền, Tâm còn phân biệt: Tâm là thô phân biệt; Tứ là tế phân biệt, cho nên gọi Tam Ma Địa có Tâm có Tứ.

Sơ Thiền đến Nhị Thiền trung gian; có được Trung gian Thiền. Đến đây mới không khởi Thô Phân Biệt nên gọi là Vô Tâm Hữu Tứ Tam Ma Địa.

✓ Nhị Thiền trở lên không có phân biệt, vượt lên trên cả Tâm và Tứ.

Đến Nhị Thiền thì ngay cả vi tế phân biệt cũng không còn nên gọi là Vô Tâm Vô Tứ Tam Ma Địa. Đến cảnh giới này, tuy còn Tự Tánh phân biệt nhưng không có Khái Niệm Phân Biệt nữa, cho nên cũng sẽ không có phát sanh ngôn ngữ (ngôn ngữ là âm thanh hóa của Tâm Tứ trong nội tâm).

Đến Tam Thiền trực giác được Bình Đẳng, thanh tịnh trong nội Tâm, cho nên nói: “*Nội tâm bình đẳng, thanh tịnh, chánh niệm, chánh tri*”; nhưng kết quả này, ngoại đạo cũng có, nên chớ có cho Tâm Vô Phân Biệt là chứng được Tâm Thở Bỏ Tịnh rồi.

Đó chẳng qua là dựa vào pháp thể gian mà nói, từ Nhị Thiên trở lên, có thể nói là Vô Phân Biệt Định vượt lên trên Tâm, Tứ.

○ **Khổ, Vui tuần tự hết.**

Dựa theo tình cảm mà nói về “*Khổ, vui tuần tự hết*”.

▪ ***Ở Dục giới chịu khổ, vui cả về sinh lý và tâm lý.***

Ở Cõi Dục này có: Từ sinh lý phát sinh ra khổ, thọ, từ tâm lý phát sinh ra Ưu Thọ.

▪ ***Từ Sắc giới trở lên thì Ưu, Khổ, Hỷ, Lạc, tuần tự hết.***

✓ **Sơ Thiên thì Ly sanh Hỷ, Lạc (không còn sanh ra Hỷ, Lạc).**

Đến Sơ Thiên ưu, khổ từ dục lạc, phiền não quấy động không còn tái sanh nữa. Lúc này, do lìa xa dục lạc mà hỷ lạc sanh khởi. Hỷ là niềm an vui trong tâm, lạc là trạng thái nhẹ nhàng của thân và tâm.

✓ **Nhị thiên thì Định sanh Hỷ Lạc.**

Đã đến Nhị Thiên, tuy cũng có Hỷ Lạc như vậy, nhưng đó là Hỷ lạc do Định Sanh, không giống như Hỷ lạc do Ly Dục Sanh.

✓ **Tam Thiên thì Ly Hỷ Diệu Lạc.**

Niềm vui sướng tận cùng đến nhảy căng lên như thế, cho nên mới đi thẳng vào Tam Thiên gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc:

Niềm vui sướng cũng không còn. Lạc Thọ của Định này đã đến đỉnh điểm của niềm vui thế gian, cho nên hay nói rằng “*Giống như đi vào Diệu Lạc của Thiên thứ ba*” để hình dung về cực lạc. Đương nhiên, trạng thái an lạc này không thể so sánh được với “*trạng thái an lạc là xa ràng buộc*” của phiền não để được giải thoát.

✓ Tứ Thiên thì Xả Niệm Thanh Tịnh.

Đến Thiên thứ tư trở lên, Lạc Thọ cũng hoàn toàn chấm dứt, chỉ còn một vị Xả Thọ tĩnh tại. Trạng thái này so với hỷ lạc sanh ra do xung động, quả thật là Phước lạc cao xa!.

Số thứ tự	Thiên chi của Tứ Thiên	Tên gọi
Sơ thiên	Tâm (giác), Tứ (quán), Hỷ, Lạc, Nhất Tâm	Ly sanh hỷ Lạc Địa
Nhị thiên	Nội Tịnh, Hỷ, Lạc, Nhất Tâm	Định sanh Hỷ Lạc Địa
Tam thiên	Hành Xả, Chánh Niệm, Chánh Huệ (phương tiện), Thân Lạc, Nhất Tâm	Ly Hỷ Diệu Lạc Địa
Tứ thiên	Hành Xả, Niệm Thanh Tịnh, Bất khổ Bất lạc, Nhất Tâm	Xả niệm thanh tịnh địa

Phân biệt phương pháp Định.

四禪四空處, *Tứ Thiên, Tứ Không Xứ,*
 慈等四無量, *Từ đẳng Tứ Vô Lượng,*
 佛說諸定法, *Phật thuyết chư Định pháp,*
 次第而修習. *Thứ đệ nhi tu tập.*

Tứ Thiên, Tứ không xứ; Từ vân vân tứ vô lượng tâm;
 Phật nói các pháp Định; Tu tập theo tuần tự.

- **Tứ Thiên, Tứ Không Xứ là toàn diện Định lực từ cạn đến sâu.**

- **Tứ Thiên thì Định, Huệ bằng nhau.**

Nói đến trình độ cạn, sâu của pháp Định, trước hết là bốn căn bản Thiên: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

Thiên là tiếng Phạn có nghĩa là Tịnh Lự, so với Định, Huệ hay Chỉ, Quán bằng nhau, cho nên trong Phật pháp coi trọng Thiên này.

- **Tứ Không Xứ thì Định sâu, Huệ cạn.**

Trên Tứ Thiên có Tứ Không Xứ Định: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Tứ không xứ là Định Duy Tâm của Thế tục; Định càng sâu thì Huệ lực, ngược lại, càng yếu đi (mờ đi).

- **Tứ Thiên, Tứ không xứ gọi chung là Bát Định.**

Tám định này thế gian, ngoại đạo đều có thể tu chứng. Dựa vào Định Lực sâu, cạn mà nói đây là pháp Thiền Định toàn diện từ cạn đến sâu.

- **Tứ Vô Lượng Tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả là đạo đức cùng tột của thế gian, là pháp môn tu tập sanh về cõi trời.**

- **Nghĩa chung của Từ, Bi, Hỷ, Xả.**

Tứ Vô Lượng Tâm còn gọi là Định Tứ Vô Lượng Tâm. Từ là mong muốn người được an lạc. Bi là thương xót thống khổ của chúng sanh. Hỷ là đồng tình với sự sung sướng của người khác. Xả là tâm bình đẳng, không thương yêu người thân, không ghét bỏ kẻ thù.

- **Nghĩa chung của Vô Lượng.**

Tu chứng được Tứ Vô Lượng thì có thể tu tập Định Tứ Vô Lượng (nhưng hỷ Vô Lượng giới hạn ở Sơ và Nhị Thiền). Vì sao gọi là Vô Lượng? Khi tu tập, hoặc Từ hoặc Bi..., trước quán sát người thân, sau quán sát kẻ thù; từ một người, vài người, nhiều người; từ một nước, cả thiên hạ đến chúng sanh mười phương thế giới đều tràn đầy Tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả và mong muốn chúng sanh được an lạc, lìa khổ đau. Kết duyên với vô lượng chúng sanh, mười phương có được phước báo vô lượng, cho nên, gọi là Vô Lượng.

Phật nói về phước nghiệp Tu Định, hầu hết vì người tại gia mà nói nên nhấn mạnh Tứ Vô Lượng tâm này. Nếu duy

trì, chuyên chú tâm này, niệm niệm không mất so với Lòng Nhân của Nho giáo, so với Bát Ái của Thiên Chúa Giáo có chỗ tương đồng. Đây vốn là đạo đức cùng tốt của con người, là pháp môn tu tập sanh lên cõi trời.

- **Phật nói tuần tự tu tập các Pháp Định.**

- Mới học Pháp Định phải tuần tự, không được vượt cấp.

Phật nói về những pháp Định này cần phải từng bước tu tập.

Từ Sơ Thiền đến Nhị Thiền, từ Nhị Thiền đến Tam Thiền, thăng đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Đây gọi là không thể vượt cấp.

- Học lâu có thể vượt qua tuần tự hoặc đi ngược thứ tự.

Khi tu tập đến thuần thục cũng có thể vượt qua tuần tự hay đi ngược thứ tự.

3.3.2.2. Chọn lựa Ba Phước

布施多雜染,

Bố thí đa tạp nhiễm,

禪定向獨善,

Thiền Định hướng độc thiện,

依人向佛道,

Y nhân hướng Phật đạo,

戒行為宗要.

Giới hạnh vi tông yếu.

Bố thí nhiều tạp nhiễm;

Thiền định gần độc thiện;

Nương người gần Phật đạo; Giới hạnh là cốt yếu.

- **Phân biệt lợi, hại của ba phước.**

○ **Nương người gần Phật đạo nên chú trọng giới hạnh.**

Như trên đã nói: “*Cầu làm người thì được thân người, tu thiên đạo mà không sanh lên cõi trời*”; vì ở trong pháp môn Thiên, Nhân Thừa, muốn nương vào thân người tu tập để ngày càng gần gũi Phật đạo thì nên tu tập như thế nào? Nếu chú trọng vào Trì Giới.

○ **Phân biệt, so sánh về hơn, kém của ba phước.**

▪ ***Tai họa ngầm của Thí và Định.***

✓ **Bố thí nhiều tập nhiễm.**

Bởi vì việc tu tập phước nghiệp Bố Thí của người đời, phần nhiều không đúng pháp mà xen nhiều vào nhiễm ô, phiền não. Bất luận Bố Thí cầu phước to lớn đến đâu, nếu không tu tập, giữ gìn giới hạnh thì ngay cả thân người cũng không thể có được mà, chỉ có thể ở trong các loài bàng sanh, ngã quý si mê hưởng phước thôi; tiền đồ nguy hiểm vạn phần.

✓ **Thiền Định gần với độc thiện.**

Tu Thiền Định chắc chắn thù thắng nhất rồi, nhưng trong khi tu hành phải lánh xa năm dục hoặc là ở ẩn trong núi rừng, chỉ chú trọng niềm vui Thiền Định của riêng mình, hướng về độc thiện. Chờ đến khi chứng được Nhị Thiền trở lên thì đến hay đi đều chỉ một mình. Việc này, đối với việc thực hiện hòa

bình và an lạc ở thế gian để hướng đến hạnh Bồ Tát hóa độ chúng sanh thì khoảng cách còn rất xa.

- ***Ưu điểm vượt trội của giới hạnh. Nương thân người tu tập hướng đến Phật đạo lấy giới hạnh làm cốt yếu.***

Nguyên nhân hy vọng đời sau không mất thân người là nương vào thân người hướng đến Phật đạo, không thể không lấy năm giới, mười giới làm tông yếu để thực hành. Bồ tát mới học gọi là Bồ Tát Thập Thiện cũng chú trọng vào việc tu tập mười điều lành.

- **Trong ba phước hành, chủ yếu là Giới lành còn Thí và Định là phụ.**

- **Lấy Giới làm chính thì không mất thân người, không làm chướng ngại học Phật, nhân cách và đạo đức có thể được kiên toàn.**

Người có giới hạnh sẽ sanh ra ở cõi người, dù có nghèo hèn, nhất định cũng không chướng ngại việc học Phật pháp.

Nếu có giới hạnh mà còn tu bố thí nữa thì có được phúc nghiệp to lớn trong đời người càng tốt đẹp hơn.

Tương tự như thế, nếu có giới hạnh mà không có Định thì thân người không mất; có giới hạnh mà còn tu siêng năng pháp Định thì, ngược lại, sẽ sanh lên Trời Trường Thọ, trở thành chướng ngại lớn cho việc học Phật.

Vì vậy phải nương vào thân người để đi dần đến Phật đạo nên lấy Giới hạnh làm chính, cũng chính là đạo đức mà con người trọng thị đề kiện toàn nhân cách.

○ **Tùy sức Bồ thí, tu Định lấy Bốn Vô Lượng làm chính yếu.**

Từ cơ bản giới hạnh này rồi tùy hoàn cảnh, tùy khả năng đi đến Bồ thí.

Nếu muốn tu Định pháp nên tu Định Tứ Vô Lượng; bởi vì định này với pháp Đại Thừa xuất thế, lợi ích chúng sanh có nhiều điểm tương thông.

3.3.3. Pháp Môn Dễ Tu

3.3.3.1. Pháp môn Lục Niệm.

心性怯畏者,	<i>Tâm tánh khiếp úy giả,</i>
佛說應修念.	<i>Phật thuyết ưng tu niệm.</i>
繫念佛法僧,	<i>Hệ niệm Phật, Pháp, Tăng,</i>
戒施天功德.	<i>Giới, Thí, Thiên công đức.</i>
如入光明聚,	<i>Như nhân quang minh tụ,</i>
陰暗一時失.	<i>Âm ám nhất thời thất.</i>

Người tâm tánh sợ hãi, Phật dạy Tu Lục Niệm.

Luôn nhớ Phật, Pháp, Tăng Công đức Giới, Thí, Thiên.

Như người tỏa ánh sáng, Bóng tối liền tiêu tan.

- **Vì người có tâm tánh sợ hãi mà Phật nói pháp môn Lục Niệm.**

Có một số người tâm tánh sợ hãi mà sợ hãi có nhiều loại. Như đi một mình lúc trời tối; một mình trong không gian vắng lặng; sợ thần; sợ quỷ. Lại còn sợ bệnh; sợ chết; sợ sau khi chết đọa lạc vào địa ngục. Trong tâm vô cùng lo buồn, hồi cải với bao nhiêu khổ não không chịu nổi. Vì những người có tâm tánh sợ hãi như vậy nên Phật nói pháp môn Lục Niệm.

- **Phân chia pháp môn Lục Niệm.**

- **Niệm là nhớ đến cũng là phương tiện tu tập Định.**

Niệm là hệ niệm (cột tâm mong nhớ vào một đối tượng), ức niệm (Tâm luôn nhớ đến đối tượng), khiến cho tâm thay đổi cảnh đang nhớ đến. Niệm là phương tiện tu tập thiền Định, cho nên, nếu niệm sâu thì có thể đạt được Nhất Tâm Bất Loạn, nếu niệm còn cạn cũng có thể niệm niệm tương tục.

- **Nội dung của Lục Niệm.**

Thế nào là Lục Niệm?

- ***Ba niệm trước là hệ niệm về Công đức, Nhiếp thọ, Hộ trì Tam Bảo.***

Niệm Phật là nhớ đến tướng tốt, trang nghiêm của Phật; nhớ đến Trí huệ, Ân đức, Đoan đức... Công đức của Phật.

Niệm Pháp là nhớ đến chánh pháp của Phật có tính chất thanh tịnh, an lành và giải thoát. Nếu có khả năng thọ trì, phụng hành thì đến một lúc nào đó sẽ thông đạt, chứng tri được.

Niệm Tăng là nhớ đến Tăng Thanh Văn với Tứ song Bát bối, với công đức từ Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến..., đó là phước điền của thế gian. Còn nhớ đến Tăng Bồ Tát với Đại bi, Đại trí, Tự lợi, Lợi Tha.

Đây là nhớ đến công đức của Tam Bảo, chính mình trở về với Tam Bảo để được nhiếp thọ, hộ trì của Tam Bảo; tâm mình được an trú trong thanh tịnh, oai đức của Tam Bảo; liền xa lánh được Ác niệm, xa lánh Dục nhiễm và cũng xa lánh, lìa bỏ lo buồn, sợ hãi.

Trong kinh nêu lên ví dụ: Nếu Đế Thích và A tu la đánh nhau; những bộ hạ của Đế Thích là A Già, Dạ Xoa... khi nhìn thấy từ xa lá cờ hiệu của Đế Thích tung bay thì dũng khí tăng lên gấp trăm lần. Chúng sanh, nếu chánh niệm công đức Tam Bảo; tin sâu vào Tam Bảo cũng sẽ được nhiếp thọ, hộ trì, tâm được an định thì sự sợ hãi đâu còn nữa?

- ***Sau Tam Bảo là nhớ đến công đức pháp lành của chính mình.***

Niệm giới là nhớ đến chính mình đã giữ được Giới thanh tịnh mà không khuyết, không phạm.

Niệm Thí là chính mình nhớ đến, đã từng ở trong phước điền, tu tập Bồ thí đúng như pháp.

Niệm Thiên là chính mình từng tu công đức Thí, Giới cho nên đã được quả báo ở cõi Trời Dục Giới phước lạc nhiệm mầu vượt bậc và bảy báo trang nghiêm.

- ***Trong kinh hầu hết dạy về Lục niệm này cho người có tâm tánh sợ hãi.***

Người nào sợ bệnh, sợ chết, sợ đọa lạc, trong kinh hầu hết dạy về Lục Niệm này.

- ✓ Đã từng tu công đức thì không lo buồn, sợ hãi.

Người thì không thể không bệnh, không thể không chết; nếu đã từng tu công đức thì đời sau sẽ tốt hơn đời này; giống như ra khỏi bóng tối, bước vào ánh sáng; giống như ra khỏi nhà tranh, bước vào lầu đài tráng lệ; giống như thôi chức vụ thấp được thăng lên chức vụ cao. Nếu nhớ được như thế thì chúc mừng không kịp, há lại lo buồn, sợ hãi sao?

- ✓ Không tu tập công đức thì mới sợ hãi.

Thật ra, việc đáng sợ hãi không phải là già, chết đến, mà là không tu tập công đức bằng cách quy y Tam Bảo, Bồ Thí, Giữ Giới... để một đời luống qua vô ích.

- **Như người tỏa ánh sáng, bóng tối liền tiêu tan.**

- **Lục Niệm đều từ Niệm mà phát sanh ra Tín, Giải về Định một cách kiên cố.**

Công đức luôn nhớ đến Tam Bảo do nương về, tin tưởng mà có; giống như thế giới Cực Lạc cũng xuất phát từ Niệm Phật, Niệm Pháp, niệm Tăng. Nếu chân thành trở về, nương tựa Tam Bảo hoàn toàn; đó cũng chính là nhớ đến trọn vẹn Tam Bảo. Bất luận luôn nhớ đến công đức Tam Bảo; nhớ đến công đức của Thí, Giới, Thiên đều từ Niệm mà phát sanh ra Tín, Giải về Định một cách kiên cố.

- **Tin sâu Tam Bảo và Nhân quả thì sợ hãi lo âu sẽ tiêu tan.**

Tin sâu vào sự gia hộ của Tam Bảo, tin sâu vào lý tất nhiên của Nhân lành thì Quả tốt với tâm kiên định, không nghi ngờ; tự nhiên như người tỏa ánh sáng lớn thì lập tức sợ hãi, lo âu tiêu tan.

3.3.3.2. Pháp môn Di Lạc.

正念彌勒尊, Chánh niệm Di Lạc Tôn,

求生彼淨土, Cầu sanh bĩ Tịnh Độ,

法門最希有, *Pháp môn tối hy hữu,*
 近易普及故. *Cận dị phổ cập cố.*
 見佛時聞法, *Kiến Phật thời văn pháp,*
 何憂於退墮. *Hà ưu ư thoái đọa.*

*Chỉ nhớ và tôn kính Đức Di Lặc,
 Cầu được sanh về Tịnh Độ của Ngài,
 Đó là pháp môn ít có trong đời,
 Gần gũi và dễ tu cho tất cả.
 Khi gặp Phật thì liền nghe được Pháp mẫu.
 Đâu còn gì để lo sợ thoái lui.*

- **Vì người lo sợ thoái lui trên đường tu học mà Phật nói pháp môn Di Lặc.**

Hoặc có người cho rằng Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhập Niết Bàn còn Phật Di Lặc chưa xuất hiện nên bất cứ tu Lục Niệm hay Lễ Phật, Niệm Phật; tất cả đều phải có Phật là nơi trở về, nương tựa của chúng ta. Như thế mới có được niềm tin kiên định, Phật và chúng ta có duyên đặc biệt mới hộ trì chúng ta được và sẽ không thoái lui trên đường đạo. Tuy vậy, đây là đôi với công đức Tam Bảo, định luật nhân quả nhưng tin tưởng, hiểu rõ triệt để thì còn thiếu sót, mà đó chỉ là thường tình của chúng sanh thôi.

○ **Sơ lược về pháp môn Tịnh Độ của Di Lặc.**

Phật Thích Ca từ, bi vô hạn, vì thế, đã từng nói về “*Hãy nhớ đến, tôn kính pháp môn của Di Lặc và cầu sanh về Tịnh Độ của Ngài*”.

▪ ***Di Lặc là Đức Phật vị lai của Cõi Ta Bà.***

Bồ Tát Di Lặc ở trong pháp hội của Phật Thích Ca, được thọ ký tương lai làm Phật ở cõi này.

▪ ***Hiện tại, Di Lặc đang thuyết pháp tại nội viện Đâu Suất, và sẽ hạ sanh nhân gian, hóa độ hữu tình trong tương lai.***

“*Hiện tại, Di Lặc thuyết pháp cho chúng sanh ở nội viện Đâu Suất tại cung trời Đao Lợi, tương lai sẽ hạ sanh nhân gian, hóa độ hữu tình.*”

Đức Di Lặc hiện đang ở trên cung trời Đâu Suất, gọi là nội viện Đâu Suất. Tất cả Bồ Tát đời sau, sanh xuống Cõi Ta Bà để hoàn thành Phật quả, trước tiên, đều phải ở tại đây; từ trước Phật Thích Ca Cũng đều như thế.

Nội viện Đâu Suất là một cõi Tịnh Độ trang nghiêm, thanh tịnh. Bồ tát Di Lặc luôn ở đây, thuyết pháp cho vô lượng đại chúng nghe. Trải qua một khoảng thời gian nữa, Bồ Tát Di Lặc sẽ thành Phật quả tại cõi Nam Diêm Phù Đề. Lúc ấy, thế giới của chúng ta đây sẽ sớm chuyển thành Tịnh Độ. Ở trong

cõi Tịnh Độ nhân gian của Phật Di Lặc này có ba hội Long Hoa hóa độ vô lượng chúng sanh.

- **Nếu muốn vãng sanh, chính mình gặp Đức Di Lặc và nghe pháp thì không còn lo sợ đọa lạc.**

Vì vậy, nếu phát nguyện vãng sanh về Tịnh Độ Đâu Suất thì sẽ thấy được Bồ Tát Di Lặc; về sau cùng Bồ Tát hạ sanh xuống nhân gian, thấy Phật Di Lặc nghe pháp. Đương nhiên, đây là hướng thẳng tiến nên đâu còn lo sợ đọa lạc gì nữa? (Trích từ kinh Di Lặc Hạ Sanh thành Phật và kinh Di Lặc Bồ Tát Thượng Sanh).

- **Từ ba điểm nói rõ Tịnh Độ Di Lặc so sánh với Tịnh Độ khác càng thêm vững vàng.**

Vãng sanh tu theo pháp môn Tịnh Độ Di Lặc so với các Tịnh Độ khác trong mười phương thế giới thật là ít có, thật là vững vàng. Điều này có thể dựa vào ba điểm để nói.

- **Thời gian và không gian rất gần gũi.**

Gần

- ***Về địa điểm, gần hơn những Tịnh Độ khác trong mười phương nhiều.***

Đức Di Lặc đang sống trên Trời Đâu Suất, tương lai đến nhân gian chúng ta cùng một thế giới, cùng trong Cõi Dục; nên nói về địa điểm rất gần, không giống như Tịnh Độ khác

trong mười phương thế giới, đều phải đi qua ít nhiều Phật Quốc.

- ***Về thời gian, trở lại nhân gian cũng ngắn hơn Tịnh Độ khác.***

Nói về thời gian, đời sau sanh về nội viện Đâu Suất, không quá lâu, trở lại nhân gian.

Không giống như vãng sanh về Tịnh Độ khác, không biết phải đến năm nào, tháng nào, mới có thể trở lại cõi Ta Bà.

- **Cùng ở cõi Dục nên chỉ có Tán Địa, do đó điều kiện rất dễ để được vãng sanh.**

Dễ dàng:

Tịnh Độ Đâu Suất và Tịnh Độ Nhân Gian tương lai đều ở cõi Dục với thiên định là Tán Địa, cho nên chỉ cần quy y Tam Bảo, giữ giới thanh tịnh, bố thí đúng pháp, còn có phát nguyện vãng sanh, niệm lớn: Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Phật thì chắc chắn vãng sanh về Tịnh độ Đâu Suất.

Không giống vãng sanh về những Tịnh Độ khác, nếu không 一心不乱: Nhất Tâm Bất Loạn thì không thể. Nhất tâm bất loạn chính là Định. Điều này thật là không dễ chút nào!

- **Pháp môn rất phổ cập.**

Phổ cập:

- ***Tịnh độ Di Lạc thì gồm đủ ba căn và rộng độ năm giai cấp trong loài người (theo Ấn Độ giáo).***

Vãng sanh Tịnh Độ Di Lạc, không nhất thiết phải phát Tâm Bồ Đề, tâm xuất ly mà chỉ phát sanh Tâm Tăng Thượng của thiện căn Trời, người cũng có thể vãng sanh theo ý nguyện.

Ở Tịnh Độ Đâu Xuất và Tịnh Độ Nhân gian, Phật Di Lạc nói pháp cho trời, người; nói pháp cho Nhị Thừa; nói pháp cho Bồ Tát tùy thuận tất cả căn cơ; cho nên, tất cả đều được lợi ích, kể cả trời, người.

Ở trong quá trình thấy Phật, nghe Pháp; thêm tăng tiến hương thượng; từ từ chuyển hóa căn tánh trời, người thành căn tánh xuất thế; chuyển hóa căn tánh Nhị Thừa thành căn tánh Đại Thừa cũng trở về Phật đạo.

- ***Các Tịnh Độ khác nhau chỉ nói về Đại Thừa, không phổ cập như Tịnh Độ Di Lạc.***

Tịnh Độ này không giống với Tịnh Độ khác; ngay cả chúng tánh Nhị Thừa cũng không thể vãng sanh, làm sao có thể thích ứng với căn tánh Trời, Người? Vì vậy, Tịnh Độ Di Lạc mới được gọi là Pháp Môn Phổ Cập cả ba căn, quảng độ năm Tánh.

- **Giải thích những nghi ngờ đối với pháp môn Di Lạc.**

- *Nghi ngờ và sợ rằng không thấy Phật, nghe pháp mà còn thoái lui.*

Có người nói: Hiện tại vẫn sanh Tịnh Độ Di Lạc, tương lai, sau khi Phật Di Lạc niết bàn, nếu như không giải thoát sanh tử thì chúng ta làm sao đây? (Lại sợ không thể gặp Phật, nghe pháp và bị thoái lui trên đường đạo!).

Không biết tâm từ bi của Phật Thích Ca đem chúng ta giao cho Phật Di Lạc sẽ hạ sanh ở tương lai. Đạo chư Phật giống nhau, khó nói Phật Di Lạc sẽ không chỉ bảo cho chúng ta, gần gũi với Phật vị lai sao?

- *Nghi ngờ tu để được làm Trời mà không sanh lên trời, mà lại nói sanh lên trời Đâu Suất.*

Có người nói: Như trên nói “*Tu làm Trời mà không sanh lên Trời*”, tại sao lại nói cầu mong sanh lên Trời Đâu Suất vậy?

Không sanh lên trời với chủ ý là không nương tựa vào Định sâu sắc mà sanh lên trời Trường Thọ, trời Dục Giới mà, chính là Nội Viện Trời Đâu Suất của Bồ Tát Di Lạc. Ở đây, thường được thấy Phật, nghe pháp, tu hành nên, đương nhiên, không trở ngại gì cho việc vẫn sanh.

○ **Nghi ngờ vì sao không đề cao vãng sanh Tịnh Độ Di Đà.**

Có người nói: Vì sao không đề cao vãng sanh Di Đà Tịnh Độ vậy?

Cần phải biết, vì sao không đề cao Tịnh Độ Cực Lạc của Phật A Di Đà?

Cần biết rằng Tịnh Độ Cực Lạc của Phật A Di Đà là tịnh Độ Bất Cộng thuộc Đại Thừa; thông thường bậc Thanh Văn không tin, không hiểu. Điều này sẽ nói sau khi trong pháp Đại Thừa, còn ở đây chỉ nói rõ trước, sau của Ngũ Thừa Cộng Pháp.

○ **Nghi ngờ Sư Tử Giác sanh ở ngoại viện.**

Có người nói: Thầy Sư Tử Giác, từ trước, có tu học pháp môn Di Lạc, phát nguyện cầu sanh nội viện Đâu Suất mà, cuối cùng sanh ở ngoại viện, hưởng thọ dục lạc. Vì vậy, vãng sanh Tịnh Độ Đâu Suất, e rằng, không đáng tin cậy.

Không biết rằng câu chuyện Sư Tử Giác sanh ở ngoại viện mà những vị hoằng truyền pháp môn Di Lạc như: Chân Đế, Huyền Trang cho đến Vô Trước, Thế Thân. Trong truyện ký của thầy Thế Thân, Vô Trước đều không ghi câu chuyện nào như vậy. Đây chỉ là dụng tâm của một người nào đó, cố ý dựng lên.

- **Kết luận: Khi thấy Phật, nghe pháp; đâu còn lo lắng gì về việc thoái lui.**

Không luận là căn tánh nào học Phật, chỉ cần công đức quy y Tam Bảo, công đức Bồ thí đúng như pháp và Trì Giới thanh tịnh; phát nguyện, hồi hướng Tịnh Độ Di Lạc. Trong quá trình thấy Phật, nghe pháp và tu hành, chắc chắn, sẽ tiến lên, đâu còn gì phải lo lắng thoái lui! Vì vậy, chân thành mời phát nguyện vãng sanh, xưng niệm: “*Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lạc Phật*”.

SÁCH CƯ SỸ LÊ HỒNG SƠN DỊCH

ĐÃ IN

1. TỰ ĐIỂN PHÁP TAM TẠNG
2. NHẬP MÔN DUY THỨC HỌC (BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG)
3. ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN
4. KINH KIM CANG, LỤC TỔ HUỆ NĂNG KHẨU QUYẾT
5. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGUYÊN THANH TỊNH BÌNH ĐẰNG GIÁC
6. YẾU GIẢI TRUNG LUẬN
7. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH
8. PHIẾM LUẬN DUYÊN KHỞI PHÁP
9. SÁU NHÀ CHÚ GIẢI TÂM KINH BÁT NHÃ
10. PHÁP TƯỚNG TÔNG (DUY THỨC TAM THẬP TỤNG)
11. LUẬN 100 PHÁP
12. TỰ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG

CHƯA IN

1. LUẬN CÂU XÁ
2. HAI MƯƠI BỐN OAI NGHI, LUẬT SA DI, CẢNH SÁCH
3. MƯỜI TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO TRUNG HOA
4. TÂM KINH, TỔ HÁM SƠN GIẢNG

THÀNH PHẬT CHI ĐẠO

Trước tác: Pháp Sư ÁN THUẬN

Hiệu Đính Bản Việt: Tỳ Kheo Thích Đồng Tĩnh

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

Việt Dịch : Cư Sĩ Lê Hồng Sơn

Quyển 2

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

CON ĐƯỜNG
dẫn đến
THÀNH PHẬT

MỤC LỤC

CHƯƠNG 4: PHÁP CHUNG BA THỪA	2
4.1. Hướng về con đường giải Thoát.	2
4.1.1. Động cơ.....	2
4.1.2. Căn Tánh.....	7
4.1.3. Pháp Môn.....	22
4.2. Cảnh giải thoát.	27
4.2.1. Đạo giải thoát của Nhị Thừa.	27
4.2.2. Phương pháp thực hành.....	97
4.2.3. Chứng Quả	219

CHƯƠNG 4: PHÁP CHUNG BA THỪA

❖ Thành tựu công đức Năm Thừa Nhân Thiên rồi tiến lên Pháp Chung Xuất Thế Ba Thừa.

Pháp chung Ba Thừa là Pháp Xuất Thế Gian, chính là đã kiến lập vững chắc trên pháp chung Năm Thừa.

Nếu không đầy đủ công đức trời, người, chìm nổi trong ba đường dữ thì, đương nhiên, không thể phát tâm ra khỏi sanh, tử.

Tức là những kẻ đang sống ở nhân gian, nếu làm nhiều việc ác, không biết xấu hổ, hại người, hại đời, mất hết nhân tánh, ngay cả làm một người bình thường cũng không được thì làm sao phát tâm ra khỏi sanh tử? Vì vậy, thành tựu công đức Người, Trời mới có thể tu học pháp chung Ba Thừa xuất thế gian.

❖ Nói riêng Pháp Chung Ba Thừa.

Trên đã nói Pháp Chung Năm Thừa, bây giờ nói Pháp Chung Ba Thừa.

4.1. Hướng về con đường giải Thoát.

4.1.1. Động cơ.

一切行無常,	<i>Nhất thiết hành vô thường,</i>
說諸受皆苦,	<i>Thuyết chư thọ giai khổ;</i>

緣此生厭離, *Duyên thử sanh yếm ly,*

向於解脫道. *Hướng ư giải thoát đạo.*

Tất cả Hành vô thường, Các Thọ đều là khổ;

Nhờ đây sanh chán nản, Quay về đường Giải Thoát.

- **Tâm xuất ly là căn bản của Pháp Ba Thừa.**

Pháp Ba Thừa là pháp hướng dẫn ra khỏi thế gian, căn bản đặt ở Tâm Xuất Ly là nơi phát tâm cần học trước tiên.

- **Quan sát Vô Thường, Khổ là nhân tố dẫn phát Tâm Xuất Ly.**

- **Khẳng định thế gian là khổ, mới phát sanh Tâm Xuất Ly.**

Tất cả những gì có trong thế gian đều không vĩnh hằng, đều không thấu triệt, đều không tự tại, cũng vì vậy mà chúng sanh trong thế gian đều khổ. Khẳng định thấu triệt rằng thế gian là khổ thì mới phát sanh được Tâm Xuất Ly.

- **Luận về thế gian là khổ.**

- ***Kinh nghiệm về cảm thọ có ba, không chỉ có khổ.***

Dựa vào tất cả kinh nghiệm của cảm thọ mà nói thì thế gian có lo buồn, khổ đau; cũng có vui sướng; cũng có không khổ, không vui; cho nên, không thể nói người sống ở thế gian đều khổ.

- *Theo ý nghĩa sâu xa của Phật pháp mà nói thì tất cả là khổ.*

Nên biết rằng “*Thế gian là khổ*” luận đề này được xem sâu sắc hơn một bậc.

Kinh Phật nói: “*Vì tất cả Hành vô thường, cho nên, hết thảy cảm Thọ đều là Khổ*”.

- ✓ Từ bao nhiêu tạo tác trôi nổi đó đây mà nói là “Tất cả Hành vô thường”.

Mặt ngoài, tuy có khác nhau: Khổ thọ, Lạc thọ, không khổ không lạc.

Nhưng quan sát sâu sắc hơn nữa thì không thể không nói: Tất cả là khổ. Bởi vì tất cả thế gian, không chỉ Thân, Tâm mà kể cả thế giới Con người, Gia đình, Quốc gia. Hết thảy đều là những biểu tượng của Nghiệp quả biến đổi mà được tạo tác.

Hết thảy đều do Nhân Duyên hòa hợp mới được tạo thành nên gọi là tạo tác.

Hết thảy đều ở trong quá trình: Sanh diệt, Sanh tử, Thành hoại nên gọi là thiên lưu (trôi chảy).

Thiên lưu, tạo tác gọi là Hành (Sự vật, hiện tượng). Tất cả Hành này đều là Vô Thường, không vĩnh cửu.

- ✓ Từ “Các Hành vô thường nên nói đều là khổ”.

Những u sầu, khổ não trước mắt đây, không tan biến gọi là khổ. Phật gọi đó là khổ khổ.

Còn tất cả nhưng vui, mừng như tiền của, vinh dự, sức khỏe, thông minh... tuy cảm nhận đầy đủ nhưng rồi cũng đổi thay trong mai một về sau, khổ sẽ tăng lên gấp nhiều lần mà, Phật gọi là Hoại Khổ.

Dù cho là không khổ, không vui, yên bình, lạng lẽ; tuy nhiên, vẫn không rời khỏi trôi chảy, biến đổi theo thời gian, có nhanh, chậm, sớm chầy cũng không tránh khỏi được khổ; giống như chiếc thuyền đi qua biển lớn, người lái thuyền say khước, rồi hướng thẳng thuyền vào đá ngầm mà đi; anh nói xem người lữ hành ấy say sưa đến mê muội, không biết đến khổ, vui là gì; chẳng phải thật đáng thương lắm sao! Phật gọi đó là Hành khổ.

Vì vậy, từ tất cả Hành này đều là Vô Thường, không Vĩnh Cửu, không triệt để. Sau khi quan sát thấy không đáng tin cậy thì không thể không nói: “*Các cảm thọ đều khổ*”; không thể không nói: “*Thế gian giống như nhà lửa*”, “*Tam giới giống như ngục tù*”.

- **Phát sanh Tâm Xuất Ly mới hướng về đại đạo Giải Thoát sanh, tử được.**

○ **Do nhận thức dẫn dắt ý muốn, nuôi dưỡng thành chí nguyện kiên định về việc Xuất Ly.**

Tu học pháp Phật phải có nhận thức sâu sắc về điều này để bất kể, vui sướng như thế nào cũng không lưu luyến, ngay cả lên cõi Trời trường thọ hết mức dục tình cũng không cảm thấy hứng thú. Nhờ Duyên này mới có thể phát sanh quyết tâm chán ghét, xa lìa Sanh Tử.

Đã có nhận thức như thế, dẫn đến ý muốn như thế rồi, từ trong học tập nuôi dưỡng trở thành chí nguyện kiên cường. Khổ thay! Khổ thay! Thế gian này không phải là quê hương an lạc; không những không thể tồn tại vĩnh cửu mà, chỉ trong một khắc (=15 phút) cũng không được. Giống như thân này đang ở trong nhà lửa bốc cháy, gấp rút phải chạy ra ngay. Đây là Tâm chán ghét, lìa xa phát sanh, trở thành chí nguyện kiên định; rồi hướng về đại Đạo Giải Thoát Sanh Tử. Đi trên con đường này, chắc chắn, đến cảnh giới Giải Thoát Sanh Tử.

○ **Có phải hướng về giải thoát ở tại Tâm Xuất Ly có hay không.**

Không có Tâm Xuất Ly này thì tất cả tu hành, tất cả công đức đều chỉ là pháp thế gian.

Đã có Tâm Xuất Ly, tất cả công đức này đều được hướng dẫn bởi Tâm Xuất Ly và trở thành nhân tố của quá trình giải

thoát sanh tử, gọi là Thuận Giải Thoát Phần Thiện: Một phần tốt, thuận lợi cho việc giải thoát. Phải nói: Loại căn lành này đã trở thành nhân tố tùy thuận xu hướng giải thoát.

Tâm xuất ly là căn bản của Pháp Xuất Thế. Xin cùng người học Phật nói về Sanh Tử: Hãy xem lại chính mình, có hay không loại Tâm Tình này.

4.1.2. Căn Tánh

4.1.2.1. Giáo hóa chính, giáo hóa phụ

隨 機 立 三 乘, *Tùy cơ lập Tam Thừa,*

正 化 於 聲 聞. *Chánh hóa ư Thanh Văn.*

Tùy cơ lập Ba Thừa, Giáo hóa Thanh Văn là chính.

- **Căn cơ tu Pháp Xuất thế có ba thừa khác nhau.**

Phát tâm xuất ly để tu Pháp Xuất Thế, căn cơ hoàn toàn không giống nhau. Một cách tổng quát mà nói: Phật tùy thuận căn cơ của thính chúng, cảm nhận không giống nhau nên lập Ba Thừa khác nhau. Ba Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.

- **Theo giáo thuyết của Phật Thích Ca thì Ba Thừa lấy Thanh Văn là chính.**

- *Dựa vào pháp môn xuất thế nói riêng pháp môn Ba Thừa.*

- *Ba thừa theo ý nghĩa đặc thù.*

Kinh Pháp Hoa, theo ý nghĩa đặc thù mà nói: “*Phật vì Thanh Văn nói Tứ Đế, vì Duyên Giác nói mười hai Duyên Khởi, vì Bồ Tát nói sáu Ba La Mật*”.

- ***Ba Thừa theo nghĩa thông thường, theo nghĩa quán sát một cách sâu sắc.***

Thật ra, Pháp Xuất Thế đều có nghĩa sâu sắc. Tứ Đế và mười hai Duyên Khởi đều ở trong Bồ Tát Đạo, chẳng qua sáu Ba La Mật Đa nhân mạnh ở phạm vi thực hành rộng lớn mà thôi.

- ***Dựa vào kệ kinh và căn tánh mà nói: giáo hóa chính và giáo hóa phụ.***

- ***Nói chung: Giáo hóa chính là Thanh Văn, Giáo hóa Phụ là Bồ Tát và Duyên Giác.***

Ở trong ba thừa Cộng Pháp, giáo hóa chính là Thanh Văn Thừa; Bồ Tát và Duyên Giác là giáo hóa phụ.

- ***Nói rõ từng phần***

- ✓ ***Dựa kệ kinh thì thực hành hạnh Bồ Tát chỉ có một người.***

Vì đối với ba thừa Cộng Pháp, trong kinh A Hàm chỉ nói có hai vị Bồ Tát:

Bồ Tát Thích Ca trước khi thành Phật, khi nói pháp thì đã thành Phật, là giáo chủ nói pháp, chứ không còn là người thọ

giáo nữa.

Bồ Tát Di Lặc, ở trong pháp hội của Phật Thích Ca, được thọ ký làm Phật.

Nếu nói, Phật nói Tam Thừa thì người thực hành hạnh Bồ Tát ngay khi đó, chỉ có một người là Di Lặc này thôi.

Sáu (hay mười) Ba La Mật, được truyền lại từ sách Bản Sanh Đàm của các bậc cổ đức, cũng không rõ nói cho ai.

✓ Dựa vào căn tánh Duyên Giác chỉ là số ít.

Căn Tánh Duyên Giác cũng không quá nhiều. Duyên Giác vốn là Độc giác không có thầy truyền trợ.

Thầy đại Ca Diếp thuộc căn tánh Duyên Giác, khi Phật Thích Ca xuất thế, nói pháp cũng là đệ tử của Phật. Tất cả đệ tử Thanh Văn của Phật, phần nhiều là căn tánh Duyên Giác.

✓ Pháp của Phật Thích Ca, đặc biệt lấy Thanh Văn Thừa là chính.

Vì vậy, pháp Phật Thích Ca nói chỉ dạy ở cõi này, chủ yếu là Thanh Văn Thừa.

- **Ý nghĩa Thanh Văn.**

Ngày xưa, Thanh Văn là tiếng gọi chung của đệ tử Phật, do nghe lời Phật dạy mà ngộ đạo.

- **Phán giáo của cổ đức đối với Thanh Văn.**

Thiên Thai gọi là Tạng Giáo.

Với ý nghĩa này, cho nên Tông Thiên Thai gọi là Tạng Giáo, vì ở đây cũng có Bồ Tát, nhưng lại thuộc Tiểu Thừa (Thiên Thai chia giáo pháp Phật Thích Ca ra làm bốn: Tạng, Thông, Biệt, Viên).

Hiền Thủ gọi là Tiểu Giáo.

Tông Hiền Thủ gọi là Tiểu Giáo, vì thực sự, lấy pháp Thanh Văn tiểu Thừa làm chủ yếu (Hiền Thủ chia giáo pháp Phật Thích Ca làm năm: Tiểu, Thi, Chung, Đôn, Viên).

- **Từ tất cả pháp Phật nói về Xuất thế là chung cả Ba Thừa.**

Pháp mà Phật Thích Ca nói, về mặt hiền giáo, tuy là như thế, giống như pháp Phật đã được nói ra từ mười phương ba đời tất cả chư Phật. Đó là Pháp Tu, Học Xuất Thế. Đó là giáo pháp Ba Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đã được xác nhận.

4.1.2.2. Ba Loại Tánh Hạnh

a. Lạc hạnh, Khổ hạnh.

解脫道遠離,

Giải thoát đạo viễn ly,

苦樂之二邊,

Khổ, Lạc chi nhị biên;

順攝樂行者,

Thuận nhiếp lạc hành giả,

在家修法行,

Tại gia tu pháp hành;

順攝苦行者, *Thuận nhiếp Khổ hành giả,*
 出家作沙門. *Xuất gia tác Sa Môn.*

Đạo giải thoát lìa xa, Hai bên khổ và vui;
Người thuận với hạnh vui, Tu theo pháp tại gia;
Người thuận với hạnh khổ, Làm Sa Môn xuất gia.

• **Phật chọn Trung đạo, khiển trách hai hạnh khổ, vui.**

Ở trong hàng đệ tử Thanh Văn của Phật cũng có nhiều căn tánh; trước nói hai loại tại gia và xuất gia.

○ **Xã hội xưa ở Ấn độ có hai hạng người khổ, vui cực đoan.**

Thời đại Đức Thích Tôn, phong tục xã hội Ấn Độ thời ấy, đang đi trên con đường cực đoan.

▪ ***Người sống lạc hạnh, buông lung theo dục vọng.***

Người sống lạc hạnh thì theo chủ nghĩa hưởng lạc, buông lung theo dục vọng, hạng này số nhiều. Hầu hết sống bằng sự truy cầu vật dục, tranh thủ hưởng thụ; rồi bị nô dịch bởi dục vọng đến cùng cực; rồi dẫn đến cực đoan rất mực là theo Thuận Thế Ngoại Đạo sống rất dung tục; lại có Biến Nhập Ngoại Đạo sùng bái tình dục, cho rằng việc nam nữ giao hợp là đại lạc và xem đó là diệu pháp giải thoát sanh tử.

▪ ***Người sống khổ hạnh, cảm đoán ham muốn.***

Ngược lại là người sống theo khổ hạnh là những người theo khắc kỷ chủ nghĩa, ngăn cấm ham muốn. Hạng này giống như các đoàn thể Sa môn là những người xuất gia theo ngoại đạo lúc ấy. Cực đoan nhất là tín đồ của Kỳ Na Giáo. Khổ hạnh cực đoan của họ đến độ có người không mặc quần áo; có người nằm trên băng tuyết giữa trời giá lạnh; có người phơi nắng dưới ánh nắng chói chang; hoặc có người nằm ngủ trên giường gai nhọn; về ăn uống, có người không ăn chín mà chỉ ăn rau dại, hoa quả; có người uống nước, có người nuốt không khí. Hành hạ thân, tâm chính mình cùng tột, được xem đó là cách tu hành để trở thành thần, thánh.

○ ***Chỉ có liả bỏ hai hạnh khổ và vui thì mới dẫn đến con đường Giải Thoát được.***

Nguyên nhân Đạo Giải Thoát chân thật của Phật là liả xa hai bên khổ hạnh và lạc hạnh này mà giữ lấy trung đạo bằng cách lấy Trí Huệ chuyển hóa đời sống tình cảm.

Điều độ chính mình nhưng, không phải dày đọa chính mình; thọ dụng cốt duy trì sự sống ắt phải hưởng thụ trong chừng mực mà không phải là phúng túng vô độ.

Chỉ có như thế mới đi theo Chánh đạo Giải Thoát mà thôi.

- **Có đệ tử tại gia và xuất gia thích ứng với hai hạnh khổ và vui.**

Phật lấy Hạnh Trung Đạo làm mục tiêu, nhưng căn cơ lúc ấy có khuynh hướng ngã sang khổ, sang lạc hạnh. Để thích ứng với căn tánh không giống nhau này, hướng dẫn hạng người này, cho nên đệ tử Thanh Văn có hai hạng tại gia và xuất gia.

○ **Giống nhau, khác nhau giữa tại gia và xuất gia.**

▪ ***Không giống về cách sống.***

Tại gia và xuất gia chủ yếu cách sống không giống nhau.

▪ ***Giống nhau về tín ngưỡng, tu hành, chứng ngộ.***

Lúc ấy, Phật vì đại chúng nói pháp.

Có người nghe pháp xong hoặc ngộ chân đế rồi tự nguyện Quy Y Tam Bảo, làm đệ tử tại gia của Phật.

Có người nghe pháp xong, ngộ được Chân Đế rồi tự nguyện theo Phật xuất gia, làm đệ tử xuất gia của Phật.

Dựa vào tín ngưỡng, tu hành, chứng ngộ thì tại gia và xuất không có khác nhau gì cả.

○ **Sự khác nhau giữa hai chúng đều do tánh tình và sanh hoạt không giống nhau.**

Vì sao có người tự nguyện tại gia, có người tự nguyện xuất gia vậy? Đây là do tánh tình và sanh hoạt không giống nhau.

▪ ***Người thuận sống với Lạc Hạnh thì thực hành pháp tu tại gia.***

Lý do, Phật tùy thuận, chấp nhận người Phật tử tại gia tu theo Lạc Hạnh. Họ sống cuộc đời có vợ, chồng con cái; còn có thể làm chánh trị, làm quân nhân, làm nông, công, thương... như vua Tần Bà Sa La, phu nhân Mạt Lợi, trưởng giả Tu Đạt Đa.... Tuy sống cuộc đời tại gia nhưng vẫn tu học Chánh pháp như: Tam Quy, Ngũ Giới, Định, huệ... Chỉ cần có Tâm Xuất Ly thì dù sống đời sống sung túc cũng không trở ngại việc tu hành để giải thoát sanh tử.

▪ ***Người thuận sống với Khổ Hạnh thì làm Sa Môn Xuất Gia.***

Về mặt tùy thuận căn tánh của những người Khổ Hạnh nên có đệ tử xuất gia. Hầu hết những người xuất gia này đều từ ngoại đạo trở thành nhờ sự giáo hóa của Phật, như năm tỷ kheo, Ma Ha Ca Diếp, Tam Ca Diếp (1. Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp có 500 đệ tử; 2. Na Đề Ca Diếp có 300 đệ tử; 3. Già Na Ca Diếp có 200 đệ tử), Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên... Sinh hoạt, tập quán xuất gia đối với những người này đã thuận thực, nghiêm túc, như: Ít muốn, Biết đủ; không chứa tiền của; không gàn gỏi dâm dục. Những người này tự nguyện làm Sa Môn Xuất Gia.

Sa Môn là tiếng Phạn có nghĩa là Cần Tức (siêng năng) là tên gọi chung của người xuất gia.

- ***Xuất gia cũng có căn tánh thích Lạc Hạnh, tại gia cũng có căn tánh thích Khổ Hạnh.***

Ở đây đại khái phân loại, như người có động cơ không thuần hoặc người bị động xuất gia là vì có căn tánh thuộc Lạc Hạnh.

Khi Phật trở về thăm cố hương có một số người tuổi trẻ trong dòng họ Thích Ca đến xin xuất gia, như A Nan... về tinh thần so với thầy Đại Ca Diếp không bằng.

Cũng như thế, trong hàng đệ tử tại gia cũng có vị sống cuộc đời rất nghiêm túc.

- ***Tại gia và xuất gia chỉ cần có Tâm Xuất Ly, dựa vào Pháp tu hành thì đều được Giải Thoát Sanh Tử.***

Tóm lại, tại gia thuận lạc hạnh cũng tốt, xuất gia thuận khổ hạnh cũng tốt, chỉ cần có Tâm Xuất Ly; sanh hoạt đừng quá phóng túng theo dục vọng, hưởng thụ; cũng đừng khổ hạnh quá mức mà phải sống trung đạo thì, đó đều là đệ tử Thanh Văn của Phật. Dựa vào chánh pháp tu hành thì đều chứng được quả Thanh Văn, đều được giải thoát sanh, tử.

b. Ở một mình, ở chung.

此 或 樂 獨 住, *Thử hoặc lạc độc trụ;*

或樂人間住。 *Hoặc lạc nhân gian trụ.*

Hoặc một mình an vui; Hoặc vui với nhân gian.

• **Chúng xuất gia có hai loại căn tánh.**

Ở trong những người xuất gia này, căn tánh cũng không giống nhau, phong cách biểu hiện không giống nhau.

○ **Tỳ kheo vô sự, sống một mình.**

Hoặc có người sống hưởng thụ một mình, gọi là Tỳ Kheo vô sự (Alan nhã tỳ kheo). Những vị này ở trong rừng núi, đồng hoang hay nghĩa trang, ngủ dưới gốc cây. Hoặc có người ở trong am cỏ. Ăn mặc vô cùng thanh đạm, cực khổ. Không muốn ở chung với đại chúng. Tránh đụng vào những việc phiền lòng. Thậm chí còn không muốn đi khát thực, không muốn thuyết pháp. Hạng tỳ kheo ở một mình này đều đặt nặng tự lợi, gấp rút tu tập thiền quán.

○ **Tỳ kheo sống với Tăng đoàn trong nhân gian.**

Đức Thế Tôn cũng thị hiện sống với nhân gian và sống một mình.

Thế Tôn thường ở chung với đệ tử, du hành các nước, giáo hóa chúng sanh, đây là tỳ kheo gương mẫu ở nhân gian.

• **Bất luận ở một mình và ở cùng đại chúng đều phải phù hợp ý nghĩa chân chánh của Phật pháp.**

Dựa vào ý nghĩa chân chánh của Phật pháp mà nói ở một mình cốt lá nội tâm xa lìa phiền não mà ở một mình; nếu không phải là hoàn cảnh an tịnh thì cũng vẫn tán loạn, vọng tưởng hay sao. Ngược lại, nếu tâm địa an tịnh, giải thoát thì ở một mình cũng được, ở với đại chúng, du hành, hóa độ nhân gian cũng được.

Nhưng ở trong căn tánh khác nhau của người học nên biểu hiện hai hạng bất đồng lớn; đây cũng gần với phong cách không giống nhau giữa Độc Giác và Thanh Văn.

c. Tín, Hành, Pháp Hành.

或 是 隨 信 行,

Hoặc thị tùy Tín hành,

或 是 隨 法 行.

Hoặc thị tùy pháp hành.

Hoặc tu theo đức tin, Hoặc tu theo giáo pháp.

• **Còn có hai loại căn tánh bất đồng lớn cho cả hai giới tại gia, xuất gia.**

○ **Tu theo đức tin hoặc tu theo giáo pháp.**

Trong hàng đệ tử Thanh Văn, hoặc có người tu theo đức tin, đó là hạng độn căn; hoặc có người tu theo giáo pháp, đó là hạng lợi căn.

○ **Tín và Trí có thể năng, nhẹ nhưng không thể thiếu.**

▪ ***Lý do Tín, Trí không thể thiếu.***

Tín và trí là công đức học Phật không thể thiếu.

Có Tín còn có Trí là sự khác biệt lớn giữa Phật pháp và ngoại đạo (như Cơ Đốc Giáo).

Tín là tình cảm, Trí là Lý tính; người học Phật phải cân bằng cả hai, rồi tiến đến dung hòa. Bởi vì kinh đại Bát Niết Bàn nói:

若人信心無有智慧， Nhược nhân tín tâm vô hữu trí huệ，
 是人則能增長無明。 Thị nhân tắc năng tăng trưởng vô minh
 若有智慧無有信心， Nhược hữu trí huệ vô hữu tín tâm，
 是人則能增長邪見。 Thị nhân tắc năng tăng trưởng tà kiến。

Nếu người có Tín Tâm mà không có Trí Huệ thì người ấy có thể tăng trưởng Vô Minh. Nếu người có Trí huệ mà không có Tín Tâm thì người ấy tăng trưởng Tà Kiến.

- *Vì căn tánh không giống nhau nên khi bắt đầu học không được thiên lệch giữa Tín và Trí.*

Pháp Phật nói: Tín, Trí nhất như, chỉ vì căn tánh của người học mà nói có hai.

Có người nặng về Tín thì lấy Tín làm tiền đề mà tiến tu.

Có người nặng về Trí thì tất cả lấy Trí làm tiền đề mà tiến tu.

Tuy vậy, mục tiêu cuối cùng thì như nhau, nhưng khi bắt đầu, không được thiên lệch Tín hay Trí. Đệ tử của Phật hình

thành có hai loại lớn.

- **Đặc tính của hai loại hành giả.**

Hạnh có nghĩa là do tập quán xưa nay, tạo thành đặc tính như tham hạnh, sân hạnh...

- **Đặc tính của người Tín, Hạnh.**

Vì vậy, người tùy theo tín, hạnh là tập quán tín thuận của cá tính, tất cả chuyển hóa đều theo Tín Tâm.

Loại căn tính này, nếu gặp được Phật pháp, sư trưởng chỉ cần bảo anh làm thế nào, là được rồi. Anh ta không suy nghĩ, tìm tòi nguyên nhân gì cả, nói như thế thì tin như thế và làm như thế. Căn tính loại này không cần chỉ bảo rõ ràng, không cần thiết nói nhiều mà còn ngược lại, đúng là: *“Có thể khiến họ nghe theo mình, không thể khiến họ hiểu mình được”*. Loại này cần bậc tri thức gần gũi, nương tựa vào sự chỉ dạy của sư trưởng đề tu học là đủ. Đơn giản, nhanh gọn, đưa ra liền thực hành, từ trong kinh nghiệm tu tập, từ từ tăng trưởng Trí Huệ.

- **Đặc tính của người Pháp Hành.**

Với người tu tập theo giáo pháp thì không giống nhau, họ từ lâu có tập quán nghiêng về lý tánh, trước hết muốn biết nguyên do, truy vấn đến tận cùng. Nghe xong dạy bảo của sư trưởng, còn cần có sự quan sát của chính mình, tham khảo,

tìm tòi kinh luận. Đến khi thấu hiểu rõ ràng, mới tin sâu, hết ngờ vực rồi đi đến siêng năng tu học. Căn cơ loại này rất nhạy bén, bởi vậy, người tu theo giáo pháp, rất có năng lực hướng dẫn người khác tiến tu.

Hai loại căn tánh này đều không là Tín và Trí nhưng không được thiên lệch một bên. Không chỉ với người mới học như thế mà, ngay cả người đã tu, chứng quả rồi cũng có sự bất đồng về cá tánh này.

4.1.2.3. Cùng Tu Hạnh Xuất Ly

雖復種種性, *Tuy phục chủng chủng tánh,*

同修出離行. *Đồng tu Xuất Ly Hạnh.*

Tuy chủng tánh rất nhiều, Cùng tu hạnh Xuất Ly.

- **Không lấy chủng tánh luận về kết quả, chỉ lấy phát tâm luận về kết quả.**

Như trên đã nói: Phát Tâm Xuất Ly nên có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; có tại gia, xuất gia; có độc trụ, nhân gian trụ; có người tín hành, người pháp hành. Tuy có nhiều căn tánh bất đồng này là biểu hiện phong cách bất đồng, chỉ cần những người ấy phát khởi tâm xuất ly chân thật thì sẽ giống như người tu hạnh xuất ly nhằm đạt được mục đích giải thoát sanh tử.

- **Nguyên nhân có đối lập vì lấy mình làm chuẩn.**

Hầu hết con người thường hay lấy sở thích của mình để phán xét tất cả vấn đề mà không biết học Phật có những mô hình không giống nhau.

- **Nêu ra những hình thức đối lập.**

- ***Người tu theo tín ngưỡng, người tu theo giáo pháp.***

Với người coi trọng đức tin thì cho rằng người tu theo giáo pháp, chuyên nghiên cứu ý nghĩa giáo lý là không tu mà mình mới là hàng lợi căn.

Với người coi trọng trí huệ, hiểu biết thì cho rằng người tín hành là tu mù.

- ***Tỳ kheo độc trụ, tỳ kheo cộng trụ.***

Lại có người coi trọng việc ở trong núi rừng, khen ngợi đời sống đạm bạc, nghèo khổ; thậm chí còn nói: “*Tu hành phải tu khổ hạnh, ở phải ở nơi vắng vẻ*” xem thường những tỳ kheo sống chung với người đời.

Nhưng những vị đi đây đó, giáo hóa nhân gian lại xem thường tỳ kheo độc trụ, nói là tự tư tự lợi.

- ***Tại gia và xuất gia.***

Giống như tại gia và xuất gia cũng vì quan điểm bất đồng mà bất hòa nhau.

Ngày xưa, Phật giáo xem nặng xuất gia, phải chăng vấn đề sinh hoạt của hàng xuất gia có thích hợp hay không, hay sống đời “*thiểu dục tri túc*” có thể thực hiện được hay không, tâm lợi dưỡng, tâm quyền luyến gia đình có thể không đảm nhiệm hay không. Mọi người đã xuất gia rồi, hầu hết không thích hợp với tính cách của người xuất gia, đây mới làm cho tư cách Tăng già sút kém. Không phải là tranh danh đoạt lợi mà là mưu đồ hưởng thụ; nêu lên chiêu bài hoằng pháp, lợi sanh mà, thực tế tranh giành ảnh hưởng, xây dựng cơ nghiệp. Hoặc là thu nạp đồ chúng, tranh thủ tín đồ, kết thành bè phái chẳng liên quan gì với Phật pháp, để lại hậu quả xấu cho Tăng Già.

Nếu vậy, có thể làm Phật tử tại gia, lại thích hợp hơn, có thể tu tập được nhiều công đức.

- **Tư mình dẹp bỏ đối lập, nên tôn trọng nhận thức của người khác.**

Tóm lại, người học Phật có căn tánh khác nhau, có phong cách khác nhau, cho nên cần tôn trọng người khác và cần hiểu rõ chính mình.

4.1.3. Pháp Môn

佛說解脫道, *Phật thuyết Giải Thoát đạo,*

四諦與緣起, *Tứ Đế dĩ Duyên Khởi.*

甚深諸佛法, *Thậm thâm chư Phật pháp.*

由是而顯示. *Do thị nhi hiển thị.*

Phật nói đạo Giải Thoát, Tứ Đế và Nhân Duyên,

Là Pháp Phật thâm sâu, Vì thế nên tỏ bày.

• **Pháp xuất thế gồm Tứ Đế và Duyên Khởi là chính.**

Cương lĩnh chung của pháp xuất thế chung ba thừa, xin trình bày trước. Pháp môn Phật nói ra, tuy là pháp tùy cơ có rất nhiều; nhưng chung quy đều là Đạo Giải Thoát, không ngoài pháp môn Tứ Đế và Duyên Khởi. Lìa bỏ pháp môn này, không còn là pháp Xuất Thế của Phật.

○ *Nói sơ qua về Tứ Đế và Duyên Khởi.*

▪ *Tứ Đế.*

Đế là không điên đảo (lộn ngược), cho nên còn có ý nghĩa là xác thực.

Ý nghĩa của Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Pháp môn xuất thế của Phật có bốn là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Chỉ bày chính xác đặc tính con người trong trần gian này là KHỔ.

Nguyên nhân khổ đau, bức bách ở trần gian là TẬP.

Nói rõ cảnh giới siêu việt thế gian, tiêu trừ tất cả khổ đau là DIỆT.

Cho đến phương pháp dẫn đến diệt trừ khổ não là ĐẠO.

Pháp xuất thế của Phật, chủ yếu, nói rõ về TỨ ĐẾ.

Phật pháp là sự thành tựu về Đức Tin và Trí Huệ, nhưng không hề nói: Tin rồi sẽ được cứu vớt. Chúng ta phải nhận thức một cách rõ ràng: Tính chất khổ đau cấp bách của đời người và nguyên nhân của thống khổ này. Nhờ vậy mới có thể diệt trừ được nguyên nhân của thống khổ, thể nghiệm chân lý và có được giải thoát, không còn chịu bức bách đau khổ bởi sống chết vô hạn.

▪ ***Sự tương quan của Tứ Đế và Duyên Khởi.***

Nói đến Duyên Khởi hoàn toàn không tách rời Tứ Đế.

✓ **Khổ, Tập là Lưu Chuyển của Duyên Khởi.**

Chính là hiện thực Khổ đau bức bách rồi suy cứu dần dần, tìm ra căn nguyên của thống khổ, phát hiện giữa Nhân và Quả của Khổ và có được quy luật tất nhiên liên hệ tương sanh. Đó chính là: Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Bệnh Tử. Đây là hình của thuyết mười hai thuyết Duyên Khởi. Thực ra là nói rõ mối quan hệ giữa Khổ và Tập.

✓ Diệt, Đạo là Hoàn Diệt của Duyên Khởi.

Duyên Khởi là nói về Khổ, Tập vôn... đều dựa vào Duyên (như quan hệ, điều kiện, nguyên nhân) mới có thể tồn tại được; phát sinh được. Vì vậy, có thể trong sự đổi thay của Nhân Duyên, khiến nó hóa giải, tiêu tan và đạt đến giải thoát; đây chính là hai đế Diệt, Đạo.

○ Nói rõ về Pháp chung của Ba Thừa lấy Tứ Đế làm cương lĩnh và nói về pháp môn Duyên Khởi.

Do đó, trong văn dưới đây lấy Tứ Đế làm cương lĩnh và đồng thời nói rõ về pháp môn Duyên Khởi.

• **Chỗ giống, khác nhau trong pháp quán Tứ Đế, Duyên Khởi của Đại Thừa và Tiểu Thừa.**

○ Pháp quán thâm sâu về Tứ Đế, Duyên Khởi có cùng duyên của Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Hầu hết đều cho rằng Tứ Đế và Duyên Khởi là Pháp Tiểu Thừa. Không biết các pháp Phật sâu xa của Đại Thừa “**Cũng đều từ đây mà hiển thị và phát sinh**”.

○ *Dựa vào ý nghĩa mà nói thì rõ ràng có sự khác nhau.*

Tiểu thừa xem nặng Khổ, Tập; Đại Thừa xem nặng Diệt, Đạo.

Dựa vào ý nghĩa thiên trọng mà nói:

Pháp Tiểu Thừa xem nặng Khổ và Tập; pháp Đại Thừa xem nặng Diệt và Đạo, đặc biệt là Diệt.

Tuy có thiên trọng nhưng chưa từng rời bỏ Tứ Đế và Duyên Khởi.

Ví dụ trong hai Tông Trung Quán và Du Già.

Trung Quán là đối với Không Tánh; Du Già là đối với Duyên Khởi. Cả hai đều không rời Tứ Đế và Duyên Khởi một bước.

Ví dụ kinh Thắng Man nói rất hay:

Tiểu Thừa có Tứ Đế Hữu Lượng và Tứ Đế Hữu Tác, Đại Thừa có Tứ Đế Vô Lượng và Tứ Đế Vô Tác.

Ví dụ kinh Niết Bàn:

Bậc hạ trí quán pháp Duyên Khởi thì chứng được Bồ Đề của Thanh Văn...; bậc thượng thượng trí quán pháp Duyên Khởi thì chứng được Bồ Đề của Phật.

Tóm lại, Pháp Phật không ra khỏi pháp môn Tứ Đế và Duyên Khởi thì chỉ là sự chứng ngộ có tròn, có khuyết; giáo thuyết có cạn, có sâu mà thôi.

4.2. Cảnh giải thoát.

4.2.1. Đạo giải thoát của Nhị Thừa.

4.2.1.1. Tổng quát Tứ Đế.

苦集與滅道 Khổ, Tập dữ Diệt, Đạo,

是謂四聖諦 Thị vị Tứ Thánh Đế.

Khổ, Tập và Diệt, Đạo; Đó là Bốn Sự Thật của Bạc Thánh.

- **Tứ Đế là Bốn Sự Thật của Bạc Thánh.**

Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo mà trong kinh gọi là Tứ Thánh Đế.

- **Tứ Thánh Đế chỉ Bạc Thánh mới có.**

- **Phàm phu có Khổ mà Không Thật, Bạc Thánh có Khổ là Sự Thật.**

Ai cũng đều khổ não, ai cũng đều phiền não (Tập), nhưng vì sao riêng nói Tứ Thánh Đế vậy?

Dựa vào sự thật mà nói:

Khổ là bức bách có thực của con người hay cõi đời.

Tập là phiền não và phiền não là từ Nghiệp lực đem đến.

Diệt là diệt trừ phiền não để quả khổ không sanh trở lại.

Đạo là Tam Vô Lậu Học: Giới, Định, Huệ để đối trị phiền não, là pháp môn tu hành đi đến Niết Bàn.

Những pháp môn này, chỉ có Bạc Thánh mới có thể từ trong sự thật, thể nhận thấu triệt và chứng ngộ nó.

Cho nên kinh Niết Bàn nói: 凡夫有苦而無諦, 聖者有苦有苦諦: Phạm phu hữu khổ nhi vô đế, thánh giả hữu khổ hữu khổ đế: Phạm phu có khổ mà không thật, bậc thánh có khổ là khổ thật.

○ **Khổ, Tập, Diệt, Đạo chỉ bậc Thánh chắc chắn không nghi, cho nên, gọi là Tứ Thánh Đế.**

Kinh Di Giáo nói: “*Phật nói Khổ Đế là khổ thật, không thể nào vui. Tập chính là Nguyên Nhân, không còn nguyên nhân nào khác. Khổ nếu diệt trừ chính là nhân diệt; nhân diệt cho nên quả diệt. Đạo diệt khổ, đúng là đạo chân thật, không có đạo nào khác nữa*”.

Tánh khổ não của con người ở thế gian; Tánh chiêu tập của phiền não; Tánh diệt trừ, xa lìa phiền não của Niết Bàn; Tánh đối trị phiền não của Giới, Định, huệ; Tánh tam vô lậu học thông đạt Niết Bàn. Đó là những điều xác thực, tất nhiên, tuyệt đối mà chỉ có bậc Thánh mới có thể sâu sắc thể ngộ đến mức chắc chắn Không Nghi; vậy gọi là Tứ Thánh Đế (Bốn chân lý của Bậc Thánh).

4.2.1.2. Nói về Duyên Khởi.

a. Nhân, Quả thế gian

Hai đế Khổ, Tập.

Khổ đế

Nói chung Tám Khổ.

苦者求不得, *Khổ giả Cầu Bất Đắc,*
 怨會愛別離, *Oán hội, Ái Biệt Ly,*
 生老與病死, *Sanh Lão Dữ Bệnh, Tử,*
 總由五蘊聚. *Tổng do Ngũ Uẩn Tụ.*

Khổ gồm: Cầu không được;

Thù mà gặp; Thương yêu mà xa;

Sanh; Bệnh; Già và Chết;

Đều do năm Uẩn này.

- **Khổ Đệ.**

Trong Tứ Đệ, trước nói Khổ Đệ. Đây là Thân, Tâm, thế giới hiện thực mà chúng ta thể nhận đầu tiên.

- **Tám loại khổ bức bách rất thiết yếu của loài người.**

- **Ý nghĩa của Khổ.**

Khổ có nghĩa là bức bách khổ não, bức thiết thân tâm dẫn đến trạng thái khó chịu.

- **Bảy khổ đầu được chia thành ba loại sau:**

Phật từng chia ra nhiều loại Khổ, nhưng từ lập trường của loài người mà nói, thiết yếu nhất là Tám khổ.

- ***Đối với quan hệ với ngoại vật mà nói thì có khổ vì mong muốn mà không được.***

Khổ vì mong muốn mà không được, gồm có: Danh dự, Địa vị, quyền thuộc, tiền của... Đây là những thứ ai cũng mong muốn, nhưng lại hầu như muốn mà không được.

Mong muốn được mà không được thì khổ não; có rồi được rồi lại mong nó không mất đi. Hoặc khi gặp khó khăn thì không cần đến nó nữa mà không như ý muốn. Trong kinh có nói: “*Điều mong muốn nếu không toại nguyện thì khổ đau như bị trúng tên*”. Đây là Cầu Bất Đắc Khổ. Đây là sự khổ khi chúng ta đối với ngoại vật.

- ***Khổ vì thù ghét mà gặp, yêu thương mà xa từ mỗi quan hệ xã hội mà có.***

Hai khổ: Thù ghét mà gặp, yêu thương mà xa là khó khăn trong mỗi quan hệ khi chúng ta đối với xã hội (có thể chung cho ngũ thú).

- ✓ Khổ vì thù ghét mà gặp.

Ý kiến không hợp thì giận hờn nhau, mắt không nhìn thấy, tai không nghe tiếng thì bình yên; nhưng khi gặp nhau một nơi, ở chung một chỗ, làm chung một việc, cùng trò chuyện thì không có cách nào để tha thứ, không có cách nào để tránh xa. Cùng cực khổ não là đây.

- ✓ Khổ vì thương yêu mà xa.

Ngược lại, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bạn bè, người yêu thương nhất mà sanh ly, tử biệt, thường rơi vào cảnh xa cách nghìn trùng thương nhớ, hoặc ở trong hồi tưởng, thất vọng với: “*Thử hận miên miên vô tận kỳ*”: Hận này dằng dặc không khuây bao giờ.

▪ ***Khổ vì sanh, lão, bệnh, tử đối với thân, tâm.***

Đây là những khó khăn xuất phát từ Thân, Tâm của chúng ta.

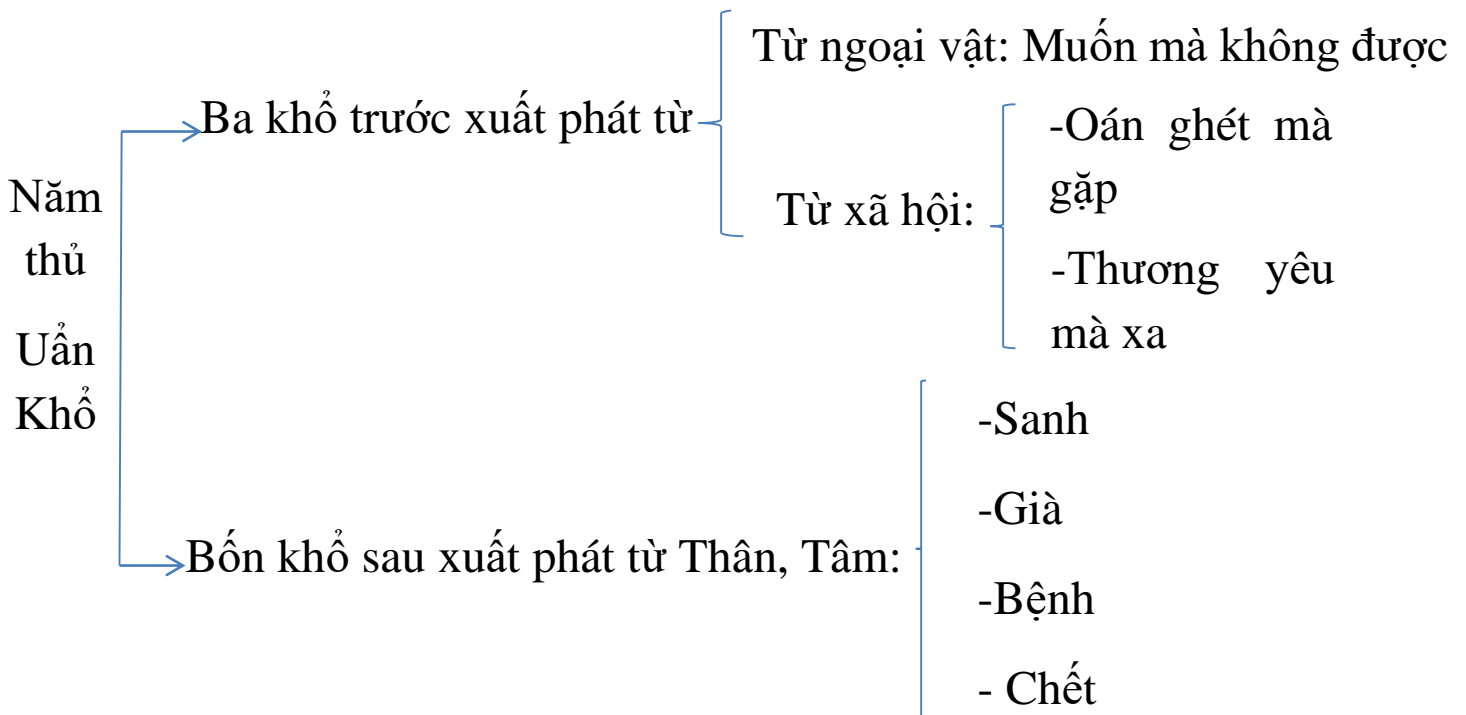
Hầu hết mọi người đều cho Sanh là Vui; còn Lão, Bệnh, Tử mới là Bi Ai. Đâu biết rằng Sanh rồi không thể không già, không bệnh, không chết. Già, Bệnh, Chết do Sanh mà có. Vậy vì sao cho sanh là Vui? Sanh là Gốc của Khổ, còn Lão, Bệnh, Tử giống như cành, lá, hoa trái. Từ gốc rễ dẫn đến kết quả đều là khổ.

○ ***Bảy khổ trước đều bắt đầu từ cái khổ của năm uẩn.***

Trong quan hệ từ chúng ta đối với ngoại vật, xã hội, thân tâm, có bảy loại khổ khác nhau. Nếu từ suy cứu mà nói thì bảy khổ này thấy đều từ tổ hợp của năm uẩn mà có.

Năm uẩn là năm loại, năm yếu tố khác nhau hợp lại, cũng chính là thực tế tổng hòa Thân, Tâm của chúng ta.

Tự thân của năm uẩn này tồn tại, gắn liền với tất cả Khổ Đau; đối với ngoại vật, với xã hội, với thân tâm cũng không thể miễn trừ bảy khổ đã nói ở trên. Chúng ta sở dĩ có tất cả vấn đề, tất cả khổ não, hoàn toàn không có gì khác mà chỉ là vì có năm uẩn này: Tự thể của Thân Tâm. Năm Thủ Uẩn là tổng thể của khổ não cùng với bảy khổ trước hợp thành tám khổ.



Thứ tự trình về khổ

Năm Uẩn

所謂五蘊者, *Sở vị ngũ Uẩn giả,*

色受想行識, *Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,*

取識處處住, *Thủ thức xứ xứ trụ,*

染著不能離. *Nhiễm trước bất năng ly.*

Cái gọi Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức,
Thức chấp chắc mọi nơi, Ô nhiễm không thể lìa.

• **Khổ đế lấy năm Uẩn làm chủ.**

Trên đã nói về năm Uẩn là năm yếu tố không giống nhau.

Cùng loại tụ hợp lại với nhau, mỗi loại bao hàm rất nhiều thành tố, cho nên gọi là Uẩn. Uẩn có nghĩa là tụ hợp.

Phật nói Khổ Đế, đều dựa vào năm Uẩn mà nói. Trong kinh từng nói: Năm uẩn giống như năm tên giặc cầm dao, đây chính là nguyên nhân khiến cho chúng sanh khổ đau bức bách mà không có cách nào thoát khỏi ma trận này.

○ **Nói rộng về năm Uẩn.**

Rốt cuộc, năm Uẩn gồm những gì? Là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

▪ **Sắc Uẩn**

Sắc là vật chất biến đổi trở ngại.

Sắc được định nghĩa là Biến ngại: vừa có thể trở ngại vừa có thể phân chia.

Có chất ngại thì có thể tích chiếm hữu không gian.

Có chất ngại thì có thể phân tích được, có thể phá hoại được. Đây là cái mà hiện giờ gọi là Vật Chất Vô Biên Sắc cũng gọi là Sắc.

Nhưng Năng Lực phát khởi từ Vật Chất, Phật pháp cũng gọi nó là Sắc. Tuy nhiên, cái gọi là do Sắc Năng Lực Hóa là chỉ cho tiềm năng của hành vi Thiện, Ác; đúng với những gì mà khoa học hiện đại gọi là Năng Lượng cũng thấy được rất nhiều loại tương tự.

▪ *Thọ Uẩn*

Thọ có nghĩa là lãnh nhận.

Khi nội tâm tiếp xúc với cảnh giới, lãnh nhận ở tâm, tình cảm phát khởi trong Tâm hoặc Khổ hoặc Vui thì gọi là Thọ.

Thọ chính là tác dụng tình cảm của nội tâm.

▪ *Tướng Uẩn*

Tướng có nghĩa giữ lấy bóng dáng của hình tướng, là tác dụng của Nhận Thức.

Khi nhận thức cảnh giới thì trong tâm giữ lấy cái Tướng của Cảnh, có tác dụng hiện ra biểu tượng; còn tái tạo nhận thức, liên tưởng... trở thành khái niệm; dựa vào đây lập nên ngôn ngữ, văn tự.

▪ *Hành Uẩn*

Hành có nghĩa là Tạo Tác. Khi đối cảnh dẫn đến nội tâm phát sinh. Tâm sẽ lựa chọn hành động cụ thể đối phó. Kinh qua suy xét, quyết đoán, phát động của Tâm Tư mới hình thành ra Hành Động của Thân Thể, Ngôn Ngữ.

Hành vốn là Tư Tâm Sở, là tác dụng Tâm Lý và Ý Chí thúc đẩy nội tâm dẫn đến tạo tác. Do đó, thường lấy Tư và Ý chí làm trung tâm của Hoạt Động và tất cả tác dụng của Tâm Lý phức tạp—trừ thọ, tướng—tất cả đều thuộc vào Hành Uẩn.

▪ ***Thức Uẩn.***

Định nghĩa thức.

Thức là Liễu Biệt (phân biệt tận cùng), Minh Liễu (rõ ràng hết mức), Thức Biệt (hiểu thấu chi tiết).

Sự liên quan giữa Tâm, Thức.

Nội tâm của chúng ta vốn không thường hằng, phức tạp.

Nhận biết tổng quát thuộc đối nội gọi là tâm.

Tác dụng phân tích tâm lý của Tâm không giống nhau, như Thọ, Tướng, Tư... gọi là Tâm Sở.

Nhưng nhận biết tác dụng tổng quát của nội Tâm thì gọi là TÂM.

Nhận biết tổng quát rõ ràng thuộc đối ngoại gọi là Thức.

Tâm này từ nhận thức ngoại giới rõ ràng của riêng Thức mà nói, gọi là Thức; vì vậy, Thức là khả năng nhận biết tổng quát của THỨC.

○ **Ngũ Uẩn là một thể tập hợp của vật chất và tinh thần.**

Sắc là vật chất, Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần; chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi; chính là năm Uẩn này. Chúng ta tự cho rằng đây là Tôi, đây là Của Tôi; kỳ thật không ra khỏi năm Uẩn; không có hoạt động nào ra khỏi Thân và Tâm; chỉ có vật chất và tinh thần thôi.

• **Năm Uẩn do chấp chặt mà có, còn yêu thích sự chấp chặt đó mà sanh ra khổ.**

○ **Ngũ Thủ Uẩn**

Năm Uẩn của chúng sanh, gọi là Ngũ Thủ Uẩn, bởi vì từ quá khứ đã chấp chặt Phiền Não mà chiêu cảm đến.

Do chấp chặt phiền não mà Sanh, bởi vậy ngay từ bản chất đã không tránh được Khổ Đau. Còn hiện tại đã có Ngũ Thủ Uẩn này cũng do chấp trước vọng tưởng, phiền não, cho nên, mới khổ chồng lên khổ.

○ **Dùng bốn thức trụ nói rõ ngũ thủ Uẩn.**

Phật nói có bốn pháp môn bốn thức trụ:

▪ **Thức giữ lấy nhiệm ô đối với Sắc, Thọ, Tướng, Hành.**

Thủ thức của chúng ta (Thức cùng với phiền não tương ưng) thì không thể không có Cảnh giới. Cảnh giới của Thủ Thức không ra ngoài bốn sự kiện: Sắc thuộc Vật Chất, Thọ thuộc Tình Tụ (tinh thần), Tưởng thuộc Nhận Thức, Tư thuộc Tạo Tác.

Thủ thức có đối tượng là Vật Chất hoặc Tinh Thần như thế, luôn chấp chặc ở khắp nơi và cho rằng có thể giữ lấy, có thể đạt được, có thể nắm bắt, có thể dựa vào. Giữ lấy, Đạt được, Nắm bắt, Dựa vào đều là biểu thị sự nhiễm trước của Thủ Thức với Đối Tượng, giống như keo dán vậy, không thể tách rời.

▪ ***Đã có nhiễm trước ắt không thể thoát khổ.***

Đối với Cảnh giới, Thức đã nhiễm trước nên mỗi, biến động của cảnh giới đều có tương quan mật thiết với nội tâm, không thể tự chủ; vì vậy nội tâm hoặc vui hoặc buồn và đương nhiên, không thể tránh khỏi khổ đau.

Lá từ trên cây rụng xuống, có thể, anh hoàn toàn không phản ứng, bởi vì coi như anh không dính dáng gì với nó.

Nhưng, nếu Tâm yêu thương một người, Tâm ưa thích quyền lực, tiền của... thì đó thật là mối tương quan vô cùng thân thiết với sinh tồn của chính bạn. Nếu bị uy hiếp hoặc kè

cận với cái chết thì đây quả thực, là cảm giác vô cùng đau khổ; vì bạn đã nhiễm trước nó, xem nó là chính mình, là của mình.

Nhiễm trước đối tượng của Thủ Thức, giống hệt thân bị mắc trong lưới hay rơi vào trong bụi gai nhọn.

▪ ***Nói chung về Ngũ Thủ Uẩn là tất cả Khổ.***

Tóm lại, Thức là cái sanh ra chấp trước, (Trụ trước); Sắc, Thọ, Tưởng, Hành là những cái bị chấp trước (sở trụ trước); tổng hợp lại thành năm Uẩn, chính là đầu mối của tất cả khổ đau.

Lục Xứ

此復由六處, *Thủ phục do Lục xứ*

取境而生識。 *Thủ cảnh nhi sanh Thức.*

Năm uẩn này lại từ lục xứ Chấp Cảnh nên sanh ra Thức.

• **Lại từ lục xứ nói rõ Khổ Tự (ngũ Uẩn).**

Thân, Tâm của chúng sanh chính là tổng hợp của khổ não; ngoài ngũ Uẩn được truyền dạy, Phật còn nói về sáu xứ (hay mười hai xứ), sáu giới (hay mười tám giới). Vì vậy, ngoài Khổ Tự này (năm Uẩn) còn truyền dạy sáu xứ.

• **Sáu xứ chấp cảnh nên sanh ra thức.**

○ **Nội hàm của sáu xứ**

Sáu xứ là Nhãn Xứ, Nhĩ Xứ, Tỷ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ, Ý Xứ.

Sáu xứ còn gọi là sáu căn vì đều có nghĩa là Sinh Trưởng.

Sáu xứ là tự thể của Thân, Tâm; lại còn là một cách phân loại. Nói rõ từ cửa ngõ của sáu căn tiếp thu cảnh giới rồi phát sanh ra Thức phân biệt.

○ **Từ sáu xứ đến quá trình nhận Thức của sáu Thức.**

Sáu xứ là hoạt động Nhận Thức phải thông qua cửa ngõ; đi qua sáu cửa ngõ của sáu căn này thì mới có thể phát sanh nhận thức.

▪ ***Sáu căn tiếp thu sáu cảnh.***

✓ **Năm căn trước:**

Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân là năm căn thuộc quan năng sinh lý vật chất có khả năng thấy Sắc, nghe Tiếng, ngửi Mùi, nếm Vị, xúc Giác. Phật nói Sắc pháp vô cùng vi diệu, vì vậy đó là hệ Thần kinh.

✓ **Ý căn.**

Ý là quan năng Tâm Lý có khả năng Biết Tất Cả Pháp là căn nguyên của Tâm Thức.

▪ ***Từ Căn, Cảnh mà sanh ra sáu thức.***

Nhận thức của chúng sanh không thể lìa sáu xứ mà thành lập được.

Sáu căn có khả năng thu nhận sáu loại cảnh giới: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

Dựa vào cửa ngõ sáu căn tiếp nhận sáu cảnh thì mới có khả năng phát sanh sáu Thức: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.

▪ ***Căn, cảnh hợp thành mười hai xứ.***

✓ Sáu căn là Tăng Thượng duyên, Sáu Cảnh là Sở Duyên Duyên.

Sáu thức dựa vào sáu căn mà phát sanh, sáu căn là Tăng Thượng Duyên; sáu thức cũng duyên vào sáu cảnh mà phát sanh, sáu cảnh là Sở Duyên Duyên.

✓ Tuy gọi chung là mười hai xứ nhưng trong kinh chú trọng vào sáu xứ (sáu căn).

Bởi vì Căn và Cảnh là đối tượng phân biệt của Thức, đều có tác dụng sanh trưởng, cho nên, cũng có thể mới có thể tổng hợp sáu căn, sáu cảnh thành mười hai xứ. Đây chẳng qua, từ tự thể thân, tâm của chúng sanh mà nói, hầu hết trong kinh đều nhấn mạnh vào sáu xứ.

- **Sáu thức chấp giữ cảnh giới nên bị chìm sâu vào trong khổ đau.**

Sáu xứ là cửa ngõ, từ đây giữ lấy sáu cảnh nên phát sanh sáu thức. Đợi đến khi sáu thức phát sanh, không những là phân biệt cảnh giới mà còn tương ứng với phiền não, chấp trước cảnh giới. Vì chấp trước cảnh giới chính là từ thân tâm này mà bị chìm đắm trong vực sâu thống khổ.

Sáu Giới

或 六 界 和 合 *Hoặc lục giới hòa hợp,*

世 間 苦 唯 爾 *Thế gian khổ duy nhĩ.*

Hoặc sáu giới hòa hợp, Thế gian chỉ khổ thôi.

- **Sáu giới là khổ tụ được chia ra nhưng nặng về Vật Chất.**

Đối với tự thể Thân, Tâm của Khổ Tụ (tập trung những khổ đau), Phật phân loại hoặc nặng về Vật Chất, mà nói: “*Sáu giới hòa hợp*”.

Như nói: “*Tứ đại bao trùm khắp không gian, Có Thức ở trong đó, thường gọi là Người*”.

○ **Ý nghĩa và nội dung của sáu Giới**

Sáu giới là sáu loại, là sáu nhân tố cấu thành tự thể của chúng sanh. Giới có ý nghĩa là chủng loại, là nhân tố.

Sáu giới là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Thức; cũng gọi là sáu Đại.

○ Nói rõ từng giới.

Bốn giới: Địa, Thủy, Hỏa, Phong là phân loại theo đặc tính của vật chất, có ý nghĩa cạn, sâu khác nhau.

▪ *Nói về đặc tính thiên cận của sáu giới:*

✓ Thuộc vật chất.

Xương, Thịt... của thân thể có tính cứng rắn là thuộc Đất.

Máu, mồ hôi có tính ẩm thấp là thuộc Nước.

Tính ấm, nóng là thuộc Hỏa.

Thở vô, thở ra, vận động... có tính nhẹ nhàng là thuộc gió.

Tất cả vật chất này đều có lý tính như thế.

✓ Thuộc không gian hay không giới.

Như khoảng trống trong lục phủ, ngũ tạng; khoảng trống trong mắt, tai, mũi, miệng cho đến lỗ chân lông trên toàn thân đều thuộc về không gian. Nói cách khác, thân thể vật chất này đầy khắp khoảng trống không.

✓ Thức giới.

Thức giới chính là Liễu Biệt (phân biệt rạch ròi), là sáu thức chấp trước (năm giữ hình ảnh mọi hiện tượng).

- *Nói về đặc tính sâu sắc, sáu giới là Nhân Tính (因性) của tất cả chúng sanh.*

Đã có sáu loại Nhân Tố này thì sẽ trở thành chúng sanh.

- **Uẩn, Xứ, Giới là khổ tụ ở trong Sanh Tử, Luân Hồi.**

- *Uẩn, Xứ, Giới là tất cả khổ tụ của chúng sanh.*

Chúng sanh thành được tự thể thâm tâm, kinh Phật thường nói: “*Có Uẩn, có Xứ, có Giới*”; đây là tất cả khổ tụ của chúng sanh. Ba cái này đã có thì phải có Sanh Mạng (nói theo thông tục), cũng phải có cái khổ bức bách.

Điều này giống như Lão Tử đã nói:

吾有大患，為吾有身。

Ngô hữu đại hoạn, vì ngô hữu thân.

Ta có hoạn lớn, vì ta có Thân.

(Nếu ta không thân, làm gì có hoạn)

- *Phê bình tư tưởng của ngoại đạo.*

Nhưng trong tư tưởng ngoại đạo, ngoại trừ hiện tượng thân tâm này, còn có linh hồn thường hằng, bất biến, hoặc có thể gọi là NGÃ, chủ thể lưu chuyển trong địa ngục, cõi người hay thiên quốc.

Kỳ thật, đây là sản vật ảo tưởng của chúng sanh ngu si.

“*Chúng sanh chịu khổ ở trong sáu Đường Sanh Tử*”, Khổ

nhân, khổ quả kéo dài không dứt, không có thêm cái gì khác, mà chỉ là Uẩn, Xứ, Giới mà thôi.

- **Nói chung dụng ý Phật nói về Khổ Tụ.**

Phật khai thị ở trong Khổ Tụ.

Chỉ ra triệt để tính bức bách của khổ này: “*Chân thật là Khổ, không thể nào Vui*”. Nếu không khuất phục, tu hành triệt để thì không lấy gì hy vọng.

Chỉ ra sự thật của khổ tụ thì chúng sanh mới có thể thoát khỏi mê vọng của Thần Giáo cho rằng có Linh Tánh, Chân Ngã; mới có khả năng Giải Thoát Tụ Tại.

Tu học theo giáo pháp xuất thế của Phật, trước hết, phải biết thông suốt về điều này.

Tập Đế

Khổ do Hoặc Nghiệp.

苦 生 由 業 集,	<i>Khổ sanh do Nghiệp Tập,</i>
業 集 復 由 惑,	<i>Nghiệp Tập phục do Hoặc,</i>
發 業 與 潤 生,	<i>Phát nghiệp dữ Nhuận Sanh,</i>
緣 會 感 苦 果.	<i>Duyên hội cảm khổ Quả.</i>

Khổ sanh do Nghiệp Tập, Nghiệp Tập lại do Hoặc,
Nghiệp phát cùng Nhuận Sanh, Duyên đủ cảm quả Khổ.

- **Nói về tập đế.**

○ **Định nghĩa Tập**

Tập có nghĩa là do Nhân, do Duyên mà sanh khởi

○ **Do Hoặc mà có Khổ Tập.**

Khổ quả của chúng sanh ở thế gian. Vì sao không cắt đứt được sanh khởi của nó? Đây là do Nghiệp Tập. Nghiệp là Hành Vi (biến nghiệp) thuộc thiện, Ác; từ hành vi thiện, ác này phát sinh tiềm lực (vô Biểu Nghiệp). Tích tập lực của Nhân Nghiệp; khổ quả chính là từ Nghiệp Lực mà Tập Khởi.

Nhưng Nghiệp Tập lại vì sao sanh khởi? Đây là do hoặc.

Hoặc là Sai Lầm (mê hoặc) là tên chung của Phiền Não. Bởi nhân tố bất lương trong tâm chúng sanh, đó là loạn động của phiền não, đây mới là Tập Khởi của Nghiệp.

• **Do hai loại lực lượng của Hoặc mà cảm ra Sanh, Tử.**

Nói đến đây cần hiểu thấu vấn đề trọng yếu. Phải biết chiêu cảm Khổ Quả là do Nghiệp Lực mà, lực lượng chủ yếu là Phiền Não. Đối với nghiệp, phiền não nghiệp có hai lực lượng:

○ **Lực phát nghiệp và lực nhuần sanh.**

Lực phát nghiệp, bất kể nghiệp Thiện hay nghiệp Ác, hễ có khả năng chiêu cảm Quả Khổ Sanh, Tử là đều do phiền não, trực tiếp hay gián tiếp, dẫn đến phát khởi. Cho nên, nếu cắt

đứt phiền não, cắt đứt tất cả hành vi thì sẽ không chiêu cảm được Nghiệp Lực sanh tử.

Lực nhuận sanh, nghiệp đã trải qua tạo tác, đã thành Nghiệp Lực của chúng sanh; nhưng phải còn trải qua sự dẫn dắt của phiền não mới có thể chiêu cảm Quả Khổ. Điều này giống như hạt giống nảy mầm, tuy có hạt giống, nếu không có nước tưới tẩm thì không thể mọc mầm. Cũng giống như vậy, nếu phiền não đã cắt đứt, tất cả hạt giống Nghiệp sẽ khô cạn thì lực lượng sanh Quả không còn nữa.

○ *Nói về Hoặc Nghiệp Sanh, tử.*

Từ Phát Nghiệp và Nhuận Nghiệp của Phiền não, khi Nhân, Duyên gặp gỡ, mới có Quả Khổ Chiêu Cảm của hạt giống Nghiệp. Vì vậy chỉ nói Nghiệp Cảm thì không thể nói rõ ràng được. Giả sử muốn nói Nghiệp Cảm Sanh Tử thì chẳng bằng nói rằng do Vô Minh... Phiền não nên chiêu cảm Sanh Tử. Nói được như vậy là đã thông đạt điểm cốt yếu này.

Nói Riêng Về Nghiệp Hoặc.

Công năng của Nghiệp

業有身語意, *Nghiệp hữu Thân, Ngữ, Ý,*

善惡及不動. *Thiện, Ác cập Bất Động.*

業滅如種習, *Nghiệp diệt như chủng tập,*

百千劫不失, *Bách thiên kiếp bất thất,*
 隨業感生死, *Tùy nghiệp cảm sanh tử,*
 不出於三界. *Bát xuất ư tam giới.*

Nghiệp có Thân, Ngũ, Ý, Thiện, Ác và Bất Động.

Nghiệp diệt như chũng tập, Trăm ngàn kiếp không mất,
 Theo nghiệp cảm Sanh Tử, Không ra khỏi Ba Cõi.

• **Lược nói về ba nghiệp có hai loại trong Tập Đế.**

Trong Tập Đế, nghiệp lực chiêu cảm sanh tử, ở trong pháp chung năm thừa mà kinh đã nói đến. Bây giờ xin lược nói về ba nghiệp có hai loại.

○ **Dựa vào nơi nương tựa của Nghiệp mà nói ba nghiệp Thân, Ngũ, Ý.**

Ba nghiệp này phân loại theo chỗ nương tựa.

▪ ***Thân.***

Thân nghiệp có: Thân Biểu Nghiệp, Thân Vô Biểu Nghiệp.

Động tác của thân thể hoặc Ác như: Sát sanh, trộm cướp...; hoặc Thiện như: Không sát sanh, không trộm cướp... Đây không chỉ là hoạt động thuộc sinh lý, mà còn, có tính chất đạo đức hoặc vô đạo đức của động tác thuộc thân thể.

Loại động tác thuộc thân thể này gọi là Thân Biểu Nghiệp. Nghiệp chính là ý nghĩa của Động Tác.

Từ động tác của thân thể này đưa đến, phát sanh Động Năng Tiềm Tại gọi là Thân Vô Biểu Nghiệp. Nghiệp này, tuy không biểu hiện, nhưng là Năng Lực Hóa của Vật Chất, có Tác Dụng chiêu cảm Quả Báo.

- *Ngữ nghiệp có Ngữ Biểu Nghiệp, Ngữ Vô Biểu Nghiệp.*

Cũng giống như vậy, trong việc biểu đạt ngôn ngữ, văn tự, có thể nói là Thân Nghiệp Hóa của Ngữ Nghiệp, vọng ngữ, lưỡng thiệt... là Ác; chân thật ngữ, hòa hợp ngữ... là thiện. Gọi là Ngữ Biểu Nghiệp.

Còn Ngữ Vô Biểu Nghiệp, do sự biểu đạt của ngôn ngữ này nên đưa đến, phát khởi Động Năng Tiềm Tại, gọi là Ngữ Vô Biểu Nghiệp.

- *Sở thuộc của ba nghiệp Thân, Ngữ, Ý.*

Nghiệp Thân, Ngữ thuộc Vật Chất. Hai nghiệp này thuộc Động Tác của Sinh Lý và sẽ dẫn khởi Động Năng đều thuộc Vật Chất.

Ý Nghiệp thuộc pháp Tâm Sở của Tâm (tâm tâm sở pháp).

Ý Nghiệp thuộc Tâm. Nó cùng với tâm tâm Sở Tương Ứng với Tư Tâm Sở.

▪ **Thể tánh của Quyết Trạch Nghiệp.**

✓ Kinh bộ nhận định: Thể tánh của Nghiệp là Tư Tâm Sở.

Hoạt động của nội Tâm là Ý Nghiệp.

Do phát động của nội tâm mới có thân, ngữ biểu hiệu. Loại động thân, phát ngữ này của Tư Tâm Sở được gọi là Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp. Giải nghĩa loại này là thuộc khuynh hướng duy tâm luận.

✓ Phật thừa nhận: Nghiệp là loại động năng đặc biệt do vật chất dẫn khởi.

Nhưng mà, Phật nói Thân Nghiệp, Ngữ Nghiệp Thiện hay Ác là Sắc Pháp mà người có thiên nhãn thấy được, cho nên nói Vô Biểu Nghiệp là loại Động Năng Đặc Biệt của Vật Chất sinh khởi, thực sự càng thỏa đáng.

○ Dựa vào quả báo trong ba cõi mà nói ba nghiệp: Thiện, Ác, Bất Động.

▪ **Giải thích Bất Động Nghiệp**

Ngoài Thiện Nghiệp và Ác Nghiệp, còn Bất Động Nghiệp là gì? Nghiệp này tương ứng với Thiên Định; tương ứng với Định ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc; đương nhiên là Nghiệp Thiện

rồi. Nhưng đặc tính vi diệu của Thiên Định là Không Động Không Loạn, cho nên, nghiệp này gọi là Bất Động Nghiệp.

▪ ***Phối hợp giải thích ba cõi, ba nghiệp.***

Loại Bất Động Nghiệp này có khả năng chiêu cảm Sanh Tử ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc.

Do vậy, Thiện Nghiệp và Ác Nghiệp chỉ có thể chiêu cảm Nghiệp Lực Sanh Tử ở Cõi Dục mà thôi.

• **Quá trình chiêu cảm hậu quả của Nghiệp Lực.**

Bất luận là động tác của Thân, Ngữ hoặc là từ đây phát khởi Động Năng, Biểu Nghiệp, Vô Biểu Nghiệp. Dựa vào Phật pháp mà nói: Những nghiệp này đều là sanh diệt vô thường, trong sát ra đã trở thành quá khứ. Nghiệp đã diệt trong sát ra, đã thành quá khứ, thì còn làm sao chiêu cảm hậu quả được?

Các pháp nói sâu hay cạn về chiêu cảm quả của Nghiệp Lực.

Thuyết Chung Tử đối với vấn đề này, trong kinh lấy ví dụ như hạt giống, như nở hoa, kết quả của cây cỏ, tuy có lúc điêu tàn, khô héo, nhưng hạt giống còn nảy mầm được, rồi đâm cành, nảy lá.

Thuyết Tập Khí.

Hoặc so sánh với sự huân tập: giống như cát vào tráp một mùi hương quý, dù đã lấy ra rồi, nhưng trong tráp vẫn còn hương thơm.

Do đây học giả đời sau lập thành thuyết Chung Tử, thuyết Huân Tập để nói rõ khả năng của Nghiệp Lực đưa đến chiêu cảm quả báo, nhưng đây là thí dụ có tính chất thông tục mà thôi

- **Dựa vào ý nghĩa sâu xa của Phật pháp mà nói:**
 - **Từ hiện thực tồn tại chuyển hóa thành một tư thái riêng biệt.**

Dựa vào ý nghĩa sâu sắc của Phật pháp mà nói: Quá khứ đã qua hoặc là Sát Na đã diệt. Đây hoàn toàn không nói Là Không Có Gì, mà chỉ là Từ Hiện Thực Tồn Tại rồi chuyển hóa thành một tư thái riêng.

- ***Nghiệp lực tàn tạ, giống như vật chất chuyển hóa thành năng lượng tồn tại.***

Có thể nói: Diệt rồi, quá khứ đã qua rồi nhưng không phải không còn tồn tại gì cả. Đương nhiên, với sự tồn tại này đối với hiện tại không giống nhau; giống như vật chất từ chất chuyển hóa thành Năng (lượng); chắc chắn không phải là không có, nhưng không thể lấy khái niệm thể tích, chất ngại để giới hạn nó.

- ***Nhân Duyên hội ngộ giống như Năng Lượng hóa thành Vật Chất.***

Nguyên nhân Nghiệp Lực tồn tại trong Sát Na trở thành quá khứ mà vẫn là một dạng tồn tại (dĩ nhiên không phải tồn tại của hiện tại) mà chỉ là sự hòa hợp của Nhân Duyên hội ngộ thì, tất nhiên, chiêu cảm Quả Báo, như sự chuyển hóa của Năng Lượng trở thành Vật Chất.

- ***Trước khi chưa chiêu cảm Quả, Nghiệp Lực cũng không mất.***

Giả sử Nhân Duyên chưa hòa hợp, Nghiệp vẫn vĩnh cửu tồn tại, bất luận một trăm, một nghìn, mười nghìn kiếp hay vô lượng số kiếp; Nghiệp Lực cũng không mất đi mà vẫn còn sẽ chiêu cảm Quả.

- **Không cắt đứt phiền não thì phải theo Nghiệp Chiêu Cảm Sanh Tử.**

- ***Do phiền não mà có Nghiệp, không ra ngoài ba cõi Sống Chết.***

Chúng sanh chấp trước theo Nghiệp không giống nhau, chiêu quả báo sanh, tử, kéo dài đời này đến đời kia, luôn trôi lặn ở trong sáu đường. Do đây mà phiền não, phát sinh, dẫn dắt, tầm ướp bởi phiền não; vì vậy, dù nghiệp thiện thế nào,

dù cao thượng đến đâu; rốt cùng cũng không ra khỏi ba cõi: Dục, Sắc, Vô Sắc.

Ba cõi là ba khu vực lớn của chúng sanh hoạt động. Trong ba cõi này, vĩnh viễn sống, chết không ngừng.

- **Chỉ tiêu diệt nguyên nhân căn bản của sống, chết thì mới thực hiện được giải thoát.**

Sở dĩ Ba Thừa Phật pháp xuất thế, chính là cần phải tiêu diệt từ nguyên nhân căn bản sanh, tử trên hết, để không bị ràng buộc trở lại và chịu sống chết trong ba cõi. Đây mới là Mục Tiêu thực hiện đạt Giải Thoát của Phật pháp.

Những sai lầm đưa đến ràng buộc trong ba cõi.

Ba Căn Bản

煩惱貪瞋癡, *Phiền não Tham, Sân, Si,*

不善之根本, *Bất thiện chi Căn Bản,*

癡如醉如迷, *Si như túy như mê,*

瞋重貪過深. *Sân trọng tham quá thâm.*

Phiền não: Tham, Sân, Si, Là căn bản bất thiện,

Si như say như mê, Sân nặng, Tham quá sâu.

- **Nói riêng về Phiền não trong Tập Đệ.**

- **Định nghĩa phiền não.**

Lại nói phiền não trong Tập Đê. Đây là nhân tố bất thiện của nội Tâm, là phần tử xấu ác. Bất kể đó là tri thức, tình cảm hay ý chí; tất cả là không chính xác, là không đúng đắn, điều khiển chúng ta, do đây, mà phiền động, não loạn; rồi dẫn đến phát sanh bất an bất định; không hài hòa, không tự tại. Từ đây tạo tác vô số Nghiệp, dẫn đến khổ đau ở đời sau. Đây gọi là quá trình hình thành Phiền não.

○ **Căn bản và Chi mạt phiền não.**

▪ ***Ba căn bản Bất Thiện.***

Phiền não rất là phức tạp, trong phiền não, có Tham, Sân, Si là căn bản của tất cả pháp Bất Thiện, cho nên gọi là Tam Bất Thiện Căn.

Căn bản, có ý nghĩa gì?

Có ý nghĩa là: Tất cả phiền não có thể chia ba loại lớn: Tham, Sân, Si.

▪ ***Sơ lược chi mạt của ba bất thiện căn này.***

Tất cả phiền não khác là cành nhánh của ba phiền não này.

Xuất phát từ Tham là Ái, Nhiễm, Cầu, Trước, Xan, Siểm, Kiêu, Trạo cử...

Xuất phát từ Sân là Phẫn, Hận, Não, Tật...

Xuất phát từ Si là Kiến, Nghi, Bất Tín, Hôn Trâm, Vọng Niệm, Bất Chánh Trí...

- *Vì tập quán của Phiền Não mà có cá tính của mỗi người không giống nhau.*

Chúng sanh đều có phiền não, nhưng sâu, cạn khác nhau, có khuynh hướng tập quán thường khởi lên một loại phiền não nào thì sẽ tạo thành cá tính không giống nhau. Như người có tính Tham, người có tính Sân, người có tính Si. Nếu người không thiên trọng tính nào thì gọi là người có tính quân bình cả ba loại ấy. Muốn rõ thêm nên xem phân loại về Tình Người có mười chín loại trong kinh tu Hành Đạo Địa.

- **Nói rõ về Ba Bất Thiện Căn.**

Phiền não quá nhiều, ở đây, không thể nói rộng hết được, nên chỉ nói ba Bất Thiện thôi.

- *Bất thiện Căn Si*

Si là ngu si, cũng gọi là Vô Minh. Tên gọi này là do không biết Sự, Lý Chân Thật.

- ***Hình tướng của Si.***

Song không thể nói là chuyện gì cũng không biết, ngược lại, đây là một cách biết sai lầm, điên đảo như cho đúng là sai

của người say rượu hay mê muội. Đây là hình tướng của người ngu si, là phiền não căn bản khó trị nhất.

▪ ***Sai trái của Si.***

Từ “*Không biết*” ấy mà nói là không biết Thiện, Ác; không biết Nhân, Quả; không biết Nghiệp, Báo; không biết Phàm, Thánh; không biết Sự, Lý.

Từ cái Thấy, cái Biết mà nói là : “*Vô thường cho là thường; không lạc cho là lạc; không Tĩnh cho là Tĩnh; chẳng phải ngã cho là ngã*”.

Sự nghi ngờ đối với Sự, Lý chân thật là không đúng. Đây chính là cái thấy điên đảo đối với Sự, Lý chân thật.

○ ***Bất thiện căn Sân.***

Sân là ý Ác phát sanh do không vừa lòng đối với cảnh giới.

▪ ***Đặc tính trong và ngoài của Sân.***

Nếu cơn giận bùng phát thì đó là phần nộ, tranh giành, hãm hại, phiền não, căm hờn.

Nếu cơn giận còn chứa trong tâm thì đó là oán hờn, căm thù, ghen ghét.

▪ ***Sai trái của Sân.***

Loại sai trái này thì rất là nghiêm trọng. Không những do đây mà làm việc xấu mà có nhiều việc tốt, cũng từ đây,

không thể dung thứ, nhẫn nhịn được. Một niệm sân hận từ tâm khởi đủ sức phá hoại tất cả.

Giữa chúng ta và chúng sanh, từ xưa đến nay, đều có sự quan hệ rất mật thiết, cho nên, phải có Tâm Từ Bi tức Tâm không sân hận, hãm hại mới có thể đem lại lợi ích cho mình mà không làm tổn thương người khác; mới có thể làm cả mình và người an vui. Tuy nhiên, ngay khi phiền não sân hận nổi lên mà có sự phản đối thì đó là nguyên nhân trở thành tội ác cùng cực.

Kinh có nói:

一念瞋心起，Nhất niệm sân tâm khởi，
 百萬障門開，Bách vạn chương môn khai，
 瞋如火一樣，Sân như hỏa nhất dạng，
 焚燒諸善根。Phân thiêu chư thiện căn。

Một niệm sân tâm khởi.

Trăm ngàn cửa chương ngại mở ra.

Sân như ngọn lửa dữ,

Đốt sạch các căn lành.

○ **Bất thiện căn tham.**

Tham là sự đắm nhiễm của chính mình và tất cả những gì có liên quan đến chính mình.

▪ ***Đặc tính của Tham.***

Ham muốn quá khứ, đam mê hiện tại, mong cầu tương lai.

▪ ***Sai trái của tham.***

Tuy không nghiêm trọng như lửa sân nhưng giống như chìm sâu trong nước; sai trái này vô cùng thâm thiết đến tận cùng xương tủy.

✓ Tham ái Tụ Ngã và Ngã Sở.

Tham ái, chủ yếu là quyến luyến Tụ Ngã từ đời này đến đời sau.

Đối với người thì yêu thương cha mẹ của mình; con cái của mình; anh chị em của mình; bạn bè của mình...

Đối với sự vật thì tham đắm tiền của của mình; sự nghiệp của mình; học vấn của mình; danh dự của mình...

✓ Vì ái sanh sân, rồi cho đây là phép tắc của “*Thượng Đế yêu mến thế nhân*”.

Đã có Tâm Sân, tuy có thể làm thành nhiều việc tốt; nhưng do lấy ái nhiễm Tụ Ngã làm gốc, cho nên không được triệt để. Có cơ hội liền chuyển thành Tâm Sân khác vì Sân là mặt

trái của Ái (yêu). Yêu đến cực điểm thì có lúc sân hận cũng đến cực điểm.

Thần giáo nói: “*Thượng đế yêu mến người đời*”, tôi nghĩ Thượng Đế ở trong sự tưởng tượng của người ta. Nói như vậy cũng được. Bởi vì yêu cùng cực cho nên, hận cũng cùng cực; như tai nạn hồng thủy đã làm cho loài người và động vật tuyệt chủng biết cơ hồ nào (xem Sáng Thế Ký). Đây chính là ví dụ về việc thượng đế yêu thương tội bực con người; nhưng vì có Yêu sẽ có Sân, Yêu và Sân không thể tách rời.

✓ Phật nói: Yêu là căn nguyên của Khổ.

Vì vậy, theo Phật pháp mà nói, đây là mặt mũi thật của phàm phu, là tín đồ tâm thường của Thần Giáo; lại có thể tưởng tượng ra một thứ đạo đức chân chánh, phi thường sao? Nhưng mà, đã yêu thương đắm say, đã hoàn toàn chìm đắm, cho nên, một khi biến động tất cả thì Tâm mình cũng bị lôi cuốn, dao động theo mà phát sanh thống khổ. Cho nên, Phật nói: “*Ái sanh thì khổ sanh*”.

Bốn Phiền Nã

佛攝諸煩惱, *Phật nhiếp chư phiền nã,*

見愛慢無明. *Kiến, Mạn, Ái, Vô Minh.*

我我所攝故, *Ngã, Ngã sở nhiếp cố,*

死 生 永 相 續. *Tử, Sanh vĩnh tương tục.*

Phật nêu các phiền não, Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.

Vì gồm Ngã, Ngã Sở, Mãi liên tục Sống, Chết.

- **Nêu lên bốn loại Phiền Não là bao gồm phiền não của chúng sanh trong ba cõi.**

- **Nói chung.**

Có ba loại lớn về phiền não, có thể nói là mặc định về Cõi Dục, cũng chính là mặc định về con người mà nói. Nếu ở Cõi Sắc và Cõi Vô Sắc thì Sân, Giận, Oán, Trách không thể phát sanh. Vì thế Phật xuyên suốt tất cả phiền não có trong chúng sanh, còn chia ra bốn loại riêng: Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.

- **Theo Đại, tiểu Thừa về phân loại bốn phiền não.**

Có nhiều ý nghĩa nên khó đưa đến lý giải giống nhau. Ở đây lược nói ba nghĩa.

- ***Bốn căn Vô Ký của Duy Thức Học thuộc Đại Thừa: Si, Kiến, Mạn, Ái.***

- ✓ **Giải thích**

Cổ đức gọi đây là bốn căn Vô Ký, hoàn toàn chẳng phải là Ác Tính nghiêm trọng, nhưng lại là phiền não nên gọi là Hữu Phú Vô Ký. Nghiên cứu đến phiền não vi tế thì bốn loại này mới được phát hiện. Đặc biệt, trong Duy Thức học thuộc Đại

Thừa, bốn phiền não này được phiền não của Thức thứ bảy tương ứng. Khi chưa chứng được Chân Lý, chưa cắt đứt phiền não thì bốn phiền não này vẫn chưa lìa bỏ được thì trở thành đặc tính phiền não nội tại của chúng sanh.

✓ Đặc tính.

Trong cách giải thích này gọi là Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái.

Do hiểu sai về Tự Ngã, từ đây chấp cái Thấy, Biết đó là xác thực nên gọi là Ngã Kiến.

Do chấp có Tự Ngã rồi có vọng Tưởng Tự Tôn nên có Ngã Mạn.

Không những vọng tưởng tự tôn quá lớn, mà còn yêu mến tự ngã này nên gọi là Ngã Ái.

Hoạt động của tất cả chúng sanh lấy Tự Ngã làm trung tâm. Đây chính là một loại đặc tính phiền não nội tại và sẽ khai triển tiếp theo.

- ***Trong kinh A Hàm, thường thấy phân loại, liệt kê như sau: Kiến, Ái, Mạn, Vô Minh.***

✓ Sai lầm chủ yếu của loài người là hai phiền não: Kiến, Ái.

Sai lầm của Nhận Thức gọi là Kiến; ở đây chỉ cần lãnh hội kiên định, chính xác thì cải chánh, sửa sai được.

Sai lầm của Hành Động gọi là Ái; ở đây chỉ dựa vào kiến giải chính xác mọi hành vi của cuộc sống, lúc nào cũng quán chiếu, luyện tập không thôi thì mới sửa đổi chánh xác được. Cho nên có câu nói rằng: 知之匪艱，行之惟艱 tri chi phi gian, Hành chi duy gian: Biết chẳng phải khó, làm mới thật khó.

✓ Sau khi chứng quả Thánh, mạn và vô minh vẫn còn sót lại.

- Phiền não mạn.

Từ phàm phu đến lúc chứng thánh, đã dứt trừ được một phần phiền não, nhưng chưa rốt ráo, gọi là Dư Mạn Vị Tận: Phiền não Mạn còn sót chưa hết. Mạn là Ngã Hoặc Vi Tế và do đây, phát sanh trung tâm hoạt động của Tự Ngã. Nếu dứt hết hoàn toàn thì đi đến được Giải Thoát.

- **Tập khí của A La Hán và Vô Minh.**

Tuy nhiên, tập khí của bậc A La Hán vẫn chưa hoàn toàn thanh tịnh. Tập khí chính là Vô Minh Vi Tế Nhất, là Bất Nhiễm Ô Vô Tri. Nếu tập khí này dứt hết thì đây là Thanh Tịnh hoàn toàn rốt ráo.

Nếu lấy vô minh làm chủ thì tất cả Kiến, Ái, Mạn... là phiền não.

Si là Vô Minh, là tổng tướng của tất cả phiền não. Từ đây có sự phân biệt.

Thuộc sai lầm của sự hiểu biết thì gọi là Kiến.

Thuộc sai lầm của tình cảm gọi là Ái.

Thuộc sai lầm của ý chí thì gọi là Mạn.

Tất cả phiền não không ngoài những thứ này.

- **Chọn ra phiền não căn bản nào nhất của Sanh Tử.**

- **Vô Minh và Ái.**

Mỗi phiền não đều có hai công Năng: Phát Nghiệp và Nhuận Sanh, cũng là lực lượng Tập Khởi Sanh Tử. Nhưng phiền não căn bản nhất là phiền não gì?

- ***Tứ Đế cho Ái là chính; các kinh, luận khác cho Vô Minh là chính.***

Trong Tứ Đế nói rõ cho Ái là chính; bởi vì Ái là đấng nhiệm và căn bản phát sanh Khổ.

Các kinh, luận khác đều nói: Vô Minh là chính; thấy có Ngã, Ngã là căn bản.

- ***Từ ví dụ trên, nói rõ: Vô Minh là căn bản của Sanh, Tử.***

Đây có thể nêu lên một ví dụ: Nếu người bị rơi vào bụi mây gai um tùm, mắt bị che kín, làm thế nào cũng chẳng thoát ra được. Mắt bị che kín, ví như Vô Minh; sự chướng ngại của bụi mây gai, ví như Ái. Vì vậy trong kinh cũng nói Vô Minh và Ái là cha, mẹ (nhân) của Sanh, Tử.

Nhưng thân rơi vào trong bụi mây gai um tùm như vậy; muốn thoát ra ngoài; việc đầu tiên phải làm là giải quyết đôi mắt bị che kín ấy; cho nên, phải thấu đáo là Vô Minh là Căn Bản của Sanh, Tử, để Giải thoát Sanh Tử, chủ yếu là Lực Lượng của Trí Tuệ.

○ **Luận nói: Vô Minh là căn Bản của Sanh Tử.**

▪ ***Vô Minh là thấy có Ngã, Ngã Sở.***

Vô Minh không phải là cái gì cũng đều không biết mà, ngược lại là cái biết ấy đầy rẫy sai lầm, mê muội.

Trong ấy chủ yếu là không biết không có Ngã, Ngã Sở nên chấp có Tự Ngã, nên chấp có tất cả Ngã Sở. Cho nên Vô Minh chính là “*Ngu si đối với Vô Ngã*”. Từ chấp kiến mà nói: Đó là cái thấy có Ngã, Ngã Sở.

▪ ***Do Ngã Kiến mà phát khởi Mạn, Ái rồi tạo ra Nghiệp quả sai lầm.***

Ngã có nghĩa là Chủ Tể; Chủ là chính mình làm chủ; Tể là chi phối người khác.

Cho nên, Ngã Kiến và Ngã Sở Kiến lấy Tự Ngã làm Trung Tâm mà sai khiến tất cả những gì thuộc Ngã như : Ngã sở hữu; Ngã sở tri; Ngã sở chi phối; tất cả ý muốn, cho đến quyết định của chính ta nhưng đó chỉ là tưởng tượng.

Chúng sanh dù vô tình hay cố ý thì, chắc chắn, những toan tính kiểu này làm thành tất cả hoạt động. Đây là lấy Tự Ngã làm trung tâm để thống nhiếp tất cả (đương nhiên, chính là kẻ độc tài, ngay cả, Thượng Đế nội tại của Phương Tây đều sẽ không thành công hoàn toàn), giống như keo như sơn đục đầu dính đó và làm đơ bản tất cả. Đây, quả thực, là một Lục Hướng Tâm lớn mạnh đã từng ngưng tụ đến giờ.

Hoạt động như thế sẽ trở thành Lục Lượng (Nghệp) để rồi chiêu cảm Sanh, Tử và tạo ra một lực lượng thuộc tự thể của mỗi chúng sanh.

- ***Lấy Ngã Kiến, Ngã Sở Kiến làm gốc khiến cho Sanh, Tử tương tục không ngừng.***

Tự thể của chúng sanh vốn không phải là Tự Thể độc tồn và bất biến như ngoại đạo nói về Thần Ngã, Linh Tánh mà chỉ là sự hoạt động tổng hòa của Thân, Tâm (năm Uẩn, sáu

xứ, sáu giới). Do cứ Chấp Thủ cái Ta, cái Thấy Biết của Ta mới sanh ra ngộ nhận về Tự Ngã là thường hằng, tự tại. Do Duyên có từ Ngã, Ngã Sở Kiến tạo thành lực Hướng Tâm, rồi ngưng tụ thành một Tự Thể riêng. Đây là cái từ nghiệp lực chiêu cảm. Nhưng nghiệp lực có tính chất hữu hạn, cục bộ, cho nên trải qua thời gian ít, nhiều (một lần thọ mạng), thì nghiệp hết rồi chết đi (cũng có nguyên nhân: hết phước, chết bất ngờ).

Kinh tạp A Hàm nói:

壽 暖 及 與 識, Thọ noãn cập dĩ thức,
 捨 身 時 俱 捨, Xả thân thời câu xả,
 彼 身 棄 塚 間, Bĩ thân khí trũng gian,
 無 心 如 木 石. Vô tâm như mộc thạch.

Thọ mạng và hơi ấm đi cùng nhau với Thức,
 Khi bỏ Thân đều bỏ hết,
 Thân ấy vứt xuống huyệt,
 Không Tâm như gỗ, đá.

Nhưng Ngã, Sở Kiến là Góc của Phiền Não, còn phải phát huy lực ngưng tụ tổng quát của nó; đây mới là phát sanh một quan hệ Nghiệp riêng để mở ra một Sanh mạng mới. Đây chính là cách Sanh Tử, Tử Sanh của chúng sanh và tiếp nối

không ngừng mãi mãi không thôi, thành một dòng sanh tử trôi chảy mênh mang, bất tận.

Nói theo chiều dọc Duyên Khởi.

Tương sanh trước và sau.

苦集相鉤纏, *Khổ, Tập tương câu triền,*
 死生從緣起, *Tử sanh từ Duyên Khởi,*
 佛說十二支, *Phật thuyết thập nhị chi,*
 如城如果樹. *Như thành như quả thọ.*

Khổ, Tập trói buộc nhau, Tử, sanh từ Duyên Khởi,
Phật nói: mười hai chi, Như tường thành, trái cây.

• Nói rõ về tương sanh giữa Duyên Khởi và Tập, Khổ.

Khổ đế, Tập đế trong Tứ Đế đã nói rõ rồi. giờ nói về Pháp môn Duyên Khởi. Duyên Khởi chính là tương sanh giữa Tập và Khổ nói theo hướng thời gian.

○ Từ khổ, Tập lần lượt làm Nhân, Quả lẫn nhau để sáng tỏ Tử, Sanh, do Duyên Khởi.

Nên biết không chỉ do Tập mà sanh Khổ; Khổ cũng có thể khởi sanh Tập; như chúng sanh, sau khi chiêu cảm, dẫn đến quả báo khổ của cuộc đời. Dựa vào quả khổ Thân Tâm từ Nghiệp cảm này, còn có hoạt động của phiền não và Nghiệp. Nguyên do Khổ và Tập luôn cấu kết nhau, luôn trói buộc

nhau cũng do Nhân, Quả xoay vần. Việc này đã sáng tỏ nên đối với Sanh, Tử từ Duyên mà phát khởi thì đã thấu triệt chỗ then chốt ấy rồi.

○ **Từ Duyên Khởi nói Sanh, Tử từ Vô Thi.**

▪ ***Nói Duyên Khởi dựa vào Nhân, Quả trước sau.***

Cần biết ý nghĩa chính của Duyên Khởi, ấy là:

Tất cả tồn tại đều từ Nhân Duyên mà phát khởi. Nhân Duyên này cũng từ Nhân Duyên mà sanh ra.

Vì vậy, sự tồn tại của mỗi sự vật, nếu nhìn từ quá khứ, đều từ Nhân Duyên mà có. Đây chính là Quả; nếu nhìn từ vị lai, cũng có ảnh hưởng Lực Lượng của vị lai, cho nên, đây cũng là Nhân. Ấy là thuyết Nhân, Quả dựa theo thời gian trước, sau.

▪ ***Phê bình thuyết sáng tạo của Thần Giáo.***

Căn cứ kiến giải này, thuyết sáng tạo của Thần giáo hoàn toàn không có khả năng. Nhân là tất cả do Thần sanh khởi, nhưng Thần lại không từ Nhân mà có. Đây là loại Nhân mà người Sáng Tạo không từ Nhân mà Có (Thần, tác giả). Đó là điều trái lại với hiện thực nên chỉ là sản phẩm của ảo tưởng.

▪ ***Phật nói: Sanh, Tử vô thi là từ trong Chánh Kiến về Duyên Khởi phát hiện ra.***

Nguyên nhân, Phật nói Sanh, Tử Vô Thi. Dựa vào khổ và Tập mà nói: Khổ từ Tập Sanh nhưng Tập lại từ Khổ khởi lên; cứ thế xoay vần không thôi. Giống như từ một giờ đến mười hai giờ, rồi từ mười hai giờ đến một giờ, không thể nói: trước tiên, bắt đầu từ đâu. Vô thi sanh, tử không ngừng, chính là từ trong chánh kiến về Duyên Khởi phát hiện ra.

- **Chủng loại của Duyên Khởi.**

- **Duyên Khởi theo căn cơ không giống nhau nên có rộng, hẹp.**

Phật nói Duyên Khởi vì theo căn cơ nên không giống nhau, cho nên, chỉ dạy cũng không giống nhau.

Thuyết mười hai chi là thuyết khá hoàn chỉnh, đã trở thành thuyết điển hình về Duyên Khởi của Phật giáo. Như nói Tập và Khổ cũng là Duyên Khởi.

- **Có bốn cách tổ hợp về các chi của Duyên Khởi.**

- ***Hẹp có ba chi, rộng có mười hai chi.***

Hoặc nói ba chi: Phiền não, Nghiệp, Khổ. Từ phiền não mà khởi lên Nghiệp, tự Nghiệp cảm quả Khổ. Hay dựa vào quả Khổ rồi phát sanh phiền não.

Hoặc nói năm chi, thường thấy trong kinh A Hàm. Đó là: Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Bệnh Tử.

Hoặc nói mười chi: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh, Lão Bệnh Tử.

Hoặc nói mười hai chi là Vô Minh duyên Hành, hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Xứ..., Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Bệnh Tử.

- ***Xem phương pháp thuyết mười hai phần vị Duyên Khởi.***

Phần Duyên Khởi của cổ nhân đã làm sáng tỏ thêm quá trình Sanh, Tử tương tục không ngừng.

Mười hai chi là mười hai phần. Trong quá trình Sanh , Tử bất tận của chúng sanh, quán sát quy luật Nhân Quả tương sanh trước sau rồi chia ra mười hai, cổ nhân gọi đây là Phần Vị Duyên Khởi rất có ý nghĩa. Cũng chỉ quan sát như thế mới có thể sáng tỏ thêm quá trình tiếp nối không dừng của Sanh Tử.

- **Nói mười hai Duyên Khởi bằng ví dụ.**

Phật nói mười hai Duyên Khởi có vô số ví dụ

- ***Ví dụ là tường thành.***

Hoặc nói như tường thành; chúng sanh ở trong quan hệ Nhân, Quả của mười hai Duyên Khởi, giống như trong bốn bức tường thành bao quanh, không có một cửa thoát ra, lại

còn có lính tuần canh giữ, cho nên, có vượt qua cửa cũng không thể ra được.

Chúng sanh ở trong sanh, tử; tuy có thể giải thoát được chón này từ đây, nhưng bị phiền não làm mê mờ, vậy khôn nên không phá nổi mắt xích của sợi dây Duyên Khởi để giải thoát được.

▪ ***Dụ như trái cây.***

Lại nói giống như trái cây: Từ hạt giống nảy mầm, sanh cành là, nở hoa, kết trái; trái lại trở thành hạt giống, rồi lại nảy mầm, sanh lá...Tuy quả và hạt trước không phải quả và hạt sau nhưng lại có quan hệ mật thiết nhân, quả với nhau. Hạt quả tương sanh, liên tục mãi về sau; có thể lấy đây là ví dụ Duyên Khởi Sanh Tử Tương Tục, thật là gần gũi và dễ hiểu.

Lịch Trình Sanh Tử

無明之所覆, *Vô Minh chi sở phủ,*

愛結之所繫, *Ái Kết chi sở hệ,*

有識身相續, *Hữu, Thức, Thân tương tục,*

相續而不已. *Tương tục nhi bất dĩ.*

Bị Vô Minh che khuất, Rồi yêu thương buộc ràng.

Thức, thân có liên tục, Mãi mãi không dừng đâu.

• **Hệ thống Duyên Khởi ba Chi.**

Nói về các Chi của Duyên Khởi, phần nhiều cho là bắt đầu từ Chi THỨC, cho nên kinh nói: *“Khi ta suy tư như vậy đều từ THỨC mà trở đi, không thể vượt qua nó; vì duyên Thức mà còn có Danh Sắc, duyên Sanh Sắc mà có Lục Nhập Xứ, duyên Lục Nhập Xứ mà có Xúc, duyên Xúc mà có Thọ, duyên Thọ mà có Ái, duyên Ái mà có Thủ, duyên Thủ mà có Hữu, duyên Hữu mà có Sanh, duyên Sanh mà có Lão, Bệnh, Tử, Ưu, Bi, Khổ, Nã. Thuận là một Tập Hợp Lớn của Khổ Đau như thế”* (kinh Tạp A Hàm, q12). Tóm lại, đó là:

齊識而還，不能過彼：Tê thức nhi hoàn, bất năng quá bỉ: Từ Thức trở đi, không thể vượt qua nó.

Trước chi Thức còn có hai chi Vô Minh và Hành thêm vào nên thành mười hai chi.

Ở trong kinh A Hàm, còn nói 無明覆，愛結束繫，得此識身：Vô Minh phú, Ái kết thúc hệ, Đắc thủ thức Thân: Vì Vô Minh che khuất, Ái ràng buộc mới có được thức thân này.

Ba chi: Vô Minh, Ái (Hành), Thức có thể xem là hoàn chỉnh, độc lập của thuyết Duyên Khởi. Đến khi kết hợp các

chi sau chi Thức, mới thành mười hai chi. Bây giờ, trước xin nói ý nghĩa của ba chi tự hình thành hệ thống.

- **Nói rõ nội hàm của ba chi Duyên Khởi.**

- **Vô Minh, Ái Kết, Hữu Thức Thân.**

Vô Minh: che khuất. Ái Kết: buộc ràng, ở trên đã cùng ví dụ nói rõ. Sanh, Tử trôi lăn giống như bị rơi vào trong bụi mây gai nhọn, mắt bị che kín không thấy được gì, không thể thoát ra.

- **Vô Minh.**

Là cái biết mà mê lầm, thác loạn, cho nên, nó giống như tấm vải che kính tầm mắt.

Kinh nói: *“Khi chân tâm sanh, nó hay gây chướng ngại, cùng với Hành phân biệt nhiều loại, gọi là Bất Cộng Vô Minh”*.

Vô Minh đối lập với Trí Huệ thấu đạt chân nghĩa, nó có tác dụng che khuất, chướng ngại Trí Huệ.

- **Ái Kết.**

Tác dụng của Ái là ô nhiễm, là vướng mắc, khiến cho con người bị cột chặt trong sanh, tử, cho nên, ví dụ như cái nút.

- **Vì Vô Minh và Ái Kết mà có Hữu Thức Thân.**

Từ phiền não mà nói:

Vô Minh là thuộc về Hiểu Biết (tri), là sự hiểu biết thác loạn, sai trái, đảo điên. Ái thuộc tình cảm, là hành vi vương mắc ô nhiễm. Đã có hai Nhân Duyên lớn này, chúng sanh sẽ chiêu cảm đến cái quả của Thức Thân (hữu Thức Thân). Tự thể của chúng sanh lưu chuyển trong sanh, tử không ngừng. Đây cũng xuất phát từ cha là Vô Minh, mẹ là Tham Ái. Cả hai hòa hợp sanh ra ý nghĩa Sống, Chết của chúng sanh.

Đại thể kinh cũng nói: 諸業愛無明; 因積他世陰唯有一大乘, 清涼八正道: Chư nghiệp Ái, Vô Minh; Nhân tích tha thế Âm; Duy hữu nhất Đại Thừa, Thanh lương Bát Chánh Đạo: Các nghiệp Ái và Vô Minh; là Nhân chứa nhóm thân đời sau; Chỉ có Đại Thừa, Nhờ Bát Chánh Đạo làm trong sạch.

- ***Ba Duyên Khởi là điều kiện chủ yếu của Sanh Tử lưu chuyển.***

Có được Thức Thân là có Kết Sanh liên tiếp của Thủ Thức, là có sự bắt đầu một Sanh Mạng Mới. Như thế Vô Minh, Ái, Thức Thân từ xưa đến nay, từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến vị lai một mạch như thế không ngừng, liên tục không đứt đoạn.

○ **Nói rõ ba chi: Vô Minh, Hành, Thức trong Duyên Khởi.**

▪ **Từ Thức đến Vô Minh; đây là Quả đến Nhân.**

✓ Tương thông giữa ba việc và ba chi Duyên Khởi.

Thông thường, trong mười hai chi Duyên Khởi, chi thứ hai là HÀNH. Hành là tên khác của NGHIỆP.

Hành và Hành Nghiệp không khác nhau, chỉ tương ứng với Ái, là hành vi được Tư Tâm Sở phát động. Vì vậy, nói ba việc: Vô Minh, Ái, Thức với Vô Minh, Hành, Thức trong mười hai chi có mối tương thông.

✓ Quan hệ Nhân, Quả của ba chi.

- Chi thức là bắt đầu của đời sống hiện tại.

Nếu từ lập trường mười hai chi mà nói: Thức là bắt đầu của đời sống hiện tại này. Dựa vào con người mà nói, đó là lúc sự kết hợp của tinh cha, huyết mẹ, có sự hiện khởi trong một sát na của Thức. Nhờ vậy, kết thành sự sống mới có tác dụng của Tâm Thức.

- Chi Thức từ Hành Nghiệp mà đến.

Như vậy, có sự sống mới là có Thức Kết Sanh; từ đâu Thức này đến? Thức này do dẫn dắt từ Nghiệp Chủng của đời trước đến. Nghiệp là chi Hành. Trong giây phút cái chết cuối

cùng của đời trước xảy đến, tuy Thân, Tâm băng hoại, nhưng năng lực của Nghiệp đã tạo ra trước đó, hoàn toàn không tiêu mất; cho đến khi Nhân Duyên hòa hợp, sẽ theo Nghiệp Lực Thiện, Ác không giống nhau mà thể nhận được quả báo hoặc Khổ hoặc Vui, trở thành một cá thể mới, một đời sống mới.

- Hành nghiệp bị Vô Minh dẫn dắt.

Quả chiêu cảm của Hành Nghiệp thì không lìa xa Phát Nghiệp và Nhuận Sanh của Phiền Não. Vô Minh chính là Phiền Não, là tên chung của phiền não của sự nhiếp phục, dẫn dắt là Ngã, Ngã Sở Kiến.

▪ ***Từ Vô Minh đến Thức, là lịch trình Sanh Tử từ Nhân đến Quả chiêu cảm.***

Như vậy, từ phiền não Vô Minh của đời quá khứ mà có Nghiệp (Hành) của đời quá khứ; từ Vô Minh và Nghiệp Hành của đời quá khứ, mới có bắt đầu Sanh Mạng (Thức) của đời hiện tại. Từ Vô Minh mà có Hành mà, có Thức là nói rõ lịch trình Sanh Tử từ quá khứ đến hiện tại.

Kết sanh tương tục.

緣識有名色, *Duyên Thức hữu Danh Sắc,*

從是有六處, *Tùng thị hữu Lục Xứ,*

根境相涉觸, *Căn, Cảnh tương thiệp Xúc,*

從觸生於受, *Tùng xúc sanh ư Thọ,*
 緣受起於愛, *Duyên Thọ khởi ư Ái,*
 愛增則名取, *Ái tăng tắc danh Thủ,*
 因是集後有, *Nhân thị tập Hậu, Hữu,*
 生老死相隨. *Sanh, Lão, Tử tương tùy.*

*Duyên Thức có Danh Sắc, Từ đây có Lục Xứ,
 Căn, Cảnh tiếp Xúc nhau, Ái tăng gọi là Thủ,
 Nhờ đây có Hậu Hữu, Sanh, Già, Chết không thôi.*

- **Nói rõ mười chi Duyên Khởi tiếp nối đời này.**
 - **Khởi đầu từ chi THỨC, nói rõ bắt đầu Kết Sanh Sanh Hữu tiếp nối:**

Chi Thức trong mười hai chi Duyên Khởi là khởi đầu của một thời kỳ sanh mạng. Có một số kinh điển nói về chi Thức. Đó là nguyên nhân, hoạt động hiện thực của Thân, Tâm bắt buộc phải tìm tòi, đi đến giai đoạn Kết Sanh tương tục của Thức, và đã đi đến trọng tâm của Thức Nghiệp Báo Sanh Tử. Đời sau, học giả Duy Thức lấy thức A Lại Da Di Thức làm trung tâm để nói rõ tất cả sanh tử tập nhiễm, có thể nói rất hợp với ý của Phật.

- **Thức và Danh Sắc, nói rõ quan hệ của sự duy trì sanh mạng.**

▪ *Duyên Thức có Danh Sắc.*

Duyên thức Kết Sanh này mới có sanh ra chi Danh Sắc.

▪ *Nội hàm của Danh Sắc.*

✓ Định nghĩa Danh, Sắc.

Danh là Tâm Lý; Sắc là Sinh Lý (vật lý).

✓ Quan hệ giữa thức và Danh Sắc rất mật thiết.

- Từ thức mà có Danh Sắc

Từ Kết Sanh Thức; Thân, Tâm mới bắt đầu phát triển.

- Thức và Danh nương tựa nhau tồn tại.

Kinh Tạp A Hàm, quyển mười hai nói: Không những nhờ Thức mà có Danh Sắc mà, cũng nhờ Danh Sắc mà có Thức.

Ý nghĩa này muốn nói rằng: Tất cả hoạt động của Thân, Tâm chúng ta đều dựa vào Thủ Thức (Duy Thức Học gọi là A Đà Na Thức) này mà tồn tại. Ngược lại, cũng nhờ vào sự hoạt động của Thân, Tâm mà Thủ Thức mới tồn tại được.

Tương tự người lãnh tụ mà không có khả năng tổ chức hoạt động của quần chúng; nếu không có quần chúng thì lãnh tụ cũng không tồn tại.

✓ Sự phân chia trong Duyên Khởi, Danh Sắc thuộc giai đoạn Nhục Đoàn (Tinh cha Huyết mẹ hòa hợp).

Trong mười hai Duyên Khởi, quan trọng nhất là **Thức**

Duyên Danh Sắc; nên giải thích Danh Sắc là sau khi Tinh cha, Huyết mẹ hòa hợp; là giai đoạn Nhục Đoàn.

Luận Tỳ Bà Sa nói: Danh Sắc là gì? Là đã Kết Sanh (tinh trùng của cha và trứng của mẹ vừa hòa hợp) mà Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi chưa có; giai đoạn này gọi là Yết Lạt Lam (Kalalam: Tụ nhiễm) đến Ngạch Bò Đàm (Arbudam: Bào) đến Bế Thi (Pezi: Huyết nhục) đến Kiện Nam (Ghanam: Kiên nhục) đến Bát La Xa Khư (Prazakha: Chi tiết); đó là Danh Sắc Vị.

○ **Đã nói rõ quá trình xúc cảnh ràng buộc Tâm của Sáu Xứ, Xúc, Thọ, Ái. Từ đây có sáu Xứ**

▪ ***Từ đây có sáu xứ***

✓ **Quá trình Danh Sắc sanh sáu xứ.**

Từ Danh Sắc này bước thêm một bước thì phát sanh sáu xứ khác nhau: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.

✓ **Địa vị của sáu xứ.**

Đã đi đến giai đoạn hình thành thân thể con người

▪ ***Căn, cảnh tiếp xúc nhau.***

✓ **Vị trí và định nghĩa của Xúc.**

Trong thai, tuy có các căn: Mắt, Tai... nhưng chưa thể Thấy Sắc, Nghe Tiếng... Đến khi ra khỏi thai; từ đây, sáu căn mới bắt đầu hoạt động, giao tiếp với sáu trần cảnh. Căn, Cảnh

tiếp xúc nhau rồi khởi lên một loại nhận thức gọi là Xúc.

✓ Xúc là bắt đầu của Nhận Thức. Đối Cảnh có ba loại Xúc.

Ba thứ Căn, Cảnh, Thức nhờ tiếp xúc mà có Hòa Hợp, cũng có thể nói nhờ sự hòa hợp của ba thứ này mà có Xúc. Bắt đầu Nhận Thức thì mối quan hệ trọng yếu ngay lúc Xúc đối với cảnh giới, trước hết là phản ứng phát sinh sự hợp ý hay không hợp ý hay chẳng hợp ý, chẳng phải chẳng hợp ý. Đây có thể gọi là Ý Xúc, không thể Ý Xúc, cả hai chẳng phải là Xúc (Yêu, Ghét, Trung Tính).

✓ Xúc là mấu chốt của Tri Kiến.

- Vô Minh tương ứng với Xúc tạo thành Sanh Tử, Luân hồi.

Rất là bất hạnh, nhận thức của chúng sanh không lìa xa sự che khuất của Vô Minh: “*Vô Minh tương ứng với Xúc*”. Vì vậy, sau khi Xúc đối với Cảnh thì dựa vào sự Chấp thủ của trung tâm Tụ Ngã; khởi lên vô vàn Tâm Lý phức tạp; tạo ra vô vàn hành vi Thiện, Ác; dẫn đến Sanh Tử, Luân Hồi không sao tránh khỏi.

- Minh tương ứng với Xúc có khả năng phá tan xiềng xích Sanh Tử.

Nguyên nhân Phật răn dạy đệ tử, cốt yếu là “*Giữ gìn các Căn*”. Khi Căn, Cảnh gặp nhau, nếu có Trí huệ quán chiếu thì

gọi là “*Minh Tương Ứng với Xúc*”. Từ đó có thể thấu triệt, phá toang xiềng xích của mười hai Duyên Khởi.

▪ ***Từ Xúc sanh ra Thọ.***

✓ Từ Xúc khởi lên ba thọ.

Từ Xúc vừa ý, không vừa ý, tiếp theo sẽ sanh ra Thọ.

Thọ vừa ý thì sanh khởi vui, mừng. Thọ không vừa ý thì sanh buồn, khổ. Thọ không vừa ý, cũng chẳng phải không vừa ý (Trung Tính) thì sẽ sanh Xả Thọ.

✓ Thọ là mấu chốt của Tình Cảm.

Nếu hiện tiền có Chánh Niệm thì không khởi lên chấp trước (dính mắc); thì không bị rối loạn, sai lầm khổ vui bởi Tình Cảm; thì làm sao có nguy hiểm được.

▪ ***Duyên Thọ khởi lên Ái.***

✓ Từ Thọ sanh yêu chính mình, yêu cảnh giới.

Không có Chánh Niệm, Chánh Tri thì đều dựa vào duyên này mà nếm trải mùi vị Khổ, Vui; đắm chìm trong yêu thương càng sâu nặng: yêu thương chính mình, yêu thương cảnh giới.

✓ Ái sanh khởi, đối với sanh tử, không có cách nào tự thoát ra.

Lúc này, đã không còn tư thế chủ động đối với sinh mạng và trần thế, ngã hẳn về luyện ái, không còn làm chủ được nữa. Từ đây về sau, càng lún sâu vào đó, không cách nào thoát ra được.

Trên từ Kết Sanh Thức, nói rõ quá trình phát triển của Thân, Tâm rồi đưa đến tình huống hoạt động của nội tâm khi đối Cảnh.

Xúc là Nhận Thức. Thọ là Tình Cảm. Ái trở về sau là Ý Chí.

Bổ sung.

Đạo sư Ấn Thuận, trong sách Duy Thức Học Thám Nguyên, có nói:

Dựa vào Thai Sanh học thì cơ sở là Xúc Cảnh liên quan đến Tâm và dựa vào Nhận Thức Luận thì cơ sở là Xúc Cảnh liên quan đến Tâm, thì:

Thức đi vào Thai không có liên quan gì với sáu Thức. Nói sáu Thức là chỉ nhận thức phân biệt của Thức đối với sáu Trần.

Xúc là mở đầu cho nhận thức, chính là Cảm Giác, phát sanh cảm giác cần dựa vào sự hoạt động của cơ cấu cảm giác, cho nên, Xúc lấy Lục Nhập làm Duyên. Tuy nhiên, sự tồn tại

của Lục Nhập hoàn toàn không phải nhờ Nhận Thức sanh khởi mà có, nhưng lục nhập thì chúng ta không thể biết nhiều về Hiện Lương mà chính là dựa vào Danh Sắc của khách quan phản ánh rồi dẫn đến tác dụng của Nhận Thức, mới có thể biết được Tỷ lượng; cho nên, Lục Nhập lấy Danh Sắc làm Duyên. Danh Sắc là sở nhận thức không thể tách rời sáu thức năng nhận thức mà biết được sự tồn tại của nó. Tất cả sở nhận thức của chúng ta, không trải qua nhận thức mà, biết được hình tướng của nó.

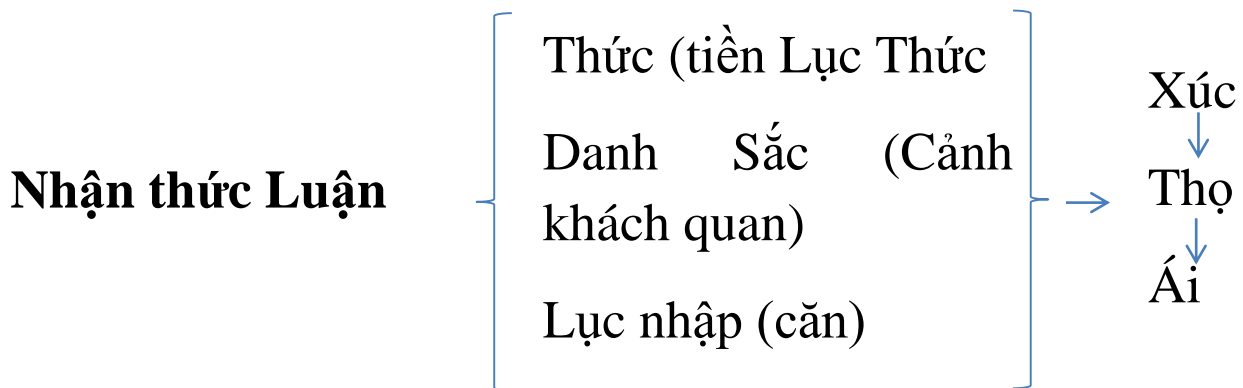
Nói vắn tắt: Là chủ quan nhận thức thì sự tồn tại của khách quan vô ý nghĩa. Nhờ đây, Danh Sắc chính dựa vào Thức làm Duyên. Dựa vào kiến thức của Nhận Thức Luận, lần lượt nói rõ: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc; bị ràng buộc bởi hình thức nên ý nghĩa không rõ ràng. Nếu dựa vào kiến giải của nhận thức luận Phật giáo rồi quan sát, so sánh một cách tự do thì có thể nói Chi Thức là Thức, Chi Danh Sắc là Cảnh, Chi Lục Nhập là Căn; do sự hòa hợp của ba cái này liền sanh ra Xúc. Từ Chi Xúc về trước thành lập ba Chi: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập; không ra ngoài điều kiện cấu thành nhận thức.

Tâm bị ràng buộc khi tiếp xúc Cảnh.

Nhập thai luận:

Thức (nhập thai Thức) ↔ Danh (Nương vào nhau tồn tại)

Sắc → Lục Nhập → Xúc → Thọ → Ái (Tâm bị ràng buộc thì tiếp xúc Cảnh)



○ Nói rõ quá trình trôi nổi vì đuổi theo Vật: Thủ, Hữu, Sanh, Lão Tử.

▪ Ái, Tăng thì gọi là Thủ.

Trong tâm đã có Ái nhiễm, Tâm Ái lớn mạnh, phát triển thì gọi là Thủ.

✓ Thủ có bốn loại:

Chấp thủ chính mình gọi là Ngã Ngữ Thủ.

Hầu hết tìm tòi năm Dục gọi là Dục Thủ.

Các nhà Tôn giáo và Triết học không những ôm chặc Kiến Giải với vô số sai lầm, gọi là Kiến Thủ, mà còn ôm chặc Giới Điều, Khổ Hạnh vô nghĩa, gọi là Giới Cẩm Thủ.

✓ Từ yêu thương (ái nhiễm) đến bị buộc chặt tạo thành kết cục khổ nạn.

Đây là từ ái nhiệm sanh mạng và trần đời, đi đến ôm chặt tư tưởng hoặc Hành Vi, tạo thành kết cục tất cả Khổ Nạn ở thế gian.

▪ ***Do đó làm nhân cho Hậu Hữu.***

✓ Do Hoặc mà có Nghiệp chủng Hữu, là Chi Hữu

Ái và Thủ, đúng là tất cả hoạt động của Hữu đều dựa vào phiền não. Nhờ hoạt động của phiền não này mà khởi lên, tập thành nghiệp chủng của Hậu Hữu; trong mười hai Nhân Duyên gọi là chi Hữu.

✓ Định nghĩa chi Hữu.

- Hữu là tự thể sanh mạng trong ba cõi.

Hữu có ba: Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu; chính là mạng sống cả mỗi chúng sanh ở trong ba cõi.

- Chi Hữu là Nghiệp Lực, là sanh mạng tiềm tại ở đời sau.

Những gì đã nói đây không những là hiện thực sinh mạng tồn tại (Hữu), mà còn là Nghiệp Lực phát sinh sinh mạng đời sau, cũng có thể nói là sinh mạng tiềm tại ở vị lai.

▪ ***Sự tùy thuộc lẫn nhau giữa Sanh và Lão Tử.***

✓ Chi Sanh.

Hữu đã ở đây, thế thì sau Sanh Tử hiện tại, thức vị lai lại sẽ kết hợp thành Sinh.

✓ Chi Lão Tử.

Đã sanh rồi thì không thể không Già, không Chết. Sanh, Lão, Tử cứ tiếp nối như vậy; nói đơn giản là Sanh, Tử mãi mãi tiếp nối về sau.

• **Mười hai Duyên Khởi là toàn thể lịch trình của Sanh, Tử liên tục trong ba đời.**

○ **Mười hai chi có thể chia hai lớp Nhân Quả trong ba đời.**

Nhân quá khứ: Vô Minh, Hành sanh ra.

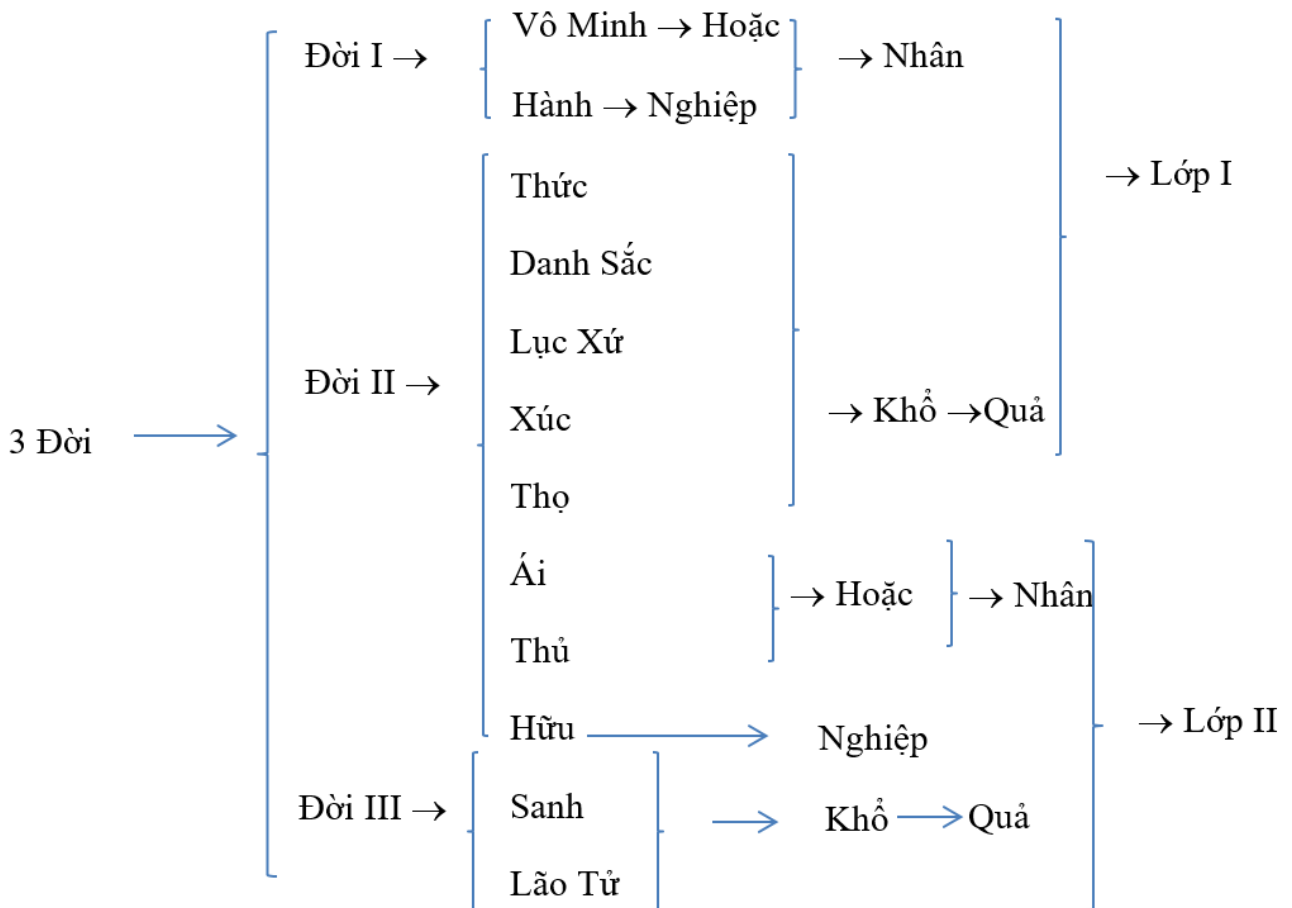
Quả hiện tại: Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ.

Nhân hiện tại: Ái, Thủ, Hữu sanh ra.

Quả vị lai: Sanh, Lão Tử

○ **Tóm lại.**

Hơn nữa, trở về trước có đời trước nữa, trở về đời sau có đời sau nữa (nếu không thoát khỏi Sanh Tử). Nói rõ Nhân Quả tiếp nối ba đời, chính là toàn thể lịch trình tiếp nối vô hạn của Sanh Tử.



Nội dung các chi của mười hai Duyên Khởi.

1. Vô Minh: Cái biết sai lầm, thác loạn; cho đó là Ngã, Ngã Sở kiến và là tên chung của phiền não.

2. Hành: Hành vi phát động tương ứng với Ái với Tư Tâm Sở. Là Hành Nghiệp.

3. Thức: Nhập Thai Thức hay Kết Sanh Thức bắt đầu đời sống hiện tại. Là hữu Thủ Thức.

4. Danh Sắc: Sau khi Tinh cha Trứng của mẹ hòa hợp, còn là hình thù viên thệ. Giai đoạn này đã có Thân, Ý.

5. Lục Nhập (xứ): Thêm vào Thân Ý, trong thai mẹ, đã phát sanh: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi. Là giai đoạn hình thành thân

thể bề ngoài của con người.

6.Xúc: Sau khi ra khỏi thai mẹ, lúc Căn, Cảnh gặp nhau thì khởi lên Nhận Thức. Vô Minh tương Xúc; Minh cũng tương ứng Xúc.

7.Thọ: Xúc vừa ý khởi lên Thọ Thiện, Thọ Lạc. Xúc không vừa ý khởi lên Thọ Khổ, Thọ Ưu. Xúc chẳng phải cả hai khởi lên Xã Thọ.

8.Ái: Yêu chính mình, Yêu cảnh giới.

9.Thủ: Ngã ngữ thủ (chấp chặt chính mình); Dục thủ (tìm tòi năm dục); Kiến thủ (ôm chặt kiến giải); Giới cấm thủ (ôm chặt giới điều vô lý).

10. Hữu: Nghiệp lực có khả năng khởi lên Thân Sau (hậu hữu) và tiềm tại Sanh Mạng Vị Lai.

11. Sanh	} Nói tắt về Sanh, Tử tương tục ở vị lai.
12. Lão Tử	

b. Nhân quả Xuất Thế:

Diệt Đế

滅 應 滅 於 惑,

Diệt ưng diệt u Hoặc,

惑 滅 則 苦 滅,

Hoặc diệt tắc Khổ diệt,

解 脫 於 癡 愛,

Giải thoát u Si Ái,

現 證 寂 滅 樂.

Hiện chứng Tịch Diệt Lạc.

*Diệt phải diệt từ Hoặc, Hoặc diệt tức Khổ diệt,
Giải Thoát khỏi Si Ái, Chứng ngay Niết Bàn vui.*

- **Diệt đế**

Giờ nói về Diệt Đế

- **Diệt có Diệt Trừ và Tịch Diệt.**

Diệt trừ nguồn gốc của thống khổ, mới có thể giải thoát khổ Sanh, Tử, thực hiện Niết Bàn vắng lặng.

- **Diệt trừ phiền não.**

Từ diệt trừ mà nói: Chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi. Từ khổ sanh ra khổ, khổ ấy không dừng. Đó chính là đối tượng phải diệt trừ.

- ***Phật pháp không từ ngoại giới và sắc thân mà diệt trừ khổ đau sanh, tử.***

Như thế mới giải trừ được khổ đau sanh tử của chúng sanh; Phật pháp càng không xem nặng cải thiện ngoại giới.

Bởi vì cải thiện ngoại vật thì không giải quyết triệt để vấn đề; cũng không từ nỗ lực của sắc thân này, như điều tinh luyện khí của ngoại đạo để mong cầu trường sinh bất tử.

Bởi vì có sanh ắt có diệt, còn trường sanh, bất tử, chẳng qua là, điên đảo mộng tưởng của chúng sanh mà thôi.

- ***Phật pháp từ diệt trừ phiền não đi đến giải trừ khổ đau sanh tử.***

Tuy khổ báo là do chiêu cảm của Nghiệp Lực, nhưng vấn đề lại nằm ở Phiền não.

Đã có phiền não sẽ có phát sanh Nghiệp, Tái sanh. Nếu dứt hết phiền não thì bao nhiêu hạt giống Nghiệp sẽ khô cằn, không nảy mầm được nữa. Vì vậy, Phật khẳng định: Muốn diệt trừ cái khổ lớn Sanh Tử, cần phải diệt trừ Hoặc hay Phiền Não.

Nếu diệt hết Hoặc thì không tạo Nghiệp nữa; Nghiệp quá khứ cũng khô cằn, vô dụng, không thể nảy mầm. Như vậy, quả khổ Sanh Tử sẽ diệt trừ triệt để.

○ **Chứng Niết Bàn ngay bây giờ.**

- ***Căn bản của diệt trừ phiền não ví như chặt cây.***

Nói đến diệt trừ phiền não, đương nhiên cũng phải bắt đầu từ gốc rễ của phiền não, giống như chặt cây to. Nếu chỉ phạt cành, ngắt lá thì không thể đi đến mục đích.

Nếu chặt đứt rễ cây thì liền ngã cây ra lá rồi cuối cùng sẽ chết thôi.

- ***Kế tiếp diệt trừ phiền não Si Ái.***

✓ **Vô Minh và Ái làm trở ngại Trí huệ, Thật hành.**

Nói đến căn bản phiền não, chính là Ngu si, Vô Minh.

Chủ yếu của Vô minh là Mê Lầm đối với Vô ngã và còn đắm nhiễm, Tham Ái đối với Cảnh Giới. Một là trở ngại Trí Huệ, một làm trở ngại Thật hành.

✓ Trước đạo đến Vô Ngã, sau diệt trừ Ái Nhiễm.

Theo tu học Phật pháp mà nói: Trước phải thông đạt Vô Ngã, chứng đến Chân Trí Vô Ngã. Sau đó, trong thật hành mỗi ngày, không ngừng tiêu trừ Ái Nhiễm cho đến khi viên mãn. Tất cả những thứ này đều phải giải trừ hết.

Trong kinh hay nói: “*Ly tham dục giả, Tâm giải thoát. Ly vô minh giả, Huệ giải thoát*”: Là tham dục thì Tâm được giải thoát. Là Vô minh thì Huệ được giải thoát. Cho nên hiện giờ nói: 解脫於痴愛: Giải thoát ư Si, Ái: Giải thoát khổ đau bắt đầu từ Si, Ái.

▪ ***Si, Ái dứt hết thì chứng ngay Niết Bàn Vắng Lặng An Vui.***

✓ Nói chung.

Không kể Tri Kiến, không kể Hành Vi đều không bị ràng buộc bởi phiền não, mà còn trừ khử hết phiền não. Như thế mới không thể chứng ngay được an vui vắng lặng của Niết Bàn.

✓ Giải thích riêng.

Hiện chứng là thể nghiệm trực quan vô lậu, là chính mình lãnh hội được ngay bây giờ và tại đây, cũng là sự thân thiết.

Niết Bàn vắng lặng là sự thể nghiệm hiện thực, hoàn toàn không phải chờ đến sau khi chết mới thể nghiệm được. Đây là đặc sắc của Phật pháp. Phiền não ở trong Tâm diệt sạch, trực giác đến Thánh Cảnh tự tại, bình đẳng, bất động, không còn một chút chướng ngại; cho nên gọi là Vắng Lặng. Giống như từ trong nhà lửa, chạy thoát ra ngoài, cảm nhận được sự an toàn, mát mẻ vậy; cũng giống như từ trong trận đấu tranh não loạn với phiền não vừa thoát ra và được hưởng cảnh thanh bình, thoải mái. Trong kinh, luận thường lấy các Tịch, Tĩnh, Diệu, Ly để hình dung về Niết Bàn Tịch Diệt.

Các Vui xa lìa sự trói buộc.

Cái gọi là Vui (lạc) không phải cái cảm giác Vui có tính xung động mà là cái cảm giác Tự Tại có được, khi buông bỏ gánh nặng phiền não xuống. Ấy là cái vui xa lìa sự trói buộc.

Đạo Đệ.

能滅苦集者, *Năng diệt Khổ Tập giả,*

唯一乘道, *Duy hữu Nhất Thừa Đạo,*

三學八正道, *Tam học Bát Chánh Đạo,*

能入於涅槃. *Năng nhập ư Niết Bàn.*

*Tiêu diệt được Khổ Tập, Chỉ có Đạo Nhất Thừa.
Ba Học, Đường Tám Nhánh, Mới vào được Niết Bàn.*

- **Đạo đế.**

Tiêu trừ hết Nguyên Nhân của Đau Khổ (Tập), cái khổ của Sanh Tử cũng từ đây mà kết thúc và đến được Giải Thoát lớn Niết Bàn. Nhưng từ vô thủy đến nay, Khổ và Tập liên tiếp không ngừng; nếu không tu tập theo con đường (Đạo) đối trị thì sẽ không tự động kết thúc được.

Vì vậy, cần phải nói Đạo Đế. Đây là con đường thiết yếu cho đệ tử Phật tu học, giống như có bệnh thì phải mời thầy thuốc đến bốc thuốc, trị bệnh.

- **Con đường diệt khổ là Con Đường Nhất Thừa Ba Học, Tám Nhánh.**

- **Đạo Nhất Thừa là phương pháp duy nhất để ra khỏi sanh tử.**

Đạo diệt được Khổ Tập (nguyên nhân khổ) là cái gì?

Tuy căn tánh của chúng sanh không giống nhau: có thông minh, có ngu dốt; có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát; Phật cũng tùy theo căn cơ mà nói những pháp môn không giống nhau. Nhưng chỉ có một pháp môn chân chánh nhất ra khỏi

được sanh, tử; đó là Đạo Nhất Thừa, cũng gọi là Nhất Thừa, Nhất Đạo.

- ***Từ Thừa và Đạo này đến Pháp Môn và Phương Pháp kia.***

Thừa là đi xe, có thể chở người, vật đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Pháp môn Phật dạy, có thể khiến cho chúng sanh từ trong Sanh Tử đi đến Cảnh giới Giải Thoát; cho nên gọi Pháp Môn là Thừa (đi xe, chở bằng xe). Giống như vậy, Đạo là Đường Đi; từ chỗ này đến chỗ kia, bắt buộc phải đi qua con đường này; vì vậy, phương pháp Tu Tập cũng gọi là Đạo.

- ***Pháp Nhất Thừa tức là pháp đồng nhất Giải Thoát Sanh, Tử.***

Chúng ta biết rằng việc sống, chết của chúng sanh đồng dạng; căn nguyên của sống, chết thì đồng dạng với mê chấp. Thể tánh của Khổ và Tập (nguyên nhân của khổ) thì như nhau. Thế thì pháp môn xa lìa cái Khổ Sanh Tử này, bất đồng ở chỗ nào? Vì vậy trong kinh A Hàm, Phật từng xác định rõ ràng Pháp Nhất Thừa, cũng chính là “*Con đường Duy Nhất Ra Khỏi Sanh Tử, cùng lên bờ Giải Thoát*”.

- ***Ba Học là con đường ra khỏi Sanh Tử.***

Pháp Nhất Thừa ra khỏi Sanh Tử là Pháp Bất Nhị, theo sự chứng ngộ chân lý mà nói thì Không Hai Không Khác: “Cùng đi vào một Pháp Tánh”; theo pháp môn tu hành mà nói thì Đồng Dạng. Thích ứng với Căn Tánh bất đồng của chúng sanh nên Phật nói rất nhiều phương pháp khác nhau. Nhưng ngoại trừ phương tiện dẫn đạo, luận bàn thể tánh ra khỏi Sanh Tử của Đạo, thì hoàn toàn không khác nhau. Nói chung, không ra ngoài Ba Học. Học đây là Học Tập, không phải Học Vấn.

Ba Học nên gọi là Ba Tăng Thượng Học, chính là Tăng Thêm Giới Học, Tăng Thêm Tâm (Định) Học, Tăng Thêm Huệ Học.

Tăng Thượng (tăng thêm) là có Sức, với ý nghĩa làm chỗ dựa cho cái Nhân của Ba Học. Nhân là Ba Học có mối tương quan nương tựa lẫn nhau, là quá trình học tập, không thể thiếu sót, đối với người cầu Giải Thoát. Chắc chắn không có lý nào không Tu Giới mà có thể thành tựu Định, không Tu Định mà có thể thành tựu Huệ, không tu Huệ mà có thể được Giải Thoát.

○ **Bát Chánh Đạo là con đường ra khỏi Sanh Tử.**

Khi Phật nói rõ Đạo Đế, phân loại nội dung theo cách thông thường nhất; đó là Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo nên gọi là Bát Thánh Đạo Phần hay Bát Thánh Đạo Chi.

Đây là con đường chân chánh để thành Thánh, có tám thành phần không thể thiếu. Đó là: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

• **Ba việc đều là con đường dẫn đến Niết Bàn, Giải Thoát.**

○ **Bát Chánh Đạo chính là Tam Học.**

Chánh **Tri Kiến**, Chánh **Tư Duy** là **Huệ Học**.

Chánh **Ngữ**, Chánh **Nghiệp**, Chánh **Mạng** là **Giới Học**.

Chánh **Niệm**, Chánh **Định** là **Định Học**.

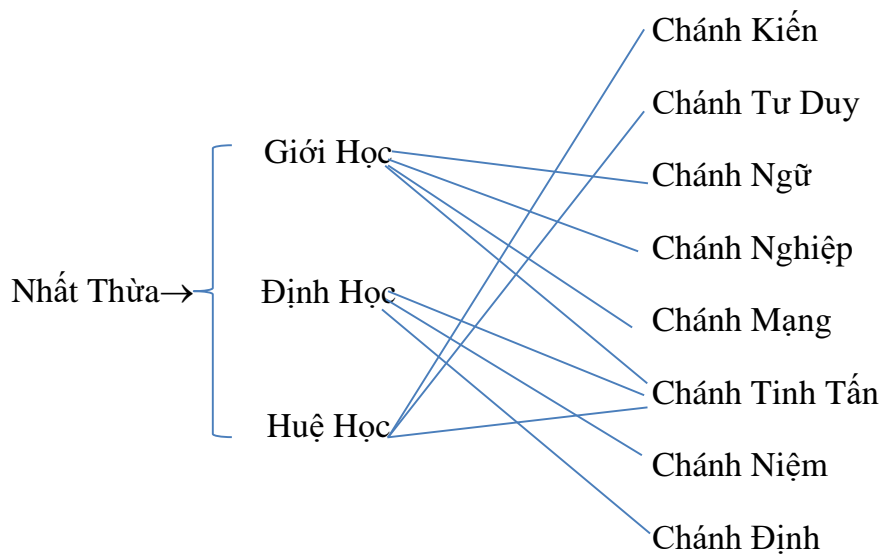
Còn Chánh **Tinh Tấn** thì có mặt khắp trong ba học ấy.

○ **Bát Chánh Đạo là Tam Học cũng là Nhất Thừa Đạo.**

Bát Chánh Đạo là Tam Học cũng là Nhất Thừa.

Phật, vì ông Tu Bạt Đà La, nói: Ngoại đạo không có Bát Chánh Đạo, cho nên, không có Thánh Quả, không có Giải Thoát. Trong pháp của Ta có Bát Chánh Đạo, cho nên, có Thánh Quả, có Giải Thoát. Như vậy, có thể thấy Bát Chánh Đạo là Pháp Môn Duy Nhất dẫn đến Niết Bàn. Trong kinh Lăng Già của Đại Thừa, cũng nói như thế: 唯 有 一 大 乘,

清涼八正道: Duy hữu nhất Đại Thừa, Thanh Lương
 Bát Chánh Đạo: Chỉ có một cỗ xe lớn là Tám Chánh Đạo
 Thanh Lương (Thanh Lương là Tam Muội cắt đứt mọi yêu,
 ghét).



4.2.2. Phương pháp thực hành.

4.2.2.1 Phẩm cảnh.

a. Ba Tầng Thượng Học

Giới tăng thượng học.

Nội hàm của thi la (giới).

初 增 上 尸 羅,	<i>Sơ tăng thượng Thi La,</i>
心 地 淨 增 上,	<i>Tâm địa tịnh tăng thượng,</i>
護 心 令 不 犯,	<i>Hộ tâm linh bất phạm,</i>
別 別 得 解 脫.	<i>Biệt biệt đắc giải thoát.</i>

Ban đầu tăng thượng Giới, Đền Tâm tăng thượng trong veo,
Giúp Tâm dùng vi phạm, Được Giải Thoát từng phần.

- **Trước nói Tam Học, trình bày lại Bát Chánh Đạo.**

Nói rõ ở trong Đạo Đế, sự liên hệ của Bát Chánh Đạo cực kỳ hoàn chỉnh. Song, bây giờ dựa vào Tam Học mà nói, khi nói đến Huệ Học là nói lại Bát Chánh Đạo để làm sáng tỏ tính nhất quán của đạo phẩm mà Phật đã nói.

- **Nói chung về Tăng Thượng Giới Học.**

- **Thi La:**

- *Thi La có nghĩa là yên ổn, mát mẻ.*

Trước nói về Tăng Thượng Thi La; Thi La là tiếng Phạn, dịch ý là Giới, có nghĩa là yên ổn, mát mẻ. Thông thường nghe nói đến Giới thì nghĩ đến Giới Điều, thực ra, đây là quy chế thành văn mà vì thời gian, hoàn cảnh, căn cơ đưa đến bất đồng; cốt yếu là Thật Chất của Giới. Tác dụng của Giới là Chỉ Ác, Hành Thiện: Ngừa Ác, Làm Lành. Dựa vào bốn ý của Phật: Quyết không chuyển đổi từ quy định của pháp chế thành điều lệ trói buộc mà, cốt yếu là đến từ sự thanh lọc của nội tâm.

- ✓ Nghĩa mát mẻ.

Khi nội tâm phiền não, loạn động, nếu không làm ác, thì đây chính là lúc nóng nảy, bực tức, ưu sầu, hối hận.

Nếu tâm giữ Giới thanh tịnh thì sẽ không hối hận; không hối hận thì sẽ được an lạc, cho nên, Giới có nghĩa là mát mẻ.

✓ Nghĩa thanh lọc.

Phiền não còn giống như mặt đất mọc đầy gai góc, chắc chắn ngũ cốc không sống được.

Giới làm cho tâm địa sạch trơn phiền não, giống như mặt đất nhổ bỏ cỏ dại; đây là cơ hội cho lúc công đức sinh sôi, phát triển.

▪ ***Do thâm nhẫn, lạc dục nên phát sanh tác dụng của Giới.***

✓ Từ thâm nhẫn, lạc dục mà có được tâm địa thanh tịnh.

Nhưng tâm địa làm thế nào mới được thanh tịnh? Đây chính là đức tin, là tâm Quy y Tam Bảo.

Từ trong thâm nhẫn (sự lãnh hội sâu sắc), lạc dục (lời thệ nguyện khẩn thiết) mà phát sinh đức tin Tam Bảo, đức tin Tứ Đế. Hiện tiền có tín tâm chân thật thì có được tâm địa thanh tịnh. Vì vậy nói Tín là “*Tánh của Tâm là trong veo, ... giống hạt châu làm trong nước, có thể biến nước đục thành nước trong*”.

✓ Từ tâm trong veo phát sinh công năng giúp đỡ tâm không phạm giới.

Từ trong đức thanh tịnh này phát sinh lực lượng chỉ Ác, hành Thiện. Đây chính là Giới Thể mà thông thường hay nói đến; cho nên nói đến Đắc Giới, bất luận là giới của Phật Tử nam, Phật tử nữ tại gia (thọ tám giới là Phật tử tại gia muốn thọ một phần giới của Phật tử xuất gia để tập tu); Sa di, Sa di ni, Thức xoa ma na giới (Sa di ni thọ một phần giới của Tỳ kheo ni để tập tu); giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; muốn Đắc Giới, tất cả những vị này, bắt đầu đều phải quy y Tam Bảo. Tự nguyện quy y, tự xưng tôi là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Sa Di... thì mới gọi là Đắc Giới.

Về sau, việc thọ giới Tỳ kheo, Tỳ kheo ni càng trịnh trọng hơn là phải bạch Tứ Yết Ma mới được Đắc Giới. Nhưng nếu không có tâm tịnh Tín, không bạch Tứ Yết Ma thì không Đắc được Giới.

Vì vậy, giới phải xuất phát từ tâm thanh tịnh với đức tin tha thiết, thế nguyện cũng phải từ tâm thanh tịnh mới phát sanh được Lực Tăng Thượng và Công Năng bảo hộ, giữ gìn tâm mình, khiến cho không phạm, không sai sót giới đã thọ nhận.

○ **Luật nghi.**

- ***Luật nghi là để ngừa Ác là chính.***

Giới cũng gọi là Luật Nghi

Tiếng Phạn là Tam Bạt La, nếu dịch thẳng là Đăng Hộ, dịch nghĩa là Luật Nghi; có tên gọi như thế là do công năng phòng hộ điều Ác, lỗi lầm.

▪ ***Ba loại Luật nghi (Vô biểu sắc).***

✓ Giải thích tên gọi.

Luật nghi có 3 loại:

- Nếu bằng Chân Trí hiện tiền, dùng Huệ mà xa lìa phiền não thì được Đạo Cộng Luật Nghi.
- Nếu bằng Định Tâm hiện tiền, dùng Định mà xa lìa phiền não thì được Định Cộng Luật Nghi.
- Nếu bằng Tịnh Tín Tam Bảo, Tứ Đế hiện tiền, nguyện tu học ở trong pháp Phật, làm đệ tử tại gia hay đệ tử xuất gia thì được Biệt Giải Thoát Luật Nghi.

✓ Chỗ giống, khác trong ba loại Luật Nghi.

- Từ sự thanh lọc, mát mẻ mà nói, pháp này đều là Giới. Trước hết, đối với giới điều, đây là bản chất của quy luật chế định.
- Biệt Giải Thoát Luật Nghi chỉ dành cho loài người.

Từ quy y, tịnh tín Tam Bảo, Tứ Đế mà có được Biệt Giải Thoát Luật Nghi thuộc về loài người hoặc là nam hoặc là nữ hoặc tại gia hoặc xuất gia hoặc thanh niên hoặc thiếu niên.

Do mối quan hệ xã hội, phương thức sinh hoạt, thể lực mạnh yếu không giống nhau, Đức Phật chế định giới đều cũng không giống nhau; như năm giới, tám giới, mười

giới...để cho người học ngừa Ác, làm Lành đối với hành vi Thân, Miệng có chỗ để nương theo. Vì vậy mà gọi là Ba La Đề Mộc Xoa với nghĩa Biệt Giải Thoát Giới. Đây chính là giữ được giới nào thì giải thoát lỗi lầm tương ứng thuộc phần ấy.

- **Đối với việc học giới thiên và Luật, mỗi bên sở đắc một khía cạnh.**

Thông thường trọng Giới Luật, nói chung là coi trọng quy chế; Phật nói sơ lược về Bản Chất của Giới là khả năng thanh tịnh của nội tâm.

Các bậc Thiên Sư xưa, nói Giới Tánh là xem nặng Thanh Tịnh của nội Tâm, đức Tánh nội hàm trong ấy; nhưng lại nặng về Thanh Tịnh Chứng Ngộ mà người bình thường không thể đạt được.

Thật ra, Phật pháp là:

信 為 能 入 *Tín vi năng nhập,*

智 為 能 度. *Trí vi năng độ.*

Tin tưởng thì đi vào Đạo được, Trí Huệ thì vượt qua sanh tử được. Tịnh tín thiết tha, thệ nguyện tu học là căn bản của Giới Học.

Hai chúng khác nhau.

Giới tại gia

在家五八戒, *Tại gia ngũ bát giới,*

如前之所說. *Như tiền chi sở thuyết.*

Tại gia có năm, tám giới, Như trước đã nói rồi.

- **Giới tại gia.**

- *Năm giới và tám giới.*

Trong giới luật thọ trì, đệ tử Tại Gia có Cận Sự Luật Nghi, đó là năm giới Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Còn có Cận Trụ Luật Nghi, đó là tám giới tại gia muốn tu hạnh Xuất Gia trong một ngày đêm hay trong một thời gian ngắn.

- *Như trước đã nói.*

Đây là Ngũ Thừa Cộng Pháp đã nói ở trên.

- **Phân biệt Giới Thế, Xuất Thế.**

Năm giới và Tám Giới vốn là giới của đệ tử Tại Gia Thanh Văn.

Bằng tâm xuất ly để tu học pháp Phật; vì giải thoát sanh tử để thọ trì giới luật; đó là Giới Pháp xuất thế.

Nhưng nếu sanh tâm tăng thượng để mong được an lạc đời này và đời sau mà thọ trì giới luật thì sẽ thành pháp Nhân, Thiên Thừa.

Nếu cho rằng năm Giới chỉ là Pháp Nhân, Thiên Thừa thì không đúng.

Giới xuất gia.

Các loại giới xuất gia.

Nói chung về năm loại giới.

出家戒類五: *Xuất gia giới loại ngũ:*

沙彌沙彌尼, *Sa di, Sa Di Ni,*

比丘比丘尼, *Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni,*

及式叉摩那. *Cập Thức Xoa Ma Na.*

Giới Xuất Gia có năm: Sa Di, Sa Di Ni,

Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni, Và Thức Xoa Ma Na.

• **Các loại giới Xuất Gia.**

Ở trong đệ tử Thanh Văn, giới xuất gia chia ra năm loại:

○ **Giới Sa Di, Sa Di Ni.**

Đây là những người xuất gia, nhưng về tư cách chưa đầy đủ nên, có thể nói là những người dự bị Xuất Gia.

▪ **Ngũ Nghĩa.**

Sa Di dịch nghĩa là Cần Sách: Siêng năng và cố gắng mong cầu giải thoát sanh, tử.

Nam thì gọi là Sa Di, Nữ là Sa Di Ni, ý nghĩa hoàn toàn giống nhau.

▪ **Giới pháp:**

✓ Cùng thọ mười giới, chín giới trước và giới Cận Tru giống nhau.

Nói về giới pháp thì Sa Di và Sa Di Ni giống nhau, đều thọ mười giới: 1. Không Sát Sanh, 2. Không Trộm Cắp, 3. Không Dâm Dục, 4. Không Nói Dối, 5. Không Uống Rượu, 6. Không Trang Sức Nước Hoa, Kem Phấn, 7. Không Ca Múa và Cố Ý Xem, 8. Không Nằm Ngồi Giường Cao Rộng Lớn, 9. Không Phi Thời, 10. Không Nắm Giữ Vàng Bạc Cửa Báu.

✓ Sáu giới giữa tại gia và xuất gia không giống nhau

- Giới thứ 3: Không dâm dục là cấm đoán Dâm dục hoàn toàn.

Sau khi xuất gia, đã thọ mười giới này mới xem là Sa Di hoặc Sa Di Ni. Đây là giới của người xuất gia nên cấm đoán dâm dục hoàn toàn.

- Ba giới thứ 6,7,8 là sống đời đạm bạc: Ít muốn, biết đủ.

Phật dạy: Đời sống người xuất gia theo nguyên tắc: Ít muốn, biết đủ.

- Giới thứ mười: không cất giữ vàng bạc.

Bốn nhu cầu thiết yếu cho đời sống là y phục, thực phẩm, chỗ ở, thuốc thang đều do khát thực, hóa duyên mà có.

Y phục và thức ăn không được cất giữ nhiều để tránh lòng tham dục khởi lên, huống gì giữ gìn vàng bạc, của quý.

- Giới thứ 9: Không ăn phi thời.

Thường thực hành pháp xin ăn, cho nên tuân thủ giới Không Ăn Quá Giờ Ngọ (từ 12 giờ đến 1 giờ trưa).

✓ Dựa vào ba giới nói về đặc tính của người xuất gia.

Hai giới sau, tuy chỉ liên quan đến ẩm thực và tài sản, nhưng ở trong quy chế nhà Phật, đối với Giới Không Dâm Dục là biểu trưng đặc tính của người Xuất Gia, lìa bỏ quan hệ vợ chồng cũng lìa bỏ tài sản tư hữu.

✓ Cuộc sống Tăng Chúng Việt Nam có thay đổi.

Ở nước ta, tuy nói Tăng Chúng đi hóa duyên để sống nhưng thực ra chọn cách thức tự túc tự cấp về kinh tế. Như ăn uống tự mình nấu, thế nên khó giữ giới: Phi thời thực; tài sản thì tự quản lý; phòng ốc cũng tự sửa chữa.

Ngay cả ruộng đất cũng phải tự thuê, mướn, lo toan... Như vậy, càng ngày càng xa với ý nghĩa ban đầu về đời sống của người xuất gia.

Vì vậy, Tăng chúng có đạo hạnh ở nước ta cũng chỉ nghiêm trì giới luật căn bản mà thôi.

Nói một cách nghiêm khắc, Tỳ Kheo Tăng của nước ta, có khi chưa bằng Sa Di đâu!

○ **Giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni.**

Thứ ba: Giới Tỳ Kheo; Thứ tư: Giới Tỳ Kheo Ni.

Đây là đời sống hoàn toàn xa lìa hành động ác độc và dâm dục, đầy đủ tư cách của người Xuất gia, là chủ thể của Tăng Đoàn.

▪ ***Ngũ nghĩa.***

Tỳ Kheo dịch nghĩa là Khất Sĩ, là người tu tập sinh sống bằng xin ăn và hóa duyên; nữ thì gọi là Tỳ Kheo Ni

▪ ***Giới pháp.***

Theo giới pháp mà nói: Giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni hoàn toàn giống nhau. Do quan hệ về mặt xã hội, về tâm lý mạnh yếu khác nhau nên, Phật chế giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni không giống nhau. Thông thường nói: Tỳ Kheo có 250 giới, Tỳ Kheo Ni có 500 giới. Đây là nói đại khái, hàm ý giới Tỳ Kheo Ni nghiêm khắc hơn. Thực tế, giới Tỳ Kheo vào khoảng 250 giới, giới Tỳ Kheo Ni vào khoảng 340 giới.

▪ ***Phát triển chế độ của Tăng Già.***

✓ Phát triển hoàn thành chế độ Tăng Già.

Sau khi xuất gia, trước thọ giới Sa Di và Sa Di Ni; rồi mới được thọ giới Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni.

✓ Quá trình phát triển chế độ Tăng Già.

- **Ban đầu, Đức Thế Tôn chỉ nói với đệ tử mới xuất gia: “Thiên lai, Tam Quy” (3 lần), thì đắc giới Cụ Túc ngay; không có chế độ Sa Di.**

Nghiên cứu, tìm hiểu quy chế ban đầu tu học theo Phật giáo trước hết là Tâm hướng về Tam Bảo, rồi tự động phát tâm xuất gia (nếu trưởng thành thì ý muốn của chính mình). Vì vậy, lúc phát tâm xuất gia, Đức Phật nói: 善來比丘, 於我法中快修梵行 Thiện lai Tỳ Kheo! Ưngã pháp trung khoái tu Phạm Hạnh: Lành thay các Tỳ Kheo! Ở trong giáo pháp của Ta, quý thầy thích Tu Phạm Hạnh (hạnh lìa xa sắc dục) thì liền nhận được giới Tỳ Kheo và trở thành Tỳ Kheo. Hoặc có lúc Phật nói: 歸命三寶已, 我佛隨出家, 即得具足戒: Quy mạng Tam Bảo dĩ, Ngã tùy Phật xuất gia, tức đắc cụ túc giới: Dem cả sinh mạng về nương tựa Tam Bảo rồi, con xuất gia theo Phật, liền được giới cụ túc (Thập Tụng Luật), gọi là Tỳ Kheo. Đây là trường hợp không cần thông qua cấp bậc Sa Di, đương nhiên, cũng không cầu thị giới Sa Di trước.

- Nguyên nhân chế định Sa Di.

Về sau, con trai con gái của tín đồ cha, mẹ chết hết, cô độc không nơi nương tựa, Phật từ bi thu nhận những người này, từ bảy tuổi đến mười tuổi mới cho xuất gia, làm Sa Di, Sa Di Ni, thọ giới Sa Di, tu học một phần giáo pháp của người xuất gia; chờ đến khi đủ hai mươi tuổi mới cho thọ giới Tỳ Kheo.

Từ đây, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni trong hàng dự tu cao hơn một bậc so với trước. Thậm chí người xuất gia mà tuổi lớn hơn hai mươi hoặc một lý do nào đó làm cho không đầy đủ quy định cũng không được thọ giới Tỳ Kheo và chỉ gọi là Lão Sa Di.

Nhưng trong quy chế Tăng Đoàn, nếu có người đủ hai mươi tuổi xuất gia, tuy chưa thọ giới Sa Di thì cũng có thể trực tiếp thọ giới Tỳ Kheo và cũng được Giới Thể. Điều này phù hợp với bản ý của Phật; song, nhìn từ phát triển quy chế Tăng đoàn mà nói dường như không được lý tưởng lắm.

○ **Giới thức Xoa Ma Na.**

Thứ 5 là giới Thức xoa Ma Na: Đây là chúng nữ, trên Sa Di một bậc, dưới Tỳ Kheo Ni một bậc.

▪ ***Ngữ nghĩa và giới pháp.***

Thức Xoa Ma Na dịch nghĩa là Học Pháp Nữ, trong vòng hai năm, thọ giới giữ sáu pháp giới. Thực ra, đây là Sa Di Ni (thành phần dự tu thuộc nữ chúng), nhưng lại muốn tu tập một phần giới Tỳ Kheo Ni.

▪ ***Ni chúng là sự phát triển quy chế của Tăng.***

✓ **Từ Tỳ Kheo Ni Tăng thêm thức Xoa Ma Na.**

Quy chế của Phật đối với người nữ xuất gia, ban đầu cũng chỉ có Tỳ Kheo Ni; về sau tăng thêm Sa Di Ni; sau nữa tăng

thêm Thức Xoa Ma Na, thành ba cấp bậc của chúng xuất gia nữ.

✓ Nói về duyên có và chế độ của Thức Xoa Ma Na.

- Duyên có: Ban đầu là nhằm xét xem có thai hay không mới quyết định.

Nguyên nhân là: Đã từng phụ nữ đã kết hôn, rồi xin xuất gia mà, đã sớm có thai. Sau khi thọ giới Tỳ Kheo Ni, thai càng ngày càng lớn và đã sanh con. Do vậy bị người thế tục hiểu lầm, phỉ báng Tăng đoàn đến mất danh dự. Từ đó, Phật chế định Thức Xoa Ma Na.

Người nữ nào đã từng kết hôn, từ mười tuổi trở lên, vì Ấn Độ có tục tảo hôn; hoặc người nữ chưa kết hôn, tuổi từ mười tám trở lên, sau khi thọ giới Sa Di Ni, tiếp theo thọ sáu giới pháp trong hai năm.

Về sau trở thành đây là thời gian bắt buộc. Ban đầu, chỉ là thí nghiệm việc có thai hay không; nhưng về sau, trở thành giai đoạn bắt buộc cho Sa Di Ni trước khi thọ Tỳ Kheo Ni.

Nếu trong tuổi hai mươi mà phạm sáu pháp thì không được thọ giới Tỳ Kheo Ni mà phải thọ lại sáu pháp trong hai năm nữa. Trong hai năm nghiệm trì sáu pháp không phạm thì mới

thọ được giới Tỳ Kheo Ni. Giới này so với giới Sa Di Ni thì nghiêm khắc hơn nhiều.

Tâm tánh của nữ chúng không vững chãi, dễ thoái lui; cho nên, trước hết phải hoàn thành tư cách của Tỳ Kheo Ni, cần thiết có sự kiểm tra nghiêm khắc này. Trong Thiên Chúa giáo khi người nữ đi tu cũng có ba lần phỏng vấn và kiểm tra, so với nam chúng có nhiều nghiêm khắc hơn.

- Chế độ.

+ Pháp tắc này, các bộ luật nói không nhất quán.

Song pháp tắc (hay quy chế) này, Phật giáo trong nước ta thực hành cũng không nhất quán, ở Ấn Độ cũng không mấy coi trọng. Bởi vì, giới Sa Di và giới Sa Di Ni; giới Tỳ Kheo Ni, tuy các bộ có khác nhau ít nhiều nhưng đại khái đều nhất trí. Chỉ có sáu giới pháp thọ trì trong hai năm là các bộ nói không giống nhau.

Có thập tụng Luật của Cựu Hữu Bộ, có Tứ Phần Luật Pháp Tạng Bộ đều nói về sáu pháp nhưng không hoàn toàn giống nhau.

Có Bí Sô Tỳ Nại Da của Tân Hữu Bộ chủ trương hai năm học sáu pháp, sáu tùy hạnh. Đây là hai loại sáu pháp.

Tăng Kỳ Luật của Đại Chúng Bộ chủ trương: mười hai tuổi thực hành theo mười tám việc. Đây là ba loại, mỗi loại sáu pháp.

+ Vì không thực hành nghiêm túc, mới có truyền thuyết không rõ ràng.

Thuyết xưa hai năm sáu pháp đã đi đến nhất trí nhưng nội dung sáu pháp không giống nhau. Điều này cho thấy rằng chế độ xưa về Học Pháp Nữ đã không tuân hành nghiêm khắc từ sớm nên mới có truyền thuyết không rõ ràng.

• **Giới loại tuy bất đồng nhưng Nhân Giới sanh Định, Nhân Định phát Huệ thì giống nhau.**

Đệ tử Phật, tại gia có hai chúng, xuất gia có năm chúng. Luận về giới pháp, tuy có tám loại (thêm giới Cận Trụ nữa); nhưng thanh tịnh Giới Thể có công năng ngăn ngừa sai lầm, gian ác; có công đức sanh trưởng Định, Huệ thì giống hoàn toàn. Vì vậy, đệ tử tại gia cũng tốt, đệ tử xuất gia cũng tốt; chỉ cần tin tưởng khẩn thiết vào Tam Bảo, phát khởi Tịnh Giới thì đều Giải Thoát được Sanh Tử.

Nói riêng về giới Cụ Túc.

於中具足戒, *Ư trung Cụ Túc giới,*

戒法之最勝, *Giới pháp chi tối thắng,*

殷重所受得, Ân trọng sở thọ đắc,
 護持莫失壞. Hộ trì mạc thất hoại.

Ở trong giới Cụ Túc, Giới pháp là hơn hết,
 Trân trọng được thọ trì, Giữ gìn chớ sai sót.

• **Tăng bảo là ngôi vị Cụ Túc, là chủ thể của Tăng Đoàn.**

○ **Ý nghĩa Cụ Túc.**

Ở trong tám loại giới này, giới mà Tỳ kheo và Tỳ Kheo Ni Thọ, gọi là Giới Cụ Túc. Cụ Túc là cụ dịch, tân dịch là Cận Viên (Viên = Cụ Túc = Đầy Đủ), Cận là Gần Gũi, Viên là Hoàn Toàn Vắng Lặng, là Niết Bàn.

○ **So Sánh giới pháp khác thì giới pháp này cực kỳ thù thắng.**

Tuy mỗi giới pháp Đức Phật chế ra, nếu thọ trì thanh tịnh, đều có thể sanh Trưởng Định, Huệ; giải thoát sanh tử. Song so sánh với giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, thì vượt qua đấm nhĩm, xa lìa năm dục và dâm dục bằng đời sống xuất tục. Trong cuộc đời vật dục cuồng bạo này, so sánh với giới pháp thì nghiêm túc rất mực, thanh tịnh cùng cực, có khả năng to lớn vượt qua tình dục. Vì thế, ở trong giới pháp mà Phật chế ra đây rất là thù thắng. Thọ giới Cụ Túc thì ở ngôi vị Tăng Bảo; là chủ thể của Tăng đoàn; được trời, người cúng dường.

• **Nghi thức thọ giới Cụ Túc hoàn toàn không dễ.**

Trong giới pháp thì giới Cụ Túc là hơn hết, cho nên, thọ giới Cụ Túc cũng không dễ dàng.

○ **Luận về tư cách, điều kiện hơn hẳn các giới khác.**

Về tuổi tác phải đủ hai mươi tuổi.

Ngoài sư trưởng cho thọ giới phải có ba thầy: Hòa Thượng, Yết Ma A Xà Lê, Giáo Thọ A Xà Lê; còn phải có bảy thầy chứng minh. Ngay cả nơi biên địa Phật pháp không hưng thịnh, cũng không thể thiếu ba thầy Hòa Thượng, hai Tôn Chứng.

So sánh với ban đầu: Thọ giới tại gia chỉ cần một thầy truyền giới; Thọ giới Sa Di và Sa Di Ni chỉ cần hai thầy truyền giới. Như vậy đã là khó lắm rồi.

Nếu thọ giới Tỳ Kheo Ni, phải thọ sáu pháp trước hai năm, lại còn phải thọ giới từ hai bộ Tăng, Ni. Đây, thực sự, trịnh trọng làm sao!

○ **Trì giới như giữ lấy phao cứu sinh, như bảo hộ con người của mắt mình.**

Lý do phát tâm thọ giới Cụ Túc, phải có ba y, phải có Bôn Sư, phải có Tăng Đoàn cho phép. Đây chính là tâm tình khẩn thiết, trịnh trọng của giới tử; phải có đủ nhân duyên hòa hợp, mới có thể thọ giới Cụ Túc. Được như vậy, không dễ, nên

đặc biệt trân quý điều này, giữ gìn thật cẩn trọng; như vượt qua biển cả phải chăm chút kỹ lưỡng phao cứu sinh; như người bảo hộ con người của mắt mình. Chớ có buông lung cầu thả, bởi hoàn cảnh quỵến rũ, bởi xung động của phiền não; làm hư hao, mất mát giới pháp châu báu vô giá! Nếu không nương tựa được vào giới pháp thù thắng này, để được sanh làm người, trời hay ra khỏi sanh tử mà, ngược lại, còn mất thân người trong chiếc áo cà sa, thật là việc đáng tan lòng xiết bao!

Giới Pháp.

Phạm 4 trọng tội, mất giới thể.

極重戒有四：	<i>Cực trọng giới hữu tứ:</i>
淫行不與取，	<i>Dâm hành bất dĩ thủ,</i>
殺人大妄語，	<i>Sát nhân, Đại Vọng Ngữ,</i>
破失沙門性。	<i>Phá Thất Sa Môn Tánh.</i>

Có bốn giới Cực Trọng: Dâm dục cùng Trộm Cướp, Giết Người, Đại Vọng Ngữ, Phá mất Tánh Sa Môn.

• **Bốn Giới Trọng trong Giới Cụ Túc.**

Ở trong Giới Cụ Túc, giới Tỳ Kheo có khoảng 250 giới.

○ Phạm bốn giới trọng như mạng sống bị cắt đứt.

Ở trong giới cực trọng này có bốn (trong giới Tỳ Kheo Ni có tám cực trọng). Với giới cực trọng, tuyệt đối không được phạm; đã phạm rồi giống như cây cối bị cắt đứt rễ, như người bị cắt đứt đầu, cũng tương tự như đánh giặc mà thất bại, đầu hàng, bị đối phương cướp hết tất cả thắng lợi. Người đã phạm trong giới, dù đang ở trong Tăng đoàn, có thể nói, như đã chết rồi.

○ **Lược nói về bốn giới Trọng.**

▪ **Hành Dâm.**

✓ Đủ Duyên mới thành Trọng.

Đây là giới tuyệt đối nghiêm cấm, không kể quá khứ đã từng quan hệ vợ chồng hoặc giữa người với súc sanh. Khi đã phát sanh tánh hành dâm, cho dù trong thời gian rất ngắn, cũng là phạm trọng giới.

✓ Thiếu Duyên không phạm.

Nhưng Phật pháp không coi trinh tiết xác thịt là quan trọng mà chủ yếu là tâm ham muốn, tâm sanh khoái cảm. Cho nên, gặp cảnh bị cưỡng bức hành dâm mà tâm không hề nghĩ đến dục lạc thì vẫn không phạm.

▪ **Không cho mà lấy.**

✓ Đủ duyên mới phạm.

Không cho mà lấy chính là trộm cướp tiền của, vật chất.

Chưa được chủ đồng ý mà có tâm trộm cướp muốn lấy, dù bằng thủ đoạn gì cũng đều vi phạm.

✓ Điều kiện để phạm trọng giới.

Dù là giới cực trọng cũng phải có điều kiện. Dựa vào chế độ do Phật quy định: Hễ đã có trộm lấy từ năm tiền trở lên là phạm trọng tội.

Năm tiền này là tiền như thế nào? Về tiền tệ, xưa nay không giống nhau. Tại sao Phật chế giới như vậy?

Vì lúc ấy theo pháp luật của nước Ma Kiệt Đà, hễ ai trộm năm tiền trở lên đều bị xử tử hình. Vì vậy, Phật dựa vào đó, chế ra quy định trên. Như thế, nếu ai phạm giới trộm cướp thì dựa vào luật pháp đương thời của quốc gia, kết án tử hình gọi là phạm trọng giới, cũng hợp với ý của Phật.

▪ *Sát sanh.*

Giới nặng nhất là Giới Giết Người, bao gồm tự tay giết, hoặc bảo người khác giết, cho đến việc phá bỏ thai nhi... Ở trong năm giới, mười giới cũng đều cấm chỉ.

▪ *Đại vọng ngữ.*

Trong giới Cấm Vọng Ngữ thì Đại vọng ngữ là nghiêm trọng nhất. Nếu không chứng ngộ mà tự xưng là chứng ngộ,

không có thần thông mà tự xưng là có thần thông hay là nói thấy Thần, thấy Quỷ để dụ dỗ, lừa dối mọi người. Hoặc là khoe khoang với nhau là Hiền là Thánh; hoặc cố ý biểu hiện thần bí khiến người khác lầm tưởng là thần thánh. Tất cả việc này đều là phá hoại Chánh pháp của Phật, không có chút chân thành tu học, là Ác Hành cực kỳ nghiêm trọng.

○ **Phạm bốn trọng giới làm mất Thế Tánh Sa Môn.**

Đã phạm bốn trọng giới này là phá hoại, làm mất đi Thế Tánh của Sa Môn, cũng đã làm mất đi tư cách Xuất Gia của bậc Sa Môn.

Sa Môn là tiếng Phạm dịch nghĩa là Cần Túc; Cần là siêng năng tu tập theo đạo pháp; Túc bài trừ bỏ những hành động Ác.

Nếu đã phạm bốn giới trọng, tuy là xuất gia mà, hoàn toàn mất hết tư cách của người xuất gia.

● **Trong bốn giới trọng chỉ giới Dâm đã phạm mà quyết ăn năn thì cho phép làm Sa Di.**

Trong Tăng đoàn, Phật quy định, nếu có người phạm trọng giới, liền trục xuất khỏi tăng Đoàn, cởi bỏ tư cách Xuất Gia của người ấy. Không những không còn là Tỳ Kheo mà cả Sa Di cũng thế. Đã phạm trọng giới tức là đọa lạc. Nhưng nếu phạm giới Dâm mà phát giác ngay với Tâm sanh vô cùng xấu

hồ với mình với người, tha thiết không rời khỏi Tăng đoàn thì được phép làm Sa Di mà vẫn thọ trì giới Tỳ Kheo. Song bất luận thế nào, đời này cũng không thể đắc Đạo, chứng Thánh quả được.

Giới còn lại, nếu phạm phải thông qua Sám Hối.

餘戒輕或重, *Dư giới khinh hoặc trọng,*

犯者勿覆藏, *Phạm giả vật phú tàng,*

出罪還清淨, *Xuất tội hoàn thanh tịnh,*

不悔得安樂. *Bất hối đắc an lạc.*

Các giới Nặng, Nhẹ khác, Người phạm chớ che giấu,

Sám hối được thanh tịnh, Sửa tội được an lạc.

- **Phạm các giới Nặng, nhẹ khác phải sám hối như pháp quy định.**

○ ***Phạm các giới khác phải sám hối đúng pháp.***

Ngoại trừ bốn giới cực trọng thì không cho phép sám hối (không chấp nhận ở lại trong Tăng đoàn dù có sám hối); phạm những giới còn lại hoặc nặng hoặc nhẹ đều phải sám hối đúng pháp. Nặng và Nhẹ cũng có nhiều loại.

- Nhẹ nhất thì chỉ cần chính mình sanh tâm tâm quý chính mình tự trách những sai phạm ấy, là được.

- Có giới khi vi phạm phải đối diện với một vị Tỳ Kheo nói rõ những lỗi lầm mới được thanh tịnh.
- Phạm giới nghiêm trọng thì cần ở trước hai mươi vị Tỳ Kheo thanh tịnh để sám hối, mới được giải tội.

Tóm lại, những giới, nếu vi phạm, có thể sám hối thì phải sám hối.

○ **Phạm giới không được che giấu, không được trốn tránh.**

Có một điểm yếu với người phạm giới là không được che giấu tội lỗi của chính mình.

- ***Sám hối là trình bày những lỗi lầm.***

Sám hối là cầu xin sự tha thứ và chấp nhận, đem lỗi lầm chính mình phạm phải trình bày ra hết.

- ***Che giấu lỗi lầm tăng thêm sai trái.***

Nếu phạm giới mà còn sợ người biết, trong tâm cố ý che giấu; như thế thì không còn có cách nào để thanh tịnh.

Dựa vào pháp Phật mà nói: Ai không mắc lỗi lầm? Hoặc nặng hoặc nhẹ; mọi người đều không tránh khỏi sai lầm. Cốt yếu là có sanh tâm hổ thẹn hay không, quyết sám hối là tốt rồi. Đây chính là ý mà nhà Nho nói: 過則勿憚改: Quá tặc vật đạn cải: Phạm lỗi lầm chớ có sợ sửa sai.

Đã phạm giới mà còn che giấu thì lỗi lầm càng ngày càng nặng. Hầu hết mọi người, ban đầu phạm tội nhỏ mà không sám hối, tiếp tục vi phạm thêm lên; lâu dần không còn biết hổ thẹn, dẫn đến phạm giới cực trọng.

Xin nêu ví dụ: Nếu giấu vật dơ bẩn, độc hại trong cái vò, rồi đem cái vò ấy đổ hết ra và phơi dưới ánh nắng mặt trời; cái vò sẽ sạch sẽ hoàn toàn. Ngược lại, nếu đậy nắp kín lại, sợ khí độc, dơ bẩn bay ra ngoài. Như thế vò không thể sạch được mà còn, mỗi ngày mỗi hôi thối thêm.

Nguyên nhân Phật chế ra giới luật, đối với việc phạm trọng giới mà còn che giấu thì tội người ấy càng nặng hơn.

- ***Nêu tội thích đáng để bảo trì sự thanh tịnh của Tăng Đoàn.***

Đồng thời, hễ có Tỳ Kheo có tâm hổ thẹn, có tâm từ bi thấy được bạn đồng học, sư trưởng, đệ tử phạm tội nên khuyên nhủ họ sám hối. Nếu không nghe theo thì hãy công khai tội lỗi của họ ra trước đại chúng (nhưng cũng cần phải có thời gian thích hợp). Được vậy mới giúp người ấy hướng thiện, mới giữ được sự thanh tịnh của Tăng đoàn. Ở trong Tăng đoàn, không được che giấu tội lỗi cho nhau, rồi làm tướng đó là sự đoàn kết đáng trân trọng.

- **Sám hối được thanh tịnh, sửa tội được an lạc.**

- **Sám hối được thanh tịnh.**

Phật chế sám hối là phương pháp duy nhất. Nếu dựa vào pháp mà sám hối thì gọi là Xuất Tội, giống như đã mãn tội hình vậy. Đã ra khỏi tội thì giới thể trở lại thanh tịnh, phục hồi Tăng cách thanh tịnh. Một khi sám hối tội lỗi đã được thanh tịnh rồi, huynh đệ cùng tu không được nhắc lại những sai phạm cũ của người đó để châm chọc, đã kích. Nếu điều ấy xảy ra thì đã phạm giới luật.

- **Bàn về ý nghĩa Sám hối được thanh tịnh.**

Liên quan đến Sám hối được thanh tịnh, có hai ý nghĩa.

- ***Quy chế của Tăng đoàn nói Sám là Tịnh.***

Hễ vi phạm quy chế của Tăng đoàn, nói chung là giới nhẹ, chỉ cần thẳng thắn bộc bạch, thừa nhận lỗi lầm thì coi như không có việc gì xảy ra.

- ***Bốn giới trọng đã nêu, tuy sám hối trở lại thanh tịnh nhưng tội nghiệp vẫn còn.***

Nếu vi phạm bốn trọng giới: Sát, Đạo, Dâm, Vọng không được nói sám hối xong không còn tội nghiệp.

- ✓ **Phạm giới trọng thành tội, làm chướng ngại phát sanh điều thiện.**

Phải biết rằng hành vi phạm trọng giới là rất nặng, không những ảnh hưởng đến đời sau từ hậu quả chiêu cảm mà, ở đời

này, cũng chịu sức ảnh hưởng đó, làm cho sức mạnh của tâm thiện bị chướng ngại. Giống như người rơi vào xã hội đen thì phải chịu không chế những luật lệ do nó đặt ra, không dễ thoát ra được.

✓ Sử dụng sức sám hối.

- Sám hối chân thành từ tâm thì không chướng ngại cho việc làm lành ở đời này mà còn huân tu được Định, Huệ.

Chân thành sám hối, tiêu trừ được tội nghiệp, có ảnh hưởng trong đời này, dường như hôm qua chết, hôm nay sống lại. Từ đây, tội ác quá khứ không trở lại làm trở ngại việc làm lành, không trở ngại cho việc huân tu Định, Huệ và có thể chứng ngộ, giải thoát; giống như mới sanh ra, cho nên gọi là thanh tịnh (trong veo: không còn tí vẩn đục), trở lại tư cách thanh tịnh của Tăng Sĩ.

- Không biết sám hối, ác nghiệp làm chướng ngại cho việc Tu tập và Làm Lành.

Nếu không biết sám hối, sự ảnh hưởng ác nghiệp ấy như vết thương rỉ máu trong lòng. Đêm khuya tự suy tư, khi lương tâm thức giấc, làm sao tránh khỏi sự cắn rứt ở trong lòng với vô cùng hối hận và nỗi thống khổ càng tăng thêm.

Tất cả tâm trạng ấy trở thành chướng ngại trên bước đường tu tập và làm lành.

- Một khi đã sám hối rồi thì mới có sức mạnh và dũng cảm làm việc lành.

Vì vậy một khi đã sám hối thì có thể nói hết tâm tư của mình với mọi người, đương nhiên, tâm này sẽ thanh thản, không còn bị tội ác làm cho buồn lo, hối hận và tự nhiên, tâm cũng được an vui.

Nhà Nho nói: 君子有過，則人皆見之: Quân tử hữu quá, tắc nhân giai kiến chi: Người quân tử có lỗi lầm thì ai ai cũng đều thấy. Còn nói: 君子坦蕩蕩: Quân tử thản đãng đãng: Tâm người quân tử yên bình rộng rãi. Đây là tâm không chứa tội, biểu hiện tâm thái an vui, sức mạnh, dũng cảm thực hành việc thiện lương.

- *Giới của người xuất gia rất vi tế, người học phải* nghiên cứu, tìm tòi rộng rãi về Luật, mới thấu rõ pháp môn: Khai, Giá, Trì, Phạm, Hoàn Xuất, Hoàn Tịnh.

Nương theo Giới, Hướng đến Định.

An trụ trong Tịnh Giới.

能持於淨戒, Năng trì ư tịnh giới,

三業咸清淨。 *Tam nghiệp hàm thanh tịnh.*

Giữ gìn giới trong sạch, Ba nghiệp đều thanh tịnh.

• **Hành trì giới Luật là phương tiện trước khi tu Định.**

Hai câu kệ tụng trên, bàn về ý nghĩa cũng là điều mà Phật tử tại gia nên học tập; nhưng theo sự tương mà nói thì đặc biệt, Phật nói vì đệ tử xuất gia. Đây là tư lương cần thiết cho con đường xuất thế; ly dục (Tư: giúp đỡ. Lương là lương thực. Thức ăn phước trí giúp đỡ người tu hành trên đường đạo). Chú trọng ở Giới Hạnh làm phương tiện để tu Thiền Định.

• **Giữ giới khiến cho ba nghiệp thanh tịnh để phát sanh các pháp lành.**

○ *Giữ giới thanh tịnh là gốc của các công đức Lành.*

Có bảy chúng đệ tử Tại gia và Xuất gia tu học ở trong đạo Xuất thế. Trước hết, phải an trú trong Tịnh Giới, lấy Tịnh Giới làm căn bản. Đối với Giới đã giữ được thanh tịnh thì ba nghiệp Thân, Khẩu, Ý đều được thanh tịnh. Nhờ vậy mới có thể phát sanh chúng được tất cả công đức Thế và Xuất thế gian.

Như kinh Di Giáo nói:

若能人持淨戒，是則能有善法；若無淨戒，諸善功德皆不得生：Nhược nhân năng trì tịnh

giới, thị tắc năng hữu thiện pháp: Nhược vô Tịnh giới, chư thiện công đức giai bất đắc sanh: Nếu ai giữ giới thanh tịnh thì người ấy có được pháp lành; Nếu không giữ giới thanh tịnh thì các công đức lành không thể sanh được.

○ **Sinh hoạt hàng ngày, dù giới khinh hay trọng đều phải gìn giữ nghiêm ngặt.**

Nếu theo giới Cụ Túc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni mà nói thì cần phải:

- Giới biệt giải thoát đã thọ phải giữ gìn kỹ lưỡng; nếu đã phạm, không được che giấu, phải sanh tâm hổ thẹn, sám hối đúng như pháp.
- Đối với những quy tắc Phật chế định thì Đi, Đứng, Nằm, Ngồi phải đúng Oai Nghi; ăn; mặc phải giữ đúng quy định; tôn trọng sư Trưởng; giúp đỡ người bệnh; nghe pháp; tu Thiên Định; tất cả hạnh lành. Những quy chế này đều phải học tập đúng pháp, làm đúng theo những quy định của Giới Luật; còn phải phù hợp với thế gian thì mới tránh khỏi những bậc chánh nhân, quân tử trong xã hội hay những bậc cao Tăng, đại đức trong Tăng đoàn quả trách.

- Không nên đến những nơi ca múa, hát xướng, mai dâm, ăn nhậu, cơ quan chính trị; vì những nơi này dễ sanh Tâm Hành bất tịnh.
- Đây là những tội nhỏ cũng không nên xem thường mà phải gìn giữ cẩn trọng.

Giữ gìn, học tập được như vậy thì an trú được ở trong Tịnh Giới, phát sanh tất cả công đức Lành.

Pháp tu có bốn điều.

密 護 於 根 門,	<i>Mật hộ u căn môn,</i>
飲 食 知 節 量,	<i>Ẩm thực tri tiết lượng,</i>
勤 修 寤 瑜 伽,	<i>Cần tu ngụ Du Già,</i>
依 正 知 而 住.	<i>Y chánh tri nhi trụ,</i>

<i>Giữ chặt các căn môn,</i>	<i>Ăn, uống biết điều độ,</i>
<i>Siêng tu tỉnh Du Già,</i>	<i>Nương chánh tri mà trụ.</i>

- **Bốn điều pháp tu trong sanh hoạt hàng ngày.**

Ở đây tổng hợp có bốn điều pháp tu.

- **Nêu lên bốn điều.**

- **Giữ gìn kỹ các căn.**

Giữ chặt các căn môn chính là Chế phục Tâm và năm căn ở trong Kinh Di Giáo.

- ***Ý nghĩa căn môn.***

Sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Đó là cửa ngõ nhận thức, cũng là sáu thức, nơi giặc đi vào cướp mất công đức, cho nên gọi là Căn Môn. Năm Căn thì Thấy Sắc, Nghe Tiếng, Ngửi Mùi, Xúc Giác. Ý căn thì biết tất cả Pháp, trong sáu căn, nó là chủ yếu.

▪ ***Phương pháp giữ gìn các căn.***

✓ Giữ chặt các căn như người giữ cửa.

Trong sanh hoạt hàng ngày của chúng ta, không ngoài việc thấy Sắc, nghe Tiếng... biết Pháp từ các căn. Nhưng căn này cần phải giữ gìn nghiêm ngặt, giống như người giữ cửa. Khi thấy gà, chó xông vào, kẻ trộm lén vô, lập tức ngăn chặn lại hoặc đuổi ra ngay.

✓ Thủ tướng (mắc vào Tướng) liền chạy theo phiền não.

Hầu hết mọi người, khi thấy Sắc, Nghe Tiếng... đều mắc vào Tướng. Nếu vừa ý thì sẽ mắc vào Tướng, phát sanh Tham Dục...; không vừa ý thì cũng mắc vào tướng, phát sanh Sân Hận... thì không thể không chế TỰ TÂM, rồi trôi lăn theo Phiền Não, rồi tạo nghiệp, rồi đọa lạc; giống như trâu hoang giẫm đạp, phá nát lúa mạ còn non.

✓ Với Chánh Tri, Chánh Niệm thì không bị phiền não xoay chuyển.

Nguyên nhân hiện giờ thấy Sắc, nghe Tiếng, cốt là giữ chặt các căn. Đây hoàn toàn không phải là không thấy Sắc, không nghe tiếng; nhưng mà, ngay khi Thấy, Nghe sắc tiếng ấy phải giữ được Tâm không chạy theo sự xoay chuyển của Phiền Não; như thấy sắc đẹp mà không khởi lên ý dục vọng; như thấy tiền của mà không sanh tâm muốn chiếm đoạt. Đây chính là nhờ có Chánh Tri, Chánh Niệm mới được.

- Ý nghĩa Chánh Tri, Chánh Niệm.

Đối với cảnh giới ngoại tại hoặc cảnh giới nội tâm, phải nhận thức chính xác tánh nguy hiểm của nó là tốt, là xấu thì gọi là Chánh Tri.

Đối với Chánh Tri luôn luôn cảnh giác, luôn luôn lưu ý thì gọi là Chánh Niệm.

- Sai trái là do không có Chánh Tri, Chánh Niệm.

Nếu không có Chánh Tri, đối với ngoại cảnh trước mắt, Tâm xoay chuyển theo phiền não, nhận giặc làm cha, niềm nở đón tiếp thì làm sao chế phục được giặc cướp mất công đức đây?

Nếu không có Chánh Niệm thì luôn luôn thiếu sót, lỗi lầm, giống như kẻ trộm vào nhà, khiên đi tủ lớn, tủ nhỏ; còn mình

vẫn ngủ say, không biết gì. Thế thì làm sao chế phục được Phiền Nã?

Phải cẩn thận, giữ chặt các căn thì mới ngăn chặn được Ác, chế phục được Ác dần dần; và Công Đức tăng trưởng từng ngày.

Nói về tu hành, mọi việc trong ngày, phải nỗ lực hết sức từ chỗ này, ở đây.

○ **Ăn, Uống biết điều độ.**

▪ **Tánh quan trọng của việc Ăn, Uống.**

Đối với chúng xuất gia, dựa vào thí chủ, dựa vào khất thực để sinh hoạt. Đây là điều đặc biệt quan trọng. Sống ở đời bị giới hạn bởi sinh lý nên ăn, uống là điều tất yếu, không còn cách nào khác. Vì vậy trong kinh Phật có nói: 一切眾生皆依食住: Nhất thiết chúng sanh giai y thực trụ: Tất cả chúng sanh nhờ ăn mà sống còn.

▪ **Đối với Ăn, Uống cần có suy nghĩ.**

Nhưng nhờ vào thí chủ mà sống còn nên khi ăn uống nên suy nghĩ thấu đáo.

Ăn, uống là để duy trì sự sống, đó là điều cần thiết không thể vì ngon miệng mà đắm đuối. Khi thức ăn rơi xuống khỏi yết hầu, thì còn gì là ngon?

Người tu tại gia, vì tìm tài, thủ đắc, bảo tồn vật chất nên phát sanh vô vàn khổ nạn (nguyên nhân chiến tranh, hơn nữa, từ đây mà ra). Hiện tại, thí chủ vì phước đức mà bố thí, Tăng sĩ lại không cố gắng tu hành cho hoàn hảo để báo đền ân đức cho thí chủ sao?

▪ ***Mục đích của ăn uống.***

Vì vậy, ăn, uống không phải vì tham đắm, cũng không phải vì béo tốt, tráng kiện, mà chính là nhu yếu duy trì dinh dưỡng; không để cho đói khát, khổ sở vì bệnh tật. Thân, Tâm có sức khỏe, mới tu hành được, hầu ra khỏi sanh, tử.

▪ ***Sai lầm là ăn, uống không biết độ lượng.***

Nếu ăn, uống không biết độ lượng, tham cầu không chán; không những chỉ muốn quần áo đẹp đẽ, muốn thức ăn ngon lành; đối với thí chủ làm cho họ sanh tâm điên đảo, tâm ganh ghét, bực tức và phần nhiều sanh phiền não, sanh nghiệp ác. Người tại gia, đối với sinh hoạt kinh tế còn phải biết tiết kiệm; hà hưởng đời sống của người xuất gia hoàn toàn dựa vào thí chủ

○ ***Siêng năng tinh Tu Du Già.***

▪ ***Phương pháp tu có liên quan đến ngủ nghỉ.***

✓ ***Ngủ nghỉ có tính tất yếu.***

Vì sức khỏe nên thân tâm nghỉ ngơi, bổ dưỡng; nên phải bảo trì thân tâm; và nghỉ ngơi (ngủ nghỉ) là tất yếu.

✓ Chia thời gian trong đêm để nghỉ ngơi:

- Đầu đêm, sau đêm thì kinh hành và tĩnh tọa.

Dựa vào quy chế của Phật.

Đầu đêm (lấy 6 thời trong một ngày đêm. Chia đêm ra 12 giờ; Đầu Đêm từ 6 giờ chiều đến 10 giờ).

Cuối đêm (từ 2 giờ Đêm đến 6 giờ), đệ tử Xuất gia đều thực tập Kinh Hành và Tĩnh Tọa.

- Giữa đêm siêng năng tu tĩnh giác Du Già.

Giữa đêm từ (từ 10 giờ đêm đến 2 giờ sáng) lúc nên ngủ nghỉ nhưng siêng năng tu tĩnh giác Du Già.

Nói cách khác, ngay trong lúc ngủ nghỉ cũng tu tập pháp lành.

+ Ban đầu thân nằm nghiêng bên tay phải.

Đến giờ ngủ, trước rửa chân, sau nằm đúng pháp. Thân nằm nghiêng bên phải, chân trái đặt trên chân phải. Đây gọi nằm như sư tử, rất có lợi cho thân, tâm.

+ Kế tiếp nên để tư tưởng sáng suốt.

Khi ngủ nghỉ nên để tư tưởng sáng suốt; tu tập thuần thực; ngay cả trong giấc mơ cũng vậy, tựa như một vàng trắng vàng vạc. Như thế, trong giấc ngủ mới tránh khỏi hôn trầm; không

những tỉnh giác dễ dàng, mà còn không mộng寐; dù có mộng cũng không phát sanh phiền não mà vẫn nhớ niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

+ Có ngủ lâu thì cũng tiến tu Thiện Pháp.

Trong khi chờ giấc ngủ đến cũng cần giữ gìn tỉnh giác, ngay cả trong giấc ngủ mơ vẫn cố gắng tiến tu pháp lành.

Thói quen ngủ nghỉ như thế thì bồi bổ, thư giãn cho thân, tâm rất hữu hiện. Chẳng những không gặp phải loạn động, mộng ảo, điên đảo; mà còn không lười biếng, đắm say trong ngủ nghỉ.

▪ *Nghỉ ngơi lúc nửa đêm.*

✓ Nêu lên lý thuyết khác nhau nửa đêm: Ngủ nghỉ và Tụng kinh.

- Phật dạy nửa đêm nên ngủ nghỉ, tu hạnh Đầu Đà cũng không ngoại lệ.

Phật dạy: Nửa đêm nên ngủ nghỉ để thân, tâm được nghỉ ngơi. Người tu hạnh Đầu Đà thường ngồi, không nằm mà thông thường nói là: 不倒單: Bất đảo đơn: Không ngã lưng xuống giường. Thật ra là không Nằm, chứ không phải là không Ngủ, mà chỉ là, cố gắng gìn giữ sự Tỉnh Giác thôi.

- Trong kinh Di Giáo nói: Nửa đêm tụng kinh:

夜誦經以自消息，無以睡眠因緣，令一生空過： Trung dạ tụng kinh dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thùy miên nhân duyên, linh nhất sanh không quá: Nửa đêm tụng kinh chính là nghỉ ngơi, chớ có ngủ nghỉ, để cho một đời vô ích luống công.

✓ Dựa vào kinh luận: Nửa đêm ngủ nghỉ để thư giãn.

Dựa vào sự hướng dẫn của tất cả kinh luận thì nửa đêm nên ngủ nghỉ để thư giãn.

Lúc nửa đêm, Tịnh Tọa, nếu có hiện tượng hôn trầm (buồn ngủ), thì nên đứng lên, đi kinh hành. Nếu còn buồn ngủ thì phải dùng nước lạnh rửa mặt cho tỉnh táo; rồi tụng kinh hay đọc sách. Vì vậy, chớ hiểu lầm rằng: Nửa đêm đều phải tụng kinh, suốt đêm không cần ngủ nghỉ.

✓ Chọn lựa ý nghĩa trong kinh văn.

Đây cũng có thể là văn dịch quá vắn tắt là cho câu văn tối nghĩa; đưa việc tụng kinh ở đầu đêm (hay cuối đêm), thành dịch kinh ở nửa đêm.

Hoặc là tụng kinh để được nghỉ ngơi, chính là lúc ngủ mà Văn, Tư, Tu thuận thực lo Chánh Niệm không quên ý nghĩa của ba pháp này.

○ Dựa vào Chánh Tri để an trụ.

Thường thì trong đời sống của người xuất gia, không kể là đi hay đến; vô ý nhìn thấy hay cố ý ngược xem; cho đến chi tiết co tay hay duỗi tay; đối với việc thọ trì, giữ gìn y bát; ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ thức, nói năng, im lặng, giải lao, ngủ nghỉ... đều phải giữ gìn Chánh Tri.

Trong từng sanh hoạt, động tác, nên biết mình đang làm gì, đáng làm hay không, lúc nào đáng làm, lúc nào không, làm có tốt hay không. Nói chung, trong từng tình huống đều phải biết rõ thì sẽ không bị rơi vào sai lầm đáng tiếc.

Cốt yếu của việc Tu Học.

知足心遠離 *Tri túc tâm viễn ly,*

順於解脫乘 *Thuận ư giải thoát thừa.*

Tâm biết đủ, xa lìa, Thuận theo thừa Giải thoát.

• **Đối với vật dục nên Biết đủ.**

Tu học Đạo Xuất Thế, nên có sức Tùy hoàn cảnh để an ổn. Không nên mong nhiều, muốn nhiều, tục ngữ cũng nói: 人到無求品自高: Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao: Người đạt đến Vô Cầu, phẩm hạnh tự cao.

Đối với y phục, ăn uống, thuốc men, vật dụng hàng ngày, có hay không tùy duyên. Đó là Biết Đủ.

Không những có nhiều, tâm ý mới thỏa mãn mà có ít hoặc là có những thứ không vừa ý cũng nên Biết Đủ.

Đây là cách tu hành làm cho phiền não giảm thiểu dần, tâm cũng dần an lạc.

- **Đối với nhân sự nên xa lánh.**

- **Không thể xa lánh thì tăng thêm Ái Nhiễm.**

Con người không thể tách rời cộng đồng, có cộng đồng mới có sự liên quan với con người (nhân sự). Nếu vui vẻ chuyện trò, ưa thích làm việc, và giao tiếp với nhiều người thì sẽ khó khăn cho việc xa lánh.

Có người suốt ngày chỉ biết quay cuồng với công việc. Có người tụ họp nói chuyện tán gẫu với người khác, “*Nói chuyện vô bổ*”, suốt ngày nói những việc như: vua chúa, trộm cướp, ăn uống, quần là áo lượt, gái làng chơi, các quốc gia, người nổi tiếng, chuyện thế gian, chuyện nhiều như sóng biển.

Tóm lại, những việc này đều làm cho tăng thêm ái nhiễm, chẳng thể xa lìa phiền tạp, hướng ngoại để ở yên một chỗ tu hành.

- **Không chỉ Thân xa lánh, cần phải Tâm xa lánh.**

Vì vậy cần có Tâm xa lánh, không ưa thích bàn luận việc đời, sự nghiệp thế gian, mới chuyên Tâm vào Phật pháp được.

Nói đến Viễn Ly (Xa Lánh) thông thường cho là xa lánh quần chúng, ở nơi vắng vẻ; hoặc là ở một mình (Độc Trú), giống như cách sống bế quan, không tiếp xúc với bất cứ ai. Nhưng quan trọng là ở Tâm Xa Lánh; tâm không xa lánh được, dù có ở lều tranh, cửa đóng then cài cũng đều vô ích.

Ngày xưa ở Trung Quốc cũng như Việt Nam ta thấy có cách tu bế quan, ở một mình; có chút ít tinh thần khác lạ; có người mượn cơ vì bệnh duyên, nửa đường dang dở. Những người này đều do Tâm không viễn ly, nên không đủ sức vượt qua được đời sống tu hành vắng vẻ. Như thế thì làm sao giải thoát sanh tử đây?

- **Biết đủ, xa lánh năm dục để hướng đến Giải Thoát.**

Nguyên nhân, đối với vật dục, cần Biết Đủ, đối với việc đời nên Tâm xa lánh. Được như vậy mới mong thuận theo pháp môn Tam Thừa Giải Thoát, hướng về Đạo quả Xuất thế Giải thoát.

Kết luận phần trước, mở ý phần sau.

此能淨尸羅 *Thử năng tịnh Thi La*

亦是定方便 *Diệc thị Định phương tiện.*

Thanh tịnh Thi La này, Là phương tiện để Định.

• **Nương Giới sanh Định.**

Đây là kết luận phần trước, mở ý phần sau; hiện tại phải nương vào Giới tăng trưởng học. Tăng trưởng học chính là Định Học tăng trưởng.

○ **Sáu loại pháp Tu làm cho Giới Học thanh tịnh.**

Trên đã nói: Giữ kỹ các Căn, Ăn uống điều độ, Ngủ thức theo Du Già, Chánh Tri để an trụ, tri túc, viễn ly đều có thể làm cho Thi La thanh tịnh. Hành trì được như vậy thì Giới Học thanh tịnh đúng như pháp.

○ **Chớ xem thường quy tắc sinh hoạt hàng ngày.**

Tuy Giới lấy Sát, Đạo, Dâm, Vọng làm gốc; nhưng trong sanh hoạt hàng ngày nếu mà tham cầu Ăn uống, đắm say trong Ngủ nghỉ, không thể giữ gìn các Căn, không biết mình đã làm gì; đối với Vật Dục chưa bao giờ biết đủ; đối với Nhân Sự chẳng có ý Xa Lánh. Như thế; chắc chắn Phiền Nã sẽ nhiều thêm, dẫn đến phạm Giới, làm Ác. Cho nên Phật chế Giới Luật, không những nghiêm trì Giới Tánh, mà còn, ứng dụng vào sanh hoạt hàng ngày, vào quy tắc của đoàn thể, vào oai nghi trong từng cử chỉ. Tất cả sinh hoạt đều áp dụng quy tắc đúng như Pháp mà Phật đã định. Như vậy, nguyên nhân

phạm giới sẽ giảm thiểu hay tức thì cảnh giác, phòng hộ nếu xảy ra ở hiện tại. Được thế, tự nhiên có thể đạt đến thanh tịnh về Giới pháp. Vì vậy, nói đến Giới học, chớ có xem thường sanh hoạt hàng ngày như ăn, uống..., đừng cho rằng không có quan hệ gì!

- **Giới thanh tịnh thì có khả năng tu Định.**

- **Giới học thanh tịnh là phương tiện của Định học.**

Với giới học thanh tịnh này cũng là phương tiện của Định học.

Đây là cơ sở đầy đủ cho việc tu Định, cũng có thể nói đây là công tác chuẩn bị cho việc tu Định.

- ***Dẫn kinh chứng minh.***

Kinh có nói: 戒淨便得無(熱惱追)悔; 無悔故歡; 歡故生喜; 由心喜故, 身得輕安; 身輕安故, 便受勝樂; 樂故心定. Giới tịnh tiện đắc vô (nhiệt não truy) hối; Vô hối cố hoan; Hoan cố sanh hỷ; Do tâm hỷ cố; Thân đắc khinh an; Thân khinh an cố; Tiện thọ thắng lạc; Lạc cố tâm định: Giữ Giới thanh tịnh thì được không Hối Hận (sự truy đuổi của nóng nảy, não phiền); Không hối hận nên Mừng (Hoan); Mừng nên sanh Vui (Hỷ); Do Tâm vui nên Thân được Nhẹ nhàng, An Ổn (Khinh An)

thân khinh an nên liền được Niềm Vui vượt trội (Thắng Lạc); Có niềm Vui Thù Thắng vì Tâm Định.

Đây chính là Trì Giới Thanh Tịnh thì, chắc chắn, Tâm An, Thấu Lý; tự nhiên tùy thuận được với mọi hoàn cảnh và hướng về Định Học.

▪ ***Giải nghĩa.***

Nếu theo sinh hoạt hàng ngày đúng như pháp thì nói rằng không nên mong muốn cao lương, mỹ vị; ăn uống quá độ; không nên đắm say ngủ nghỉ; mơ màng suốt ngày; lúc nào cũng giữ gìn các Căn; hiểu đúng hành động. Đây là cách trừ khử những chướng ngại cho việc Tu Định.

Cho nên khi Giới Thanh Tịnh thì: “*Ngủ an lạc, Thức an lạc, lìa xa tất cả não nhiệt trong Tâm*”; “*Không còn sợ hãi, Tâm lìa hoảng hốt*”. Thân, Tâm hoàn toàn ở trong an lạc, vắng lặng, càng giúp thêm cho việc Tu Định Học, tự nhiên hợp với Lý Tánh rõ ràng nên dễ Tu dễ Chứng.

○ ***Giới không thanh tịnh, Ý không đúng đắn thì thành Tà Định.***

Hầu hết mọi người chỉ ưa thích công đức Thiên Định, đâu biết rằng công đức từ Giới sanh ra. Không biết rằng Thân, Tâm của chính mình chỉ ở trong phiền não loạn động, giống

như cuồng phong, sóng dữ; muốn ngồi kiết già, nhắm mắt, đếm hơi thở... cố áp chế nó xuống, nhưng có dễ gì đạt được Định. Dù cho có được Định Lực, nhưng do Giữ Giới Bất Tịnh, Ý muốn Bất Chánh, thì cũng thành Tà Định thôi; kết quả là bị tà ma, phi nhân quấy nhiễu.

Tăng thượng Định Học.

Trước hết Tu Định

進修於定學 *Tiến tu ư Định Học*

離五欲五蓋 *Ly ngũ Dục ngũ Cái.*

Tiến tu bằng Định Học, Xa Năm Dục, Năm Cái.

- **Dựa vào Tịnh Giới mà tiến tu bằng Định Học.**

Vì tu Định mà giữ Giới, gọi là Tăng Thượng Giới Học. Giới học thanh tịnh như thế, đương nhiên, phải dựa vào giới để tiến tu Định Học.

- **Tu Định phải xa lìa pháp bất thiện ở cõi Ác Dục.**

Trước hết nên khẳng định nhận thức: Nếu tu Định mà muốn được thành tựu thì, nhất định “*Phải xa lìa pháp Bất Thiện Dục và Ác*”

Bởi vì Định thuộc thiện pháp của cõi Sắc và Vô Sắc. Nếu Tâm cứ lưu chuyển trong dục lạc, không xa lìa pháp bất thiện của cõi Dục. Thế thì không vào được thiện pháp của Cõi Sắc.

○ **Không xa lìa Dục mà muốn được Định là cực điên đảo.**

Ở điểm này, có một số người xem nhẹ. Luôn luôn nhớ đến Ăn, Uống; Nam Nữ; ham muốn ngũ Dục; đối nhân hành sự không lìa làm ác; mà lại muốn đạt được Định, muốn phát sanh Thần thông; thật là điên đảo cùng cực.

▪ ***Pháp điên đảo tướng đã chen vào trong pháp Phật.***

Trong Đạo giáo có cái điên đảo cực kỳ, trong Ấn Độ giáo cũng có; nghe nói cũng đã từng trà trộn vào trong Phật giáo.

Đây chính là muốn Tu Định mà lại xuất phát từ trong khoái lạc dâm dục nam nữ; sao lại nói: Tánh, Mạng song tu ư; Thân, Tâm song tu ư! Đây không chỉ là lừa dối người ngu mà, đặc biệt là dụ hoặc những người có tiền, có quyền mà thân, tâm rệu rã, già nua dần theo từng ngày; vẫn muốn hưởng thụ thỏa lòng.

▪ ***Từ Ấn Độ giáo trà trộn Tà Thuyết vào Phật Giáo.***

✓ **Đạo giáo cũng phê bình nghiêm khắc.**

Thật ra, tín đồ của Đạo giáo cũng không quen với phong cách tà vậy này, mà còn đã kích thẳng thắn.

✓ **Từ Ấn Độ giáo bàn về Tam Ma Bát Đề.**

Tín đồ Đạo giáo hiểu biết cạn cợt mà còn biết đạo nào tà, chánh; những người có Chánh Tri Kiến của pháp Phật, lại sai lầm sao?

Tam Ma Bát Đê có nghĩa là Đẳng Chí, Bình Đẳng Năng Chí.

Xuất phát từ Tam Ma Bát Đê của Ấn Độ, nói về Tâm, Cảnh của Thiên Định.

Ấn Độ lấy Tánh Giao Hợp Nam Nữ làm Tam Ma Bát Đê; Thư; Hùng Đẳng Chí (trống, mái cùng đến).

Chỉ có người Ấn Độ mới gọi Tánh Giao Hợp của Nam, Nữ là Tam Ma Bát Đê: Thư Hùng Đẳng Chí; vì trong lúc ấy Tâm, Cảnh Tập Trung; niềm vui Dục Lạc bao trùm khắp thân xác, giống như hiện tượng Định Tâm. Đây chính là hiện pháp Niết Bàn của Ngoại Đạo (Niết Bàn hiện tiền của Ngoại Đạo); vỗ bụng ăn no, kêu bình bịch và nói rằng Đây Chính là Niết Bàn, giống như hết khổ thì An Vui.

Không buông bỏ dục lạc, mà đi vào pháp Phật, mới là trà trộn, hỗn tạp.

Muốn có Định Lực, mà lại, không buông bỏ được Dục Lạc; từ trong ý nghĩa từ: Tam Ma Đát Đê phát sanh lộn xộn cố ý hay vô tình thuật Tu Tinh, Luyện Khí và dụng công dâm dục ngay trên sắc thân này mà, không biết, đang đi sai đường.

- **Lìa năm Dục, năm Cái.**

Ở trong pháp Bất Thiện nên lìa bỏ Dục và Ác. Dục là năm Dục; Ác là năm Cái.

○ **Năm Dục**

▪ ***Giải thích ý nghĩa.***

Năm Dục: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc là những tướng sắc sỡ, dụ hoặc. Đây là những thứ dụ dỗ; làm mê hoặc Tâm Người, là vật dục làm cho Tâm ta tham đắm, tìm tòi.

▪ ***Vì vị, Tai họa nên quán sát xa lìa năm Dục.***

Việc cần thiết của Tu Định là Nhiếp Tâm Hướng Nội, cho nên, phải lìa bỏ năm Dục.

Đối với Cảnh Giới năm Dục, thiết yếu, là không nếm vị. Đừng vì khoái cảm nhất thời mà mê hoặc, Loạn Tâm. Ngược lại, phải nhìn thấy cái tướng sai lầm, tai họa của nó mà, loại bỏ, dựa vào lý luận, sự thật để chán ghét nó.

Xem năm Dục là: Tên côn đồ giả nhân giả nghĩa; là thuốc bọc đường; như chút mật ngọt dính trên lưỡi dao bén.

Được vậy mới có thể không dính mắc vào cái Tướng kêu gọi, hấp dẫn một cách tinh tế của năm Dục và không sanh Tâm đắm đuối. Tâm ô nhiễm, đắm đuối không khởi lên, gọi là Ly Dục.

▪ ***Riêng nói chủ yếu của Xúc Dục là Dục giữa Nam và Nữ.***

Ở trong năm Dục thì Dục giữa Nam, Nữ là quan trọng nhất. Đây là lấy Xúc Dục làm chủ yếu, thu tóm các Dục Hành: Sắc, Thanh, Hương.

Sự ràng buộc giữa Nam, Nữ bằng Ân, Ái; thật khó mà ra khỏi. Đã bao nhiêu người vì yêu thương nam, nữ dẫn đến tội ác không cùng, dẫn đến khổ đau không xiết. Trong kinh hình dung là: Giống như dây thừng siết chặt; trói buộc người ta đến rách da, nát thịt, bong gân, gãy xương cũng không thể lìa bỏ nhau được.

Đây là tương đối nghịch với việc Tu Định; cho nên dù là đệ tử tại gia, nếu muốn tu tập Thiên Định mà không tiết chế Dâm Dục, thì cũng không thể.

○ **Năm Cái.**

▪ ***Giải thích ý nghĩa.***

Năm Cái (che phủ) là: Tham Dục che phủ; Giận Hờn che phủ; Tội Tăm Ngũ Nghi che phủ; Lãng Xăng làm Ác che phủ; Nghi Ngờ che phủ Tánh Giáo.

Năm thứ này che phủ Thiện pháp, Tâm Tính (tức là Tánh Giác) không để phát sanh; đối với việc tu tập Định, Huệ là sự trở ngại quá lớn; nên gọi là Che Phủ (cái).

▪ ***Nói riêng nhân duyên sanh ra Năm Cái.***

Dục Tham (ham muốn): từ tướng vi tế, hấp dẫn cực độ của năm Dục khởi lên.

Sân Nhuê (Giận Hờn): Từ cảnh ghen ghét khởi lên.

Hôn trầm (Tối Tăm): Tâm thức mê muội, yếu đuối, ưa ngủ nghỉ; đây là từ Tướng Tối Tăm khởi lên.

Trạo Cử (Lãng Xăng): Trạo cử và Hôn Trầm tương phản. Đây là sự hưng phấn, loạn động cực độ của Tâm Tánh. Hối hận do làm ác: do nhớ đến bà con, tổ quốc, bất tử; cho đến sự tình ở quá khứ; hoặc loạn tưởng về ba đời nên phát sanh.

Nghi: Từ ba đời phát sanh; không thể suy nghĩ đúng về các pháp Hữu Vi do Nhân Duyên sanh lưu chuyển trong ba đời nên, chấp chặc vào Ngã và Ngã Sở rồi, suy luận về Cái Ta trong đời quá khứ là gì,... Đây là một loại nghi ngờ.

▪ ***Phương pháp đối trị năm Cái.***

Ở đây phải tu quán Bất Tịnh để đối trị Tham Dục; tu quán từ Bi để đối trị Giận Hờn; tu quán Duyên Khởi để đối trị Nghi Ngờ; tu quán Quang Minh (quán sát ý nghĩa các pháp) để đối trị Hôn Trầm, Trạo cử; Miên; tu quán Hơi Thở để đối trị Trạo Cử, Ác Tác. Năm Cái này trừ hết thì Thiên Định cũng Thành Tựu.

Pháp môn an trụ Tâm.

不淨及持息 *Bát Tịnh cập Trì Tức,*

是名二甘露 *Thị danh Nhị Cam Lộ.*

Bát Tịnh và Trì Tức, Là hai cửa ngõ vào Niết Bàn.

- **Pháp môn Trụ Tâm để tu Định**

Vì tu tập để phát sanh Chân Huệ nên phải tập tu Thiền Định, gọi là Tâm (Định) Tăng Thượng Học; đó là pháp môn Trụ Tâm.

- **Khai triển pháp môn Trụ Tâm.**

- **Hai cửa Cam Lộ: Bát Tịnh; Trì tức.**

Phật thường dạy Quán Bát Tịnh và Niệm Hơi Thở để cho đệ tử, theo đây, thực hành, tu định là để phát sanh Chân Huệ. Thời xưa gọi là Hai Cửa Ngõ đi vào Niết Bàn (Nhị Cam Lộ Môn).

Cam lộ là tiếng Ấn Độ, theo truyền thuyết Trung Quốc tương tự Tiên Đơn (thuốc Tiên), thuốc Bất Tử. Phật pháp lấy đây làm ví dụ cho Niết Bàn không sanh diệt. Tu tập hai pháp môn này thì giải thoát được Sanh, Tử nên gọi là Cửa Vào Niết Bàn.

- **Luận sư đời sau lấy Giới chia ra thành Tam Độ Môn (ba cửa vượt qua).**

Sau này, luận sư đời sau lấy Giới chia ra thành Tam Độ Môn (ba cửa vượt qua).

Sau này, luận sư thuộc A Tì Đạt Ma thêm vào Giới phân Biệt, gọi là Tam Độ Môn: Bất Tịnh Quán, Sở tức quán, giới phân biệt quán (Đất, Nước, Lửa, Gió, Không, Thức).

○ **Tổ sư tóm lại thành Ngũ Đình Tâm.**

Phật chỉ dạy Thiền quán là dựa vào phiền não khác nhau của chúng sanh, đưa ra phương pháp tu tập để đối trị các phiền não ấy cũng không giống nhau; cốt làm cho Tâm dần dần trở về với an định vắng lặng.

Và các bậc tổ sư đã tổng hợp thành Ngũ Đình Tâm (Huyền Trang dịch là Ngũ Chứng Tịnh Hạnh). Đây chính là lấy Bất Tịnh Quán đối trị Tham Dục; Từ Bi Quán đối trị Giận Hờn; Duyên Khởi Quán đối trị Ngu Si; Giới Phân Biệt đối trị Ngã Mạn; Trì Tức Niệm đối trị Suy Tư Tán Loạn. Đây là cách nhắm vào một loại phiền não đặc biệt nào đó để sử dụng phương pháp đối trị khác nhau.

• **Phần nhiều, Phật dùng hai cách để dạy.**

○ **Bất tịnh quán.**

Trước tiên dùng tướng bất tịnh của tử thi mà quán; có chín cách quán: 1. Thân phình tím ngất; 2. Mủ căng thối rữa; 3. Tan rã đổi dạng; 4. Trương sinh; 5. Dòi bọ đục khoét; 6. Máu chảy ràn rụa; 7. Tan rã nhày nhụa; 8. Trơ bộ xương trắng; 9

Thi thể tiêu tan. Chín pháp quán này để đối trị Sắc Dục, Dâm Dục, sức mạnh đắm say thân thể.

○ **Niệm trì tức.**

Thường gọi là Quán Sổ Tức, là tâm nhớ thở ra, hít vô để tu tập Thiền Định. Đây là Lục Diệu Pháp Môn (sáu cách vi diệu tu Định): Sổ (đếm hơi thở vô, ra); Tùy (tâm theo hơi thở vô, ra); Chỉ (tâm ngưng lại, không theo hơi thở); Quán (phân tích, quán sát cái tâm thật rõ ràng); Hoàn (hướng tâm vào trong để soi rõ tâm năng quán hư dối và trí vô lậu sanh); Tịnh (tâm vô chấp, vọng động không sanh khởi).

Còn có mười sáu phương pháp tu quán niệm hơi thở.

Bảy Định phát sanh Huệ.

依此而攝心, *Y thử nhi nhiếp Tâm,*

攝心得正定, *Nhiếp Tâm đắc Chánh Định.*

能發真慧者, *Năng phát chân Huệ giả,*

佛說有七依. *Phật thuyết hữu thất y.*

Nương đây mà nhiếp Tâm, Nhiếp Tâm được Chánh Định.

Phát sanh chân Trí Huệ, Phật dạy nương bảy thứ.

- **Nhiếp Tâm không loạn là Tu Định.**

Nương vào pháp môn đã nói ở trên, đó là: quán Bất Tịnh; nhớ giữ Hơi Thở mà tu tập Nhiếp Tâm, không để tán loạn. Đó chính là Tu Định.

○ **Khác nhau giữa Tu Định và Tu Quán.**

▪ ***Tu Định và Tu Quán đều có tướng Sở Duyên.***

Không luận là Tu Định hoặc là Tu Quán Huệ, bắt đầu đều có Tướng của Cảnh Sở Duyên.

Như lấy Tướng Bất Tịnh thân phình tím ngắt làm Cảnh hoặc lấy hơi thở ra, vô làm Cảnh.

▪ ***Quán sát, tư duy là Tu Quán; nhiếp tâm không tán loạn là Tu Định.***

Đối với Cảnh Tướng Sở Duyên thì có thể nương vào nhiều loại Tướng Sở Duyên mà Nhiếp Tâm. Nhưng theo đối trị làm chướng ngại Định thì chủ yếu là: Tham Dục và Tán loạn. Để phát sanh Chánh Định mà nói thì không thể không nói Hai Pháp Quán này là hữu hiệu nhất, là vững chắc nhất! Trong quá trình tu tập Nhiếp Tâm, nếu đạt đến xa lìa năm Dục, dứt trừ năm Cái; thế là Tâm an tịnh, sáng suốt; sẽ phát sanh công đức và thành tựu rất nhanh; vì vậy nói Nhiếp Tâm thì được Chánh Định.

○ **Giải thích Chánh Định.**

Nói Thiên Định theo thông thường, thì không phải là Tà Định, Vị Định mà là Chánh Định. Nói Thiên Định theo pháp xuất thế thì Định Vô Lậu mới là Chánh Định.

• **Chỉ có bảy Định mới phát sanh được Trí Huệ.**

Đệ tử thuộc hàng Hiền, Thánh của Tam Thừa, vì phát sanh Trí chân thật mà tu Định.

○ **Định Cảnh từ cạn vào sâu, nhưng không ra ngoài Tứ Thiên, Bát Định.**

Định Cảnh từ cạn vào sâu, cấp bậc khác nhau; cuối cùng, Thiên Định nào có thể dựa vào đó để tu phát sanh Chân Huệ?

Thâu tóm tất cả phương pháp Định để tu tập, phát triển, không ngoài những cấp bậc lớn này: Tứ Thiên, Bát Định (còn không có Diệt Thọ, Tướng Định, đây là chỗ tu chứng của bậc Thánh); khoan, chưa nói đến.

▪ ***Tứ Thiên, Tứ Vô Sắc Định.***

Tứ Thiên là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

Bát định là: Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định.

▪ ***Quá trình từ Tán Tâm đến Định Cảnh.***

✓ **Nói tóm tắt ba loại Định: Cận Phần Định, Trung Gian Định, Căn Bản Định.**

- Vị Đáo Định là Cận Phần Định của Sơ Thiên.

Nếu từ Tán Tâm thông thường, tu từ từ khi đi vào Định cảnh. Bước vào thứ nhất là Vị Đáo Định (chưa đến Định), đây là trước khi vào Căn Bản Định của Sơ Thiên, là tầng Thiên Sắp Đến Sơ Thiên mà chưa phải là Cận Phần Định của Sơ Thiên. Giống như sắp đến thành thị thì trước đi đến vùng ngoại ô, cũng có một số cửa hàng buôn bán.

- Sơ thiên là Căn Bản Định.

Còn tiến thêm một bước nữa là tu đến Sơ Thiên.

- Ở giữa Sơ Thiên, Nhị Thiên có Định Trung Gian và Định Cận Phần.

Ở giữa Sơ và Nhị Thiên có Thiên gọi là Trung Gian.

Khi sắp đến Nhị Thiên mà vẫn chưa đến thì có Thiên Cận Phần của Nhị Thiên.

✓ Nhị Thiên trở lên, mỗi một Định đều có ba loại.

Từ đây trở lên, mỗi một Định đều có một Định Trung Gian, Định Cận Phần và Định Căn Bản.

✓ Tiểu kết.

Nhưng nói chung là Tứ Thiên, Bát Định; hay là ở Căn Bản Sơ Thiên trở về trước, thêm vào một Vị Đáo Định là được.

○ **Giải thích bảy Định phát sanh được Trí Huệ.**

▪ ***Định Phi Tướng Phi Phi Tướng không thể phát sanh Trí Huệ.***

Ở trong Tứ Thiên, Bát Định này thì Định cuối là Phi Tướng Phi Phi Tướng có Tâm Định rất vi tế nên Tâm Lực không đủ mạnh mẽ, không thể dựa vào nó (Tâm) mà tu tập, phát sanh Trí Huệ chân thật.

▪ ***Định Vị Đáo thuộc Sơ Thiên và Thất Định.***

Vì vậy, có đủ khả năng phát sanh Chân Huệ, Phật nói: Chỉ có Thất Y Định (chỉ có bảy Định dựa vào tu tập mới phát sanh được Chân Huệ). Đó là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Vô Biên Xứ, Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ.

Nhưng Định Vị Đáo ở bắt đầu cũng có thể phát sanh Huệ. Đây là Cận Phần Định của Sơ Thiên, cho nên thu vào Sơ Thiên. Liên quan đến tu tập Định Học; chính là pháp tu Nhiếp Tâm khiến cho Tâm An Trụ. Ở dưới sẽ nói rõ hơn.

Huệ Tăng Thượng Học.

增上慧學者 *Tăng thượng Huệ học giả,*

即出世正見 *Tức xuất thế Chánh Kiến.*

Người Tăng Thượng Huệ Học, Là Chánh Kiến xuất thế.

- **Tăng thượng Huệ Học là Chánh Kiến xuất thế.**

Đạo Đế là Tam Học, Bát Chánh Đạo Giới Học, Định Học đã nói rồi. Bây giờ nói đến Huệ Học.

Huệ Học là Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo, còn có Chánh Tư Duy.

Vì vậy nói chung là Tăng Thượng Huệ Học, chính là chánh kiến xuất thế.

○ **Tăng Thượng Huệ Học là cứu cánh của Huệ Chân Thật.**

Thế nào là Tăng Thượng Huệ Học? Vì làm nơi nương tựa của sự Giải Thoát để Tu Huệ. Gọi là Tăng Thượng Huệ.

Đây, đương nhiên, không phải là Tục Tri, Tục Kiến (Cái Biết, Thấy thông thường), mà là Huệ rốt ráo chân thật.

○ **Giải thích hai loại Chánh Kiến: Thế và Xuất Thế Gian.**

▪ ***Chánh kiến thế gian.***

Như trên đã nói: Biết thiện, ác; Biết nghiệp báo; Biết kiếp trước, đời sau; Biết phàm, thánh đều còn là Chánh Kiến pháp Phật thuộc thế gian.

▪ ***Chánh kiến xuất thế gian.***

Để ngộ được Chân Lý, dứt được Phiền Não và được giải thoát nên phải có Chánh Kiến Xuất Thế.

Thế nào gọi là Xuất Thế? Đó là pháp siêu việt, vượt hẳn ý nghĩa thông thường của thế gian (hay phàm phu). Hay là

Chánh Kiến thấu rõ Chân Lý. Hay là Chánh Kiến Vô Lậu khi lìa xa phiền não, đều gọi là Chánh Kiến Xuất Thế.

Ở trong thuyết minh này, hiện rất chú trọng vào thẳng nghĩa (nghĩa vượt trội hơn hết): Nghĩa Trì Kiến Chân Thật.

- **Huệ là Bát Nhã không bắt đầu không kết thúc.**

Huệ, tiếng Phạn gọi là Bát Nhã.

- **Bát Nhã là cứu cánh, là căn bản.**

Ở trong tất cả công đức có được do tu tập Phật pháp thì, Bát Nhã là rốt ráo nhất, có được Bát Nhã, có thể nói, là về đến nhà rồi.

Thê ngộ chân lý, việc lớn là giải thoát Sanh Tử cũng đã làm xong; cửa thành lớn Niết Bàn đã mở toang.

Nếu không có Bát Nhã, dù thực tập pháp môn gì đi nữa, cũng đều không thể Giải Thoát Sanh Tử.

Bát Nhã còn là căn bản nhất; Bát Nhã là người lãnh đạo mở lối, dẫn đường tiến tu tất cả công đức, tương ứng với tất cả công đức.

- **Ở trong Tam Học và Bát Chánh Đạo thì Bát Nhã là vô thỉ vô chung.**

Trong Tam Học, Huệ Học là tối hậu, là chỗ nương tựa tu tập để được Giải Thoát; Nếu ở trong Bát Chánh Đạo thì lấy Chánh Kiến làm đầu.

Đã nói rõ địa vị của Bát Nhã trong Phật pháp là vô thủ vô chung; Nó là người lãnh đạo cũng là người hoàn thành.

• **Huệ là tên khác của Bát Nhã.**

Trong kinh điển của Tam Thừa Cộng Pháp, Huệ có rất nhiều tên gọi, như Huệ, Kiến, Minh, Quán, Nhẫn, Trí, Giác; Chỉ Quán, Chánh Kiến, Chánh Trí; Chánh Tư Duy; Như Thật Quán, Như Thật Trí, Như Thật Kiến; Như Thật Trí Kiến, Như Thật Tư Duy; Trạch Pháp...

b. Tám Loại Chánh Đạo.

Văn, Tư, Huệ.

Chánh Kiến.

Chánh Kiến Duyên Khởi.

Dựa và Nhân Lưu Chuyển

佛 為 阿 難 說:

緣 起 義 甚 深,

此 有 故 彼 有,

此 生 故 彼 生,

無 常 空 無 我,

惟 世 俗 假 有.

Phật vì A Nan nói:

Đây có nên kia có,

Phật Vị An Nan thuyết:

Duyên Khởi nghĩa thậm thâm

Thử hữu cố bỉ hữu.

Thử sanh cố bỉ sanh,

Vô thường, không Vô Ngã,

Duy thế tục giả hữu.

Nghĩa Duyên Khởi rất sâu

Đây sanh nên kia sanh,

Vô thường, Không, Vô Ngã, Chỉ thế tục là giả

• **Huệ học về Duyên Khởi là Chánh Kiến từ Thế đến Xuất Thế.**

Xuất thế là pháp môn giải thoát, không ra ngoài hai cương lĩnh Tứ Đế và Duyên Khởi, cho nên nói đến Huệ Học Xuất Thế cũng là nói thấu đáo Huệ Học Duyên Khởi và liễu tri Tứ Đế. Bây giờ, trước từ Chánh Kiến mà nói.

○ *Từ sự tương của Nhân Quả ngộ giải Lý Tánh của Duyên Khởi.*

- *Duyên Khởi của Nhân Quả Tương Sanh, chẳng phải là Nghĩa Duyên Khởi sâu tột.*

Ở trên đã nói mười hai Duyên Khởi, trong hiểu biết của người bình thường, đây chẳng qua là Nghiệp Cảm Duyên Khởi, nói rõ về quá khứ của nghiệp Cảm Duyên Khởi, nói rõ về quả khổ của nghiệp cảm. Nói rõ về sự miên tục, vô hạn của Sanh, Tử mà, chẳng phải do Thần tạo ra; do Chính Mình. Đây là một bộ phận học giả phân biệt Pháp Tướng của Phật. Nếu dùng như vậy, thì cũng chỉ là Thế gian Chánh Kiến về Duyên Khởi, làm sao có thể Giải Thoát Sanh Tử đây?

Thầy A Nan đã từng đại biểu cho cái Tri Kiến này nên cho rằng Duyên Khởi rất dễ hiểu. “*Nhân đây, Đức Phật dạy thầy A Nan: Pháp do các Duyên Sanh, nghĩa ấy cực sâu thẳm*”;

nghĩa của Duyên Khởi thì sâu thẳm vô cùng như biển lớn, khó đo đến đáy được. Nên biết rằng Duyên Khởi là Pháp mà, Đức Phật đã Chứng Ngộ được cội cây Bồ Đề; không cần đề cập đến người mà, cho đến Trời, Ma Vương, Phạm Thiên cũng đều không thể thông đạt được Lý Duyên Khởi.

Đây là chỗ Phật pháp siêu việt thế gian, là căn nguyên vượt trội ra khỏi thế gian, đương nhiên, *“Pháp này sâu thẳm vô cùng, khó thông đạt biết bao”*

- ***Tất nhiên, Lý Tánh Nhân Quả tương sanh là giai đoạn bắt đầu của thân nghĩa về Duyên Khởi.***

Nếu nhân quả tương sanh của mười hai chi Duyên Khởi nói rõ sự vô hạn, mãi mãi của Sanh Tử. Điều này thôi đã rất sâu thẳm!.

Còn quán sát về sanh tử của chúng sanh, từ bắt đầu đến kết thúc cũng như vậy, đều dựa vào tình hình lưu chuyển của mười hai chi Duyên Khởi.

Đã là chúng sanh thì phải có sanh tử và không thể vượt qua thứ tự của mười hai chi Duyên Khởi.

Vì thế, mười hai chi là thứ tự nhân quả của sanh tử, có tánh tất nhiên và phổ biến.

Từ sự thật không giống nhau về nhân quả mà hiểu rõ được lý tánh tất nhiên của tất cả chúng sanh cộng đồng, tín giải

kiên định; đây mới là bước đầu đến sự thành công; còn phải vào sâu hơn nữa mới giác ngộ cùng tột nghĩa chân thật uyên thâm hơn.

○ **Phương pháp Duyên Khởi là tường tận chi này nên tường tận chi kia.**

▪ ***Dựa vào thứ tự của Duyên Khởi mà đi vào pháp tắc của Duyên Khởi.***

Việc chỉ bày Duyên Khởi của Phật, nói chung là:

此有故彼有、*Thử hữu cố bỉ hữu,*

此生故彼生、*Thử sanh cố bỉ sanh,*

謂無明緣行、*Vị Vô Minh duyên Hành,*

行緣識…生緣老死。 *Hành duyên Thức… Sanh duyên Lão Tử.*

Nhờ có đây, kia có, Đây sanh nên kia sanh.

Nghĩa là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức… Sanh duyên Lão Tử.

Nên biết rằng:

Vô Minh, Hành… Lão Tử là Nhân Quả tương sanh của mười hai chi, là thực sự Duyên Khởi hay là trật tự của Duyên Khởi; nhưng “*Đây có vì kia có, Đây sanh vì kia sanh*” mới là pháp tắc của Duyên Khởi.

Lý do Nhân Quả trở thành Nhân Quả, lý do Sanh Tử trở thành Sanh Tử là cả hai đều không rời được định luật: Thử hữu cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh. Như thế là tiến đến Lý Tánh thông thường của Duyên Khởi sự vật.

▪ ***Pháp tắc: “Cái này có nên cái kia có” đã thu tóm hết tất cả sự vật và Sanh Tử.***

✓ Nhân quả Có và Sanh đều dựa vào Nhân Duyên.

Thử hỏi: Nhân quả đến cùng có ý nghĩa gì? Vì sao tụ hợp mới thành Nhân Quả? Nói Duyên Khởi dựa theo lời Phật dạy:

- Hữu là hiện hữu, tồn tại; Sanh là hiện khởi.

Đây không phải là Tự Có, là tồn tại vĩnh hằng, mà là sự tồn tại trong sanh diệt; cho nên còn nói là Sanh. Sanh có nghĩa là Hiện Khởi; Hữu có nghĩa là Tồn Tại.

Theo ý nghĩa triết để mà nói: Tồn tại chính là Hiện Khởi; Hiện Khởi chính là tồn tại.

- Tồn Tại và Hiện Khởi đều không lìa khỏi Nhân Duyên.

Vì sao có thể Tồn Tại? Vì sao có thể Hiện Khởi? Vì hai hiện tượng này không lìa khỏi Nhân Duyên.

Dựa vào sự quan hệ của Nhân Duyên mới có được Tồn Tại, mới có được Hiện Khởi.

Nhân Duyên ấy là gì? Mà cũng tồn tại, Hiện Khởi như thế. Nếu nó không Tồn Tại và Hiện Khởi thì không thể trở thành Nhân Duyên cho sự tồn tại của Quả Pháp và Sanh Khởi! Tự thân của Nhân Duyên ấy đã tồn tại, hiện khởi; đương nhiên, nó cũng phải dựa vào một Nhân Duyên khác. Cái nhân duyên này, đương nhiên, cũng không thể không tồn tại và hiện khởi.

✓ Dựa vào Nhân Duyên, tất cả được thành lập trong pháp tắc: “Cái này có nên cái kia có”.

Quán sát được sâu sắc như vậy thì hết thấy sự vật trong thế gian, sanh tử của hết thấy chúng sanh đều phải dựa vào Nguyên Lý này mới thành lập được; nhờ (Hữu) tồn tại cho nên Quả tồn tại, nhờ (Sanh) hiện khởi cho nên Quả hiện khởi. Tất cả đều dựa vào Nhân Duyên, cũng không lìa khỏi Nhân Duyên; Lìa khỏi Nhân Duyên thì không thể Tồn Tại.

▪ ***Dựa vào pháp tắc: Thử Cố Bĩ thấu đạt được ý nghĩa sâu thẳm của Chánh Kiến Duyên Khởi.***

Dựa vào định luật này: “Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh” mà quán sát thấu đáo thì hết thấy đều không Tự Có, Hằng Hữu được; tất cả thế gian, tất cả sanh tử, bất cứ trước, sau hay đồng thời; hết thấy đều chuyển biến trong tương quan, nhờ cậy lẫn nhau mà tồn tại tương quan lẫn

nhau mà biến chuyển, nhờ cậy lẫn nhau mà tồn tại mới thành Nhân Quả được. Cho nên, theo định luật Nhân Quả: “*Thử hữu cố bỉ hữu, thử sanh cố bỉ sanh*” mà Đức Phật đã chứng ngộ thì hiểu ý nghĩa sâu sắc của Chánh Kiến Nhân Quả. Nếu không như thế thì chỉ là sự quán sát Nhân Quả một cách tầm thường!

• **Từ Duyên Khởi “Thử Cố Bỉ” tiến lên quán sát: vô thường, Vô Ngã, Thế Tục giả có.**

Căn cứ vào quán sâu sắc Nhân Quả này đi đến cái nhìn đúng đắn tất cả thì có thể hiểu chánh xác rằng:

Tất cả là Vô Thường, là Không, Vô Ngã

○ **Quán duyên khởi Vô Thường.**

▪ ***Tất cả pháp đều là vô thường.***

Tất cả pháp tồn tại và sanh khởi đều là vô thường.

Bạn xem! Thế giới thành rồi sẽ hoại, quốc gia hưng rồi sẽ suy vong, chúng sanh sống rồi sẽ già chết.

Nhất kỳ vô thường: Tồn tại trong một thời gian rồi tiêu hoại, suy vong, già chết.

Sát ra vô thường: Trong từng sát na, tất cả đều sanh, diệt không ngừng, vừa sanh thì liền tiêu diệt, không tồn tại dù trong thời gian ngắn nhất.

▪ ***Sanh, diệt, vô thường, tất nhiên đi đến diệt tận.***

Tất cả những hiện tượng này, vì sao lại sanh, diệt, vô thường? Đó là vì Duyên Khởi!

Từ Nhân Duyên mà Có, không thể không dựa vào Nhân Duyên, duyên không Thật Có thì cũng trở về với Không.

Đó là từ Nhân Duyên mà Sanh Khởi, đương nhiên, cũng dựa vào Duyên mà Diệt.

Tất cả dựa vào Duyên mà Tồn Tại và Sanh Khởi, tất nhiên, sẽ sanh, diệt, vô thường.

Trong kinh nói đến Vô Thường, vì vô thường, không vĩnh hằng, không thể tin được, không an ổn...; Tất cả đã được kinh nói rõ. Tất cả pháp vốn, do Nhân Duyên sanh; dựa vào tự thể của chúng sanh mà nói: Không có gì trường tồn hay vĩnh cửu; không có gì có thể nương tựa, cuối cùng đều trở về tiêu tan, diệt tận.

○ **Quán duyên khởi Vô Ngã.**

Nói đến Không và Vô Ngã có thể có nhiều cách giải thích khác nhau, hiện tại cứ dựa Vô Ngã mà nói.

▪ ***Quan niệm Hữu Ngã thông thường là chấp có Chủ Thể.***

Ngã có nghĩa là Chủ Thể. Chủ là so với cái khác, không dính líu gì, tự cho mình làm Chủ; Thể là do riêng Ta chi phối. Tóm lại Ngã là: Tự do, Tự tại, Tự chủ.

Mọi người đều biết Có Ngã; tôn giáo thường hay nói chúng sanh (hoặc chỉ nói Nhân Loại) có một Cái Ngã (hay Linh Hồn).

Nhưng Ngã ở đâu? Nó ra làm sao? Hầu hết, con người không suy xét về những điều này; đến tay các nhà tôn giáo và triết học mới trải qua một phen suy cứu. Ở đây có nhiều vấn đề, ý kiến khác nhau; nhưng tóm lại, hiểu ra không thể không có Thường Trụ, Bất Biến, Tự Do, Tự Tại làm chủ thể sanh mạng của con người, chúng sanh; mà còn hiểu ra cái Thường Trụ, Tự Tại này cũng chính là An Lạc. Cái này, trong tương lai, mới là Cái trở về Nước Trời hay trở về với Giải Thoát để hưởng thọ Tự Do vĩnh viễn.

▪ ***Quan niệm Vô Ngã của Phật Giáo là Duyên Khởi, Vô Thường.***

Nhưng trong Chánh Quán của Đức Phật thì Ngã hoàn toàn không tồn tại; Chúng Sanh chẳng là cái gì riêng biệt, mà chỉ là năm Uẩn, 6 Xứ, 6 Giới; chỉ là Hiện tượng Nhân Quả của Thân, Tâm tồn tại và sanh khởi.

Tất cả dữ kiện này lưu chuyển không dừng. Trong đó có Cái Ngã thường còn, Bất Biến sao?

Đó là sự Tồn Tại nương tựa lẫn nhau. Trong ấy có Cái Ngã Độc Lập sao?

Không thường Còn, không Tồn Tại Độc Lập. Trong ấy có Cái Ngã Tự Chủ, Tự Dao sao?

Chánh Quán về Vô Thường, Vô Ngã, như Phật thường nói rằng:

色等一切法無常，無常即苦不安穩，不自由；苦即非我。非我者亦非我所。如是觀者。名真實正觀。 *Sắc đẳng nhất thiết pháp vô thường; Vô thường tức khổ bất an ổn, bất tự do.* Khổ tức phi Ngã; Phi Ngã giả diệt Phi Ngã Sở. Như thị quán giả, danh kỳ thật Chánh Quán.

Tất cả pháp, như sắc..., Vô Thường; Vô Thường là khổ, không an ổn, không tự do.

Khổ là Chẳng Phải Ngã; Chẳng Phải Ngã cũng Chẳng Phải Ngã Sở. Quán Sát như thế, gọi là Chân Thật Chánh Quán.

- **Quán Duyên Khởi Giả Hữu.**

- **Tất cả thế gian, chỉ có thế tục là giả có.**

Như thế, thế giới cũng tốt, chúng sanh cũng tốt, tất cả mọi thứ cũng tốt; chỉ có thế tục là Giả Có. Trừ Giả Có của Thế Tục ra, cái gì cũng không thể có.

- **Nói rõ về Giả Có của Thế Tục.**

Vì sao gọi là Thế Tục? Vì sao gọi là Giả Có?

▪ ***Thế Tục.***

Thế tục có nghĩa là trôi nổi, hư ảo không thật.

Theo sự trải nghiệm của chúng ta thì tất cả Tâm Phân Biệt, Hư vọng của chúng sanh mà tất cả đã phát hiện để biết được cái này là cái gì, cái kia là cái gì; trong Tâm biết được cái đó, hiểu được rằng tại sao gọi tên nó như vậy.

Tất cả nhận thức tâm thường về Thế Chất, Hình Thái, Tác Dụng, tất cả đều là Thế Tục.

▪ ***Giả Hữu.***

Thế tục chính là Giả Hữu. Giả Hữu không phải nói Bất Cứ Cái Gì Đều Không Có, đây là giả lập Ý Nghĩa của Có nên, cũng gọi là Giả Danh. Đây chính là dựa vào Nhân Duyên mà Tồn Tại, mà Hiện Khởi. Tuy vậy, Nhân Quả, Pháp Tắc này rõ ràng thứ lớp, không rối loạn. Đây chỉ là Giả Lập mà Có thôi.

▪ ***Dựa vào Kinh Thắng Nghĩa không để làm sáng tỏ Thế Tục Giả Hữu.***

- Tất cả pháp Nhân Quả về Vô Thường, Vô Ngã là Thế Tục Giả Có.

Trong kinh Thắng Nghĩa không của Tạp A Hàm, Phật nói Vô Thường, Không, Vô Ngã, “trừ Tục Số Pháp. Tục Số Pháp

là: 此有故彼有, 此起故彼起...” : *Thử hữu cố bỉ hữu, thử khởi cố bỉ khởi*”.

Vì vậy, tất cả pháp Nhân Quả về Vô Thường, Vô Ngã; Phật gọi đó là Cái Giả Có của Thế Tục.

- Lấy nhãn căn thấy sắc làm ví dụ cho Thế Tục Giả Hữu.

Ví dụ: Con người là sáu căn nắm giữ Cảnh Giới, đưa đến phát sanh hoạt động tổng hợp của sáu Thức.

Song, nếu nhãn căn thấy được sắc; nhờ thấy được sắc, cho nên mới xác định có nhãn căn.

Nhưng, cuối cùng, cái gì là nhãn căn?

“眼不實而生, 生已盡滅: 也就是眼生時無有來處, 滅時無有去處。” : *Nhãn bất thật thị sanh, sanh dĩ tận diệt, dã tận thị, nhãn sanh thời vô hữu lai xứ, diệt thời vô hữu khứ xứ*”: Nhãn không thật mà sanh, sanh rồi diệt hết, cũng chính là: Khi nhãn sanh không có chỗ đến, khi diệt không có chỗ đi.

Nguyên nhân của nhãn căn vì có Duyên Khởi sanh ra; anh không thể tưởng tượng là có một nhãn căn chân thật, từ trong đó sanh ra. Nói thất sắc cũng không phải có một thực thể tồn tại độc lập, rồi một mình nó đủ khả năng sanh ra tác dụng kiến sắc. Kiến sắc có nhiều yếu tố quan hệ mới thành tựu

được; cho nên, cũng không thể nói có một tự thể nhãn căn chân thật đủ để thấy được sắc.

Vì thế, nhãn căn mới sanh liền diệt; anh cũng không thể tưởng tượng được có một nhãn căn tự thể chân thật, diệt đến chỗ đó, rồi mất.

Kinh Thắng Nghĩa không nói khá rõ ràng: Tất cả sự vật trong thế gian, như: Thế giới, Chúng sanh, Sắc, Tâm đều là Giả Có của Thế Tục, Tồn Tại do Duyên Khởi.

- **Chúng sanh ở trong Sanh Tử với Vô Thường, Vô Ngã, Duyên Khởi, giả Hợp tương tục không ngừng.**

Đây là những hiện tượng Vô Thường, Vô Ngã nhưng trong trạng thái tương quan chuyển biến, nương tựa lẫn nhau. Chúng sanh tồn tại trong hòa hợp và tương tục, trôi nổi không ngừng ở trong biển lớn sanh tử. Sanh tử tiếp nối không ngừng, cũng chính là Luân Hồi không ngừng, khổ đau không ngừng.

Dựa vào Nhân trở lại Diệt Trừ.

此無故彼無, *Thử Vô cố bỉ Vô,*

此滅故彼滅, *Thử Diệt cố bỉ Diệt;*

緣起空寂性, *Duyên khởi không Tịch Tánh,*

義倍復甚深. *Nghĩa bội phục thậm thâm.*

Đây Có nên kia Có, Đây Diệt nên kia Diệt,
 Duyên Khởi Tánh vắng lặng, Nghĩa sâu thăm bội phần.

• **Từ Duyên Khởi: Đây không, kia không thấy được pháp Giải Thoát Sanh Tử.**

○ *Sanh tử vì đây có, kia có; do Đây Không, Kia Không mà hoàn diệt (trở lại diệt trừ).*

▪ *Sanh tử và Giải thoát đều từ Duyên Khởi.*

Sinh Tử thuộc Vô Thường, Vô Ngã; từ Phiền Nã khởi Sanh Nghiệp; từ Nghiệp sanh khởi Quả Khổ, lại từ Quả Khởi sanh Hoặc Nghiệp.

Đây là Sanh Tử của Duyên Khởi. Đây có phải là dòng Sanh Tử trôi chảy mãi mãi, không ngừng không? Không! Sanh, Tử có thể Giải Thoát được.

Vì sao có thể Giải Thoát Sanh Tử? Bởi vì nó Duyên có của Pháp Duyên Khởi.

▪ *Nói riêng về Luật Hoàn Diệt của Duyên Khởi.*

Sau khi Phật dạy xong Sanh tử lưu chuyển của Duyên Khởi; tiếp theo Phật dạy Sanh tử Hoàn Diệt như sau: 此 無 故 彼 無, 此 滅 故 彼 滅... 純 大 苦 聚 滅。 *Thử vô cố bỉ Vô, Thử Diệt cố bỉ Diệt; vị Vô Minh Diệt cố Hành Diệt, Hành Diệt cố Thức Diệt... Thuần đại Khổ Tụ Diệt:* Cái này không nên Cái kia Không, Cái này Diệt nên Cái Kia Diệt;

nghĩa là: Vô Minh Diệt nên Hành Diệt, Hành Diệt nên Thức Diệt... Đại khổ tộ hoàn toàn Diệt.

✓ Đặc tính của Duyên Khởi sanh rồi diệt.

Pháp Duyên Khởi tồn tại dựa vào Nhân Duyên.

Đã là Tồn Tại và Sanh Khởi dựa vào Nhân Duyên thì không thể thường Hằng, Bất Biến.

Tồn tại sẽ trở về Bất Tồn Tại, Sanh Khởi cuối cùng trở về Diệt Tận.

✓ Sự tương tục và đình chỉ của Quả Khổ Sanh Tử.

Pháp Sanh tử, tuy xưa nay, vốn vừa Sanh liền Diệt.

- Cái Nhân là hoặc Nghiệp không dứt thì Quả Khổ cũng tương tục.

Bởi vì Nghiệp Phiền Não tiếp nối mà không dứt nên Diệt rồi lại Sanh; cho nên, Quả khổ cũng tương tục, không dứt được.

- Cái Nhân hoặc Nghiệp không sanh khởi thì Sanh Tử cũng dừng lại.

Nếu làm chủ được hoàn toàn Phiền Não, tức Vô Minh, Ái... không sanh khởi thì Nghiệp Lực ấy cũng tiêu trừ, Sanh Tử cũng ngưng lại.

- Nêu ví dụ làm sáng tỏ quá trình này.

Như gió, tuy trong thoáng chốc cũng không ngừng, nước nổi lên sóng to, từng lớp phập phồng, chìm nổi không dừng.

Gió dừng thì biển cả yên lặng, sông ngưng.

Vì vậy, Sanh tử có thể giải thoát, bởi vì Sanh tử là do giả danh của Duyên Khởi mà có.

○ **Dựa vào pháp Duyên Khởi như ảo mà đạt được Cảnh giới Niết Bàn.**

- ***Trong pháp Duyên Khởi không có một pháp, thật có thể được.***

Trong kinh A Hàm, Phật từng nói như vậy: 不見一法可取而無罪過者: *Bất kiến nhất pháp khả thủ (trước) nhi vô tội quá giả: Không thấy Pháp nào có thể chấp trước mà không có sai lầm.*

Vì thế, nếu chấp trước có Pháp Thật, mà còn nói: không, là sai lầm.

Cái Có Chân Thật thì không thể thành Không có.

Nếu nói Cái Thật có mà trở thành Không Có thì tư tưởng này đã phạm phải lỗi lầm quá lớn.

Phật không nói như thế, mà chỉ nói: Pháp Sanh Tử là Duyên Khởi, là Giả Hữu, cho nên không thể Chấp Trước.

Sanh vốn không Chân Thật, Diệt cũng không phải là pháp Chân Thật.

- ***Chánh quán Vô Thường, Vô Ngã thuộc Duyên khởi thì đạt đến cảnh giới Niết Bàn.***

Từ trong pháp Duyên Khởi như huyền mà, thấy được Tánh Khả Năng (có thể), Giải Thoát Sanh Tử; cũng do đây mà đạt đến Cảnh Giới giải thoát Sanh tử.

Làm sao có thể đạt đến đây?

- ✓ Vô Minh làm mê mờ Chân Tướng nên Sanh Tử nổi trôi.

Tất cả pháp là Giả Danh của Duyên Khởi nên là Giả Pháp, Giả Ngã; là huyền hóa, là Vô Thường, Không, Vô Ngã.

Mà Vô Minh là tất cả phiền não: Ngã Si, Ngã Kiến, Ngã Mạn, Ngã Ái... lại làm mê mờ Chân Tướng của tất cả Pháp; chúng sanh lại cho là Chân Thật; tưởng tượng ra Cái Ngã Vĩnh Hằng, Tự Tại.

Tất cả hoạt động đều xuất phát từ trung tâm cái Tự Ngã, do đó, dẫn đến Chấp Trước rồi, tạo ra các Nghiệp Thiện, Ác nên lưu chuyển trong sáu đường.

- ✓ Chánh quán Vô Thường, Vô Ngã, Tâm lìa Ngã Mạn thì chứng được Niết Bàn.

Nếu chánh quán Duyên Khởi thì thông đạt Vô Thường, Vô Ngã thì vọng chấp trung tâm về Tự Ngã mất hẳn đối tượng, phiền não cũng không khởi nữa. Phiền não cũng là sự sanh, diệt của Duyên Khởi và Sanh Tử cũng được Giải Thoát.

Vì vậy, Phật nói như thế này: 無常想者能建立無我想, 聖弟子住無我想, 心離我慢, 順得涅槃。

Vô thường tướng giả, năng kiến lập vô ngã tướng. Thánh đệ tử trụ Vô Ngã Tướng, Tâm Ly Ngã Mạn, thuận đắc Niết Bàn: Người hiểu rõ Vô Thường, có thể hình thành nhận thức Vô Ngã; bậc Thánh đệ tử đã nhận thức vững chắc Vô Ngã, Tâm lìa Ngã Mạn, chứng được Niết Bàn.

- **Từ chánh quán Duyên Khởi mà chứng được Pháp Tánh Không Tịch.**

- *Duyên Khởi và Tánh Không Tịch.*

Vô Thường, Vô Ngã là nội dung của Chánh quán Duyên Khởi, lìa phiền não thì giải thoát sanh tử, gọi là chứng được Niết Bàn.

Niết Bàn, cuối cùng, là như thế nào? Đó là vấn đề sâu thẳm và càng thẳm sâu.

- *Hữu Vi Duyên Khởi và Tánh Không Tịch Vô Vi.*

Phật thầy A Nan nói: có pháp Hữu Vi và Vô Vi, cũng chính là Duyên Khởi và Tánh Không Tịch của Duyên Khởi, muốn nói là Nghĩa lý vô cùng sâu sắc. Như nói: 此甚深

處，所謂緣起有爲；倍復甚深難見，所謂一切取離、愛盡、無欲、寂滅、涅槃。

Thử thậm thâm xứ, sở vị Duyên Khởi Hữu Vi. Bội phục thậm thâm nan kiến, sở vị nhất thiết thủ ly, ái tận vô dục, tịch diệt Niết Bàn: Chỗ sâu thẳm này, gọi là Duyên Khởi Hữu Vi. Vô cùng sâu thẳm khó thấy, gọi là lìa tất cả chấp trước, Ái hết, Dục không còn, Niết Bàn vắng lặng.

- ***Đại thừa lấy biển cả làm ví dụ Sanh tử Duyên Khởi và Pháp Tánh sâu thẳm.***

Đây là lý do trong kinh Đại Thừa hay lấy biển cả để ví dụ cho sự sâu rộng, khó lường của Duyên Khởi Sanh Tử; còn lấy đáy sâu thẳm của biển cả để hình dung Pháp Tánh cực kỳ uyên bác.

- ***Duyên Khởi là Giả Danh của tương đối và cùng với Không Tịch tương ưng.***

Duyên Khởi là Giả Danh của Tương Đối.

Chúng sanh bị Vô Minh che mờ, không thấy bản Tánh Không Tịch của Duyên Khởi, cũng không biết Duyên Khởi chỉ là Nghiệp Quả tiếp nối của Vô Thường, Vô Ngã.

Nếu chánh quán Duyên Khởi một cách chân thật, không vương mắc, dứt hết phiền não thì Sanh, Tử vĩnh viễn không

còn; đây là thể chứng được trạng thái Tịch Diệt của Pháp Tánh Duyên Khởi. Giống y như gió ngừng thì biển lặng, sóng hiện thể hiện.

Dựa vào lý thông thường mà nói, đệ tử Thanh Văn thì chứng ngộ theo cấp bậc; từ Vô Thường rồi đi đến Vô Ngã; từ thông đạt Vô Ngã, lìa xa Thấy Có Cái Ngã, Yêu Cái Ngã và khế hợp, đi vào Niết Bàn. Nhưng đây là từ Chánh quán Duyên Khởi mà có; Duyên Khởi thì cũng tương ứng với Không Tịch, như kinh A Hàm nói: 如來所說修多羅, 甚深明照, 難見難覺, 不可思量, 微密決定, 明智所知: 空相應, 隨順緣起法:

Như Lai sở thuyết Tu Đa La, Thâm thâm minh chiếu, Nan kiến nan giác, Bất khả tư lượng.

Vi mật quyết định minh trí sở tri: Không tương ứng tùy thuận Duyên Khởi Pháp:

Trong khế Kinh, Như Lai đã nói: Soi sáng sâu thẳm, khó thấy khó hiểu, không thể suy lường; vi diệu, bí mật là cái biết chắc chắn của Trí sáng suốt: Không Tương Ứng, Không Tùy Thuận Pháp Duyên Khởi (Tập A Hàm 1258 kinh quyển 47, Đại Chánh 2,345b)

○ **Niết Bàn siêu việt Giả Danh nên không thể nói.**

▪ ***Siêu việt số lượng.***

Điều này chỉ chứng ngộ mới biết: “*Sâu thăm, to lớn; vô lượng, vô số; vĩnh diệt*”.

Nói cách khác, điều này không có giới hạn có thể nói đến; đó là siêu việt lãnh vực Tương Đối của Giả Danh và không thể dùng số lượng để nói.

▪ ***Siêu việt không gian.***

Cũng không thể lấy tương tượng là ở chỗ này, ở chỗ kia, nếu nói:

“*Ở đời vị lai cũng không khởi lên lại, nếu đến Đông, Tây, Nam, Bắc phương thì không đúng với ý nghĩa: Sâu thăm, to lớn, vô lượng, vô số, vĩnh diệt*”.

▪ ***Siêu việt Hữu, Vô.***

Điều đó không phải là không có ư? Không thể nói là Có; cũng không thể nói là không, nếu nói:

Lìa Dục, diệt sinh mạng không phải đã hết; Có cũng không nên nói, không cũng không nên nói, Vừa Có Vừa Không nên nói, Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không cũng không nên nói...Lìa những Giả Dối, vào được Niết Bàn. Đây là lời Phật dạy (Tạp A Hàm, kinh 249, quyển 9, Đại Chánh 2,60a).

▪ ***Siêu việt Tương Đối và khế hợp Tuyệt Đối.***

Tóm lại, mặt này siêu việt lãnh vực Tương đối (Duyên Khởi) Giả Danh nhưng khế hợp với cảnh giới Tuyệt Đối. Như thế nào đi nữa cũng không thể nói; dù có nói cũng không đúng. Nhưng, mặt này từ Không Tịch của Chánh Quán Duyên Khởi mới Chứng Ngộ, Thể nhập được; cũng chính là Thật Chứng Pháp Tánh của Duyên Khởi.

Chánh quán Trung Đạo.

此是佛所說, *Thử thị Phật sở thuyết,*
 緣起中道義, *Duyên Khởi Trung Đạo nghĩa*
 不著有無見, *Bất trước Hữu, Vô Kiến,*
 正見得解脫. *Chánh Kiến đắc Giải Thoát.*

Đây là điều Phật nói, Nghĩa Trung Đạo Duyên Khởi,
Chớ chấp thấy Có, Không, Chánh kiến được Giải Thoát.

- **Duyên Khởi Trung Đạo là Chánh Kiến, không vào hai bên.**

Trên đã nói những gì Phật đã nói trong kinh A Hàm..., gọi là Nghĩa của Duyên Khởi Trung Đạo.

○ **Định nghĩa Trung Đạo.**

Trung đạo là Chính Xác, là Thích Hợp, là không thiên lệch, là không rơi vào Tà Kiến Hai Bên (thường, đoạn). Quán Trung Đạo của pháp Phật là từ trong Chánh Quán của pháp

Duyên Khởi mà xuất hiện. Đó là lập trường căn bản của Phật thuyết pháp. Vì vậy, Chánh quán cũng gọi là Trung Quán, Chánh pháp cũng gọi là Trung Pháp.

○ **Sơ lược nêu lên ba loại ý nghĩa Trung Đạo Duyên Khởi không rơi vào hai bên cực đoan.**

Nói đến không rơi vào hai bên, trong các kinh Phật đều dựa vào Tự Thể của Chúng Sanh mà nói.

Chúng sanh là Sanh, Diệt của Duyên Khởi. Duyên Khởi là không rơi vào hai bên cực đoan, không giống như những gì tưởng tượng của Chúng sanh chấp một bên.

▪ ***Không phải Một, không phải khác.***

Đây là dựa vào lời Phật dạy mà thành lập, như nói: “*Nếu thấy nói Mạng Sống chính là Ta, người tu học Phật không như thế, nếu lại thấy nói Mạng Sống khác, ta khác, người tu học Phật không như thế.*”

Đối với hai bên này, Tâm không bị lôi cuốn mà, một mực hướng thẳng Trung Đạo... nghĩa là Duyên Sanh nên có Già Chết,... Duyên Vô Minh nên có Hành”.

Đây là Trung Đạo Duyên Khởi không một không khác.

▪ ***Không Thường, Không đoạn.***

Lại nói như:

“Tự tác tự giác (thọ) thì rơi vào thường kiến; cái khác tác động, cái khoái cảm nhận thì rơi vào Đoạn Kiến.”

Nói đúng nghĩa, đúng pháp lìa xa hai cực đoạn này, ở Trung Đạo mà nói pháp, đó là: Cái này có nên cái kia có...”

Lại như nói:

“Nếu từ xưa có Ngã thì là Thường Kiến; hiện giờ dứt hẳn thì là Đoạn Kiến.”

Đối với hai cực đoạn, Như Lai lìa bỏ, ở Giữa nói pháp, đó là Việc này có nên việc kia có...”

Đây là Không Thường, Không Đoạn Trung Đạo.

▪ **Chẳng Có chẳng Không.**

Phật nói Trung Đạo đều dựa vào Duyên Khởi mà lập luận. Quan trọng nhất, phải kể đến Duyên Khởi Trung Đạo Chẳng Có Chẳng Không.

• **Dựa vào Chánh Kiến Trung Đạo của Duyên Khởi Chẳng có Chẳng Không mà được Giải Thoát.**

Phật, vì thầy Sàṅgāyana Ca Chiên Diên, đã nói Duyên Khởi Trung Đạo: Không rơi vào hai bên Có, Không.

Thầy này không chấp tất cả Tướng, còn đi sao vào Thiên Thắng Nghĩa của các Bậc Đại Sư (từ A La Hán trở lên).

Luận Đại Thừa Trung Quán của Bồ Tát Long Thọ, luận Du Đà của Bồ Tát Di Lặc đều dẫn chứng lời Phật dạy trong kinh

A Hàm để nói Tướng Chân Thật của các Pháp một cách rõ ràng; cho nên, lời dạy này đã chọn lựa, trích ra ở trong Duyên Khởi Chánh Kiến của Pháp Phật, quan trọng vô cùng không có gì so sánh được.

○ **Dẫn kinh**

Phật nhắm vào Ca Chiên Diên mà nói: “*Người đời điên đảo, dựa vào hai bên hoặc Có hoặc Không*”.

Thánh đệ tử của Phật thì sao?

“*Người Chánh Quán Tập Khởi của Thế gian thì không sanh Cái Thấy không của Thế gian. Nếu, thật sự, Chánh Quán Cái Diệt của thế gian thì không sanh Cái Thấy Có của Thế gian.*”

Ca Chiên Diên! Như Lai lìa cả hai bên mà nói về Trung Đạo, ấy là: Cái Đây Có nên Cái Kia Có, Cái Đây Sanh nên Cái Kia Sanh... Cái Đây Không nên Cái Kia Không, Cái Đây Diệt nên Cái Kia Diệt...” (Tập A Hàm, kinh 262, quyển 10. Đại chánh 2, 660-67a).

○ **Giải thích ý nghĩa.**

Nói cách khác, người đời không biết ý nghĩa Duyên Khởi nên chấp chặt sai lầm, điên đảo, không thể ra khỏi hai bên, kẹt vào khuôn sáo Thấy Có và Thấy Không.

Đệ tử của Phật dựa vào pháp Chánh Quán Duyên Khởi, nhờ vậy, không phát sanh Thấy Có và Thấy Không.

Ví dụ nói:

- ***Người đời đối với Sanh Tử Lưu Chuyển, Hoàn Diệt đều chấp là Thật.***

Người thế gian thấy người sanh ra, bèn chấp là Thật Có rồi khởi lên cái Thấy Có.

Đến lúc Chết rồi, hầu hết đều chấp là Thật không, bèn khởi lên Cái Thấy Không.

Nếu còn ở trong Sanh Tử Lưu Chuyển, người bình thường thì chấp là có Thật Có.

Nghe, thấy Chết, vào Niết Bàn thì chấp chắc là Không.

Nhờ vậy, mới nhận ra người đời, hầu hết, đều sợ Không Có Ngã, Sợ Không, Sợ Niết Bàn.

- ***Đệ tử Phật dựa vào Trung Đạo Duyên Khởi, tất cả đều là Huyền Có, Giả Có.***

Nhưng mà, đệ tử Phật khi dựa vào Trung Đạo Duyên Khởi để quán sát.

- ✓ Tập, Diệt như huyễn.

Như thật, Chánh quán thế gian Diệt thì không sanh Cái Thấy Có về Thế Gian.

- Nếu thấy được Thế Gian Diệt cũng chính là Giải Thoát.

Sanh Tử thì sẽ không khởi lên Cái Thấy Có. Bởi vì Tánh Tương Đối của Duyên Khởi là như huyễn, ở trong Niết Bàn vắng lặng thì không thể thiết lập được.

Hơn nữa, đã có thể Diệt thì khi sanh khởi cũng chắc chắn Chẳng Có Thật; Thật Có thì không dựa theo Duyên Khởi mà Diệt.

- Người Chánh Quán Tập Khởi của Thế Gian, thì không sanh ra Cái Thấy Không về thế gian.

Nếu thấy được Tập Khởi của Sanh Tử thế gian sẽ không khởi lên Cái Thấy Không. Bởi vì Giả Có như huyễn của Duyên Khởi, không phải cái gì cũng đều Không Có.

Hơn nữa, đã có thể Sanh thì lúc Diệt cũng, chắc chắn, không phải là Thật Không.

✓ Lưu chuyển, Hoàn Diệt cũng như huyễn.

Còn có, hiểu rõ: Cái này Có Cái kia có, Cái này Sanh, cái kia Sanh của Duyên Khởi. Đó là Tập Khởi Thế gian, cho nên, khi sự sanh khởi diễn ra trước mắt phải biết đó là sự lưu chuyển không dừng của Duyên Khởi; chớ nhận thức rằng Một khi Chết Rồi thì Không Còn Gì nữa.

Hiểu rõ Duyên Khởi: Cái này Không cái kia Không, cái này Diệt Cái kia Diệt, đúng là lúc Giải Thoát Sanh Tử, cũng chớ Chấp có Cái Ngã Thật được Giải Thoát,

- ✓ Tất cả đều là Duyên Khởi không thật thì không phát khởi Cái Thấy Có, Không.

Tóm lại, tất cả là Duyên Khởi, chỉ là Tập và Diệt của Duyên Khởi, hoàn toàn Không Có Ngã Thật, Pháp Thật, cho nên, không sanh khởi Cái Thấy Có.

Ngã Thật, Pháp Thật không có, cho nên, cũng không Khởi lên Cái Thấy Không. Duy nhất, Chánh quán Duyên Khởi thì sẽ không chấp trước vào “Cái Thấy Có, Thấy Không” Dựa vào Trung Đạo Chánh Quán thì được “*Giải Thoát*”.

- **Quán Duyên Khởi Trung Đạo thì không mắc kẹt vào Có, Không, phá được Vô Minh, dứt hẳn Sanh Tử.**

Tăng Thượng Huệ Học trong Tam Học thì Chánh Kiến về Bát Nhã sâu thẳm, Bát Chánh Đạo đều là Quán Trung Đạo của Duyên Khởi. Vì thế, đệ tử Phật không chấp vào Cái Ta thường Có; không rơi vào Đoạn, Thường; Một khác; Có Không; phá tâm Vô Minh, thoát khỏi Sanh Tử.

Chánh quán Tứ Đế

又復正見者, *Hựu phục Chánh Kiến giả,*

即是四諦慧, *Tức thị Tứ Đế, Huệ;*
 如實知四諦, *Như thật tri Tứ Đế,*
 應斷及應修, *Ứng đoạn cập ưng tu,*
 惑苦滅應證, *Hoặc khổ Diệt ưng chứng,*
 由滅得涅槃. *Do Diệt đắc Niết Bàn.*

Nhắc lại về Chánh Kiến, Là Trí Huệ Tứ Đế;
Biết Tứ Đế như thật, Nên đoạn và nên tu,
Nên chứng Hoặc, Khổ, Diệt, Do Diệt có Niết Bàn.

- **Chánh kiến Tứ Đế là Huệ Học Xuất Thế.**

Đạo Giải Thoát là ra khỏi thế gian thì lấy Duyên Khởi và Tứ Đế làm giềng mối chính. Cho nên, nói đến Chánh Kiến, ngoại trừ, thấy rõ Tập, Diệt của Duyên Khởi, còn phải có Chánh Kiến Tứ Đế, đều này trong Kinh Phật, đặc biệt xem trọng.

- **Chánh kiến về Duyên Khởi**

Chánh kiến về pháp Duyên Khởi có hai: Lưu Chuyển và Hoàn Diệt, đó là Chánh Kiến dựa Nhân mà Sanh, dựa Nhân mà Diệt, nhưng đây không phải là sự quán sát Nhân Quả của Không Trở (rỗng không), quán sát về Có, Không; mà là, dựa vào Duyên của Vô Minh duyên hành... mà Có; dựa vào Duyên của Vô Minh diệt thì Hành diệt mà Không. Tánh tất

nhiên của Nhân Quả nương tựa nhau, từ trong lập trường Trung Đạo, từ trong Quán Duyên Khởi như huyền, giả hữu. Thế hội Chánh Kiến này một cách chính xác, thâm nhập vào Thánh Cảnh, lìa lậu hoặc, chứng Chân Thật Nghĩa.

○ **Chánh kiến và Tứ Đế.**

Tứ Đế cũng là Nhân Quả: Khổ do Tập mà sanh, Diệt dựa vào Đạo mà chứng. Đạo có hai lớp Nhân Quả Thế Gian và Xuất Thế Gian. Quán sát đối tượng còn là hiện thực đời người khổ đau, bức bách.

Từ khổ quán sát đến Tập, giống như từ Lão tử quán sát đến Ái Thủ là Duyên, đến Vô Minh là Duyên.

Sau đó, giác ngộ đến Diệt Đế là Tập Diệt là khổ Diệt. Giống như biết Vô Minh diệt thì Hành diệt... Lão tử diệt cũng vậy.

Nhưng làm sao có thể đoạn Tập để chứng Diệt? Đây chính là phải Tu Đạo. Đạo là Nhân để Chứng Diệt, cũng là đối trị Tập, Khổ, Diệt thành công.

○ **Chánh Kiến Duyên khởi là biết được Huệ của Tứ Đế.**

Như thế, biết Tứ Đế và biết Duyên Khởi hoàn toàn tương quan nhau. Mười hai Duyên Khởi cũng có thể thấy làm pháp quán Tứ Đế. Như Lão Tử, Lão Tử Tập, Lão Tử Diệt, Đạo Diệt Lão Tử; trong nói có đến bốn mươi bốn Trí. Vì vậy,

chánh kiến Duyên Khởi cũng chính là biết Trí Huệ của Tứ Đế.

Tuy nhiên, ở trên đã nói: Pháp môn Duyên Khởi chú trọng nói rõ theo chiều dọc (thời gian), Tứ Đế chú trọng ở phân tích theo chiều ngang (không gian).

- **Tu học pháp môn Tứ Đế theo thứ tự.**

- **Lần lượt đi sâu vào ba lần chuyển Tứ Đế, mười hai Hành Tướng.**

Khi Phật ở vườn Nai, ban đầu vì năm vị Tỳ Kheo mà Chuyển Đại Pháp Luân, chính là pháp môn Tứ Đế, cũng gọi là Xoay Bánh Xe Pháp ba lần, mười hai Hành Tướng, biểu thị rõ ràng lần lượt thâm nhập đối với Tứ Đế.

- **Thị Chuyển.**

Lúc ấy, trước Phật chỉ bảo rằng Những cái đó khổ, Những cái đó là Tập, Thế nào là Diệt Khổ, thế nào là Con Đường diệt Khổ. Đây là Chỉ Thị cần phải phân biệt rõ ràng.

Không những phải biết Những cái đó là Khổ. Những cái đó là Tập Nhân của Khổ; Khổ ắt từ Tập sanh, có Tập là sẽ có Khổ... kể cả Sự và Lý.

Hơn nữa, còn phải biết: Những cái Khổ đó là Cái Khổ chân thật; chắc chắn, Tánh tất nhiên của Khổ không thể nào khác.

Đây là Chuyển lần thứ nhất (bốn Hành), lời dạy bảo khiến cho pháp này hiểu thấu đáo, tin sâu sắc.

▪ **Khuyến chuyển.**

Tiếp đến, Phật còn nói:

- ✓ Khổ thì nên biết, cần phải thể nhận tha thiết và tận cùng; tin tưởng, thấu hiểu Tánh bức bách của Khổ ở thế gian, mới phát sanh chán nản, lìa bỏ thế gian, mong được giải thoát.
- ✓ Tập nên đoạn trừ, không đoạn trừ, liền sanh quả khổ, không thể ra ngoài Sanh Tử.
- ✓ Diệt nên chứng được, đây mới thực hiện được Giải Thoát.
- ✓ Đạo nên Tu Tập, không tu tập Đạo thì không thể dứt trừ Tập và không chứng được Diệt Đế.

Đây là Chuyển lần thứ hai (Bốn Hành), khuyên mọi người nên: 知 苦, 斷 集, 証 滅, 修 道: Tri khổ, Đoạn Tập, Chứng Diệt, Tu Đạo: Từ tri đưa đến Hành, từ Hành đi đến Thật Chứng.

▪ **Chứng Chuyển.**

Tiếp theo, Phật lại lấy kinh nghiệm của chính mình để dạy các đệ tử:

Khổ, Ta đã biết rõt ráo; Tập, Ta đã dứt hết; Diệt, Ta đã chứng được; Đạo, Ta đã tu xong.

Cũng còn nói: Ta đã từ trong Tri Kiến, Đoạn Trừ, Chứng Đắc, Tu Tập của Tứ Đế mà hoàn thành Giải Thoát Sanh Tử, thể hiện Đại Sự Niết Bàn; các bạn vì sao không nương theo đó để thành tựu hoàn toàn ư?

Đây là chuyện lần thứ ba (Bốn Hành) là lấy kinh nghiệm của chính mình để chứng minh, để tăng cường quyết tâm Tín giải, Tu Hành của các đệ tử.

○ **Ba chuyện, mười hai Hành Tướng chính là thứ tự tu học của Tri, Hành, Chứng.**

Phật nói pháp môn Tứ Đế, không ngoài pháp luân ba Chuyện, mười hai Hành Tướng. Khi đệ tử tu tập pháp môn Tứ Đế phải:

▪ ***Biết Tứ Đế như thật.***

Trước hết, “*biết Tứ Đế như thật*”.

Từ sự tương của Tứ đế, trong Tứ Đế có tánh quan hệ lẫn nhau, tánh chân thật của nó. Ví dụ: Khổ thật sự là khổ; Tập, Diệt, Đạo cũng vậy.

Từ Quán Sát Duyên Khởi Tập Đế có Nhân có Duyên thế gian (tức là Tập của Khổ); Diệt Đế có Nhân có Duyên Thế gian (đây chính là Đạo của Diệt) để biết Vô Thường, Vô Ngã và Lưu Chuyển, Hoàn Diệt, chứng được Tánh Chân Thật sâu thẳm.

▪ ***Dựa vào Tri phát sanh Hành Động đúng.***

Cũng giống như Biết như thật cũng biết Tập nên dứt trừ; Đạo nên tu; Hoặc, Khổ, Diệt nên chứng.

▪ ***Dựa vào Tri, Hành chứng được Niết Bàn.***

Nương vào Chánh Tri Kiến mà phát sanh Chánh Hành, cuối cùng mới có thể đến nơi. Vị Vô Học là đã Biết, đã Đạo, đã Diệt, Đã Tu. Từ Khổ, Tập, Diệt mà chứng được Niết Bàn.

• **Luận về vấn đề Kiến để Đắc Đạo (thấy Tứ Đế, chứng được Đạo Quả).**

Đối với sự thấy biết như thật về Tứ Đế đưa đến vấn đề Kiến Đế, Đắc Đạo.

○ **Có hai phái Đốn, Tiệm.**

Trong Tứ Đế, nhìn thấu, thể nghiệm như thế nào mới được cho là Chứng Đắc?.

Do căn tánh của người học, phương pháp tu trì truyền thừa khác nhau, chia ra hai phái Đốn, Tiệm.

▪ ***Phái tiệm kiến: Thấy Tứ Đế thì đắc Đạo.***

Quán mười sáu Hành tướng của Tứ Đế; lấy mười sáu (hoặc năm) Tâm Kiến Đạo, Phái này là chủ trương của học phái ở Tây Bắc Ấn Độ.

Mười sáu hành tướng:

- ✓ Khổ Đế: Vô thường, Khổ, Không, Vô Ngã;
- ✓ Tập Đế: Nhân, Tập, Sanh, Duyên;

✓ Diệt Đế: Diệt, Tĩnh, Diệu, Ly;

✓ Đạo Đế: Đạo, Như, Hành, Xuất.

▪ ***Phái đôn kiến: Thấy Diệt Đế thì Đắc Đạo.***

Ngược lại, học phái ở Trung, Nam Ấn Độ thì chủ trương Đôn Kiến là Thấy Diệt thì đắc Đạo hay Thấy Không đắc Đạo.

○ ***Dựa vào giáo thuyết hiện có để tham khảo thì có chỗ giống và khác nhau của hai phái.***

Đúng rồi, đây là công án rất xưa đã, cách đây, hàng một trăm, một nghìn năm, kém khó mà phán đoán. Dựa vào giáo thuyết hiện có để tham khảo, chứng minh; từ nhận thức ý vị cội nguồn của Phật pháp mà nói: Thấy bốn Đế mới chỉ là Tiệm Nhập; nhưng kiến giải này với ngộ nhập Tánh Duyên Khởi Không Tịch cũng là thấy Diệt Đế thì Đắc Đạo nên, nhất định, không mâu thuẫn.

▪ ***Từ từ hiện quán Tứ Đế (tiệm quán Tứ Đế).***

✓ **Hiện quán Tứ Đế là từ từ vào, từ từ chứng.**

Kinh nói: Không có hiện quán ba Đế Trước (Hiện quán là trực giác, thể nghiệm) thì không thể hiện quán Đạo Đế. Tứ Đế là Tiệm Nhập, giống như bậc thang, đó đều là sự xác chứng của việc tu, chứng từ từ.

✓ **Hiện quán Tứ Đế là xác nhận giá trị của Tứ Đế.**

Nhưng nhận thức, tín nhận sâu sắc về hiện quán Tứ Đế cũng gọi là Chứng Tín, không phải là chứng nhập bốn loại lý thể chân thật.

Đế có nghĩa là thâm định, không thể đảo lộn, cho nên, nêu lên sự xác nhận của bốn giá trị này.

- Giá trị của việc Thấy Khổ Đế.

Đây là những sanh, tử hữu vi, là Vô Thường, Bất ổn, là Vô Ngã, không Tự Tại. Đây là Tánh Bức Bách thuộc về loại thực sự Sanh Tử này, đủ sức Tri nhận, Tin Tưởng sâu sắc thì, tất nhiên, không nghi và liền thấy được Khổ Đế.

- Giá trị của việc Thấy Tập Đế.

Nghiệp Thiện, Ác của phiền não và dẫn sanh thì có khả năng phát khởi Sanh, Tử; nguyên nhân chân chánh khiến cho Sanh, Tử không ngừng khởi lên; cũng chính là Tánh chiêu cảm của Hoặc, Nghiệp; hiểu thấu, tin sâu tất nhiên không Nghi thì liền Thấy được Tập Đế.

- Giá trị của việc Thấy Diệt Đế.

Dứt hẳn phiền não, không phát khởi Sanh, Tử, tính siêu việt của hai loại tịch tĩnh này là vi diệu, xuất ly; là tính tự tại không trói buộc và hệ lụy; hiểu thấu, tin sâu và không trở lại nghi ngờ gì nữa thì liền Thấy được Diệt Đế.

- Giá trị của việc Thấy được Đạo Đế.

Bát Chánh Đạo đã hoàn tất rồi xuất ly Sanh Tử; nếu không thì chắc chắn không thể.

Có khả năng hướng đến Niết Bàn là đó tính hiệu quả của tu tập Bát Chánh Đạo, hiểu thấu, tin sâu được thì không trở lại nghi ngờ, gọi là Thấy được Đạo Đế.

▪ ***Nhanh chóng hiện quán Tứ Đế (đốn quán Tứ Đế).***

✓ Án định giá trị Tứ Đế trước và sau là Thể nhận mà không trở ngại Diệt Đế.

Tin tưởng chân xác, không nghi ngờ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo là hiểu thấu, tin sâu bốn loại giá trị, đương nhiên, trước và sau sanh khởi. Nhưng đây là sự không trở ngại đối với Tính Duyên Khởi Vô Ngã Lặng, tức là thể nhận mà thấy được Diệt Đế.

✓ Thấy Diệt Đế là tự thân thể nhận thấy được Tính Tịch Diệt.

- Tính Duyên Khởi Không Tịch siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối.

Tánh Duyên Khởi không Tịch siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối.

Tính Duyên Khởi Không Tịch chính là Tính sâu sắc, to lớn, vô lượng, vô biên, vĩnh hằng, bất diệt. Đây là Chánh

Pháp siêu việt Tính Duyên Khởi, Tính Tương Đối. Xưa nay như thế, tất nhiên như thế, phổ biến như thế nên gọi là Pháp Tánh, Pháp Trụ, Pháp Giới.

- Thể nghiệm thấy được Tánh Tịch Diệt thì có thể nói là Bình Đẳng tuyệt đối.

Thấy được Diệt Đế, không phải là giá trị xác tín như trên đã nói, mà là tự thân thể nghiệm thấy được Tánh Tịch Diệt siêu việt Tương Đối Tánh.

Đây là Bình Đẳng Bất Nhị, không có Thứ Bậc có thể nói. Người học ở trong Chánh Quán Tập Diệt Duyên Khởi, đến được Ly Ái, Vô Dục mà tự thân thấy được Tánh Tịch Diệt; đó là Chứng được Đạo, đương nhiên, cũng Chứng được Tứ Đế.

▪ ***Tánh khác nhau giữa Đôn Nhập và Tiệm Nhập Tứ Đế.***
Nhưng ở Trí Thấy Biết còn có thứ tự ý nghĩa Dẫn Khởi.

Như vừa phát hiện được kho báu, còn kiểm điểm, thu gom từng vật. Đây là điều người xưa nói: Gieo hạt giống Giải Thoát.

Đôn Nhập, Tiệm Nhập nói chung, cũng như thế.

Thấy được Tịch Diệt thì Chứng Đạo, thời xưa, vô số học giả đã Tu, đã Chứng. Đó là sự thật, không chút hoài nghi. Gọi

đó là Tự Thân thấy được Diệt Đê, là Thể Kiến tự thân Tánh Tịch Diệt cùng với cái thấy Tứ Đê. Xác nhận bốn loại giá trị không giống nhau.

Nương Tục khế hợp Chân

先得法住智,	<i>Tiên đắc Pháp Trụ Trí,</i>
後得涅槃智,	<i>Hậu đắc Niết Bàn Trí,</i>
依俗契真實,	<i>Y Tục khế Chân Thật,</i>
正觀法如是.	<i>Chánh quán pháp như thị.</i>

Trước được Trí Pháp Trụ, Sau được Trí Niết Bàn;

Nương Tục thấu hiểu Chân, Pháp Chánh Quán như thế.

• **Trình tự rõ ràng của Chánh Kiến Trung Đạo.**

○ **Trước được Trí Pháp Trụ, sau được Trí Niết Bàn.**

Ở trong Chánh Kiến Trung Đạo, chắc chắn phải có trình tự, chủ yếu là; “*Trước được Trí Pháp Trụ, sau được Trí Niết Bàn*”.

Phật thiên Thập Ma nói: “*Không hỏi Ông biết hay không biết, tự mình biết trước an trụ nơi Pháp, sau biết Niết Bàn*”.

Đây là điều, tất nhiên, khẳng định.

○ **Thấu rõ Trí Pháp Trụ và Trí Niết Bàn.**

Trí Pháp Trụ là thế nào? Trí Niết Bàn là thế nào?

▪ ***Trí Pháp Trụ.***

Dựa vào kinh Bảy mươi Bảy nói: Sanh Tử Duyên khởi của tất cả chúng sanh, hiện tại như thế; quá khứ, vị lai cũng như thế. Hết thấy đều có Nhân này (như Vô Minh) mà sau có Quả kia (như Hành). Nhất định không là Nhân này mà có Quả kia được. Đây chính là Trí Pháp Trụ, vì vậy, Trí Pháp Trụ là đối với Trí Quyết Định của Nhân Quả Duyên Khởi. Đây tuy là Tục Số Pháp của Duyên Khởi như huyễn (như không thể hiểu Tánh Thế Tục Tương đối, Tánh Giả Danh đặt ra của Duyên Khởi, mà chỉ là Tin, hiểu Thiện, Ác, Nghiệp báo ba đời... Đây là Chánh Kiến Thế Gian gọi là Trí). Nhưng lại là Tri Kiến đã được đầy đủ do Chánh Kiến đặc đạo.

▪ ***Trí Niết Bàn.***

Kinh A Hàm nói: Nếu dựa vào đây, tùy Duyên mà Sanh, tùy Duyên mà Diệt của pháp quán Duyên Khởi thì đó là tận diệt tướng, tan hoại tướng, viên ly tướng, đoạn diệt tướng và gọi là Trí Niết Bàn.

Đây là theo quán Vô Thường của Duyên Khởi, quán tất cả pháp như đá lửa, tia điện vừa sanh liền diệt; sanh không biết từ đâu đến, diệt không biết đi đâu mà lại, phù hợp với Pháp Tánh Vắng Lặng.

Đây chính là:

諸行無常, *Chư Hành vô thường,*
 是生滅法, *Thị Sanh Diệt Pháp,*
 生滅亦已, *Sanh Diệt diệt dĩ,*
 寂滅為樂. *Tịch Diệt vi lạc.*

Các Hành vô thường, Là Pháp Sanh Diệt,
Sanh Diệt không còn, Tịch Diệt là vui.

Từ vô thường đi vào Vô Ngã rồi khế hợp với Tịch Diệt; là pháp môn Giải Thoát chủ yếu ở trong Tam Thừa Cộng Pháp; còn là từ Không vào Vô Tướng rồi khế hợp với Quán Môn.

▪ ***Tánh quan hệ trước, sau của Trí Pháp Trụ và Trí Niết Bàn.***

Bởi vì Trí Pháp Trụ biết Lưu Chuyển, biết Nhân Quả; đó là Tánh Tất Nhiên của trí này. Trí Niết Bàn biết Hoàn Diệt, biết Nhân Quả; đó là Tánh Tịch Diệt của Trí này.

Trí Pháp Trụ biết Sanh Diệt; Trí Niết Bàn biết không Sanh Diệt.

Trí Pháp Trụ biết Thế Tục Hữu Vi; Trí Niết Bàn biết Thắng Nghĩa Vô Vi.

Nhân quả Duyên Khởi dựa vào Tục Đế, rồi sau mới đi vào Chân Thật Duyên Khởi. Trong đạo giải thoát đây là lịch trình

tất nhiên của Pháp Chánh Quán; nhất định là như vậy, không có trường hợp ngoại lệ.

- **Sai lầm không cầu Trí Pháp Trụ mà chỉ cầu Trí Niết Bàn.**

Nói đến đây, mới hiểu trong Phật Giáo, mỗi người tu học có một khuynh hướng sai lầm; chính là không cầu Trí Pháp Trụ mà, chỉ cầu Trí Niết Bàn.

- **Chỉ biết nói Tâm, nói Tánh mà không biết thứ lớp.**

Đặc biệt là người có trí thức đầy đủ thông thường ở gian tuổi cao mà mong cầu pháp Phật.

- **Không cầu Tứ Đế, Duyên Khởi; chỉ cầu mong Kiến Tánh Giác Ngộ.**

Đối với Tánh tất nhiên của Nhân Quả, Duyên Khởi, giá trị chắc thật của Tứ Đế, thường không chút mong cầu.

Có người cho rằng điều này đã biết mà không biết rằng đang mộng, đâu biết mình đang mộng; lại cho rằng vì nhu yếu Khai Ngộ, Minh Tâm, Kiến Tánh. Đâu biết không tu học thành công Trí Pháp Trụ, Trí Niết Bàn thì những mong cầu ấy không biểu hiện được.

- **Ngã về Chứng Ngộ, quên mất Ngộ Nhập. Đây là quá trình tất yếu.**

Vì có khuynh hướng Chứng Ngộ, khiến cho mở miệng, nói toàn là nào Hạ Thủ, nào Tâm, nào Tánh, nào Tu, chứng,

dường như không nói là không được. Vì thế, e rằng quên mất quá trình, tất yếu, là Ngô Nhập; chỉ nói suông về Tâm Tánh, không Hữu, Sự Lý làm cho nội dung và hình thức cũng phân biệt được.

○ **Coi trọng tinh thần Thể Ngô tuyệt đối.**

Những bậc đại đức ngày xưa đã có nhận thức sai lầm vì định kiến mà cho rằng chỗ không, Nhan vui; Minh minh đức trong sách Đại Học; Trí lương tri của Mạnh Tử chính là Đại y Tổ Sư Tây Lai. Vì thế, có người đã cao giọng rằng: 東方有聖人此心焉, 西方聖人此心焉: Đông phương hữu thánh nhân tâm này, Tây phương thánh nhân tâm này: Tâm này của thánh nhân Đông Phương, Tâm này cũng của thánh nhân Tây Phương; dường như Nho, Phật dung thông nhau.

▪ ***Các bậc đại sư nhà Nho không có Trí Pháp Trụ về Nhân Quả quyết định trong ba đời.***

Thật ra, các bậc đại sư nhà Nho, mặc dù, có xem qua Ngũ Lục, có đề tâm công phu tu dưỡng.

Chỉ một điểm này mà xác nhận Nhân Quả Ba Đời ư?

Chỉ một điểm này mà theo Lưu Chuyển, Hoàn Diệt của Duyên Khởi để cầu Chánh Kiến ư?

Chỉ có một điểm này mà thể hiện tất cả chúng sanh bình đẳng ư?

Căn bản đã không có Trí Pháp Trụ của Nhân Quả quyết định Ba đời; đương nhiên, đó là sự trôi nổi bên ngoài của Phật.

- ***Không có Trí Pháp Trụ của Duyên Khởi Chánh Kiến là bài xích Phật pháp.***

Các bậc thầy về Lý Học đều không thể tán đồng Phật pháp mà, còn lấy thái độ của Dương, Mặc để chê bai Phật, Lão. Vì sao vậy?

Chính là không có Chánh Kiến đối với Phật pháp; không biết Trí Niết Bàn của Phật pháp là dựa vào Trí Pháp Trụ của Duyên Khởi Nhân Quả mà tiến tu có được.

Do đó, nếu chỉ Luận Tâm, Bàn Tánh hoặc là nói về tinh thần Tuyệt Đối nào đó; rồi cho đây là Phật pháp cao tột thì đúng là đã đi lạc đường và tự mình, cam chịu, trầm luân!.

Chánh Tư Duy

正思向於厭, *Chánh tư hướng ư yếm,*

向離欲及滅. *Hướng ly Dục cập Diệt.*

Chánh Tư Duy chán đời, Muốn lìa Dục đến Niết Bàn.

- **Tuần tự tu học Bát Chánh Đạo giải thoát.**

Tám nhánh Chánh Đạo cùng lúc thành tựu, nhưng trong quá trình tu tập phải có thứ tự phát sanh.

○ **Chánh kiến, Chánh Tư Duy đều thuộc Huệ Học.**

Phát sanh theo trước, sau:

Sau Chánh Kiến là Chánh Tư Duy, là cái Thấy của Chánh kiến giúp cho càng thâm nhập vào Tư Duy chính xác.

Chánh Kiến có thể nói từ Văn (Phật, đệ tử Phật kinh điển) đi đến Huệ Học.

Chánh Tư Duy là từ suy nghĩa thấu đáo, rõ ràng đi đến Huệ Học.

○ **Chánh Tư Duy là hướng về Tâm ra khỏi, giải thoát ba cõi.**

Có Chánh Kiến, nhất định thành tựu Chánh Tín; có niềm tin, nhất định có ý hướng Thật Hành. Vì vậy, từ Chánh Kiến đi đến Chánh Tư Duy thì dẫn phát mong cầu chân thật hướng về giải thoát. Cũng từ đây, xưa dịch Chánh Tư Duy là Chánh Chỉ hay Chánh Dục.

▪ ***Chánh Tư Duy Vô Thường rồi hướng đến chán nản Sanh, Tử.***

Từ Chánh Kiến Vô Thường phát sanh Chánh Tư Duy rồi hướng đến Chán nản Sanh Tử.

Đối với tự ngã và thế giới thì chúng sanh mê đắm vô cùng; Chánh Tư Duy có khuynh hướng chán nản Sanh Tử, chính là đã thấy được Tất Cả là Vô Thường, là Khổ nên; đối với danh lợi, quyền thế, ân oán... buông xuống một cách dễ dàng. Đây là từ tin sâu Nhân Quả, dẫn đến chán nản cuộc đời, mạnh mẽ làm Lành, quyết tìm hiểu Chân Lý mà, không giống như phần đông có quan niệm bi quan, chán nản, lười biếng, không làm gì.

▪ ***Chánh Tư Duy về Vô Ngã, hướng đến lià Dục.***

Từ Chánh Tư Duy về Vô Ngã, hướng đến lià Dục: từ năm Dục và Dục Tánh đều không thể vướng mắc, vấy nhiễm. Giống như nghe tiếng hát êm dịu; khi nghe không hẳn là không thích, nhưng như gió thu thổi quan tai, chưa từng động tình; tiếng hát hết rồi cũng không lưu luyến. Giống như quơ bàn tay trong không gian, không có chút trở ngại.

▪ ***Chánh Tư Duy Niết Bàn vắng lặng hướng đến Diệt Đé.***

Từ Chánh Tư Duy về Niết Bàn vắng lặng hướng đến Diệt Đé. Tâm hành đạo là hướng đến Niết Bàn. Tất cả đều lấy đây làm mục tiêu.

Ba việc này biểu thị nội Tâm từ thế gian hướng đến Giải Thoát, cũng là Tâm Xuất Ly Sanh Tử chân chánh.

• **Tóm tắt sự khác nhau của Chánh Kiến và Chánh Tư.**

Tâm xa lìa Sanh tử, thấu rõ Đạo Giải Thoát. Đó là bắt đầu và kết thúc của Bát Chánh Đạo.

Tuy Chánh Kiến là chú trọng nhận thức chán nản Thế Gian (sinh tử); nhận thức Lìa bỏ Dục Vọng; nhận thức Niết Bàn, thể thôi. Sáu chi còn lại đều hướng vào đây mà tu tập vậy.

Tinh Hạnh

正語業及命 *Chánh Ngữ, Nghiệp cập Mạng,*

淨戒以為性 *Tịnh Giới dĩ vi Tánh.*

Chánh Ngữ, Nghiệp và Mạng; Lấy Tịnh Giới làm Tánh.

- **Dựa vào Chánh Tư Duy phát sanh ba chi Ngữ, Nghiệp, Mạng.**

Chánh Kiến, Chánh Tư là Huệ Học.

Yêu cầu thật liền là dựa vào Chánh Tư, dĩ nhiên phát sanh 3 chi: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mạng.

- **Nội dung ba chi.**

Chánh Ngữ là không nói Dối, không nói Hai Lưỡi, không nói Ác, không nói Thêu Dệt. ấy là Khẩu Nghiệp đúng phép.

Chánh Nghiệp chỉ không Sát, không Trộm cướp, không Dâm. Ấy là Thân Nghiệp đúng phép.

Chánh Mạng là đời sống sanh nhai đúng phép.

- **Ba chi lấy Giới làm Thể Tánh.**

Có nhận thức chánh xác mới tiến bộ, cầu mong giải thoát Sanh Tử; nhất định, hành vi biểu hiện sẽ đúng pháp.

Ba chi này lấy Giới Học thanh tịnh làm Thể Tánh.

- **Nói riêng về Chánh Mạng**

- **Chánh Mạng của Tại Gia.**

Chánh Mạng của đệ tử Tại Gia là phải có nghề nghiệp hợp pháp, tiền của có được hợp lý.

Về phương diện sử dụng không được lãng phí, cũng không được bòn xén, nên sống cuộc đời vừa phải (trung đạo) theo lời Phật dạy.

- **Chánh mạng của Xuất gia.**

Đệ tử Xuất gia đời sống hoàn toàn nhờ vào sự bố thí của thí chủ; cho nên, Phật đặc biệt dạy rằng Chánh Mạng của người xuất gia là không được Tà Mạng. Xin dẫn một chi tiết trong kinh Di Giáo để nói rõ, như sau:

持淨戒者不得販賣貿易、安置田宅、畜養人民奴婢畜生，一切種殖及諸財寶，皆當遠離，如避火坑。不得斬伐草木、墾土掘地、合和湯藥、占相吉凶、仰觀星宿、推步盈虛、曆數算計，皆所不應。節身時食，清淨自活。不得參預世事、通致使命、咒

術仙藥、結好貴人、親厚媠慢，皆不應作。當自端心，正命求度。不得包藏瑕疵，顯異惑眾，於四供養，知量知足，趣得供事，不得蓄積，此則略說持戒之相。

Trì tịnh giới giả:

Bất đắc phán mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sanh. Nhất thiết chủng thực cập chur tài bảo, giai đương viễn ly, như tỳ hỏa khanh.

Bất đắc trăm phạt thảo mộc. Khẩn thổ, quật địa, hợp hòa thang dược, chiêm tướng cát hung ngưỡng quán tinh tú, suy bộ doanh hư. Lịch số toán kế, giai sở bất ưng.

Tiết thân, thời thực, thanh tịnh tự hoạt. Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mạng. Chú thuật, tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ưng tác.

Đương tự đoan tâm chánh mạng cầu độ. Bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng. Ư tứ cúng dường tri lượng tri túc. Thủ đắc cúng sự, bất đắc súc tích.

Thử tắc lược thuyết trì giới chi tướng.

Nghĩa là:

Người giữ giới,

Chẳng được mua bán đổi chác, tạo ruộng cất nhà, nuôi người mướn tớ, và chăn gia súc; kể cả trồng trọt, các thứ của báu đều phải lìa bỏ, như tránh hầm lửa; chẳng được đốn chặt cây cỏ, đào xới đất đai, điều chế thuốc thang, coi tướng tốt xấu, trông xem tinh tú, tìm tòi suy thịnh, coi ngày đoán số đều không nên làm.

Phải tiết chế thân thể, ăn uống đúng giờ, nếp sống trong sạch. Không được tham dự việc đời, đi sứ giao hảo; luyện bùa chú; nấu thuốc tiên; giao du với người quyền quý; gận gũi kẻ kiêu ngạo đều không nên làm.

Phải tự giữ Tâm Chánh Niệm, mong cầu Giải Thoát; chẳng được che giấu tội lỗi, khoe bày dị tướng dối gạt mọi người. Đối với bốn món cúng dường phải biết lượng biết đủ; được vật cúng dường không nên chứa cất.

Đây là lược nói về Tướng giữ Giới.

Tổng Luận

始則直其見, *Thỉ tắc trực kỳ kiến,*

次則淨其行, *Thứ tắc tịnh kỳ hành;*

足目兩相成, *Túc mục lưỡng tương thành;*

能達於彼岸. *Năng đạt ư bỉ ngạn.*

*Trước thấy thật đúng, Kế làm thật tốt;
Tri, Hành đều trọn vẹn, Đến thẳng Bồ Đề Kia.*

• **Thứ tự tu học Đạo Giải Thoát.**

Đây là nói về Chánh Đạo

○ **Do hành vi chính xác của Tri kiến thanh tịnh phát sinh.**

Tu học Đạo Giải Thoát, trước hết, phải có Kiến Giải thật đúng. Đây chính là Chánh Kiến và Chánh Tư .

Kế đến, cần phải có Hành vi thanh tịnh. Đây chính là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng.

○ **Năm chi trước giống như chân và mắt.**

▪ ***Ngữ, Nghiệp, Mạng giống như chân.***

Chánh Nghiệp, Chánh Ngữ, Chánh Mạng như hai chân.

Chân thì có thể hướng đến trước mà bước.

Không chỉ cần có hai chân, mà còn, không bệnh mới đi được.

▪ ***Kiến và Tư giống như mắt.***

Chánh Kiến và Chánh Tư giống như đôi mắt. Mắt mới thấy rõ đường đi.

Không chỉ cần có đôi mắt, mà còn, mắt không bị mờ, mới thấy được chính xác.

- **Con đường bình thường còn như vậy, hướng chi, con đường Giải Thoát.**

- **Con đường bình thường còn phải có tuân tự.**

Dù cho đi đến bất cứ nơi nào, nhất định phải biết rõ nơi ấy, biết rõ đường đi; còn phải từng bước tiến lên. Có đủ hai phương diện này hỗ trợ, mới mong thành công, đi đến mục đích.

- **Con đường Xuất Thế Giải Thoát, tất nhiên, phải có tuân tự.**

Con đường thông thường đều như thế; còn con đường Giải Thoát thì sao?

Điều này, đương nhiên, cần có chân và mắt, giúp đỡ mới thành công, nói đến được Bồ Bê Kia (Niết Bàn). Nói rõ: đây là phương pháp Giải Thoát, Xuất Thế. Nếu trước không nhận thức chính xác thì không thể có hành vi thanh tịnh. Không như thế thì đừng nói Tu, nói Chứng làm gì; chắc chắn không có khả năng thực hiện được.

Giống như ở trong lửa mà thăng mù (có chân) và thăng què (có mắt) không hợp tác; chỉ có một thì làm sao thoát ra khỏi nhà lửa đang cháy nghi ngút, hừng hực?

Trí Huệ Tu chứng.

正勤遍策发, *Chánh Cần biến sách phát.*

由念得正定, *Do Niệm đắc Chánh Định,*

依定起证慧, *Y Định khởi chứng Huệ,*

慧成得解脱. *Huệ thành đắc Giải Thoát.*

Chánh Căn có khắp trong ba học,

Từ Niệm được Chánh Định.

Nương Định chứng được Huệ,

Huệ thành được Giải Thoát.

• **Năm chi trước dẫn đến ba chi sau được Giải Thoát.**

○ **Chánh căn nương năm chi trước đi đến Tu Chứng.**

Đã có cái thấy chân xác, hành vi thanh tịnh thì, tự nhiên, thân tâm an ổn nên có thể tiến tu, chứng đắc giải thoát.

Ở đây phải có Chánh Căn là Tinh Tấn chán nản. Là bỏ dục vọng nên gọi là Chánh Tinh Tấn.

▪ ***Nội dung Chánh Căn.***

Phật nói Chánh Căn có bốn việc: 1. Chưa phát sanh nghiệp Ác, đừng để nó phát sanh; 2. Đã phát sanh nghiệp Ác, hãy dứt trừ nó đi; 3. Chưa phát sanh nghiệp Thiện, nên khiến nó phát sanh; 4. Đã phát sanh nghiệp Thiện, nên khiến nó tăng trưởng.

▪ ***Chánh Căn có khắp trong Tam Học.***

Chánh Căn liên thông với Tam Học, có công năng thúc đẩy, gắng sức, nỗ lực bỏ Ác, làm Thiện:

- ✓ Với **Giới Học**: Chánh Cần là xa lìa vi phạm, ra sức giữ thanh tịnh.
- ✓ Với **Định Học**: Chánh Cần là lìa xa chương ngại Định, như bốn Dục, năm triều cái... và ra sức tu Định Thiện.
- ✓ Với **Huệ Học**: đây là rời xa hiểu biết vọng chấp tà vọng và ra sức có được Chánh Kiến, Chánh Tư.

Tất cả việc này đều cần thiết giúp Tu Tập siêng năng, mới mong thành công. Việc lành ở thế gian, nếu không ra sức thì không thể; huống chi việc lớn Xuất Thế? Cho nên, khi Phật nghỉ ngơi, sau chuyến du hành dài; nghe thầy A Nan nói về Tinh Tấn, Phật liền ngồi dậy, tỉnh tọa; biểu thị sự xem trọng đối với Tinh Tấn.

○ ***Tuân tữ Chánh Niệm, Chánh Định phát sanh Trí Huệ, chứng được Giải Thoát.***

▪ ***Chánh Niệm.***

Đã có Chánh Tri Kiến và Giới thanh tịnh thì có thể Tu Định nhưng cần phải Tu Tập Niệm mới được.

Niệm là Chuyển Tâm Hệ Niệm (tâm chỉ hướng đến một Đối Tượng và không cho Niệm tán loạn) là phương pháp Tu (chủ yếu: NHIẾP TÂM BẤT LOẠN). Nhưng ở đây vẫn lấy Tâm Xuất Ly làm chủ đạo. Niệm tu tập không có Niệm nào

khác mà, chính là từ Chánh Kiến, Chánh Tư Duy mới có được Chánh Niệm.

Niệm này tương ứng với Huệ, là Chánh Niệm hướng đến Niết Bàn.

▪ ***Chánh Định.***

Tu tập thành tựu thì chứng được Chánh Định.

Theo Định Cảnh mà nói: chính là Thất Y Định (dựa bảy Định) đã nói trên. Phật còn, đặc biệt, xem trọng Tứ Thiên. Đây là Định dễ nhất phát sanh Huệ; chứ không phải là Định thông thường; mà là, Định tương ứng với Niệm, Huệ; là Định vượt trội hướng đến Niết Bàn, cho nên gọi là CHÁNH ĐỊNH.

▪ ***Chứng Huệ được Giải Thoát.***

Cùng tu cả Định, Huệ; cuối cùng dựa vào Chánh Định mà sanh khởi Huệ Vô Lậu, hiện chứng Tánh Duyên Khởi Vắng Lặng. Đây cũng chính là Trí Niết Bàn. Thành tựu được Huệ Vô Lậu Xuất Thế là dứt trừ phiền não, chứng được chân lý; không còn sanh tử và được Giải Thoát.

Đến đây mới hoàn thành công phu tu tập: Đạt được mục tiêu trên con đường dẫn đến Xuất Thế, Giải Thoát.

Giải Thoát, Niết Bàn do tu Bát Chánh Đạo mà thành. Vì vậy, Phật nói Đạo Đế là nói chung về Bát Chánh Đạo; khen

ngợi rằng: 八正道行, 入涅槃: Bát Chánh Đạo hành, nhập Niết Bàn: Tu tập Bát Chánh Đạo, rũ sạch mọi Phiền Não; Đi vào cõi Thanh tịnh, Hết vương mắc Trần Lao.

• **Trình bày theo thứ tự Tam Học và Bát Chánh Đạo.**

○ **Điểm bất đồng về thứ tự giữa Tam Học và Bát Chánh Đạo.**

Ở trong trình bày giữa Tam Học và Bát Chánh Đạo này, dường như, về thứ tự có bất đồng.

Tam Học thì Giới rồi Định, Định rồi Huệ. Bát Chánh Đạo thì Huệ rồi Giới, Giới rồi Định.

○ **Tánh nhất quán của Đạo Giải Thoát là không là VẤN, TU, TU.**

▪ ***Phối hợp giải thích Tam Học, Bát Chánh Đạo và Văn, Tư, Tu, Chứng.***

✓ **Năm chi trước bao gồm trong Văn, Tư, Tu cũng bao gồm trong Giới Học.**

Chánh Kiến là Văn Huệ. Chánh Tư Duy là Tư Huệ, Tư Duy phát sanh Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng là Giới Học.

✓ **Ba chi sau bao gồm trong Tu Huệ, cũng bao gồm trong Định Học.**

Chánh Tinh Tấn có mặt tất cả các chi trong Bát Chánh Đạo. Đặc biệt nhờ siêng năng đề tu Chánh Niệm, Chánh Định là Định Học.

Định và Huệ tương ứng, chính là Tu Huệ.

✓ Từ Định phát sanh Vô Lậu Học chân thật thì được Giải Thoát.

Đến khi từ Định phát sanh Huệ Vô Lậu; đó là Huệ hiện chứng, Huệ Học chân thật. Từ đây mà được giải thoát.

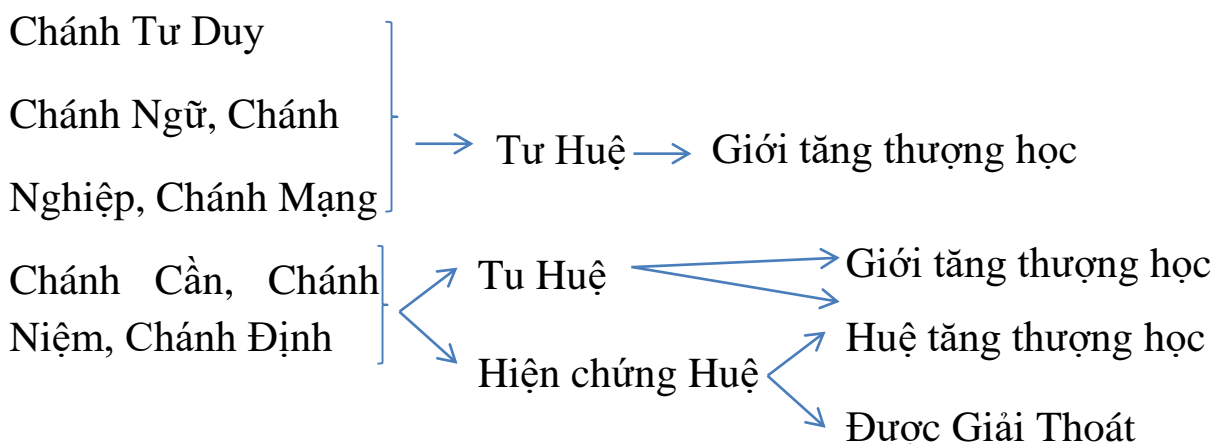
▪ ***Minh họa Tánh nhất quán của Tam Học và Bát Chánh Đạo.***

Nguyên nhân Phật nói: Đạo Giải Thoát, Tam Học và Bát Chánh Đạo giống nhau.

Không lìa thứ tự của Văn, Tư, Tu và Huệ hiện chứng, cũng chính là nương Giới rồi có Định, nương Định rồi có Huệ, nương Huệ được Giải Thoát. Đây là thứ tự bất buộc.

Tánh nhất quán của Tam Học và Bát Chánh Đạo được minh họa theo biểu đồ sau.

Chánh kiến → Văn Huệ



c. *Tổng hợp đạo phẩm TẬP*

佛說諸道品, *Phật thuyết chư Đạo Phẩm,*

總集三十七, *Tổng tập Tam Thập Thất,*

道同隨機異, *Đạo đồng tùy cơ dị,*

或是淺深別. *Hoặc thị thiển thâm biệt.*

Phật nói nhiều Đạo Phẩm, Tất cả ba mươi bảy,

Đạo chung, căn cơ khác, Cạn hay sâu không giống.

• **Đạo phẩm, tất cả có ba mươi bảy.**

Phật nói Đạo Đệ, nó chính là Tám chi Chánh Đạo. Tản mác trong kinh điển, hạng mục Phật nói về tu đạo thì Đạo phẩm càng nhiều.

○ **Tên gọi, ý nghĩa ba mươi bảy Đạo Phẩm.**

Đạo phẩm là đạo loại, là đem hạng mục tu đạo sắp xếp theo từng loại. Trong kinh khái quát Đạo phẩm thành ba mươi bảy loại; chia ra bảy loại lớn: 1. Tứ Niệm Xứ; 2. Tứ Chánh Cần; 3. Tứ Thần Túc; 4. Ngũ Căn; 5. Ngũ Lực; 6. Thất Giác Chi; 7. Bát Chánh Đạo Chi.

Trong bảy loại lớn này, gồm ba mươi bảy phẩm; vì sao gọi là Đạo phẩm?

Đạo là dịch ý của từ Bồ Đề. Những điều này đều do tu hành mà có được Tam Bồ Đề (chánh Đẳng Giác). Hạng mục không giống với Chánh Giác, cho nên gọi là Đạo Phẩm.

○ **Dịch riêng nội dung bảy loại Đạo Phẩm.**

▪ ***Trên đã nói hai loại: Tứ Chánh Cần và Bát Chánh Đạo.***

▪ ***Phân biệt các Đạo phẩm còn lại:***

✓ **Tứ Niệm Xứ.**

Còn có Tứ Niệm Xứ là Thân niệm xứ, Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ, Pháp niệm xứ.

Niệm xứ là Niệm tương ứng với Huệ, chú trọng ở Quán Huệ, như: Quán Thân Bất Tịnh, Quán Thọ Thị Khổ, Quán Tâm Vô Thường, Quán Pháp Vô Ngã: Quán sát Thân ô uế, Quán sát cảm Thọ khổ đau, Quán sát Tâm không đứng yên; Quán sát các Pháp không có tự thể.

✓ **Tứ Thần Túc.**

Tứ Thần Túc là Định. Định là chỗ nương tựa của Thần Thông nên gọi là Thần Túc. Tuy là Định nhưng do tu phát sanh chủ lực của Tam Ma Địa (Định). Vì do Dục (muốn); do Cần (siêng năng); do Chỉ (Định); do Quán (Trí) khác nhau, cho nên chia Tứ Thần Túc.

✓ **Ngũ Căn.**

Ngũ Căn là Tín căn, Cần căn, Niệm căn, Định căn, Huệ căn.

Năm hạng công đức này là do tu Định vững chắc mà phát khởi được nguồn gốc của công đức nên, gọi là Căn.

✓ Ngũ Lực.

Ngũ Lực là Ngũ Sự hay Ngũ Căn (đã nói rồi) là sức mạnh đã hàng phục được phiền não nên gọi là Lực.

✓ Thất Giác Chi.

Thất Giác Chi là Niệm giác chi, Trạch Pháp giác chi, tinh Tấn giác chi, Hỷ giác chi, Khinh An giác chi, Định giác chi, Xả giác chi.

Đây là loại Đạo Phẩm quan trọng nhất, là nhân tố đưa đến phát sanh Chánh Giác.

• **Sự giống, khác của bảy loại Đạo Phẩm.**

Đạo Phẩm (những con đường) dẫn đến Giải Thoát Sanh Tử, vì sao nói có bảy loại, ba mươi bảy phẩm?

- **Tuy Đạo Phẩm không giống, nhưng Nhất Thừa Đạo cho sự Giải Thoát thì giống.**

Người xưa cho rằng Thể của Đạo giống nhau, là MỘT; còn Công Đức tu tập, xưa nay, có rất nhiều thứ, Phật chỉ nêu lên những điều quan trọng.

Sanh, Tử của chúng sanh giống nhau; con đường giải thoát sanh tử- lẽ nào— không giống nhau.

Không giống, chẳng qua là theo căn cơ của chúng sanh nên, Phật mới nói Đạo Phẩm (những con đường khác biệt mà thôi).

Vì khi xem xét trong kinh thì thấy: Bất kỳ loại Đạo phẩm nào (cũng đều bao hàm tất cả công đức, nhưng Phật chỉ nói những điều trọng yếu) cũng đều có khả năng Giải Thoát Sanh Tử, cho nên, đều nói là Nhất Thừa Đạo.

▪ ***Đạo phẩm Giải Thoát, căn bản có mười loại:***

Tổng hợp tất cả Đạo phẩm lại, hạng mục chủ yếu về Đạo Giải Thoát, không ra ngoài mười loại:

- ✓ **Tín**: Tín Căn, Tín Lực.
- ✓ **Cần**: Tứ Chánh Cần, Cần Căn, Cần Lực, Tinh Tấn Giác Chi, Chánh Tinh Tấn.
- ✓ **Niệm**: Niệm Căn, Niệm Lực, Niệm Giác Chi, Chánh Niệm.
- ✓ **Định**: Tứ Thần Túc, Định Căn, Định Lực, Định Giác Chi, Chánh Định.
- ✓ **Huê**: Tứ Niệm Xứ, Huê Căn, Huê Lực, Trạch Pháp Giác Chi, Chánh Kiến.

✓ **Tâm Tứ**: Chánh Tư Duy.

✓ **Giới**: Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng.

✓ **Hỷ**: Hỷ Giác Chi.

✓ **Xả**: Xả Giác Chi.

✓ **Khinh An**: Khinh An Giác Chi.

- *Mười loại đạo phẩm trên lấy tám Chánh Đạo là đầy đủ nhất, lấy ba Học là cốt yếu và ngắn gọn nhất.*

Hạng mục chủ yếu của Đạo, tuy có mười loại ấy; nhưng khi Chánh Kiến thành tựu thì TÍN mới thành tựu được. Rồi Hỷ, Xả, Khinh An không ra ngoài Công Đức của Định. Vì vậy, nói lại Bát Chánh Đạo là trọn vẹn nhất; Tam Học là thiết yếu và đơn giản nhất.

- **Dựa theo đặc tánh vượt trội mà nói thì có sự khác nhau về Cận, Sâu, Thứ Tư.**

Hoặc có người nói: Theo trình tu học của từng người, bảy loại Đạo Phẩm này đều cần thiết; là sự khác biệt cận, sâu theo thứ lớp mà tiến tu từng loại một.

Ở đây muốn nói: Khi mới tu học thì tu Tứ Niệm Xứ; đã đến Noãn Vị (một trong bốn vị Gia Hành) thì tu Tứ Chánh Cận; đến Đảnh Vị tu Tứ Thần Túc; Nhẫn Vị thì tu Ngũ Căn; Thế Đệ Nhất thì tu Ngũ Lực; Kiến Đạo Vị thì tu Bát Chánh

đạo; Tu Đạo Vị thì tu Thất Giác Chi. Nhưng đây là nói về ý nghĩa thù thắng mà thôi.

4.2.2.2. Kết luận

此是聖所行, *Thử thị thánh sở hành,*
 此是聖所証, *Thử thị thánh sở chứng,*
 三乘諸聖者, *Tam Thừa chư Thánh giả,*
 一味涅槃城. *Nhất vị Niết Bàn thành.*

Đây là việc làm của Bạc Thánh,

Đây là chỗ chứng ngộ của Bạc Thánh,

Các Bạc Thánh trong Tam Thừa

Đều an trụ trong Niết Bàn.

- **Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Học, Bát Chánh Đạo là con đường tắt để tu hành, chứng đắc, ngộ nhập Niết Bàn.**

Pháp môn ra khỏi cuộc đời là Tứ Đế, Duyên Khởi mà, Tam Học, Bát Chánh Đạo ở trong Đạo Đế như trên đã nói.

Đây đều là phương pháp tu hành của Bạc Thánh, cũng là chỗ chứng ngộ của Bạc Thánh.

Tu hành, chứng ngộ không xa rời pháp môn này. Đây là Chánh Pháp từ miệng Đức Thích Ca chỉ dạy.

Xa lìa những lời chỉ dạy này thì không còn pháp môn nào khác để Nương Tựa, thì không có con đường Tất nào khác để Giải Thoát, thì vĩnh viễn không còn chỗ nào khác để trở về.

• **Các Bậc Thánh trong Tam Thừa đều từ con đường tất này Chứng ngộ, đi vào Thành Niết Bàn.**

Nhờ lời chỉ dạy này của Phật mà, tất cả các Bậc Thánh của Tam Thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều dựa vào, duy nhất, Chánh Pháp này cùng thọ nhận vị Giải Thoát duy nhất; như sông ngòi dài rộng chảy vào biển cả thì đều có vị mặn duy nhất; cuối cùng, đồng vào Thành Niết Bàn nghỉ ngơi.

Luận Đại Tỳ Bà Sa nói: 三獸渡河, 三鳥出網 : Tam thú độ hà, tam điều xuất võng: Ba con thú qua sông (thỏ, ngựa, voi); ba con chim bay ra khỏi lưới.

Mặc dù, bay đi có gần, xa; lội qua sông có sâu cạn; nhưng cả hai trường hợp đều không rời hư không và nước sông.

Vì vậy nói: “*Ba Thừa cùng vào một Pháp Tánh; Tam Thừa cùng ngồi trên tòa Giải Thoát*”.

4.2.3. Chứng Quả

4.2.3.1. Giai đoạn Chứng Quả

通論解脫道, *Thông luận Giải Thoát Đạo*,

經於種熟脫. *Kinh ư chủng thực thoát,*
 修證有遲速, *Tu chứng hữu trì tốc,*
 非由利鈍別. *Phi do lợi, độn biệt.*

Luận bàn đạo Giải Thoát; Nhân chín muối: Giải Thoát;
 Tu, Chứng có nhanh, chậm; Chẳng từ Căn Lợi, Độn.

• **Lịch trình Đạo Giải Thoát phải trải qua ba Giai đoạn chín muối của Nhân (hạt giống) Giải Thoát.**

Bậc Thánh chứng được pháp Tứ Đế và Duyên Khởi này, xin được nói vắn tắt sau đây.

○ **Bàn thông đạo Giải Thoát, trải qua nhân (hạt giống) Giải Thoát chín muối.**

▪ ***Nhân giải thoát chín muối là quá trình mỗi Bậc Thánh trải qua.***

Trước hết, bất luận Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều thông suốt giáo nghĩa Giải Thoát.

Mỗi Bậc Thánh tu hành, ở trong Đạo Giải Thoát, đều phải qua ba giai đoạn Nhân Giải Thoát chín muối (chủng thực giải)

▪ ***Vắn tắt về Nhân Giải Thoát chín muối.***

- ✓ **Ban đầu**, nghe Pháp Phật, sanh tâm chán ghét, xa lìa; từ đây trồng Căn Lành Giải Thoát, tương tự gieo một hạt giống xuống đất.

Nếu không có hạt giống Tâm Xuất Ly này; làm sao nghe pháp, tu hành và giải thoát cho được.

✓ Kế tiếp, gặp Phật, nghe pháp, tu hành liên tục khiến cho hạt giống Tâm giải thoát thành thực dần dần; tựa như hạt giống nảy mầm, ra lá, nở hoa.

✓ Cuối cùng, tất cả đã thành thực mới chứng được quả; như hoa nở rồi kết thành quả vậy.

○ **Tu, Chứng có nhanh, chậm; không phải từ Căn Lợi, Độn khác nhau.**

▪ ***Nêu lên Chứng Nhập có thể có hay không; rồi đến vấn đề Chứng Nhập nhanh hay chậm.***

Có một số đệ tử Phật, nghe pháp Phật một lần, liền Ngộ Nhập rồi Chứng Quả; có số khác siêng năng, khổ sở tu hành cả đời mà, vẫn không Đắc Đạo.

▪ ***Chứng nhập và nhanh, chậm quyết định từ Tu tập ở đời trước.***

Đời này tu hành mà không thể Chứng Nhập; Chứng Nhập hoặc nhanh hoặc chậm. đây là do tu tập ở đời trước quyết định.

✓ Bàn về điều kiện Chứng Nhập:

- Không gieo hạt giống hay mới gieo hạt giống đều không thể có kết quả ngay.

Nếu đời trước không gieo hạt giống Tâm Giải Thoát, đời này mới bắt đầu sanh Tâm chán ghét, lìa bỏ mà tu hành, rồi lại muốn chứng quả ngay; chẳng khác nào không gieo hạt giống mà muốn có trái; lấy gì để có đây?

- Đã gieo hạt giống rồi đến thành thực thì liền Chứng Ngộ.

Nếu đời trước đã tu đến giai đoạn thành thực (chín muồi) và đời này, vừa ra đời, đã gặp Phật, nghe pháp thì liền chứng ngộ; thậm chí, không cần dụng công tu tập cũng sẽ chứng đắc giải thoát viên mãn.

✓ Bàn về nhanh, chậm không giống nhau.

- Nhanh, chậm không giống nhau, chỉ quyết định đối với việc chuẩn bị ở đời trước; chẳng phải khác nhau do Căn Lợi, Độn.

Nguyên nhân, quá trình tu chứng trong đời này có nhanh, chậm không giống nhau. Điều này chỉ quyết định do chuẩn bị ở đời trước như thế nào; hoàn toàn không do sự khác nhau của Căn Lợi, Độn.

- Độn Căn và Lợi Căn khác nhau là do Tín nặng hay Huệ nặng.

Đương nhiên có Lợi Căn và Độn Căn, điều này trên đã nói, đó là do người tu hành theo niềm Tin hay người tu hành theo Pháp Phật.

Xem nặng học tập, nương tựa ở Thầy, lấy niềm Tin khởi đầu, đó là người Độn Căn; xem nặng tự lực học tập, lấy Trí Huệ khởi đầu, đó là người Lợi Căn.

Nhưng tất cả việc này đều phải trải qua ba giai đoạn của Hạt Giống Giải Thoát Chín Muồi.

- Không thể việc Chứng đắc, Ngộ nhập giáo pháp hay Giải Thoát của đời này mà quyết định người ấy là Lợi hay Độn Căn.

Dựa vào tu, chứng của đời này mà nói thì không thể lấy việc Chứng đắc, Ngộ nhập mà quyết định người ấy là Lợi hay Độn Căn được.

- **Bàn riêng về Lợi Căn và Độn Căn.**

- *Gần đây lấy việc Chứng đắc đạo quả, Ngộ nhập Niết Bàn nhanh, chậm rồi nảy sanh quan niệm Nhanh, Chậm khác nhau; so với Kinh, Luận Phật giáo đều ngược lại.*

Những người ấy dựa vào nỗ lực Tu, chứng đời này, hoặc dựa vào việc Chứng, Ngộ nhanh, chậm mà phân biệt Lợi, Độn. Như thế, đâu có biết hoàn toàn tương phản.

- *Trong kinh, luận nói rằng muốn mau thành Độn Căn; muốn chậm thành là Lợi Căn.*

Khác nhau, ngoài trọng niềm Tin và trọng Trí Huệ, hề muốn mau thành Chánh Quả mới là Độn Căn; bậc tài giỏi thì chậm thành mới là Lợi Căn.

▪ ***Dựa vào Căn Tánh để phân biệt Lợi, Độn.***

Nếu căn cứ vào Tam Thừa mà nói: Căn Tánh của Thanh Văn là Độn; Căn Tánh của Duyên Giác trung bình; Căn Tánh của Bồ Tát là Lợi.

▪ ***Dựa vào thời gian để phân biệt Lợi, Độn.***

- ✓ Thanh Văn là độn căn, từ phát tâm đến giải thoát, nhanh nhất là ba đời, chậm nhất là không quá sáu mươi kiếp.
- ✓ Duyên Giác có căn tánh trung bình, từ phát tâm đến giải thoát, nhanh nhất là bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp.
- ✓ Bồ Tát là lợi căn, phải tu ba đại A Tăng Kỳ Kiếp, mới giải thoát hoàn toàn.

Liên quan đến Căn Tánh nhanh, chậm sẽ trình bày trong phần Đại Thừa Bất Cộng Pháp, dựa vào kinh luận, nói rõ hơn.

4.2.3.1. Quả vị

a. Thanh Văn

Sơ Quả

見此正法者, *Kiến thử chánh pháp giả,*

初名須陀洹, *Sơ danh Tu Đà Hoàn,*

三結斷無餘, *Tam kết đoạn vô dư,*

無量生死息. *Vô lượng sanh tử tức.*

*Người thấy chánh pháp này, Trước gọi là Tu Đà Hoàn,
Dứt sạch tron Ba Kết, Đoạn vô lượng Sanh, Tử.*

- **Lời nói đầu.**

Nói lại thứ tự chứng đắc, ngộ nhập của Bạc Thánh. Người tu hành Thanh Văn Thừa, chứng nhập quả Thánh, xưa nay chia ra bốn cấp. Trước nói Sơ Quả.

- **Bạc Thánh sơ quả.**

- **Ý nghĩa sơ quả.**

Quán sát Vô Thường, Vô Ngã của Pháp Duyên Khởi, rồi khế hợp với không Tánh Duyên Khởi Vắng Lặng. Đó là tự thân thấy được Chánh Pháp, cũng gọi là Nhập Pháp Giới.

Bạc Thánh mới đi vào Chánh Pháp, gọi là Quả Tu Đà Hoàn. Đó là tiếng Phạn có nghĩa Dự Lưu hoặc Nhập Lưu (dự vào Dòng Thánh). Tu đến đây đã thuận dòng với Pháp Tánh, cũng đã đi vào hàng Thánh giả.

Chứng nhập Quả Tu Đà Hoàn, trong kinh hình dung là: 見法, 得法, 智法, 入法, 得離狐疑, 不由於他, 入正法律得無所畏 Kiến pháp, Đắc pháp, Trí pháp, Nhập pháp, Đắc ly hồ nghi, Bất do ư tha, Nhập Chánh Pháp Luật Đắc vô sở úy:

Thấy pháp, chứng pháp, Biết pháp, Ngộ pháp, lìa xa hoài nghi, không tùy thuộc nó, Đi vào chánh pháp giới luật, không còn sợ hãi.

Vì vậy, đây là Bậc thấy pháp hiện tiền, Bậc tự giác; đối với Chánh pháp tự tin tuyệt đối.

○ **Phiền não, Sơ Quả cắt đứt.**

▪ ***Phiền não chia hai loại Kiến Hoặc, Tu Hoặc.***

Bậc Thánh sơ quả đã trừ hết căn bản Sanh, Tử mà Phiền Não là chủ yếu. Căn cứ của các luận sự đời sau phân tích thì phiền não rất nhiều; nhưng đại thể chia ra hai loại:

- ✓ Phiền não do Kiến Đạo dứt trừ được, là bằng cái Thấy có thể nhập Pháp tánh của Trí Huệ mà đoạn trừ được bộ phận này, cũng gọi là KIẾN HOẶC.
- ✓ Phiền não do Tu Đạo dứt trừ được, là từ sự tu tập liên tục mà dứt trừ từng phần, cũng gọi là TU (tu) HOẶC.

▪ ***Sơ Quả dứt trừ Kiến Hoặc.***

Phiền não mà hiện tại Sơ Quả dứt trừ là Kiến Hoặc

- ✓ Luân sư của chúng ta gọi là tám mươi tám Hoặc
Đây là loại phiền não nhiều nhất, gồm tám mươi tám Hoặc.

✓ Phật dạy: Dứt trừ tam kết.

Trong kinh Phật dạy trọng điểm Dứt Trừ Tam Kết (kết: phiền não trói buộc chúng sanh trong Sanh Tử)

- Tam kết:

Ngã Kiến Kết, Giới cầm thủ kết, Nghi kết, Sơ Quả đoạn trừ triệt để ba kết này, không còn mảy may. Kết có nghĩa là trói buộc vào Sanh Tử, cho nên phải cắt đứt tam kết, cũng chính là mở cái nút thắt của Sanh Tử.

- Giải thích riêng Tam Kết.

+ Ngã Kiến.

Là sai lầm ôm chặt Cái Ta, là cội gốc của Sống, Chết; là Cái Thấy Thuộc Về Ta, là Cái Thấy không Còn Gì, là Cái Thấy Mãi Mãi Còn, là Cái Thấy Chỉ Có Một, là Cái Thấy Khác Nhau, là Cái Thấy Có, là Cái Thấy Không...

Ngã Kiến đã dứt hết rồi thì tất cả Cái Thấy này đều không còn nữa.

+ Giới Cầm

Là Giới Tu của ngoại đạo không có ý nghĩa. Đã thấy được Chân Lý, không làm theo tôn giáo ngoại đạo thì có thể được giải thoát; không còn giữ chặt, học tập theo những giới ấy nữa.

Giới Cầm của Ngoại đạo rất nhiều, xin sơ lược như sau: Như không ăn thức ăn nấu chín, không cạo tóc; giữ giới trâu, giới chó...

Kể cả những điều kỳ lạ, như ăn phân, uống nước tiểu, tinh trùng người nam, uống máu người nữ; ngày nóng phơi mình dưới ánh nắng mặt trời; ngày lạnh lẻo lại nằm ngủ trên băng tuyết. Với bao điều kiêng kỵ, cần đảo và nhiều hình thức giới cấm; ngay đây không giữ lấy, thật hành những giới này thì thân tâm sẽ được thanh tịnh.

+ Nghi.

Là đối với Phật, Pháp (Tứ Đế, Duyên Khởi), Tăng hồ nghi, không tin chắc. Đã thấy Chánh Pháp thì phải thấy rõ ràng, triệt đê; chớ có nửa Tin nửa Ngờ.

- Kết luận.

Trong quá trình tu hành, những phiền não này, sớm hàng phục, không cho nó nổi lên; đến khi chứng ngộ, thấy được Pháp Tánh, mới cắt đứt gốc rễ của phiền não này, không còn khả năng sanh ra được nữa. Vì thế, dứt thì dứt hết hoàn toàn, chứ không chỉ không còn khả năng sanh ra. Tất cả Sai Lầm do Thấy Biết đã dứt trừ hết là bắt đầu từ Tam Kết (Ngã Kiến, Giới Cấm, Nghi) đều từ Chân Trí hiện tiền, từ chính mình thể nghiệm Pháp Tánh.

Tám mươi tám Loại Kiến Hoặc.

Dục	Khô	Tham,Sân,Si,Mạn,Nghi,Thân,Biên,	10	32
-----	-----	---------------------------------	----	----

giới	đề	Tà,Kiến,Giới		
	Tập đề	Trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	7	
	Diệt đề	Trừ Thân, trừ Biên, Trừ Giới Cấm Thủ	7	
	Đạo đề	Trừ Thân, trừ Biên	8	
Sắc Giới	Khô đề	Trừ Thân	9	28
	Tập đề	Trừ Thân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Diệt đề	Trừ Thân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Đạo đề	Trừ Thân, trừ Thân, trừ Biên	7	
Vô Sắc Giới	Khô đề	Trừ thân	9	28
	Tập đề	Trừ Thân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	
	Diệt đề	Trừ Thân, trừ Thân, trừ Biên, trừ Giới Cấm Thủ	6	

	Đạo đế	Trừ Thân, trừ Tâm, trừ Biên	7	
--	-----------	-----------------------------	---	--

○ **Sanh, Tử còn sót lại của Bạc Sơ quả.**

▪ ***Nói chung đã ngưng vô lượng Sanh, Tử.***

Đã thấy Chánh Pháp, đã dứt trừ Phiền Não thì cũng cắt đứt Sanh Tử; bởi vì Quả Khổ Sanh Tử có cội nguồn xuất phát là phiền não, cắt đứt Nhân thì Quả cũng không còn. Chứng đến Sơ quả, có thể nói, Vô Lượng Sanh Tử đều đã Dừng lại.

Trong kinh có nói: Như nước trong ao lớn đã khô cạn, chỉ còn vài giọt thôi.

▪ ***Nói riêng về Nghiệp Quả còn sót.***

Phân biệt mà nói:

✓ **Trước khi chưa chứng ngộ Pháp Tánh.**

Thì sanh tử vô số vô lượng ở vị Lai.

✓ **Vừa vào Quả Thánh Dự Lưu.**

- Không đọa trở lại ba đường Ác.

Chờ đến khi vừa vào Dòng Thánh, đã cắt đứt Tam Kết thì không rơi lại vào đường Ác. Nghiệp ba Đường Ác không còn hiệu nghiệm; Quả Khổ của ba Đường Ác không còn phát khởi nữa.

- Nghiệp Quả còn trở lại bảy lần cõi Người, Trời.

Nghiệp quả của cõi người và trời gọi là Cực Thất Hữu; chính là muốn nói: bảy lần sanh Làm Trời, bảy lần sanh làm Người, sau cùng; rồi chắc chắn vĩnh viễn cắt đứt Sanh Tử, đi vào Niết Bàn.

✓ Chứng được Sơ quả, chắc chắn, cắt đứt Quả Khổ Sanh Tử.

Thấy được như thế, đã đến Sơ Quả thì Sanh Tử làm sao không dứt sạch. Thân hiện tại, tuy còn Sanh Tử; tuy còn Sanh Tử bảy lần ở cõi Trời, bảy lần ở cõi Người; nhưng thật sự đã đến, đã thấy được Biên Giới Khổ Đau của Sanh Tử; Sanh Tử không còn có thể kéo dài vô tận nữa. Cho nên, ở trong Thánh Vị thì Sơ Quả quý báu vô cùng, khó chứng được nhất! Chứng được Sơ Quả, có thể nói, Sanh Tử đã kết thúc, nhất định như vậy. Giống như chẻ một cây tre, đã che được mắt, hai mắt rồi thì không phí sức vẫn chẻ xong cây tre ấy.

Đây là mục tiêu đầu tiên, duy nhất của người học Pháp Phật.

Thánh Quả thứ hai

二名斯陀含, *Nhị danh Tư Đà Hàm,*

進薄修斷惑. *Tiến bạc tu đoạn Hoặc.*

Thứ hai Tư Đà Hàm, Đoạn Hoặc tu chậm dần.

- **Cắt đứt Hoặc từ Quả thứ hai trở lên và Sơ Quả không giống nhau.**

Nói rõ từ Sơ Quả đến Quả thứ hai, thứ ba, thứ tư, chính là cần nói đến quá trình cắt đứt Hoặc. Song ở đây có ý nghĩa đặc biệt so với đoạn trừ Hoặc của Sơ Quả không giống nhau nên, cần giải thích thêm.

- **Sự khác nhau về Nhuận Sanh của Kiến Hoặc và Tu Hoặc.**

- ***Ví dụ về Sanh Tử.***

Trước ví dụ: Nếu một cội cây lớn mà nhỏ cả gốc, rễ của nó lên thì cây ấy chết chắc.

Nhưng trong ba ngày, năm ngày hoặc nửa tháng hay một tháng, cây ấy có thể đâm chồi, nở hoa. Như vậy, trải qua một thời gian tương đối, cây ấy khô, lá vàng hoàn toàn và chết đi.

Nên biết rằng ở đây: Để cho cái cây lớn ấy tiếp tục sống còn về sau thì rễ của nó phải hấp thu được nước làm chất liệu nuôi sống. Thân cây đại thọ, tuy có năng lực bảo tồn, tương đối sự sống còn của nó (giống Nghiệp) nhưng, vẫn cần có nước và đất làm dinh dưỡng.

Da cây và lá cây, tuy có hấp thu ít nhiều để duy trì sự sống của cây. Song, một khi nhỏ phăng gốc rễ của cây thì nó không thể sống còn lâu dài được nữa.

Kết cuộc, toàn bộ sự sống của cây ấy chết hết. Nếu như còn phơi dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời thì cây khô lá vàng nhanh hơn.

▪ ***Nói chung cả Dụ và Pháp.***

Giải thoát Sanh Tử của chúng sanh cũng như thế.

✓ Cắt đứt Kiến Hoặc giống như nhổ phăng rễ cây.

Căn nguyên trực tiếp của Sanh Tử là NGÃ KIẾN (thấy có Cái Ngã); Bạc Tu Đà Hoàn đã dứt hết Ngã Kiến, đã giải thoát khỏi Sanh Tử; giống như nhổ phăng rễ của đại thọ, phải chết thối, không còn nghi ngờ gì nữa.

✓ Tu Hoặc còn sót lại như da và lá của cây.

- Tu Hoặc chỉ là sự thâm nhuần của Nghiệp Lực có sẵn.

Phiền não còn lại chưa cắt đứt, gọi là Tu Sở Đoạn Hoặc: Sai Lầm, Vọng tưởng, Phiền não do Tu mới đoạn trừ được; thâm nhuần Nghiệp Lực có sẵn khiến cho vị ấy sanh lên Trời hay xuống cõi trần thế.

Phiền não còn sót lại, dù cho làm việc ác nhỏ hay là tu Giới, tu Định đều không thể thành Tổng Báo Nghiệp và Dẫn Nghiệp của Trời, người mà, chỉ có thể là Biệt Báo Nghiệp và Biệt Mãn Nghiệp. Nếu không như thế, Sinh Tử sẽ không dừng lại mà tiếp tục mãi ở cõi người, cõi trời; không thể

chấm dứt được. Vị ấy chỉ còn tưới tẩm nghiệp cũ để vãng sanh về cõi trời, cõi người.

- Tu Hoặc như da cây và lá cây, không thể kéo dài sự nhuận sanh vô hạn.

Đúng vậy, do đã cắt đứt Ngã Kiến, Tu Hoặc cũng không thể tiếp tục vô hạn, nhuận sanh mãi mãi, giống như da cây và lá cây hấp thụ dưỡng khí, không thể duy trì sự sống của đại thọ lâu dài.

○ **Thời gian từ Sơ Quả đến lúc vào Niết Bàn.**

Chúng được Sơ Quả:

▪ ***Đời này không ngừng tu tập chứng ngộ Niết Bàn.***

Nếu không ngừng tu tập, có thể trong một đời này, chứng ngộ Niết Bàn, như đại thọ bị nhỏ phăng gốc rễ, phơi dưới ánh nắng chói chang, thân khô, lá vàng rất nhanh.

▪ ***Tu hành trì trệ thì còn Sanh Tử trở lại bảy lần.***

Nếu tu hành trì trệ, đặc biệt, những đệ tử tại gia bị ràng buộc bởi gia đình, nghề nghiệp sự sống, nhưng Phiền Não cũng bị tàn tạ rất nhanh chóng không còn gì. Có thêm cho chãng, cũng chỉ duy trì trong bảy lần Sanh Tử mà thôi.

▪ ***Kết luận.***

Vì vậy, chúng được Sơ Quả, tuy là có khả năng Cách Âm chi Mê, chắc chắn không giống như phàm phu; dù cho thể

nào, thì cũng đã chạm đến biên giới của Sanh Tử; có thể nói là Sanh Tử không còn nữa.

- **Ý nghĩa Quả thứ hai.**

Quả thứ hai gọi là Tư Đà Hàm. Tư Đà Hàm là tiếng Phạn có nghĩa là Nhất Lai. Bởi vì từ Sơ Quả mà tu lên, hay trải qua sáu lần sống, chết ở cõi trời, nhân gian, tu hành đã cắt đứt phiền não và sức mạnh của nó đã yếu đi rất nhiều, có thể nói đã cắt đứt một phần. Còn lại là Tu Hoặc, năng lực này có thể tái sinh một lần ở cõi người, không còn tiếp tục về sau nữa. Đến giai đoạn này, do Tu Đạo Sở Đoạn Hoặc (phiền não đoạn trừ được do tu tập) mà phiền não đã giảm rất nhiều sức mạnh của nó chỉ còn đủ một lần Sanh Tử nữa thôi, cho nên gọi là Tư Đà Hàm (nhất lai).

Tám mươi một phẩm tu hoặc

Dục giới	Tham	1. Ngũ thú tạp cư địa
	Sân	
	Si	
	Mạn	
Sắc Giới	Tham	2. Ly sanh hỷ lạc địa
	Si	3. Định sanh hỷ lạc địa
	Mạn	4. Ly hỷ diệu Lạc địa

		5. Xả niệm thanh tịnh địa
Vô Sắc Giới	Tham	6. Không vô biên xứ địa
	Si	7. Thức vô biên xứ địa
	Mạn	8. Vô sở hữu xứ địa
		9. Phi tướng phi phi tướng xứ địa

Phiền não và tái sanh (nhuận sanh)

Dự lưu hướng	15 tâm trước		KIẾN ĐẠO	
Dự lưu quả	Tâm thứ 16 đạo loại trí			
Nhất lai hướng	Thượng thượng phẩm	2 lần tái sanh	Dục giới Tu hoặc TU ĐẠO	Hữu Học Vị
	Thượng trung phẩm	1 lần tái sanh		
	Thượng hạ phẩm	1 lần tái sanh		
	Trung thượng phẩm	1 lần tái sanh		
	Trung trung phẩm	1 lần tái sanh		
Nhất lai	Trung hạ phẩm			

quả				
Bát hoàn	Hạ thượng phẩm	1 lần tái sinh		
hương	Hạ trung phẩm			
Bát hoàn quả	Hạ hạ phẩm			
A La Hán Hương	Phẩm I Sơ thiên, cõi sắc, đoạn Vô gián đạo Phẩm IX, địa Hữu Danh, cõi Vô Sắc, đoạn Kim Cang Vô Gián đạo	Tu Hoặc 2 cõi trên		
A La Hán Quả	Phẩm IX, địa Hữu Danh, đoạn giải thoát đạo	VÔ HỌC ĐẠO	Vô Học Vị	

Quả Thứ Ba

三名阿那含, *Tam danh A Na Hàm,*

離欲不復還. *Ly dục, bất phục hoàn.*

Quả thứ ba A Na Hàm, Ly Dục, không trở lại.

• Ý nghĩa Quả thứ ba.

Tiến lên một bước là Quả thứ ba, gọi là A Na Hàm. A Na Hàm là tiếng Phạn có nghĩa là Bất Lai: Không Trở Lại, hoặc là Bất Hoàn. Ý muốn nói: Bậc chứng quả A Na Hàm, sau khi

chết, xa lìa cõi Dục, sanh lên cõi Sắc hay cõi Vô Sắc, chắc chắn, vào Niết Bàn ở đó, không sanh trở lại cõi Dục.

Đây là từ Quả thứ hai tiến tu, ngay trong đời này, chứng Quả Bất Hoàn, hay là trở lại nhân gian, chỉ còn một lần Sanh Tử này sanh lên cõi trời thôi.

- **Quả III dứt trừ ngũ Hạ Phần Kết.**

- **Cắt đứt phiền não cõi Dục.**

Căn cứ việc đoạn trừ phiền não mà nói: Tu tập đoạn trừ được Hoặc ở cõi Dục đến đây là đã đoạn trừ hết, cho nên, không Sanh Tử trở lại ở cõi Dục nữa.

- **Nói riêng ngũ Hạ Phần Kết.**

Trong kinh Phật, nói chung là 五下分結尽, 得阿那含: Ngũ hạ phần kết tận, đắc A Na Hàm: ngũ Hạ phần phiền não hết sạch thì chứng được quả A Na Hàm.

- ***Giải thích danh từ.***

Năm Hạ Phần Kết là Thân Kiến, Giới Cấm Thủ, Nghi, Dục, Tham, Sân.

Năm loại này đều là những cảm thọ Sanh Tử ở cõi Dục, cho nên gọi là Hạ Phần (đổi lại với hai cõi trên).

- ***Nói riêng năm kết:***

- ✓ ***Ba kết trước:*** Thân Kiến, Giới Cấm Thủ, Nghi, khi Kiến Đạo chứng được Sơ Quả, trước đó đã cắt đứt hoàn toàn;

hiện giờ, tiến một bước cắt đứt Dục Tham và Sân. Đây cũng là cắt đứt hoàn toàn tất cả Tu Hoặc ở cõi Dục.

✓ *Giận Hờn* là phiền não chỉ có ở Cõi Dục.

✓ *Tham dục*.

Tham có mặt trong ba cõi; nhưng Dục Tham là chỉ Tham Dục ở Cõi Dục. Cắt đứt Dục Tham thì chứng được Quả III; mặc dù, thân còn ở nhân gian, chỉ đối với năm Dục ở trong cõi Dục, Tánh Dục của Nam Nữ không còn nhiễm ô trở lại; Cho nên, nếu chứng được Quả III, dù là đệ tử tại gia, cũng phải đoạn tuyệt dâm dục giữa nam nữ.

Quả thứ tư

Hoặc không còn nữa.

斷 惑 究 竟 者, *Đoạn Hoặc cứu cánh giả.*

名 曰 阿 羅 漢, *Danh viết A La Hán,*

畢 故 不 造 新, *Tất cố bất tạo tân,*

生 死 更 無 緣. *Sanh Tử cánh vô duyên,*

Người dứt Hoặc hoàn toàn, Gọi là A La Hán,

Cũ hết, Mới không tạo, Sanh tử đâu vương mắc.

• Quá trình từ Quả thứ hai trở lên.

Bậc Thánh thể hiện Chánh Pháp bằng cách dứt sạch Kiến Hoặc; đó là Tri Kiến tuyệt đối chính xác. Ngặt nổi, đối với tất

cả cảnh giới, sức mạnh ô nhiễm còn rất sung mãn; cho nên, khả năng tiến tu bị dừng lại hay là sanh lại làm trời, người; quên mất Bản Lai (tính giác). Tu Hoặc, vì thế, tự nhiên khô héo; tiềm lực Thánh Đạo nhất định hiện khởi, nhất định tiến lên.

Trong bước đường tiến tu trở lại này, không kể đi, đứng, nằm, ngồi; mặc áo, ăn cơm, yên lặng; khen, chê, được, mất; già yếu, bệnh hoạn; đãi người, tiếp vật; đối với tất cả cảnh giới này, luôn đề khởi CHÁNH NIỆM, luôn luôn chú ý, không ngừng nung nấu tu tập. Điều này khiến cho Tu Hoặc căn bản là ÁI NHIỆM dần dần hết sạch. Từ Quả II trở lên đều như vậy.

- **Quả thứ tư A La Hán.**

Chúng được Sơ Quả hoặc Quả thứ ba; Quả thứ ba đời này tiếp tục tiến tu hoặc sau khi chết, sanh lên cõi trên. Ngay bây giờ, Thánh Đạo đã đoạn hết Phiền Nã (Hoặc) hoàn toàn thì chúng được Quả thứ tư, gọi là A La Hán.

- **Ý nghĩa A La Hán.**

A La Hán cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là ỨNG. Ý muốn nói: Đây là bậc Thánh Xứng Đáng Nhận Sự Cúng Dường của Trời, Người.

Hoặc dịch là VÔ SANH, SÁT TẶC; nghĩa là đến địa vị này đã Giết hết tất cả Giặt Phiền Não, không còn Sanh Tử trở lại. Tóm lại: Đây là Cực Quả dứt hết Phiền Não, dứt hết Sanh Tử.

○ **Đoạn năm Thuận Thượng phần kết.**

Dứt trừ phiền não, luận sư nói là Tu Đoạn Phiền Não ở Cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Trong kinh Phật nói: Dứt trừ năm thuận thượng Phần Kết thì chứng được A La Hán.

▪ ***Dứt hết Phiền Não hai cõi trên.***

Năm Thuận thượng Phần Kết là Sắc Tham, Vô Sắc Tham, Trạo Cử, Mạn, Vô Minh.

Sắc Tham, Vô Sắc tham là tham nhiễm ở cõi Sắc, cõi Vô Sắc.

Trạo cử, Mạn, Vô minh cũng là sự khác nhau ở hai cõi này. Nhưng Tu Hoặc lấy Ái Nhiễm làm gốc; cho nên, dựa vào hai cõi mà chia ra hai loại.

Năm kết này khiến cho chúng sanh sanh ở cõi trên; hiện tại nếu đã cắt đứt thì sẽ dứt đứt thì sẽ dứt hết tất cả phiền não trôi buộc ở ba cõi.

▪ ***Cắt đứt hết phiền não và Niết Bàn Vô Dư là quả vị cuối cùng của Thanh Văn Thừa.***

Phiền não đã dứt sạch nên phiền não Cũ dựa vào phiền não nhuận sanh này mà chiêu cảm quả báo. Trước kia, lấy Ngã Kiến làm trung tâm, tạo ra Nghiệp Lực; giờ đã hoàn tất nên không còn hiệu lực; lại nữa, không thể tạo ra Nghiệp Mới, cho nên, Quả Khổ Sanh Tử đời sau càng không có lý do gì sanh khởi.

Vì vậy, cái thân Sanh Tử hiện hữu của bậc A La Hán đến khi thọ mạng hết; ấy là “Thân ngũ Uẩn trước chấm dứt, Thân ngũ Uẩn sau lại không sanh” là Niết Bàn Vô Dư Không Sanh Không Diệt. Sự tiến tu của Thanh Văn Thừa lấy đây làm quả vị sau rốt.

- ✓ **Sơ Quả:** Tu Đà Hoàn cắt đứt ba kết: Ngã Kiến (thấy có Thân), Giới Cấm Thủ Kiến, Nghi.
- ✓ **Nhị Quả:** Tư Đà Hàm không còn ba kết: Tham, Sân, Si phược.
- ✓ **Tam Quả:** A Na Hàm cắt đứt năm hạ phần kết: Thân Kiến, Giới Cấm Thủ Kiến, Nghi, Dục Tham, Sân.
- ✓ **Tứ Quả:** A La Hán cắt đứt năm thượng phần kiết: Sắc Tham, Vô Sắc Tham, Trạo Cử, Mạn, Vô Minh.

Cấp độ khác nhau

此 或 慧 解 脫, *Thử hoặc Huệ Giải Thoát,*

或 是 俱 解 脫, *Hoặc thị Câu Giải Thoát,*

六通及三明, *Lục Thông cập tam Minh,*

世間上福田. *Thế gian thượng phước điền.*

Đây hoặc Huệ Giải Thoát,

Hay là Câu Giải Thoát,

Sáu Thông và Ba Minh,

Là phước điền thế gian.

- **Các bậc A La Hán.**

- **Có sáu bậc và chín bậc.**

Trong kinh nói đến A la Hán, có sáu bậc, chín bậc khác nhau.

- **Huệ Giải Thoát và Câu Giải Thoát.**

Bây giờ nói hai bậc lớn: A La Hán này hoặc là Huệ Giải Thoát hoặc là Câu Giải Thoát.

- ***Ý nghĩa chứa trong Câu Giải Thoát.***

Chính là Định và Huệ đều là giải thoát. Cần biết Định và Huệ đều có phiền não làm chướng ngại, che lấp chúng, cho nên không thể hiện khởi như chính khả năng của chúng mà giải thoát được là những chướng ngại này.

- ***Phân biệt sự giải thoát khác nhau giữa Định và Huệ.***

✓ **Huệ Lục giải thoát chướng ngại của Vô Minh; Định Lục giải thoát chướng ngại của Tham Ái.**

Trong kinh thường nói đến:

離貪欲者，心定解脫，離無朋者，慧解脫：
Ly tham dục giả, Tâm Định giải thoát; ly vô minh giả, huệ
giải thoát: Người lìa bỏ Tham Dục thì Tâm Định thoát khỏi
nó; người lìa bỏ Vô Minh thì trí Huệ thoát khỏi nó.

Ở đây muốn nói: Chúng được Pháp Tánh là dựa vào Huệ
Lực, Vô Minh... làm chướng ngại có được Giải Thoát. Dùng
sức vắng lặng của Định làm cho Giải Thoát chướng ngại của
Tham Dục...

✓ Thế gian, ngoại đạo chỉ có thể dùng Định Lực lìa xa
chướng ngại của Tham Dục.

Nếu người ngoại đạo ở thế gian có thể lìa xa phiền não
Dục ái, côi Dục, chúng được Sơ Thiên; lìa phiền não của Sơ
Thiên, chúng được Nhị Thiên..., lìa phiền não Tứ Thiên
(phiền não côi Sắc; không còn Sắc ái), chúng được Định
Không Vô Biên Xứ ở cõi Vô Sắc...; lìa bỏ phiền não Vô Sở
Hữu Xứ, chúng được Định Phi Tướng Phi Phi Tướng; nhưng
không thể lìa bỏ phiền não Phi Phi Tướng Xứ, cho nên,
không thoát được Sanh Tử.

✓ Đệ tử Phật đối với Giải Thoát Sanh Tử nhờ Định, Huệ
có ít nhiều không giống nhau.

- Dựa vào phần ít mà nói giải thoát sanh tử đều có Định Huệ.

Việc tu, chứng đối với đệ tử Phật, nếu nói theo phần ít thì có thể nói đều có giải thoát nhờ vào Định, Huệ này; nếu dựa Vị Đáo Định hay Thất (bảy) Ý Định mà phát sanh Vô Lậu Huệ, không còn thấy Đạo vì cái sai lầm (Hoặc) đã bị cắt đứt thì có thể nói hai nghĩa này đều có.

- Dựa vào toàn phần mà nói thì có sự phân biệt: Giống, khác so với mức độ Cận, Sâu không bằng nhau.

Nếu chỉ dựa vào toàn phần mà nói thì sự khác nhau rất lớn.

+ Giống là đều lấy Huệ cắt đứt Vô Minh.

Nếu tu đến quả A La Hán thì lấy Huệ Lực cắt đứt Vô Minh là chính— Ngã Kiến là Góc của Tất Cả Phiền Nã. Điều này không cần nói thì mọi người đều biết như vậy.

+ Tự tại của Định Lực thì có chỗ không giống nhau.

Nếu dựa vào Định Lực tu có được Tự Tại mà nói thì không giống nhau.

Nếu dựa vào Vị Đáo Định hoặc Sơ Thiên mà chứng được A La Hán thì sự trở ngại, từ Sơ Thiên hoặc Nhị Thiên trở lên là không được Giải Thoát. Chính là khiến cho chứng được Tứ Thiên Bát cũng vẫn không thể giải thoát triệt để sự chướng ngại của Định.

Nếu bậc A La Hán chứng được Diệt Tận Định, bất luận là Huệ là Định, đều có được Giải Thoát rốt ráo.

- Giới hạn của Định đối với Câu Giải Thoát và Huệ Giải Thoát.

Nói đến hoàn toàn là bỏ chướng ngại của Định và Huệ thì gọi là A La Hán giải thoát hoàn toàn.

Nếu chứng được Huệ rốt ráo mà không thể triệt để thoát ra khỏi chướng ngại của Định thì gọi là A La Hán Huệ giải thoát.

- **Tam Minh, Lục Thông của A La Hán.**

- *Dựa vào Huệ giải thoát sanh tử, Dựa cấp bậc Định Lục căn sâu.*

Khổ quả Sanh Tử, dựa vào Huệ chứng được Pháp Tánh và được Giải Thoát, cho nên, Định Lục không được rốt ráo, cũng không có liên quan gì.

Định Lục của A La Hán thì cạn, sâu không bằng nhau, cho nên mới chia ra nhiều bậc.

- *Tam Minh, Lục Thông là công đức thù thắng của A La Hán.*

- *A La Hán đã chứng được Câu Giải Thoát và bốn căn Bản Thiên đều có Tam Minh, lục Thông.*

A La Hán câu Giải Thoát, không cần nói, đã có được công đức về Tam Minh, Lục Thông.

Những bậc A La Hán khác tất cả đều chứng được bốn thiền Căn Bản, đều tu tập, phát sanh Tam Minh, Lục Thông.

▪ ***Giải thích Tam Minh, Lục Thông.***

✓ Lục Thông:

Lục thông gồm: Thần Cảnh Thông, Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mệnh Thông, Lậu Tận Thông.

- Ý nghĩa Lục Thông:

+ ***Thần Cảnh Thông*** là: biến nhiều thành một, biến một thành nhiều; ẩn hiển tự tại; sông núi, tường rào đều không ngăn trở được người ấy; vào nước; độn thổ; bay lên không trung, tay có thể nắm bắt mặt trời, mặt trăng.

+ ***Thiên Nhãn Thông*** là: Thấy được vật lớn nhất và nhỏ nhất; thấy vật gần lẫn vật xa; thấy được chỗ sáng và chỗ tối; thấy được cả ngoài lẫn trong; lại còn thấy màu sắc Nghiệp của chúng sanh; còn biết đời sau sanh lên trời hay đọa xuống đường ác.

+ ***Thiên Nhĩ Thông*** là: Nghe được muôn vàn âm thanh dù gần hay xa; nghe được nhiều thứ tiếng của con người ở các nơi; kể cả tiếng chim hót, thú kêu cũng đều nghe, hiểu được.

+ ***Tha Tâm Thông*** là: Biết trong tâm chúng sanh nhớ nghĩ gì.

+ **Túc Mạng Thông** là: Biết nhân đời trước của chúng sanh, làm nghiệp gì, từ đâu đến.

+ **Lậu Tận Thông** là: Biết tình hình giải thoát được phiền não; biết có đoạn trừ hết phiền não hay chưa.

- Giải thích về Lục Thông:

Lậu Tận Thông trong sáu Thần Thông, tất cả A La Hán đều có. Năm Thông còn lại, phải xem tình hình tu tập mới xác định được.

Năm Thông này, không chỉ đệ tử Phật nhờ tu tập phát sanh được mà, ngoại đạo cũng có thể có được năm Thông.

Tuy nói sáu Thông vô ngại, nhưng về Tri, Kiến cũng có rộng, hẹp khác nhau; chỉ có Phật mới đạt đến cứu cánh.

✓ Tam Minh.

- Tam Minh là của A La Hán, ngoại đạo không có.

Năm Thông trước trong Lục Thông thì ngoại đạo cũng có; nhưng Tam Minh, chỉ A La Hán có (bậc Tam Thừa vô học).

- Giải thích về Tam Minh.

Tam Minh là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, Lậu Tận Minh.

Đây chính là ba Thông: Thiên Nhân, Túc Mạng, Lậu Tận; nhưng chỉ bản thân A La Hán mới triệt để mà thôi, cho nên, gọi là Minh.

Thiên Nhãn Minh thì biết được vị lai.

Túc Mạng Minh thì biết được quá khứ.

Ngoài Lục Tận Minh, đặc biệt nói hai Thông này là Minh; chính vì xem nặng việc biết rõ Nghiệp Quả của ba đời.

Tóm lại, A La Hán có những công đức thù thắng này, cho nên, chúng được quả này là Ruộng Phước trên hết của thế gian gieo trồng; là nơi người, trời cung kính, cúng dường. Xin nêu hai thí dụ ca tụng công đức của A La Hán.

Công đức A La Hán

明淨恒不動, *Minh tịnh hằng bất động,*

如日處晴空; *Như nhật xử tình không;*

一切世間行, *Nhất thiết thế gian hành,*

不染如蓮華. *Bất nhiễm như liên hoa.*

Sáng trong luôn Bất Động, Tợ mặt trời khoáng không;

Tất cả Hành thế gian, Như hoa sen chẳng nhiễm.

- **Dựa vào Trí cắt đứt phiền não, làm sáng tỏ công đức của A La Hán.**

○ **Sáng trong luôn Bất động.**

Bậc Thánh chứng được quả A La Hán, trí tuệ đã cắt đứt phiền não, cho nên Sáng Trung và Trong Veo.

Khi tiếp xúc với tất cả Cảnh, có thể nói là Luôn Bất Động.

▪ ***Lục Hằng Trụ.***

Công đức của A La Hán có "Sáu Thường Trụ". Khởi sanh tác dụng khi thấy sắc, nghe tiếng... Sáu Cảnh thì luôn luôn "Không Khổ Không Vui, Xả Tâm, an trú Chánh Niệm Chánh Trí". Đây chính là Bất Động.

▪ ***Tám gió thổi không động.***

Khi tiếp xúc với sáu Cảnh hoặc vừa ý hoặc không vừa ý, nhưng không vì lý do này mà khởi lên Tham, Sân. Tất cả khen, chê, được, mất; đối với Tâm của bậc Thánh không bị ngoại cảnh ấy làm loạn động. "Không để cho làm trở ngại Tâm Giải Thoát, Tuệ Giải Thoát". Tục ngữ còn nói: "Tám gió thổi không động"; chính là cảnh giới của A La Hán.

▪ ***Dẫn kinh chứng minh.***

Những điều này trong kinh có nói:

六入處常對,	<i>Lục nhập xứ thường đối,</i>
不能動其心,	<i>Bất năng động kỳ tâm,</i>
心常住堅固,	<i>Tâm thường trụ kiên cố,</i>
諦觀法生滅.	<i>Đế quán pháp sanh diệt.</i>

Thường đối diện sáu Nhập, Tâm mình không thể động,
Tâm an trụ vững chắc, Thấy đúng Pháp Sanh Diệt.

○ ***Tơ mắt trời trong khoảng không.***

Trong kinh hay lấy ví dụ: Mây tan mặt trời ló dạng.

Phàm phu, giống như mây đen dày đặc, che hết mặt trời.

Khi chứng Sơ Quả như mây đen, bỗng tan tát, mặt trời ló dạng.

Vì mây đen quá nhiều, vây quanh, che khuất nên mặt trời lúc ẩn, lúc hiện, biến động không ngừng.

Mây từ từ thưa dần, tan dần, sau cùng mây nổi hết sạch, bầu trời trong veo.

Bạc A La Hán sáng rõ, trong suốt; giống y mặt trời sáng rực, chói chang; ở trong bầu trời thanh thang, không gợn chút mây.

• **Dựa vào Định Tĩnh, không nhiễm ô làm sáng tỏ công đức của bậc A La Hán.**

○ **Tất cả Hành thế gian, như hoa sen chẳng nhiễm.**

Bậc Thánh chứng được A La Hán, không kể Định Lực sâu, cạn như thế nào, trước khi chưa xả bỏ báo thân, đều sống ở thế gian cũng ăn cơm, mặc áo, đi lại; cũng đi đây đó trong cõi đời; cũng đối nhân tiếp vật. Thân thể này, hoàn cảnh này vẫn là pháp Hữu Lộ của thế gian; vẫn là pháp Vô Thường, Khổ, Bất tịnh.

Nhưng mà, A La Hán sống trong thế gian ấy không bị tạp nhiễm của hoàn cảnh huân tập, đổi thay. Vì thế, các Ngài ở

trong tất cả Hành của thế gian mà vẫn thanh tịnh, không ô nhiễm như hoa sen mọc lên từ bùn nhỏ, nước đọng.

○ **Kết luận.**

Tóm lại, Hoa sen sống trong ao tù, bùn nhỏ mà vẫn tỏa hương trong sạch vi diệu. Châu Mạn Thúc lấy hoa sen ví như người quân tử; thật ra, trong người quân tử lấy gì so sánh với hoa sen, bậc A La Hán mới giống như hoa sen.

b. Duyên Giác

或不由他覺,	<i>Hoặc bất do tha giác,</i>
從於遠離生,	<i>Tùng u viễn ly sanh,</i>
名辟支迦佛,	<i>Danh Bích Chi Ca Phật,</i>
合說為二乘.	<i>Hợp thuyết vi Nhị Thừa.</i>

<i>Vì chính mình Giác Ngộ,</i>	<i>Do xa lìa cuộc đời,</i>
<i>Gọi là Bích Chi Phật,</i>	<i>Nói chung là Nhị Thừa.</i>

• **Căn cơ chính giáo hóa Duyên Giác Thừa cũng là Tam Thừa Cộng Pháp**

Đó là Thanh Văn Thừa mà đã nói ở trên. Thứ hai là Duyên Giác Thừa.

• **Chỗ giống và khác giữa Thanh Văn và Duyên Giác.**

○ **Giống nhau:**

Cắt đứt phiền não, chứng được Lý Chân Như. Đây là chỗ Thanh Văn và Duyên Giác tương đồng.

○ **Không giống nhau giữa Duyên Giác và Thanh Văn:**

Giác Ngộ Pháp Tánh mà không do người khác giúp đỡ; tự mình giác ngộ Lý Duyên Khởi mà không có Thầy hướng dẫn.

Truyền thuyết rằng có một quốc vương dạo chơi trong vườn hoa, thấy hoa nở hương thơm, lòng vui khôn tả. Chẳng bao lâu, sau đó, cung nữ hái hoa. Nhưng bông hoa rụng rời đến thế, đã tàn héo trong chốc lát Quốc vương chứng kiến điều này, cảm nhận sâu sắc tính vô thường của vạn vật; ông ngồi im lặng suy nghĩ: Do vô thường ngộ được Tánh Vắng Lặng của Duyên Khởi và đã thành Thánh Quả. Vì không có Thầy mà tự ngộ, tuy không thể chuyển Pháp Luân giống như Phật; nhưng so với đệ tử Thanh Văn, nhờ sư trưởng dạy bảo, cuối cùng cũng một phen vượt thắng.

Căn tánh Duyên Giác nhanh nhẹn hơn Thanh Văn.

Vì thế, căn tánh Duyên Giác so với Thanh Văn nhanh nhẹn hơn một chút.

Do đời sống xa cách nếp sống bon chen, ồn ào của con người.

Lân Dác dụ Độc Giác: Trong nhân tu hành của những vị đó, từ khi chứng quả trở về sau, đi đây đi đó một mình, chán nản muốn xa lìa thế sự; thường thực hành nghiêm mật mười

hai hạnh Đầu Đà; sống một mình, không bạn đạo, không đệ tử; sanh ra đời không gặp Phật, hiện tướng xuất gia, xin ăn sống qua ngày; không nói pháp mà chỉ biểu hiện thần thông. Những vị này gọi là Lân Dác dụ Độc Giác.

Bộ Hành Độc Giác: Theo truyền thuyết là những vị Duyên Giác ở chung với đại chúng, nhưng căn tánh vốn là Thanh Văn; đến khi duyên đủ chứng quả A La Hán, chỉ vì, sanh ra đời không gặp Phật nên gọi là Độc Giác.

Hai bậc đều gọi là Bích Chi Ca Phật.

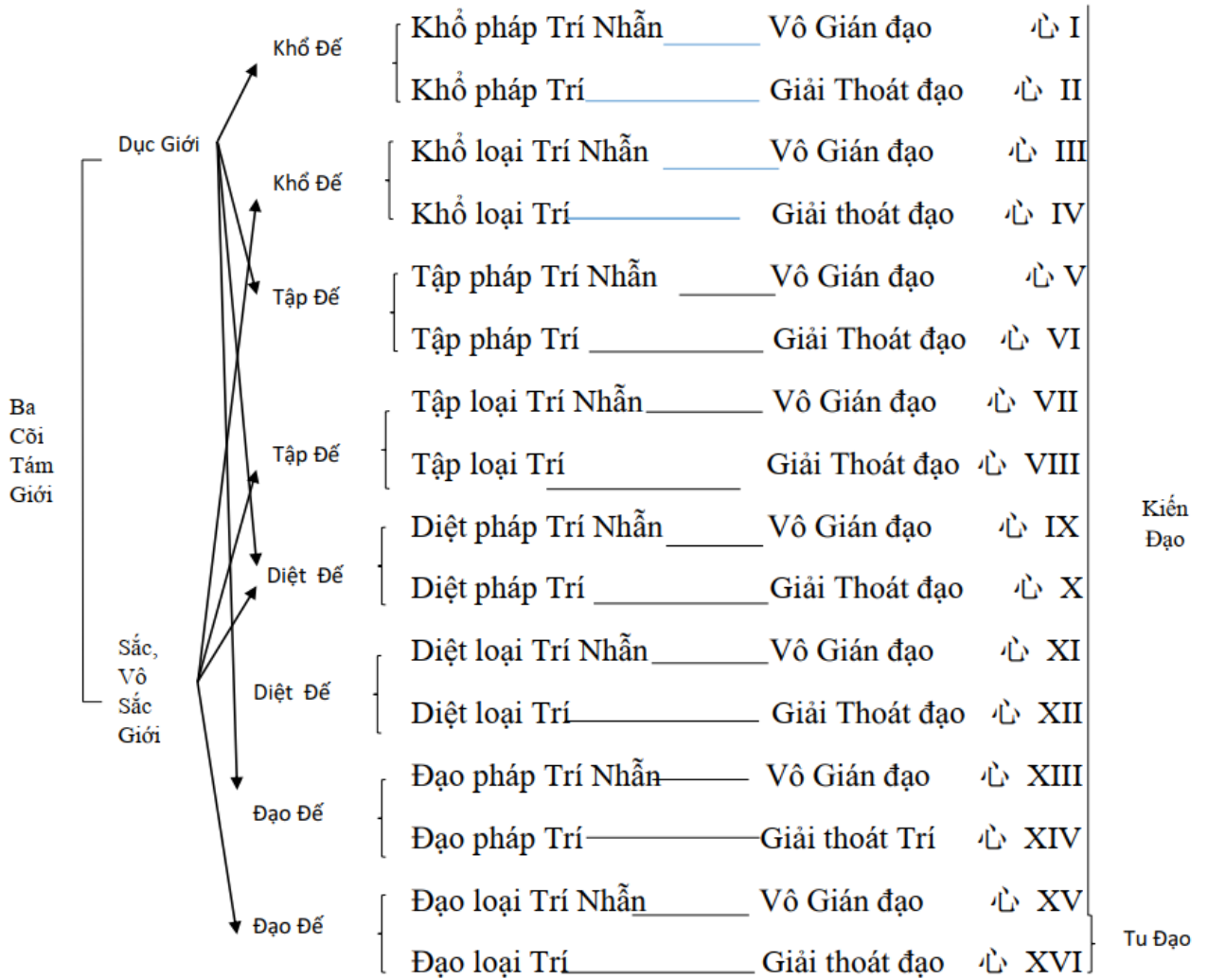
Bậc Thánh này gọi là Bích Chi Ca Phật, có nghĩa là Độc Giác, cũng gọi là Duyên Giác, là do quán sát các pháp Duyên Khởi mà thành đạo.

○ **Giải thích tên gọi Nhị Thừa và Tiểu Thừa**

Chúng được quả Bích Chi Phật và quả A La Hán thuộc Thanh Văn Thừa, địa vị tương đương; cho nên, gọi chung hai quả vị này là Nhị Thừa.

Nếu theo tương đối luận Đại Thừa mà phát Tâm Bồ Đề thì gọi là Tiểu Thừa.

PHỤ LỤC



SÁCH CƯ SỸ LÊ HỒNG SƠN DỊCH

NHỮNG SÁCH ĐÃ IN

1. TỰ ĐIỂN PHÁP TAM TẠNG
2. NHẬP MÔN DUY THỨC HỌC (BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG)
3. ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN
4. KINH KIM CANG, LỤC TỔ HUỆ NĂNG KHẨU QUYẾT
5. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGUYÊN THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC
6. YẾU GIẢI TRUNG LUẬN
7. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH
8. PHIẾM LUẬN DUYÊN KHỞI PHÁP
9. SÁU NHÀ CHÚ GIẢI TÂM KINH BÁT NHÃ
10. PHÁP TƯỚNG TÔNG (DUY THỨC TAM THẬP TỤNG)
11. LUẬN 100 PHÁP
12. TỰ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG

NHỮNG SÁCH CHƯA IN

1. LUẬN CÂU XÁ
2. HAI MƯƠI BỐN OAI NGHI, LUẬT SA DI, CẢNH SÁCH
3. MƯỜI TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO TRUNG HOA
4. TÂM KINH, TỔ HÁM SƠN GIẢNG

THÀNH PHẬT CHI ĐẠO

Trước tác: Pháp Sư ÁN THUẬN

Hiệu Đính: Tỳ Kheo Thích Đồng Tịnh (Bản Việt)

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

Việt Dịch : Cư Sĩ Lê Hồng Sơn

Quyển 3

CON ĐƯỜNG dẫn đến THÀNH PHẬT

CON ĐƯỜNG
dẫn đến
THÀNH PHẬT

MỤC LỤC

CHƯƠNG 5: PHÁP ĐẠI THỪA.....	2
5.1. Nhập đề	2
5.1.1. Hướng về Đại Thừa.....	2
5.1.2. Giải nghĩa danh từ.....	3
5.2. Hướng đến đạo Đại Thừa.....	4
5.2.1. Căn tánh tu học.	4
5.2.2. Giáo Thuyết Đại Thừa	23
5.3. Đạo Bồ Đề của Đại Thừa	57
5.3.1. Phương pháp Tu học	57
5.3.2. Lịch trình Hạnh Vị	299
5.3.3. Công đức của Phật	346

CHƯƠNG 5: PHÁP ĐẠI THỪA

5.1. Nhập đề

5.1.1. *Hướng về Đại Thừa*

Pháp riêng Đại Thừa là đối với Đức chung của người, trời, Thanh Văn, Duyên Giác ở trên thì Nhân Hành, Quả Đức của Bồ Tát, Phật càng sáng tỏ hơn.

5.1.1.1. Người, Trời chỉ có hữu lậu

Nhân thừa và Thiên thừa, cuối cùng, là Hữu Lậu, không thể ra ngoài Sanh Tử.

5.1.1.2. Nhị thừa chỉ biết Tu cho riêng mình

Thanh Văn thừa và Duyên Giác thừa, tuy là Vô Lậu giải thoát nhưng chỉ Tu cho riêng mình. Việc tu tập như vậy là Tốt nhưng không viên mãn.

5.1.1.3. Thành tựu quả Như Lai là Đúng Nghĩa

Theo kinh Pháp Hoa nói: Như Lai ra đời chỉ vì Một Đại Sự Nhân Duyên; đó là KHAI, THỊ, NGỘ, NHẬP TRI KIẾN PHẬT cho CHÚNG SANH; cũng chính là khiến cho chúng sanh Ngộ Nhập ĐẠI BỒ ĐỀ của PHẬT; cho nên vì Phát Tâm Bồ Đề mà tu hạnh Bồ Tát, Thành Quả Như Lai; đó là Pháp Môn Đại Thừa, mới là ý nghĩa chân thật của Phật Pháp và là mục đích chánh đáng để Như Lai giáo hóa.

5.1.2. Giải nghĩa danh từ

5.1.2.1. Đại Thừa: Là pháp môn thành Phật. Vì sao gọi là Đại Thừa?

- **Đại trong tương đối:** Đã gọi là Đại Thừa, theo đặt tên mà nói thì không ngoài việc Đối với Tiểu mà gọi là Đại. Ở đây ý nói: Đối Lập với Tiểu Thừa, không giống với Tiểu Thừa, cho nên gọi là Đại Thừa; hoặc là Đại Thừa siêu việt hơn Tiểu Thừa; hoặc là Đại Thừa rộng lớn, bao dung hơn Tiểu Thừa.

Không nói là Siêu Việt hơn, Bao Dung hơn; tóm lại, đối với Tiểu mà đặt tên.

- **Đại là tuyệt đối:** Siêu Việt của Đại Thừa đến chỗ tuyệt đối. Sự bao hàm của pháp Đại Thừa đến độ không gì không thu nhiếp. Vì vậy, theo ý nghĩa Đại Thừa mà nói: Thật Tại không phải là biểu hiện tương đối Lớn, Nhỏ, mà là Tuyệt đối, miễn cưỡng đặt tên đại, đó thôi.

5.1.2.2. Bất cộng: Cũng có hai nghĩa:

- **Riêng Đại Thừa siêu việt:** Trong các Thừa người, trời, Thanh Văn, Duyên Giác không có.
- **Chỉ có trong Đại Thừa:** Ở trong Tâm Hành Phật, Bồ Tát bao hàm tất cả Công Đức, đều là pháp đặc biệt của Đại

Thừa.

Trong phẩm Ma Ha Diễn của kinh Bát Nhã nói: Tổng hợp tất cả công đức nên gọi là Đại Thừa. Giống chim bay cao: Cao bằng đỉnh núi Tu Di, hòa đồng màu vàng óng của mặt trời.

5.2. Hướng đến đạo Đại Thừa.

5.2.1. Căn tánh tu học.

5.2.1.1. Nhân duyên phát Tâm Trở về.

恥有所不知, *Sỉ hữu sở bất tri,*

恥有所不能, *Sỉ hữu sở bất năng,*

恥有所不淨, *Sỉ hữu sở bất tịnh,*

迴入於大乘. *Hồi nhập vi Đại Thừa.*

Thẹn có chỗ không biết,

Thẹn có chỗ chưa làm,

Thẹn còn chỗ bất tịnh,

Hãy trở về Đại Thừa.

a. Lời nói đầu

Tu tập theo Phật Pháp Đại Thừa, không cần nói, là lấy phát Tâm Bồ Đề làm chủ đích. Nhưng căn tánh của chúng sanh không phải một; cho nên, nhân duyên phát Tâm Bồ Đề không giống nhau. Dựa vào đây biểu hiện phong cách Bồ Tát, ngay từ đầu đã có ít nhiều khác nhau. Để tránh khỏi chỉ lấy quan điểm của chính mình phê bình tất cả; khen mình, chê người;

vô ý làm tổn thương Phật pháp. Vì thế, đối với vấn đề này, trước hết, không thể không có nhận thức thích đáng.

b. Nhị Thừa trở về Đại Thừa

• **Từ bậc Nhị Thừa trở về Đại Thừa.**

Trên đã nói Tam Thừa Cộng pháp, chủ yếu là Thanh Văn (Duyên Giác) Thừa. Học giả của hai thừa cũng phải phát Tâm Bồ Đề để đi vào con đường Đại Thừa.

- Có vị mới học Hạnh Thanh Văn, chưa từng quyết định, đã chuyển sang học Đại Thừa.
- Có vị ở trong hàng Thanh Văn đã có quyết định (chứng được Nhân Vị: Tâm an trụ vào pháp Phật).
- Có vị đã chứng được Pháp Tánh và Sơ Quả Tu Đà Hoàn trở lên.
- Có vị chứng đến quả thứ tư A La Hán.
- Có vị đã vào Vô Dư Niết Bàn, phát Đại Tâm trở lại.

• **Điều trọng yếu của hàng Nhị Thừa là đi vào Phật Đạo.**

- *Tự cho Tâm Thái của mình đã rất ráo là chướng ngại đi vào Đại Thừa.*

Phật pháp là Đạo Nhất Thừa thì Tiểu Thừa vốn là Đạo Phương Tiện của Đại Thừa, đương nhiên, trước sau gì cũng phải vào Đại Thừa. Nhưng vì nhận thức của hành giả Tiểu Thừa, lúc đầu, trót không tránh khỏi một chút trở ngại. Dựa vào quả A La Hán mà nói, các vị ấy tự giác được: “我 生

已盡，梵行已立，所作已作，自知不受後有”。

“Ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, tự tri bất thọ hậu hữu: Đời sống của ta đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập xong, những gì nên làm đã làm, tự biết không nhận thân sau nữa”, đã đến chỗ học Không Còn Chỗ Để Học, Tiến Không Còn Chỗ Để Tiến. Phật là A La Hán, các vị ấy cũng là A La Hán; Phật được Giải Thoát, các vị ấy cũng được Giải Thoát. Tự cho mình là rất ráo. Đương nhiên như thế, nhất thời không muốn Tu Tập Đại Thừa, đối với Đại Thừa không chút hứng thú.

- **Giả sử**, Đức Thế Tôn không tu hạnh Bồ Tát, không rộng độ chúng sanh mà thành Phật hay sao? Vì sao Phật không giáo hóa hành giả Thanh Văn tu Bồ Tát Hạnh để thành Phật mà lại, kêu gọi mọi người tu hạnh tự lợi để được giải thoát Sanh Tử? Đây là một Nghi Vấn Lớn.
- **Dựa vào sự thật và thiên xảo của Phật triết tiêu chương ngai, trở lại Phật Đạo.**

Chúng được Pháp Tánh giống nhau, giải thoát Sanh Tử giống nhau; thật sự, quả A La Hán của Thanh Văn, làm sao có thể bằng với quả Phật? Dem so sánh thì thật là "Xa cách như trời với đất!" Cho nên, trong kinh nghiệm bằng sự thật, ở

trong phương pháp giáo hóa khéo léo của Phật, các vị A La Hán không khởi tự hổ thẹn và tự trách mình; cuối cùng triệt tiêu tâm lý chướng ngại là tự cho mình cứu cánh mà, phát Tâm Bồ Đề, quay trở về Phật Đạo!

- **Nêu kinh nghiệm sự thật để làm sáng tỏ cái Bất Túc của Nhị Thừa.**

- **Hổ thẹn còn cái không biết.**

Tự mình tâm sanh hổ thẹn, nhận ra rằng mình có điều không biết, không giống như Phật biết tất cả. Luận Đại Tỳ Ba Sa nói: Phật từng nói pháp cho Bồ Tát Di Lặc mà, các vị A La Hán đều không hiểu nổi.

Trước kia, có người đến tinh xá Kỳ Hoàn, xin xuất gia. Các vị A La Hán quan sát căn cơ của người ấy, một chút xíu căn lành không có, người này không thích hợp để xuất gia; có xuất gia cũng không thể có được công đức chứng ngộ. Tất cả đều khẳng định không thể độ người ấy. Nhưng Đức Phật lại độ cho xuất gia, chẳng bao lâu sau, người ấy chứng được quả A La Hán. Đại chúng cho là kỳ lạ, Phật nói: Từ vô lượng kiếp trước, người này đã từng bị cọp rượt bắt, trong cảnh thập tử nhất sanh, buộc miệng kêu lớn: Nam Mô Phật; nhờ vào căn lành công đức trở về với này; hiện giờ cầu niệm Phật ấy đã chín muồi nên được độ xuất gia.

Qua việc này có thể thấy trí tuệ của Phật sâu rộng đến mức nào; trí tuệ của A La Hán tựa như sự le lói của đom đóm so với ánh sáng của mặt trời.

○ **Hổ thẹn có điều không làm được.**

Còn có vị chính tâm mình sanh hổ thẹn, biết rằng chính mình có điều không thể làm; không thể có năng lực lớn như Phật và Bồ Tát.

Như thầy Xá Lợi Phất nói: "Than ôi! Thống thiết tự trách mình, vì sao tự xem thường mình đến vậy! Chúng con cũng là Phật tử, cùng vào Pháp Vô Lượng, lại không thể, ở đời vị lai, rộng nói Đạo Vô Thượng". Thật ra, các vị A La Hán có quá nhiều việc không làm được, như pháp của Bồ Tát: "Duy Hý Thần Thông, Tịnh Phật Quốc Độ, Thành Tựu Chúng Sanh"...

○ **Hổ thẹn có chỗ Bất Tịnh.**

Còn có vị chính tâm mình sanh hổ thẹn, nhận ra chính mình nói cắt đứt phiền não, nhưng sự thật chứng minh còn có chỗ chưa Thanh Tịnh.

Như vua Đại Thọ Khẩn Na La đàn cầm, thầy Đại Ca Diếp tuổi cao đức trọng, thoát nghe, bỗng nhiên, tình cảm khởi lên, không còn tự chủ, tay múa chân nhảy. Thầy Ca Diếp nói: Ta, tuy đã xa lìa dục lạc thế gian, nhưng dục lạc vi diệu của Bồ Tát còn có chỗ nhiễm phải, vương mắc!

Lại nữa, như Thiên nữ rải hoa, hoa rơi trên thân Bồ Tát chưa từng vương vào; nhưng rơi trên thân Thanh Văn, A La Hán thì vương lại. Điều này chứng minh trong tâm còn có chỗ nhiễm, vương mắc.

Lại như, con chim nhỏ, bước qua cái bóng của thầy Xá Lợi Phất, vẫn run rẩy; nhưng đi qua cái bóng của Đức Phật thì không có tí xiu lo sợ. Các vị A La Hán chưa dứt hết Tập Khí. Loại Tập Khí này chính là Phiền Nã mà, các vị Bồ Tát đã cắt đứt.

- **Vì không biết, không thể làm, chưa thanh tịnh nên phải đi vào con đường Đại Thừa.**

Vì vậy, ở trong kinh nghiệm sự thật, chính mình cảm giác có cái không biết, có cái không thể, có cái bất tịnh, chính mình không khỏi hổ thẹn, chính mình âm thầm tự trách bản thân. Một phen trải qua sự giáo hóa khéo léo của Phật; các vị A La Hán bắt cái tâm nhỏ bé tự lợi quay lại để phát triển Tâm Bồ Đề và đi vào con đường Đại Thừa Tự Lợi, Lợi Tha.

5.2.1.2. Trục Nhập.

不 忍 聖 教 衰,	<i>Bất nhân Thánh giáo suy,</i>
不 忍 眾 生 苦,	<i>Bất nhân chúng sanh khổ,</i>
緣 起 大 悲 心,	<i>Duyên khởi đại bi Tâm,</i>

趣入於大乘。

Thú nhập ư Đại Thừa.

Chớ để Thánh Giáo suy,

Chớ để chúng sanh khổ,

Kết nối Tâm Đại Bi,

Đi vào Đạo Đại Thừa.

a. Căn cơ chính yếu là đi vào Đạo Đại Thừa

Phát tâm hướng về Đạo Đại Thừa, hoàn toàn không nhất định trải qua chứng thánh quả của Tiểu Thừa; trái lại, căn cơ chính yếu để tu học pháp Đại Thừa đều trực tiếp từ địa vị phàm phu, phát tâm tu học.

b. Nêu lên nhiều Nhân Duyên phát tâm

• **Phát tâm nhưng dễ lụi mất.**

Có người chính mình thấy sắc thân, tướng hảo của Như Lai và Bồ Tát rồi phát tâm.

Có người thấy thần thông, oai lực của Như Lai rồi phát tâm.

Cũng có người thấy pháp hội trang nghiêm của Như Lai, nghe được viên âm giáo hóa của Như Lai rồi phát tâm.

Có người sanh sau khi Phật Niết Bàn, thấy nghe sự giáo hóa của đệ tử Phật hoặc tụng, đọc ý nghĩa sâu xa của kinh Phật rồi phát tâm.

Hoặc có người tự động, cũng có người bị động phát tâm.

• **Phát tâm bằng sức mạnh vững chãi.**

○ **Phát tâm chỉ vì tôn trọng đức của Phật mà không tôn trọng bi nguyện của Phật thì dễ lười mất.**

Phát Tâm Bồ Đề chính là lấy sự Giác Ngộ của Phật làm lý tưởng để thệ nguyện, mong cầu. Chú trọng vào sự cao siêu, mầu nhiệm đức độ của Phật rồi phát tâm mong cầu; đương nhiên, đó là nội dung chủ yếu của phát Tâm Bồ Đề. Nhưng nếu thiếu đi một yếu tố Bi Nguyện thì không phải là không viên mãn mà chính là dễ lười mất. Kinh có nói: 菩薩但從大悲生: Bồ Tát đản tùng Đại Bi sanh: Bồ Tát chỉ sanh ra từ Đại Bi; cho nên phát Tâm Bồ Đề cũng chính là phát tâm vì Lợi Tha, mong cầu chánh Đẳng Bồ Đề. Cũng vậy như trước đã nói, phát tâm mà không vì Bi Nguyện thì tâm ấy dễ lười mất.

○ **Có hai loại phát tâm xem nặng Bi Nguyện.**

- ***Không nở để Thánh Giáo suy vi, chú trọng hộ pháp mà phát tâm.***

Đã biết công đức siêu việt của Tam Bảo, cứu người, cứu đời, phát sanh năng lực pháp lành cho thế gian và xuất thế gian. Nhưng nếu sanh vào thời tượng pháp, mạt pháp thì Phật Pháp suy vi quá đỗi, bị gian tà, ác tặc trong, ngoài quấy nhiễu, nhiệm vụ cứu người, cứu đời khó thành đạt được.

Đã biết chỉ có phát Bồ Đề Tâm này, trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sanh mới có thể phục hưng được Phật Giáo, là biện pháp duy nhất đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Như vậy, vì lý do không nỡ để Thánh Giáo suy vi mà, phát Tâm Đại Bi, dựa vào Tâm Đại Bi đưa đến sanh khởi Đại Nguyện Bồ Đề.

▪ ***Không nỡ thấy chúng sanh Khổ mà phát Tâm.***

Không nỡ để cái khổ bức bách chúng sanh, vì lợi ích của chúng sanh mà phát tâm.

Hoặc có người sanh vào thời thế hỗn loạn, thời đại gian khổ của nhân dân, nghĩ mình cần phải cứu tế, nhưng chính mình không đủ sức làm việc này. Xem xét thật sâu sắc thì biết chỉ có con đường Học Phật, Thành Phật mới có thể cứu khổ, độ sanh một cách đúng đắn nhất. Vì thế, do duyên có không nỡ để chúng sanh khổ não nên Phát Tâm Đại Bi, dựa vào tâm này phát sanh Tâm Bồ Đề trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

▪ ***Phát tâm vì BI, TRÍ để thành tựu Phật quả.***

Hai loại phát tâm này xuất phát từ Trí Huệ và Từ Bi một cách tha thiết, cho nên có sức vững chãi và dễ thành tựu. Thật sự có thể nương vào Bi Nguyện mà phát tâm lớn như vậy nên

từ địa vị phàm phu mà có thể bước vào Con Đường Đại Thừa.

Chúng ta ở thời đại này, Phật pháp suy vi như thế, con người khổ đau như thế; thật đúng lúc nên, phát Tâm Bồ Đề!

5.2.1.3. Có ba cách đi vào Đạo Phật

或以信願入, *Hoặc dĩ Tín Nguyện nhập,*

或智或悲入. *Hoặc Trí hoặc Bi nhập.*

Hoặc vào bằng Tín Nguyện, Hoặc vào bằng Trí, Bi.

a. Nói chung về ba cách vào Phật Đạo: Tín, Trí, Bi

• **Bồ Đề viên mãn thì đầy đủ ba đức**

Tâm Bồ Đề viên mãn đi vào Phật Đạo phải có ba đức: Tín Nguyện, Từ Bi, Trí Huệ.

• **Mới vào Đạo Đại Thừa phải chú trọng ba đức, không được xem thường**

Nhưng phát tâm vào đạo của người mới học, do căn tánh không giống nhau nên việc tu học ba đức, đối với hạng người này, không tránh khỏi lệch lạc. Lệch lạc nhưng không được bỏ luôn, như vậy sẽ không trở ngại việc đi vào con đường Đại Thừa; cho nên thầy Long Thọ giải thích kinh Bát Nhã rằng "Bồ Tát có nhiều pháp môn để vào Phật Đạo; hoặc là Từ Bi, hoặc là Trí Huệ siêng năng".

Còn nói: "Bát Nhã có nhiều lối vào, người nào lắng nghe, thọ trì cho đến, nghĩ nhớ đúng đắn thì vào lối Trí Huệ siêng năng; người nào biên chép, cúng dường thì vào lối Tín Nguyện và Tinh Tấn".

Tóm lại, người mới học đi vào Phật Đạo có sự bất đồng, nhưng không ngoài ba lối chính: Tín Nguyện, Trí Huệ và Bi Tâm.

b. Giải thích riêng đặc tánh của ba lối vào Phật Đạo

• **Tăng thượng Trí của Bồ Tát là chú trọng vào ba Tuệ: Văn, Tư, Tu**

Trong đó, nếu chú trọng Trí Huệ thì theo lối Trí Huệ mà vào, như nói: "Là Bồ Tát nhưng phân biệt các kinh, tụng đọc, nhớ nghĩ, tư duy, phân biệt các pháp để cần cho Phật Đạo. Vì Trí Huệ sáng suốt lợi ích cho mình cũng có thể lợi ích cho chúng sanh".

Đây là Trí Tăng Thượng của Bồ Tát, gần với người thật hành pháp của Thanh Văn; chú trọng ba Huệ: Văn, Tư, Tu là tự tu và giáo hóa người khác.

• **Bồ Tát Bi Tăng Thượng là chú trọng vào đặc hữu Từ Bi của Đại Thừa**

Chú trọng Bi thì từ lối Bi đi vào, như nói: "Có hai loại Bồ Tát: Một là Tâm Từ Bi, hầu hết là vì chúng sanh" mà trên đã nói Bồ Tát này từ lối Bi đi vào.

Chú trọng Từ Bi, căn cơ của những vị này không chung với Nhị Thừa, cũng có thể nói đây là phong cách Bồ Tát chỉ có trong Đại Thừa, gọi là Bồ Tát Tăng Thượng Bi.

- **Bồ Tát Tín Tăng Thượng, tu học chú trọng Tín Nguyên để hành đạo**

Chú trọng Tín Nguyên thì đi vào lối Tín Nguyên, Bồ Tát loại này cũng có nhiều loại: Tín Nguyên tu học Tịnh Độ để hành Đạo. Hai là "người tích chứa công đức của chư Phật, thích tích chứa nhiều công đức của Phật thì đến được Thế giới Nhất thừa Thanh tịnh Vô Lượng Thọ".

Đây là Bồ Tát Tín Tăng Thượng giống người thật hành theo đức Tin thuộc Thanh Văn.

- **Phối hợp ba lối (cửa) và căn tánh để giải thích**

Khi ở cấp sơ học thì có bất đồng giữa ba loại này, vì do tập tành, thành tánh, cho nên đến được Địa Thượng (Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên), tuy Tu đều cả ba đức nhưng, biểu lộ phong cách khác nhau, như Quán Âm thể hiện Từ Bi, Văn Thù thể hiện Trí Huệ, Phổ Hiền thể hiện Tín Nguyên.

Nếu dựa vào căn tánh để phân biệt thì người hành Tham là Bi Tăng Thượng, người hành Sân là Trí Tăng Thượng, người hành Si là Tín Nguyên Tăng Thượng:

Căn Tánh	Thanh Văn	Bồ Tát sơ phát Tâm	Bồ Tát địa Thượng
Tín nguyên vào (Si)	Tín hành	Tín Tăng Thượng	Phổ Hiền
Trí Huệ vào (Sân)	Pháp hành	Trí tăng thượng	Văn Thù
Từ Bi vào (Tham)	Riêng Nhị Thừa	Bi tăng thượng	Quan Âm

5.2.1.4. Ba Thân Hành

或依聲聞入, *Hoặc y Thanh Văn nhập,*

或天或人入. *Hoặc Thiên hoặc nhân nhập.*

Hoặc dựa Thanh Văn vào, Hoặc Trời hoặc Người vào.

a. Dựa vào ba loại thân đi vào Phật Đạo

Nương vào chỗ thân hành đi vào Phật Đạo mà nói thì có ba loại: Hoặc dựa vào hành Thanh Văn mà vào Phật Đạo hoặc dựa vào hành Trời mà vào Phật Đạo hoặc dựa vào hành Người mà vào Phật Đạo.

b. Nêu lên sự phân loại của đại sư Thái Hư

Đây là những điều kinh Đại Thừa nói, nhưng qua sự phân loại của đại sư Thái Hư thì:

Thời kỳ Chánh Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Thanh Văn Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

Thời kỳ Tượng Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Thiên Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

Thời kỳ Mạt Pháp, hầu hết dựa vào tu hạnh Nhân Thừa rồi đi vào Đại Thừa.

c. Nói về đặc sắc của ba loại thân hành

• **Dựa vào tu hạnh Thanh Văn rồi vào Phật Đạo**

○ **Trước tu pháp Thanh Văn rồi trở về Phật Đạo**

Trong khi dựa vào Thừa Thanh Văn rồi vào Phật Đạo, dựa vào những điều kinh luận nói thì trước phải tu pháp Thanh Văn, Duyên Giác, hoặc chưa chứng quả hoặc đã chứng quả, sau đó, hồi tâm trở về Phật Đạo.

○ **Nói rõ Căn lợi, độn khác nhau**

- Chỉ tu hạnh Thanh Văn, có chút ít kết quả, tự cho là cứu cánh.
- Nhưng hành giả lợi căn, trí tuệ sâu sắc; "trong bí mật tu hạnh Bồ Tát; ngoài biểu hiện Thanh Văn"; không bằng Phật về Khai Quyền Hiển Thật (Mở cửa phương tiện để

hiện thị Thật Tánh Bồ Đề), nhưng Tâm đã an trụ Đạo Đại Thừa.

• **Dựa vào tu hạnh Thiên Thừa rồi vào Đạo Phật**

Có 2 loại:

○ **Người tu Tịnh Độ có Lợi, Đôn khác nhau.**

- Hành giả Tịnh Độ chuyên Tâm chú Ý cầu sanh Tịnh Độ cõi Trời, sau đó, ở trong Tịnh Độ để tu tập từ từ Đạo Phật.
- Nhưng dựa vào Quán Kinh mà nói: Lợi căn ở bậc Thượng Phẩm, sớm đã phát Tâm Bồ Đề, đọc tụng Đại Thừa, hiểu rõ Pháp Tánh Không. Vì vậy, một khi về Tịnh Độ, không bao lâu, thấu rõ được Vô Sanh, trở lại cõi Ta Bà, thật hành rộng khắp Đạo Bồ Tát.

○ **Người tu Mật Tông có Lợi, Đôn khác nhau.**

Người tu Mật Tông chú trọng tu thân thể đẹp ở cõi Trời Dục giới, chính là lấy Kim Cang, Dạ Xoa làm bản tôn, tu trở thành Tiên, Nhân Trì Minh (có thể du lịch các cõi Phật, cúng dường chư Phật, thành tựu chúng sanh), ở lại thế gian lâu dài, tu hành Phật Đạo.

- Tuy nhiên, "Trí Huệ kém không chịu nổi để thắng các Dục ở cõi ấy và giữ gìn sắc tướng". Nhưng có một số dùng sắc thân này để tu tinh luyện khí làm kế sanh nhai.

- Nhưng người lợi căn thì tương ứng với Tâm Bồ Đề; đại Từ Bi là căn bản, dùng phương tiện để đi đến cứu cánh.

○ Có hai loại tu hành thành Trời nhưng lấy trì chú là chính gọi là hướng dẫn người mới tu.

Thực hành dựa vào Thiên Thừa rồi hướng về Phật Đạo có hai loại đều chú trọng vào Du Đà hoặc là Tam Muội; Định vốn là đặc chất của tu hành Thiên Thừa. Nhưng dùng nó để hướng dẫn người mới tu cũng chỉ tụng kinh, trì chú mà thôi.

● **Tu hành dựa vào Nhân Thừa rồi vào Phật Đạo**

Đây chính là phát Tâm Bồ Đề, tu mười hạnh Lành, không bỏ nhân cách con người, rộng tu Chánh Nghiệp để an quốc lợi dân. Đây cốt phổ cập cho người mới tu; ngoài địa vị phàm phu của Đại Thừa, thật ra, nó bằng với Quân Tử, Thiện Nhân của thế gian.

d. Nói rõ Tu Nhân Thừa là con đường bằng phẳng, căn bản dẫn đến Phật Thừa

Đức Như Lai xuất hiện ở nhân gian, giáo hóa nhân loại với bốn y là khiến cho con người Khai, Thị, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật: Mở ra, Chỉ cho thấy, Thấu hiểu, Đi vào cái thấy, Biết của Phật. Vì vậy, dựa Nhân Hạnh Bồ Tát rồi hướng về Con Đường dẫn đến Thành Phật, không chỉ thích ứng với căn

ơ của thời đại để cảm hóa nhân sanh mà cũng là con đường bằng phẳng, căn bản, thực tế của Phật Thừa.

5.2.1.5. Về hai thuyết Quyền, Thật

趣入大乘者, *Thú nhập Đại Thừa giả,*
 直入或迴入, *Trực nhập hoặc hồi nhập,*
 相應諸教法, *Tương ứng chư giáo pháp,*
 實說方便說. *Thật thuyết phương tiện thuyết.*

Người hướng về Đại Thừa, Trực tiếp hay gián tiếp,
 Tương ứng với các pháp, Chân thật, phương tiện nói.

a. Có loại giáo pháp của Bồ Tát

- **Trực tiếp là vào thẳng Bồ Tát Đạo; gián tiếp là phương tiện**

Người hướng về Đại Thừa tu học có chia hai loại: Bồ Tát trực tiếp vào Đại Thừa, Bồ Tát gián tiếp vào Đại Thừa.

Trực tiếp là đi thẳng vào Bồ Tát Đạo; gián tiếp là trước tu theo các pháp môn khác, sau mới vào Đại Thừa.

Bậc Nhị Thừa hồi tâm hướng về Đại Thừa, như kinh Pháp Hoa nói Khai Quyền Hiển Thật mới xác chứng là trở về Đại Thừa. So với giáo pháp tương ứng với trực tiếp hay gián tiếp vào Bồ Tát Đạo. Ở đây muốn nói là Chân Thật và Phương Tiện.

- **Đặc biệt nói rõ dụng ý của Phương Tiện**

- **Đặt vấn đề:**

Phật, vì lý do gì, không chỉ giảng Đạo Đại Thừa, không phổ biến cho tất cả chúng sanh về Phật Thừa mà chỉ nói Giáo Lý Phương Tiện?

- **Giải thích:**

Phật, với giáo lý Phương Tiện, có ý nghĩa phi thường.

- Bởi vì nếu không nói giáo lý Phương Tiện để dẫn dụ, giáo hóa thì những chúng sanh không vào thẳng Phật Đạo được.
- Như Tiểu Thừa trải qua tu chứng mới hiểu ra mình còn có Cái Không Biết, Không Làm Được, Không Thanh Tịnh nên có thể lãnh thọ sự giáo hóa của Phật và hướng về Phật Đạo.
- Hơn nữa, chúng được quả của Tiểu Thừa thì đã hoàn toàn cắt đứt Sanh Tử, không còn lo nghĩ bị Sanh Tử trở lại trong dòng lưu chuyển Luân Hồi. Vì vậy, giáo lý Phương Tiện thật đáng được tôn trọng.

b. Riêng nói rõ hai pháp môn Quyền, Thật trong giáo lý Đại Thừa

Ở trong Đại Thừa cũng có giáo lý Phương Tiện, gọi là Di Phương Tiện tức là Thắng Phương Tiện.

- **Phương tiện thù thắng là dùng vui được vui**

Có một số người, tuy không phải căn tánh Nhị Thừa chán ngán Sanh Tử nhưng cũng vào Đại Thừa nên còn chút ít

chương ngại. Do vậy, Phật nói phương tiện thù thắng, như Cõi Nước Tịnh Lạc, Sắc Thân Tịnh Lạc làm phương pháp hóa đạo. Đây chính là: “先以欲鉤牽, 後令入佛智: Tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật Trí: Trước dùng Dục móc nối, sau khiến cho vào Phật Trí”, là pháp môn dĩ lạc đắc lạc.

○ **Quốc độ Tịnh Lạc.**

Nếu, thật sự, vãng sanh được Quốc Độ Tịnh Lạc cũng không phải lo âu về việc thoái lui, đọa xuống trở lại; khi đã được Phật, Bồ Tát giáo hóa, hướng dẫn thì có thể phát Bồ Đề Tâm rồi vào Phật Đạo.

○ **Sắc Thân Tịnh Lạc.**

Nếu, thật sự, tu chứng được Sắc Thân Tịnh Lạc, cũng có thể nương vào sắc thân tịnh lạc thuộc cõi trời này để tu tập Thắng Huệ sâu sắc.

• **Dựa vào hai cửa Quyền, Thật rồi cùng vào Phật Đạo**

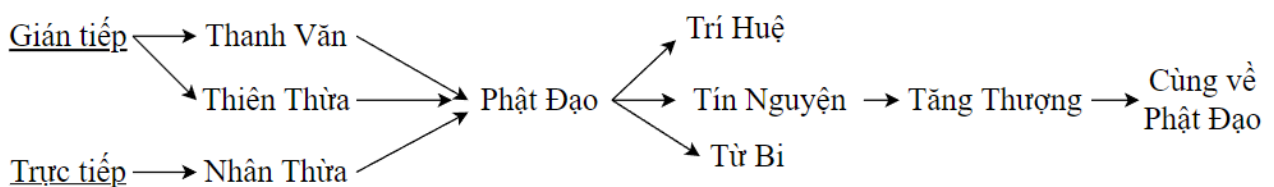
○ **Nói về Thật:**

Lý do Phật ra đời là để giáo hóa Loài Người. Tuy bản ý là ở Nhân Thừa rồi hướng về Phật Đạo (là con người thành Phật).

○ **Nói về Quyền:**

Nhưng vì thương chúng sanh nên không thể không khéo léo thiết lập Phương Tiện.

- Hoặc vì căn tánh Chán Khổ mà nói dựa vào phương pháp tu hành của Thanh Văn rồi quay về giáo lý Đại Thừa. Những vị này, hầu hết, đều có Trí Huệ Tăng Thượng (lớn mạnh), chú trọng Tự Lực.
 - Hoặc vì căn cơ Dục Lạc mà nói dựa vào phương pháp tu hành của Thiên Thừa rồi quay về giáo lý Đại Thừa. Những vị này, hầu hết, đều có Tín Nguyện Tăng Thượng, chú trọng vào Tha Lực.
- Đức Như mở ra hai cánh cửa Quyền, Thật; với hai cánh cửa này mới có thể khiến cho tất cả chúng sanh trở về Phật Đạo.



5.2.2. Giáo Thuyết Đại Thừa

5.2.2.1. Chủng Tánh Thành Phật

眾生有佛性, *Chúng sanh hữu Phật Tánh,*

理性亦行性. *Lý Tánh diệc Hành Tánh.*

初以習成性, *Sơ dĩ Tập thành Tánh,*

次依性成習; *Thứ y Tánh thành Tập;*

以是待修習, *Dĩ thị đãi Tu Tập,*

一切佛皆成. *Nhất thiết Phật giai thành.*

Chúng sanh có Phật Tánh, Lý Tánh và Hành Tánh.

Trước vì Tập thành Tánh, Kế nương Tánh thành Tập,

Cho nên nhờ Tu Tập, Tất cả đều thành Phật.

a. Phật Tánh là giáo lý quan trọng của Đại Thừa

Tất cả chúng sanh có Tánh Phật là giáo lý quan trọng của Đại Thừa Phật Giáo, tất cả chúng sanh đều Thành Phật là Nguyên Lý Chính của Đạo Phật.

Phật Tánh là gì? Có thể có hai ý nghĩa:

• **Thể Tánh của Phật**

Một là Phật Tánh là Thể Tánh của Phật.

○ **Ví dụ trong mỏ đá vàng có Tánh Vàng.**

"Như trong mỏ đá có Tính Vàng, trong mỏ đá trắng có Tính Bạc". Cũng vậy, chúng sanh tuy đang ở trong Sanh Tử mê mờ, sai lầm, nhưng không phải không có yếu tố Phật Tính. Như trong mỏ đá có Tính Vàng, cho nên luyện mới thành vàng. Nếu không có Tính Vàng thì luyện làm sao có Vàng. Đương nhiên, đây là giảng pháp theo cách thông

thường; còn thời đại khoa học tiến bộ, có thể vật chất không thuộc vàng nhưng hóa hợp giống như vàng.

○ **Chúng sanh vốn có Tánh Phật.**

Tánh Phật cũng nói như thế, chúng sanh vốn có Thể Tánh của Phật, hoặc nói là chúng sanh vốn có Đức Tính hơn hết của Như Lai, tướng đẹp, trang nghiêm, hoặc nói chúng sanh, xưa nay, là Phật; cho nên, tu hành sẽ thành Phật. Giáo lý Có Phật Tính này xác thực mà người bình thường dễ tin, hiểu và trở thành học phái rất thông dụng trong Phật Pháp.

● **Tánh khả năng Thành Phật**

Hai là Phật Tánh là Tánh có khả năng Thành Phật, cũng chính là nhân duyên để Thành Phật.

○ **Phân biệt hai loại Phật Tánh:**

Nhưng đây là ý nghĩa sâu xa của Phật Tánh, có một số người không dễ Tin, Hiểu. Cuối cùng Tính Khả Năng Thành Phật như thế nào?

Như trong kinh Pháp Hoa nói: "Chư Phật có hai điều đáng tôn kính, biết các Pháp luôn luôn Vô Tánh, Hạt Giống Phật từ Duyên Khởi, cho nên nói NHẤT THỪA".

Ở đây phương tiện có thể chia thành 2 loại Phật Tánh: Một là Lý Phật Tánh; Hai là Hành Phật Tánh (Phật Tánh là thuyết cũ ở Ấn Độ; ngày nay dựa vào Trung Quán Nghĩa Thuyết).

○ Lý Phật Tánh:

Thế nào gọi là Lý Phật Tánh?

- Pháp Tánh Không chính là Lý Phật Tánh, cũng là ý nghĩa sâu xa của Phật Tánh.

✓ Định nghĩa:

Tất cả Pháp, từ xưa đến nay, Không Có Tự Tánh, cũng chính là Bản Tánh Vắng Lặng.

Mọi pháp thường Vô Tánh (người xưa tách riêng Thường Tánh, Vô Tánh là cách giải thích phù hợp với Tam Đế); Mọi pháp Hoàn Toàn Rốt Ráo; Vô Tánh đây tức là KHÔNG; KHÔNG tức là Pháp Tánh Không Sanh Không Diệt; có thể gọi là PHẬT TÁNH (Tánh Hiểu Biết).

✓ Phân tích:

Bởi vì, nếu tất cả pháp có Tự Tánh mà không phải là TÁNH KHÔNG, như thế, phàm phu là thật có thì mãi mãi là phàm phu; tạp nhiễm là thật có thì mãi mãi là tạp nhiễm; đã trải qua Hiện Khởi (Có) thì không thể chuyển thành Không, không có Hiện Khởi (Vô) thì không thể chuyển thành Có. Như thế thì không thể Dứt (ngừng hay đoạn), không thể Tu cũng không thể Thành Phật (Như Trung Luận nói).

✓ Chứng minh:

May quá! Tất cả pháp là Không, Vô Tánh mới có thể chuyển dơ thành sạch, chuyển dở (Mê) thành giỏi (Ngộ), chuyển phàm thành Thánh. Pháp Không Tánh này chính là nguyên lý để phàm có thể thành Thánh, nhiễm có thể thành tịnh; cũng chính là nguyên lý để Thành Phật. Cho nên nói:

以有空義故，一切法得成：Dễ hữu không nghĩa cố, nhất thiết pháp đắc thành: Bởi vì muôn pháp có Tánh Không, mới thành hiện tượng vô cùng thâm la. Đây là ý nghĩa sâu rộng của Không Tánh chính là Phật Tánh.

○ **Dựa vào Pháp Không Tánh này làm phương tiện để nói Phật Tánh.**

Pháp Không Tánh, tuy đồng thời, là Lý Tánh phổ biến để lập thành tất cả Pháp, nhưng Không Tánh có ý nghĩa siêu việt hơn là NGỘ rồi thành Thánh, là dựa vào rồi khởi lên Pháp Tánh thanh tịnh, là Nhân quan trọng đích thật để Thành Phật.

Không Tánh, tuy là biến hiện tất cả pháp, nhưng không tương ứng với Mê Vọng (ngu si, sai lầm) mà tương ứng với Vô Lậu Tịnh Đức (Bản chất trong sáng vượt thoát Sanh, Tử). Vì thế, Tánh này dẫn đến phát sanh Tín, Giải thông thường; phương tiện nói Pháp Tánh Không này là Như Lai Tạng, là Phật Tánh rồi nói là Đức Tướng, Trí Huệ của Như Lai vốn

có... Pháp Tánh Không có vô số ý nghĩa (vị), đối với tất cả chúng sanh không khác nhau; cho nên, nói chúng sanh đều có thể Thành Phật.

- **Thật hành theo Tánh Phật**

Thế nào gọi là thật hành theo Tánh Phật?

- **Định nghĩa:**

Đây là dựa vào Nhân tố lý Tánh thành Phật để tu tập và phát Tâm.

- **Ví dụ:**

Như Duy Thức Học nói: Văn (Tur, Tu) huân tập (Xông ướp) dựa vào dòng chảy của Pháp Giới để Chúng Tử Phật trở thành.

Kinh Pháp Hoa nói: 佛種從緣起: Phật chủng tùng duyên khởi: Hạt giống Phật theo duyên mà phát khởi, cũng chính là nói: Dựa vào Tánh mà tu tập.

- **Nói dựa vào Lý Tánh và Hành Tánh thì tất cả chúng sanh có Tánh Phật.**

Không Tánh của tất cả pháp là Lý Tánh có thể Thành Phật.

Nhờ sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát rồi phát tâm, tu hành qua Văn, Tur, Tu dần dần là Hành Tánh có khả năng thành Phật.

Sự và Lý hoàn toàn tương hợp: Nếu không phải là Duyên Khởi thì không phải là Không; không phải là Không Vô Tự

Tánh, cũng không phải là Từ Duyên Khởi. Bởi Vô Tánh Không, cho nên, từ Duyên mới Khởi lên (có); vì vậy, không có Tự Tánh.

Vô Tánh mà Duyên Khởi, Duyên Khởi mà Vô Tánh. Khi Phật ngồi ở đạo tràng, sự thông đạt chính là như thế này:

觀無明(等)如虛空無盡,是諸菩薩不共妙觀: Quán Vô Minh đẳng như hư không vô tận... thị chư Bồ Tát bất cộng diệu quán: Quán mười hai Nhân Duyên như hư không vô tận,... Đây là quán sát vi diệu mà các vị Bồ Tát không có chung.

Dựa vào đây mà thành Phật. Phật cũng dựa vào đây mà nói Nhất Thừa: Tất Cả Chúng Sinh Đều Có Tánh Phật.

b. Tiến thêm bước nữa mở rộng mối quan hệ của hai loại Phật Tánh một cách rõ ràng

- **Sơ lược về hai Phật Tánh**

Nói theo Lý Phật Tánh thì tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh; nói theo Hành Phật Tánh thì đợi Duyên mới thành; cho nên hoặc là Có, hoặc là Không.

- **Nói riêng về Hành Phật Tánh**

- **Định nghĩa:**

Hạt giống của Pháp Đại Thừa là Tâm Bồ Đề. Phát Tâm Bồ Đề là tất cả công đức tương ứng với Tâm Bồ Đề, chính là

Phật Tánh nằm trong Hành Tánh (Tánh chất của việc tu hành).

○ Ví dụ:

- *Theo kinh Pháp Hoa: Hạt giống của Tâm Bồ Đề thì NGUYỆN là chính.*

Câu "Phật Chứng Tùng Duyên Khởi", chính là theo Hạt Giống Tâm Bồ Đề mà nói.

Nếu từ trước, ở trong pháp hội của Phật Đại Thông Trí Thắng, phát Tâm Bồ Đề mà có một số người thoái tâm, tu theo Tiểu Thừa. Có bạn thân âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá mà người này hoàn toàn không hay biết, vẫn chịu đựng nghèo khổ cùng cực, kỳ thật, "Tất cả Trí Nguyên (nguyện Bồ Đề) vẫn còn đó, không mất".

Khi say rượu, bạn thân âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá cho người này; giống như ở trong Vô Minh Sanh Tử mà gặp được Phật, Bồ Tát hướng dẫn, dạy bảo rồi Phát Tâm Bồ Đề (có người giải thích: "Âm thầm để vào ché áo hạt châu vô giá" là ý nói Phật Tánh vốn có so với nghĩa của kinh không hợp). Phát Tâm Bồ Đề sẽ trở thành Pháp Khí Đại Thừa, có khả năng phát huy, sản sinh vô lượng công đức.

- Vì vậy kinh Thập Địa, kinh Đại Tập đều nêu lên ví dụ Tâm Bồ Đề là bảo châu, trải qua tu tập và đối trị mới viên thành quả đức của Phật.

Từ hai Bồ Đề mà chúng được Bồ Đề (Phật Tánh thuộc Lý).

Tính thực hành Phật Tánh như vậy là dựa vào kinh nói, sơ lược có hai vị: Vị Chúng Tánh của Tánh; Vị Chúng Tánh của Tập. Ý ở đây muốn nói:

Vị Tánh của Chúng Tánh (Bồ Đề thuộc về Nguyên).

Bắt đầu, lấy Thấy Phật, Nghe Pháp làm nhân duyên; phát Tâm Bồ Đề lớn, huân tập thành Tánh của Phật thuộc Đại Thừa, như gieo hạt giống vậy, gọi là Tánh Của Chúng Tánh. Một khi phát khởi Tâm Bồ Đề mãi mãi là nhân duyên thành Phật, sẽ không thể mất đi; như kinh Pháp Hoa ví dụ: Buộc ngọc bảo châu vào chéo áo. Nhưng điều này không thể nói là Vốn Có, bởi vì dựa vào Phát Tâm rồi Huân Tập mà Thành. Huân tập Văn, Tư, Tu từ dòng chảy miên viễn của Pháp Giới.

Vị Tánh của Tập Chúng (Bồ Đề thuộc về thật hành).

Kế đến, đã có hạt giống Tâm Bồ Đề dựa vào Tánh Phật này rồi từ từ tu tập, phát triển, khiến cho hạt giống Phật có công năng thanh tịnh; từ thấp lên vừa, từ vừa lên cao. Khả

năng công đức thanh tịnh của Đại Thừa là luôn luôn Huân Tập và tăng trưởng vượt trội, gọi là Tánh Tập Chủng.

Tiếp theo, chúng Phật Tánh từng phần.

Huân tu lâu dần, dẫn đến phát sanh công đức Vô Lậu thanh tịnh. Đó không chỉ là Tính Nhân (quả) của Phật mà còn chúng được Thể Tánh từng phần của Phật.

Cuối cùng, kết luận do ba loại Bồ Đề mà thành được Quả Phật.

Vì thế, Pháp Không Tánh (Lý của Phật Tánh), tuy Phàm, Thánh là MỘT, cội chúng sanh, cội Bồ Tát, cội Phật đều bình đẳng dù, thành Phật hoặc không thành Phật vẫn còn phải Tu Tập để phân biệt: Phải chăng huân tu, phát triển Tâm Bồ Đề? Phải chăng dựa vào hạt giống Tâm Bồ Đề mà ngừng huân tập, tăng trưởng? Nếu không tu tập thì phàm phu vẫn là phàm phu; nếu dựa vào Đại Thừa huân tu thì không cần hỏi đó là ai mà Phật Quả của tất cả chúng sanh đều có thể thành được.

5.2.2.2. Lịch trình của Bồ Đề. Bồ Đề nguyên.

發心名菩薩, *Phát tâm danh Bồ Tát,*

眾生之上首. *Chúng sanh chi thượng thủ.*

世出世功德, *Thế, xuất thế công đức,*

悉由菩薩有. *Tất do Bồ Tát hữu.*

Phát tâm là Bồ Tát, Là chúng sanh cao nhất.
 Công đức Thế, Xuất Thế, Bồ Tát đều có đủ.

a. Phát Tâm Bồ Đề là đáng tôn kính

• **Phát Tâm gọi là Bồ Tát**

○ **Điều kiện để thành Bồ Tát**

Dựa theo Không Tánh của tất cả pháp mà nói: Tất cả chúng sanh có Tánh Phật, nhưng hoàn toàn không phải do nguyên nhân này mà nói: Tất cả chúng sanh là Bồ Tát. Cần phải phát Tâm Bồ Đề mới gọi là Bồ Tát.

○ **Ý nghĩa Bồ Tát**

Bồ Tát là tiếng Phạn nói tắt của Bồ Đề Tát Đỏa, có nghĩa là Giác Hữu Tình: Trên cầu Bồ Đề (giác), dưới giáo hóa chúng sanh (hữu tình) mà có tên như vậy. Cũng có thể giải thích là Hữu Tình Cầu Đại Bồ Đề, phát Tâm Bồ Đề rồi mới là Bồ Tát.

• **Bồ Tát đáng tôn kính**

○ **Từ bắt đầu học đến thân cuối cùng đều gọi là Bồ Tát**

Bồ Tát là gọi chung người tu học Đại Thừa. Từ bắt đầu học, học lâu đến thân Bồ Tát cuối cùng, đúng là có nhiều loại cạn, sâu. Nhưng người bình thường đều biết Bồ Tát lớn Quan Âm nên mới không dám tự xưng mình là Bồ Tát.

○ **Nói riêng Bồ Tát mới phát tâm đáng tôn kính**

- ***Bồ Tát là chúng sanh cao nhất.***

Bồ Tát mới phát tâm, tuy chưa có công đức nhưng đã là đứng đầu trong tất cả chúng sanh; không chỉ là phàm phu mà được cả Nhị Thừa tôn kính. Trong kinh ví dụ như vương tử mới sanh đã được đại thần cao tuổi tôn kính; như sư tử con mới sanh đã được muôn thú nể vì; như chim Ca Lãng Tăng Già còn ở trong trứng mà tiếng kêu vượt hơn tất cả tiếng kêu của những loài chim khác; như ánh sáng le lói của trăng non vẫn được sự yêu mến của mọi người.

- ***Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành thế, xuất thế.***

Từ khi Bồ Tát phát tâm về sau đáng tôn kính như vậy; hàng Bồ Tát lớn không cần phải nói. Vì sao như vậy?

- ✓ Nói chung về pháp lành thế, xuất thế.

Bởi vì tất cả công đức của thế, xuất thế gian ắt do Bồ Tát mà có.

Ở đây muốn nói: Pháp lành thế gian; pháp lành Thanh Văn, Duyên Giác... đều dựa vào Phật, Bồ Tát mà có; công đức của Phật cũng dựa vào Bồ Tát mà có; cho nên, Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành.

- ✓ Nói riêng pháp lành thế gian.

Dựa vào pháp lành thế gian mà nói, như: "Bồ Tát thọ nhận vô số thân, có khi nhận thân do nghiệp và nhân duyên, hoặc nhân biến hóa ở thế gian để dạy bảo chúng sanh, nói các pháp lành và pháp thế giới, pháp vương, pháp thế tục"...

✓ Kết luận: Tâm Bồ Đề là hạt giống của tất cả Pháp Phật.

Bồ Tát là căn nguyên của tất cả pháp lành, đáng tôn kính, nhưng Bồ Tát từ phát Tâm Bồ Đề mà có. Vì vậy, trong kinh nói về Nhân Thừa khen ngợi rất nhiều về công đức của Tâm Bồ Đề và nói tâm ấy là: "Hạt giống của tất cả Pháp Phật".

b. Phương pháp tu học theo Tâm Nguyên Bồ Đề

• **Định nghĩa Nguyên Bồ Đề Tâm**

Mới phát Tâm Bồ Đề, quan trọng ở việc lập thế nguyện lớn, vững chắc: Trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh, gọi là Nguyên Bồ Đề Tâm. Nói rộng như bốn nguyện lớn:

眾生無邊誓願度, *Chúng sanh vô biên thế nguyện độ,*

煩惱無邊誓願斷, *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,*

法門無邊誓願學, *Pháp môn vô lượng thế nguyện học,*

佛道無上誓願成. *Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành.*

• **Động cơ và phương pháp tu học theo Tâm Bồ Đề**

Nhưng phát Tâm Bồ Đề, không phải hoàn toàn ngẫu nhiên muốn thành Phật, độ sanh; mà phải trải qua Tu Tập, đến chỗ thành tựu vững chắc.

Tu tập theo Bồ Đề Tâm là tu học Đại Thừa, đó là điểm quan trọng.

○ **Động cơ:** Bắt đầu từ Tâm Từ Bi: Tâm Bồ Đề từ Tâm Từ Bi sanh ra.

○ **Phương pháp:**

▪ ***Từ trong người thân, kẻ thù lần lượt mở rộng ra.***

Hoặc từ mối quan hệ hiếu kính, nuôi dưỡng mẹ hiền, rộng lớn đến nguyện độ tất cả chúng sanh, cao nhất mong cầu Phật Đạo.

▪ ***Bi Tâm mạnh dẫn đến, thật tiến là làm lợi lạc cho mọi người.***

Hoặc là xem người khác và chính mình như nhau, cứu giúp chúng sanh như thương yêu bảo hộ chính mình, tu đến độ mong muốn đem đến lợi ích cho người khác dù, mình phải hy sinh.

c. ***Động cơ***

Phương pháp tu Bồ Đề Tâm gần giống với Nhân Đạo, Thứ Đạo của Nho gia. Nhưng tu tập viên mãn, thành tựu Bồ Đề

Tâm; về mặt sâu rộng, so với pháp thể gian vô cùng khác nhau. Đây là căn cơ của Đạo Đại Thừa mà người tu học theo con đường này phải quan tâm trước hết.

5.2.2.3. Thật hành Bồ Đề.

a. Ba Tâm của Đại Thừa.

菩薩之所乘, *Bồ Tát chi sở thừa,*
 菩提心相應; *Bồ Đề Tâm tương ưng;*
 慈悲為上首, *Từ bi vi thượng thủ,*
 空慧是方便. *Không huệ thị phương tiện.*
 依此三要門, *Y thứ tam yếu môn,*
 善修一切行; *Thiện tu nhất thiết hạnh;*
 一切行皆入, *Nhất thiết hạnh giai nhập*
 成佛之一乘. *Thành Phật chi nhất Thừa.*

Đường của Bồ Tát đi, Tương ưng Tâm Bồ Đề.
Từ Bi là trên hết, Không Huệ là phương tiện.
Ba thứ chánh yếu này, Khéo tu tất cả hạnh;
Tất cả hạnh đều vào, Bạc cao nhất: Thành Phật.

- **Ba tâm của Đại Thừa là ba yếu tố Bồ Tát tu tập không thể thiếu**

○ *Từ Bồ Đề Nguyên tiến lên Bồ Đề Hạnh*

Căn tánh đi vào con đường Đại Thừa không giống nhau; tôn kính phát Tâm Bồ Đề, Phật Tánh đã nói rồi. Đạo Đại Thừa, sau khi phát nguyện, nên thể hiện bằng thật hành.

○ **Yếu tố chánh hạnh của Bồ Tát**

Nói đến chánh hạnh của Bồ Tát, việc cần thiết, trước hết phải nói: yếu tố không thể thiếu là Việc Bồ Tát Làm.

▪ ***Dựa vào hạnh Bồ Đề rồi đi vào tất cả Biển Trí***

Thanh Văn và Duyên Giác Thừa thì thông suốt đối với Nhân Quả. Nhưng trong Đại Thừa chú trọng vào Nhân Hạnh, gọi là Bồ Tát Thừa; chú trọng vào Quả Đức, gọi là Phật Thừa. Nhân, Quả tròn đầy là toàn thể của Pháp Đại Thừa.

Hiện giờ đi theo Con Đường Thành Phật là nói từ Nhân Hạnh. Đại Thừa là Pháp Môn, Bồ Tát đang thật hành. Dựa pháp môn này, từ địa vị phàm phu đi vào ngôi vị Đại Bồ Đề (giác ngộ hoàn toàn), gọi là Biển của Tất Cả Trí.

▪ ***Ba yếu tố trong Hạnh Bồ Tát***

Trong hạnh Bồ Tát, bất luận tu hành như thế nào, không thiếu ba nguyên tắc quan trọng.

✓ **Nêu Bồ Thí nói rõ ba yếu tố. Ví dụ như Bồ thí:**

- Cần phải tương ứng với Tâm Bồ Đề, chính là chỉ nguyện "Thượng cầu, hạ hóa" mà bồ thí.

- Lúc bồ thí lấy Tâm Từ Bi làm đầu, làm hướng đạo trước hết; chính là từ Tâm Từ Bi mà phát sanh bồ thí.
- Pháp Không Huệ là Phương Tiện. Phương Tiện là tên khác của Thiện Xảo (khéo léo vận dụng).

Nếu như còn vướng mắc vào thấy có người cho, người nhận, vật cho thì gọi Hữu Phương Tiện.

Nếu không có Pháp Không Huệ thì Bồ Thí vướng vào Tướng gọi là Bất Thiện Xảo; không phương tiện thì không thể lìa khỏi Sanh Tử đê vào Nhất Thiết Trí Hải.

✓ Dựa vào 3 yếu tố này thật hành tất cả đều hành thì vào được Nhất Thừa.

Có thể nói Tâm Bồ Đề là Chí Nguyện đang hiện hữu của chính mình (sở tại); Tâm Từ Bi là Động Cơ; Pháp Không Huệ là tài năng để thật hành. Nếu dựa vào ba phương pháp này làm căn bản để thiện xảo, để tu tập tất cả như:

- Ngũ Giới, Thập Thiện, Tam Phước Nghiệp là những pháp lành thế gian cũng tốt.
- Tứ Đế, Duyên Khởi, Tam Học, Bát Chánh Đạo, ba mươi bảy Đạo Phẩm là những pháp lành xuất thế cũng tốt.
- Lục Độ, Tứ Nhiếp, Bách Bát Tam Muội, Tứ Thập Nhị Tự môn là những pháp đại thừa cũng tốt.

Tất cả Pháp Hành này (phương pháp tu tập) đều trở về với Pháp Nhất Thừa của con đường đi đến Thành Phật.

Nói ngắn gọn: Đã có ba Tâm này thì tất cả Thiện Hành đều là Pháp Nhất Thừa; nếu tách rời ba Tâm này hoặc thiếu sót thì không có pháp môn nào để tu hành Thành Phật.

- **Nêu kinh luận nói rõ Ba Tâm**

- **Dẫn kinh, luận**

- Kinh Đại Bát Nhã nói: Khi tu hành đến bậc Bồ Tát, nói chung là "Nhất Thiết Trí Trí tương ưng với Tác Ý (niệm khởi của tâm), Đại Bi đứng đầu, vì vô sở đắc nên lập ra Phương Tiện". Đoạn văn này, chính là muốn nói về Ba Tâm.
- Dựa vào đây, trong Luận Bảo Man, Bồ Tát Long Thọ nói: "Vốn là Tâm Bồ Đề, vững chắc như núi chúa, Đại Bi khắp mười phương, không dựa huệ hai bên".
- Kinh Đại Nhật, đại khái nói cũng giống: "Đại Bồ Đề là Nhân, Bi là Căn Bản, bằng Phương Tiện mà đến cứu cánh"

- **Giải thích danh từ**

- **Ba Tâm**

- ✓ Nhất Thiết Trí Trí tương ứng với Tác Ý, chính là Nhất Thiết Trí Nguyên trong kinh Pháp Hoa, cũng chính là tên khác của Bồ Đề Tâm.

- ✓ Đại Bi là vì tất cả chúng sanh khắp mười phương mà phát khởi, cho nên nói Biến thập phương tế (bao trùm ranh giới mười phương).
- ✓ Vô Sở Đắc (không có cái gì để được) là Bát Nhã, chính là Trí Huệ Không Tánh nên không dựa vào hai bên Có, Không.

Kinh Đại Nhật còn nói Có Tướng, cho nên, phương tiện có muôn ngàn cách để đi đến cứu cánh. Nhưng phương tiện chủ yếu là để Thành Phật thì, không thể không nói đều là Không Huệ Vô Sở Đắc. Bởi vì kẹt vào Tướng, thì không có cách nào đạt đến cứu cánh được.

- Ở trong pháp Đại Thừa, ba Tâm này đều quan trọng như nhau, không thể không có hay thiếu sót. Nhưng trong kinh Đại Thừa, mỗi tông chỉ có tôn trọng của nó, hoặc chú trọng Tâm Bồ Đề, hoặc Tâm Đại Bi, hoặc không có gì để được (thuộc) Bát Nhã. Theo từng tông chỉ mà thừa nhận tầm quan trọng khác nhau trong ba Tâm này. Đây là dựa vào tông chỉ mà khéo giải thích. Kỳ thật, ba Tâm này, đối với người mới học có thể thiên trọng chứ không thể bỏ đi.
- **Ba Tâm là dựa vào đức hạnh của con người để đi đến cứu cánh, viên thành Phật quả**
 - *Ba Tâm giống như Ba Đạt Đức, tức là 3 đặc tính vượt trội của loài người*

Ba Tâm này là đức hạnh thông thường của Nhân Thừa, giống như ba đạt đức: Trí, Nhân, Dũng của Nho Giáo.

Đây vốn là đức tính vượt trội của loài người: Ưc niệm, Phạm hạnh, Kiên nhẫn, cũng chính là đặc tính ưu việt: Lý trí, Tình cảm, Ý chí.

Nho Giáo chú trọng chánh hạnh của Nhân Thừa, cũng chính là nêu lên đức hạnh chung: Trí, Nhân, Dũng của Nhân Thừa.

○ **Ba Tâm của Đại Thừa làm cho ba đặc tính siêu việt ấy được tinh hóa, thành tựu ba đức của Như Lai**

Pháp Đại Thừa, vốn chú trọng vào Nhân Thừa để đi thẳng vào Phật Đạo, vì thế mới đề xuất.

- Chí Nguyện cao tốt, rốt ráo: Tâm Bồ Đề.
- Tình thương bình đẳng, rộng khắp: Từ Bi.
- Trí Huệ thấu suốt muôn pháp, triệt để: Không Huệ.

Vì là Hạnh Đại Thừa nên phải đầy đủ muôn đức.

Nhờ nguyên nhân này, thật hành Pháp Đại Thừa khiến cho đức tánh siêu việt của con người được tinh hóa (thăng hoa); khiến cho dung hòa trong cuộc sống, tiến bộ về tinh thần, đạt đến hoàn hảo.

Khi thành Phật thì Tâm Bồ Đề thành Pháp Thân đức; Tâm Từ Bi thành Giải Thoát đức; Pháp Không Huệ thành Bát Nhã đức.

Ba đức của Như Lai chứa những huyền bí, vi diệu, mâu nhiệm này không có gì riêng biệt mà, chỉ là Đức Hạnh của con người đã đạt đến chỗ tối cao, hoàn hảo mà thôi.

○ **Ý nghĩa đúng của Đại Thừa chính là phương pháp tu tập để con người thành Phật**

Ý nghĩa chân thật của Đại Thừa, so với Hạnh Tiểu Thừa, có khuynh hướng ẩn mật, tiềm tàng; so với Hạnh Thiên Thừa, có vẻ thần bí nên không tương đồng nhiều.

Ý nghĩa chân thật của Đại Thừa, thật ra, là hướng con người đến cứu cánh: Phương pháp 即人成佛: Tức nhân thành Phật: Thành Phật ngay bây giờ, tại đây, trong thân xác này.

Lịch trình tịnh hóa từ Nhận Thức đến thẳng đức tánh của Phật Quả			
Thế Gian		Xuất Thế Gian	
Ba đặc tánh con người	Ba đức Nho gia	Ba hạnh Đại Thừa (nhân hạnh)	Ba đức Như Lai (quả đức)
Ước niệm: Lý trí	Trí	Trí Huệ thấu suốt: Không	Pháp Không

		Huệ	Huệ: Bát Nhã đức
Phạm hạnh: Tình cảm	Nhân (仁)	Tình thương bình đẳng: Từ Bi	Tâm Từ Bi: Giải Thoát đức
Kiên nhẫn: Ý chí	Dũng	Chí nguyện vô thượng: Tâm Bồ Đề	Tâm Bồ Đề: Pháp Thân đức

b. Đối tượng của học Bồ Tát

菩薩之學處, *Bồ Tát chi học xứ,*

十善行為本, *Thập Thiện hạnh vi bản,*

攝為三聚戒, *Nhiếp vi Tam Tụ giới,*

七眾所通行. *Thất chúng sở thông hành.*

Đối tượng Bồ Tát học, Mười Hạnh Lành là chính,

Thâu tóm Tam Tụ Giới, Bảy chúng đều thật hành.

• **Chánh hạnh của Bồ Đề là đối tượng Bồ Tát học**

- **Phát Bồ Đề nguyện có ý nghĩa là bảo vệ sinh mạng của mọi loài một cách hoàn hảo nhất**

Đại Thừa đạo là lịch trình tu tập của Tâm Bồ Đề. Trên đã nói về Phát Tâm Bồ Đề là Nguyện Bồ Đề Tâm, vì Đại Thừa lấy Tín, Nguyện làm Thê, cũng là chỗ trở về, nương tựa của

Đại Thừa. Vì vậy, khi phát Tâm Bồ Đề, trước phải trở về, nương tựa với Đại Thừa.

Đây không phải là quy y suốt đời, mà là: Quy y "Từ ngày hôm nay cho đến khi Giác Ngộ"; quy y Phật Pháp, Tăng Bồ Tát không thoái lui. Quy y là biểu thị Tín Tâm trong lòng mình; còn phát Bồ Đề Nguyện là mong đem tất cả Căn Lành mình có thể hiện ra cho chúng sanh, giống như chư Phật và Bồ Tát. Vì Vô Thượng Bồ Đề mà phát Tâm: "Chúng sanh nào chưa độ mong được độ, chúng sanh nào chưa hiểu Phật pháp mong được hiểu, chúng sanh nào chưa an lạc mong được an lạc, chúng sanh nào chưa chứng được Niết Bàn mong chứng được". Đây là văn trong nghi thức quy y thông thường: "Bắt đầu từ ngày hôm nay cho đến lúc qua đời, luôn luôn bảo vệ chúng sanh". Đó là ý nghĩa cao nhất.

○ **Liên quan giữa quy y và thọ giới**

- ***Quy y là Đắc Giới, cũng có trường hợp chỉ quy y mà không Thọ Giới.***

Xét về Lý mà nói, quy y là biểu thị Tín, Nguyện, dựa vào đây mà Đắc Giới; còn thọ năm giới... chỉ là khai thị Giới Tướng mà thôi. Nhưng ở trong việc giáo hóa từ từ, khéo léo của Như Lai, cũng có đệ tử chỉ thọ Quy y mà không thọ giới.

Tương tự như vậy, thọ Quy y của Đại Thừa rồi phát Tâm Bồ Đề. Nương vào Tâm Bồ Đề rồi đắc Giới Bồ Tát, gọi là Bồ Tát. Sau đó, lại thọ Giới Bồ Tát. Đây cũng chỉ là khai thị Giới Tướng mà thôi. Nhưng Như Lai khéo léo hóa đạo, ở trong pháp Đại Thừa, cũng có người chỉ thọ Nguyên Tâm Bồ Đề mà không thọ Giới Bồ Tát.

▪ ***Chỉ Quy y mà không Thọ Giới không thành Phật, Bồ Đề.***

Nhưng trong kinh, luận nói: "Bồ Đề lấy Chánh Hạnh mà trở nên vững chắc"; "Nếu không có Chánh Hạnh thì không được Bồ Đề". Không chỉ có Tín, Nguyện mà có thể thành Phật, cho nên về sau, lập Bồ Đề Nguyện nên tiến thêm một bước là thọ trì chánh hạnh Bồ Đề (thực hành Tâm Bồ Đề), cũng chính là thọ trì Học Xứ (có bảy việc Bồ Tát phải học: Tự lợi, Lợi tha... Vô Thượng Bồ Đề) của Bồ Tát.

• **Nói rõ Học Xứ của Bồ Tát**

Giới Tỳ Kheo gọi là Học Xứ Tỳ Kheo; Giới Bồ Tát gọi là Học Xứ Bồ Tát.

○ ***Bồ Tát lấy Thập Thiện Chánh Hạnh làm căn bản***

Nói đến Bồ Tát Giới là lấy việc thật hành mười điều Lành làm căn bản.

- Không những người mới học Bồ Tát bắt đầu học Thập Thiện, gọi là Bồ Tát Thập Thiện. Như nói: "Bồ Tát Thập Thiện pháp đại tâm, vĩnh biệt biển khổ luân hồi trong ba cõi".
- Chính là Bồ Tát Đại Địa, cũng chính là thật tiền của Thập Thiện Chánh Hạnh sâu rộng. Ngoại trừ Chánh Hạnh Thanh Tịnh của Thân, Ngũ như không Tà Kiến và chúng được Chánh Huệ sâu thẳm; như không Sân Hận và có đầy đủ Từ Bi rộng lớn; như không Tham Dục và thành Tam Ma Địa (Định) vô lượng.

○ ***Do Thiên Hạnh mà thu tóm Tam Tu Tịnh Giới.***

Bây giờ, theo Giới Bồ Tát mà nói, chính là thật hành đúng đấng Thập Thiện; chẳng qua từ ý nghĩa bất đồng của Thiện Hạnh, tóm tắt thành Tam Tu Tịnh Giới:

- Theo ý nghĩa Là Ác Phòng Sai mà nói thì gọi là Luật Nghi Giới.
- Theo ý nghĩa Tu Tập rộng rãi tất cả Hạnh Lành mà nói thì gọi là Nhiếp Thiện Pháp Giới.
- Theo ý nghĩa Lợi ích Cứu giúp tất cả chúng sanh mà nói thì gọi là Nhiều Ích Hữu Tình Giới.

Tóm lại, giới hạnh của Bồ Tát là không việc Ác gì không Trừ; Không điều Lành gì không Làm; Không một Chúng Sanh nào không Cứu Giúp.

• **Nói rõ Thọ Giới và Giới Pháp**

○ **Thọ Giới**

▪ ***Khác nhau giữa Thanh Văn Giới và Bồ Tát Giới.***

- ✓ Trong pháp Thanh Văn, Luật Nghi Giới có nam, nữ; Tăng, Tục khác nhau; chia ra: Ưu Bà Tắc Giới, Ưu Bà Di Giới, Sa Di Giới, Sa Di Ni Giới, Tỳ Kheo Giới, Tỳ Kheo Ni Giới, Thức Xoa Ma Na Ni Giới. Vì giới bất đồng nên chia đệ tử của Phật thành 7 chúng.
- ✓ Chỉ có Giới Bồ Tát thì không cho Nam, Nữ, Tăng, Tục (có khác nhau chút đỉnh); cho nên đệ tử trong bảy chúng cùng chung thật hành.

▪ ***Từ Giới Thanh Văn tiến lên thọ Giới Bồ Tát.***

Muốn thọ giới Bồ Tát, trước phải thọ Luật Nghi Giới của bảy chúng. Như Ưu Bà Tắc (người nam thọ năm giới) mà thọ Bồ Tát Giới thì gọi là Bồ Tát Ưu Bà Tắc; Sa Di Ni mà thọ Giới Bồ Tát thì gọi là Bồ Tát Sa Di Ni; Tỳ Kheo mà thọ Giới Bồ Tát thì gọi là Bồ Tát Tỳ Kheo.

▪ ***Giải pháp.***

Nói đến giới pháp, trong Tạng Thanh Văn có Quảng Luật; Tạng Bồ Tát, tuy truyền thuyết có nói Giới Tạng của Bồ Tát, nhưng theo bản dịch ở Trung Quốc, Tây Tạng mà nói thì Giới Bồ Tát đều là phần thêm vào ở trong kinh.

- ✓ Truyền dịch giới bốn không giống nhau, rất chú trọng giới thì giống nhau.

Truyền thuyết đến hiện giờ, thầy La Thập dịch giới bốn Phạm Võng, nêu ra mười giới nặng, bốn mươi tám giới nhẹ.

Thầy Đàm Vô Sâm dịch Ưu Bà Tát Giới Kinh, nêu ra sáu giới nặng, hai mươi tám giới nhẹ.

Thầy Huyền Trang dịch Du Đà Bồ Tát Giới Bản, nêu lên bốn giới nặng, bốn mươi ba giới nhẹ.

Giới nhẹ có ít nhiều thêm, bớt. Giới nặng của Bồ Tát phần lớn giống nhau. Như kinh Hư Không Tạng, kinh Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc, kinh Thắng Man... cũng đều có nói đến điều này.

- ✓ Trung Quốc, Việt Nam chọn Giới Bản Phạm Võng để dùng; nhưng nói rộng: Khai, Giá, Trì, Phạm; phạm giới tương nặng, nhẹ mà Du Đà Bồ Tát Giới ắt xác nhận rõ rõ hơn.

c. Giới cấm của Bồ Tát

退失菩提心,	<i>Thối thất Bồ Đề Tâm,</i>
嫉慳與瞋慢,	<i>Tật xan dũ Sân, Mạn,</i>
障於利他行,	<i>Chướng ư lợi tha hành,</i>
違失大乘戒.	<i>Vy thất Đại Thừa Giới.</i>

Thoái mất Tâm Bồ Đề, Tật, xan và sân, mạn,
 Trở ngại hạnh lợi tha, Sai trái Giới Đại Thừa.

- **Tâm Bồ Đề là Giới căn bản của Bồ Tát, là Giới Tổng Tướng (Thập Thiện Giới)**

Ở trong Luật Nghi của Bồ Tát, bây giờ lược nói Giới Cẩm quan trọng nhất.

Một là, ở trong kinh Đại Thừa rất nhiều, lấy Tâm Bồ Đề làm Giới Bồ Tát.

Nếu đối với việc lợi ích cho chúng sanh mà khởi lên ý niệm chán nản, mỏi mệt, buông bỏ; không muốn chúng được Vô Thượng Bồ Đề mà, mong cầu chúng quả A La Hán để lợi cho mình; hoặc là chỉ cần dục lạc ở thế gian, không muốn thương cầu hạ hóa nữa; đây là thói thất Bồ Đề Tâm trong một niệm, chính là đã vi phạm Tịnh Giới của Bồ Tát.

Tâm Bồ Đề có thể nói là Giới Căn Bản của Bồ Tát, là Giới Tổng Tướng, là giới phải được hộ trì đặc biệt của người học Đại Thừa.

- **Ngoài bốn trọng giới căn bản còn có bốn giới điều quan trọng: Ghen ghét (Tật), Keo kiệt (Xan), Nóng giận (Sân), Hống hách (Mạn).**

Hai là, giới bồ tát dựa vào sự khai thị rộng rãi, tường tận mà nói thì Sát, Đạo, Dâm, Vọng... đồng với giới trọng của

Thanh Văn thì không phải nói là phạm Giới Bồ Tát. Trọng Giới Bồ Tát thuộc Thanh Văn có khác nhau; trong các kinh và các loại giới bổn, tuy nêu lên và có thêm bớt những việc nhỏ; nhưng nội dung đều nói đến bốn giới điều quan trọng: Tật, Xan, Sân, Mạn.

○ **Dựa vào Giới Du Đà nói rõ bốn Giới Điều quan trọng**

- **Tật:** Vì đã ham muốn lợi dưỡng, cung kính cho riêng mình, do đó ganh ghét với người khác rồi cố ý khen mình, chê người.
- **Xan:** Có mong cầu bố thí nhưng do tâm bòn xén; tuy có giáo pháp, có tiền của nhưng không chịu tu bố thí.
- **Sân:** Tâm sân cực nặng, không những mắng, làm thương tổn người khác; dù cho người ấy đến sám hối, mong rộng lượng tha thứ cũng không chấp thuận, mãi mãi oán hờn người ấy.
- **Mạn:** Tâm tự mạn nên bản thân chẳng tiến bộ; mới được ca tụng chút ít, tưởng là đúng rồi; mà thật ra là rất sai với Phật Pháp; ngược lại, còn chê bai người khác hoằng dương Chánh Pháp.

Bốn giới điều quan trọng này đều là chướng ngại hạnh Bồ Tát cốt đem lại lợi ích cho người khác.

○ **Sự vi phạm và thọ nhận Giới Bồ Tát**

Chỉ phạm một trong bốn giới này thì đã sai mất Tịnh Giới Bồ Tát Đại Thừa, không thành Bồ Tát được; giống như Tỳ

Kheo phạm bốn giới Ba La Di thì không thể thành Tỳ Kheo; nhưng Tỳ Kheo đã phạm ba giới Ba La Di thì bị trục xuất khỏi Tăng đoàn, không cho thọ giới lại; còn vị thọ Bồ Tát Giới có thể, đúng như pháp, cho thọ lại. Nói cách khác, đã phát Tâm Bồ Đề, đã thọ giới Bồ Tát thì làm thế nào mà không bị thoái lui, sai phạm. Phạm giới thì tác dụng tạm thời không còn, cho nên được thọ lại đúng như pháp để giúp vị ấy phát tâm, huân tập trở lại và khôi phục công đức của Tâm Giới Bồ Đề.

○ **Kết luận về công đức của Giới Bồ Tát và Tâm Bồ Đề**

Cũng là nguyên nhân này, đã phát Tâm Bồ Đề, đã thọ giới Bồ Tát, dù có thoái lui xuống quả nhỏ, hoặc thoái lui đọa trong ba đường ác; nhưng cuối cùng dựa vào Căn Lành thanh tịnh của Tâm Giới Bồ Đề này, trở về Đạo Đại Thừa và Thành Phật. Nhìn nhận như thế, trong pháp Đại Thừa không có so sánh Tâm Bồ Đề, Giới Bồ Tát bên nào quan trọng hơn!

d. Chứng Bồ Đề

總攝菩提道,	<i>Tổng nhiếp Bồ Đề Đạo,</i>
六度與四攝,	<i>Lục độ dữ Tứ nhiếp,</i>
漸入於諸地,	<i>Tiệm nhập ư chư địa,</i>
圓滿佛功德.	<i>Viên mãn Phật công đức.</i>

Bao quát Đạo Bồ Đề, Lục độ và Tứ nhiếp,
Dẫn vào trong các Địa, Công đức Phật tròn đầy.

- Theo Phật quả viên mãn mà nói đạo phẩm về Tu học
 - Chứng đạo phẩm Đại Bồ Đề tức Lục độ và Tứ nhiếp.

Công đức của Phật được rớt ráo, tràn đầy là từ sự tu hành của Bồ Tát mà thành. Cho nên, việc tu học của Bồ Tát cũng là "Thệ nguyện học vô lượng pháp môn" chứ không phải là bộ phận hay một phần nào của pháp môn. Nhưng nêu tổng quát đại cương đều bao gồm tất cả; chứng được đạo phẩm Vô Thượng Bồ Đề không ngoài Lục Độ và Tứ Nhiếp Pháp.

- ***Giải thích chung ý nghĩa Lục độ và Tứ nhiếp***

- ✓ Lục độ: Sáu Ba La Mật Đa, Ba La Mật Đa: "Đến bờ bên kia", vượt qua.

Thí, Giới, Nhẫn, Tinh Tấn, Thiền Na, Bát Nhã là pháp môn từ thế gian đến bờ bên kia, thành tựu Phật Đạo, cho nên, gọi là Lục Độ (sáu con đường thoát khỏi Sanh, Tử).

- ✓ Tứ nhiếp: Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự Nhiếp là nhiếp thọ (thuận theo): Bốn pháp này có thể giáo hóa, làm cho chúng sanh thuận theo nên, gọi là Tứ Nhiếp.

- ***Giải thích chung tự lợi, lợi tha của Lục độ và Tứ nhiếp.***

Đạo phẩm tu học của Bồ Tát, không ngoài tự mình thành Phật và lợi ích chúng sanh.

✓ Lục độ là Tự lợi, Tứ nhiếp là Lợi tha.

- Lục Độ là Mục Tiêu đi đến thành Phật.
- Tứ Nhiếp là Phương Tiện cứu giúp chúng sanh cho nên, Đạo Bồ Tát của Đại Thừa cũng chính là Lục Độ và Tứ Nhiếp.

✓ Lục độ cũng có hai nghĩa Tự lợi, Lợi tha.

Nhưng ở đây, chẳng qua dựa vào đặc điểm phân biệt để nói rõ ràng; thật ra, Lục độ cũng có thể chia hai đường tự lợi, lợi tha.

- Thí, Giới, Nhẫn là con đường phước đức lợi tha.
- Thiên, Huệ là con đường trí huệ tự lợi.
- Tính Tấn là chung cả hai đường.

Tiến thêm một bước để nói Lục độ có hai ý nghĩa Tự lợi và Lợi tha.

○ Quan điểm về pháp môn tu học

Ở đây đặc biệt nói đến Phật quả, chắc chắn không phải là một Hạnh, một Pháp Môn mà có thể viên thành được. Ở trong kinh Phật:

- Có khi căn cứ vào trọng điểm mà nói: Tu hành theo pháp nào thì có thể mau chứng được Vô Thượng Bồ Đề.
- Có khi căn cứ tính tổng quát mà nói: Khi tu Bồ Thí hoặc Bát Nhã là đầy đủ sáu Ba La Mật Đa.

Nếu dựa vào đây mà vọng chấp: Chỉ cần tu một pháp một hạnh nào đó thì có thể thành Phật, không cần tu công đức khác. Đây là sự hiểu biết điên đảo, sai lầm.

• **Lịch trình tu học từ cạn đến sâu, tiến lên viên mãn công đức Phật quả**

Phương pháp tu học không phải là một bộ phận, một số ít; phân bậc tu học để thành Phật cũng không phải là một ngày, một đời mà có thể hoàn thành được.

○ **Lịch trình tu học, nói chung, có năm mươi bậc.**

- ***Viên mãn Thập địa công đức thì thành Phật.***

Lịch trình tu học từ cạn đến sâu, trong kinh chỉ ra rất nhiều hành vi; trong ấy chủ yếu là Hoan Hỷ Địa... cho đến Thập Địa. Trong quá trình tu hành của Bồ Tát, không ngừng tiến tu, dẫn đến phát sanh công đức vô biên; giống như đất có thể sanh trưởng vạn vật, cho nên, gọi là Địa (đất). Viên mãn Thập Địa sẽ Thành Phật.

- ***Thành tựu ba mươi bậc thì vào Sơ Địa.***

Sơ Địa là Hoan Hỷ Địa, khi tiến tu vào Sơ Địa nên tu ba mươi Tâm; cho nên, trước Sơ Địa là Thập Tín, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Tất cả ba mươi vị.

▪ ***Mười vị viên mãn của Thập Tín thì vào Sơ Trụ.***

Sơ Trụ của Thập Trụ, gọi là Phát Tâm Trụ. Phát Tâm Trụ là tu Tín... cho đến viên mãn mười Tâm mới thành tựu. Tu tập Tín Tâm... mà khi chưa thành tựu thì vẫn là Thập Tín vị. Vị thứ tu hành của Bồ Tát thì cũng được khai triển như thế. Tóm lại, từ cạn vào sâu và có thể chia ra nhiều hay ít giai đoạn.

○ **Lịch trình tiến tu là Phát Tâm (nguyên), Tu Học (hạnh), đến mục đích cuối cùng (chứng)**

Lịch trình tiến tu này, chính là từ từ đi vào các Địa như Hoan Hỷ... sẽ có thể viên mãn tất cả công đức của Phật quả, đạt đến mục đích cuối cùng của Bồ Tát phát tâm tu học.

○ **Thứ tự lịch trình của Bồ Đề**

Một câu kệ này, tóm tắt tất cả: Phương pháp tu học, bao địa vị trải qua, Phật quả mới viên mãn. Dưới đây, tuần tự sẽ nói rõ.

5.3. Đạo Bồ Đề của Đại Thừa

5.3.1. Phương pháp Tu học

5.3.1.1. Lục Độ

a. Bồ Thí Độ

Quên mình vì người.

身 及 諸 受 用, *Thân cập chư thọ dụng,*
 三 世 一 切 善, *Tam thế nhất thiết thiện,*
 為 利 諸 眾 生, *Vi lợi chư chúng sanh,*
 無 惜 而 行 施. *Vô tích nhi hành thí.*

Thân này, các thọ dụng, Tất cả Thiện ba đời,
 Vì lợi lạc chúng sanh, Không tiếc, Bồ thí hết.

- **Bồ Thí là vị trí thứ nhất thuộc hạng mục tu tập của Đại Thừa**

Trong Lục Độ, trước nói về Bồ Thí.

- **Bồ Thí là một trong những hạng mục tu học của Ngũ Thừa vào Đại Thừa.**

- Ở trong Ngũ Thừa Cộng Pháp, Bồ Thí là hạng nhất trong ba phước nghiệp (thí, bình đẳng, tư duy).
- Ở trong đạo phẩm Tam Thừa Cộng Pháp thì không có Bồ Thí.
- Chỉ ở trong Đạo Bồ Đề của Đại Thừa, Bồ Thí khôi phục trở lại làm hạng mục tu tập và còn đứng ở ngôi vị thứ nhất.

Quên mình vì người là ý nghĩa chân chánh của Bồ Thí. Ý nghĩa này và lợi ích thì phù hợp với hành tướng của Tâm Bồ Tát; có thể biết, ở trong Đại Thừa, là tánh trọng yếu.

- Bồ Thí của Đại Thừa là sự giáo hóa sâu rộng tương ứng với Ba Tâm

Bồ Thí của Đại Thừa, thông thường là sự giáo hóa sâu rộng. Như đã nói trên, nhất định phải cùng với "Tâm Bồ Đề tương ứng, Đại Bi là trước hết, Vô Sở Đắc (không Huệ) là phương tiện" mà tu tập. Bồ Thí Độ là như thế, còn tất cả Bồ Đề Hành khác đều phải cùng tương ứng với Tam Tâm này mà tu tập. Dưới đây không nói lại nữa.

• **Bồ Thí của Bồ Tát**

- *Ý nghĩa Bồ Thí*

Là quên mình vì người; cho nên, không chỉ trừ bỏ tham lam, keo kiệt, mà còn, tiêu trừ chấp Ngã, Ngã Sở, đạt thành Vô Ngã, Ngã Sở (không chấp Ngã, không chấp Pháp). Đó là Đại Xả.

- *Phương pháp tăng trưởng bồ thí.*

- *Nói rõ nguyên nhân Bồ Thí không dễ.*

Hầu hết mọi người không dễ gì bồ thí; vấn đề ở chỗ chấp thủ, vị kỷ. Không biết chấp thủ, vị kỷ là sai lầm, cũng không biết bồ thí cho chúng sanh là lợi ích.

- *Khác nhau công đức và lỗi lầm của chấp thủ vị kỷ và bố thí cho người khác.*

✓ Tiền của.

Ví như tiền của mà người đời tích góp và chiếm hữu, tạo thành bởi vô biên, khổ nạn một đời người, tình trạng tranh chấp không dừng ở trần gian, nhưng rồi, vô thường chẳng còn gì.

Với con người mà nói, tiền của, tuy trải qua công sức của chính mình mà thành và giữ gìn lấy cho chính mình; nhưng thật sự của cải ấy mối liên quan với mọi người.

- Nếu không quan hệ với xã hội, làm sao có thể giàu có như hiện giờ và đời sống phong phú về vật chất.
- Nếu thật sự ở một mình nơi rừng sâu núi thẳm, dù cho đất núi vô tận thuộc về bạn thì cũng không biết dùng vào đâu; thiếu thốn vẫn y nguyên, không sao chịu nổi.

✓ Thân thể.

Không chỉ ngoại vật mà còn thân thể; nhờ cha mẹ nuôi dưỡng; thầy cô dạy bảo; bạn bè giúp đỡ, thuốc men, vệ sinh công cộng; trật tự, pháp luật của quốc gia; đời sống mới có thể tốt đẹp.

Nếu chỉ biết có riêng mình, coi mình là duy nhất. Như thế chẳng những tăng thêm khổ não mà còn, tăng thêm tội ác.

✓ Tri thức.

Chính là học thức dồi dào, phát minh của khoa học, tu tập tiến bộ về đạo đức và tôn giáo cũng đều nhận được ân đức của con người.

Cho nên, nếu ôm chặc Tụ Kỷ là căn nguyên của tội ác và thống khổ; nên bố thí cho người khác là nhân duyên của công đức và an lạc. Có thể lý giải, học tập, tâm bố thí được như thế thì sẽ tăng trưởng rộng lớn tâm ấy hơn lên.

○ **Bồ Tát vì người quên mình là Bồ Thí**

▪ ***Bằng ba việc làm sáng tỏ Bồ Tát vì ích lợi chúng sanh mà tu hạnh Bồ Thí.***

Vì thế, bài tụng nói:

✓ "Thân, Tâm của chính mình": hoặc lấy thân thể mình phục vụ cho người khác; hoặc đem một bộ phận của thân thể, cho đến sinh mạng để đem lợi ích cho quốc gia, cho nhân loại, dù phải hy sinh đi nữa.

✓ "Các thọ dụng": Chính là tất cả tiền của mà mình được thọ dụng; như ruộng Bi, ruộng Kính có thể Bồ Thí đúng như pháp.

✓ Pháp lành: ở đời trước, đời hiện tại, đời vị lai, chính mình sở hữu tất cả pháp lành của ba đời ấy. Hoặc là pháp lành thế gian, hoặc là pháp lành xuất thế gian, hoặc là

pháp lành Đại Thừa cao tột xuất thế gian. Tất cả pháp lành này mà không chiếm hữu cho chính mình nhưng nguyện Bồ Thí cho chúng sanh. Đây là pháp thí và công đức hồi hướng cho chúng sanh.

Ba việc làm này, hầu hết đều cho là do chính mình làm ra và thuộc chính mình.

Nhưng Bồ Tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, tu hạnh Bồ thí, không hề tiếc nuôi, buông xả vì chúng sanh.

▪ ***Vì lợi người nên tu tập tất cả công đức.***

Dựa vào công đức tu hành mà nói: Ý nguyện của Bồ Tát là tu tập tất cả công đức, hồi hướng bồ thí tất cả chúng sanh, khiến cho chúng sanh nhờ đây mà thành Phật. Đợi tất cả chúng sanh thành Phật; mới tu thêm công đức để lợi ích cho chính mình mong được thành Phật. Có thể Bồ Thí vì người quên mình như thế mới là Bồ Thí của Bồ Tát.

Khác nhau trong ba cách Bồ Thí

下士 為己 施,	<i>Hạ sĩ vị kỷ thí,</i>
中士 解脫 施,	<i>Trung sĩ giải thoát thí,</i>
利他 一切 施,	<i>Lợi tha nhất thiết thí,</i>
是則名 大士.	<i>Thị tắc danh Đại sĩ.</i>

Hạ sĩ cho vì mình, Trung sĩ cho giải thoát,
Cho tất cả vì người, Đó gọi là Đại sĩ.

- **So sánh công đức Bồ Thí**

Bồ Thí giống nhau, do động cơ, quan niệm của người bồ thí không giống nhau nên công đức cũng không giống nhau.

- Ví dụ ba bậc Hạ, Trung, Đại

- Hạ sĩ bồ thí vì mình

Phát tâm tăng thượng cầu công đức Trời, Người, gọi là Hạ Sĩ.

Bồ thí của Hạ Sĩ dường như là đạo đức, thật ra, xuất phát từ tâm vụ lợi, phước lạc Trời Người vì mình mà bồ thí. Công đức có được từ bồ thí như thế rất là hữu hạn.

- Trung Sĩ bồ thí vì Giải Thoát

Người phát tâm Xuất Ly- gọi là Trung Sĩ.

Trung Sĩ chán ngán, muốn xa lìa cái Khổ Sanh Tử, vì cầu Giải Thoát mà bồ thí, chú trọng Giải Thoát, không nhận bất cứ tiền của gì và không trọng thị ý nghĩa tích cực Lợi Người. Vì vậy, trong pháp Thanh Văn, có người, thà rằng, đem tiền của, châu báu quăng xuống biển; chứ không đem những thứ này làm lợi ích, giúp đỡ kẻ bần cùng.

- Đại Sĩ bồ thí tất cả vì lợi người.

Phát Tâm Bồ Đề, gọi là Đại Sĩ, chính là Bồ Tát. Bồ Thí của Bồ Tát thì:

- ✓ Chỉ vì Lợi Tha mà Bồ Thí: Ở đây không nói phủ định chính mình trong công đức bồ thí nhưng không vì ý muốn cho chính mình có được công đức ấy; chỉ vì ban vui cứu khổ cho người khác mà Bồ Thí.
- ✓ Tất cả sở hữu đều Thanh Tịnh Bồ Thí.

Bồ Thí tất cả: Bồ Tát, trong là Thân Tâm; ngoài là Tiền Của; tất cả pháp lành công đức, cái gì cũng đều đem ra Bồ thí, không chút vướng mắc tự trong lòng.

Bồ thí tất cả là thanh tịnh bồ thí của Bồ Tát. Khi phát Tâm Bồ Đề là đem tất cả những gì mình có cho hết, vô điều kiện, cho chúng sanh. Tuy vẫn còn giữ gìn và sử dụng không thiếu gì; nhưng Bồ Tát không nghĩ đến tư hữu cho chính mình thêm nữa mà hiểu được rằng thứ đó là của tất cả chúng sanh. Chính mình như người làm thuê hay đầy tớ thay thế người quản lý kinh doanh, nếu người chủ (chúng sanh) cần đến vật gì thì dâng lên vô điều kiện. Cái mà mình được hưởng thọ, giống như lương người đầy tớ nhận được theo quy định hợp pháp.

Bồ Thí được như thế, mới gọi là Đại Sĩ. Đại Sĩ là cho tất cả vì Lợi Tha, mới đáng ca tụng hết mức.

Cái Cho Không Khó

財 法 無 畏 施; *Tài, Pháp, Vô Úy thí,*

難 施 殷 勤 施. *Nan thí, ân cần thí.*

聞 施 心 歡 喜, *Văn thí, hoan hỷ thí,*

勝 於 寂 滅 樂. *Thắng ư tịch diệt lạc.*

Tài, Pháp, Vô Úy thí, Nan thí, Ân cần thí.

Nghe thí tâm vui mừng, Hơn cả vui Tịch Diệt.

• **Chủng loại cái cho**

Cái cho có ba loại:

- **Tài thí:** Bồ thí tiền của ngoài Thân, gọi là Ngoại Tài thí. Bồ thí, buông bỏ sanh mạng, thân thể, gọi là Nội Tài thí.
- **Pháp thí:** Lấy những hiểu biết Pháp Phật của chính mình giáo hóa chúng sanh. Hoặc bằng khả năng trị bệnh, thuốc thang, công nghệ, văn học, bao nhiêu kỹ năng, tri thức giảng dạy cho người khác, đều gọi là Pháp Thí.
- **Vô Úy thí:** Hoặc là vua ác, trộm cướp, lưu manh... uy hiếp, cưỡng bức, tổn hại làm cho lo sợ.

Gặp phải những thứ này, Bồ Tát có khả năng giúp sức, hiệp lực, bảo hộ và làm cho người bị hại được tự do, không còn lo sợ nữa, gọi là Vô Úy Thí.

○ **Lý do Bồ Tát bố thí**, không chỉ có tánh chất từ thiện, cứu tế mà, có cả tri thức, kỹ năng, đạo đức và giáo hóa; giúp nguy cứu khổ; trừ bạo, an ủi người hiền lành với Tâm giúp đỡ tích cực.

● **Tâm hành của người Bồ Thí**

Trong sự bố thí của Bồ Tát có hai điểm cần nêu ra.

○ **Khó bố thí mà bố thí được.**

Khó Thí: Hoặc là tài vậy không đủ dùng cho chính mình, hoặc là thứ yêu quý nhất của mình, hoặc là đồ vật hết sức vất vả kể cả hy sinh mới có được. Trong tất cả trường hợp ấy, Bồ Tát đều vui vẻ, sẵn sàng bố thí; cho nên, Bồ Thí được như vậy không phải dễ.

○ **Ân Cần bố thí (Bố Thí bằng tất cả Tâm Lòng).**

▪ **Hành vi bố thí của nhiều người:** Hầu hết chúng ta, vì có người đến tận cửa cầu xin, bắt đắ dĩ, mới bố thí; hoặc cho mình có Tiền có Quyền, tùy tiện kêu người rồi làm bộ cho người ấy một ít; hoặc cười nhạt, mỉa mai cho một trận, rồi mới cho chút ít. Đây là Bồ Thí không đúng Pháp Phật.

▪ **Hành vi bố thí của bồ tát.** Bằng tâm thanh tịnh, tâm cung kính, tâm hoan hỷ để Bồ Thí, mà còn, chính tay mình bố thí; nhất định không để người nhận có cảm giác khó chịu.

● **Nghe Bồ Thí tâm vui mừng**

○ **Vì không biết mà nảy ra tâm lý không buông bỏ**

Đã không biết lỗi lầm do gom góp cất chứa, công đức bố thí, khi bố thí, thường có tâm lý buông bỏ không được hoặc tâm lý không vui; đặc biệt so sánh tài vật bố thí quá nhiều.

○ **Bồ Tát nghe đến bố thí tâm vui mừng hơn cả Niết Bàn**

▪ ***Nghe bố thí tâm sanh vui mừng hết sức.***

Bởi vì Bồ Tát mỗi khi nghe có người đến tận cửa cầu xin bố thí; mong muốn điều gì, trong tâm cũng vui mừng, dù cho đáp ứng được hay không.

Niềm vui mừng này, không cần nói, vượt hẳn niềm vui thứ ba của thế gian, cũng vượt qua niềm vui Niết Bàn mà bậc Thánh Nhị Thừa chứng được; có thể nói đây là trạng thái hoan hỷ cùng tột.

▪ ***Bố Thí là tư lương (giúp đỡ và lương thực) để thành Phật.***

Bởi vì Bồ Tát biết được: Công đức đã đến rất gần, nếu không có người xin thì công đức bố thí không thể hoàn thành; do người xin đến mong cầu mới làm cho công đức của mình được tăng trưởng. Hơn nữa, tiền của, thân thể, tri thức, kỹ năng của chính mình, nếu không gặp cơ hội sử dụng tốt; một ngày nào đó, tổn thất, tử vong; há không tiếc lắm sao!

Có người đến xin làm cho vật chất vô thường này được bỏ vào biển lớn Ba La Mật Đa, trở thành tư lương để thành Phật

vô cùng vô tận. Đây là việc làm tốt bậc nhất của thế gian!
Cho nên, Bồ Tát nghe nói đến Bồ Thí thì tâm vui; đúng là đã
thể nghiệm đến cảnh giới An Lạc của Bồ Tát.

Ba việc không nên Bồ Thí

或有不應施, *Hoặc hữu bất ưng thí,*

自他及所為. *Tự, tha cập sở vi.*

Có việc không nên Cho; Mình, Người khác, Mục đích.

• **Nguyên do không nên Bồ Thí**

Bồ Tát thì cần bố thí tất cả, nhưng trên thật tế cũng có trường hợp không nên Bồ Thí.

Bố thí là vì lợi cho người khác, vì có ích cho đạo nghiệp của mình.

Nếu trái lại với nguyên tắc này thì đừng bố thí cho ai. Bởi vì Bồ Thí như vậy, chỉ tăng thêm phiền não và tội ác cho mình và người.

• **Dựa theo ba phương diện mà nói có ba việc không nên Thí**

Sự thật cụ thể không nên Thí, đúng ra không thể nói hết, ở đây dựa vào ba phương diện mà thôi.

○ **Theo tư thân người bố thí mà nói.**

Vượt quá mức chịu đựng không nên cho.

- **Tự:** Bồ Tát còn đem cả thân mạng, tiền của để Bồ Thí mà không tiếc, nhưng cần phải tu học từ từ thí sức nhẫn mới mạnh, tâm từ mới sâu, không hề có tí miễn cưỡng mới được; nếu không sẽ gặp chướng ngại cho việc tu hành. Ví như người khí lực yếu mà vác vật nặng sẽ thất bại mà còn khiến cho tâm sợ sệt, thoái lui.
- ***Làm chướng ngại Đạo Nghiệp không nên thí.***

Lại nếu đối với kinh điển vô cùng uyên thâm nhưng tu tập chưa hoàn toàn chín mùi và thấu đạt rõ ràng.

Người xuất gia cần có đầy đủ y, bát... nên không được cho đi để tránh khỏi chướng ngại cho đạo nghiệp.

○ **Theo người cầu mong Bồ Thí mà nói.**

Tha: Từ người cầu mong bồ thí mà nói. Nếu tò mò, ngoại đạo cố ý đến quấy phá, hoặc điên cuồng, hoặc ấu trĩ, làm điều bất chánh, mong cầu bồ thí cho. Nếu bồ thí, trái lại sẽ mắc lỗi lầm.

○ **Theo mục đích mong cầu mà nói.**

Mục đích: Mong cầu được Bồ Thí, cuối cùng để làm gì.

Nếu vì việc nhỏ mà cầu xin mạng sống thì không nên cho.

Vì vậy nói: "Đừng vì việc nhỏ mà mất cái lớn".

Lại nếu mong cầu anh giúp đỡ họ, cung cấp họ, tiếp sức họ giết hại, trộm cướp, mại dâm; hoặc là mục đích mong cầu

làm tổn hại chúng sanh; hoặc là cờ bạc, du đảng. Những việc này không nên bố thí.

Tóm lại, đối với người khác thì vô ích, đối với mình làm tổn thương đạo nghiệp, đều tuyệt đối không giúp đỡ hay bố thí.

An vui quyết định của Bồ Thí

施以捨心勝, *Thí dĩ xả tâm thắng,*

常修於意樂. *Thường tu ư ý lạc.*

Thí bằng Tâm Xả là hơn hết, Thường tu tập ý an vui.

• Ý muốn nuôi dưỡng tất cả để bố thí, đó là khéo léo của việc bố thí

Đương nhiên phải căn cứ thật tế để thi hành bố thí. Đó là đem lại lợi ích chúng sanh. Nhưng trên thật tế, dù có bố thí như thế nào cũng không thể đầy đủ cho tất cả. Nên biết, từ khi Phật thành đạo mà nói: Bồ Thí Độ (bố thí ba la mật) bằng trọn vẹn Tâm Xả là siêu việt hơn hết; quan trọng ở chỗ nuôi dưỡng, thành tựu ý muốn Bồ Thí được cho tất cả. Và lại, trong lịch trình tu học của Bồ Tát, lúc đầu cũng gặp phải túng thiếu, gian khổ, không có gì để bố thí. Vì vậy, Bồ Tát luôn tu tập bố thí bằng sự hiểu biết pháp Phật, khiến cho tâm hồn an vui tăng trưởng từ sự bố thí này.

- **Bồ Thí thắng giải Ý Lạc**

Thế nào gọi là Bồ thí thắng giải Ý Lạc?

Đây không phải là bồ thí vật chất mà là sự an tĩnh trong Tâm thiên định, bằng sức Thắng Giải hiện ra vô số vô lượng của cái đề trên cúng chư Phật, dưới bồ thí chúng sanh.

Thấy người khác Bồ Thí sanh Tâm tùy hỷ cũng có công đức lớn; huông chi Tâm mình biểu hiện ra vô số tiền của; ở trong Tâm từ bi, Tâm cung kính thật hành rộng lớn việc Bồ Thí? Trong bồ thí này, quả là Bồ Thí theo phương tiện thiện xảo.

Bồ Thí theo cách Thế gian, Xuất thế gian

三輪處處著,	<i>Tam luân xư xư trước,</i>
是施名世間;	<i>Thị ư danh thế gian;</i>
三輪空相應,	<i>Tam luân Không tương ứng,</i>
出世波羅蜜.	<i>Xuất thế Ba La Mật.</i>

Tam luân mà chấp trước,	Đó gọi là Thế Gian;
Tam luân đều Không Tịch,	Ba La Mật Xuất Thế.

- **Điều kiện thành tựu Bồ Thí Đáo Bỉ Ngạn**

- **Ý nghĩa Ba La Mật Đa**

"Từ trong ba cõi bước ra, cho đến ở trong Trí nhất thiết Trí" gọi là Ba La Mật Đa; cho nên Ba La Mật Đa là Đến Bờ Bên Kia, cũng có nghĩa là Làm Xong Việc.

○ **Do Bát Nhã nên thành tựu Ba La Mật Đa**

Như tu bố thí thì làm thế nào thành tựu Ba La Mật Đa? Luận Đại Trí Độ nói: "Ngũ Độ như người mù, dẫn đường là Bát Nhã".

Lục Độ, sở dĩ, vào được Phật Đạo, hoàn toàn nhờ sức Bát Nhã dẫn đường. Vì thế, Bố Thí mới thành tựu Ba La Mật Đa, chắc chắn cần đến Bát Nhã Vô Sở Đắc làm phương tiện để tu.

• **Nhờ Trí Huệ Bát Nhã chia Bố Thí ra Thế, Xuất Thế**

○ **Do ba điều mà làm nên Bố Thí**

Nói đến Bố Thí là nói đến Tam Luân. Tam Luân là ý nghĩa của ba chỗ.

- Người bố thí là chính mình có thể bố thí.
- Người nhận là nhân vật bố thí.
- Thí vật là vật dùng để bố thí.

Đã có ba điều này mới có thể làm nên Bố Thí.

○ **Chấp tướng của ba Luân (ba điều trên) là bố thí theo thế gian**

Nếu đối với ba điều này, không có Không Huệ Pháp Tánh soi sáng thì khi bố thí, lại chấp trước ba điều này là thật có.

- Nếu thật có cái Ta bố thí thì cho rằng Ta đang thật hành bố thí (mà đâu có Ta).
- Thật có người thọ nhận của cho thì cho rằng người kia nhận vật của mình cho.
- Thật có vật cho là nhiều ít, là tốt xấu.

Như vậy thì không thể thông đạt Tự Tánh Không thì chấp Tướng mọi nơi: Ngã Tướng, Pháp Tướng. Có giữ gìn, có vướng mắc thì bị ràng buộc bởi Ngã, Ngã Sở, không thể ra ngoài ba cõi, hướng về Phật đạo. Bố Thí mà chấp Tướng như vậy, gọi là Bố Thí Ba La Mật thuộc thế gian. Thật ra, ở đây không lập thành Ba La Mật; chẳng qua, tạm gọi là Ba La Mật mà thôi.

○ **Thế Không của Tam Luân ấy là Xuất Thế Bố Thí**

Trái lại, nếu khi Bố Thí đối với Tam luân: Người cho, Người nhận, Vật cho mà luôn tương ứng với Không Huệ Vô Sở Đắc, hoặc tương ứng với Trí Vô Phân Biệt, vào sâu Tánh Không của các Pháp; không kẹt vào Ngã Tướng, vào Pháp Tướng. Đó mới là phương tiện khéo léo Bố Thí, không bị phiền não trói buộc, tự tại hoàn toàn trong mọi hoàn cảnh, gọi là Thí Ba La Mật Đa thuộc Xuất Thế Gian.

- **Khác nhau giữa chân thật và tương tự với Ba La Mật Đa**

Ba La Mật Đa xuất thế chân thật là Bồ Thí tương ứng của Bồ Tát ở ngôi đại địa (tự tại với mọi tình huống) và Trí Vô Phân Biệt.

Bồ Tát từ ngôi phát tâm trụ (ngôi I trong thập Trụ) trở lên luôn cùng tương ứng với Huệ Pháp Không, gọi là Ba La Mật Đa Tương Tợ (cận tợ) cũng đã hướng về Phật Đạo.

Bồ Thí để giải thoát sanh tử cần có Tam Luân Thế Không. Tất cả tu hành, tất cả Ba La Mật Đa đều nên tu tập như vậy.

b. Giới Độ

Bảo vệ sự Sống Là Chính

戒斷於損他, *Giới đoạn u tổn tha,*

普施無所畏. *Phổ thí vô sở úy.*

Giới cắt đứt tổn hại kẻ khác; Cùng bồ thí Vô Sở Úy.

• **Nói rõ nguyên do Bồ Thí, tiếp theo Trì Giới**

Kể đến nói giới Ba La Mật Đa.

- **Bồ Thí không Trì Giới thì mục đích Lợi Sanh không thành tựu.**

Nếu tu hạnh Bồ Thí mà không thể uốn nắn thân tâm của mình hành động đúng như Pháp, mà luôn làm tổn hại, náo loạn chúng sanh; như vậy, việc Từ Bi cứu giúp, lợi tha không thể thành tựu. Giống như đưa bé, một mặt, cho nó kẹo; một

mặt đánh mắng; đưa trẻ ấy làm sao có thiện cảm với người cho được.

○ **Phạm Giới, mất thân người cũng không thể tu hành Bồ Thí**

Vả lại, nếu chính mình rơi vào hoàn cảnh khó khăn không chịu nổi, sự nghiệp, tài sản cũng đã mất hết; kiếp sau, mất luôn thân người. Với tình cảnh này, còn có thể Bồ Thí lợi tha hay không? Cho nên, tu hạnh Bồ Thí, tất yếu, còn phải tu trì Tịnh Giới.

• **Nguyên tắc trì giới là bảo vệ Sự Sống**

Giới có giới thế gian, giới xuất thế gian, giới thượng thượng xuất thế gian nhưng, nguyên tắc chỉ có một: Bảo Vệ Sự Sống.

○ **Ý nguyên chính của Giới là diệt trừ sự tổn hại người khác.**

Bảo Vệ Sự Sống là đồng tình với người khác, tôn trọng người khác, tôn trọng quyền lợi và tự do, thương yêu và giúp đỡ người khác. Đây chính là khiến cho thân tâm mình Giữ Giới Đúng Pháp, không làm Tổn Hại cho người khác mới được. Vì vậy, Giới lấy Tâm Nguyên đoạn trừ sự Tổn Hại Người Khác làm Gốc.

○ **Giới hạnh là sự biểu hiện không gây tổn hại người khác và cho họ sự Không Sợ Hãi**

Từ ý nguyện không gây tổn hại người khác là Thân, Ngữ, Hành Vi biểu hiện đối với nhân loại, đối với chúng sanh. Đây là Giới Hạnh đúng pháp. Vì thế, đối với nhân loại, đối với chúng sanh, giới là bổ thí sự không sợ hãi rộng khắp, tạo thành sự an vui và tự do giữa người với người không còn uy hiếp, không còn sợ hãi.

Nếu giữ giới Không Sát Hại, không những không giết ông này hay hại bà kia; hôm nay không giết, ngày mai không giết; mà là, từ nay về sau, đối với tất cả chúng sanh, xa lìa Tâm Sát Hại chúng sanh. Giữ giới Không Sát thì bất cứ khi nào, bất cứ là ai cũng không bị sát hại, không sợ uy hiếp.

● **Từ Giới Luật Nghi sanh ra hai Giới còn lại**

Đây là theo Giới Luật Nghi mà nói với ý nghĩa tích cực lợi sanh. Có được như thế, mới có thể nói trên đạt được Thiện Pháp Giới, Nhiều ích chúng sanh Giới.

Công đức giữ giới, Sai lầm phạm giới

失戒眾患本, *Thất giới chúng hoạn bản,*

惡趣亦貧困. *Ác thú diệc bản khốn.*

持戒三善本: *Trì giới tam thiện bản:*

增上決定勝; *Tăng thượng quyết định thắng;*

為他淨尸羅, *Vị tha, Tịnh Thi La,*

則入於大乘. *Tắc nhập ư Đại Thừa.*

Mất giới gốc tai nạn, Cõi Ác và nghèo khổ.

Giữ giới gốc ba lành: Tăng thượng quyết định thắng;

Vị tha tịnh Thi La, Và vào đạo Đại Thừa.

- **Chướng ngại không thể giữ Giới thanh tịnh**

- **Không biết Lợi, Hại của Trì, Phạm**

Vì sao không thể giữ gìn Tịnh Giới? Bởi vì không biết lỗi lầm của con đường dẫn đến phạm giới và công đức của việc giữ giới.

- **Nhận lãnh giới pháp thì không được phạm Trọng Giới mới giữ gìn được Tịnh Giới**

Trọng Giới là Tánh Giới, không cần Có hay Không thọ giới, phạm phải đều là Tội Ác; cho nên, có người nghe đến lỗi lầm của phạm giới thì không dám thọ giới. Thật đáng nực cười!

Thật tế là ngoài nương tựa gia trì của Tam Bảo; trong phát nguyện thiết tha thọ giới thì mới mong tu tập đến thanh tịnh hoàn toàn, không phạm giới.

- **Lợi, Hại của giữ Giới, phạm Giới**

○ **Từ lỗi lầm vi phạm mà nói, bị quả báo rơi vào cõi Ác và Nghèo Khổ**

Từ vi phạm đưa đến lỗi lầm Mất Giới mà nói, đó là căn bản của mọi hoạn nạn, là chủ yếu rơi xuống ba đường ác và chịu nghèo khổ. Đó là những quả báo phải trả.

▪ ***Theo Thí, Giới mà nói quả báo nghèo hèn và quả báo rơi vào đường ác.***

✓ Theo ý nghĩa phân biệt mà nói: Keo kiệt thì bị quả báo nghèo hèn, phạm giới thì bị quả báo rơi xuống cõi Ác.

Thông thường nói: Bón sên, keo kiệt thì bị quả báo nghèo hèn, phạm giới thì bị quả báo rơi xuống đường ác. Đây là dựa vào ý nghĩa đặc thù mà nói.

✓ Theo ý nghĩa phức tạp mà nói: Quả báo của Thí, Giới không giống nhau.

Đọa lạc vào loài quỷ ma, súc sanh mà còn hưởng phước báo; sanh trong loài người mà có người nghèo khổ không chịu nổi. Đây là quả báo khác nhau giữa Thí và Giới.

▪ ***Theo Giới mà nói về nhân của nghèo túng và nhân của phú quý, an vui.***

Nếu phạm trọng giới, đọa xuống địa ngục thì chắc chắn nghèo đói, không có gì cả; nếu giữ tịnh giới bậc nhất ở thế gian, được sanh lên trời thì chắc chắn giàu có, an vui rất mực.

Có thể thấy nhân của nghèo túng là phạm giới, nhân của giàu có, an vui là giữ giới.

- ✓ Cần biết rằng chỉ biết đạo đức cá nhân mà là tốt đẹp cho riêng mình, (như không bố thí) chỉ mới được sanh làm người còn quả báo nghèo túng vẫn có.
- ✓ Nếu giữ giới và Từ Tâm tương ứng, thêm phần ý nghĩa lợi tha tích cực thì sanh lên cõi trời, chắc chắn được giàu có, an lạc, tôn vinh.
- **Theo công đức giữ giới mà nói thì đó là gốc rễ của ba Thiên**
 - ***Nội dung của ba Thiên.***
 - ✓ Lấy tăng thượng sanh Tâm mà giữ Giới thì được Tăng Thượng sanh, sanh lên cõi người, cõi trời có được quả báo phú quý, an lạc, tự tại.
 - ✓ Lấy xuất ly Tâm giữ giới thì được Quả Quyết Định Thắng. Quyết định là chứng được quả Thánh pháp thắng. Một khi đã chứng được quả này vĩnh viễn chắc chắn, không thoái lui trở lại, rơi xuống sanh tử.
 - ✓ Nếu lấy Tâm Bồ Đề giữ giới, vì lợi lạc cho người khác mà giữ giới thanh tịnh, sẽ vào Đại Thừa, gọi là Giới Đại Thừa, là nhân để thành Phật.
 - ***Phê bình về tà thuyết đối với Luật Nghi biệt giải thoát của Bồ Tát.***

Vì vậy, giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo đều tốt. Giới Biệt Giải Thoát của bảy chúng, xuất phát từ Tâm Bồ Đề mà thọ trì, chính là luật nghi Biệt Giải Thoát của Bồ Tát.

- ✓ Có người cho rằng giới biệt giải thoát của bảy chúng là Tiểu Thừa. Ta là người học Đại Thừa, cho nên không cần thọ trì giới biệt giải thoát của Thanh Văn.
- ✓ Có người nghe đến Trì giới thì cho là Tiểu Thừa.

Đây là đại tà kiến, là nguyên nhân làm cho Phật Giáo suy yếu, lạc hậu, rối loạn.

Độ Giới Xuất Thế

受持淨戒者,	<i>Thọ trì tịnh giới giả,</i>
如護於浮囊.	<i>Như hộ ư phù nang.</i>
不輕於毀犯,	<i>Bất kinh ư hủy phạm,</i>
持犯俱不著.	<i>Trì, phạm câu bất trước.</i>

Người giữ giới thanh tịnh, Như giữ gìn phao nổi.
Không xem thường hủy phạm, Trì, phạm đều không chấp.

• **Tịnh giới thì thân người không mất**

○ Tịnh giới sức yếu là nguyên nhân của phạm giới

Thọ trì tịnh giới mà còn phạm phải, không phải sức mạnh của hoàn cảnh lớn, thì chính là động lực của phiền não lớn. Nhưng quan trọng lại là sức trì giới tịnh giới của chính mình quá yếu. Nếu không, giống thành lũy vững chắc, dù có kẻ thù

manh mẽ đến xâm phạm lén lút, cũng có thể chắc chắn, không sụp đổ được. Vì thế, giữ gìn tịnh giới thì giới lực lớn mạnh. Đây là điểm trọng yếu của việc tu tập.

○ **Xem thường lỗi nhỏ là cái nhân xa của phạm giới**

Từ trước không phạm trọng giới, thường hay xem nhẹ những lỗi nhỏ, nhưng không biết đó là cái nhân xa đưa đến thất bại lớn. Giống như lỗ mọt mà không đắp lại thì con đê phải vỡ, không tránh khỏi.

▪ ***Nêu ví dụ không ăn thịt.***

Nếu ăn chay đã thành thói quen, trong lòng, đối với ăn thịt, cảm thấy mùi tanh, khó chịu nên không dễ phạm phải. Nếu vốn không quyết tâm bỏ ăn thịt hoặc nhớ đến ăn thịt thấy thích thú thì, tuy là ăn chay đã lâu nhưng giới lực yếu kém, không chịu nổi, sẽ dẫn đến phá giới rất dễ.

▪ ***Nêu lên cái phao làm ví dụ.***

Nếu khi trì giới, có vi phạm lỗi nhỏ mà không biết cảnh giác, không biết sám hối để giới được thanh tịnh; lỗi nhỏ từ từ thành lớn, rồi đến lúc nguy hiểm thì đã phạm trọng giới; cho nên trong giới kinh lấy cái phao làm ví dụ. Cái phao là chỗ nương tựa của người bơi lội cho khỏi chìm xuống nước, giống như phao cứu hộ ngày nay. Vì vậy, đặc biệt trân quý nó, giữ gìn nó; nếu có xì hơi chút ít mà không biết vá lại thì

chắc chắn nước sẽ thấm vào và nguy cơ chết đuối không tránh khỏi.

○ **Bồ Tát giữ giới như giữ gìn cái phao rất cần trọng**

Bồ Tát chưa được nhận lực trở về trước, ở trong biển lớn sanh tử, thường mong muốn sanh ở nhân gian, gặp Phật nghe pháp, lợi ích chúng sanh. Tịnh giới là điều kiện bảo đảm chắc chắn của cái phao nổi Thân Người này để không thất bại, đọa lạc. Cho nên, việc thọ trì tịnh giới của Bồ Tát, dù nặng hay nhẹ đều một mực giữ gìn; so với việc trì giới của Thanh Văn còn cần trọng, nghiêm khắc hơn nhiều.

● **Tam Luân Thể Không là Giới Ba La Mật Đa**

○ **Tịnh giới của Bồ Tát không là ba Tâm, không xem nhẹ việc phạm giới**

Bồ Tát giữ tịnh giới, không là ba Tâm mà tu, cho nên, tuy chính mình nghiêm trì tịnh giới, nhưng nhất định không xem nhẹ việc chúng sanh phạm phải giới pháp.

▪ ***Tịnh giới và Tâm đại bi tương ứng.***

Theo tâm đại bi mà nói đây là thương xót, chứ không phải xem thường.

Tuy nhiên, phạm giới không phải là không thể trở lại thanh tịnh, không thể là không thành Phật.

▪ ***Tịnh giới và Không huệ tương ứng.***

Đã xem thường người người phạm giới, nhất định tự cho mình là người giữ giới, chính mình thanh tịnh như pháp mà, không biết rằng sớm rơi vào trong tâm phân biệt của ngã chấp, ngã mạn, không thành tựu được giới Ba La Mật Đa của Bồ Tát.

Hơn nữa, nếu xem thường người hủy phạm, từ ý thức đối lập ấy, không dễ gì giáo hóa người kia, cũng sẽ làm mất đi phương tiện lợi tha của Bồ Tát. Trái lại, nếu không xem thường người phạm giới, thương xót, an ủi họ thì dễ dàng cảm hóa họ trở lại.

Vì thế, việc tịnh giới của Bồ Tát là lấy Không Huệ Vô Sở Đắc làm phương tiện; đối với việc giữ giới, phạm giới đều không Kẹt vào tướng. Vì đạt được giữ giới, phạm giới "bất khả đắc" (không chấp chặt), đó chính là Tam Luân Thế Không của Tịnh Giới Ba La Mật Đa.

- Phần còn lại, như đã nói trong học Xứ Bồ Tát (Bồ Tát có bảy chỗ để học)

c. Nhân Độ

Giúp chúng sanh an nhẫn

攝護於眾生, *Nhiếp hộ ư chúng sanh,*

菩薩修忍度. *Bồ Tát tu Nhân Độ.*

耐 怨 安 受 苦, *Nại oán an thọ khổ,*
 及 諦 察 法 忍. *Cập đế sát pháp nhẫn.*

Đôi chúng sanh giúp đỡ, Bồ Tát tu Nhẫn độ.

Chịu đựng oán và khổ, Xem xét kỹ Pháp Nhẫn.

• **Sau Thí, Giới nói đến nguyên nhân Nhẫn Độ**

○ **Công đức Thí và Giới, nhờ nhân không bị phá hoại**

- ***Tu tập Thí, Giới mới có thể đem lại lợi ích cho chúng sanh để thành Phật.***

Lại nói về Nhẫn Độ. Bồ Tát thật hành Lục Độ là để thành Phật. Thành Phật phải nhiếp phục, giáo hóa chúng sanh, hộ niệm chúng sanh; tu tập, thọ nhận sự bố thí của chúng sanh, hộ niệm (ngăn ác bên ngoài, phát huy thiện bên trong). Tịnh Giới của chúng sanh mới có thể làm lợi ích cho chúng sanh và sau đó, thành Phật.

- ***Thành Phật là việc lớn, nhờ tu Nhẫn mới thành tựu được.***

Nhưng chúng sanh tối tăm, bố thí cho mà không biết cảm ơn; trái lại, còn trách móc, làm tổn hại; hộ niệm chúng sanh là giữ giới, nhưng chúng sanh lại cứ quấy phá, làm tổn thương. Nếu không thể kiên nhẫn thì công đức Thí và Giới, đều do đây bị phá hoại. Thế gian còn vì "Lợi ích quốc gia mà nhẫn nhịn nhau", "việc nhỏ không nhịn thì việc lớn không

thành"; hưởng gì, đại sự Thành Phật mà độ chúng sanh ở trong sanh tử vô lượng, há lại không tu nhẫn mà thành tựu được hay sao! Cho nên, Bồ Tát không tu nhẫn độ thì không thể và Nhẫn là một trong những độ của Bồ Tát.

○ **Nội dung của Nhẫn và lỗi lầm của không Nhẫn**

▪ **Nhẫn nại và ý chí kiên định.**

✓ Nhẫn là nhịn, là chịu đựng hết mức, là một hạnh quan trọng nhất của pháp tu Nhẫn Độ.

✓ Nhẫn là ý chí kiên định, là chịu được sự đả kích, gian nan, bức bách; bất kể gian khổ gì đều giữ gìn được chính mình; không chịu ảnh hưởng từ bên ngoài mà đổi thay định hướng hoặc phát sanh tội lỗi.

▪ **Như thầy Xá Lợi Phất vì không nhẫn được mà thoái lui đại tâm.**

Từ trước, sáu mươi kiếp, thầy Xá Lợi Phất tu Bồ Tát hạnh, có người đến xin thầy con người. Thầy Xá Lợi Phất trả lời người ấy: Đôi con người này không dùng vào đâu được. Nhưng người ấy cứ xin cho bằng được. Đến khi thầy móc hai con người ra cho, thì ông ta lại chê là tanh hôi, liền quăng xuống đất, rồi bắt mỡ bỏ đi. Thầy Xá Lợi Phất nhận ra chúng sanh khó độ; vì vậy, Tâm Bồ Tát thoái lui. Đây là ví dụ: Không thể nhẫn nên thất bại trên đường đạo.

• **Các loại Nhẫn. Có ba loại Nhẫn:**

○ **Chịu đựng sự trách móc, tổn thương (Nại oán di nhẫn)**

Nếu có người oán thù đến làm tổn hại hoặc bằng dao, gậy làm tổn thương hoặc ôm hận, vu khống, hãm hại hoặc chửi rủa, gièm pha. Do đây danh dự bị tổn thương, lợi dưỡng bị nguy hại. Những điều này, người thường rất khó nhẫn nhịn; Bồ Tát nên tu an nhẫn thương xót đối phương, thông cảm kẻ ấy vì phiền não bức bách, vì ác nghiệp khuấy động; nhẫn cả những tổn hại do kẻ thù địch đem đến mà không sanh sân hận, phần nộ và báo thù.

○ **Chịu được khổ đau (an thọ khổ nhẫn)**

Các hình thức của khổ. Có những vật vô tình ở ngoại giới, như cái khổ do gió, mưa, nóng, lạnh và những vật hữu tình ở ngoại giới, như cái khổ do rắn, rét, muỗi mòng...

Có những thống khổ do tự thân phát minh, đó là việc xuất gia, khát thực, du hóa, tu hành... Đây là những điều cần thiết để rèn luyện ý chí, tâm hồn, bình thản chịu đựng. Không nhẫn được thế nên phát sinh phiền não, tội ác làm chướng ngại việc tu hành của bản thân.

○ **Quan sát thật kỹ pháp nhẫn**

- Pháp là pháp Phật, xem xét thật kỹ, quan sát chính xác để ngộ nhập pháp Phật.
- Nhẫn là Tâm an, thâm nhập chân lý Phật Đà.

Như bóng dáng mơ hồ chiếu qua ánh sáng, không thể vững tâm thâm nhập thì không thể có được ích lợi sâu rộng của pháp Phật.

Tu Nhẫn hết sân

瞋 他 有 何 益? *Sân tha hữu hà ích?*
 自 他 增 憂 苦. *Tự, tha tăng ưu khổ.*
 瞋 火 燒 善 根,
 忍 則 五 德 具. *Sân hỏa thiêu thiện căn,
 Nhẫn tắc ngũ đức cụ.*

Sân người có ích gì? Minh, người đều thêm khổ.

Lửa sân thiêu căn lành, Nhẫn đủ năm công đức.

• Nói riêng Nại oán hại nhẫn

Chịu sự tổn hại về danh dự, tài sản, sự nghiệp, thân thể thì người bình thường rất khó nhẫn, cho nên, đặc biệt hướng dẫn một lần nữa.

○ Lấy oán báo oán là tánh của phàm phu

Khi bị người làm tổn hại dẫn đến phản ứng nóng giận, phẫn uất, chống lại, xem như kẻ thù, và có hành động trả thù. Đây, quả thực, là căn tánh phàm phu.

○ Lấy nhẫn báo oán là đức tính tiến hóa.

Nhưng trong quá trình tiến triển đức tính của loài người thì càng thông đạt sâu sắc ý nghĩa của Phật pháp và pháp nhân được phát hiện nhiều lợi ích nên càng tôn trọng hơn.

▪ *Sân hận, oán thù đáp trả nhau thì ta, người đều vô ích.*

Nếu vì không nhẫn được mà nóng giận người kia rồi muốn báo thù; cuối cùng có được ích lợi gì? Đây, thật sự, là điều không nên, không cần thiết.

✓ Sự thất bại của chính mình là ở chỗ không kiên toàn bản thân.

Phải biết thất bại của chính mình, nhất định, không phải chỉ do người khác phá hoại, làm tổn thương mà chính là không kiên toàn bản thân.

- Lo trọn đời để sợ hoạn nạn một ngày.

Nói cách khác, chính mình mới có thể làm hại chính mình. Người xưa nói: "Quân tử có cái Lo trọn đời mà, một ngày không có hoạn nạn". Chịu tổn hại, oan uổng trước mắt, trong sự tiến tu đúng pháp của chính mình, không phải không có được sự trở lại hiểu biết thấu đáo, mà chỉ vì, chính mình không hướng thượng; cho đến chết, đạo nghiệp tu hành cũng không thành tựu mới là đáng lo âu.

- Lấy cái sanh tử không cùng để so cái oan ức một đời.

Dựa vào pháp Phật, đừng nói lo lắng một ngày chính là oan ức, áp bức, chịu nhục, hy sinh một đời; ở trong quá trình sanh không cùng. Việc này có đáng là bao? Chỉ vì không thể hướng về Phật Đạo thì vĩnh viễn hụp lặn trong biển sanh tử, mới là đáng buồn làm sao. Cho nên, không được báo thù bằng sân hận, phần uất mà nên an nhẫn.

✓ Báo oán kẻ khác chỉ tăng thêm lo sầu, thống khổ cho mình và người.

Hơn nữa, oán giận phục thù, hoàn toàn không thể khôi phục những gì mình đã mất.

Không nhẫn mà tức giận phục thù chỉ khiến cho mình và người sầu đau, thống khổ tăng thêm lên thôi. Phục thù người khác, người ấy, đương nhiên, chịu đau khổ, buồn lo mà, tâm sân của mình càng phát tác; thân, tâm phiền loạn, không an. Có khi bất chấp tất cả, tạo nên sự sai lầm quá lớn, dẫn đến sự tổn hại khó lường.

▪ ***Lấy nhẫn cắt đứt oán thù là pháp của Như Lai.***

Lấy oán báo oán. Cách này không thể giải quyết vấn đề.

Cho nên nói:

不可怨以怨,

Bất khả oán dĩ oán,

終已得休息.

Chung dĩ đắc hưu tức.

行 忍 得 息 怨, *Hành nhẫn đắc tức oán,*
 此 名 如 來 法. *Thử danh Như Lai pháp.*
 Chớ lấy oán báo oán, Cuối cùng phải ngưng thôi.
 Tu nhẫn dứt được oán, Đây gọi pháp Như Lai.

• **Lợi, hại giữa nhẫn và sân**

○ **Sân thì năm đức mất**

▪ ***Biết sai lầm của sân thì có thể dùng lý trí để chế phục.***

Tu tập Bồ thí, Trì giới thật không dễ. Chỉ vì từ một niệm không nhẫn được, tâm sân hận phát lên thì toàn bộ quá trình tu tập đều bị phá hỏng. Như nói:

若 有 瞋 恚 諸 佛 子, 百 劫 所 修 施 戒 善, 一
 剎 那 頃 能 頓 壞: Nhược hữu sân khuể chư Phật tử, bách
 kiếp sở tu Thí, Giới, Thiện; nhất sát na khoảnh năng đốn
 hoại:

Nếu các Phật tử còn hờn giận, trăm kiếp tu Bồ Thí, Trì Giới, Thập Thiện; trong một sát na, bỗng chốc, tiêu tan liền.

Vì vậy, hình dung Tâm Sân như ngọn lửa đốt cháy tất cả căn lành công đức, nếu không quyết tâm Tu Nhẫn thì không thể! Nếu biết được lỗi lầm của hờn giận; công đức của an nhẫn, bằng sự quan sát thấu đáo thì tự mình dùng lý trí để chế phục sân hận, phiền não được.

▪ ***Sân có năm lỗi.***

Thế thì, sân hận có lỗi làm gì?

- ✓ Hoại sắc: Tâm sân khởi lên, máu nóng toàn thân sôi sục, sắc mặt liền biến thành xấu ác.

Các nhà nghiên cứu về Mỹ Dung Học nói: Nếu người nóng giận nhiều thì sắc mặt sẽ già đi rất nhanh.

- ✓ Bất thiện: Tâm sân khởi lên thì tình cảm áp đảo lý trí; đến ý nghĩa lời nói của đối phương cũng không thể hiểu rõ và chính lúc mình nói cũng sai trái, vì không còn làm chủ bản thân được nữa.
- ✓ Thiên sĩ viễn ly: Vì tánh tình nóng nảy là người thường nổi lên giận dữ nên bạn bè tốt đều lánh xa bởi những lý do nhỏ nhặt.
- ✓ Hủy giới: Nóng giận bùng nổ thì chỉ còn toan tính mục đích báo thù, chẳng còn gì để quan tâm, cho dù là Sát, Đạo, Dâm, Vọng không gì là không làm.
- ✓ Đọa lạc: Cứ như thế, nghiệp sân tích lũy rồi một ngày già chết tới nơi, thiện báo lấy đâu mà có; chỉ còn con đường duy nhất là rơi xuống cõi ác thôi.

Một niệm không Nhẫn được, sản sanh quả Ác như thế; sau có thể không ra sức chế phục?

▪ **Nhẫn thì đủ năm đức.**

Trái lại, nếu nhịn được giận hờn, thù hằn thì hình dung xinh đẹp, lý luận trôi chảy, bạn lành sum họp, không phạm giới cấm, sau khi chết sanh lên các cõi lành, hướng về Phật Đạo. Năm đức đều đầy đủ.

Ở trong pháp chung năm Thừa, tuy cũng có Nhẫn, nhưng đúng ra, 難忍能忍: Nan nhẫn năng nhẫn: Cái Khó Nhẫn mà có thể Nhẫn được, thì chỉ có Bồ Tát thật hành nổi thôi.

Nói chung ba Độ trước

施戒及安忍, Thí, giới cấp an Nhẫn,

多為出家說. Đa vị xuất gia thuyết.

廣聚資糧, Quảng tụ phước tư lương,

是佛色身因. Thị Phật sắc thân nhân.

Thí, Giới và An Nhẫn, Vì người Xuất gia nói.

Tập trung phước tư lương, Là nhân sắc thân Phật.

• **Dựa ba Độ trước nói rõ Lục Độ là pháp môn phải tu để thành Phật**

Trước đã nói ba Độ: Bồ thí, Trì giới, An nhẫn; sau đây là nói tổng hợp, cũng sẽ nói rõ sáu Độ là pháp môn phải tu mới thành Phật được.

- **Dựa ba phương diện để nói rõ đặc tính của ba Độ trước và ba Độ sau**

Điều này có ba ý nghĩa:

- **Đặc tính ba Độ trước.**

- ***Ba Độ trước, phần nhiều, vì Phật tử tại gia mà nói.***

Trong tâm tu hành của người xuất gia là tu tập Thiền Huệ, cho nên, tuy ba Độ này người Xuất gia cũng tu tập, nhưng trong kinh, phần nhiều, Phật vì Phật tử tại gia mà nói. Nhất là Bồ Thí tiền của là hạnh tu thiết yếu của Phật tử tại gia. Người Xuất gia chỉ bồ thí theo phần hành của mình; nếu giống như người tại gia gom góp tiền của rồi đem bồ thí cho thật nhiều thì quá sức sai lầm vì chẳng phải là điều Phật dạy và cho phép.

- ***Ba Độ trước là phước đức tư lương.***

Phật là bậc đầy đủ Phước Đức và Trí Huệ nên gọi là Lương Túc Tôn. Phật quả viên mãn Phước, Huệ, từ nhân hạnh tu tập Phước, Huệ mà có. Giống người đi xa, cần có đủ lương thực, lộ phí... mới có thể đến được mục đích.

Nhiều đời, Bồ Tát tu hành mới thành Phật; Phước, Huệ chính là tư lương để thành Phật. Ba Độ trước, trong 2 tư lương, thì tư lương gom góp phước đức thật nhiều là việc làm hơn hết, chuẩn bị thành Phật.

▪ **Ba Độ trước là nhân của sắc thân Phật.**

Nói đến Phật, trong kinh chia ra bốn thân, ba thân, hai thân; tóm lại, có thể chia thành Pháp Thân và Sắc Thân.

Chúng được pháp giới viên mãn của Đại Bồ Đề, đối với Chân Lý, sắc thể hiện Phật thân là Pháp Thân. Tướng tốt trang nghiêm của Phật là Sắc Thân.

Sắc thân trang nghiêm bằng vô biên phước đức, cho nên ba Độ trước là nhân duyên làm nên Sắc Thân của Phật.

○ **Đặc tính của ba Độ sau**

Đã biết đặc tính của ba Độ trước như thế, ba Độ sau vì người xuất gia mà nói là Tư Lương Trí Huệ, là nhân duyên Pháp Thân của Phật cũng có thể biết được, không cần nói lại.

d. Tấn Độ

Hai loại tư lương Phước, Trí

佛說精進度,	<i>Phật thuyết tinh tấn độ,</i>
福智之資糧.	<i>Phước, Trí chi tư lương.</i>
無厭心如海,	<i>Vô yếm tâm như hải,</i>
力盡而不止.	<i>Lực tận nhi bất chỉ.</i>

Phật nói Tinh Tấn Độ, Phước, Trí chi tư lương.

Tâm bao dung như biển, Hết sức vẫn không ngừng.

• **Tinh Tấn Độ có chung hai tư lương Phước, Trí**

Bây giờ cần nói đến Tinh Tấn Độ. Tinh Tấn là khả năng phổ biến, khuyến khích, phát triển tất cả Hạnh Lành và tương ứng với tất cả công đức; cho nên, ở trong hai tư lương Phước, Trí; tuy nói Tinh Tấn thuộc tư lương Trí nhưng, thật ra, Phật nói Tinh Tấn Độ là gồm cả hai tư lương Phước, Trí.

• Nói về Chánh Tinh Tấn và Tinh Tấn Độ

Trong Tam Thừa Cộng Pháp đã nói đến Chánh Tinh Tấn; Tinh Tấn của Đại Thừa có ý nghĩa còn sâu xa hơn.

○ Từ đại hạnh của Bồ Tát nói rõ Tinh Tấn của Đại Thừa

Tu hạnh Bồ Tát là lấy Pháp Giới vô tận làm cảnh, gần gũi, cúng dường tất cả Phật; lắng nghe, tu tập tất cả Pháp; trang nghiêm tất cả cõi Phật; độ thoát tất cả chúng sanh; cắt đứt tất cả phiền não;...; viên mãn tất cả công đức. "Tận cùng hư không, khắp cả pháp giới", cái gì cũng đều là Tất Cả trong Tất Cả. Tâm lượng rộng lớn, đáng nói là: Rộng lớn tựa hư không, sâu thăm tựa biển cả! Đại nguyện, đại hạnh, đại quả như vậy; nếu không có tinh tấn vô hạn thì không thể thành tựu. Vì vậy, Tinh Tấn Độ của Bồ Tát nên có tâm lượng không biết đủ. Mong cầu tất cả pháp Phật mà không thấy đủ; chứng được công đức vô cùng mà vẫn thấy ít; như biển chấp nhận

hàng trăm con sông mọi hướng chảy vào. Chỉ có tâm không biết đủ như vậy mới có thể phát Tinh Tấn Độ của Đại Thừa.

○ **Nêu hai ví dụ nói rõ khác nhau của Đại Thừa và Tiểu Thừa**

▪ ***Tinh tấn có hữu hạn và vô hạn.***

Tinh Tấn Độ của Đại Thừa không phải là tinh tấn hữu hạn.

Ví như nông phu làm ruộng.

- ✓ Ông Giáp tận lực thu hoa màu, có được chút ít, về nhà nghỉ ngơi, hưởng thụ.
- ✓ Ông Ất cũng ra sức thu hoạch hoa màu; thu hoạch hoàn tất vụ mùa.

Về phương diện nỗ lực công tác, ông Giáp cũng có vẻ gấp rút, nhưng cuối cùng lười biếng không làm; còn ông Ất mới là siêng năng đến cùng. Tương tự như thế, Thanh Văn mong muốn nhanh chóng chứng quả Giải Thoát cho riêng mình, giống như việc an táng cha, mẹ; ở trong pháp Đại Thừa, nỗ lực như vậy, không thể gọi Chân Tinh Tấn.

▪ ***Tinh Tấn là sự kiên trì liên tục so với vội vàng trong thời gian ngắn rồi ngưng. Ví như hai người leo núi.***

- ✓ Một người vội vàng leo lên, chưa đến nửa đường, lòng muốn leo nhanh mà, chân đã rã rời, chỉ mong dừng lại, đi xuống.
- ✓ Còn người kia vững bước tiến lên, không vội vàng, nhưng giữ gìn thể lực và không dừng lại; như vậy, thẳng

lên núi cao. Tóm lại, khi làm lành không biết đủ, mới là Tinh Tấn của Đại Thừa.

- **Tinh Tấn của Bồ Tát vĩnh viễn không dừng lại.**

- ***Ngoại lực có lúc hết, Tâm lực không hết.***

Trong tiến trình tu học, có lúc sẽ gặp sơn cùng thủy tận, không còn cách nào tiến lên, có người giữa đường dừng lại hoặc thoái lui. Nhưng với tâm tinh tấn của Bồ Tát, tuy thể lực, trí lực, tài lực, năng lực; các Lực ấy hiện giờ có thể cạn mà, sức tinh tấn vô hạn của nội tâm thì vẫn không dừng lại. Người xưa nói: 哀莫大於心死: Ai mặc đại ư Tâm tử: Không có gì buồn hơn, khi lòng đã nguội lạnh; thừa nhận thất bại, buông tay không cố gắng là thất bại thật rồi!

- ***Nêu ví dụ để minh chứng***

Chuyện xưa kể rằng có một lữ khách đi vào rừng, bị quỷ núi chặn đường. Lữ khách đưa tay trái lên, đánh nó, nó bắt lại; lại đưa tay phải, chân trái, chân phải và cuối cùng dùng cả đầu để húc nó, đầu bị quỷ tóm lấy.

Quỷ núi nói: Lữ khách đừng cảm lắm, đến bây giờ, ông vẫn còn chịu đựng đến thế?

Lữ khách trả lời: Tâm tôi vĩnh viễn không chịu khuất phục mà luôn muốn tiến lên.

Quý núi bội phục lòng can đảm và nghị lực của ông ta, bèn nhường đường cho ông đi qua.

Trong quá trình tu hạnh Bồ Tát, khi năng lực, không đủ thì không có cách nào tiến lên được. Vì vậy, phải giữ vững quyết tâm tiến lên, không thoái lui trước mọi khó khăn.

d. Tinh Tấn Độ

Đối trị gian nan, chương ngại.

Tóm lại có 2 chương

推延著世樂, *Suy diên trước thế lạc,*

自輕心怯弱. *Tự khinh tâm khiếp nhược.*

Luyên tiếc cuộc đời vui, Tự ty tâm yếu hèn.

- **Có hai chương ngại không thể Tinh Tấn**

Đối với Đại Thừa Phật pháp, không thể tinh tấn tu học, không ra ngoài hai thứ chương ngại: Không muốn tiến tu; Không dám tiến tu.

- **Nguyên nhân hai bệnh này và cách đối trị**

- **Không muốn tiến tu**

Công đức của Phật Đạo như vậy, vì sao không muốn tiến tu? Không phải là dây dưa lười biếng thì cũng là luyên tiếc đắm đuối mật ngọt thế gian.

- ***Lười biếng thành Tánh.***

- ✓ Có người lười biếng thành tánh, vì sao việc tốt mà không ra sức làm; rớt lại, dây dưa, hôm nay kéo dài ngày mai, năm nay đợi đến năm sau. Loại căn cơ này thì khó có được sức mạnh tiến tu.
- ✓ Nếu thường nhớ đến: sinh mạng tùy thuộc trong hơi thở vô ra; sống chết đầu nệ vào tuổi tác; thân người tuy có đó nhưng luôn nhớ đến vô thường, mới mong tự nhắc nhở tu hành.
- ***Đắm đuối mật ngọt thế gian.***
- ✓ Có một số người đắm đuối dục lạc thế gian; ngày qua ngày, chỉ chăm chú vào trong những tiếng hay, sắc đẹp, tiền tài, lợi lộc; vui đời mình trong tất bật hơn thua. Những người này cũng không muốn tiến tu Phật Đạo.
- ✓ Nếu có thể tư duy, quan sát dục lạc thế gian ngăn tởng gang tay mà, hầu hết đều dẫn đến quả khổ ở đời sau; giống như chút mật ngọt dính lưỡi dao bén, trẻ khờ liếm vào, bị họa cắt lưỡi là cái chắc, giảm bớt tham đắm thế lạc, sẽ có pháp lợi do tiến tu.

○ **Không dám tiến tu**

Vì sao không dám tiến tu?

Bởi vì chính mình khinh thường mình, biết được hiện tại là đời Mạt Pháp, cho mình căn cơ kém cỏi, tội chướng nặng nề mà Phật Đạo rộng sâu vô tận; thật tế, không có pháp nào tu tập đưa đến thành công. Với tâm lý yếu kém như thế, không dám gánh vác nhiệm vụ cho mình và mai sau; đương nhiên,

không thể tinh tấn tu học được! Loại chúng sanh có tâm tánh yếu kém này dễ bị thoái lui và chọn pháp Tiểu Thừa nên bước đi trên con đường vòng ấy.

Ba loại Tâm sợ hãi

滿果亦難行, *Mãn quả diệc nan hành,*
 久處於生死, *Cửu xứ u sanh tử,*
 資糧廣無邊, *Tư lương quảng vô biên,*
 練心勿退屈. *Luyện tâm vật thoái khuất.*

Khó thành quả viên mãn, Ở lâu trong sanh tử,
 Tư lương nhiều vô cùng, Luyện tâm chớ thoái chí.

• **Người tâm tánh sợ hãi, yếu đuối có ba đặc trưng**

Tâm tánh khiếp nhược, không dám tiến tu Đạo Phật Đại Thừa sâu rộng, viên mãn. Thường từ ba phương diện sau mà sợ hãi, yếu đuối, thoái lui.

○ **Sợ hãi về quả Phật viên mãn.**

Nghe nói đến quả Phật viên mãn là mọi lỗi lầm không còn, tất cả công đức viên mãn rồi, chính mình nhận thấy không thể thực hành nổi; tôi làm sao có thể đạt đến quả Phật viên mãn này! Đây là sự thoái lui.

○ **Đối trị bằng chuyên niệm.**

Nên nghĩ rằng: Bồ Tát vô lượng trong mười phương đều có thể tu hành viên mãn, thành Phật; còn ta, tại sao lại không thể! Cho nên nói: "Các vị đã là trượng phu, con cũng như thế; không nên tự ti mà thoái lui". Từ trước, từng đọa xuống bao nhiêu đường ác; hiện tại đã và đang thành Phật; hiện tại đang ở trong đường ác, tương lai cũng sẽ phải thành Phật. Chúng sanh trong đường ác đều sẽ thành Phật; chính mình, hiện giờ, đang sống ở cõi nhân gian là điều khó được mà còn biết được. Chánh Lý, làm được Việc Lành; tại sao lại sợ không thể thành Phật?

- **Sợ hãi cái khó làm của Bồ Tát**

- Nói về Sơ Nhân.

Nghe nói Bồ Tát phải tu nan hạnh, khổ hạnh, như Bồ Thí cả chân, tay, đầu, mắt... biết được cực khó, chính mình làm không nổi nên không dám tiến tu mà thoái lui. Điều này cũng không đúng.

- Luôn nhớ đến đối trị (phủ định, từ bỏ)

Từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi lần rơi xuống đường ác, chịu khổ đau không sao nói hết; vì sao tu hành Phật Đạo mà lại, lo sợ khổ đau xảy đến. Giống như người mắc bệnh trầm kha, thống khổ vô cùng phải chịu một lần giải phẫu thì có thể chữa khỏi hoàn toàn. Khi giải phẫu chịu chút đau đớn, lẽ nào

không chịu nổi hay sao? Vả lại, việc khó làm của Bồ Tát không giống việc khó làm của ngoại đạo. Bồ Tát tu hành có phương tiện thiện xảo, học tập theo thứ lớp. Thành tựu Nhẫn Lực, tâm từ tăng trưởng; khi có lợi ích mới có thể bỏ thí cả thân xác này; hoàn toàn không lấy việc chịu khổ đau làm phương pháp tu hành.

• **Sợ hãi thời gian sanh tử dằng dặc và tư lương quá lớn**

○ **Nói về Sơ Nhân**

Nghe nói Bồ Tát tu hành phải ở trong biển sanh tử lâu dài để độ chúng sanh; với thời gian lâu dài như thế nên cần cất chứa tư lương, càng nhiều càng tốt; mà nhận ra chính mình tu không đến nơi, không dám tiến tu. Đây là điều càng không nên.

○ **Luôn nhớ đến đối tri (phủ định, từ bỏ)**

Bồ Tát đã thông đạt sanh tử như ảo, mới có thể ở lâu trong sanh tử để độ chúng sanh, chứ hoàn toàn không phải ở trong đó để chịu khổ. Hơn nữa, vô biên tư lương là vô biên công đức, lại còn nghi ngờ sao? Có ai nói: Tiền nhiều mà lo sợ tính toán không?

Đối với những người này, vì do tâm tánh yếu kém mà nảy ra tâm thoái lui nên mới lý lẽ như vậy. Huấn luyện tâm mình

càng nhiều, khiến cho tâm vững chãi hơn, tinh tấn gánh vác Đạo Phật để không thoái lui mới phải.

• **Người khác xem nhẹ Phật Đạo**

Nhưng trong thế gian còn có người xem nhẹ Đạo Phật, chỉ tu tập chút đỉnh công đức cũng thành Phật được. Đây hoặc là người từ trong yếu kém, lười biếng mà ra; hoặc người không biết trời cao, đất dày mà ra; giống như "con nghé không sợ con cọp". Nếu tự cho mình là thế, đến khi hiểu được sự lý không phải như thế; hối hận đâu còn kịp nữa.

Hai loại hèn nhác

怯弱下劣者, *Khiếp nhược hạ liệt giả,*

希求易行道. *Hy cầu dị hành đạo.*

Kẻ khiếp nhược, hạ liệt, Chỉ mong hành đạo dễ.

• **Phân biệt căn tánh phát tâm hướng Đạo**

Tuy tất cả chúng sanh, cuối cùng, đều thành Phật, nhưng dựa vào tánh hiện thực của chúng sanh mà nói căn cơ không đồng nhất. Ở trong chúng sanh phát tâm hướng Đạo có:

- Chúng sanh thích nghi với hạnh Bồ Tát.
- Chúng sanh không hợp với pháp Bồ Tát.
- Có chúng sanh muốn học pháp Bồ Tát mà không dám tu.

• **Phân biệt pháp môn theo ba loại căn tánh**

- *Người có căn tánh Bồ Tát thì nói Đạo Vô Thượng.*

Căn tánh thích hợp với hạnh Bồ Tát, đương nhiên, Phật "Vì họ nói Đạo Vô Thượng".

○ **Người không thích hợp hạnh Bồ Tát thì Phật nói Pháp Nhị Thừa.**

Với Tâm, Hạnh Bồ Tát, có chúng sanh không thích hợp là căn tánh thấp hèn, yếu kém, như ví dụ Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa: Cùng Tử trở về cố hương, từ xa nhìn thấy ông Trưởng Giả có tiền của, giàu sang vô hạn, kinh tâm bạt vía, hoảng loạn bỏ chạy. Với căn cơ này, không thể không nói pháp môn Phương Tiện là pháp Thanh Văn Thừa, pháp Duyên Giác Thừa để từ từ hướng dẫn, giáo hóa họ.

○ **Người muốn học, không dám tu sẽ mở ra Phương Tiện khác.**

▪ ***Chúng sanh yếu kém thiếu tự tin.***

Muốn tu hạnh Bồ Tát mà không dám tiến hành biết ngưỡng mộ quả Phật viên mãn cùng cực; nhưng đối với Tâm, Hạnh to lớn của Bồ Tát không dám đảm đương, tinh tấn tu hành. Đây cũng là chúng sanh khiếm nhược, thiếu sót tự tin, sanh tâm lo sợ rơi xuống hàng Tiểu Thừa hoặc trôi nổi trong biển khổ. Đối với loại chúng sanh này, Phương Tiện Nhị Thừa không dùng được nên, Phật chỉ dùng phương tiện đặc biệt để hướng dẫn, giáo hóa.

▪ ***Tâm khiếp nhược, mong cầu Đạo dễ thực hành.***

Loại căn tánh yếu hèn này muốn thành Phật mà không nguyện tu học hạnh lớn, khó làm của Bồ Tát. đây giống như trong Phẩm Di Hành trong Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, Bồ Tát Long Thọ nói:

"Hỏi: Là Bồ Tát chứng được A Duy Việt Trí (bất thối chuyển)... làm việc khó làm, lâu dần cũng được hoặc rơi xuống Thanh Văn, Bích Chi Phật, nếu như vậy là mối lo lớn!... Nếu chư Phật nói có Đạo dễ tu hành, mau đến Phương Tiện A Việt Trí, xin vì đó nói cho!

Long Thọ đáp: Nếu như những gì ông nói là yếu kém, hèn hạ; không có tâm lớn; không phải là lời nói của bậc trượng phu có ý chí gánh vác việc đó vậy! Vì lý do gì? Nếu là người phát nguyện mong muốn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (A nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề) mà, chưa chứng được vị Bất Thối Chuyển; ở trong thời gian đó, nên không tiếc đến thân mạng, ngày đêm siêng năng, như cứu lửa cháy đầu".

Biểu hiện Đạo dễ tu hành

Giúp người Sơ Tâm

佛有勝方便,

Phật hữu thắng phương tiện,

攝護於初心。

Nhiếp hộ ư sơ tâm.

Phật có phương tiện hay,

Giúp đỡ người mới học.

- **Giúp đỡ người mới học để tu tập Đạo**

- **Pháp môn dễ tu để cho không mất Tín Tâm**

Nhờ đạo phương tiện mong tu tập dễ và nhanh, tuy còn thiếu ý chí hành động của Đại Trượng Phu (Bồ Tát), nhưng Phật có nhiều phương pháp hay, riêng nói phương tiện vượt trội để giúp đỡ người học mới phát tâm yếu kém, khiến họ không thoái lui tín tâm, đi vào Đại Thừa. Đây là phương pháp hành Đạo dễ.

- **Dễ hành Đạo lấy Tín, Nguyên là chính.**

Trong luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa, tuy Bồ Tát Long Thọ đã một lần gọi trách, nhưng vẫn giúp đỡ những người ấy nên nói: "Nếu ông muốn nghe phương tiện này, nay sẽ nói cho. Phật pháp có vô lượng pháp môn (lối vào); như đường đời có dễ, khó đi: Đi bộ thì khổ; đi thuyền thì vui. Con đường Bồ Tát đi cũng như thế: Có khi phải siêng năng tu hành, có khi phải dựa vào đức tin làm phương tiện để dễ đi, mau đến Bất Thối Chuyển (A Bộ Bạt Trí)".

Con đường dễ đi chính là lấy Tín, Nguyên mà bước vào dòng chảy của Phật pháp.

- Điều kiện và mục đích cho tu học là nhờ con đường dễ đi. Ý nghĩa chân chánh của con đường dễ đi là:

- **Con đường dễ đi lấy bảy Giác Chi, mười Đại Nguyên làm điều kiện chủ yếu để tu hành**

- **Tâm nghĩ nhớ, Thân lễ bái, Miệng tán thán.**

✓ Con đường dễ đi không chỉ niệm một Phật, mà niệm mười phương Phật, Phật A Di Đà, chư đại Bồ Tát, nhất tâm niệm danh hiệu cũng được không thoái lui và suy sụp.

✓ Con đường dễ đi ngoài xưng danh hiệu Phật, còn phải nghĩ nhớ, lễ bái, dùng kệ tụng tán thán.

- **Sám hối, cung thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng.**

Con đường dễ đi không chỉ xưng danh, lễ bái mà thôi, như luận nói: "Người cần Bất Thối Chuyển, không chỉ nhớ nghĩ, xưng danh, kính lễ mà thôi mà còn đến chỗ Phật sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, hồi hướng". Cho nên, Con Đường Dễ Đi chính là tu bảy Giác Chi, mười đại nguyên của Bồ Tát Phổ Hiền.

- **Mục đích giả lập Dễ Làm**

- **Giúp đỡ Tín Tâm cho người mới học Phật.**

Con đường dễ đi là vì người mới học có tâm tánh yếu kém mà nói, quan trọng ở chỗ giữ gìn, giúp đỡ tín tâm, trong luận của Long Thọ và Mã Minh đều nói: "Chúng sanh mới học

pháp ấy, mong cầu Chánh Tín mà tâm yếu kém... nên biết Như Lai có phương tiện vượt trội, giúp đỡ, giữ gìn Tín Tâm".

▪ ***Vì do dễ làm nên tu học theo thứ lớp.***

✓ Lấy Tín, Nguyên vãng sanh Tịnh Độ nên tu học từ từ theo thứ lớp.

Giúp đỡ Tín Tâm cho người đi theo con đường dễ đi, hoặc là lấy Tín Nguyên, tu hạnh niệm Phật để được vãng sanh Tịnh Độ; khi đã đến Tịnh Độ, tu học từ từ theo thứ lớp thì chắc chắn không thôi chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Điều này giống như thường nói.

✓ Từ Tín Tâm vững vàng trên con đường dễ đi chuyển sang con đường khó đi.

Hoặc là nhờ con đường dễ đi làm phương tiện mà Tín Tâm được vững chắc chuyển vào con đường khó đi, như nói: "Vì Bồ Tát nhờ Sám hối, Khuyến thỉnh, Tùy hỷ, Hồi hướng nên phước lực tăng trưởng, tâm điều hòa, mềm mại. Đối với công đức vô lượng của chư Phật, phàm phu không tin nổi đã tin được rồi; và đối với đại hạnh thanh tịnh, ít có, khi làm của chư Bồ Tát cũng tin được rồi... Thương xót các chúng sanh, không có công đức này,... càng sanh tâm bi tha thiết... Vì nhớ tâm bi đáp ứng mong cầu, tùy ý, khiến chúng sanh được an lạc, nên gọi là Từ Tâm. Nếu Bồ Tát như thế thì Tâm Từ Bi

càng sâu sắc, cắt đứt tham lam, tiếc nuối để tâm càng siêng năng bố thí".

Giới thiệu hai pháp môn:

DI ĐÀ TỊNH ĐỘ

於中殊勝者,	<i>Ư trung thù thắng giả,</i>
往生極樂土,	<i>Vãng sanh Cực Lạc độ,</i>
彌陀佛力持,	<i>Di Đà Phật lực trì,</i>
不退於菩提.	<i>Bất thoái ư Bồ Đề.</i>

Đối với người thù thắng, Vãng sanh về Cực Lạc,
Phật Di Đà bảo trì, Tâm Bồ Đề không lui.

• **Pháp môn cõi Cực Lạc ở phương tây của Phật A Di Đà.**

Bằng Tín Nguyện mà đi vào Phật Đạo là pháp môn Tha Lực, Lạc Hạnh. Như kinh, luận Đại Thừa nói, cũng có rất nhiều pháp môn, nhưng trong những pháp môn thù thắng ấy, Phật giáo Trung Quốc đặc biệt chú ý, không thể không nói đến pháp môn xưng niệm Phật A Di Đà, vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc.

○ **Hoàn cảnh Tịnh Độ của Di Đà.**

Thế giới Cực Lạc, ngoài, hơn mười vạn ức cõi nước về hướng Tây; Phật A Di Đà hiện đang nói pháp, giáo hóa ở đó.

○ **Đặc sắc Tịnh Độ của Di Đà**

- ***Dựa vào đại nguyện của Phật A Di Đà hiện ra thế giới Cực Lạc.***

Con đường Phật đi giống nhau, công đức, nguyện lực không thể nói hơn, kém được; vậy thì rốt cuộc đến được Tịnh Độ của Phật A Di Đà, có gì thù thắng? Ở trong một pháp giới bình đẳng, con đường Phật đi giống nhau; xác thật, không nghi ngờ, không sai biệt mà hiển lộ thù thắng đặc biệt của chư Phật. Ở trong kinh đại thừa, tuy nói rộng Tịnh Độ trong mười phương, khen ngợi vô số con đường dễ đi; nhưng thật ra, phần nhiều khen ngợi, biểu dương, Tịnh Độ của Phật A Di Đà. Đặc sắc mà Phật A Di Đà biểu hiện là trong Nhân lập ra hai mươi bốn đại nguyện hoặc là bốn mươi tám nguyện với vô biên công đức Bi, Trí và hiện ra thế giới Cực Lạc.

- ***Điều kiện vãng sanh về nước ấy.***

Khảng định nói rằng bất luận là ai, chỉ cần tin tưởng, nương tựa vào Nguyện Lực của Phật A Di Đà, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc; Xung; Niệm Phật A Di Đà; dù trong một ngày, hai ngày, cho đến, chỉ trong mười niệm chí thành, cung kính; nhất tâm bất loạn thì sẽ được Phật lực Di Đà gia trì, sau khi chết, vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

- ***Trong nước ấy, không có các Khổ.***

Ở trong thế giới Cực Lạc, vật dụng vô cùng phong phú, cho nên không có cái Khổ muốn mà không được.

Ở một chỗ với các bậc Thượng Thiện Nhân, siêng năng tu tập, cho nên không có cái Khổ ghét nhau mà gặp nhau, cái khổ do yêu thương mà xa nhau.

Do hóa sanh từ hoa sen, ngay trong khi sanh, nhất định chứng ngộ pháp Vô Sanh Nhân (lý Thể là sanh diệt), cho nên không có cái Khổ sanh, bệnh, chết.

▪ ***Được sanh về nước ấy, chắc chắn, không thoái chuyển.***

Vãng sanh về nước Cực Lạc ở ngôi vị Thượng Phẩm Thượng Sanh, hoa nở liền thấy Phật, ngộ Vô Sanh Nhân (niết bàn của Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát).

Trong những căn cơ trung phẩm và hạ phẩm còn lại; tuy còn sanh tử, nhưng có thể nói sanh tử đã dừng rồi (còn sanh tử trên cõi Cực Lạc gọi là Biến dịch sanh tử). Đây là điều chắc chắn, không nghi ngờ; tuy chưa chứng được Bất thoái chuyển, nhưng có thể nói đã chứng được Bất thoái. Tóm lại, tu học ở cõi Cực Lạc; không kể thời gian dài, ngắn; nhất định, đã dứt hẳn sanh tử; đối với Bồ Đề Vô Thượng không thoái lui.

Vì vậy, nếu biết được tâm tánh của chính mình khiếp nhược thì đại Bồ Tát khí làm, sợ rơi xuống Nhị Thừa; hoặc là

theo Nghiệp Lực trôi nổi theo dòng tử sinh, không thể hướng đến Phật Đạo; thế thì xưng niệm Phật A Di Đà là thích hợp nhất, cũng chính là cách giúp đỡ cho chúng sanh sẽ sanh tâm tu tập tốt nhất, là phương tiện nhiệm mầu ngăn ngừa không để Tín Tâm thoái thất (thoái lui, mai một).

• **Tu học theo pháp môn Tịnh Độ**

○ **Bảy cách tu theo Thập Tru Luận**

Xưng, Niệm Phật A Di Đà gồm có: Lễ bái, Tán thán, Sám hối, Khuyến thỉnh, Tùy thuận, Hồi hướng.

○ **Thứ tư năm cách tu theo Tịnh Độ Luận**

Có năm cách tu thành tựu tuần tự theo Tịnh Độ Luận mà nói: Nên từ Lễ bái, Tán thán rồi đi vào Chỉ, Quán, Hồi hướng, cũng là cách thành tựu từ từ Trí huệ, Từ bi, Phương tiện. Đây là nguyên nhân chứng được Vô Thượng Bồ Đề không thoái chuyển; so với ý nghĩa trong luận của Bồ Tát Long Thọ như nhau: "Người cầu A duy Việt trí địa (đến mức Bất thoái chuyển), không chỉ Nhớ Nghĩ, Gọi Tên, Lễ Bái mà thôi".

TỊNH ĐỘ DƯỢC SƯ

不捨現法樂,

Bất xả hiện pháp lạc,

而向於菩提,

Nhi hướng ư Bồ Đề,

藥師大悲願,

Dược Sư đại bi nguyện,

東方現淨土. *Đông phương hiện Tịnh Độ.*

Không rời hiện pháp lạc, Còn hướng về Bồ Đề,
Dược Sư bi nguyện lớn, Hiện Tịnh Độ phương Đông.

• **Tịnh Độ Dược Sư Lưu Ly ở phương Đông.**

○ **Pháp môn Dược Sư là thích ứng riêng cho một căn tánh**

Ở trong Tịnh Độ là con đường dễ đi, về sau, Phật Thích Ca tuyên bố Tịnh Độ Cực Lạc của Phật Di Đà; còn nói Tịnh Độ Lưu Ly của Phật Dược Sư. Đây là thích ứng riêng cho một loại căn tánh.

○ **Khác nhau giữa Tịnh Độ Dược Sư và Tịnh Độ Di Đà**

- ***Chán ngán, vứt bỏ hiện thực thế gian, chuyên chú, sau khi chết, vãng sanh về Tịnh Độ của Phật A Di Đà.***

Pháp môn Tịnh Độ của Phật Di Đà là chán ghét, buông bỏ hiện thực thế gian này. Phu nhân Vy Đề Hy cảm nhận sâu sắc khổ đau của thế sự, không muốn tái sanh thế giới này, vì vậy, Phật nói tịnh độ cực lạc. Hoàng dương pháp môn Tịnh Độ Di Đà cũng nói: 不厭娑婆, 不生極樂: Bất yếm Ta Bà, bất sanh Cực Lạc: Không chán cõi Ta Bà, không sanh về Cực Lạc. Do chán nhân gian này, cho nên chú trọng, sau khi chết, vãng sanh.

- ***Không chán ngán hiện thực nhân gian, không buông bỏ an vui hiện có; đó là chủ trương của Tịnh Độ Dược Sư.***

Nhưng có một số căn tánh thích hợp với con đường dễ đi, đối với hiện thực nhân gian, như thân thể khỏe mạnh, gia đình hòa thuận, xã hội phồn vinh, quốc gia giàu mạnh, thiên hạ bình đẳng, hoàn toàn không có cảm nhận chán ngán, ghét bỏ. Để giúp đỡ người sơ tâm tu học này không buông bỏ được hiện thực an lạc, khiến cho họ cũng hướng về Bồ Đề; vì thế, Phật Thích Ca lại khai thị Tịnh Độ Phật Dược Sư.

- ***Sự khác nhau của hai Tịnh Độ đã nói lên đầy đủ về An vui Sau khi chết và An vui Hiện có.***

Tịnh Độ Dược Sư ở phương Đông, tượng trưng sanh trưởng: Tịnh Độ Di Đà ở phương Tây, tượng trưng quy tàng (sau khi chết). Trong giới Phật giáo Việt Nam (kể cả Trung Quốc), để giúp vong linh người chết siêu thoát nên xưng niệm Phật A Di Đà; để tiêu trừ tai nạn, sống lâu nên xưng niệm Phật Dược Sư để nói rõ sự khác nhau giữa an lạc đời sau và an lạc hiện tại.

- **Đặc sắc của Tịnh Độ Dược Sư.**

- **Phật Dược Sư bằng mười hai đại nguyện làm mục đích biểu hiện ra Tịnh Độ Lưu Ly**

Kinh nói: Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Vương, ở trong nhân địa, phát mười hai đại nguyện với mục đích: Phát sanh Tri Thức; xúc tiến sự nghiệp; cứu chữa thân thể tàn phế; nghèo khổ, bệnh tật không nơi nương tựa; ai ai cũng có đầy đủ cơm ăn, áo mặc, thuốc thang, khỏe mạnh; không tin tà kiến, ngoại đạo; không vi phạm pháp luật tử hình; nam, nữ bình đẳng; tất cả chúng sanh đều thành Phật. Với hạnh nguyện như thế, ở thế giới phương Đông, hiện có thế giới Cực Lạc thanh tịnh là vậy. Tịnh Độ Lưu Ly, trang nghiêm là vậy. Bằng pháp môn Tịnh Độ này giúp đỡ Tín Tâm, khiến cho chúng sanh có được ích lợi hơn ở cõi người và trời, có được ích lợi để vãng sanh về Tịnh Độ; cuối cùng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

○ **Quốc sư Ngọc Lâm khen ngợi Tịnh Độ Dược Sư**

Từ trước, quốc sư Ngọc Lâm gặp được kinh Dược Sư, khen ngợi là Phương Tiện cùng tốt. Bởi vì người có tâm chán cõi Ta Bà quá ít, so với Tịnh Độ Di Đà không tương ứng. Còn có pháp môn Tịnh Độ Dược Sư, với số người không có tâm buông bỏ, chán ngán cái an vui hiện tại ở cõi Ta Bà cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ và thành Phật. Nguyên nhân quốc sư Ngọc Lâm khen ngợi Tịnh Độ Dược Sư là vì:

人間亦有揚州鶴，但泛如來功德船: Nhân gian diệc hữu Dương Chân Hạc, Đãn phiếm Như Lai công đức thuyền: Cõi người cũng có hạt Dương Châu, Chỉ thiếu thuyền công đức của Như Lai.

TU TẬP BỐN LỰC

勝解堅固力, *Thắng giải, kiên cố lực,*

歡喜休息力, *Hoan hỷ, hưu tức lực,*

能修於四力, *Năng tu ư tứ lực.*

精進不為難. *Tinh tấn bất vi nan.*

Lực thắng giải, kiên cố, Lực hoan hỷ, hưu tức,

Cố tu bốn lực này, Siêng năng chẳng ngại khó.

- **Con đường dễ đi có bốn loại lực Phương Tiện tuyệt hay đặc biệt**

Chúng sanh sợ hãi, yếu đuối, lười biếng, không dám siêng năng thẳng vào Đại Thừa, cho nên dùng con đường dễ đi làm phương tiện, dùng Tín, Nguyện làm phương tiện; hướng dẫn vào Đại Thừa, đi trên con đường tinh tấn. Thật ra, nếu có được phương tiện thiện xảo thì tinh tấn hoàn toàn không khó để thành tựu; nên tu tập bốn lực này để giúp sức cho tinh tấn thành công.

- **Nói về bốn lực phương tiện giúp sức cho tinh tấn thành công**

- **Lực thắng giải (Tín, Hiểu)**

Thắng giải là Tín giải (Tín và Hiểu) sâu sắc.

- Đạo lý nhân quả của Tín, Hiểu nghiệp báo Thiện, Ác và lỗi lầm của vi phạm cùng công đức của hạnh nguyện Bồ Tát.
- Nếu có thể Tin, Hiểu sâu sắc thì sẽ khởi lên ham muốn an lạc, mong xa lìa tất cả ác, thành tựu tất cả công đức.
- Từ ham muốn an vui, tin hiểu như vậy, sẽ dẫn đến tinh tấn và khiến họ tu hành.

Vì vậy nói: "Đức Tin là nơi nương tựa của mong muốn; mong muốn là nơi nương tựa của chăm chỉ". Càng Tin, Hiểu triệt để sâu sắc cũng chính là càng siêng năng tu hành.

- **Lực kiên cố (Vững chắc)**

Trong khi tiến tu phải có sức bền vững; ở đây có hai ý nghĩa:

- ***Có quyết tâm, hăng tâm mới nuôi lớn sự vững chắc của ý chí.***

Có một số người tùy tiện, nay tu pháp môn này, mai tu pháp môn kia, mà không quyết tâm, không hăng tâm, kết quả nuôi lớn tập quán xấu, do tu pháp nào cũng đều không thành tựu. Vì thế cần xem xét kỹ lưỡng rồi mới thực hành; có thể không thực hành chắc chắn thành tựu rất ráo; có bắt đầu có

kết thúc, nhưng không thể giữa đường bỏ dở. Có vậy mới nuôi lớn sự kiên định của ý chí.

- ***Tôn trọng chính mình, cố gắng tự lực, kiên quyết gánh vác đại hạnh của Bồ Tát.***

Khi tiến tu phải tôn trọng chính mình, cố gắng tự lực. Thành Phật là việc lớn, chính mình phải ra sức tu hành, không thể hy vọng tha lực; cho nên nói: "Giải thoát sanh tử chỉ dựa vào sự tu tập của chính mình"; sự thất bại của thầy A Nan ở hội Lăng Nghiêm, sai lầm căn bản chính là ở đây. Phải khẳng định chính mình có khả năng tu hành, có khả năng chiến thắng phiền não, kiên quyết gánh vác đại hạnh của Bồ Tát; nếu không kết quả không dừng.

○ **Lực hoan hỷ (vui vẻ)**

Trong quá trình tu học, đối với giáo pháp, tâm tràn đầy an vui; như nếm được vị ngon mà lòng không biết chán. Càng tiến tu càng hứng thú. Nhờ đây, mới có thể tu hành tinh tấn, mỗi ngày một uyên thâm hơn.

○ **Lực hưu tức (nghỉ ngơi)**

Nếu thân tâm cảm thấy mệt nhọc, nên nghỉ ngơi một tý. Nếu không thì đưa đến tâm lý chán nản, uể oải làm chướng ngại tu tập; hoặc tu đã thành tựu được công đức nào đó, dù có nghỉ ngơi chút ít, lòng cũng không cho là đầy đủ.

Với bốn lực, nếu có khả năng tu như vậy, giống như cuối nguồn của con sông dài, siêng năng tiến về phía trước, không ngừng thì đâu có gì là quá khó, không thể vượt qua.

Nói chung hai Độ sau

Công đức Định, Huệ

三乘諸勝德, Tam Thừa chư thắng đức,

悉由定慧生. Tất do Định, Huệ sanh.

Các thắng đức Ba Thừa, Đều do Định, Huệ sanh.

- **Hai Độ sau**

Từ đây về sau, nói chung hai Độ: Thiên Na và Bát Nhã.

- **Phân biệt giống, khác**

- **Giải nghĩa tên gọi**

Thiên Na dịch nghĩa là Tịnh Lự, thường gọi là Thiên Định hay Định.

Bát Nhã dịch nghĩa là Huệ, thường gọi là Trí Huệ.

- **Thành tựu của Định, Huệ tương ứng nhau, không lìa nhau**

Định cùng Huệ là do sự tu tập thành tựu của Bồ Tát (hay Thanh Văn) và là tương ứng, không lìa nhau, gọi là "Chỉ, Quán song tu"; Định, Huệ đều nhau.

- **Dựa vào Huệ làm thể để đặt tên Định.**

Cũng do đây, trong pháp Thanh Văn và Bồ Tát thường

dùng Thiên và Tam Ma Địa (Tam Muội: Định) đồng với Định; còn gọi Thiên Định là Na và Huệ tương ứng.

▪ ***Ví dụ Định tương ứng với Huệ.***

Trong pháp Thanh Văn như Không Tam Ma Địa, Thắng Nghĩa Thiên...; Đại Thừa như Lăng Nghiêm Tam Ma Địa, Như Lai Thiên...

▪ ***Đặc tánh và tu học Định, Huệ không giống nhau.***

Nhưng từ quyết tâm tu tập đến tánh đặc thù của Định, Huệ thì có thể nói: Định và Huệ có khác nhau.

✓ Dựa vào đặc tánh mà đặt tên riêng Định, Huệ.

Vì vậy, ba tầng thượng học của pháp Thanh Văn, ngoài Tâm tầng thượng học còn có Huệ tầng thượng học; Sáu Ba La Mật Đa của pháp Đại Thừa, ngoài Thiên Ba La Mật Đa còn có Bát Nhã Ba La Mật Đa.

✓ Từ tu tập đặt tên riêng Chỉ, Quán.

Từ tu học mà nói, phần nhiều gọi là Chỉ, Quán. Chỉ và Quán cũng không giống nhau.

✓ Không biết đặc tánh khác nhau của Định, Huệ dễ mắc phải lỗi lầm.

Người tu học Đại Thừa, ắt phải xác định được đặc tánh của Định, Huệ; nếu không thì sẽ cho Thiên là Huệ, cho rằng tu

được Tứ Thiên là Chứng Tứ Quả; có được công đức Thiên Định mà lại cho là có được Trí Huệ thành Phật.

- **Định, Huệ là mục đích quan trọng của Tâm Thể, là hành quả của Tam Thừa**

Kể đến, Định và Huệ không chỉ là Tâm Thể của hành quả Đại Thừa mà cũng là mục đích quan trọng của hành quả Thanh Văn.

- **Không có Định, Huệ, tất cả công đức không thể thành tựu**

Việc tu hành của Bồ Tát, tuy chú trọng Bồ Đề nguyện, tâm Đại Bi, Hồi hướng công đức; nhưng nếu không có Định, Huệ thì tất cả đều không thể thành tựu. Cho nên, kinh Giải Thâm Mật nói: "Nếu các vị Thanh Văn, các vị Bồ Tát và chư Như Lai có được pháp Lành của thế gian và xuất thế gian nên biết đây là quả có được từ Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bát Xá Na (quán)". Chỉ và Quán do Định, Huệ thu được, từ phương tiện tu tập mà có tên.

- **Đối với Định, Huệ (tức Chỉ, Quán) thì người tu tập tôn trọng cả hai**, vì là mấu chốt của việc tu học hạnh Đại Thừa; cho nên, mới khen ngợi rằng "Các công đức thù thắng của Tam Thừa đều do Định, Huệ sanh ra.

e. Thiên Độ

THỨ TỰ CỦA CHỈ, QUÁN

修習止觀者, *Tu tập Chỉ, Quán giả,*
 應先修習止; *Ứng tiên tu tập Chỉ;*
 止成觀乃成, *Chỉ thành Quán nãi thành,*
 次第法如是. *Thứ đệ pháp như thị.*

Người tu tập Chỉ, Quán, Trước nên tu Chỉ;
 Chỉ thành, Quán cũng thành, Pháp thứ tự như thế.

- **Định nghĩa, đặc tính của Chỉ, Quán; Định, Huệ**
 Nói đến tu tập Định, Huệ chính là tu tập Chỉ, Quán.

Thế nào là Chỉ, Quán; Định, Huệ?

○ **Quán và Huệ.**

▪ ***Do Quán thành Huệ.***

Huệ thì lấy Giản Trạch (chọn lựa) làm Tánh. Tiếng Phạn là Tỳ Bát Xá Na, dịch nghĩa là Quán. Kinh nói Quán là "Tu duy, chọn lựa chân chánh tốt cùng; truy tìm, suy nghiệm, quán sát cùng khắp". Vì thế, Huệ lấy xem xét, chọn lựa làm Đặc Tính.

- ***Có người hiểu rõ chính là Quán Huệ, điều này không hợp với nghĩa của kinh.***

○ **Chỉ và Định**

Tiếng Phạn là Xa Ma Tha, dịch nghĩa là Chỉ, kinh nói Chỉ là "Tâm nhất Cảnh Tánh: Tâm, Tánh Cảnh là một"; "Nội tâm tương tục: Nội Tâm luôn luôn tiếp nối".

Ý nghĩa của Định là Giữ Tâm Bình Đẳng, cho nên chỉ là Tâm An với Một Cảnh, không phân tán, loạn động.

- **Thứ tự tu tập Chỉ, Quán**

- *Nên tu tập Chỉ trước*

- *Chỉ, Quán có tác dụng hỗ tương, giúp nhau thành tựu.*

Chỉ và Quán không giống nhau, nếu tu tập Chỉ, Quán thì trước nên tu tập Chỉ. Ở đây không phải nói: Tu Định cho thật tốt, rồi mới tu tập Quán Huệ, mà sự thật là Chỉ và Quán có tác dụng hỗ tương, giúp nhau thành tựu. Khi chưa có tu Chỉ thành tựu trước thì tâm quán sát Huệ cũng còn tán loạn.

- *Quán Huệ dựa vào Định Tâm mà có được thành tựu.*

Thế tại sao nói trước nên tu Chỉ?

Ở trong quá trình tu tập Chỉ và Quán, nhất định tu Chỉ thành tựu trước; Chỉ đã thành tựu, sau mới có thể tu Quán thành tựu. Nếu Định Tâm không thành tựu thì Quán Huệ cũng không thành tựu. Dựa vào ý nghĩa này nên nói tu Chỉ trước.

- *Trước Định sau Huệ là thứ tự tất nhiên trong kinh*

Trong kinh nói đến Chỉ, Quán; Định, Huệ; Thiên, Huệ cũng đều trước Định sau Huệ. Đây là thứ tự tu tập tất nhiên; không cần biết bạn nói cách nào, hết thấy đều là Đạo; nếu tu tập Chỉ, Quán đúng thì pháp ấy chắc chắn thứ tự là như thế.

Như vậy, ở đây trước nói Chỉ chính là sự tu tập của Thiền Định Độ.

Khả năng an trụ Tâm

依住堪能性, *Y trụ kham năng Tánh,*

能成所作事. *Năng thành sở tác sự.*

Dựa vào Tánh kham năng, Thành tựu tất cả việc.

- **Nói chung tu Chỉ được Định thành tựu nhiều việc lợi ích.**

Vì sao tu Chỉ mà được Thiền Định?

Nhờ tu Chỉ mà có được Định, thành tựu vô vàn sự nghiệp có nghĩa, lợi. Vì vậy nói: 制心一處, 無事不辦: Chế Tâm nhất xứ, vô sự bất biện: Giữ Tâm một chỗ, không có gì không làm được.

- **Nói riêng**

- **Tu Chỉ có thể sanh ra Tánh Kham Năng (chịu đựng)**

- ***Nói rõ sức mạnh của tu Chỉ có thể làm lành, lánh ác được.***

Khi tu Chỉ Tâm được an Trụ; thân, tâm phát sanh nhẹ nhàng, thư thái và có sức mạnh làm lành, lánh dữ.

- ***Nói rõ chúng sanh không chịu nổi Tâm tán loạn.***

Chúng sanh một mực ở trong Tâm tán loạn; lực chống lại với Cảnh ham muốn; lực chế phục. Phiền não; lực tu tập việc

Lành đều rất là yếu đuối. Nghĩa là hiểu ra có Tâm, không có sức; giống như thuyền đi ngược dòng, khó khăn dường nào! Thân thể cũng như thể khỏe mạnh, có lúc cũng cảm thấy mệt mỏi, không chịu nổi. Giống như người bị bệnh lâu, thân, tâm chậm chạp, nặng nề, yếu đuối, không chút sức lực.

- ***Tâm có sức chịu nổi khó khăn thì mới có thể thành tựu được việc làm.***

Nếu tu Chỉ mà ở được trong Chánh Định, dựa vào Tâm an trụ nên Tánh Kham Năng phát sanh; đó chính là từ thân nhẹ nhàng, an ổn phát sanh thân siêng năng; từ tâm khinh an phát sanh tâm tinh tấn. Tình trạng không thể chịu đựng nổi tán loạn, phiền não ở quá khứ; giờ đã hoàn toàn thay đổi. Dựa vào Chỉ có được Tánh Kham Năng như vậy thì sẽ có Sức Mạnh tu tập và làm được những gì cần làm cho sự nghiệp.

○ **Ví dụ những việc phải làm của Tam Thừa**

Thể nào là việc cần làm?

- ***Thanh Văn hoàn thành bốn việc.***

Bậc Thanh Văn, dựa vào Định, mới có thể có được: 現法樂住: Hiện pháp lạc trú: An vui ngay ở đây và bây giờ; có được: 現法樂住: Thù thắng tri kiến: Có đôi mắt của Trời; 分別慧: Phân biệt huệ: Thấy rõ sự sanh tử của chúng sanh;

漏盡解脫: Lậu tận giải thoát: Phiền não hết được Giải Thoát.

▪ ***Đại Thừa hoàn thành Tự Lợi, Lợi Tha.***

Người tu tập theo Đại Thừa, dựa vào Định, phát sanh Thân, Tâm nhẹ nhàng, an lạc; phát sanh thần thông, công đức...; hiểu được diệu lý của pháp Phật; còn làm vô số sự nghiệp lợi ích cho chúng sanh.

Tóm lại, công đức thù thắng của Phật pháp đều không là Định; vì vậy nên chuyên Tâm tu tập Thiền Định.

Bậc Thanh Văn

1. Hiện tại pháp lạc trú (An lạc bây giờ ở đây)	→	1. Dẫn phát thân tâm khinh an (Thân tâm phát sanh khinh an)
2. Thù thắng Tri Kiến (Trí Huệ giải thoát)	→	2. Dẫn phát thần thông, công đức...
3. Phân biệt Huệ (Huệ dứt sai lầm)	→	3. Năng thâm thậm thắng nghĩa (Hiểu được nghĩa vi diệu Phật pháp)
4. Lậu tận giải thoát (Hết phiền não là giải thoát)	→	4. Tác nhiều ích chúng sanh đa sự nghiệp (Làm lợi ích cho sự nghiệp của chúng sanh)

Vượt qua trở ngại khi tu Thiền Định

Nói chung

由滅五過失, Do diệt ngũ quá thất,

勤修八斷行. *Cần tu Bát Đoạn Hạnh.*

Do diệt năm lỗi lầm, *Siêng tu Tám Đoạn Hạnh.*

• **Tư lương và điều nhiếp của tu Định như trước đã nói**

Dựa vào Tâm Từ an trụ trong Tịnh Giới là Tư Lương không thể thiếu mà người tu Chánh Định có được; Điều thân, Điều tức đã nói sơ qua trong ngũ thừa cộng pháp.

• **Nói chung tu năm lỗi lầm, tám đoạn hạnh nên phát sanh Chánh Định**

○ **Diệt năm lỗi lầm**

Cần dụng tâm tu tập như thế nào thì mới có thể phát sanh Chánh Định?

Phải từ chỗ diệt năm loại lỗi lầm này mới thành tựu được.

Năm loại lỗi lầm là: Giải đãi: Lười biếng; Vọng Thánh ngôn: Quên lời Phật dạy; Hôn trầm, trạo cử: Phiền não làm tâm tầm tối, chìm đắm bởi Vô minh, và khiến cho tâm không an tĩnh; Bất tát hành; Tác hành.

○ **Tu tám Đoạn Hạnh**

Làm sao có thể diệt năm lỗi này? Chỉ cần siêng năng tu tám loại Đoạn Hạnh.

Tám Đoạn Hạnh là: Tín (niềm tin); Dục (ước muốn); Cần (siêng năng); An (an ổn); Niệm (chánh niệm); Tri (biết đúng); Tư (suy nghĩ đúng); Xả (buông bỏ).

Tu tám Đoạn Hạnh, diệt năm lỗi lầm thì, tự nhiên, thành tựu Định Tâm. Cũng như vậy, nếu phá trừ xong chướng ngại, mới bình an đi đến đích.

Biểu đồ		
Diệt năm lỗi lầm	Lười biếng -----	Ước muốn
		Niềm tin
		An ổn
	Quên lời Phật-----	Chánh niệm
	Tối tăm, bòn chôn--	Chánh tri
	Bất tác hành-----	Tư
	Tác hành-----	Xả
		Tu tám đoạn hành

Nói riêng

Đôi tri Lười Biếng

懈怠為定障，

Giải đãi vi Định chướng,

信勤等對治。

Tín, Cần đặng đối trị.

Lười biếng làm chướng Định,

Lấy Tín, Siêng đối trị.

• **Bốn đoạn hạnh đầu diệt trừ lỗi lầm lười biếng**

Thắng đức là kết quả của tu Thiên Định cần có tâm tin tưởng, tâm chịu đựng, không ngừng học tập mới thành tựu được. Vì vậy, từ mới học đến học tập thành tựu, lười biếng là

chương ngại lớn cho việc tu tập Định; nếu không có tin tưởng, siêng năng đối trị thì không thể tu hành.

- **Nói sơ về quá trình thứ tự cách đối trị**

- **Siêng năng là cuối, tin tưởng là đầu**

- ***Do siêng năng diệt trừ lười biếng.***

Lười biếng là thiếu dũng khí đối với việc lành; lơ là, lầy lệ là phiền não làm trở ngại sự siêng năng. Nên diệt trừ lười biếng, không siêng năng, không thể thành tựu.

- ***Do cầu mong, nguyện vọng sanh ra siêng năng.***

Nhưng tinh tấn tu tập Định phải xuất phát từ nguyện vọng đối với Thiên Định mà ra. Nếu một lòng muốn thành tựu công đức Thiên Định, không được dừng, tự nhiên thích thú tu tập, không thấy uể oải, chán nản.

- ***Siêng năng và nguyện vọng đều từ Tín Tâm mà ra.***

Nhưng điều này phải từ trong tín Tâm mà ra: Tin sâu vào công đức Thiên Định và có thể tu tập thành tựu, càng tin chính mình đây là tu học thiết thực, chắc chắn thành tựu. Đã có Tín Tâm này thì, tự nhiên, "Tin là chỗ dựa của mong muốn, mong muốn là chỗ dựa của siêng năng". Nhờ vậy, tinh cần tu tập, không biếng nhác.

- **Tin sâu vào trạng thái khinh an của cảnh giới Thiên Định thì có thể tiến tu Định.**

Ở trong Tín Tâm Thiên Định, điều quan trọng nhất là tin vào trạng thái khinh an, tự tại của cảnh giới Thiên Định; thân tâm vững vàng, nhạy bén; khiến cho đi vào một cảnh giới mới. Nếu đối với trạng thái khinh an của Định mà thâm tín được thì đây đúng là yếu tố dẫn đến phát sanh tinh tấn.

• **Bốn Đoạn Hành là học trình chủ yếu trước hết cho người mới học**

Tu bốn loại Đoạn Hành: Tín, Dục, Cần, An để diệt trừ Lười Biếng, Lỗi Lầm. Đó thật là đã thấu suốt trọn vẹn quá trình Tu Định; nhưng khi bắt đầu tu tập thì đây là học trình đặc biệt coi trọng.

Không được quên lời Phật dạy

Nhớ rõ Chánh Niệm.

正念曾習緣,	<i>Chánh niệm tăng tập duyên,</i>
令心不餘散,	<i>Linh tâm bất dư tán,</i>
明記不忘念,	<i>Minh ký bất vong niệm,</i>
安住而明顯.	<i>An trụ nhi minh hiển.</i>

Chánh niệm từng tu tập, Khiến tâm không tán loạn,
Nhớ rõ chớ quên niệm, An trụ và soi sáng.

• **Chánh niệm trừ lỗi lầm quên lời Phật dạy**

○ **Tu Chỉ, quan trọng ngay khi bắt đầu, là Chuyên Tâm vào Một Cảnh**

▪ ***Tâm cột vào Một Cảnh là sức mạnh của Chánh Niệm.***

Khi tu Chỉ, chủ yếu, là khiến Tâm đồng nhất với Tướng của Một Cảnh thì An Định sẽ đến.

Khiến Tâm cột chắc vào Một Cảnh là sức mạnh của Chánh Niệm.

Chánh Niệm như dây thừng làm cho Tâm cột Một Cảnh, không để cho Tâm trôi nổi, tán loạn đây đó.

▪ ***Cảnh Tướng đã từng nhớ nghĩ đến trở thành tập quán.***

Niệm (nhớ) Cảnh nào đây? Đó là Tầng Tập Duyên. Duyên là Cảnh Sở Duyên. Tầng Tập Duyên là Cảnh Tướng của tập quán đã từng trải qua.

Như người tu niệm Phật, trước phải quán sát thật kỹ Tướng Phật; khi tu tập nhớ nghĩ đến Tướng Phật để cho Tướng Phật hiện trong Tâm.

Như người tu pháp môn Bất Tịnh, luôn luôn Niệm (nhớ) đến tử thi qua các tướng xanh lè, sinh lên, máu mủ rỉ ra, hôi thúi... từ Tướng Bất Tịnh của xác người chết.

Niệm là nhớ nghĩ đến Cảnh đã từng huân tập; Tu Niệm mới có thể thành Định; cho nên, Định thì không thể lấy Áo Tướng để tu tập thành tựu được.

- ***Niệm niệm không quên Sở Duyên thì từ từ khiến Tâm An Định.***

Đã có Chánh Niệm thì có thể diệt trừ sai lầm "quên mất lời Phật dạy" (pháp nghĩa chỉ dạy của Phật). Đó là căn cứ Sở Duyên để Tu Chỉ. Niệm niệm không quên Sở Duyên thì có thể khiến cho Tâm Không rong ruổi, tán loạn theo cảnh khác và Tâm sẽ từ từ an định.

- ***Chẳng những An trụ mà còn Sáng Suốt***

- ***An trụ, sáng suốt khiến cho Tâm tăng thêm sức mạnh, không còn tán loạn, không còn hôn trầm.***

Tâm của chúng sanh lúc sáng suốt lúc tán loạn; lúc vắng lặng lúc tối tăm, mông muội.

Tối tăm thì không sáng suốt, không có sức mạnh.

Sáng suốt mà lại tâm tán loạn, giống như ngọn đuốc trong gió, chập chờn, không đứng yên thì công dụng của nó cũng như không.

Vì thế, mục tiêu chủ yếu của Tu Chỉ là thành Định, là sức mạnh của tâm tăng lên; có thể làm việc lớn mà người bình thường không làm được. Cho nên cần phải tu tập tâm này càng sáng suốt càng an trụ, càng an trụ càng sáng suốt.

- ***Chánh Niệm là Chính, Chính Tri là Phụ.***

Làm sao mới được vừa An Trụ vừa Sáng Suốt?

Việc này phải lấy Chánh Niệm là Chính, lấy Chính Tri là Phụ để tu tập.

Tâm này có thể ghi nhớ Sở Duyên rõ ràng, không đến nỗi quên mất (Vong Niệm); Vong Niệm làm chướng ngại Chánh Niệm, khiến cho Tâm quên mất sở duyên. Khi tu tập, nếu bằng sức mạnh Chánh Niệm của Tâm thì có thể An Trụ nơi Sở Duyên, không chạy tán loạn theo Cảnh Khác, giúp nó tương tục An Trụ tiếp theo. Nhưng An Trụ mà phải Sáng suốt thì cần phải có Chánh Tri lúc nào cũng Quán Chiếu, biết chắc đang ở tại Cảnh Sở Duyên.

Như người niệm Phật, không chỉ Tâm trú nơi Tượng của Phật mà còn, hiểu rõ Phật Tượng. Được thế, Phật Tượng từ từ hiện rõ trước mặt.

- ***Nội dung trọng yếu trong học trình Tu Chỉ là An Trụ và Sáng Suốt.***

An trụ mà còn Sáng suốt như thế, đó là Minh và Tĩnh, là nội dung trọng yếu trong học trình Tu Chỉ. Xin chớ lấy việc Chuyên Tâm vào Một Cảnh là được; như vậy sẽ rơi vào trong Vô Ký Hôn Trầm (trạng thái không phân biệt, tối tăm về Thiện, Ác).

- **Bình luận về hiểu lầm rằng không cần cột Tâm vào Một Cảnh**

○ **Hiểu về không cần cột Tâm vào Một Cảnh.**

Có người cho rằng tôi tu không chấp Tướng, không phân biệt, không cần cột Tâm vào Một Cảnh mà cũng có Tu, có Chứng.

○ **Phê bình, bác bỏ**

Điều này, đương nhiên, là có chút hiểu nhầm!

▪ ***Không chấp Tướng, không phân biệt vẫn cần cột Tâm vào Sở Duyên.***

Mặc dù không chấp Tướng, không Phân Biệt, nhưng vẫn còn có nhận thức đối với Cái Đó, rồi sau, mới chuyên Tâm vào đó tu tập. Đây không phải là Cột Niệm vào Sở Duyên (đối tượng) sao? Nếu như cái gì cũng đều không nghĩ đến (người mới học không có khả năng này), mờ mịt như linh hồn người chết thì có thể thành được gì?

▪ ***Tham thoại đầu của Thiên Tông cũng phải Cột Niệm vào Một Chỗ.***

Ví như thiền sư của Trung Quốc nêu lên một câu: 念佛的是誰? Ai đang niệm Phật? 拖死屍的是誰? Ai đang kéo lê cái thây ma đây? Tuy tác động này khởi lên Nghi Tình, về phương tiện có khác chút đỉnh, nhưng từ đây khiến cho Tâm trở thành một khối, rơi rớt vô biên vọng Niệm. Đây không kể là Cột Niệm vào một chỗ sao?

Chọn lựa Sở Duyên (đối tượng)

聖說是所緣, *Thánh thuyết thị Sở Duyên,*
 能淨惑障者, *Năng tịnh hoặc chướng giả,*
 或順於正理, *Hoặc thuận ư chánh lý,*
 能向於出離. *Năng hướng ư xuất ly.*

Lời Phật là Sở Duyên; Làm sạch được Hoặc Chướng;
 Hoặc thuận với Chánh Lý; Có thể hướng về Xuất Ly.

- **Nguyên tắc chọn lựa Sở Duyên**

- **Sở Duyên của Tu Định, kinh Du Già nói có bốn loại**

Cuối cùng nên trụ tâm ở Sở Duyên gì mới có thể tu tập Định thành tựu?

Lời của bậc Thánh là Sở Duyên, là không có Nhất Định. Không Nhất Định không phải là nói gì cũng được mà là, trong rất nhiều Duyên để Nhớ (niệm) Cảnh không có nhất định một Duyên nào.

Du Đà sư nói: Có bốn loại Sở Duyên: Chu biến Sở Duyên; Tịnh hạnh Sở Duyên; Thiện xảo Sở Duyên; Tịnh hoặc Sở Duyên.

- **Sở Duyên Thánh nói, dĩ nhiên, hợp với Tịnh Hoặc và Thuận Lý**

Tóm lại, trong Thánh Giáo nói có rất nhiều Sở Duyên chắc chắn hợp với hai nguyên tắc lớn: Năng Tịnh trị Hoặc Chương; Khế hợp với Chánh Lý.

• **Trình bày Cảnh Sở Duyên Tịnh Hoặc cho đến Đoạn Hoặc**

○ **Lìa xa Dục cho đến cắt đứt Hoặc, đó mới chỉ là Cảnh Sở Duyên**

Đã duyên cảnh này để tu tập Trụ Tâm thì từ từ có thể điều phục được Phiền Não, hoặc là cắt đứt không cho nó khởi lên. Như vậy mới có thể dẫn đến Chánh Định. Định là lìa (phiền não) Dục mà có được. Sở Duyên này hoặc cùng với thế gian hoặc lìa thế gian, có thể đi theo con đường Xuất Ly để tu tập Đoạn Hoặc Chứng Chân. Đây mới chỉ được Duyên lấy làm Cảnh.

Nếu duyên phải đối tượng hoang đường, nghịch lý thì, trái lại, phiền não tăng thêm; nếu duyên phải đối tượng là dâm dục, oán thù hoặc vật vô nghĩa như đất, đá, cây, cỏ mà, không phát cuồng thành bệnh là may lắm rồi, nói chi là Đắc Định.

○ **Nói sơ các loại Cảnh Sở Duyên**

▪ ***Có năm loại Cảnh Sở Duyên đối trị Phiền Não.***

Đối trị phiền não thì từ từ điều phục như lấy Bất Tịnh trị Tham Dục, lấy Từ Bi trị Sân Hận, lấy Duyên Khởi trị Ngu Si,

lấy Giới (界) trị Ngã Chấp, lấy quán Sổ Tức Tâm Tư trị tán loạn. Đây là tăng thêm sức mạnh của Định tùy theo Phiền Não mà đưa ra pháp môn đối trị không giống nhau.

▪ ***Có năm loại Cảnh Sở Duyên thuận theo Chánh Lý.***

Thuận theo Chánh Lý như lấy năm loại thiện xảo: Uẩn, Giới, Xứ, Duyên Khởi, Xứ Phi Xứ làm Duyên. Năm loại này đều thuận theo Chánh Lý nên có thể diệt trừ Ngu Si.

▪ ***Tướng chung Cảnh Sở Duyên của bậc xuất thế đoạn trừ Hoặc (phiền não).***

Tổng tướng Sở Duyên của bậc xuất thế đoạn trừ Hoặc là tất cả pháp Vô Ngã, tất cả pháp Tánh Không.

○ ***Nói rõ sự khác nhau của Sở Duyên Chỉ Quán.***

Những Sở Duyên này đều thông với Chỉ Quán.

Nếu cột Tâm vào những Sở Duyên này, giữ Tâm an trụ, không để cho trôi nổi, tán loạn, không tăng cường quán sát; điều này được gọi là "Vô phân biệt ảnh tượng": Không phân biệt ảnh tượng. Đó là Sở Duyên của Chỉ (samatha).

Cảnh duyên của Đại Thừa.

Hai Niệm

大乘多修習,

Đại Thừa đa tu tập,

念佛與念息.

Niệm Phật dữ Niệm Tức.

Đại Thừa nhiều tu tập, Niệm Phật và Niệm Tứ.

• **Cảnh Sở Duyên tu Chỉ của Thanh Văn và Đại Thừa, mỗi bên đều có sự khác nhau**

Có thể làm Cảnh Sở Duyên của Tu Chỉ tuy có rất nhiều.

Pháp của Thanh Văn, phần nhiều, Tu Niệm Bất Tịnh và Niệm Đếm Hơi Thở; bởi vì pháp này dứt trừ Tham Dục và Tán Loạn và rất dễ phát sanh Định.

Nhưng giới Phật giáo Đại Thừa, cũng phần nhiều tu tập pháp Niệm Phật và Sở Tứ.

• **Nói sơ qua về Niệm Phật và Sở Tứ của Đại Thừa**

○ **Niệm Tứ (sở tứ: Đếm hơi thở)**

Phương pháp Sở Tứ, ít nhiều có khuynh hướng xem trọng thân thể.

○ **Niệm Phật**

▪ ***Niệm Phật là pháp môn quan trọng của Đại Thừa.***

Đại Thừa lấy Thành Phật làm mục tiêu, cho nên, Niệm Phật là pháp môn quan trọng của Đại Thừa.

▪ ***Pháp môn Niệm Phật là pháp môn dễ thật hành.***

✓ **Có bốn cách Niệm Phật theo thứ tự cạn, sâu:**

- Xưng danh Niệm Phật giống như con đường dễ đi; nếu được Nhất Tâm Bất Loạn, đây chính là Niệm Phật Tam Muội (Định).

- Quán Tướng, Duy Tâm cho đến Thật Tướng Niệm Phật.

Tuy trọng điểm của pháp môn Niệm Phật là Nhớ (niệm) đến Thân Tướng và Công Đức của Phật, xưa gọi là Quán Tướng và Quán Tướng Niệm Phật. Nếu từ Tâm khởi lên, dựa vào cách này mà Niệm Phật; niệm Phật đúng như Thật Tướng. Đây chính là Thật Tướng Niệm Phật, đi vào nghĩa lý nhiệm mầu của Thiền Quán xuất thế.

- Từ cạn vào sâu, quán triệt tất cả.

Cạn một chút là niệm Phật có công đức của sám hối nghiệp chướng, của tích tập căn lành.

Sâu một chút là Duyên theo Tướng thành tựu Định, càng tiến càng đi vào Chứng Ngộ.

Pháp môn Niệm Phật là từ cạn đi vào sâu đến quán triệt tất cả.

Vì vậy, ở trong năm Tịnh Hạnh của Đại Thừa đã sớm lấy pháp môn Niệm Phật thay thế cho pháp môn Giới Phân Biệt.

✓ Niệm chư Bồ Tát.

Niệm Phật còn niệm Bồ Tát như Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đều có thể dựa vào Tướng để nhiếp Tâm tu tập.

○ **Pháp môn niệm Phật đối với Phật, Trời như nhau**

Tiến thêm một bước, các vị Kim Cang, Dạ Xoa là hình ảnh của Phật, Bồ Tát hóa hiện, nên cũng có thể dựa vào quý Ngại

đề tu tập, nhưng như vậy đã trở thành Tu Thiên rồi; bởi vì Phật mà không có tướng giải thoát, tướng từ hòa mà hóa ra tướng phần nô, tướng tham dục. Đến đây, Phật và Trời dường như hợp nhất.

○ **Sự khác nhau từ Niệm Phật đi vào Đại Thừa hoặc Phật Thừa**

Tuy Đại Thừa hoàn toàn không phải là Thiên Thừa; tu Chỉ hoàn toàn không phải là tu Quán. Vì thế, mặc dù cũng gọi là Niệm Phật nhưng, cuối cùng chú trọng Định mà đưa vào Thiên Thừa. Đây còn vì hóa ra công hạnh Thiên Thừa nên cho vào Phật Thừa. Điều này cần xem có dựa vào tính chất đặc biệt của Đại Thừa, hay không. Đó là tu tập dựa vào ba Tam Tương ứng.

Niệm Phật

念 佛 由 意 念,

Niệm Phật do Ý niệm,

真 佛 非 像 佛;

Chân Phật phi tượng Phật;

觀 相 而 持 心,

Quán tướng nhi trì Tâm,

善 識 於 方 便.

Thiện thức ư phương tiện.

Niệm Phật từ Ý niệm,

Chân Phật phi tượng Phật;

Quán Tướng để giữ Tâm,

Đối phương tiện khéo hiểu.

- **Niệm Phật là Tu Chỉ phải chú trọng vào Ý Niệm**

Cột Ý vào Niệm Phật làm Sở Duyên khi tu tập, nên biết đây là Từ Ý Niệm

Xung danh Niệm Phật, thông thường Tâm tán loạn, còn phải chú trọng vào Ý Niệm, huống chi lấy Tượng Phật làm Sở Duyên để Tu Chỉ?

- **Tu Chỉ thành Định đến từ Ý Thức, chẳng phải từ năm Thức Trước**

Ngay từ đầu, thẩm định tướng hảo của Phật để tu tập; xin đừng, vì tướng Phật không dễ hiện lên, hiện khởi cũng không dễ kiên định mà đặt tượng Phật trước mặt rồi, chăm chú mắt nhìn vào tượng Phật mà tu tập. Tu Chỉ thành tựu Định là Ý Thức ở trong Định, chứ không thuộc năm Thức Trước.

Vì thế, nếu Nhãn Thức lấy Sắc Tướng để tu thì Tâm chuyển là do tác động từ bên ngoài; chính điều này, dù làm thế nào, cũng không thể Nhập Định được.

Phải biết cột Tâm vào Tượng Sở Duyên là hướng nội nhiếp Tâm, là hình tượng được an lập do Ý Thức, cho nên, Tượng Sở Duyên của Chỉ Quán cũng gọi là Ảnh Tượng.

Đã là Tu Chỉ đều là ảnh tượng được Ý Thức dựng lên và khiến cho nó (ý thức) an trụ; không chỉ có Niệm Phật là như thế.

Có một số người Tu Chỉ được một chút an định. Năm Thức Trước tiếp nối lưu chuyển không có phân biệt Tùy Niệm và Kế độ, rồi cho là Định Vô Phân Biệt; thật đáng nực cười.

○ **Sở Duyên Phật tượng nên tướng tượng là Phật thật.**

Lại có người, khi mới học dựa theo tượng Phật bằng đá, bằng gỗ, bằng giấy nhận thấy tướng rõ ràng; sau, duyên các tướng này nhiếp Tâm để tu tập. Nhưng khi tu tập nên nhận biết Sở Niệm là Phật Thật, hoàn toàn không phải là tượng Phật bằng gỗ hay đá... Khi tu tập thành tựu như vậy thì Phật hiện ngay trước mặt, phóng quang, thuyết pháp... Nếu chỉ nương vào Phật tượng mà tu thôi thì sẽ mất đi những công đức này.

● **Tu học theo Quán Tướng Niệm Phật phải theo tuần tự**

Tóm lại, quán tướng Phật là Cảnh để giữ Tâm an trụ; nên biết phương tiện có rất nhiều, cho nên, nói: "Phương tiện khéo hiểu biết".

○ **Tu học theo thứ tự từ thô đến tế**

- **Ví dụ:** Ban đầu nương nơi tướng Phật mà tu tập, không cần đòi hỏi tỉ mỉ; có thể sơ lược tổng quát tướng Phật là được.
- **Thô tướng vững chắc, quán sát kỹ tướng của từng bộ phận trên thân thể một cách tỉ mỉ.**

Chỉ đến khi tướng Phật hiện ra trước mắt và từ từ vững chắc; nếu một bộ phận đặc biệt nào đó hiển hiện rõ ràng thì, chớ ngại, duyên vào đây mà tu tập. Như chẻ tre, đốt thứ nhất đã chẻ được, các đốt còn lại chỉ theo lưỡi dao, tách ra. Quán Phật tướng cũng như vậy, nếu tướng thô đã an trụ rõ ràng, lại quán đến tướng tế; Tâm lực càng mạnh, chính là Phật tướng đã được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm và đều có khả năng tu tập được thành tựu.

▪ ***Thực tập quá gấp trở thành chướng ngại cho Định.***

Vì vậy, mới bắt đầu phải chuyên nhất, xin chớ lúc niệm đối tượng này, lúc niệm đối tượng kia hoặc cầu cho mau sáng tỏ, cầu cho mau đến chỗ vi tế; ngược lại, sẽ thành chướng ngại cho Định.

○ ***Tướng Phật sở quán không thể Tâm, Cảnh không tương ứng***

Còn như tướng Phật là ảnh tượng của Ý Thức hiện khởi, tùy Tâm Lực mà thành, vì thế, phải nương theo Nhân, Quả.

Nếu duyên tướng Phật A Di Đà mà Phật Thích Ca hiện ra; duyên tướng Phật mà Bồ Tát hiện ra; duyên Phật đứng mà Phật ngồi hiện ra. Như vậy, duyên tu và ảnh tượng hiện ra không giống nhau, không tương ứng. Xin chớ tiếp tục trụ vào

Cảnh Tượng hiện ra ấy mà nên, vẫn dựa vào Tượng Sở Duyên ban đầu Tu Tập mà nhiếp Tâm.

Niệm Tức

念息數隨止, *Niệm tức số tùy chỉ,*
非風非喘氣. *Phi phong phi suyễn khí.*

Niệm Tức: Số, Tùy, Chỉ; Không thổi, không khò khè.

• **Sơ lược phương pháp Số Tức**

○ *Niệm Tức là Định học nhằm an ổn Thân, Tâm*

Lấy Niệm Tức làm phương tiện để Tu Chỉ, cũng là pháp môn dễ dàng thực hiện. Một hơi thở ra, một hơi hít vào gọi là Một Tức. Tức dựa vào Thân, Tâm mà chuyển động. Tho động hoặc an định của Thân, Tâm đều có quan hệ mật thiết; cho nên, Định Học là làm cho Thân, Tâm an định; đối với Tu Tức rất xem trọng.

○ *Lược nói ba pháp môn đều từ sáu pháp môn nhiệm màu.*

Tu Tức có sáu cách: Số, Tùy, Chỉ, Quán, Hoàn, Tĩnh. Ba cách sau là phương pháp Quán dựa vào Chỉ khởi lên Quán.

▪ *Đếm hơi thở (Số Tức).*

Đếm hơi thở lấy hơi thở làm sở duyên; khi hít vào, dùng Tâm dẫn hơi thở đến dưới rốn; khi thở ra; Tâm theo hơi thở đi lên đến mũi. Một hơi hít vào, một hơi thở ra là Một Tức.

Nếu đếm hơi thở hít vào thì không đếm hơi thở ra; nếu đếm hơi thở ra thì không hơi thở hít vào, âm thầm đếm như vậy, đến mười thì ngưng rồi bắt đầu trở lại đếm từ một.

Sở Tức giống như lần chuỗi niệm Phật làm cho Tâm dính liền với Hơi Thở, là Sở Duyên trong khi Tâm chuyển động, không để cho Tâm quên mất. Người mới học đếm được nửa chừng thì quên, nếu vậy thì đếm lại từ đầu, từng hơi, từng hơi mà không gắng sức, luôn nhớ nghĩ rõ ràng.

▪ ***Theo hơi thở (Tùy Tức).***

Lâu dần Tâm an tĩnh, không còn quên lãng thì chẳng cần phải đếm nữa, chỉ cần Tâm theo hơi thở; Tâm, Hơi Thở nương nhau, theo hơi thở lên, xuống; biết hơi thở khắp thân thể. Như vậy, ngay cả nhớ hay không nhớ đếm cũng lìa xa.

▪ ***Chỉ Tức.***

Tu Tức, từ Sở Tức, Tùy Tức lâu dần đi đến thành tựu. Tâm và Hơi Thở không rời nhau như hình với bóng. Một lúc nào đó, thành linh, Tâm, Hơi Thở bất động; Thân, Tâm hòa tan vào Định, cũng chính là thành tựu của Tu Chỉ.

• **Nói sơ về Hiện Tượng và Tướng Hơi Thở trong khi Niệm Tức**

○ **Hiện tượng và quá trình của Tu Tức**

- ***Hơi thở nên dài ra, vi tế, đều đặn; chớ có lúc dài, lúc ngắn; cũng không được gắng gượng.***

Đã Tu Tức lấy vi tế, dài ra của hơi thở là vi diệu; nhưng người mới học không được gắng gượng để khỏi tổn thương khí huyết.

Hơi thở còn phải đều đặn, chớ có lúc dài lúc ngắn.

- ***Chớ lấy hiện tượng thông suốt khí huyết, hơi thở mà rơi vào lối mòn phép luyện khí công, luyện đan (thuốc trường sinh) của Đạo gia.***

Giữ hơi thở trong pháp Phật có bốn ý là nhiếp Tâm và Định, cho nên, không thể vướng mắc tướng tượng xảy ra trên thân thể. Tu tập lâu thì dường như bụng nhỏ mà chứa đầy đến phát sanh nhiệt lượng hoặc khi hít vào hơi thở đến tận đầu ngón chân hoặc cảm nhận khí huyết, hơi thở xuống dưới đan điền; từ dưới cột sống lại truyền theo xương sống lên trên hoặc khi khí đi qua, do ảo giác như có ánh sáng, âm thanh. Đây đều là do lưu thông của khí huyết và hơi thở, là hiện tượng tự nhiên thuộc sinh lý. Xin chớ lấy làm lạ hay để bị mê hoặc, rồi rơi vào lối mòn của ngoại đạo khí công, luyện đan.

- ***Tướng của hơi thở lấy nhẹ nhàng, đều đặn và dài làm tiêu chuẩn***

- ***Không có tướng gió thổi.***

Khi hơi thở ra, vào giống như tiếng gió rung động phát ra tiếng. Như thế là thô quá, không được.

▪ ***Không có tướng khò khè.***

Hơi thở này, tuy ra, vào không có tiếng nhưng không thông ở cổ họng, giống như tiếng dao vót tre, rít lên từng chập, hình như nghe thoáng qua.

▪ ***Không có tướng khí.***

Tuy hơi thở đã thông suốt nhưng vẫn còn cảm giác ở miệng, mũi có luồng khí ra, vào.

- Lìa xa tướng gió, tướng khò khè, tướng khí này; chỉ còn lại nhẹ nhàng, vi tế, đều đặn và dài mà người xưa hình dung là thânh thang bất tận, như còn như mất mới hợp với mẫu mực của tướng hơi thở.

Đối phó với Hôn trầm và Trạo cử

覺了沈與掉,

Giác liễu Trầm dĩ Trạo,

正知不散亂.

Chánh tri bất tán loạn,

Hiểu rõ Hôn trầm và Trạo cử,

Biết đúng hết tán loạn.

- **Sau Chánh Niệm đến Chánh Tri, diệt trừ Hôn trầm và Trạo cử**

Lấy Chánh Niệm để Nhiếp Tâm, đạt đến giai đoạn An trụ ở Sở Duyên; rồi lấy Chánh Tri diệt trừ sai lầm của Hôn trầm và Trạo cử.

- **Nói rõ Hôn trầm và Trao cử**

- **Định nghĩa Hôn trầm và Trao cử.**

Trao cử có một phần Tham, một phần đắm nhiễm Cảnh khả ái; tâm không tự tại; dần, khởi lên tâm tán loạn theo ngoại Cảnh.

Hôn trầm có một phần si, một phần thân thể, tâm nặng nề, trì trệ đưa đến năng lực yếu kém cho việc nhiếp tâm ở Sở Duyên, không sáng suốt, rõ ràng.

- **Chủng loại của Hôn trầm và Trao cử**

- ***Lúc mới tu Hôn trầm và Trao cử còn thô và nặng.***

Lúc mới tu Vọng Tưởng rối rắm, hoặc là Hôn trầm tăm tối; so với Tu Chỉ thì sai lầm quá nặng nề, hoàn toàn không tương ứng. Điều này rất dễ nhận biết, ở đây không cần nói đến.

- ***Khi an trụ ở Sở Duyên thì Hôn và Trao trở thành vi tế.***

Ở đây muốn nói là: Niệm đã an trụ nơi Sở Duyên thì nên biết rõ Hôn trầm, Trao cử cũng đã vi tế.

Nếu không thể biết rõ hoặc làm cho là Định Lực đã an ổn. Như vậy thì tu tập đã đình trệ, không tiến thêm được; từng ngày qua đi, lâu dần, tu tập sẽ thoái lui, rơi rớt. Điều này rất quan trọng.

- ✓ **Tướng trạng vi tế của Hôn trầm và Trao cử.**

Nếu ở trong quá trình tu tập, hiểu được ảnh tượng không an định, không rõ ràng; hoặc biết được Tâm Lực yếu kém; không thể tiến lên mạnh mẽ. Điều này minh chứng Trầm, Trao còn tồn tại vi tế.

✓ Dựa vào Chánh Niệm khởi lên Chánh Tri trừ bỏ Trầm và Trao.

Ở đây chỉ cần Chánh Niệm an trụ, liên tục ức niệm, quán sát miên mật thì có thể sanh khởi Chánh Tri; biết được Trầm, Trao đã sanh hoặc sắp sanh thì có thể khiến cho Tâm không bị cuốn vào dòng chảy Tán Loạn.

Đôi trị Bất Tác Hành

為斷而作行, *Vì đoạn nhi tác hành,*

切勿隨彼轉. *Thiết vật tùy bỉ chuyển.*

Vì đoạn trừ mà Tác Hành, Chớ biến chuyển theo nó.

• **Lấy Tư để đôi trị Bất Tác Hành**

○ **Đã hiểu rồi mà còn không đôi trị tức là Bất Tác Hành**

Đã biết Hôn trầm và Trao cử vi tế mà, giả sử còn đi theo nó, hoặc vì lỗi lầm của Hôn, Trao sâu nặng không dễ dứt trừ, không dễ tìm cách đôi trị.

○ **Dùng Tư để đẩy mạnh sự hành trì (tác hành) mà giảm bớt Trầm, Trao.**

Lỗi lầm của loại Bất Tác Hành này, cần dùng Tư để đối trị nó, mới có thể đạt đến mục đích diệt trừ Trầm, Trạo.

Tư là thúc đẩy Tâm, Tâm Sở khiến cho nó hành động; đây chính là hành vi đoạn trừ Trầm, Trạo mà dùng Tư để Tác Hành (thực hành); xin chớ tùy thuận trôi theo Trầm, Trạo ấy; hoặc để nó lớn mạnh hơn.

- **Nói sơ về đối trị Tác Hành**

Phải Tác Hành như thế nào?

- **Trải qua Trầm, Trạo vi tế dùng toàn tâm hoặc hạ tâm để đối trị**

Nếu Trầm, Trạo không nghiêm trọng quá; vì vậy, tướng hôn trầm hiện ra thì bằng toàn tâm làm cho nó giảm hẳn sức mạnh bằng sự sáng suốt hoặc tu quán sát.

Nếu tướng trạo cứ hiện ra thì hạ tâm làm cho nó thư giãn hoặc chuyên tu an Định. Cho nên, trong quá trình tu Chỉ, toàn tâm hay hạ tâm, tu Chỉ hay tu Quán, tùy tình huống của tâm mà ứng dụng để đạt được sự cân bằng cần thiết. Giống như cưỡi ngựa; ngựa quẹo trái thì giựt dây cương về bên phải và ngược lại để ngựa đi đúng đường quy định.

- **Trầm, Trạo nghiêm trọng nên dùng tướng vui, mừng hoặc chán nản để đối trị**

Nhưng Trầm, Trạo nghiêm trọng, không dễ trừ bỏ thì nên dùng cách đối trị đặc biệt.

Nếu Trầm không nặng, tu tướng Quang Minh hoặc tu tướng công đức của tâm Bồ Đề... có thể làm cho vui mừng.

Đợi đến khi Trầm, Trạo dừng rồi, lại dựa vào Bốn Tính Thanh Tịnh vốn có và an trụ vào Sở Duyên để tiến tu.

Đối trị mất Tác Hành

滅時正直行, *Diệt thời chánh trực hạnh,*
斷於功行失. *Đoạn ư công hạnh thất.*

Khi mất hạnh chánh trực, Công hạnh bị cắt đứt.

• **Dùng xả để diệt lỗi làm Tác Hạnh**

- **Tâm, nếu không Trầm, Trạo mà bình đẳng An Trụ thì nên Tu Xả.**

Nếu tu tập đến không còn Trầm, Trạo thì tâm được bình đẳng, chánh trực. Lúc ấy, không nên quá gắng sức mà để tâm bình đẳng, chánh trực vận hành là được. Đây gọi là Xả. Khi Xả không dụng công nữa, để cho tâm ở trong trạng thái bình đẳng, chánh trực và tự do tiến hành. Như vậy có thể cắt đứt sai lầm đối với công hạnh.

- **Ví dụ cưỡi ngựa để làm sáng tỏ vấn đề này.**

Điều này ví như cưỡi ngựa, nếu ngựa không quẹo sang trái, không quẹo sang phải thì nên thả lỏng dây cương để nó chạy thẳng về phía trước.

Sau thời gian này, đừng ghì dây cương lại, cứ để ngựa chạy như trước; nếu không, ngựa sẽ không thoải mái và nó sẽ quẹo sang phải hay trái.

Tu Chỉ cũng giống như vậy, nếu tâm đã bình đẳng, an trú mà vẫn còn phòng hộ Trầm, Trạo bằng cách tác động (tác hành) vào; kết quả sẽ khiến cho tâm tán loạn. Vì vậy, đến giai đoạn này nên dụng công tu Xả một cách thông thả.

• **Đây là Đoạn Hành Xả thứ tám:**

Có thể diệt trừ lỗi lầm của Tác Hành thứ năm. Được như vậy thì tâm nhanh chóng được an Định.

Lịch trình Trụ Tâm

內住亦續住,	<i>Nội trụ diệt tục trụ,</i>
安住復近住,	<i>An trụ phục cận trụ,</i>
調順及寂靜,	<i>Điều phục cập tịch tĩnh,</i>
次最極寂靜,	<i>Thứ tối cực tịch tĩnh,</i>
專注於一趣,	<i>Chuyên chú u nhất thú,</i>
等持無作行:	<i>Đẳng trì vô tác hành:</i>

聖說止方便, *Thánh thuyết Chỉ phương tiện,*
 不越九住心. *Bất việt cửu Trụ Tâm.*

Nội trụ và Tục trụ, An trụ lại Cận trụ,
 Điều thuận và Tịch tĩnh, Kế tịch tĩnh rất mực,
 Chuyên chú về một hướng, Không ngoài chín Trụ Tâm.

• **Lịch trình Trụ Tâm có chín giai đoạn**

○ **Nói chung**

Từ nhiếp tâm lúc mới học đến khi thành tựu Chánh Định có chín Trụ Tâm, cũng là quá trình tu tập Trụ Tâm, có thể chia ra chín giai đoạn.

○ **Giải thích nội hàm của chín Trụ Tâm.**

▪ **Quá trình an trụ Sở Duyên (có bốn):**

✓ **Nội trụ: Thu Tâm hướng nội, trụ ở Sở Duyên.**

Hầu hết con người xưa nay, tâm luôn tán loạn hướng ngoại, nhà Nho gọi là phóng tâm; giống như gà, chó đi lạc, quên đường về nhà. Tu Chỉ chính là thu và giữ cái Tâm tán loạn hướng ngoại này, khiến cho nó ở lại Sở Duyên của nội tâm, không để nó chạy ra ngoài.

✓ **Tục trụ: Tâm luôn trụ nội Cảnh.**

Khi mới bắt đầu nhiếp tâm, tâm thô động, không dừng, giống như ngựa hoang không ngừng nhảy nhót, khó cho nó vào khuôn phép. Tu tập lâu ngày, tâm loạn động cũng bớt dần

chút ít thì tâm mới có thể an trụ ở nội cảnh và liên tiếp như vậy, không còn rong ruổi, tán loạn.

✓ An trụ: Biết rõ thất niệm, giữ tâm dừng lại.

Tuy nói an trụ liên tục nhưng về sau, không phải là không thất niệm, rồi rong ruổi, tán loạn. Song tu tập đến đây thì vọng niệm vừa khởi, tâm hướng ngoại nảy ra thì biết liền, giữ tâm trụ lại trong Sở Duyên. Đến giai đoạn này, mới có thể nói là Tâm An Định.

✓ Cận trụ: Tâm trụ Sở Duyên để không tán loạn.

Đây là công phu đã tiên bộ, đã đến chỗ không sanh khởi Vọng Niệm, không tán loạn hướng ngoại. Bởi vì, vọng niệm sắp khởi lên đã có thể biết trước rồi, chế phục ngay. Như vậy, tâm an trụ được ở Sở Duyên thì sẽ không tán loạn theo ngoại cảnh, cho nên, gọi là Cận Trụ.

▪ ***Quá trình hàng phục Phiền não (có ba):***

✓ Điều thuận: Có khả năng không bị loạn động do ngoại cảnh mê hoặc, quyến rũ.

Điều thuận ngũ Dục: Sắc, Thinh, Hương, Vị, Xúc; ba Độc: Tham, Sân, Si; thêm Nam, Nữ. Tất cả mười tướng này hay khiến tâm rong ruổi, tán loạn. Hiện tại tâm đã an trụ, thấu hiểu công đức của Định, cũng hiểu được lỗi lầm của Dục. Vì

thể lấy Tịnh chế Dục; nội tâm nhu hoà, điều thuận thì không bị những tướng này dụ dỗ làm cho tán loạn.

✓ Tịch tĩnh: Khắc chế được pháp bất thiện ở trong tâm.

Bị sự cám dỗ ngoại cảnh nên mười tướng quan trọng, còn có pháp bất thiện phát sanh trong tâm.

Nếu lo nghĩ, tìm tòi bất chính như quốc độ, bà con, bất tử, ham muốn, oán thù, tổn hại...

Năm Cái: năm phiền não che khuất Chân Tâm: Tham dục, giận hờn, tối tăm ngu ngốc; trạo cử làm ác; nghi.

Đối với những thứ này cũng có thể dùng công đức an Định của nội tâm để khắc chế chúng, tránh khỏi sự nhiễu loạn của chúng.

Đến đây, nội tâm đã Tĩnh Tịch. Vắng lặng giống như nửa đêm không một tiếng động, hoàn toàn chẳng phải là sự tịch tĩnh của Niết Bàn.

✓ Tối cực Tĩnh Tịch lập tức trừ pháp bất thiện trong Tâm.

Tịch Tĩnh ở trên vẫn còn lấy Tĩnh để chế phục Tâm Tứ... phiền não; chúng chưa hết hẳn hiện khởi. Hiện tại có thể tiến bộ đến chỗ: Khi Tâm, Tứ vừa khởi lên thì liền loại trừ và tiêu diệt ngay.

Bốn Trụ Tâm trước là quá trình an trụ Sở Duyên. Nhưng Tu Chỉ để thành Định, chủ yếu là lìa pháp bất thiện Ác Dục;

cho nên, Định Lực vừa mạnh lên thì từ Trụ Tâm năm đến bảy. Đó chính là quá trình hàng phục phiền não. Tất nhiên, Tĩnh rồi còn phải Tĩnh (Dừng rồi đến Lặng). Đây mới là tiến đến Chánh Định.

▪ ***Giai đoạn gần đến được Định (có hai):***

✓ Chuyên chú về một hướng: Có Tác Hành, khiến Tâm liên tục chuyên chú để an trụ.

Tâm đã an trụ, không bị ảnh hưởng nhân tố loạn động, bất thiện cả trong lẫn ngoài; đã đến giai đoạn duy trì được Tâm bình đẳng, chánh đạo. Với nỗ lực này có thể khiến tâm chuyên chú đến đồng nhất, có thể không gián đoạn mà, tự nhiên, nhậm vận (vận động tùy ý) liên tục trong an trụ.

✓ Đẳng trì: Không Tác Hành, không tán loạn khiến Tâm nhậm vận tương tục mà an trụ.

Đây là chuyên chú về một hướng đã tiến bộ, công phu thuần thực, không cần dụng Công thêm; Vô tác hành mà nhậm vận tự tại; liên tục không tán loạn và an trụ. Tu tập Chỉ mà đến giai đoạn này thì đã đạt được Định.

• **Chín Trụ Tâm bao quát cả phương pháp Tu Định**

Phương pháp tu Định không phải một, thời gian có kết quả, tùy người, cũng khác nhau.

Giảng dạy Trụ Tâm có nhiều cách như tám đoạn hành... đều được. Nhưng từ mới nhiếp Tâm cho đến thành tựu chánh định; trình bày quá trình hoàn chỉnh này, dựa vào Phật (Tổ) đã nói: Quá trình phương tiện tu chỉ không ra ngoài chín trụ tâm siêu việt, cũng không ra ngoài pháp môn chín trụ tâm. Vì vậy, tu tập Chỉ nên dựa vào đây tu tập, nhưng tiến trình nhận thức chính mình đã đến giai đoạn nào để tránh tăng thượng mạn và làm hỏng chính mình.

Biểu đồ tóm tắt

1	2	3	4	5	6	7	8	9
Nội Trụ	Tục Trụ	An Trụ	Cận Trụ	Điều Thuận	Tịch Tĩnh	Rất mực Tịch Tĩnh	Chuyên chú một hướng	Đẳng Trì
Thanh Văn Lực	Tư Duy Lực	Sức nhớ nghĩ		Sức Chánh Tri		Sức siêng năng		Sức tập luyện
Gắng sức xoay chuyển Tác Ý		Có lúc thiếu vận chuyển tác ý					Luôn luôn thiếu vận chuyển tác ý	Không dụng công vận chuyển tác ý
Quá trình an trụ Sở Duyên				Quá trình hàng phục phiền não			Giai đoạn gần được Định	

Được thành tựu Chỉ

若得輕安樂, *Nhược đắc khinh an lạc,*

是名止成就. *Thị danh Chỉ thành tựu.*

Nếu được vui, khinh an; Gọi là thành tựu Chỉ.

- **Trong quá trình Tu Chỉ, lúc hình như là Định, nhưng Định chưa thành tựu**

Trong quá trình Tu Chỉ, sớm có được một số cảm giác nhẹ nhàng, thư thả, vui vẻ của thân, tâm, và cũng có phát hiện cảm xúc nóng, cảm xúc chuyển động. Nhưng thẳng đến Tâm Trụ thứ chín có thể không phân biệt, nhậm vận không dụng công, vẫn chỉ là tương tự Định, chưa thể nói thành tựu Định.

- **Nói về điều kiện và tướng trạng thành tựu của Chỉ**

- **Điều kiện Chỉ thành tựu.**

Đây là điều cốt yếu, nếu thân tâm sanh khởi nhẹ nhàng, an vui; dẫn đến thân tâm tinh tấn, đối với Sở Duyên được tự tại, đủ sức chịu đựng. Đây mới gọi là thành tựu Chỉ, cũng chính là giai đoạn thứ nhất của Vị Đáo Địa Định (chưa đến Định).

- **Tướng trạng Phát Định, Đắc Định và Xuất Định**

- ***Phát Định.***

Khi phát Định, trước hết trên đỉnh đầu hiện lên Cảm Xúc nặng nặng, nhưng vô cùng thoải mái, kể đến thân tâm phát sanh nhẹ nhàng, an ổn. Do tâm nhẹ nhàng làm cho thân nhẹ nhàng. Trạng thái này đến cực mạnh, sự an vui đến khắp các bộ phận của thân thể, tận xương tận tủy.

Lúc ấy, trong Tâm có chấn động lớn, dường như cả thân và tâm reo mừng.

▪ **Đắc Định.**

Đợi đến khi tánh xung động qua đi thì sự an vui, nhẹ nhàng, vi diệu tương ứng với thân.

Trong tâm vẫn như cũ không hề dụng công, vững chắc an trụ Sở Duyên không hề phân biệt. Đây mới gọi là Đắc Định.

▪ **Xuất Định.**

Từ đây đến sau khi Xuất Định, ở trong đi, đứng, nằm, ngồi và các hành vi khác đều có Định và khinh an tương thích, giống như luôn ở trong Định.

○ **Trở lại vào Định thì có thể tăng trưởng vượt bậc**

Nếu Tu Chỉ, Nhập Định trở lại, giữ Tâm không tán loạn thì có thể nhập Định ngay; thân, tâm sanh khởi khinh an và, hơn nữa, có thể không ngừng tăng trưởng vượt trội.

Giải thích công đức của Thiền Định

明 顯 無 分 別, *Minh hiển vô phân biệt,*

及 妙 輕 安 樂, *Cập diệu khinh an lạc,*

是 道 內 外 共, *Thị đạo nội ngoại cộng,*

由 觀 成 差 別. *Do quán thành sai biệt.*

Rõ ràng không phân biệt; Khinh an, vui nhiệm màu,

Là đạo chung trong, ngoài; Do quán thành phân biệt.

• **Nói rõ công đức đặc biệt hơn hết của Thiền Định**

○ **Nói chung công đức của Thiên Định bao trùm tất cả.**

Thành tựu về Định có được là do công đức thù thắng của Định phát sanh. Công đức của Thiên Định trùm khắp có ba: Minh hiển, Vô phân biệt, Vi diệu khinh an lạc.

○ **Nói riêng ba loại công đức của Định**

▪ **Minh hiển.**

Là Tâm vô cùng sáng suốt, vắng lặng, Sở Duyên ở trong Tâm cũng vô cùng sáng tỏ; giống như trăng sáng trong bầu trời, vạn dặm không một bóng mây.

▪ **Vô phân biệt.**

Là Tâm an trụ mà nhậm vận tự nhiên, rõ ràng phân minh, chưa từng có dụng công tác ý cái gì. Cho nên, Tâm Cảnh lúc ấy; giống như biển cả trong veo, yên lặng, không gợn sóng lăn tăn. Thật có thể nói đây là trạng thái tinh tảo vắng lặng!

▪ **Vi diệu, khinh an, lạc.**

Ở trong Cảnh Định như thế, còn có được thân tâm nhẹ nhàng, vi diệu; nhờ đó mà bỏ ác, làm lành với sức mạnh phi thường và cực kỳ tự nhiên, không giống như đi thuyền ngược dòng. Đối với Cảnh Dục, tự nhiên không khởi tâm đấm đuổi.

Với Cảnh Định ở giai đoạn thấp nhất mà sâu thẳm, nhiệm mầu đến như vậy đó!

• **Phân biệt Định thế và Định xuất thế**

○ **Thiền Định là pháp tu chung cho cả thế gian phàm phu, ngoại đạo.**

Tuy Thiền Định mầu nhiệm, sâu xa như vậy nhưng, những người ở trong thế gian hay xuất thế gian; trong Đại hay Tiểu Thừa; còn là Định Chung cho người Phật tử hay ngoại đạo; còn là Định Chung cho người thế gian; cũng là Định cho phàm phu. Tất cả đều có thể tu được.

▪ ***Lỗi lầm Tu Thiền mà rời xa kinh điển.***

Có một số người thích Tu Thiền mà không đọc tụng Tam Tụng kinh điển, cho việc này chỉ tăng trưởng Kiến Giải thôi, đối với người Tu Thiền thì không cần thiết lắm. Đối với hạng người rời bỏ việc thấu hiểu giáo điển mà chỉ chuyên tâm tu tập và dựa vào một ít kinh nghiệm tu hành của chính mình; rời cho như vậy là hết mức, không còn gì nữa.

▪ ***Sai lầm cho đạo đức Thiền Định là chứng ngộ.***

- ✓ Từ chỗ xa lìa Dục, cho nên chính mình biết được không sanh khởi phiền não (cõi Dục) và cho là cắt đứt phiền não mà không bị phiền não nhiễm ô.
- ✓ Từ chỗ Định sanh khởi và lực của Định tiếp nối, rời cho là Động, Tĩnh nhất như, luôn ở trong Định.
- ✓ Từ chỗ Nhậm vận mà Tâm không dụng công, không phân biệt, rời cho là đã chứng được Trí Vô Phân Biệt.
- ✓ Thấy vậy, cho rằng có Giải Thoát (như nói Tu chứng Tứ Thiền, rời cho là chứng được Tứ Quả); cho rằng cũng có

Thành Phật; không biết đây còn là sơ bộ của Định chung cho cả thế gian!

Thật ra, người có thể nghiệm tu tập như thế cũng không quá nhiều.

▪ ***Còn chưa được Định mà Tâm đã điên rồ.***

Có một số người còn ở trong quá trình Tu Chỉ, và thân tâm có ít kinh nghiệm đặc thù, rồi cuồng vọng cho rằng chính mình đã chứng được Chân Diện Mục mà không biết.

▪ ***Tu Thiền không tu Quán Huệ, không chứng được phép xuất thế.***

Tu Thiền mà không tu Huệ Quán và cho rằng Thiền Na chính là Bát Nhã nên vĩnh viễn không thể vào sâu trong pháp Xuất Thế; thật đáng thương xót!

○ ***Định chung của thế gian, do Huệ Quán nên có khác nhau Định thế gian, Xuất thế gian; Định Tiểu Thừa, Đại Thừa.***

Đây vẫn còn là giai đoạn bắt đầu trên con đường Tu Định chung của thế gian; vì từ Huệ Quán mà có khác nhau: Đây là Thiền thế gian; là Thiền Xuất thế gian; là Thiền Tiểu Thừa; là Thiền Đại Thừa.

▪ ***Quán Huệ không giống nên Định không giống.***

Đây là nói: Sau khi chứng được Định Vị Đáo Địa này.

✓ ***Dựa vào Sáu Hành Quán trở thành Định hai cõi.***

Nếu Tu Hân Thượng (mừng trên), Yêm Hạ (chán dưới) trong sáu Hành Quán (yêm hạ: khổ, thô, chướng; Hân thượng: Tịnh, Diệu, Ly). Theo thứ tự lên dần, rồi thành Định Sắc, Vô Sắc của thế gian.

✓ Dựa vào Vô Thường, Vô Ngã Quán trở thành Định Thanh Văn.

Nếu bằng cửa ngõ Quán Vô Thường, từ từ đi và Quán Vô Ngã, Ngã Sở mới là Định của Thanh Văn Thừa.

✓ Dựa vào Pháp Quán Tánh Không trở thành Thiên Định Đại Thừa.

Nếu dựa vào đây, Pháp Quán Tánh Không, Bất Sanh Bất Diệt thì tương ứng với Bát Nhã Đại Thừa, cũng thành Thiên Định Đại Thừa.

✓ Vì thế, chỉ Tu Thiên Định, không Tu Quán Huệ thì không thể giải thoát sanh tử, càng không thể nói Thành Phật được.

✓ Tam Luân Thế Không của Thiên Ba La Mật Đa thì tương ứng với Vô Sở Đắc Huệ.

Nếu tu Định này thì tương ứng với Vô Sở Đắc Huệ. Thiên Ba La Mật Đa chính là Tam Luân Thế Không.

f. Huệ Độ

Khen ngợi Đức Bát Nhã

般若波羅蜜,

Bát Nhã Ba La Mật,

最尊最第一!	<i>Tối tôn, tối đệ nhất!</i>
解脫之所依,	<i>Giải thoát chi sở y,</i>
諸佛所從出.	<i>Chư Phật sở y xuất.</i>
Bát Nhã Ba La Mật,	Là tôn quý số một.
Nơi Giải Thoát nương về,	Nơi sanh ra chư Phật.

• **Bát Nhã là nguồn gốc bậc Thánh ra đời và là nơi Công Đức Vô Lượng phát sanh**

Từ đây trở xuống, nói Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bát Nhã Ba La Mật Đa, ở trong tất cả công đức vô lượng, được cho là vô cùng tôn quý số một! Trong kinh nói vô số lời khen ngợi Bát Nhã. Ý nghĩa cuối cùng là gì mà được tôn kính đến thế?

○ **Nói rõ tính vượt trội đặc biệt của Bát Nhã**

Công đức của Phật pháp vô biên, hết thảy đều có tính vượt trội, đặc biệt và đều có giá trị đáng tôn trọng.

▪ ***Khác nhau giữa thế và xuất thế.***

Nhưng Bát Nhã có một ý nghĩa đặc thù, đáng được tôn trọng. Đây chính là căn bản của Phật pháp.

Bát Nhã là nơi tồn tại khác nhau giữa phàm phu và bậc Thánh, giữa pháp thế gian và pháp Xuất thế gian.

▪ ***Là nơi nương tựa của bậc Thánh Tam Thừa và công đức vô lượng.***

Vì thế, tất cả công đức vô lậu, tất cả bậc Thánh Tam Thừa đều dựa vào Bát Nhã mà có.

Như trong kinh nói: "Muốn học ngôi vị Thanh Văn cũng phải nghe Bát Nhã Ba La Mật... Muốn học ngôi vị Bích Chi Phật cũng phải nghe bát nhã ba la mật... Muốn học ngôi vị Bồ Tát cũng phải nghe Bát Nhã Ba La Mật".

- **Tóm lại**, không có Bát Nhã thì không có bậc Thánh xuất thế, không có công đức vô lậu. Vì vậy, tính chất của Phật pháp hơn hẳn tính chất của thế gian pháp; đó chính là Bát Nhã vậy.
- **Pháp môn tất yếu phải Tu để chấm dứt Sanh, Tử và để Thành Phật là Bát Nhã**
 - **Bát Nhã là gì?**
 - ***Bát Nhã là nơi nương tựa căn bản của Thánh pháp Xuất thế***, cho nên, là nơi nương tựa của Tam Thừa giải thoát, bậc Thánh Tam Thừa dựa vào Bát Nhã để giải thoát Sanh, Tử.
 - ***Tất cả chư Phật đều từ Bát Nhã mà ra đời, vì vậy, kinh Bát Nhã gọi Bát Nhã là Mẹ của Phật.*** Như kinh nói:
般若波羅蜜能生諸佛。智度菩薩母,方便以為父: Bát Nhã Ba La Mật năng sanh chư Phật. Trí độ Bồ Tát Mẫu, Phương Tiện dĩ vi Phụ: Bát Nhã Ba La Mật sanh ra chư Phật. Trí bát nhã là Mẹ của Bồ Tát, Phương Tiện là Cha của Bồ Tát.

Như vậy, Bát Nhã là Mẹ sanh bậc Thánh Nhị Thừa, còn là Mẹ sanh ra Phật, Bồ Tát. Thế thì, cuối cùng Bát Nhã là pháp Tiểu Thừa hay pháp Đại Thừa đây?

○ **Có hai nghĩa**

▪ **Ba Thừa cùng học.**

Dựa vào pháp sanh ra các bậc Thánh mà nói: Bát Nhã

Dựa theo nghĩa rộng của Bát Nhã mà nói, cũng chỉ dựa vào pháp sanh ra các bậc Thánh mà nói: Bát Nhã là pháp môn chung của Tam Thừa.

Dựa vào chứng nhập Tánh Không của Bát Nhã mà nói: Không của Thanh Văn giống như lỗ chân lông; Không của Bồ Tát giống như hư không, bản chất của nó hoàn toàn khác nhau.

Ba con thú (thỏ, ngựa, voi) qua sông, chỉ có hương tượng mới có khả năng đến cùng tột.

“Chỉ có Phật với Phật mới có khả năng thấu được Thật Tướng của các Pháp”

Dù sâu, cạn không giống nhau nhưng đều khế hợp đi vào trong dòng Pháp Tánh. Dựa vào ý nghĩa này mà nói: Quán Huệ của Tam Thừa có thể dùng Phương Tiện sâu, cạn không giống nhau nhưng đặc chất căn bản không chút khác nhau.

- ***Một cách tổng quát, tất cả đều hướng về Phật Đạo, mà nói: Bát Nhã chỉ thuộc về Bồ Tát.***

Nhưng theo nghĩa sâu thẳm của Bát Nhã mà nói; nếu cùng với quốc vương giao hợp mà sanh ra vương tử thì “Mẹ xem con là quý tử”, so với sự sanh con của thường dân, không giống nhau. Dựa vào đây, Bát Nhã và Tâm Bồ Đề tương, Đại bi lấy Bát Nhã làm trên hết; Bát Nhã trang nghiêm cho năm Độ; Bát Nhã có thể thu nhiếp tất cả công đức và hướng về Phật Đạo. Như vậy, “Bát Nhã... chỉ thuộc về Bồ Tát”; “Sanh ra chư Phật”. Bát Nhã thể hiện Không Tánh của vạn Pháp nên không chỉ không phù hợp đi vào Không Tịch của Nhị Thừa, mà còn là Phương Tiện Thiện Xảo, trở thành là người hướng dẫn tất cả công Đức, trở thành tổng tướng của tất cả Bát Nhã Ba La Mật.

Cho dù nói cách nào, Bát Nhã, quyết định, là đặc chất Pháp của Bạc Thánh Xuất Thế, không phải là bổ thí, thiên định,... có thể đạt đến được, mà là pháp môn tất yếu tu tập để chấm dứt Sanh Tử và để Thành Phật.

Tuần tự tiến tu: Văn, Tư, Tu, Chứng

現證由修得, *Hiện chứng do tu đắc,*

修復由思聞; *Tu phục do Tư, Văn;*

善友及多聞, *Thiện hữu cập đa văn,*

實為慧所依. *Thật vi Huệ sở y.*

Hiện chứng do tu được, Tu còn do Văn, Tư;

Bạn lành và nghe nhiều, Thật ra nhờ Trí Huệ.

• **Thứ tự tu học theo Bát Nhã.**

○ **Bát Nhã có Bát Nhã thắng nghĩa và Bát Nhã thế tục.**

- ***Thắng nghĩa Bát Nhã là Trí Huệ hiện chứng Thật Tướng Bát Nhã.***

Bát Nhã chân thật là do tu tập mà có được Bát Nhã hiện chứng, là Bát Nhã thể nghiệm thân chứng.

Như nói: “Thật tướng Định (khê hợp, như như, bất động) của Bát Nhã thì cực quan trọng, sâu sắc, cho nên, Trí Huệ khinh bạc không thể xứng hợp”. Nên biết, Bát Nhã là danh từ vốn có của thế gian, là lấy Lý Trí giản trạch làm Tánh. Tuy nhiên, Bát Nhã hiện chứng Thật Tướng thì thế gian, từ xưa đến nay, không có; đương nhiên, cũng không phải là danh từ vốn có của thế gian. Thế thì phải gọi thế nào cho đúng đây?

Phật bằng phương tiện khéo léo, khiến cho chúng sanh nương vào Huệ Tánh vốn có của thế gian, giúp cho chúng tiến triển đến chỗ cao sâu, tiến triển đến Lý Trí siêu việt thế gian. Đó là hiện chứng Thật Tướng. Đây là dựa vào Tánh của

Trí Huệ giản trạch nên được phát sanh; Cho nên, tuy không phải là Trí Huệ vốn có của thế gian cũng có thể gọi là Bát Nhã. Thật ra, tu tập mới có được Bát Nhã Chân thật, quyết chẳng phải là đem ra so sánh với Lý Trí của thế gian.

▪ ***Bát Nhã thế tục là ba Huệ: Văn, Tư, Tu.***

Hiện chứng của Phật pháp không phải bỗng dưng mà đến; nhưng phải có phương tiện, có nhân duyên; đó chính là không lìa khỏi ba Huệ: Văn, Tư, Tu.

✓ Hiện chứng Huệ thành tựu được là do tu ba Huệ.

Hiện chứng Huệ là Huệ do tu tiến bộ mà có được. Trí Huệ được thành tựu bởi Tu Trí này cùng với Quán Huệ của Định tương ưng.

Tu cũng không phải là Tu mù mà còn do Tư Huệ mà có; đối với nghĩa lý của pháp phải Tư Duy, chọn lựa, khắc sâu vào Ý Thức mới có thể làm Sở Duyên của quán Sát.

Tư Huệ lại phải Từ Văn thành tựu mà có được. Văn là “hoặc nghe từ Phật hoặc nghe từ đệ tử của Phật hoặc nghe từ kinh điển.”

✓ Tam Huệ là Tu học theo mười Pháp Hành.

Nói rõ về ba Huệ: Văn, Tư, Tu; đó chính là mười Pháp Hành: “Viết kinh sách; Cúng dường; Bồ thí người khác; Nếu

có người khác tụng, đọc chí tâm nghe kỹ; chính mình đọc, tụng; Thọ trì; Vì người giải thích ý nghĩa kinh văn; Phúng tụng; Tư duy; Tu tập.” Phật pháp cần dựa vào sự chỉ dạy của Phật, Bồ Tát mà tu tập, đó cũng là quá trình tu học Tam Huệ; đặc biệt là Bát Nhã, nếu không bắt đầu từ Văn, Tư, Tu thì không thể!

▪ ***Văn; Tư, Tu; Chứng minh là ba loại Bát Nhã.***

Nói tóm lại, ba loại Bát Nhã này, bình thường, hay nói đến.

- ✓ Trí Huệ hiện chúng là Bát Nhã Thật Tướng, là ý nghĩa vượt trội của Bát Nhã.
- ✓ Trí Huệ Tu và Tư là Bát Nhã Quán Chiếu
- ✓ Trí Huệ Tư và Văn là Bát Nhã Văn Tụ (Tư Huệ thì dựa vào Văn cũng có thể không dựa vào Văn: Lời văn, ngôn ngữ).

Văn (nghe); Tư, Tu là Bát Nhã thế tục; bởi vì có thể làm nhân duyên cho Bát Nhã thắng nghĩa, đây là Trong Nhân nói Quả, cũng là mượn tên Bát Nhã.

Sơ đồ

1. Viêt kinh sách, 2. Cúng dường, 3. Bồ thí, 4. Chí tâm nghe kỹ, 5. Chính mình đọc, 6. Thọ trì, 7. Vì người khác giải thích Văn nghĩa, 8. Phúng tụng, 9. Tư duy, 10. Tu tập.

- Từ 1- 8 là Văn (nghe) cũng là Bát Nhã Văn Tụ

- 9 là Tư
 - 10 là Tu
- } Bát Nhã Quán chiếu

Chứng: Bát Nhã Thật Tướng; Bát Nhã Thắng Nghĩa

Từ Văn, Tư, Tu (không kể chứng): Bát Nhã Thế Tục.

- **Bạn lành và Học nhiều là phương tiện đầu tiên của việc tu học Bát Nhã.**

Tu học Bát Nhã thì lấy kinh luận Bát Nhã làm đối tượng Văn, Tư, cũng là tư lương phải có. Phương tiện đầu tiên của tu học Bát Nhã là Văn, Tư, cho nên gần gũi bạn lành và huân tập đa văn là tất yếu, không thể thiếu. Đó chính là chỗ nương tựa, tu học Huệ.

- **Nói riêng ý nghĩa của Đa Văn.**

Có hai điểm nên chú ý:

- **Thấu hiểu Thật Nghĩa mới là Đa Văn.**

Đa Văn hoàn toàn không phải hiểu rộng về Danh Tướng mà thôi.

- ***Dựa vào âm thanh để nghe được Pháp, nghe Vô Thường, Vô Ngã là Đa Văn; cho nên nói:***

若人生百歲,	Nhược nhân sanh bách tuế,
不解生滅法,	Bất giải sanh diệt pháp,
不如生一日,	Bất như sanh nhất nhật,

而得解了之。 Nhi đắc giải liễu chi.

Nếu người sống 100 tuổi, Mà không hiểu pháp Sanh Diệt;
Không bằng sống một ngày, Mà hiểu được pháp ấy.

- Trong pháp Đại Thừa thì Đa Văn là nghe Tánh Không Bất Sanh Bất Diệt, như kinh Lăng Già nói. Vì vậy, không đạt được Thật Nghĩa mới là Thiện Tri Thức Đa Văn.

○ ***Dựa vào Văn hướng đến Tư, Tu mới là Chân Nghĩa của Đa Văn.***

Ở trong mười Pháp Hành, Văn chỉ là nghe, đọc tụng, giảng giải; cũng chính là nhờ văn mà thấu nghĩa. Vì vậy, nếu lấy Văn Huệ làm đối tượng để tu học Bát Nhã thì vô ích, không hợp với pháp Phật. Đó là trôi dạt ở ngoài Tam Tạng Giáo Điển. Điều đó, tuy là tốt yếu nhưng, vẫn là mới bắt đầu; còn phải dựa vào đây để hướng thẳng đến Tư, Tu.

Dựa vào kinh luận

般若本無二,

Bát Nhã bản vô nhị,

隨機行有別;

Tùy cơ hành hữu biệt;

般若諸經論,

Bát Nhã chư kinh luận,

於此最親切。

Ư thử tối thân thiết.

Bát Nhã vốn không Hai, Tùy cơ, hành có khác;
 Các kinh, luận Bát Nhã, Đây nơi thân thiết nhất.

- **Lược nói khác và giống về Tu, Chứng Bát Nhã**
 - **Nội dung của hiện chứng Bát Nhã là bình đẳng, không phân biệt.**

Học Bát Nhã theo những gì Phật đã chỉ bày là dựa vào pháp Duyên Khởi mà hiển thị pháp môn thắng nghĩa của Pháp Tánh. Văn, Tu như vậy lại Tu Quán như vậy để đi đến Hiện Quán. Từ nội dung của Bát Nhã là nội dung Thê Chứng mà nói: Xưa nay là Bát Nhị Vô Phân Biệt, Tất cả phần chứng của Bồ Tát, viên chứng của mười phương chư Phật, thảy đều bình đẳng. Vì vậy nói:

與十方諸佛同一鼻孔出氣

Dữ thập phương chư Phật đồng nhất tỵ không xuất khí:
 Mười phương chư Phật thở ra cùng một lỗ mũi.

- **Theo căn cơ, bố thí giáo nghĩa nên có nhiều điểm không giống nhau.**

Như vậy, theo giáo nghĩa chỉ bày về phương diện tu tập Quán, Huệ cũng vốn không giống nhau.

- ***Tùy cơ nói khác.***

Nhưng mà không phải như thế, vì căn cơ của chúng sanh ưa thích không giống nhau nên Như Lai tùy cơ nói pháp, không thể không có phương tiện thích ứng, nói rõ là có một số điểm không giống nhau.

▪ ***Cùng nghe, hiểu khác; kinh giống, luận khác.***

Những gì Như Lai chỉ dạy đồng nhất với Giáo Điển, nhưng do vì tư tưởng, phương thức của người học hoàn toàn không giống nhau; lý giải ý nghĩa của pháp thì lấy Sở Duyên của Quán Huệ cũng không thể giống nhau hoàn toàn; cũng chính là thứ tự trước sau của Tu Hành, cũng có khác nhau ít nhiều. Ở đây, cách dạy của thầy và học của trò hình thành nên Học Phái; đây đó khác nhau càng hiển lộ rõ ràng hơn.

- Tóm lại, Căn Tánh bất đồng, cho nên Phật pháp tùy cơ mà nói khác nhau, cùng nghe, hiểu khác nên có hiện tượng kinh giống, luận khác.

• **Kinh, luận là chỗ nương tựa để chọn lựa Bát Nhã.**

Bây giờ muốn chỉ bày Bát Nhã Ba La Mật Đa, phải căn cứ vào đâu?

○ **So sánh với học giả ở Ấn Độ**

Tổ sư Trung Quốc cũng có Hành, Giải độc đáo, nhưng nói chung, không bằng sự truyền dạy của các vị Bồ Tát ở Ấn Độ.

Bởi vì, đối với Phật pháp, học giả Ấn Độ giảm bớt một khoảng cách văn tự.

○ **So sánh với học phái Đại Thừa ở Ấn Độ.**

Học phái Đại Thừa ở Ấn Độ cũng có khá nhiều.

▪ ***Tông Trung Quán và Tông Du Già***

Bồ Tát Long Thọ và Đề Bà truyền bá tông Trung Quán; bồ tát Thế Thân và Vô Trước truyền bá tông Du Già, có thể nói là hai phái lớn.

▪ ***Tông Trung Quán dựa thẳng vào hệ kinh Bát Nhã làm ra luận.***

Trong tông này, Bồ Tát Long Thọ xiển dương Quán Huệ về Tánh Không của Tất Cả Pháp, so sánh phần nào bằng cách trực tiếp, ngắn gọn, bởi vì đây là dựa thẳng vào hệ kinh Bát Nhã để sáng tác luận Trung Quán...

- ✓ Như Luận Đại Trí Độ của Long Thọ chính là giải thích rộng kinh Bát Nhã.
- ✓ Trung Luận, Thất Thập Tánh Không Luận, Lục Thập Như Lý Luận, Thập Nhị Môn Luận, Hồi Tránh Luận, Bảo Man Luận... của Long Thọ, cho đến Bách Luận của Đề Bà đều dựa vào kinh Bát Nhã để sáng tác, nhằm phát huy pháp môn: Nhất Thiết Pháp TÁNH KHÔNG.

○ **Học Bát Nhã dựa vào kinh Bát Nhã và các luận của Tông Trung quán là chính.**

Vì vậy, các kinh thuộc hệ Bát Nhã và các luận dựa vào Bát Nhã của học phái hệ Long Thọ; giải, hành học Bát Nhã, từ đây được xiển dương; có thể nói, không quá lời, là cực kỳ gần gũi.

- **Bây giờ dựa vào đây để trình bày, đến sau cùng, sẽ nói thêm đặc điểm của ba hệ Đại Thừa và tính dung thông như thế nào.**

Duyên khởi Trung Đạo.

Phật nói Nhị Đế

諸佛依二諦,	<i>Chư Phật y Nhị Đế,</i>
為眾生說法:	<i>Vì chúng sanh thuyết pháp:</i>
依俗得真諦,	<i>Y Tục đắc Chân Đế,</i>
依真得解脫。	<i>Y Chân đắc Giải Thoát.</i>

Chư Phật nương hai Đế, Vì chúng sanh nói Pháp:
Nương Tục chứng Chân Đế, Nương Chân chứng Giải Thoát.

- **Nói tổng quát về Nhị Đế.**
 - **Nhị Đế là phương pháp quan trọng để quán sát đúng đắn Bát Nhã.**

Sự giáo hóa của chư Phật là dựa vào hai Đế và vì chúng sanh mà thuyết pháp.

Nhị Đế là Thê Tục Đế, Thắng Nghĩa Đế; nói tắt là Tục Đế, Chân Đế. Phương pháp của hai Đế là phương pháp quan trọng để quán sát đúng đắn Bát Nhã.

○ **Trước nói về Tục Đế**

Vì sao, Phật nói Nhị Đế?

▪ ***Ý nghĩa của Tục Đế.***

Tự thân của chúng sanh là Thân Tâm cùng với vạn hữu trong thế gian đều gọi là Pháp.

Đối với Tâm Cảnh của chúng sanh thì vật chất là có thật, tinh thần là có thật. Vật lý, Sinh lý, Tâm lý, mỗi pháp đều có liên quan. Nhân Quả là tất nhiên, cho nên, từ trong liên quan ấy phát hiện ra phép tắc chế ngự vật chất, điều trị thân tâm, tề gia, trị quốc. Điều này xem ra là xác thật như thế, nhất trí công nhận: Đây là một thế giới thường thức và gọi là Tục Đế.

▪ ***Phạm vi và sâu cạn của Tục Đế.***

Trong Tục Đế có sự tiềm ẩn thâm sâu, sự biểu hiện nông cạn.

- ✓ Như các thứ vật chất gỗ, đá,... người nào cũng có thể thấy nhưng nguyên tử, điện tử phải nhờ dụng cụ khoa học mới có thể thấy được.

✓ Còn như sự sống hiện giờ, người nào cũng biết được nhưng, kiếp trước và kiếp sau thì phải có thiên nhân mới thấy được; Tuy có cạn, sâu không giống nhau nhưng, đều là hiểu biết của những tâm thức bình thường. Giống như Phật nói: ba cõi, sáu đường, năm uẩn, sáu xứ, Phiền não, Nghiệp, Khổ,... cũng là nói rõ Thế Tục Đé.

○ **Kế tiếp Tục Đé là biểu hiện Chân Đé.**

▪ ***Tục Đé trong Tâm Cảnh của chúng sanh hoàn toàn không phải là Chân Tướng.***

Ở trong Tâm Cảnh thuộc Tục Đé của chúng sanh, nhất mực, là thật, là không nghi ngờ, là không thể chạy trốn.

Nhưng với hiện thực, công nhận này chính là Chân Tướng của Cứu Cánh sao? Không phải.

Ở trong Tri Thức tiến bộ đã phát hiện trăm ngàn điều chân thật của quá khứ nhưng hoàn toàn không phải như thế. Như nguyên tử không thể phân chia mà hiện tại, biết được là hiện tượng hợp thành của điện tử. Như màu sắc xanh, vàng,... mà hiện tại biết được là do sóng ánh sáng khác nhau.

▪ ***Từ trong Chánh Giác của Phật hiển hiện chương ngại về sự ngu tối của chúng sanh.***

Ở trong Chánh Giác của Phật, biết được kinh nghiệm có được của chúng sanh, sự chân thật của thế gian là hư dối,

không thật, cho nên gọi là Tục Đế; là do vô vàn nhân duyên biểu hiện ra như thế mà, hoàn toàn, không có một pháp nào Chân Thật. Điều này có thể thấy mọi người đều cho nhận thức như vậy là chính xác mà, hoàn toàn không thể thấy được Chân Tướng của thế gian; ngược lại, biểu hiện sự chướng ngại con người vương phải ngu tối; nếu không phá trừ cái sai lầm từ sự mê muội này và thấu rõ cái thấy thông thường thì không thể nào thấy rõ các Chân Tướng của thế gian. Sự lý giải này là điểm chung của pháp Phật.

○ **Từ trong Tục Đế bỏ Vọng, hiện Chân rồi thể nhập Chân Đế.**

Vì vậy, việc tu hành trong pháp Phật chính là từ trong chánh quán thế gian hiện thực (Tục Đế) mà phát hiện ra sự sai lầm là không thật có; bỏ Vọng, hiện Chân, đi sâu vào việc thể hiện Thật Tướng của thế gian. Đây là Chân Tướng cứu cánh, gọi là Thắng Nghĩa Đế, bởi vì là Cảnh đặc thù do Thế Nghiệm và được sự công nhận của bậc Thánh.

Bát Nhã, tu tập Bát Nhã chính là đạt thành phương pháp dựa vào Tục Đế mà thấy Chân Đế, từ Hư vọng mà thấy Chân Thật, từ phàm phu đi vào bậc Thánh.

• **Nương Tục mà hợp Chân**

○ **Chân Đế tồn tại hoàn toàn không là Tục Đế.**

Nói Chân Đế, chớ tưởng rằng rời bỏ thế gian hiện thực để có một cái gì khác. Phật nói hai Đế để chỉ rõ ngoài hiểu biết chung về hiện thực thế tục, còn có Chân Tướng mà các bậc Thánh cùng chứng. Đây chính là Bản Tướng của tất cả pháp, hoàn toàn không là hiện thực thế gian mà tồn tại; cho nên, nếu chẳng dựa vào Tục Đế thì không thể Có Chân Đế. Đây chính là: 即相顯性: Tức Tướng hiển Tánh: Từ nơi Tướng hiển lộ Tánh.

○ **Trước nói rõ nguyên nhân khổ đau của thế gian, sau mới có thể phá trừ Vọng tưởng, có được Giải Thoát.**

Vì sao phải tu học như vậy?

- ***Nguyên nhân chúng sanh khổ nạn trong sanh tử, chính là không tương ưng với Chân Lý.***

Bởi vì chúng sanh, nhất là loài người, không thể hiểu thấu Chân Tướng của Thế Gian, cho nên không thể tương ưng với Chân Lý.

Từ đây, Tâm Niệm dấy động, biểu hiện ra hành vi, ngôn ngữ đều không phù hợp với Chân Lý. Cõi chúng sanh, con người đây có cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia; tất cả đều

rồi bời trong khổ nạn, đều chỉ vì những hiện tượng trái ngược, không tương ứng với Chân Lý.

Con người, nguyên nhân từ đời trước đến đời này; đời này đến đời sau, sống chết trôi nổi, khổ đau không dừng, cũng chính là Không Tương Ứng với Chân Lý, là thành quả của Vô minh, Vọng chấp, Điên đảo, Thác loạn.

▪ ***Dựa vào Chân Đế phá Vô Minh mới có thể tiến đến Giải Thoát, thành Phật.***

Vì vậy, Phật nói hai Đế dạy người tu học dựa vào Tục đế được Chân Bát Nhã. Chứng Bát Nhã rồi mới có thể nương vào Chân Đế mà thể hiện qua Tướng và Dụng để phá trừ Vọng chấp, Vô minh, tương ứng với Thắng Nghĩa, cũng là có được Giải Thoát, tiến lên Thành Phật.

Quán đúng Thế Tục

世俗假施設,	<i>Thế Tục giả thi thiết,</i>
名言識所識.	<i>Danh ngôn, Thức, Sở Thức.</i>
名假受法假,	<i>Danh giả thọ pháp giả,</i>
正倒善分別.	<i>Chánh đảo thiện phân biệt.</i>
Thế tục giả thiết lập,	Tên gọi, Thức, đối tượng.
Tên giả, Pháp nhận giả,	Ngược lại khéo phân biệt.

- **Đã biết được nhận thức của thế tục đều là giả Danh thì mới có thể hướng về Chân Thật.**

Tâm Cảnh thường thức của tập quán chúng sanh dường như là thật tại, cho nên nó che khuất Chân Tướng. Nếu dựa vào đây được thì thấu rõ Thế Tục, thấu rõ giả Danh dựng lập thì sẽ khả năng hướng về Chân Thật.

- **Giả danh chính là tất cả những hiểu biết thông thường.**

Vì vậy, ở đây gọi là Thế Tục, bởi vì nó là giả thiết lập nên. Giả thiết lập (giả thi thiết) có nghĩa là Giả Danh: Cái tên giả hay cái tên vay mượn.

Ở đây, không nói là Không Có; cũng không nói lẫn lộn chỉ trái bí mà nói trái bầu.

Ở đây nói cái mà chúng ta nhận thức được là dựa vào vô số Nhân Duyên, vô số liên hệ mà thành.

- Ở đây không phải là Thật Thể, cho nên là Giả.
- Dựa vào Nhân Duyên thành cái này, thành cái kia, cho nên gọi Thi Thiết: Dựng lập, bày đặt.
- Giả mà bày đặt ra là cái này, là cái kia nên gọi là Giả Danh: Cái tên giả, Cái tên vay mượn. Giả danh là tất cả nội dung của hiểu biết thông thường của con người.

- **Danh, Ngôn, Kiến Thức là nhận thức thông thường của Thế Tục.**

Theo tâm nhận thức mà nói, đây là cái Biết của Ngôn ngữ, của Thức và đối tượng của Thức.

Khi một ấn tượng, khái niệm hiện rõ ở Tâm Cảnh của chúng ta thì phân biệt rõ ràng rồi nhận ra: Đây là cái gì, kia là cái gì và chúng ta dùng ngôn ngữ gọi tên đối tượng tương đồng, cho nên gọi Danh- Ngôn- Thức. Đây chính là nhận thức thông thường của Thế Tục.

Nếu là người lớn thì khéo dùng Danh, Ngôn; nhận thức phân minh và còn nói được rõ ràng.

Nếu là con nít, súc sanh thì chỉ có nhận thức; tuy không rõ ràng bằng người lớn nhưng cũng vẫn biết được: Đây là cái gì; tuy không thể nói là cái gì, nhưng có thể biết đây là cái gì. Đương nhiên, cái biết ấy không quá nhiều mà, sai lầm thì nhiều lắm.

○ ***Tất cả tri thức đều lấy Thế Tục làm cơ sở chung, không tìm tòi Chân Tướng được.***

Căn thức của chúng ta là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức đều nhận biết như vậy. Những nhận thức này đều dựa vào Tâm Cảnh rồi tập tành thành thói quen mà có. Thế gian cho là như vậy sẽ là như vậy.

Ở đây không tìm tòi Chân Tướng của Tri Thức cơ bản trong nhận thức chung của Thế tục, phát triển trở thành tất cả Tri Thức của Thế Gian.

Nếu tìm tòi Tướng rốt ráo của từng pháp thì Tri Thức thế tục này sẽ không thể lập thành.

• **Nói về Chánh Quán Thế Tục theo thứ tự từ cạn đến sâu.**

○ **Tam giả.**

▪ ***Nói chung Tam Giả.***

Cái giả của thế thế tục do bày đặt ra cũng có khác nhau: Biến đổi, không biến đổi; có thể chia ra ba loại: Danh giả, Thọ giả, Pháp giả.

▪ ***Giải thích riêng Tam giả:***

✓ **Danh giả: Rõ ràng và biến đổi**

- Không biết giả danh mà cho Danh là Thật.

Như nghĩ đến người, nói đến người rồi cho rằng chính là người đó; tên gọi và ý nghĩa hợp nhất mà, không biết đây là sự tương ứng giữa Danh, Nghĩa giả dựng lập.

- Phá bỏ Danh và Nghĩa, rồi lại chấp trước Danh là thật.

Như không gọi kẻ kia là người, không nghĩ kẻ kia là người; kẻ kia vẫn là kẻ kia; hoàn toàn không lý do, không nghĩ đến, không nói ra mà lại không có. Ở đây có thể thấy

Danh và Nghĩa không nhất định phải tương ứng. Biết được điều này sẽ phá bỏ chấp trước cho Danh là Thật.

✓ Thọ giả:

- Không biết Thọ giả mà lấy vật hợp lại là thật.

Thọ giả, thầy Huyền Trang dịch là Thủ Giả 受假. Như người này, cái nhà kia; đây là những vật do nhiều yếu tố hợp lại mà có; khi nhận thức, luôn luôn cho là: Những thứ này, tuy không chắc chắn gọi là cái gì; nhưng chúng có thật mà không biết đó là những thứ giả dựng lập nên, giả đặt để ra.

- Lấy nhất hợp tướng (tướng tổng quát, tướng chung) để phá bỏ chấp trước cho rằng vật do nhiều yếu tố hợp thành là Thật thể.

Như con người, thông thường nói là do: Tứ chi, xương gân, lục phủ, ngũ tạng,... hợp thành.

Như cái nhà thì gồm: cây, đá, sắt, đất, công nhân hợp thành.

Nếu phân tích con người, cái nhà,... ra thì những nhân tố ấy tách rời ra thì hình thể có thật của cái này hay cái kia không có (nhưng có những cái do giả lập mà thành).

Vì sao gọi là Thọ giả? Bởi vì do nhiều Nhân Duyên kết hợp mà thành Nhất hợp Tướng hay Tổng Tướng.

Đã biết như vậy, thì phá bỏ nhận thức cho rằng Vật do nhiều thứ hợp thành là một nguyên tố đơn lẻ; như trên lấy nguyên tử cho là Thật Thể, rồi Cháp Trước.

✓ Pháp giả.

- Pháp là không mất nhân tố cơ bản của Tự Tánh.

Pháp giả là phân tích một đối tượng đến mức không làm mất Tự Tánh của nó; cũng chính là nhân tố cơ bản của con người, vũ trụ; như hiện tại, chúng là những gì của điện tử.

- Giả là nhân tố của tự tánh cũng không rời Nhân Duyên.

Nhưng, đây vốn là giả lập, bởi vì nó còn có thể biến hóa. Ngay tại hiện thực, khoảng không chẳng hạn, hình thành được cũng nhờ nhân tố đặc hữu của nó, như điện tử không thể nói là không có sự liên quan quyết định của nó. Rời bỏ Nhân Duyên thì bản thân nó hoàn toàn không thể như thế, cho nên cũng là giả lập. Đây là điều khó phá bỏ nhất, vì là cứ điểm tối hậu của chúng sanh để chấp Thật hữu.

- Thứ tự quán sát đúng Tam giả

Quán sát đúng của Bát Nhã, chính là bằng quán Bát Nhã. “Trước phá hoại Danh giả, đến Thọ giả rồi phá Thọ giả; đến Pháp giả rồi phá Pháp giả rồi vào trong Thật Tướng”

Ba giả này nên khéo léo học tập, chớ cho rằng tất cả là Giả lập mà còn, phân biệt tất cả cho rõ ràng.

○ **Chánh, Đảo hai loại Thế Tục.**

▪ ***Nêu lên hai loại Thế Tục.***

Ở trong giả lập của Thế Tục, còn có hai loại: Chánh và Đảo, cũng nên khéo léo phân biệt.

Như ban ngày, gặp, nói chuyện, làm việc với một người; đó là một loại. Gặp người trong mộng, nói chuyện, làm việc; đó lại là một.

✓ **Chánh thế tục: Trong pháp thế tục, thực sự được công nhận là Thực Tại.**

Con người làm việc, hoạt động lúc ban ngày là sự thật, tồn tại ở trong không gian và thời gian; là con người khác có thể nhận biết như một Thực Tại. Trong pháp Thế Tục, điều này được nhận thức là Thực Tại và gọi là Chánh Thế Tục.

✓ **Đảo thế tục: Trong pháp Thế Tục, sự việc có thể biết là hư dối, không thật.**

Nhưng, với cảnh mộng chỉ là cảnh mộng của cá nhân, còn trong pháp thế tục cũng có thể biết là hư dối, không thật.

▪ ***Dùng Đảo thế tục làm ví dụ để nói sự mê lầm, rối loạn, không thật của Chánh thế tục.***

✓ Đảo Thế Tục dựa vào Chánh Thế Tục nhận thức thì biết được hư dối, không thật.

Loại Đảo Thế Tục này:

- Là Cảnh Tượng có sai lầm, rối loạn, như cắm cây bút vào lọ thủy tinh thì thấy cây bút cong lại.
- Như trong mắt có vảy, thấy hoa đóm rơi loạn giữa hư không; đây là sự sai lầm, rối loạn của Căn.
- Như Tâm có Thành Kiến, cho nên, có sự hiểu biết sai lầm; đây là sự lầm lỗi, rối loạn của Thức.

Đây là Danh Ngôn, Thức ở trong Thế Tục, cũng được hiểu là sai lầm, rối loạn, hư dối, không thật.

✓ Chánh Thế Tục cần dựa vào Bát Nhã Chánh Quán mới có thể biết hư dối, không thật.

Nhưng những hiện tượng Vật lý, Sinh lý, Tâm lý thông thường, như giả pháp..., ở trong Danh (tên gọi), Ngôn (lời nói), Thức (phân biệt) thì khó hiểu rõ chúng là sai lầm, rối loạn, hư dối, không thật. Điều này cần Chánh Quán Bát Nhã mới có thể biết Giả Danh của Thế Tục.

✓ Không thể dùng Dị Giải Không để hiểu Nan Giải Không, thì không thể thấu suốt Thật Tướng của Thế Gian.

Vì vậy, Phật hay dùng hư dối, sai lầm, rối loạn của Đảo Thế Tục; như trăng trong nước, cảnh trong mộng, hoa đóm

giữa hư không... để ví dụ về sai lầm, rối loạn, không thật của Chánh Thế Tục. Nếu không biết sự khác nhau này mà, ít nhiều biết một số sai lầm, rối loạn, không thật của Đạo Thế Tục; biết Dị Giải Không về không hoa..., thì không thể dùng Chánh Thế Tục làm Cảnh để quán chiếu Nan Giải Không; thì không thể thấu suốt Chân tướng của Thế gian.

Quán Thuận Thắng Nghĩa

自性如何有? *Tự Tánh như hà hữu?*

是觀順勝義。 *Thị quán thuận Thắng Nghĩa.*

Tự Tánh làm sao có? Là quán thuận thắng nghĩa.

- **Dựa vào Danh, Ngôn, Thức thuộc hữu lậu hướng về Quán Huệ thuộc Thắng Nghĩa.**

Phật, từ trong Danh, Ngôn, Nhận Thức của chúng sanh, chỉ ra cách hướng về Quán Huệ thuộc Thắng Nghĩa. Đây là Danh, Ngôn, Thức thuộc hữu lậu, nhưng thuận với Thắng Nghĩa, không thuận với Thế Tục.

○ **Nói về đặc tính Danh, Ngôn, Thức của Thế Tục.**

- ***Nhận Thức và Hành Động của Thế Tục đều hình thành trên cơ sở không truy tìm cứu cánh.***

Danh, Ngôn, Thức là tùy theo sự chấp nhận chung của Thế Tục, hoàn toàn không vì sự truy tìm cứu cánh gì; đã đến cứu

cánh rồi, sau mới thành lập. Tuy nhiên, sự tiến bộ của tri thức đều có khuynh hướng tìm tòi cứu cánh; nhưng cuối cùng, đều dựa vào sự công nhận của Thế Tục: Tự mình sáng suốt hoặc Tiên thiên (à priori, innè). Với loại độc đoán này là cơ bản của việc không truy tìm Cứu Cánh để hình thành Nhận Thức, hình thành Hành Động.

▪ *Nêu ví dụ để nói rõ.*

✓ Quán sát thời gian, không gian của Địa Cầu.

Ví dụ như nói: Tàu thuyền gặp nguy hiểm vào ngày nào, giờ nào, phút nào; tại tọa độ kinh đông mấy độ, mấy phân.

Bản thân của thời gian, hoàn toàn không có giờ, phút nào cả. Tự thân của trái đất cũng tìm đâu ra độ kinh đông mấy độ, mấy phân.

Chỉ vì giả lập như thế của Thế Tục, được công nhận, nhằm biết thời gian nào, thuyền ở chỗ nào và mọi người mới đặt ra phương pháp giải cứu con thuyền ấy.

✓ Luận về thứ tự tiến hóa của nhà khoa học.

Còn các nhà khoa học hiện đại cho rằng trái đất là xuất phát từ mặt trời, từ không có sinh vật rồi có sinh vật, thực vật, động vật rồi đến loài người; tạo thành, tuân tự tiến hóa theo hàng dọc. Nhưng đối với những vật chất này, vì sao mà có;

vật chất dựa vào cái gì mà thành lập; cái trước hết hoặc cái sau cùng cũng hoàn toàn không thể truy cứu rốt ráo. Nếu hỏi đến cuối cùng thì tất cả học vấn khó mà đứng vững được.

✓ Thuyết nguồn gốc vũ trụ của nhà triết học.

Còn như nhà triết học truy tìm giả thiết nguồn gốc của vũ trụ là: Vật lý, Sinh lý, Tâm lý hay đa nguyên. Thừa nhận nguồn gốc vũ trụ là những cái này thì hoàn toàn không có, từ sự tìm tòi nguyên nhân rốt ráo. Thật ra, từ vật lý, sinh lý, tâm lý của hiện tượng thế gian, rồi trải qua sắp đặt, chế tạo tinh vi của chính mình, rồi xem đó là nguồn gốc của vũ trụ, rồi suy luận phải là như vậy mà thôi.

Nhận thức và hành vi của thế tục đều là như vậy, chứ không dựa vào tìm hiểu tới cùng mà hình thành.

✓ Ngã và ngã sở của chúng sanh.

Như cây cối là do ta trồng, cuối cùng thế nào là ta; không cần thiết khảo cứu đúng, sai; nhưng thế tục đều công nhận cây cối là ta trồng.

- ***Nhận thức của chúng sanh chưa từng đạt đến Chân Thật rốt ráo.***

Những tri thức này không triệt để mà có đặc tính mâu thuẫn và tương đối. Điều này không phương hại sự hình

thành tri thức của thể tục; chúng sanh vốn ở trong Tâm Cảnh như vậy, và cho là Chân Thật mà, thật ra, xưa nay chưa từng đạt đến Chân Thật rốt ráo

- **Thuận theo Quán Huệ Thắng Nghĩa, dựa vào sự việc Thể Tục mà quán sát rốt ráo.**

Hiện tại, Thắng Nghĩa Đế là thể nghiệm chân thật rốt ráo; dựa vào sự việc thể tục để quán sát Tự Tánh rốt ráo. Quán sát nó, vì sao, mà có. Loại quán sát này gọi là thuận theo Quán Huệ Thắng Nghĩa.

- ***Quán sát trước, sau của cái này, cái kia.***

Từ trong trước, sau tiếp nối; quán sát cái gì là trước nhất; cái trước nhất được sanh ra từ đâu?

Từ trong tương quan cái này, cái kia; quán sát Tánh khác nhau tuyệt đối của cái này, cái kia là gì; tại sao trở thành Thể độc lập của cái này, cái kia?

- ***Dựa vào Thọ giả (受假) truy tìm, quán sát cái Cứu Cảnh.***

Dựa vào Thọ giả mà nói: Quán sát, tập hợp, hình thành vi trần nhỏ bé, đến không còn có thể nhỏ bé hơn nữa, cuối cùng là cái gì? Cái ấy tồn tại và sanh khởi như thế nào? Nếu cho rằng thật thể của vũ trụ là đồng nhất.

Quán sát thể đồng nhất này như thế nào? Tồn tại ra làm sao? Nhất Thể, tại sao, có thể trở thành sai khác?

- ***Quán sát là truy tìm Tự Tánh, là ngược lại với Thế Tục nhưng, thuận theo Thắng Nghĩa.***

Đây gọi là truy tìm Tự Tánh. Tự Tánh là Tự Thể, là xưa nay vốn Như Thế. Chính mình cũng Như Thế, vĩnh viễn là Như Thế; dù cho, nhỏ nhất hay lớn nhất, trước nhất hay sau cùng. Đây hoàn toàn không phải thành kiến sẵn có, tưởng tượng như có một cái gì đó, mà chỉ là đập bể cái nôi đất vụn hỏi đến cùng, truy tìm cứu cánh của cái ấy là gì. Cái ấy, tuy là Danh, Ngôn, Thức nhưng ngược lại với con đường thông thường của Tri Thức Thế Tục, mà là thuận theo Quán Sát của Thắng Nghĩa, đi vào Thắng Nghĩa.

- **Thắng Nghĩa quán huệ là từ Văn, Tư, Tu chuyên chú quán sát Tự Tánh để đi sâu vào cứu cánh**

Vì vậy, sự tương của Thế Tục, kinh, luận nói rất nhiều, nhưng Thắng Nghĩa quán huệ, từ Văn mà Tư mà Tu, chuyên chú quán sát Tự Tánh để đi sâu vào Cứu Cánh. Điều này mới có thể triệt phá ngu mê căn bản của chúng sanh, thấu suốt Thật Tướng của thế gian.

Dựa vào Tính Không tiêu diệt Hoặc

苦因於惑業, *Khổ nhân ư Hoặc Nghiệp,*
 業惑由分別, *Nghiệp Hoặc do phân biệt,*
 分別由戲論, *Phân biệt do Hý Luận,*
 戲論依空滅。 *Hý luận y Không diệt.*

Nhân Khổ từ Hoặc Nghiệp, Hoặc Nghiệp do phân biệt,
 Phân biệt do Hý Luận, Hý Luận nương Không mất.

- **Nói quả Khổ từ Hý Luận mà đến.**
 - **Quán Thắng Nghĩa Không là pháp môn Bất Nhị của Giải Thoát.**

Quán Thắng Nghĩa là tìm tòi Tự Tánh của tất cả pháp và dựa vào đó hiểu sâu Thắng Nghĩa. Quán sát Chánh Lý này là phương pháp Bất Nhị của Giải Thoát.

- **Nói rõ quan hệ nhân quả từ Khổ đến Hý Luận.**
 - ***Do Hoặc Nghiệp mà có Khổ***

Khổ là đối tượng đích thực của Giải Thoát; Khổ là tự thể Thân, Tâm của chúng sanh; vì tiếp xúc với tất cả nên dẫn đến lo âu, đau khổ.

Chúng sanh vì sao khổ? Vì sao luân hồi trong sanh, tử? Ở trên đã nói: Đó là Nguyên Nhân từ Hoặc Nghiệp.

- ***Do phân biệt sai lầm (Hoặc) mà sanh Hoặc, tạo Nghiệp.***

Nghiệp dựa vào Hoặc mà có. Hoặc là Vô Minh; thấy có Ngã, Ngã Sở là Phiền Não chủ yếu. Kinh nói: “Vô Minh là Tư Duy không đúng”; bởi vì, do phân biệt giả dối, sai lầm, không như Lý sanh ra.

- ***Do Hý Luận nên phân biệt sai lầm, không như Thực Tri (biết đúng sự thực).***

Tại sao Tâm Thức của chúng sanh thường phân biệt sai lầm mà, không thi tri nhận đúng sự Thật? Đây là do Hý Luận. Thế nào gọi là Hý Luận? Đó là sự Phân Biệt sai lầm, không rời Cảnh Tượng rồi hiện khởi lên. Khi sanh ra phân biệt sai lầm, trực giác được Cảnh là Thực Tại; đây dường như Tự Thể là như thế, cùng với Tâm phân biệt không có tương quan gì. Đây không chỉ là trực giác sai lầm của Vọng Phân Biệt mà, ở trong Tâm Cảnh của phàm phu, Cảnh Tượng ấy, cũng hiện rõ xác thực như vậy.

- **Dựa vào Quán Vô Tự Tánh Không để diệt trừ Hý Luận.**
 - **Tâm phân biệt không thể biết Hý Luận là căn nguyên của sai lầm.**

Nguồn gốc của sai lầm này là không phù hợp với Thực Tế. Vì sao? Nếu nhận thức đến nơi, đúng với Thực Tại thì Tự Thể là như thế. Việc này so với Sự, Lý của kinh nghiệm hoàn

toàn không tương hợp; cũng vì vậy, tất cả Thế Tục, xuất Thế đều không thể lập thành!

Điều đó hoàn toàn không như thế mà, Hý Luận, Tâm phân biệt biểu hiện như thế; Danh, Ngôn, Thức không thể biết Nó sai lầm.

○ **Quán sát Tự Tánh Bất Khả Đắc để diệt trừ Hý Luận.**

Nếu bằng quán sát Chánh Lý để tìm tòi Tự Tánh qua nhiều lớp phân tích, muốn nó xuất hiện đầu mối cuối cùng, thì biểu lộ rõ ràng là hoàn toàn không có Tự Tánh chân thật. Tất cả pháp không có Tự Tánh chính là Chân Tướng của tất cả pháp. Vì vậy, dựa vào Không Quán để tìm tòi Tự Tánh thì không thể được mà, phải tu tập không ngừng mới đủ khả năng diệt trừ Hý Luận.

○ **Hý Luận diệt trừ thì Vọng Tưởng hết cho đến có được Giải Thoát.**

Hý Luận đã diệt rồi, phân biệt vọng tưởng liền mất đối tượng không phát khởi nữa. Tâm phân biệt ngưng thì Bát Nhã xuất hiện ngay, đương nhiên, không Khởi Hoặc, Tạo Nghiệp trở lại; bản chất khổ đau không còn tiếp nối nữa mà được giải thoát.

Giải thoát của Bậc Thánh là dựa vào KHÔNG làm phương pháp Quán Sát mà có được. Phật nói: Phương pháp Giải Thoát: Không, Vô Tướng, Vô Nguyên; lý do cũng là như thế.

Biểu hiện Trung Đạo Tánh Không

請法因緣生, *Chư pháp nhân duyên sanh,*
 緣生無性空; *Duyên sanh vô Tánh Không;*
 空故不生滅, *Không có bất sanh diệt,*
 常住寂靜相。 *Đương Trụ Tĩnh Tĩnh Tướng.*

Nhân Duyên sanh các pháp, Duyên sanh Vô Tánh, Không;
 Vì Không không Sanh, Diệt, Tướng Thường Trụ vắng lặng.

• **Quán các pháp do Nhân Duyên sanh nên không có Tự Tánh.**

○ **Tất cả các pháp đều từ Nhân Duyên sanh.**

▪ ***Pháp do Nhân Duyên sanh là tất cả kinh nghiệm hiện thực.***

✓ **Tất cả, nếu là Thật Có thì không phù hợp với kinh nghiệm hiện thực.**

Tâm Sở phân biệt hiện lên thì cảm nhận có Cảnh Tướng của thực tại; vì sao biết là Hý Luận và không phù hợp với Thực Tế? Bởi vì, nếu tất cả là Thực Tại thì so với hiện thực

kinh nghiệm không phù hợp; mà dù thế nào đi nữa cũng không thể chứng thực các pháp ấy là thực tại.

✓ Vì Cái Này ở trong Cái Kia theo pháp Duyên Khởi nên biết tất cả là Nhân Duyên sanh.

Liên quan với điều này, Phật chỉ dạy Pháp Duyên Khởi; nói rõ các pháp: Ngoài là vũ trụ, vạn vật; trong là Thân, Tâm; lớn như Vũ trụ, nhỏ là vi trần đều Nhân Duyên sanh ra.

Nói cách khác, bất cứ cái gì đều không phải Chính Nó là như vậy mà là do Nhân Duyên quan hệ quyết định. Đó cũng chính là:

此 有 故 彼 有,	Thử hữu cố bỉ hữu,
此 生 故 彼 生;	Thử sanh cố bỉ sanh,
此 無 彼 故 無,	Thử vô cố bỉ vô,
此 滅 故 彼 滅.	Thử diệt cố bỉ diệt.

Cái này có nên cái kia có, Cái này sanh nên cái kia sanh,
Cái này không nên cái kia không, Cái này diệt nên cái kia diệt.

Tất cả kinh nghiệm hiện thực, phép tắc Nhân Quả; từ những điều này cũng không nói lên cái gì, càng không thiết yếu nói ra luận chứng Chân Tướng của các pháp.

▪ ***Nhân Duyên Sanh là Không có Tự Tướng.***

Tất cả đều từ Nhân Duyên Sanh, bất luận mối quan hệ của Nhân Duyên Sanh trước hay sau hay Nhân Duyên Sanh đồng thời quan hệ, đều biết được là các Pháp Không Sanh, Không Sanh là Không Có Tự Tánh.

✓ Từ Nhân Duyên Sanh phê bình, phá trừ đặc tính có Tự Tánh.

Tự Tánh là một danh từ, với ý nghĩa là Tự Có, Tự Thành.

- Nhân Duyên Sanh thì không Tồn Tại Một Mình.

Thực Tại mà không dựa vào Cái Khác thì không Hiện Hữu và cũng không thể Hiện Hữu Độc Lập. Bởi vì, nếu không dựa vào Nhân Duyên Khác thì Thực Tại ấy phải chịu sự quyết định, chi phối; không thể nói: Chính tôi là như vậy, không có quan hệ gì với cái khác.

- Nhân Duyên Sanh thì không Thường Tại, Bất Biến.

Tự có thật sự là tồn tại độc lập nên cũng phải là Thường Tại.

Bởi vì đã lìa xa Nhân Duyên thì không thể từ Tự Thể mà nói rõ sự thay đổi. Giả sử nói rằng Tự Thân vốn có khả năng Tánh thay đổi này thì Tự Thân này không phải là Tự Thể có một Tánh mà còn có Tính Mâu Thuẫn của tương đối; vì vậy, Tự Thân phải do Nhân Duyên Khởi, chứ không phải là Tự Tính sẵn có.

✓ Quán sát sự tồn tại của tất cả pháp là do Duyên Khởi,
cho nên không thể Tự Có, Độc Tồn, Thường Tại, cũng
nhất định không phải như Tâm Phân Biệt biểu hiện tánh
Thật Tại như thế.

✓ Vô Tự Tánh chính là KHÔNG.

Không Tự Tánh mà biểu hiện Có Tự Tánh, cho nên là Hý
Luận sai lầm, rối loạn. Hý Luận này có cũng có thể biết là
Không Tự Tánh, Phật gọi là KHÔNG.

Hai từ Không (空) và Vô (無) trong văn tự Hán Việt có
điểm giống nhau nhưng trong Phạm văn thì không giống.

- Vô (無) là Không Có.
- Không (空) thì không phải là Không Có Gì mà là Không
Thể Có Tự Tánh (自性不可得), Không Có Tự Tánh (無自).

○ **Thấu suốt Nhân Duyên Sanh mới biết Có, Không vô
ngại.**

Tất cả pháp, Tự Tánh của nó không thể Có, chỉ là sự bày
đặt của Thể Tục thôi nên Có và gọi là Giả Danh Hữu (tạm
gọi là Có); Không thì không trở ngại với giả danh Hữu.

- **KHÔNG, bởi vì giả danh Có, do Nhân Duyên Sanh
nên Có**

- ***Giả danh Có vì Nhân Duyên sanh, nên mới biết là Vô Tánh Không.***

Quán Duyên Khởi, Quán Vô Tánh, Quán Không, Quán Giả Danh là phương pháp quán sát không giống nhau mà khuynh hướng giống nhau; thật ra là như nhau.

Vì vậy nói:

眾因緣生法, Chúng nhân duyên sanh pháp,
 我說即是空, Ngã thuyết tức thị Không,
 亦為是假名, Diệc vi thị Giả Danh,
 亦是中道義. Diệc thị Trung Đạo Nghĩa.

Các pháp do nhiều Duyên Sanh, Phật nói: đó là Không,
 Đó cũng là Giả Danh, Đó là Nghĩa Trung Đạo.

- **Vô Tự Tánh Không chính là Bản Tánh của tất cả pháp.
 Dựa vào đây quán sát:**

- ***Dựa vào giả Có của Thế Tục mà thành lập pháp Sanh, Diệt.***

Tất cả những gì của Thế Tục giả bày đặt ra; đó là những Tương quan, đã trở thành hiện thực, như: Hữu, Vô, Sanh, Diệt, Trước sau, liên tục, phát triển.

- ***Dựa vào Vô Tánh Không Quán mà biết Không Sanh, Không Diệt.***

Đến khi cuối cùng, thấu suốt Không Vô Tánh rồi quán sát tất cả pháp và biết rằng đó là Giả Có vì Vô Tánh; Có, Không; Sanh, Diệt hoàn toàn không chân thật. Dù cho sanh, diệt bao nhiêu, mãi mãi không ngừng mà vì Không, Vô Tự Tánh nên tất cả là Giả sanh, Giả diệt, nhưng thật ra là Không sanh, Không diệt.

○ **Dựa vào pháp Duyên Khởi để nêu lên Bốn Tánh của Tất Cả Pháp.**

Tất cả pháp, xưa nay, đều bất sanh bất diệt như thế; đó là Tánh Thường Hằng, Như Như Bất Động, Đây không phải là lìa sanh diệt mà riêng có bất sanh, bất diệt để nói mà là chỉ thẳng Đương Thể của Sanh Diệt; đó là Bốn Tánh Bất Sanh Bất Diệt.

Vì lý do này, dù cho Tướng Thế Gian bất sanh bất diệt như thế, dao động, rối loạn không ngừng như thế nhưng, thật ra là Tướng thường hằng Tự Vắng Lặng, Đương Thể của dao động, rối loạn là Vắng Lặng; cũng không phải lìa bỏ tất cả động, loạn mà riêng có Vắng Lặng để nói.

Như vậy, dựa vào Pháp Duyên Khởi, khi quan sát Thắng Nghĩa để tìm tòi Tự Tánh là lần lượt mở ra Bốn Tánh của tất cả pháp; như kinh đã nói: “Tất cả pháp đều không có Tự

Tánh; không Sanh, không Diệt; xưa nay Vắng Lặng; Tự Tánh là Niết Bàn (kinh Giải Thâm Mật, q.2)”.

Thứ tự hiện quán

Quán Nhị Không.

Trước quán Pháp Không

法不自他生,	<i>Pháp bất tự tha sanh,</i>
不共不無因;	<i>Bất cộng bất vô nhân;</i>
觀是法空性,	<i>Quán thị pháp Không Tính,</i>
一切本不生。	<i>Nhất thiết bản bất sanh.</i>

Pháp sanh không Tự, Tha; Không chung; Không Vô Nhân, Quán pháp này Không Tánh; Tất cả vốn Không Sanh.

- **Nói sơ qua về quán Nhị Không.**

- **Quán Vô Tánh Không có thể gồm quán Pháp Không và quán Ngã Không.**

Tất cả quán Thắng Nghĩa về Vô Tự Tánh không, Bồ Tát quán rộng ra tất cả; bằng vô lượng, phương tiện quán sát để thông đạt Vô Tự Tánh. Nếu nói sơ qua, có thể gồm hai phương pháp lớn: Quán Pháp Không, quán Ngã Không.

- Pháp là lấy Pháp Giả là chính, gồm có Thọ giả, Danh giả.

- Ngã là một loại trong Thọ giả, là sự hòa hợp của Thân và Tâm rồi thành một cá thể chúng sanh.
- **Quán Pháp Không dùng bốn môn Không Sanh để chỉ rõ chân nghĩa của pháp Phật.**

Quán môn Pháp Không, cần thiết là quán bốn môn Bất Sanh.

- *Nêu sơ lược kiến giải của phàm phu ở ngoài và kiến giải trong Phật pháp.*
- ✓ Pháp là Có, phàm phu chấp là Có Thật; Nếu Không thì là Thật Không.

Phật chỉ dạy quán Sanh Diệt, Vô Thường; đây chỉ là Hiện Tượng Sanh Diệt từ Không mà Có, đã Có trở lại Không.

- ✓ Nhưng có một số người cho rằng: Pháp có thật sanh, thật diệt.

Điều này không những là không có nguyên nhân Sanh Diệt mà còn hiểu được Thế Tục Giả Danh; trái lại, chấp trước có Tự Tánh Sanh Diệt thật; điều này hoàn toàn ngược lại Tánh Bất Sanh Bất Diệt của Pháp Không.

- *Vì vậy, Pháp Đại Thừa lấy Nhân Duyên Sanh làm pháp môn chủ yếu để trừ bỏ vọng chấp của phàm phu, ngoại đạo, sở đắc của Tiểu Thừa và Đại Thừa để nêu rõ Chân Nghĩa pháp Phật.*

- **Nói rõ Bốn Môn Bất Sanh**

- *Nói chung, chấp Pháp có Thật Tánh không ngoài bốn Sanh.*

Chúng sanh chấp Pháp có thật Tánh là Có, cũng chính là Sanh.

Thế thì cuối cùng, Sanh Khởi như thế nào? Tại sao mà Có?

- ***Bốn Sanh chia ra hai loại: Có Nhân và Không Nhân.***

Nói đến Sanh, không ngoài hai loại: Sanh có Nhân Duyên và Sanh không Nhân Duyên.

Sanh có Nhân Duyên cũng không ngoài ba loại: Tự sanh, Tha sanh, Cộng sanh, tổng cộng là bốn cách (thêm Nhân Duyên Sanh).

- ***Nói ý nghĩa của ba Sanh: Tự, Tha, Cộng.***

Tự sanh là chính mình sanh ra.

Tha sanh là dựa vào Cái Khác mà sanh ra, Cái Sanh Ra là thật Có.

Cộng sanh là, tuy tự Thể Vốn Có nhưng phải có Trợ Duyên của cái khác, mới có thể sanh ra.

Nói dễ hiểu, tuy có nhiều thuyết khác nhau của từng tông phái, nhưng không ngoài bốn Cách này; cho nên, Quán Sát phải dùng bốn Cách vừa nêu.

- **Nói rõ bốn cách Sanh để sáng tỏ Pháp Tánh có thật, không thể thành lập bốn cách Sanh.**

Dùng chánh lý để quán sát thì đã là Pháp, có Thật Tự Tánh nên bốn Cách Sanh không thể xảy ra.

- **Pháp không Tự Sanh là không thể tự sanh ra.**

- ✓ Nêu lên mâu thuẫn của tự sanh: Tự Thể đã tồn tại mà còn nói sanh ra Tự Thể.

Tự Sanh có nghĩa là Chính Mình Sanh Ra Mình; Tự Thể đã Tồn Tại, chính là đã sanh ra; thế mà nói Tự Thể và còn nói Sanh Ra thì mâu thuẫn trong tư tưởng.

- ✓ Từ Tự Sanh đã phá sự khác, giống của đã sanh và chưa sanh.

Thử hỏi: Tự Thể không sanh ra, Tự Thể đã sanh ra thì Có, Không đâu giống nhau?

- Không giống vì có khác nhau giữa Chưa sanh và Đã sanh.

Nếu có một số không giống nhau; thế thì tồn tại Tự Thể Sanh Ra, không tồn tại Tự Thể Chưa Sanh Ra. Tự Thể không tồn tại thì phải sanh như thế nào?

Tự thể khi chưa sanh, nếu không tồn tại, thì có khác nào Chính Mình không tồn tại mà sanh ra Tự Thể được?

Đã tồn tại thì chẳng phải là Tự Thể?

Nếu Tự Thể chưa sanh ra mà đã tồn tại thì, đối với Sanh Ra mà nói thì đã có chỗ bất đồng là không còn, là Tự Thể.

- Giống nhau thì phạm lỗi vô cùng.

Giả sử nói: Tự thể chưa sanh, Tự Thể đã sanh thì không giống nhau tí nào; thể thì không có gì khác biệt giữa Đã Sanh và Chưa Sanh. Hơn nữa, Tự Thể có khả năng sanh ra Tự Thể; sanh ra rồi, Tự Thể vẫn như vậy; thế là Tự Thể sanh ra trở lại và đã phạm lỗi Sanh vô cùng!

▪ ***Cũng không phải Cái Khác sanh.***

✓ Từ tương đối phá bỏ Cái Khác sanh.

Khi không có Sanh, nếu không có Tự Thể thì không có Tha tương đối với Tự; không có Tự, cũng không thể nói là có Tha. Ý nghĩa của Tha, Tự, vì vậy, đều không thành lập được, còn vì sao nói Sanh?

✓ Từ Tánh Riêng phá bỏ Cái Khác sanh.

Nếu thật có Cái Khác thì Cái Khác có riêng Tự Tánh, Cái Khác không thể sanh Chính Mình (Tự); giống như trâu không sanh ngựa.

✓ Luận về sự khác nhau giữa Nhân Duyên Sanh và Tha Sanh.

Có người cho rằng: Pháp Phật nói: Nhân Duyên Sanh, Y Tha Khởi thì cũng không phải là Tha Sanh sao? Nếu chấp Tha Sanh có tự tướng, có tự tánh thì nên trừ bỏ đi.

Nhưng Phật nói Nhân Duyên Sanh, Duyên Sanh thì không có Tự Tánh, cho nên, không thể nói có Tự Tướng. Nhân Duyên và Pháp Được Sanh Ra đều không có Tự Tánh Riêng; vì vậy, dựa vào Thế Tục mà có tên Tha (cái khác) là Giả Danh (tên giả, tên vay mượn) và, chắc chắn, chẳng có Tự Thể khác của Tự Thể đối lập.

▪ ***Cũng không có Cộng Sanh.***

Cộng Sanh là tổng hợp giữa Tự Sanh và Tha Sanh.

Nếu phân biệt sanh ra thì riêng Tự Sanh không thành lập được; riêng Tha Sanh không thành, thế thì Cộng Sanh làm sao có thể thành được? Giống như A đui, không thấy vật; B đui, cũng không thấy vật; A và B hợp lại, làm sao có thể thấy được vật?

▪ ***Không thể không có Nhân mà Sanh***

Hiện thấy thế gian có mối quan hệ Nhân Quả; nếu nói không có Nhân, không có Duyên thì tất cả đều không thể thành lập! Thiện, ác; tà, chánh cũng không thể thành lập được! Nếu không có Nhân mà sanh; thế thì kẻ phạm mười

điều ác, làm năm điều ngũ nghịch cũng có thể sanh lên trời hoặc thành Phật. Điều này cũng không làm sao có thể được.

• **Từ bốn cách Không Sanh được thì biết tất cả pháp vốn Không Sanh.**

Tóm lại, đã cho rằng Pháp thì có Tánh Thật Hữu, không ra ngoài bốn cách và kết quả đều là không thể Sanh.

Nhưng Sanh là hiện thực của thế gian, cho nên, tất cả pháp, chắc chắn, chẳng có Tự Tánh.

Do có Tự Tánh, không thành lập Tự Tánh Sanh; vì thế, biết là Duyên Sanh, là Có mà giả tạo. Dựa vào Duyên Sanh Giả Danh mà Quán các Pháp là Vô Tánh, là Pháp Không Tánh, cũng có thể thấu triệt: 一切法本來不生了. Nhất thiết Pháp bản lai Bất Sanh liễu: Tất cả Pháp, từ xưa đến nay, vốn Không Sanh.

Như kinh nói: “Nếu từ Duyên Sanh là Không Sanh, vì Duyên Sanh chẳng có Tự Tánh Sanh” (Bồ Đề Đạo thứ đệ quảng luận, q.19); hay kinh Pháp Hoa, q.1 nói: 諸法從本來,常自寂滅相: Chư Pháp tùng bản lai, thường Tự Tịch Diệt Tướng: Các pháp, từ xưa đến nay, luôn luôn Tự có Tướng Vắng Lặng.

Sau quán Ngã Không

我不即是蘊，
亦復非離蘊，
不屬不相在，
是故知無我。

*Ngã bất tức thị Uẩn,
Diệc phục phi ly uẩn,
Bất thuộc bất tương tại,
Thị cố tri Vô Ngã.*

Ngã không phải là Uẩn,

Cũng chẳng phải là Uẩn,

Không Thuộc, không tương tại,

Cho nên biết Vô Ngã.

• **Tiếp theo nói Quán Vô Ngã.**

○ Nói rõ hai loại Chấp Ngã.

Quán ngã Không, Ngã có hai: Bồ Đặc Già La; Tát Ca Da

▪ ***Ngã Bồ Đặc Già La.***

Bồ Đặc Già La dịch nghĩa là Sở Thủ Thú, có nghĩa là thọ sanh bất tận trong sanh tử.

Bất luận là chính mình, người khác, súc sanh đều là cá thể gồm Thân, Tâm hòa hợp, đều có thể nói có Giả Ngã của thể tục (thọ giả), nhưng chúng sanh không thể hiểu thấu được mà đều cho đó là chúng sanh có Thật Thể khi luân hồi và trở thành chấp Ngã Bồ Đặc Già La.

▪ ***Ngã Tát Ca Da***

Tát Ca Da có nghĩa là Tích Tụ, Hòa hợp Thân Tâm ở trong Chính Mình, sanh ra Cảm Giác với đặc tính tương ứng về Tự Ngã và Ngã Ái, Ngã Mạn và đối lập với người khác (Danh

Giả) mà sanh ra. Đây là Vọng Chấp không có căn cứ: Tát Ca Da kiến.

▪ ***Đối tượng Sở Duyên của hai loại Ngã Chấp.***

Đối với người có Ngã Chấp Bồ Đặc Già La.

Đối với Chính Mình có Ngã Chấp Bồ Đặc Già La còn có Ngã chấp Tát Ca Da kiến.

○ **Do Pháp Vô Ngã mà Ngộ được Nhân Vô Ngã, rồi trừ bỏ được Ngã Tát Ca Da.**

▪ ***Chấp Pháp Ngã và Chấp Nhân Ngã với đặc tính là Thật, Duy nhất, Thường hằng.***

✓ **Tâm, Cảnh thể tục của chúng sanh đều là Chấp Ngã (Câu Sanh Ngã Chấp)**

Nhưng đó là từ Trục Giác đến, còn Thật Ngã giản đơn nhất, cuối cùng, Ngã là cái gì; hầu hết chúng ta đều chưa từng suy nghĩ đến.

✓ **Vấn đề này đã đến tay các nhà tôn giáo. Triết học và có những suy luận về Tự Ngã (phân biệt ngã chấp) không giống nhau, nhưng cho rằng Ngã là Chủ Thể sanh mạng, là Thật Thể luân hồi và nhận thức, chắc chắn là Có Thật. Ngã này đôi lập với người khác và Tự thành lập, luân hồi và là Ngã Thể bất biến.**

Đặc tính nội hàm của Tự Ngã là Thật (thật có), là Duy Nhất (Tự Có), là Thường (thường hằng).

Ý này so với Cháp Pháp có Tự Tính của Tự Tính về định nghĩa hoàn toàn giống nhau.

Vì thế, theo pháp mà nói là Không Có Tự Tính; theo chúng sanh mà nói là Không Có Ngã; thật ra, cả hai có thể dung thông.

Vì thế, nói là Pháp Không: Pháp Không có Tự Tính; Ngã Không: Ngã Không có Tự Tính.

Còn nói là Pháp Vô Ngã; Nhân (Bồ Đặc Già La) Vô Ngã.

○ **Cháp Ngã Tát Ca Da, đặc sắc là lấy Dục làm thể lực chi phối.**

Có thể là cháp Ngã Tát Ca La còn vì vọng cháp Thật Có, Tự Có, Thường Hằng. Biết được Tự thân là độc lập, sẽ biết được đó là Tự do, Tự tại. Từ bốn Tính của Ngã (vọng cháp) mà nói thì Ngã là Vui (lạc); từ tác dụng của Ngã Sở biểu hiện mà nói thì Ngã là Tự Ngã làm Chủ, do quyền lực, ý chí của ngã chi phối (chủ tể, là định nghĩa về Ngã). Vì vậy, Ngã Tát Ca Da thì lấy Dục làm chủ để biểu hiện đặc sắc của nó.

Nhưng, nếu thông đạt Vô Tự Tánh; thông đạt về Ngã Không Thể Có bản chất: Thật, Duy Nhất, Thường Hằng;

thông đạt về Ngã Tự Tại như chủ tử; cũng sẽ mất đi nền tảng của tồn tại. Những điều này có được là do Quán Ngã Không mà thông đạt ý nghĩa.

• **Bình luận, đã phá hai loại Chấp Ngã: Uẩn và Lìa Uẩn.**

Theo Ngã Chấp của phàm tình mà nói không ra ngoài hai loại: Ngã Là Uẩn, Ngã Lìa Uẩn.

○ ***Uẩn là Ngã.***

Nhưng, dùng chánh lý để quan sát Ngã Có Tự Tánh thì không thể nói Ngã chính là ngũ Uẩn được.

▪ ***Chấp ngũ Uẩn Thân, Tâm là Ngã.***

Cuối cùng, Ngã là gì? Thông thường nói rằng Tôi đi, Tôi cần, Tôi vui mừng, Tôi tưởng tượng, Tôi hành động, Tôi nhận thức đều không lìa khỏi Thân, Tâm: ngũ Uẩn. Vì thế, thông thường Chấp Ngã đều Chấp uẩn là Ngã.

▪ ***Phê bình, bát bỏ.***

Nhưng năm uẩn là số nhiều, nào sanh diệt, vô thường, khổ; những điều này, so với định nghĩa về Ngã là Duy nhất, là Thường hằng, là an Vui thì hoàn toàn không thích hợp. Nếu đích thực Năm Uẩn chính là Ngã thì những thứ này không hình thành được Ngã và sẽ khiến cho mọi người thất vọng.

○ ***Lìa Uẩn có Ngã.***

▪ ***Chấp lìa năm Uẩn Thân, Tâm có Ngã riêng ở ngoài.***

Trải qua một phen suy tư, khảo nghiệm, các nhà tôn giáo, hầu hết đều chủ trương: Lìa Uẩn có Ngã; nhận thức rằng Lìa Thân, Tâm tức là ngoài năm Uẩn, riêng có Cái Ngã thần bí, nhiệm màu, an vui, thường hằng.

▪ ***Phê bình, đả phá.***

✓ Đả phá chung: Lìa năm Uẩn Thân Tâm, không có pháp thành lập riêng có Ngã Thể.

Nhưng dùng chánh lý để tìm tòi, cũng chắc chắn chẳng phải là Lìa Uẩn mà Có Ngã.

Bởi vì đã lìa năm Uẩn thì dù cách nào cũng không thể hình dung được; không thể chứng minh được sự Tồn Tại của Ngã; không thể xuất hiện Tác Dụng của Ngã. Vậy thì làm sao biết Có Ngã? Việc chấp Ngã của chúng sanh, đều không lìa Tự Thể Thân, Tâm; hoàn toàn không giống như tưởng tượng của các nhà thần học.

✓ Đả phá riêng: Tương Thuộc (lệ thuộc lẫn nhau) và Tương Tại (tồn tại lẫn nhau).

Có người cố chấp: Lìa Uẩn có Ngã rồi giải thích một cách khéo léo, riêng biệt.

- Tương Thuộc.

Có người nói: Uẩn, Ngã liên hệ với nhau: Chỉ vì năm uẩn lệ thuộc ở Ngã, là công cụ của Ngã.

Ngã đã lợi dụng chân để đi, lợi dụng mắt để nhìn, lợi dụng ý thức để nhận thức rõ ràng.

- Tương Tại.

Có nói Tương Tại:

Nếu Ngã so với năm uẩn lớn hơn thì năm Uẩn ở trong Ngã, nếu năm Uẩn so với Ngã lớn hơn thì Ngã tồn tại trong năm Uẩn.

- Phá cả Tương Thuộc và Tương Tại.

Đã đành, điều này đều là những giải thích khác nhau về Lìa Uẩn có Ngã, đương nhiên cũng không thể thành lập; cho nên, không phải là Tương Thuộc, cũng Không phải là Tương Tại.

Tương Thuộc giống kẻ dưới lệ thuộc người trên; Tương Tại giống như người ở trên giường (người và giường cùng tồn tại), có thể tách riêng ra rõ ràng, chính xác. Nhưng chấp ngã mà chấp tương thuộc, tương tại như lìa năm Uẩn thì làm cách nào cũng không thể chứng minh Có ngã Thể riêng biệt: Ngã, chẳng qua, là dựa vào Tính thống nhất, tương tục, hòa hợp của Thân và Tâm và đặt ra Giả Danh mà thôi.

- **Phá luôn cả chủ trương: Ngã không thể nói: Không phải là Uẩn; Không phải Là Uẩn của Độc Tử Bộ.**

Chấp Ngã vốn không ra ngoài hai cách; về sau, trong Phật pháp có Độc Tử Bộ chấp có Ngã mà Bất Khả Thuyết: Ngã không phải là Uẩn, ngã không phải Là Uẩn. Đây là sự hiểu lầm Ngã do thế tục đặt ra (thi thiết) là có Tự Tướng, chấp Giả là Thật do Vọng Chấp phân biệt.

Nhi Không, Chứng minh cho nhau

若無有我者, *Nhược vô hữu ngã giả,*

何得有我所? *Hà đắc hữu ngã sở?*

諸法性尚空, *Chư pháp tánh thượng Không,*

何況於彼我! *Hà huống vi bỉ ngã!*

Nếu không có cái Ngã, Làm sao có Ngã Sở?

Tánh các Pháp vốn Không, Làm gì có Ngã ấy!

- **Lược nói Thể Tánh tương quan của hai Không.**

Trong kinh, luận Bát Nhã đề cập đến Ngã Không và Pháp Không thì luôn luôn chứng minh lẫn nhau về sự hình thành.

Ngã Không, cho nên, Pháp cũng Không; Pháp Không, cho nên, Ngã cũng Không.

- **Dưa vào Ngã Không chứng minh sự hình thành Ngã Không.**

Dựa vào đây, nếu hiểu rõ Chúng Sanh thì Không Có ngã; như vậy, làm sao có được Pháp Ngã Sở?

▪ ***Ngã Sở chính là Pháp.***

Ngã Sở là Pháp mà Ngã sở hữu, là Pháp mà Ngã nương tựa.

- ✓ Nếu Thân Thể là của Ngã, Tài sản là của Ngã, Danh vọng là của Ngã, Quốc gia là của Ngã... Những gì có quan hệ với Ngã và Ngã bị trói buộc, chính là Pháp mà Ngã sở hữu.
- ✓ Còn, nếu Ngã là Thọ Giả (cảm giác Thân, Tâm cảm nhận đều không thật); là cái Thân, Tâm chấp trước và hình thành. Vì thế, năm Uẩn, sáu Xứ, sáu Giới, sáu Thức... đều là Pháp Giả, nơi của Ngã nương tựa.

Ngã Sở Hữu, Ngã Sở Y đều là Pháp.

▪ ***Không Ngã thì Không Pháp.***

Không có Ngã thì không có Ngã Sở, cho nên, Ngã Không cũng là Pháp Không.

○ ***Dựa vào Pháp Không chứng minh Ngã Không.***

Trái lại, Tự Tánh của các Pháp dường như Chân Thật mà vốn là Không; huống chi dựa vào pháp ấy mà thành lập Ngã? Đến đây không còn phải nói là Không nữa.

- **Quyết đoán, quán thông sự khác nhau của hai Không Ngã và Pháp.**

○ **Trình bày sự khác nhau giữa hai Không Ngã, Pháp.**

Bài tụng này có ý nghĩa sâu sắc rất mực, chỉ có bậc kiệt xuất về Trung Quán mới có thể mở toang được Như Thật, thấu suốt vô ngại, ở đây muốn nói:

▪ ***Trong hàng Thanh Văn ở vùng Tây Bắc và Trung Nam của Ấn Độ.***

Ở trong pháp của Thanh Văn, Phật nói nhiều về Vô Ngã, ít nói rõ về Pháp Không. Do vậy, trong Phật Pháp lưu truyền, có chia hai phái:

- ✓ Ở vùng Tây Bắc của Ấn Độ có hệ phái Nhất Thiết Hữu; phái này cho là Phật chỉ nói Không Có Ngã (Vô Ngã), còn Pháp thì Bất Không (như các nhà Tỳ Đàm).
- ✓ Ở vùng Trung Nam Ấn Độ có hệ phái Đại Chúng cho rằng Phật nói: Ngã Không mà, cũng nói qua Pháp Không (như Thành Thật Luận).

▪ ***Tông Du Đà và Tông Trung Quán trong Đại Thừa.***

Kinh Phật Đại Thừa, không cần nhắc đến, đều nói Tánh Không của Tất Cả Pháp. Nhưng đối với Ngã Không và Pháp Không:

- ✓ Nếu Từ Du Đà tông mà nói về Hữu Độ thì cho là Tiểu Thừa chỉ nói Ngã Không; Đại Thừa thì nói hai Không Ngã và Pháp.

✓ Trung Quán tông gần với học phái ở Trung Nam Ấn Độ, cho nên, chấp nhận là Tiểu Thừa có hai Không Ngã và Pháp; Đại Thừa cũng có hai Không Ngã, Pháp.

○ **Dựa vào luận của thầy Long Thọ chứng minh Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có hai Không Ngã và Pháp.**

Giờ dựa vào luận thầy Long Thọ để nói rõ và thấu triệt hai Không.

▪ ***Dựa vào Căn Tánh nói hai Không.***

“Vì căn của đệ tử Tiểu Thừa chậm lụt nên nói Chúng Sanh Không... Và căn của đệ tử Đại Thừa lanh lẹ nên nói Pháp Không”. “Căn của chúng sanh không chút lanh lẹ nên nói Vô Ngã; chúng sanh có căn lạnh, trí huệ sâu sắc thì nói Các Pháp, xưa nay, Không”. Kinh của Đại, Tiểu Thừa xác định rõ ràng như thế.

▪ ***Hai Không, cuối cùng, đều trở về Một nghĩa.***

✓ **Nói rõ ràng hay nói đại khái**

Nhưng, ở đây, không thể nói đệ tử Thanh Văn không có Pháp Không; bởi vì, “nếu nói rõ ràng thì nói: Tất Cả Các Pháp Là Không; nếu nói vì phương tiện thì nói là Vô Ngã. Hai cách thuyết pháp này đều vào trong Tướng Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn. Vì lý do này, trong kinh Phật nói: Đường Dẫn Đến Niết Bàn Đều Cùng Một Hương, không có con đường nào

khác”. Điều này xác định rõ ràng: Vô ngã và Pháp Không của Chúng Sanh Không chỉ là nói rõ ràng một phần nào hay một phần nào mới đại khái mà thôi. Thật ra, những Tánh Không ấy đều là Chánh Quán Bát Nhã; là Nhất Vị, Nhất Thừa của Đạo Giải Thoát.

Vì thế mới nói: “Pháp Ngã, Ngã Sở còn không chấp, huống gì pháp khác? Vì lý do này, chúng sanh Không, pháp Không; cuối cùng trở về Một Nghĩa, gọi là Tánh Không”. Ở đây muốn nói: Chứng được Vô Ngã, Ngã Sở thì, chắc chắn, thông đạt được Pháp Không. Bởi vì quán ý nghĩa của Không, đều là Không Có Tự Tánh.

Quán Ngã Không có Tự Tánh thì chứng được Ngã Không, nếu cứ như thế quán các Pháp, đương nhiên, các Pháp cũng Không.

✓ Nói rộng ra hay nói cốt lõi.

- Thanh Văn quán thẳng Vô Ngã, Ngã Sở tự chứng được Pháp Không.

“Chỉ có bậc Thanh Văn mới thấy được rõ Cái Ngã của Mình là nhân duyên sanh ra các phiền não; lìa bỏ các pháp Ái Dục; sợ hãi già, bệnh, chết và đau khổ trong các đường ác; còn không muốn tìm tòi tường tận gốc ngọn để phá hoại các

pháp mà, chỉ lấy Giải Thoát làm việc quan trọng”. Đây chính là gấp cần Chứng ngộ, trực tiếp thực tập từ Quán Vô Ngã, Ngã Sở, không trở lại quán sâu vào Tánh Không của các pháp. Nhưng đâu là không còn tìm tòi sâu xa về Pháp Không nữa (Phật cũng không vị họ mà nói Pháp Không) nhưng, chắc chắn, không chấp rằng Pháp Có Thật; như “Nếu không có chúng sanh thì pháp không có chỗ nương tựa”; “Không có Ngã, Ngã Sở; tự nhiên, chúng được Pháp Không”.

Như vậy, Vô Ngã của Thanh Văn, có thể, tương đồng với Pháp Không và không mâu thuẫn với Pháp Không.

- Đại Thừa quán rộng Pháp Không, lại trở vào Vô ngã, Ngã Sở.

Dựa vào sự chỉ dạy của Trung Luận, phẩm Quán Pháp, tuy quán rộng Tất Cả Pháp Không, Không Sanh Không Diệt và do Chánh Quán hiểu biết rộng rãi, lại từ Ngộ Nhập về Vô Ngã, Ngã Sở. Đây chính là sự khó khăn còn đó của sanh tử, con đường Giải Thoát của xuất thế, chắc chắn, không thể có sự sai khác. Nhưng căn cơ không giống nhau nên nói rõ ràng hay nói đại khái; nói rộng lớn hay ngắn gọn, nhiều, ít đó thôi.

○ **Hai Không Ngã, Pháp can, sâu bất đồng nhưng là nhất quán.**

- ***Người thông đạt Ngã Không, chắc chắn, không khởi sanh Pháp Chấp.***

Như vậy, hễ đã thông đạt Ngã Không, chắc chắn, thông đạt Pháp Không; có thể không quán sâu vào Pháp Không, không nói rõ Pháp Không, nhưng chắc chắn không chấp chắc có Tự Tánh, làm trở ngại Pháp Không.

- ***Người đã chấp Pháp cũng không thể diệt trừ được Chấp Ngã.***

Nếu chấp có Thật Ngã, điều ấy không những không hiểu Pháp Không mà cũng không hiểu Ngã Không; không những không trừ được Pháp Chấp mà còn không trừ được Ngã Chấp.

- ✓ Cho nên kinh nói: “Nếu chấp Pháp Tướng tức Chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả; nếu chấp chẳng Phải Pháp Tướng tức chấp Ngã, Nhân, Chúng sanh, Thọ giả”.
- ✓ Luận của Thầy Long Thọ cũng nói: “Nếu thấy Âm không thật thì Ngã Kiến không sanh. Do Ngã Kiến diệt hết, các Âm không còn sanh khởi... Chấp Âm mà chưa dứt thì Ngã Kiến luôn tồn tại”.

Ai nói bậc thánh Thanh Văn, biết Ngã Không mà nói: Tất cả Pháp Thật Có? Không hiểu Pháp Không, không là Pháp Chấp; ai nói là được Ngã Chấp?

- ***Hai Không nhất quán dù có sâu, cạn. Vì nặng về Chấp mà có sự bất đồng này.***

Điều này có thể suy ra, biết rằng Phật nói, xưa nay, có Một Vị, chỉ vì người có căn tánh cạn thì thấy cạn, người có căn tánh sâu thì thấy sâu; cạn, sâu vốn là nhất quán (trước, sau là Một); do thiên chấp mới chia thành hiểu và hành, đây, kia không giống nhau.

Quán trong, ngoài

Trước quán Thân Không

惑業由分別,	<i>Hoặc Nghiệp do phân biệt,</i>
分別由於心,	<i>Phân biệt do ở Tâm,</i>
心復依於身,	<i>Tâm phục y ở Thân,</i>
是故先觀身。	<i>Thị cố tiên Quán Thân.</i>

Hoặc, Nghiệp do phân biệt, Phân biệt do ở tâm,
Tâm lại dựa ở Thân, Cho nên trước Quán Thân.

- **Mới học Quán Không, trước nên Quán Thân Không.**

Không là chủ yếu Quán Chúng Sanh và Tất Cả Pháp đều là Tánh Không, Thầy Long Thọ kế thừa tinh thần độc đáo của Phật đã nói, cho rằng người mới học nên bắt đầu Quán Thân trước. Điều này có ý nghĩa gì?

- **Từ chỗ Tâm Sở dựa vào nên nói là Trước Quán Thân.**

▪ ***Tâm nắm giữ, ẩn chứa ở Thân, cho nên, chấp trước Thân.***

- ✓ Bởi vì Sanh, Tử là do Hoặc, Nghiệp. Hoặc, Nghiệp do Phân Biệt. Điều này như trên đã nói.
- ✓ Phân Biệt sai lầm từ Hoặc, Loạn (tâm mê mờ chấp Cảnh, tâm tán loạn) này là do ở Tâm.
- ✓ Từ con người, chúng sanh có thể phát Tâm học Phật mà nói thì Tâm lại dựa ở Thân.

Từ dựa ở Tâm rồi khởi sanh Hoặc, tạo ra Nghiệp mà nói Phật pháp chia ra rõ ràng là từ Nhân Sinh Quan của Tâm Luận; xem trọng Thanh Tịnh của Tự Tâm và đương nhiên, đó là Mục Đích của Phật Pháp. Nhưng Tâm thì dựa ở Thân; thân này, thật sự, là cái đang Hiện Hữu mà chúng sanh chấp trước một cách vững chắc. Tham, Ái, Hỷ, Lạc, A Lại Da; cho nên Sanh, Tử không dừng; nhưng lý do mà A Lại Da yêu mến, đắm đuối, không rời và sự chấp trước ấy được xác định ở trong kinh Giải Thâm mật sau: “Đối với Thân, Thức này, nắm giữ, thọ nhận, ẩn tàng và cùng an, nguy”.

▪ ***Chấp Thân là thông thường, Chấp Tâm thì trái lại với thông thường.***

Con người, trong sinh hoạt thường ngày, cơ hồ, đều vì cái Thân này.

- ✓ Thân thể thì an định trong một khoảng thời gian nên dễ đưa đến Chấp Thường; đã chấp thường thì cũng dễ đắm đuối trong khoái Lạc, trong thanh Tịnh. Đây là thường tình của chúng sanh.
- ✓ Ngược lại, Tâm không dừng lại trong một sát na, cho nên, nếu chấp Tâm là thường trụ, dựa vào đó rồi đắm đuối khoái Lạc, thanh Tịnh thì có thể nói là ngược lại với thường tình. Đây chỉ là phân biệt chấp trước của nhà Thần Học và Triết Học. Đây luận Đại Trí Độ gọi là “Có người nói: Tâm là Thường, như vua Phạm Thiên nói: Hễ là Tứ Đại, Tứ Đại tạo ra Sắc, ắt đều là Vô Thường; còn Tâm, Ý, Thức thì Thường. Đó là Thường Không thì vào được Pháp Không”; cũng chính là Tư Tưởng xa xưa của Bà La Môn giáo. Cho nên, nếu chúng sanh chuyên tâm nhiệm trước thân thể này thì không thể phát tâm, không thể giải thoát khỏi chướng ngại lớn; vì vậy, trước nên Quán Thân.

○ **Từ thứ lớp đạo phẩm nên nói trước Quán Thân.**

Đạo phẩm Phật nói: Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ, gọi là Đạo Nhất Thừa.

▪ ***Trước quán Thân Bất Tịnh để vào Thân Không.***

Tứ Niệm Xứ, trước nhất Quán Thân bất tịnh (không sạch), khổ, vô thường, vô ngã thì có thể ngộ nhập Thân Không.

▪ ***Lại quán Thân, Tâm, tất cả Pháp Không.***

Đôi với Thân Thể thì vọng chấp, đả đuổi trong Ái Dục; để có thể hàng phục được những thứ này, phải Quán Thân, Tâm, Thế giới, hết thấy đều là Pháp Không; không có Ngã, không có Ngã Sở thì mới có thể đi vào con đường Giải Thoát.

- **Quán thẳng vào Tâm, chẳng phải cần Tánh thông thường có thể làm được.**

Trong Phật pháp, có phương pháp trực tiếp, nhanh chóng; đó là lấy Tâm làm Chủ, là Duy Tâm nên, tu hành là trực tiếp Quán Tâm.

Phương pháp này, giống như bao vây thành lũy không chặt chẽ thì không thể công phá được mà muốn bắt giặc, bắt vua là điều không thể. Đúng là nói dễ mà làm khó.

Tự thân ô nhiễm không dừng, thế mà có một số người muốn tu luyện thành Phật ngay trên thân thể ấy!

Năng, Sở dần dần tiêu tan

無我無我所,

Vô Ngã, Vô Ngã Sở,

內外一切離,

Nội, ngoại, nhất thiết ly,

盡息諸分別,

Tận tức chư phân biệt,

是為契真實。

Thị vi khế Chân Thật.

Không Ngã, không Ngã Sở,

Lìa trong, ngoài, tất cả,

Trừ sạch các phân biệt,

Đó là hợp Chân Thật.

• **Bằng quán Vô Tự Tánh không để chứng Chánh Pháp tuyệt đối**

○ **Do quán Không liền chứng Trí Huệ vô lậu.**

Người tu theo Đại Thừa, bằng chánh quán không có Ngã, không có Ngã Sở để quán sát trong Thân, Tâm và ngoài thế giới, biết tất cả pháp này đều dường như Chân Thật nhưng Không Có Tự Tánh.

Quán Ngã Không có Tự Tánh, gọi là Quán ngã Không; quán Pháp không có Tự Tánh, gọi là Quán Pháp Không.

Do tu tập thành tựu Không Quán nên lia được Tướng Hý Luận của tất cả pháp; cũng không sanh khởi Chấp Ngã, Ngã Sở đối với tất cả.

Nhờ đây, dứt hết các Phân Biệt đã có, Trí Huệ vô lậu xuất hiện.

Vì vậy nói: “Vì các pháp không sanh nên Trí Huệ đến bờ bên kia sanh”.

Hay nói: “Ngôn ngữ không còn, Tâm hành cũng bật. Không sanh không diệt, pháp giống như Niết Bàn”.

○ **Chứng Bát Nhã ngay bây giờ, phù hợp Chánh Pháp chân thật tuyệt đối.**

Chúng Bát Nhã ngay bây giờ, chính là phù hợp với Chân Tướng của tất cả pháp. Tướng Chân Thật nay còn gọi là Không Tánh, Pháp Tánh, Pháp Giới, Chân Như,... Hết thảy đều là Danh Ngôn giả lập. Thật ra, điều này vượt thoát vọng chấp của tất cả phân biệt; vượt thoát Tánh của Thời, Không; siêu việt Tánh của Chất Lượng và chúng được Chánh Pháp tuyệt đối.

- **Nói sơ qua sự khác và giống nhau giữa Đại Thừa, Tiểu Thừa về sự ngộ nhập Tánh Vô Phân Biệt.**

Vô Ngã, Vô Ngã Sở tương tự nhau; vậy thì Nhị Thừa, Phật, Bồ Tát có gì khác nhau?

- **Ba Thừa cùng chứng Pháp Tánh mà không bằng Huệ Kiến để phân biệt.**

Ngộ được Tánh Vô Phân Biệt, dựa kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa thì đây là chỗ Nhị Thừa cùng chứng được.

Bát Nhã kinh luận cũng nói: “Trừ bỏ Trí của Nhị Thừa, chính là Vô Sanh Nhân của Bồ Tát”.

Nhưng Bồ Tát có Tâm Bồ Đề, Tâm Đại Bi, hồi hướng lợi lạc cho người khác với Nguyên Lực vốn có, rộng cứu độ chúng sanh, Vậy thì so với Nhị Thừa, làm sao không khác!

Đây chính là nói: Đại, Tiểu Thừa lấy Hạnh Nguyên để phân biệt, không lấy Huệ Kiến để phân biệt.

- **Bồ Tát có thể quán sát sâu sắc Pháp Không, đoạn trừ các Tập Khí để thành Phật, không giống với Thanh Văn.**

Dù nói đồng chứng Pháp Tánh Vô Phân Biệt nhưng cũng có một vài bất đồng.

- Đối với tất cả pháp, Thanh Văn không chấp Ngã, Ngã Sở, đoạn trừ Phiền Não chướng.
- Còn Bồ Tát không chỉ dùng Huệ Ngã, Pháp Không Tánh; chứng Pháp Tánh Vô Phân Biệt; đoạn trừ Phiền Não chướng mà còn, có thể tu sâu sắc Pháp Không; xa lìa tất cả Hý Luận; dứt hết tất cả Tập Khí; chứng được Hạnh hoàn toàn Vô Tướng; viên mãn Pháp Giới thanh tịnh cùng tột và Thành Phật. Đây là chỗ mà, Nhị Thừa đạt đến sao?

Lựa chọn, quyết đoán Ý Nghĩa chân thật.

Khéo phân biệt Chánh, Tà

真實無分別,	<i>Chân Thật vô phân biệt,</i>
勿流於邪計!	<i>Vật lưu u tà kế,</i>
修習中觀行,	<i>Tu tập Trung Quán hạnh,</i>
無自性分別。	<i>Vô Tự Tánh phân biệt.</i>

Chân Thật không phân biệt, Chớ toan tính cong vạy!

Tu tập hạnh Trung Quán, Không phân biệt Tự Tánh.

- **Chọn lựa Quán Huệ của Chân Thật không có phân biệt.**

- *Nên bằng Trí Huệ chứng ngộ thấu rõ Vô Phân Biệt so với ý nghĩa không Nên Phân Biệt trong kinh nói.*

Bát Nhã hiện chứng gọi là Trí Vô Phân Biệt; Pháp Tánh chứng ngộ gọi là Pháp tánh Vô Phân Biệt.

Khi tu tập Bát Nhã, trong kinh hay nói: Không nên Nhớ (niệm); không nên Năm Bắt (thủ); không nên Phân Biệt.

Chứng ngộ còn không nói; tu tập Bát Nhã mà không nên Nhớ, không nên Năm Bắt; không nên Phân Biệt. Như thế thì làm sao tu quán là phân biệt, chọn lựa, tìm hiểu đây?

- Điều này cũng chả trách, có một số người tu theo Phật pháp, lại khuyên người không cần suy nghĩ gì cả mà, đi thẳng vào Thể Hội (chứng ngộ).
- Cũng lấy làm lạ, có một số người lấy Định Vô Phân Biệt không quán sát rồi cho là chứng được Trí Vô Phân Biệt thậm thâm!

Vì vậy, dù chứng được Trí Vô Phân Biệt, Quán Huệ Vô Phân Biệt, Ý Nghĩa Vô Phân Biệt của Chân Thật nên hiểu đúng đắn và khéo léo; chớ có mơ hồ dường như Đúng mà Sai, trôi theo toan tính của ngoại đạo, tà giáo; cố ý cho Chánh Quán của Phật nói là không thể.

○ **Nêu một số vô phân biệt để sáng tỏ vô phân biệt của Quán Huệ.**

Cần phải biết ý nghĩa của Vô Phân Biệt. Từ này có nhiều ý nghĩa khác nhau, không thể hiểu sai do nói chung chung, không rõ ràng.

▪ **Nói Vô Phân Biệt chẳng phải là Huệ Học.**

- ✓ Như gỗ, đá cũng vô phân biệt, đó, đương nhiên, không phải là Vô Phân Biệt của Phật pháp.
 - ✓ Định Vô Tướng: Tâm, Tâm Sở không sanh khởi; đây cũng là vô phân biệt nhưng là vô phân biệt của ngoại đạo.
 - ✓ Tự nhiên không tác ý (đề ý) cũng gọi là vô phân biệt. Vô phân biệt này cũng không thể nói là Huệ vô phân biệt; bởi vì không có công dụng; không có phân biệt của không Tác Ý; năm Thức hữu lậu, ngũ gục... đều là như vậy.
 - ✓ Từ Nhị Thiên trở lên không có Tâm, không có Tư (思); loại vô phân biệt này không có Tâm, Tư. Từ Nhị Thiên trở lên đều là như thế; so với Huệ Vô Phân Biệt không giống.
- **Nói rõ Vô Phân Biệt của Huệ Học tức là Vô Tự Tánh Phân Biệt.**

Vì thế, Vô Phân Biệt của Huệ Học không phải là không Tác Ý; không Tâm Tư; hoặc không sanh khởi Tâm Niệm phân biệt. Như vậy, cuối cùng là thế nào? Tu tập Vô phân

biệt của Trung Quán là bằng Chánh Quán mà không có phân biệt của Tự Tánh đó. Từ Tự Tánh Phân Biệt Bất Khả Đắc (Từ sự phân biệt không thể có của Tự Tánh) để đi vào hiện chứng của Pháp Tánh Vô Phân Biệt.

- **Kinh nói: Có hai nghĩa không nên phân biệt.**

- *Lấy quán Vô Tự Tánh Không để phân biệt rằng Tự Tánh có phân biệt thì không thể được.*

- *Có Tự Tánh là nơi chấp trước của Ngã Chấp.*

Phân biệt Tự Tánh là đối với Tướng Hý Luận không Chân Thật mà dường như Chân Thật, rồi chấp Tướng cho là có Tự Tánh.

Ở trên đã nhắc lại Có Tự Tánh là chỗ vướng mắc do Chấp Ngã, Ngã Sở; nếu khởi lên phân biệt Tự Tánh thì không thể đạt đến Cái Không của Ngã, Pháp để rời bỏ chấp trước Ngã, Ngã Sở.

- *Do phân biệt mà lìa bỏ Có Tự Tánh là phương tiện của Trí Chứng.*

Vì thế, nên phân biệt, quyết trạch, quán sát, Tự Tánh Có này không thể có; Tự Tánh Có, dù mảy may, cũng không thể có thì mới có thể lìa hẳn Có Tự Tánh phân biệt. Lìa Tự Tánh

có phân biệt, chính là Quán Không: Không có Tự Tánh phân biệt.

Phân biệt, không nhất định là Tự Tánh phân biệt mà, phân biệt cái Phân Biệt của Tự Tánh thì không thể được, đó là Không Quán; không những là không chấp trước, mà còn là phương tiện quan trọng dẫn đến Trí chứng lìa ngôn ngữ, không phân biệt!

- **Tóm lại, kinh nói: Không nên phân biệt, chẳng có gì là không phân biệt.**

Kinh nói: Không nên Niệm (nhớ); không nên Thủ (nắm giữ); không nên Phân Biệt. Đó là nói:

- Không nên Niệm (nhớ, nghĩ) Tự Tánh có; nếu Tự Tánh Có, không nên nắm giữ (chấp); không nên sanh khởi phân biệt Tự Tánh Có.
- Chớ nói tu học Bát Nhã thì cái gì cũng không: Không Nhớ, không Nghĩ, không Phân Biệt.

Nếu tất cả phân biệt đều là chấp trước, thế thì Phật nói Văn, Tư, Tu Huệ đều là điên đảo sao?

Nếu Trí Vô Phân Biệt xuất hiện ngay mà không do Văn, Tư, Tu Huệ phát sanh thì điều đó cũng trở thành không Nhân mà có sao!

○ **Khi quán hạnh thuần thực, đối với phân biệt, không nên cố sức.**

▪ ***Khi sắp chứng được Trí, nếu đối với phân biệt mà chấp Tướng thì trở thành chướng ngại.***

Nhưng, từ khi tu Quán Vô Phân Biệt, Quán Tự Tánh phân biệt không thể được, khi sắp tiến tới chứng ngộ Trí Vô Phân Biệt; đối với phân biệt, nếu cố sức, chọn lựa thì đó cũng là chướng ngại; cho nên, kinh nói không nên Nhớ, Nghĩ; Năm giữ Phân biệt.

▪ ***Nêu ví dụ Thuận Đạo Pháp Ái Sanh để sáng tỏ ý nghĩa trên.***

Đây gọi là Thuận Đạo Pháp Ái Sanh trong kinh Đại Bát Nhã; giống như ăn thực phẩm sống, không tiêu hóa được, sanh bệnh.

Điều này giống như bắn tên, khi ngắm đích để bắn tên ra, không thể quá vội vàng, quá căng thẳng. Vội vàng, căng thẳng sẽ không trúng đích.

Xưa kia, có người viết thư gửi cho một người có địa vị; vì sợ sai sót nên đã dán phong thư rồi, lại mở ra; đóng, mở như vậy nhiều lần; cuối cùng, để tờ giấy trắng vào phong thư, gửi đi và đã trở thành chuyện nực cười.

Vì vậy, khi quán Tâm thành tựu, là lúc thuần thực, chuyển hóa thì không thể lại tác ý, phân biệt, chọn lựa nữa. Thật ra, đây cũng là ý nghĩa không chấp Tướng, không tác ý phân biệt.

Chỉ và Quán bằng nhau

以無性正見,	<i>Dĩ vô tánh Chánh Kiến,</i>
觀察及安住.	<i>Quán sát cập an trú.</i>
止觀互相應,	<i>Chỉ, Quán hỗ tương ưng,</i>
善入於寂滅.	<i>Thiền nhập ư Tịch Diệt.</i>

Lấy Chánh Kiến vô tánh, Quán sát và an trú.

Chỉ, Quán tương ưng nhau, Khéo vào được Tịch Diệt.

• **Lược nói thứ tự tu học Chỉ, Quán Khế ngộ Chân Thật Bát Nhã.**

○ **Bằng Văn, Tư Huệ để đi vào Tu Huệ**

- *Văn, Tư Huệ của Chánh Kiến Vô Tánh là dùng trí tuệ quán sát Tán Tâm.*

Muốn tu học Bát Nhã, khế ngộ Chân Thật, trước cần đối với cái Có Giả Danh của thế tục; Tự Tánh không thể có; chọn lựa sâu sắc, tinh tế để có được Chánh Kiến vững chắc của Không, Có chẳng trở ngại. Giả Danh Có và Vô Tánh Không thì thành tựu lẫn nhau, không trở ngại cho nhau. Vì thế nói:

“Dường như Có mà rốt cuộc Không, rốt cuộc Không mà dường như Có”, Có Chánh Kiến cùng cực là Vô Tự Tánh mà không phá hoại tất cả cái Có thuộc Duyên Khởi của Thế Tục; đây chính là học tập Văn, Tư Huệ. Nếu không tu tập thành tựu Định Tâm thì đó chỉ là quán sát của tán Tâm phân biệt.

▪ ***Do Định thành tựu đi vào Tu Huệ đạt được Quán thành tựu.***

✓ Thành tựu Chánh Định đi vào giai đoạn Tu Huệ.

Nếu tu Chỉ mà đã được Khinh An thì đã thành tựu Chánh Định thì có thể Chánh Kiến Không Tánh về Giả Hữu không làm trở ngại; dựa vào Định tu Quán, đi vào giai đoạn Tu Huệ.

✓ Chỉ, Quán tu chung và thành tựu được Quán.

Lúc này lấy Vô Tánh Không làm sở duyên để tu Quán sát, gọi là “Có Phân Biệt Ảnh Tượng”. Quán Sát lâu thì lấy Vô Tánh Không làm sở duyên để tu tập An Trú (Định), gọi là “Không Phân Biệt Ảnh Tượng”: đến đây không còn vô phân biệt trong quán sát.

Nếu an trú (Định) rồi, trở lại tu quán sát; Chỉ, Quán cùng tu như vậy thì đều lấy Vô Tánh Không làm sở Duyên.

Khi quán Tâm thuần thực, an trú, hiển lộ rõ ràng, trong veo, như hư không tĩnh lặng, không áng mây mù. Lúc ấy: —

切法趣空: Nhất thiết pháp thú không: Tất cả pháp hướng về Không, Quán tất cả pháp Tướng, không có một pháp nào, đáng để trụ lại mà, hết thấy như làn khói nhẹ thoảng qua.

Khi tu quán sắp thành tựu, công phu nên chậm lại, chờ cho quán lực phát khởi trở lại Khinh An, mới gọi là Tu Quán thành tựu.

○ **Chỉ, Quán đồng đều thì đi vào Pháp Tánh Vắng lặng.**

Từ đây về sau, Chỉ, Quán tương ưng cùng nhau, gọi là Chỉ, Quán song song vận hành. Bằng Quán Huệ Vô Phân Biệt có thể khởi sanh Trụ Tâm Vô Phân Biệt. Trụ Tâm này có thể sanh khởi Quán Huệ Vô Phân Biệt. Chỉ, Quán quân bình, quán lực sâu sắc, triệt để: cuối cùng, Không Tướng cũng rơi rụng, không hiện khởi nữa và nhẹ nhàng bước vào Pháp Tánh vắng lặng của Vô Sanh.

• **Nói riêng về Trí Vô Phân Biệt không giống với sự suy nghĩ hoàn hảo của đời sau.**

Đến đây, Bát Nhã là Trí Vô Phân Biệt có ở đây, bây giờ.

- Nếu nói: “Bát Nhã Ba La mật có khả năng diệt các Tà Kiến, Phiền não, Hý Luận, đến rốt ráo Không”. Lại nói: “Huệ nhãn cũng không có đối tượng (sở kiến)”.

○ **Duy Thức Học cũng nói: Thấy Đạo chân thật của Không Phân Biệt là là Tất cả Tướng.**

Rốt ráo Không Huệ của lộ trình từ Phàm phu vào Thánh vị đều được học giả Đại Thừa ở Ấn Độ công nhận.

Điều này so với suy nghĩ hoàn hảo của đời sau không biết được cách thức chính yếu khám phá, nên không thể cùng luận bàn!

Tán dương Bát Nhã

善哉真般若! *Thiện tai chân Bát Nhã!*

善哉真解脱! *Thiện tai chân Giải Thoát!*

依無等聖智, *Y vô đẳng Thánh Trí,*

圓滿諸功德. *Viên mãn chư công đức.*

Lành thay! Chân Bát Nhã, Lành thay! Chân Giải Thoát,
Nương Thánh Trí tột cùng, Muôn công đức tròn đầy.

- **Khen ngợi Bát Nhã và trách cứ ngoại đạo, phàm phu và người cho rằng mình có sở đắc.**

Bát Nhã Ba La Mật Đa, đã nói rõ, là phương tiện để tiến tu. Đây là cửa Bát Nhị để siêu phàm nhập Thánh, cho nên, được ca tụng đặc biệt.

- *Chân Bát Nhã có đặc điểm là phá tan sự nan giải của Sanh, Tử, là pháp đặc biệt vượt ngoài thế gian.*

Lành thay! Đây là Chân Bát Nhã, chỗ giác ngộ, chứng đắc của Phật; chỗ khai thị của Phật; không chỉ trí của phàm phu,

ngoại đạo không hiểu được; mà ngay cả, Trí Tương Trợ của Tiểu Thừa và Đại Thừa chúng được cũng vậy.

Từ phạm tình đề xuất máu chót tồn tại của Sanh, Tử đề giúp mở toang trọng điểm của cội nguồn; đây là pháp đặc biệt vượt ngoài thế gian.

- **Chân Giải Thoát là Nghĩa Không của Pháp Tánh, rất sâu khó thấy.**

Nghĩa Không của Pháp Tánh, vì thế, sâu thẳm khó thấy, chẳng phải mơ tưởng đến của học giả thế gian. Vì thế, đây là pháp đáng được ca tụng. Lành thay! Lành thay! Pháp này mới có được Chân Giải Thoát, không giống với phạm phu ngu muội và ngoại đạo; hoặc cho sanh lên trời là giải thoát hoặc cho cảnh giới Thiên Định sâu xa là giải thoát.

- **Bát Nhã là kho báu khiến tất cả công đức tròn đầy.**

Kinh có nói: “Bồ Đề Tát Đỏa vì nương vào Bát Nhã Ba La Mật Đa nên tâm quái ngại; vì tâm không quái ngại nên không sợ hãi, lìa xa điên đảo, mộng tưởng, rốt ráo Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời vì nương vào Bát Nhã Ba La Mật Đa nên chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác!”

Đức Niết Bàn chung của Thanh Văn; đức đại Bồ Đề không chung của Nhị Thừa đều dựa vào Thánh Trí không có gì sánh

bằng được này mới có thể viên mãn các công đức. Vì thế nói: Bát Nhã Ba La Mật Đa là kho chứa Pháp Bảo rất sâu sắc của chư Phật.

Nếu người học Phật mà không tu pháp môn này, thật, chẳng khác gì người vào núi báu mà trở về tay không!

5.3.1.2. Ba hệ phái Đại Thừa

a. Chọn Ba hệ phái

Chọn lựa ba hệ phái

法性本無二，	<i>Pháp Tánh Bản vô nhị,</i>
隨機說成異。	<i>Tùy cơ thuyết thành dị.</i>
了義不了義，	<i>Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa,</i>
智者善抉擇。	<i>Trí giả thiện quyết trạch.</i>

Pháp Tánh vốn không hai,	Tùy cơ nên nói khác,
Liễu nghĩa, không liễu nghĩa,	Người trí khéo chọn lựa.

- **Dựa vào Pháp Tánh Đức Phật chứng được, tùy căn cơ chúng sanh mà nói khác.**

Giải thoát sanh tử, thành Phật đều dựa vào Pháp Tánh hiện chứng mà thành tựu. Pháp Tánh là Tướng Chân Thật của tất cả pháp, từ xưa đến nay, Không Hai, Không Khác. Một Vị biến khắp tất cả tướng. Nhị Thừa, Bồ Tát, Phật đều chứng Pháp Tánh này như nhau. Kinh nói: “Vì Pháp Vô Vi mà có

khác nhau”; thật ra, Pháp Vô Vi không khác nhau, chỉ vì dựa vào Trí chứng ngộ sâu hay cạn mà nói có khác nhau. Như hư không vốn không khác nhau, nhưng vì có hộp vuông, hộp tròn mà nói không khí trong đó có hình dạng vuông, tròn.

Phật dựa vào DUYÊN KHỞI mà chứng ngộ được PHÁP TÁNH, cũng dựa vào Duyên Khởi mà Khai Thị Pháp Tánh. Pháp Tánh vốn không khác nhau, nhưng khi tùy cơ khéo nói, thì không thể không trở thành Giáo Thuyết khác nhau. Do Pháp Tánh có ý nghĩa sâu thẳm, có một số người không những không tin tưởng và thọ nhận nổi, mà còn gièm pha. Vì thế, Phật không thể không dùng ngôn từ uyển chuyển, nói khác đi để dẫn dắt họ.

- **Nói về ba hệ phái của Đại Thừa**

Nói về Đại Thừa có thể chia thành ba hệ phái lớn.

- **Nói về tên gọi ba hệ phái.**

Đại Sư Thái Hư gọi là: Pháp Tánh Không Huệ, Pháp Tướng Duy Thức, Pháp Giới Viên Giác.

Còn tôi thường gọi là: Tánh Không Duy Danh, Hư Vọng Duy Thức, Chân Thường Duy Tâm. Tên gọi không giống nhưng nội dung như nhau.

Ngày xưa, Tông Hiền Thủ chia Đại Thừa thành: Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông, Pháp Tướng Tông, Đây cũng là ba hệ phái của Đại Thừa.

○ **Tranh luận về ý nghĩa của ba hệ phái.**

- ***Ba hệ phái lấy Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa để tranh luận.***

Ba hệ phái này, đã từng khiến người mê lầm, không tránh khỏi tình trạng trái ngược nhau.

Bởi vì ba hệ phái đều cho hệ thống của mình là Liễu, cho hệ thống khác là Bất Liễu Nghĩa.

- ✓ Như Tông Hiền Thủ, lập tông ở hệ phái thứ ba. Quyền giáo là Pháp Tướng, Pháp Tướng; Thật giáo là Tông của mình.
- ✓ Tông Du Già (Tông Duy thức), lập tông ở hệ phái thứ hai (Hư vọng Duy Thức) và tự xưng là Ứng Lý Tông, gọi hệ phái thứ nhất là Ác Thủ Không. Hệ phái thứ ba là Phật Giáo Trung Quốc.
- ✓ Tam Luận Tông lập tông dựa vào hệ phái thứ nhất, tự xưng là Đại Thừa Vô Sở Đắc, cũng không tránh khỏi có học giả bài xích các hệ phái khác.

Việc này đều xuất phát từ cho hệ phái của mình là Liễu Nghĩa, cho hệ phái khác là Bất Liễu Nghĩa. Mỗi hệ phái đều có kinh điển chứng minh và luận chứng là hệ phái mình Liễu Nghĩa. Vì thế, tranh luận không dễ gì chấm dứt.

- ***Nên khéo léo chọn lựa để làm sáng tỏ Tông Chỉ Chân Thật của Phật Pháp và công dụng lớn lao của Phương Tiện.***

Điều này có liên hệ đến Pháp Tánh, đến tu chứng Bát Nhã nên không thể mập mờ, cho qua! Cuối cùng, thế nào là Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa? Cuối cùng, ai là Liễu Nghĩa, ai là Bất Liễu Nghĩa? Người trí nên khéo léo chọn lựa, mới có thể thấu suốt Tông Chỉ Chân Thật của Phật pháp và sáng tỏ công dụng lớn lao của Phương Tiện trong lời dạy của Đức Phật.

- **Đạo sư bàn luận về phương pháp của ba hệ phái.**

Liên quan đến Pháp Tánh Bát Nhã, ở trên, tuy đã dựa vào kinh luận Bát Nhã để giảng giải sơ lược; nếu học giả của hệ phái khác xem đến, sẽ không đồng tình. Vì vậy, không thể không nói sơ lược về ba hệ phái này. Bây giờ gạt bỏ những kiến giải khác nhau của học giả đời sau, đi thẳng vào kinh luận căn bản để tìm ra đầu mối. Tuy không chắc vừa ý với tất cả học giả, nhưng cũng không đến nỗi là thành kiến của chính mình.

Hệ phái Tánh Không Duy Danh

諸法從緣起, *Chư pháp tùng Duyên Khởi,*
 緣起無性空; *Duyên Khởi, Vô Tánh, Không;*

空故從緣起, *Không cố tùng Duyên Khởi,*
 一切法成立. *Nhất thiết pháp thành lập.*
 現空中道義, *Hiện Không, Trung Đạo Nghĩa,*
 如上之所說. *Như thượng chi sở thuyết.*

Các pháp Từ Duyên Khởi, Duyên Khởi, Không, Vô Tánh;
 Không vì theo Duyên Khởi, Tất cả pháp lập thành.

Hiện Không, nghĩa Trung Đạo, Như trên đã nói rồi.

- **Nói chung nguyên nhân chủ yếu của ba hệ phái Đại Thừa xuất xứ không giống nhau.**

Trước nói kinh luận căn cứ của hệ phái Duy Danh Đại Thừa Tánh Không là Bát Nhã, Trung Luận,...

- **Vấn đề căn bản về An Lập, Lưu Chuyển và Hoàn Diệt của Giáo Học Đại Thừa.**

Trước hết, cần nói rõ: Giáo học Đại Thừa của Ấn Độ (Tiểu Thừa cũng vậy) đều cần An Lập tất cả pháp.

- ***Nghiệp báo Thiện, Ác; điên đảo, lầm lạc, trôi nổi trong Sanh, Tử, tại sao có?***

Điều này là lý luận rất căn bản, dựa vào đó chỉ dạy pháp lành cho người, trời.

- ***Trái lại, làm thế nào để triệt ngộ Pháp Tánh, đoạn Hoặc, chứng Chân, thành lập Thánh pháp tam thừa.***

Cần phải theo quá trình tu tập như thế nào để đạt được thành tựu viên mãn Niết Bàn và Bồ Đề.

Ở đây và bây giờ có hai pháp môn quan trọng, đó là Khô, Tập và Diệt, Đạo. Tuy nhiên, đây không phải là pháp môn mà người thường có thể thông đạt hoàn toàn, mà phải là bậc chân chánh hoằng dương giáo pháp Đại Thừa; trước sau không được quên đi vấn đề này.

- **Bất đồng căn bản nhất của ba hệ phái là ở chỗ An Lập của Nghiệp Quả.**

Căn cứ vào lời dạy từ kinh luận, chứng tỏ rằng ba hệ phái của Phật pháp Đại Thừa có sự bất đồng mà, chủ yếu là ở Kiến Địa (Cái Thấy) về việc Thành Lập Tất Cả Pháp, căn bản nhất là Nghiệp Quả An Lập như thế nào.

- **Nói tổng quát về Tánh Không của hệ phái Duy Danh.**
 - **Lược nói về giáo thuyết Liễu Nghĩa, Bất Liễu Nghĩa của Tông Tánh Không.**
 - ***Dựa vào kinh Vô Tận Ý để nói Liễu Nghĩa và Bất Liễu Nghĩa.***

Kinh Vô Tận Ý nói:

- ✓ Hiện thị Thế Tục là kinh Bất Liễu Nghĩa; hiện thị Thắng Nghĩa là kinh Liễu Nghĩa.
- ✓ Hiện thị bằng Danh, Cú giả lập là Bất Liễu Nghĩa, hiện thị thâm sâu khó thấy là Liễu Nghĩa.

- ✓ Hiện thị Hữu Ngã là Bất Liễu Nghĩa; hiện thị Vô Ngã, Không, Vô Sanh là Liễu Nghĩa.

Những điều này giống như kinh Tam Ma Địa Vương nói.

- ***Trung Quán thì chỉ dựa Giả Danh của Thế Tục thành lập tất cả pháp.***

- ✓ Giáo lý Liễu Nghĩa của Trung Quán là Vô Tự Tánh, Không, Bất Sanh Diệt.

Như vậy, kinh Bát Nhã, Luận Trung Quán,... nói sâu rộng về Vô Tự Tánh, Không, Bất Sanh Diệt,... là giáo lý Liễu Nghĩa, là giáo thuyết có lý quyết định, rõ ráo, triệt để nhất.

- ✓ Dựa vào Thuyết Liễu Nghĩa, tất cả pháp Thế Tục được an lập.

Dựa vào lập trường Liễu Nghĩa này, tất cả Ngã, Pháp đều là Thế Tục, Giả Có.

Từ nghiệp báo sanh tử đến đạo quả Tam Thừa, ngay cả Niết Bàn đã là An Lập (có sự sai biệt bởi Danh Ngôn về hiện tượng và nghĩa lý của Sự, Vật) thì gọi là An Lập thì Có, đều là Duy Danh, Duy giả. Cái Có của Thế Tục là do Danh Ngôn, Thức thành lập. Nếu quán sát theo Thắng Nghĩa thì tất cả là Vô Tự Tánh nên không thể An Lập.

Đây chính là: 從無住, 立一切法: Tòng Vô Trụ, lập nhất thiết pháp: Từ Vô Trụ, lập thành tất cả pháp (kinh Duy

Ma Cật Sở Thuyết), mà chẳng phải từ trong Chân Như Thật Tướng lập thành tất cả.

✓ Dẫn kinh chứng minh.

Như kinh Bát Nhã nói: “Vì tên gọi của thế gian mà có Tu Đà Hoàn cho đến A La Hán, Bích Chi Phật, chư Phật.

Trong Thật Nghĩa thứ nhất không có Tri, không có Đắc, không có Tu Đà Hoàn cho đến không có Phật... sáu đường riêng khác cũng là tên gọi của thế gian nên có, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa Chân Thật... Trong Đệ Nhất Nghĩa Chân Thật, không có Nghiệp, không có Báo”.

“Ngã như ảo như mộng... Phật đạo như ảo như mộng.... Ta nói Niết Bàn cũng như ảo như mộng.

Đối với Niết Bàn, nếu ai đang có pháp thù thắng này, Ta cũng nói như ảo như mộng như thế”. (Ma ha Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh, q.8).

Đây là tất cả như ảo như hóa, còn xác chứng chỉ là Giả Danh do Thế Tục đặt ra, không có căn cứ.

• **Lược nói Tông Tánh Không, dựa vào nghĩa Trung Đạo, Duyên Khởi lập thành tất cả pháp.**

○ *Duyên Khởi nên Có Giả Danh, là Vô Tự Tánh Không.*

Hành giả Trung Quán đã có cái thấy sâu sắc về Tánh Không, Duy Danh này; nói các pháp sắc, tâm; tịnh, nhiễm; thế, xuất thế đều là Giả bày đặt ra thôi (cũng chính là Giả Danh), là Duyên Khởi sinh khởi thôi. Đây là lập trường căn bản mà trong kinh Thắng Nghĩa Không, Phật đã nói.

- ***Đã là Duyên Khởi thì Có là Giả Danh***
- ***Bằng Thắng Nghĩa quán sát, tất cả là Vô Tự Tánh nên Không, không có một pháp có thể An Lập.***

Nhưng ở đây không thể nói: Vô Tánh, Không phá hoại tất cả, không thể thành lập tất cả pháp. Ngược lại, nếu không phải là Vô Tánh Không mà là Có Tự Tánh. Như vậy thì Pháp Thật Có.

Thật Có nghĩa là Pháp có Tự Tánh, thế thì không cần theo Duyên để sanh khởi; thế thì pháp chưa sanh không thể sanh, pháp chưa diệt không thể diệt; phàm phu, mãi mãi là phàm phu, không thể thành Phật!

- ***Về Vô Tự Tánh Không, tất cả pháp đều theo Duyên mà sanh khởi.***

May thay! Do Không nên không có Tự Tánh, cho nên, từ Duyên mới có Sanh Khởi. Dựa vào Nhân Duyên, tất cả pháp đều có thể thành lập.

Làm lành được quả báo lành; làm ác bị quả báo ác. Đã mê đắm thì trôi lăn trong sanh tử; khi chứng ngộ thì ắt được giải thoát.

Vả lại, bằng Duyên Khởi. Tánh Không quán tất cả pháp, vì thế không đắm chìm trong sanh tử, cũng chẳng trụ ở Niết Bàn; thực hành rộng khắp hạnh Bồ Tát rồi, thành Phật. Bất Không, cái gì cũng đều không thể thành lập; Không, tất cả đều có thể thành lập.

○ *Dẫn luận để chứng minh.*

Điều này, Trung Luận, phẩm Quán Tứ Đế và luận Hồi Trách đã xác quyết. Như nói:

以有空義故，

Dĩ hữu Không Nghĩa cố，

一切法得成。

Nhất thiết pháp đắc thành.

若誰有此空，

Nhược thùy hữu thử Không，

彼有一切義。

Bĩ hữu nhất thiết Nghĩa.

Vì có nghĩa Không，

Nên tất cả Pháp lập thành.

Nếu ai ngộ Tánh Không này, Người ấy có tất cả nghĩa.

Dựa vào nghĩa Duyên Khởi tương ứng với Tự Tánh Không thì lập thành tất cả pháp.

- **Nghĩa Trung Đạo không trở ngại Không, Giả: Nhị Đế; như trên đã nói Huệ Độ (một trong sáu độ).**

Vì vậy, theo Giả Lập của Thế Tục mà nói thì biểu hiện như ảo, theo Vô Tự Tánh của Thắng Nghĩa mà nói thì Không. Ảo hiện mà không trở ngại Tánh Không, Tánh Không mà không trở ngại Ảo hiện. Không, giả vô ngại, ý nghĩa Trung Đạo của Nhị Đế vô ngại là thuyết Liễu Nghĩa của Tông Tánh Không. Đây chính là, như trên đã nói trong Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Hệ phái Duy Thức hư vọng

Ứng cơ thuyết pháp.

一切法無性,	<i>Nhất thiết pháp Vô Tánh,</i>
善入者能入。	<i>Thiện nhập giả năng nhập.</i>
或五事不具,	<i>Hoặc ngũ sự bất cụ,</i>
佛复解深密。	<i>Phật phục giải thâm mật</i>

Tất cả pháp Vô Tánh,	Người khéo vào, vào được.
Hoặc năm việc không đủ,	Phật lại giải nghĩa sâu.

- **Lược nói kinh luận mà hệ phái Hư vọng Duy Thức căn cứ.**

Kể đến nói về hệ phái Hư Vọng Duy Thức, lấy kinh Giải Thâm Mật, luận Du Đà làm tông chỉ.

Thầy Huyền Trang đã truyền Duy Thức Pháp Tướng này rất có ý nghĩa trong việc biểu đạt hệ phái Duy Thức.

Kinh Bát Nhã được nói vào thời giáo thứ hai, Tiểu Thừa nói vào thời giáo thứ nhất, kinh Giải Thâm Mật vào thời giáo thứ ba. Thầy Vô Trước truyền luận Du Đà, sau thầy Long Thọ. Vì vậy, kinh luận của hệ phái này căn cứ có chậm hơn một chút.

- **Hệ phái Duy Thức phân biệt căn cơ bất đồng của chúng sanh mà hình thành sâu sắc, bí mật và biểu hiện rõ ràng của các pháp.**
 - *Theo Thắng Nghĩa nói sự khác nhau giữa Trung Quán và Duy Thức.*

Thắng Nghĩa là Chân Tánh rốt ráo cùng tận của tất cả pháp, không có gì cao hơn; cho nên, Thắng Nghĩa chính là Liễu Nghĩa. Điều này luận giả Trung Quán kế thừa kinh Bát Nhã, Vô Tận Ý mà có được Cái Thấy chính xác.

Nhưng kinh Giải Thâm Mật dùng tương đối luận về Liễu Nghĩa và Thâm Mật (Bất Liễu Nghĩa): Nói được rõ ràng, dễ hiểu là Liễu Nghĩa; nói được sâu sắc, vi diệu, ẩn mật là Bất Liễu Nghĩa. Nhờ đây, ở trong Thắng Nghĩa Đệ, còn có phân biệt giữa Thâm Mật và Liễu Nghĩa.

○ ***Dựa vào kinh Giải Thâm Mật phân biệt chúng sanh thành năm việc đầy đủ và không đầy đủ.***

Dựa vào kinh Giải Thâm Mật của Phật nói đề lý giải Không Tánh của Pháp Thắng Nghĩa, cho nên, có Thâm Mật và Liễu Nghĩa là thuộc vấn đề căn cơ.

▪ ***Căn cơ của chúng sanh có năm việc đầy đủ.***

Như trên kinh đã nói: “Tất cả pháp đều không có Tự Tánh, không sanh không diệt, xưa nay vắng lặng, Niết Bàn tự tánh. Trong kinh nói: Nếu các hữu tình đã trông căn lành thượng phẩm; các chướng đã sạch trơn; đã luôn luôn thành thực; đã tu nhiều thắng giải; đã chất chứa được phước đức, trí tuệ, tư lương vào hàng thượng phẩm. Người ấy, nếu đã nghe được pháp như thế; đối với lời nói có ý nghĩa sâu sắc, Thâm Mật của Ta, đã hiểu đúng như thế. Đối với pháp như thế, tìm hiểu sâu sắc; đối với nghĩa như thế, thật sự thông đạt bằng trí huệ không điên đảo. Vì được dựa vào sự thông đạt này mà tu tập nên nhanh chóng chứng được quả vị rốt ráo, cùng tột.”

Ở đây, có thể thấy, đối với giáo thuyết “Tất cả pháp không có Tánh”; giống như loại căn cơ thành thực này đã có năng lực khéo vào Pháp Tánh sâu thẳm, rồi có thể bằng trí huệ

không điên đảo, chứng ngộ được, cũng không cần Phật nói kinh Giải Thâm Mật nữa.

▪ ***Căn cơ của chúng sanh có năm việc không đầy đủ.***

✓ Nêu ba loại người không đủ năm việc.

- Tin mà không hiểu.

Hoặc có trường hợp năm việc không đầy đủ, đối với giáo thuyết Tất cả Pháp Vô Tánh, thì đã có vấn đề.

Kinh đã nói: Trông thiện căn thượng phẩm, các chương vắng bậc, thành thực mãi mãi, tu nhiều Thắng Giải mà, vẫn không chứa nhóm đủ Phước, Trí tư lương của bậc thượng phẩm. Đây là loại hữu tình đã nghe được pháp Phật, đã cảm nhận rất sâu sắc, tuy dối lòng tín ngưỡng, nhưng không thể hiểu rõ.

- Tin nhưng hiểu sai.

Có người đã được nghe Pháp Phật, tuy có lòng tín ngưỡng nhưng không thể hiểu nổi nghĩa lý; mà dựa theo ý kiến của chính mình để giảng giải; cho rằng tất cả pháp vô tự tánh KHÔNG là Không Có Gì Hết (thầy Long Thọ gọi người này là Phương Quảng Đạo Nhân). Kết quả không có chút ích lợi gì cho chính mình; trái lại, trí tuệ còn thoái lui. Người nghe pháp từ người khác; rồi đi theo vết xe đổ Chấp Không của họ, trái lại phản đối giáo lý Tất cả pháp Không.

- Không tin, không hiểu.

Còn có người đã được nghe pháp Phật. Tất cả pháp Vô Tánh Không nhưng năm việc không đầy đủ; không tin; không hiểu và nói: “Đây không phải là lời Phật nói mà là lời của Ma”. Ngay cả thầy Long Thọ cũng nói:

“聲聞五百部,... 聞說般若諸法畢竟空,如刀傷心

Thanh Văn ngũ bách bộ... Văn thuyết Bát Nhã chư pháp tất cánh Không, Như đạo thương tâm”. Thanh Văn có 500 bộ... Nghe nói Bát Nhã các Pháp rốt ráo Không, như con dao làm tổn thương trái tim.

✓ Vì người không có đầy đủ năm việc, mà nói: Dựa vào ba Vô Tự Tánh nên nói Tất cả pháp Vô Tự Tính.

Đối với người độn căn tin mà không hiểu; tin mà hiểu sai; không tin còn không hiểu. Đó là lý do Phật nói kinh Giải Thâm Mật: “Ta dựa vào ba loại Tánh Vô Tự Tánh, mật ý nói rằng Tất cả Pháp đều không có Tự Tánh”.

Nói đơn giản: Dựa vào Ba Vô Tánh để trừ bỏ Tánh Biến Kế Sở Chấp nên nói Tất cả Pháp không có Tự Tánh.

Thật ra, Pháp Duyên Khởi– Y tha Khởi Tánh, Tịch Diệt Pháp Tánh– Viên Thành Thật Tánh là có Tự Tánh, hoàn toàn

không phải tất Cả Điều Không Có. Là Chẳng phải Có của Có, Là Thật Có của Có.

- Đây mới là điều Không Tin, Không Hiểu cũng không phản đối.
- Hiểu sai, cho là không có gì hết cũng không nhận hiểu sai.
- Có Tin mà không hiểu cũng có thể nương vào niềm tin để tiến tu.
 - ***Đúng cơ nói pháp, pháp không có Hiện, Mật, vì hợp căn cơ mới có khác nhau.***

✓ Kinh Giải Thâm Mật cũng là ứng cơ nói pháp.

Dựa vào tự thuật của kinh văn đã hiểu:

- Do năm việc đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tự Tánh Không, có thể thành lập tất cả pháp; theo căn cơ mà nói có thể Tu, có thể Chứng; đây còn không phải là giáo lý Liễu Nghĩa sao?
- Nếu căn cơ không đủ, năm việc không đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tánh Không, không thể thành lập tất cả pháp hay là phá hoại tất cả pháp; đây mới là điều khó hiểu vô cùng, nên cần phải có sự giải thích rõ ràng của Đức Phật theo căn cơ nông cạn của chúng sanh.
 - ✓ Nêu ý của thầy Long Thọ trong luận để chứng minh.

Ý của thầy Long Thọ cũng giống như vậy:

- Như biển lớn, người cho là quá sâu, nhưng vua La Hầu La A Tu La đứng trong biển lớn, nước không tới rốn; biển ấy đâu có gì là sâu!
- Giống như người sống trên núi; nghe nói muối có vị ngon, bèn hốt một nắm muối ăn; kết quả là muối quá mặn, chịu không nổi. Muối có vị ngon đối với người thường, vốn đã hiểu rõ; nhưng trong tâm của người sống trên núi, không biết gì hết nên trở thành bí mật, khó hiểu.

Vì thế, sâu hay không sâu; bí mật hay không bí mật; không ở bản thân của pháp mà ở căn cơ của người nghe.

✓ Dựa vào căn tánh mà thuyết Liễu Nghĩa có sự bất đồng.

- Như vậy, kinh Bát Nhã nói: Tất cả pháp Vô Tánh Không, tất cả chỉ là Tên Gọi, chỉ là Giả Dối, đối với căn tánh trong pháp hội Bát Nhã mà nói là giáo lý Liễu Nghĩa, rất ráo.
- Tuy thế, nhìn từ căn tánh về năm việc không đầy đủ thì sâu thẳm mà còn bí mật; cho nên, cần phải một phen giải thích rõ ràng mới có thể Tin, mới có thể hiểu, mới có thể cảm nhận được đây là Pháp Môn Liễu Nghĩa.

Hai loại Giả, Thật

或是無自性, *Hoặc thị Vô Tự Tánh,*

或是自相有。 *Hoặc thị Tự Tướng Hữu.*

Hoặc là Không Tự Tánh, Hoặc là Có Tự Tướng.

- **Nương Thật lập Giả để thành lập tất cả pháp.**

Pháp môn Du Già được thầy Vô Trước truyền lại, dựa vào kinh Giải Thâm Mật đã được nói rõ về căn tánh của người không đầy đủ năm việc.

- **Nói chung hai loại: Vô Tự Tánh của Giả Hữu, Tự Tánh của Thật Hữu.**

Cho rằng: Tất cả Vô Tự Tánh, tất cả Giả Hữu; thế thì giống như nói cái gì cũng đều không có, thì không thể thành lập tất cả pháp; vì vậy, phải có hai loại Giả Hữu Vô Tự Tánh, Thật Hữu Tự Tánh; dựa vào Thật lập Giả mới đúng.

Như nói: “Ví như cần có các Uẩn: Sắc, Thọ thì mới Giả Lập Bồ Đặc Già La, chẳng phải là thật Sự không có mà có Giả Lập Bồ Đặc Già La.

Như thế, vì Sự mà phải có các pháp Thật Hữu, Sắc, Thọ... mới có thể có giả thuyết của các pháp Sắc, Thọ... biểu hiện. Không phải không vì Sự mà có giả thuyết Sắc, Thọ... biểu hiện.

Nếu chỉ có Giả mà sự thật không Có; vì đã không có chỗ y cứ, thì Giả cũng không Có. Đó gọi là phá hoại pháp. (Du Già Sư Địa luận, q.36)”.
 ○ **Nói riêng hai loại Giả, Thật của Tục Đế.**

- ***Chấp không có Tự Tánh, dựa vào Tướng Y Tha mà Có.***

Trong kinh Giải Thâm Mật chia Thế Tục ra hai loại:

“Tướng Biến Kế sở chấp của các Pháp như thế nào?

Vì rằng an lập Tự Tánh của tất cả pháp là Giả Danh, cho đến theo đó, khởi sinh Ngôn Thuyết.

Tướng Y Tha Khởi của các Pháp, như thế nào?

Vì rằng Tự Tánh của tất cả Pháp là Duyên Sanh”.

Tướng Biến Kế Sở Chấp: “Tướng này là do Giả Danh an lập (đặt ra), không phải Tướng do Tự Tướng an lập: Vì vậy nói Tánh của Danh Tướng là Vô Tự Tánh”.

Và Y Tha Khởi thì: “Do dựa vào sức của Duyên khác mới Có; không phải tự nhiên Có; cho nên gọi tên là Tánh của Sanh thì Vô Tự Tánh”. Vì thế, lập trường căn bản của hệ phái này là:

“Hoặc là Giả Hữu không có Tự Tánh, gọi là Giả nói Tự Tánh, Tướng bị chấp là Biến Kế

Hoặc Chỉ là Sự Kiện có thật (實有唯事: Thật hữu duy sự) của Tự Tướng Hữu, gọi là Tự Tánh lìa ngôn ngữ, Tánh Y Tha Khởi”.

- ***Lược nói hai loại khác nhau ở trong hai hệ phái.***

✓ Y Tha Tự Tánh có và dường như có chẳng Thật của Trung Quán không giống nhau.

Nhân Duyên sanh pháp thì Tự Tướng có, là Duyên sanh Tự Tánh của tất cả pháp.

Hoặc nói Tánh của mười tám Giới; giới cũng chính là ý nghĩa của Tự Tánh không mất.

Đây không phải là Chấp Trước mà thật có Tánh; khi từ Nhân Duyên sanh, như vậy chính là Tự Tánh có.

Điều này so với Trung Quán xem như là Tướng Hý Luận. Dường như có nhưng theo cái thấy của bậc Sơ Quả thì, thật sự, chẳng có. Đây là điều bất đồng căn bản do vướng mắc.

✓ Hai nhà công nhận về Sở Chấp không có Tự Tánh

Cho đến dựa vào pháp mà chấp là Có Thật, là không có Tự Tánh. Điều này có hai nhà công nhận.

• **Nhận xét quan điểm tranh luận của hai hệ phái.**

○ Ứng cơ nói pháp thì không tranh luận

Nhìn từ giáo lý của Phật nói thì không có một chút tranh luận.

- Năm việc đầy đủ, đối với tất cả pháp Vô Tự Tánh Không, tất cả chỉ là Giả Danh, thấu hiểu được Không thì không trở ngại Có; dựa vào Không, cho nên thành Có;

lập thành được tất cả pháp; cũng có thể Tin, Hiểu và thông đạt như thật.

- Năm việc không đầy đủ thì cho rằng tất cả pháp, cái gì cũng đều không có; Không chính là Không Có; vì thế, đương nhiên, không thể thành lập được tất cả pháp, cho nên, không tránh khỏi hiểu lầm; như vậy, dựa vào giải thuyết mới đã khá rõ ràng được chút ít, nói Có “Thật Hữu chỉ vì Sự” của Tự Tướng Hữu, cũng có thể Tin, Hiểu tất cả pháp Không và từ từ đi vào Phật đạo!

○ **Bất luận Căn Cơ, chỉ dựa vào một bên thì có đấu tranh.**

Nhưng học giả Du Già đời sau không thể hiểu nổi ý nghĩa giáo thuyết của Như Lai; không biết giáo thuyết của Di Lặc, Vô Trước: đó là nói vì hạng căn tánh không đầy đủ năm việc. Trái lại, cho rằng bất luận căn cơ nào đều phải nương vào thuyết Liễu Nghĩa của kinh Giải Thâm Mật. Như thế, vấn đề nằm ở đây.

- Vì thuyết Tất Cả Pháp Không của kinh Bát Nhã; đương nhiên, Phật không đạt như thật, nhưng không nói rõ ràng được, dễ làm cho hiểu lầm; vì vậy, không thể không dựa vào thuyết tân giải về kinh Giải Thâm Mật.
- Tuy không dám bài bác tổ Long Thọ, nhưng ý nghĩa tổ giải thích thì giống chính mình nói về kinh Giải Thâm Mật; trái lại, kiên quyết phản đối với phái Trung Quán là Tánh của tất cả pháp là Không, theo thuyết Liễu Nghĩa tất cả chỉ là Giả Danh. Thậm chí còn nói: “不應共語

“不應共住” : Bất ưng cộng ngữ, bất ưng cộng trụ: Không nên cùng nói, không nên cùng ở (Du Già Sư Địa Luận, q.36), rồi dấy lên sự đấu tranh giữa các tông phái.

Giả sử có thể nghĩ rằng còn có người, căn cơ đầy đủ năm việc, có cái thấy sâu sắc: “Vì với nghĩa Có, Không; tất cả pháp được thành”. Điều này cũng cho phép để thích ứng với từng căn cơ, mỗi tông phái hoằng truyền đạo lý của hệ phái mình mà không cần tranh chấp!

Lại Da Duyên Khởi

緣起自相有，	<i>Duyên Khởi Tự Tướng Hữu,</i>
即虛妄分別。	<i>Tức hư vọng phân biệt.</i>
依識立緣起，	<i>Y thức lập Duyên Khởi,</i>
因果善成立。	<i>Nhân quả thiện thành lập.</i>

Duyên Khởi có Tự Tướng, Là hư vọng, phân biệt.

Nương thức lập Duyên Khởi, Nhân Quả được thành lập.

• **Do Y Tha khởi mà biết rõ A Lại Da khởi.**

○ **Y Tha Duyên Khởi lấy A Lại Da làm Căn Bản.**

Duyên Khởi mà có Tự Tướng, chính là Tánh Y Tha Khởi.

Y Tha Khởi là Pháp của tất cả Duyên Khởi, chỉ có Đại Thừa Duy Thức mới lấy Duy Thức làm Tông; cho nên, Y Tha Khởi mới lấy Hư vọng Phân biệt làm Tánh, cũng chính

là Thức Hữu Lộ. Xưa nay, chúng sanh hiện hành đều là Hữu Lộ.

Thức có tám loại, nhưng Căn Bản Phân Biệt làm chỗ nương tựa cho tất cả pháp, gọi là Thức A Lại Da.

Y là dựa vào Thức Căn Bản A Lại Da mà lập nên Duyên Khởi, tất cả pháp mới được sanh ra.

- **Một hạt giống, bảy hiện hành hỗ tương huân tập thành Nhân, Quả.**

Thức A Lại Da dịch là Tàng Thức, chứa đựng vô lượng chủng tử.

Dựa vào Chủng Tử sanh ra Hiện Hành; bảy thức và Tâm Sở Tương Ứng, Căn Trần, Vũ Trụ (khí thể giới)

Khi tất cả pháp sanh khởi, lại huân tập thành chủng tử (hạt giống) chứa trong Thức A Lại Da.

Như vậy, Thức A Lại Da là Tánh của Chủng Tử, tất cả Nhân Quả đều từ Mảnh Đất thiện xảo nông lập thành.

- **Quan điểm Nhân Quả của Duy Thức là Tự Tánh sanh Tự Tánh.**

Học giả Duy Thức thì lấy Có Tự Tướng nên tất cả pháp; cho nên, Nhân, Quả cũng Có Tự Tướng.

- **Lược nói Duyên Khởi phân biệt Tự Tánh của Y Tha Khởi**

Thức A Lại Da là Tánh của Chủng Tử, gọi là “分別自性緣起: Phân biệt Tự Tánh Duyên Khởi”: Duyên Khởi nên phân biệt Tự Tánh (Luận Nhiếp Đại Thừa, q. Thượng). Như chủng tử nhãn thức sanh nhãn thức; chủng tử nhĩ căn sanh nhĩ căn; chủng tử tham sanh tham; chủng tử màu xanh sanh màu xanh; chủng tử màu vàng sanh màu vàng, chủng tử hữu lậu sanh hữu lậu; chủng tử vô lậu sanh vô lậu. Chủng tử nào sanh ra Hiện hành nấy; Hiện hành gì lại huân tập chủng tử đó.

Tánh của loại chủng tử này gọi là (親生自果功能差別): Thân sanh tự quả công năng sai biệt: Quả của chính nó, sanh ra từ chính nó, có công năng khác nhau. Nói cách khác: Thân sanh tự quả thù thắng công năng: công năng vượt trội của Quả mà chính nó sanh ra. Công năng sai biệt (khác nhau): Không phải nói Chủng tử với Chủng tử, hoặc có bất đồng ở trong Bốn Thức, mà là nói Tánh công năng của pháp ần sanh ra có tác dụng vượt trội; đây là quán Nhân Quả về Tự Tánh sanh Tự Tánh.

Nhưng ngoài chính chủng tử ra, còn cần có mặt duyên khác của nó, mới có thể sanh quả; cho nên gọi là Y Tha Khởi.

- Nêu ra cách quán Nhân Quả của hai hệ phái không giống nhau.

Ở đây có thể thấy dựa vào Tự Tướng mới biết có Chung Tử, quán Nhân Quả theo Duy Thức thì sanh Tự Tướng nên có Hiện Hành và quán Nhân Quả theo Vô Tự Tính Không, thì khác nhau như thế nào.

Tuần tư Hiện Quán

心 外 法 非 有,	<i>Tâm ngoại pháp phi hữu,</i>
心 識 理 非 無。	<i>Tâm Thức lý phi vô.</i>
達 無 境 唯 識,	<i>Đạt vô cảnh Duy Thức,</i>
能 入 於 真 實。	<i>Năng nhập ư Chân Thật.</i>

Pháp, ngoài Tâm, không có, Lý Tâm Thức chẳng không Thấu duy Thức, không Cảnh, Vào được nói Chân Thật.

- **Lược nói thứ tự hiện quán của Duy Thức.**

- Thấu được cảnh Không, Thức có.

- *Ngoại Cảnh thật có và nội Tâm làm chấp đều là Biến Kế Sở Chấp Không, không có Tự Tánh.*

Dựa vào Thức Hư vọng Phân Biệt, Chung Tử sanh Hiện Hành, Hiện Hành huân Chung Tử. Đó là theo Nhân Quả mà nói; Pháp ngoài Tâm là không có. Chúng sanh trực giác được Ngoại Cảnh có thật, như Sắc (vật chất) là sự tồn tại khách

quan. Thậm chí, phản tỉnh lại xem, Cảnh Giới dường như đôi lập của Tâm. Đây là thác loạn, vọng chấp từ vô thi đến giờ. Từ đây mà Chấp Ngã, Chấp Pháp, đều là Tướng của Biến Kế Sở Chấp, là Không Vô Tự Tánh.

- ***Cảnh tướng của Tâm Thức là có nhưng là Sở Hiện của Thức từ Tự Tánh Có.***

Nhưng mà, Giả phải dựa vào Thật, Tự Tướng có là vì Tâm thức là chỗ dựa của tất cả Giả, theo lý luận là Chẳng Phải Không có (phi vô). Nếu Tâm Thức cũng không có Tự Tánh; thế thì, tất cả đều không thể thành lập. Thức thì hư vọng nhưng Tự Tướng có.

Từ vô thi đến giờ, Tâm, Cảnh tương ưng, huân tập thành Chủng Tử. Cho nên, khi thức từ Chủng Tử sanh; lúc đó, lấy thức làm Tánh của Cảnh Tướng Chủng Tử, cũng là lúc sanh hiện hành, hiện khởi hai Tướng Năng Phân Biệt và Sở Phân Biệt.

Dường như Tâm, Cảnh độc lập; thật ra, Cảnh không lìa Tâm mà Cảnh lấy Tâm Thức làm Tánh.

Cảnh Tướng ngoài Tâm, tuy không có nhưng Cảnh Tướng không lìa Tâm Thức, cũng là Có. Từ chính chủng tử sanh ra

(đây gọi là Tánh Cảnh, nếu dựa vào tướng tượng vọng chấp của Tâm Thức mà thành mới là không có).

Vì thế, tất cả Nhân Quả dựa vào Y Tha Khởi đều có thể thành lập; tuy nói tất cả lấy Thức làm Tánh (có khả năng thấu hiểu); đây đều là Tự Tướng Hữu (hiện hữu của Tự Tướng); không thể nói là Không Vô Tự Tánh.

○ **Sau khi dựa vào Cảnh Không Thức, không ngộ nhập Tánh Chân Thật.**

Dựa vào Duy Thức mà thành lập Nhân Quả, cũng dựa vào Duy Thức mà lập nên Mê, Ngộ.

▪ ***Dựa vào Thức thành lập Sanh, Tử.***

Chúng sanh đã không hiểu thấu ngoại cảnh là Căn Nguyên của Duy Thức điên đảo, thác loạn, chấp Ngã, chấp Pháp. Vì vọng chấp nên khởi sanh phiền não, tạo nghiệp. Những thứ này đều huân tập trong Thức A Lại Da. Khi hạt giống Nghiệp trở nên chín mùi, tùy nghiệp chịu Quả Báo; Thức A Lại Da gọi là Dị Thục Thức và trở thành chủ thể của sanh tử, luân hồi.

▪ ***Dựa vào Thức được Giải Thoát***

✓ **Dựa vào Y Tha Khởi biết Biến Kế Sở Chấp Không.**

Trái lại, nếu dựa vào quán chiếu mà thông suốt, thật sự, không có ngoại cảnh, là không có Tự Tánh, là sở hiện của Duy Thức lập thành. Đây là dựa vào Y Tha Khởi nên biết Biến Kế Sở Chấp Không.

✓ Vì Cảnh vô sở đắc, Thức vô sở đắc nên vào thẳng Thật Tánh.

Nếu Cảnh Tướng Không vô sở đắc (không thể được, không có gì có thể), Thức hư vọng, phân biệt cũng vì mất đi đối tượng nên không sanh.

Cảnh không thể có, Thức cũng không thể có, thì có khả năng ngộ nhập Tánh Chân Thật của Duy Thức: Không Tướng, Chân Tướng.

Tánh Chân Thật là Tự Tánh Y Tha Khởi đã rời biểu hiện của Chấp; vì thế, cũng không thể nói là Không.

✓ Nêu lên luận làm chứng cứ.

Luận Biện Trung Biên, phẩm thứ nhất nói:

唯所執、依他、及圓成實性；境故、分別故、及二空故說：Duy Sở Chấp, Y Tha, cập Viên Thành Thật Tánh; Cảnh cố, phân biệt cố, cập nhị không cố thuyết: Chỉ vì Sở Chấp của Y Tha và Tánh Viên Thành Thật, vì vậy Cảnh bị phân biệt và đó là lý do nói Hai Không.

Nói cách khác: Dựa vào Cảnh hư vọng, phân biệt, vì thế, nói có Tự Tánh của Biến Kế Sở Chấp; dựa vào Tánh hư vọng, phân biệt; vì thế, nói có Tự Tánh của Y Tha Khởi; dựa vào Cái Không Năng Thủ, Sở Thủ; Vì thế, nói có Tự Tánh của Viên Thành Thật.

“Dựa vào Thức không có Sở Đắc, Cảnh không được Sanh; Dựa vào Cảnh không có Sở Đắc, Thức không được Sanh.

Do Thức có Tánh Được (đắc), cũng trở thành không có Sở Đắc (cái Được); Cho nên, hai Tánh Hữu Đắc và Vô Đắc bình đẳng”.

• **Dựa vào ý nghĩa của Duy Thức thu nhiếp, giáo hóa căn tánh năm việc không đủ và Hữu Tông thuộc Tiểu Thừa.**

Thức có Sở Đắc, có Tự Tướng; dựa vào đây mà thành lập Nhân Quả, Mê Ngộ. Đây là nghĩa cốt yếu của hệ phái Duy Thức hư vọng.

Đối với Căn Tánh không đủ năm việc; điều này Thức, thật có thể nói là phương tiện cực khéo léo, linh động!

Nhưng mà, dựa Thật lập Giả, vốn là lập trường căn bản của Nhất Thiết Hữu Bộ thuộc Tiểu Thừa.

Tánh Thật Hữu của tất cả pháp; tánh Thật Hữu của mười tám Giới lấy ý nghĩa của Duy Thức để giải thích. Đây là giáo

thuyết nhằm thu nhận, giáo hóa Hữu Tông của Tiểu Thừa đề hướng về Tánh Không của tất cả Pháp thuộc Đại Thừa; không thể không nói: Đó là phương tiện khó nghĩ, bản của Phật và Bồ Tát.

Hệ phái Duy Tâm Chân Thường.

Ứng cơ nói pháp.

或以生滅法,

Hoặc dĩ sanh, diệt pháp,

縛脫難可立,

Phược, thoát nạn khả lập,

畏於無我句,

Úy ư Vô Ngã cú,

佛又方便攝

Phật hữu phương tiện nhiếp.

Hoặc vì pháp sanh, diệt;

Buộc, thoát khó thể lập

Vì sợ câu Vô Ngã;

Phật tạm dùng Phương Tiện

• **Căn cứ kinh, Luận hệ phái Duy Thức Chân Thường.**

Nói lại về hệ phái Duy Thức Chân Thường; đây là dựa vào Như Lai Tạng – Như Lai Giới, Chúng Sanh Giới, với Tự Tánh của Tâm thanh tịnh là chỗ y cứ căn bản. Giống như các kinh Như Lai Tạng, Thắng Man, Lăng Già; giống như các luận Bảo Tánh, Khởi Tín nói.

Tại Ấn Độ và Trung Quốc, hoằng dương hệ phái này, so với kinh, luận Bát Nhã có chậm hơn.

- **Hệ phái Duy Thức Chân Thường so với hai hệ phái trước có khác nhau.**

- **Hai hệ phái trước đều nói các pháp Vô Thường, Vô Ngã.**

- Trung Quán thì dựa vào Ngã, Pháp triệt để không có Tự Tánh (vô ngã) nói Duyên Khởi sanh, diệt như huyễn, so với pháp ấn Vô Thường, Vô Ngã tương hợp.
- Duy Thức thì dựa vào lập trường Tự Tướng Hữu, nói tất cả pháp Vô Thường sanh, diệt; trong sáu nghĩa của Chủng Tử thì nghĩa thứ nhất là “Sát Na Diệt”, đối với không có Ngã Bồ Đặc Già La (Cái Ta sở thủ thú: Cái Ta luân hồi trong sáu đường) cũng triệt để (thuyết Tiểu Thừa có: Nhất Thiết Hữu bộ và Kinh bộ, so với Duy Thức khá gần nhau).

- **Hệ phái Chân Thường thành lập Ngã Thường Trụ Bất Biến.**

- ***Dẫn Kinh, Luận ví dụ căn Tánh sợ vô thường, vô ngã.***

Vấn đề này, đối với ngoại đạo gần với pháp Phật và tín đồ thần giáo thì rất khó tin, khó hiểu.

Không có Ngã Thể thì làm sao có Luân Hồi? Sát na sanh diệt; đời trước, đời sau, liên hệ thế nào?

Đây là vấn đề đã có từ lâu trong Phật pháp, như nói: “Ngã, nếu không thật, thì ai sanh tử, luân hồi trong các cõi”?

Kinh Lăng Già nói: “Sanh diệt của Âm, Giới, Nhập không có Ngã thì ai sanh? Ai diệt? Kẻ ngu dựa vào Sanh Diệt mà

không biết đến Hết Khổ, không nhận ra Niết Bàn”. Đoạn văn đáp này của bồ tát Đạo Huệ là đại biểu cho hạng người ngu si giác ngộ rằng Vô Thường, Vô Ngã không thể thành lập Luân Hồi, cũng không thể thành lập Giải Thoát.

Ở trong tâm tưởng của kẻ ngu, tất cả là sanh diệt, sanh diệt, vô thường là Khổ. Thế thì không thể hi vọng hết Khổ, được Vui. Điều này dường như không có Cái Ngã thường trụ, bất biến cũng nên.

- ***Vì muốn giáo hóa kẻ sợ Vô Ngã nên nói Pháp Môn Như Lai Tạng.***

Bởi vì trong và ngoài Phật pháp đều có hạng chúng sanh cho rằng Pháp Sanh Diệt đối với sự ràng buộc của sanh tử và Niết Bàn giải thoát đều khó có thể an lập được.

Loại chúng sanh này, Phật nói là: “畏 無 我 句 Úy vô ngã cú: Sợ vì câu Vô Ngã”, chính là đã nghe Vô Ngã mà khiếp sợ ràng buộc bởi Sanh Tử, giải thoát do Niết Bàn đều không thể thành lập; sau khi chết không còn gì nữa vì căn tánh yếu đuối, sợ hãi. Đối với hạng chúng sanh này, Phật còn không thể thích ứng với chúng nên phải dùng phương tiện thiện xảo để thu nạp, giáo hóa. Đây chính là pháp môn Như Lai Tạng.

○ **Vì thuyết Ly Thánh Thần Ngã nên trong kinh Lăng Già, Phật lựa chọn ý nghĩa chân thật của Như Lai Tạng.**

- ***Thuyết Như Lai Tạng khiến cho mọi người hiểu ý nghĩa Thần Ngã và Chân Ngã.***

Kinh điển Phật nói về thuyết Như Lai Tạng không ít, nhằm khiến cho mọi người hiểu được: Chúng sanh ở trong sanh tử hoặc ở trong Tâm của chúng sanh vẫn có Thể Tánh của Như Lai Tạng tồn tại, đầy đủ đức tướng, trí huệ; hoặc nói tướng hảo, trang nghiêm.

- ✓ Thuyết này với thuyết Thần Ngã ở Ấn Độ rất gần gũi. Vì vậy, phái Giác Nang Ba ở Tây Tạng dựa vào mười bộ kinh Đại Thừa là giáo điển của thuyết Như Lai Tạng để thành lập hệ phái Thần Ngã Thể thuộc Phật giáo Đại Thừa.
- ✓ Ở Trung Quốc nội địa cũng có hệ phái này, lấy Thể Nghiệm Chân Ngã làm pháp môn tối cao.
- ***Sự tương thông về ý nghĩa chân thật của Như Lai Tạng và hệ phái Pháp Không Tánh.***

Phật biết chúng sanh ngu si, đã nói trước trong kinh Lăng Già, chọn lựa đích thật ý nghĩa của thuyết Như Lai Tạng. Việc này nhằm thu nạp, giáo hóa ngoại đạo có kẻ sách về Ngã và thật tế, cùng với Pháp Không Tánh của Đại Thừa có chung huyết thống.

Duy Tâm Duyên Khởi

Tịnh Độ Như Lai Tạng.

甚深如來藏, *Thậm thâm Như Lai Tạng,*

是善不善因。 *Thị thiện bất thiện nhân.*

Như Lai Tạng sâu thăm; Là nhân Thiện, bất thiện.

• Nói chung ba yếu điểm của Như Lai Tạng.

Bồ Tát Đại Huệ đại biểu cho tất cả chúng sanh, muốn tìm ra Chủ Thể của sanh tử, luân hồi; Phật Thể của Niết Bàn vốn có; vì vậy, nói Như Lai Tạng.

Như nói: “

- *Như Lai Tạng là nguyên nhân của Thiện và bất Thiện*
- *Tự Tánh không nhớ, hoàn toàn Thanh Tịnh*
- *Có khả năng biến hiện và tạo ra tất cả cõi của chúng sanh; ví như người làm xiếc biến hóa các thứ”.*

Biến hóa các thứ khác nhau của người làm xiếc có thể nói là Chủ Thể Luân Hồi.

Tự Tánh không nhớ, hoàn toàn thanh tịnh chính là khai thị Phật thân và Niết Bàn vốn có. Điều này như tất cả kinh thuộc Như Lai Tạng đã rộng nói.

• Lược nói hai yếu điểm đầu tiên.

- *Phật Thể, Niết Bàn vốn có.*

- ***Như Lai triệt chứng, Bồ Tát phân chứng Như Lai Tạng.***

Như Lai Tạng thâm sâu mà Như Lai đã thể chứng triệt để, thấy biết rõ ràng, thấu đáo.

Còn những vị khác như đại Bồ Tát lợi căn và trí huệ sâu sắc mới có thể chứng được từng phần.

- ***Trong nhân địa (tâm) của chúng sanh cũng bao hàm tất cả công đức của Như Lai.***

Vì sao gọi là Như Lai Tạng? Là Phật đã tròn đầy, rốt ráo, ngay còn ở nhân địa (tâm) chúng sanh, có thể nói, vốn đã thành tựu. Như nói: “Tự Tánh của Như Lai Tạng thanh tịnh, ba mươi hai tướng tốt uyển chuyển, vào trong thân của tất cả chúng sanh: như viên ngọc lớn vô giá, cột vào chiếc áo nhơ. Dung lượng của Như Lai thường còn, không biến đổi cũng giống như vậy; những Âm, Giới, Nhập đã cột chặt vào chiếc áo nhơ; tham dục, sân hận, vọng tưởng trần lao đã nhiễm ô”.

Vì vậy, Như Lai Tạng có khả năng giải thoát là vì bao dung tất cả công đức của Như Lai nhưng, vì pháp tạp nhiễm che khuất.

Vì thế, nếu lìa bỏ sự chướng ngại phiền não thì Như Lai Tạng cũng gọi là Pháp Thân.

○ **Chủ Thể của Sanh Tử, Luân hồi.**

- ***Đối với các cõi, ý nghĩa của Như Lai Tạng là một nhưng có nhiều tên gọi.***

Lấy Như Lai Tạng làm chủ thể của Luân hồi, Giải thoát mà nói:

“Chính Pháp Thân này, trải qua Hằng sa kiếp, bị vô biên phiền não trói buộc, từ vô thủy đến giờ, thuận theo thế gian, nổi trôi trên sóng cả, sống chết tới lui, gọi là chúng sanh” (Ý này chính là ví dụ: Người làm xiếc biến hiện các thứ của kinh Lăng Già)

“Cõi chúng sanh tức là Pháp Thân, Pháp Thân tức là cõi chúng sanh”.

Chúng sanh và Phật bình đẳng không sai khác; cho nên, ở địa vị chúng sanh gọi là cõi chúng sanh, ở địa vị Bồ Tát gọi là Cõi Bồ Tát, ở ngôi vị Như Lai gọi là Cõi Như Lai.

- ***Như Lai Tạng biểu lộ giống như Phạm Ngã của phái Phệ Đàn Đa thuộc Nhất Nguyên Luận.***

Đây là một pháp môn, bề ngoài, so với triết học Phệ Đàn Đa của Ấn Độ, Đại Ngã (Pháp Thân), Tiểu Ngã (chúng sanh) thì rất giống nhau.

○ **Giải thích riêng yếu điểm thứ ba: Như Lai Tạng là nguyên nhân của tất cả Thiện và bất Thiện.**

▪ ***Lược bàn ý nghĩa Như Lai Tạng là nguyên nhân.***

Dựa vào Như Lai Tạng thành lập Sanh Tử và Niết Bàn, Chúng sanh và Phật; cho nên nói: “Là nguyên nhân của Thiện, Bất Thiện”, là Cái Nhân tạp nhiễm, sanh tử của Bất Thiện; cũng là cái Nhân Phật quả thanh tịnh của Thiện. Nhưng Nhân có nhiều loại, nhiều dạng, như Duy Thức Học có mười nhân; Hữu Bộ có sáu nhân; cuối cùng Nhân là thể nào?

✓ Như Lai Tạng chẳng phải là Nhân.

Có một số học giả tiếp thu (一本萬殊): Nhất bản vạn thù: Một gốc sanh nhiều cành nhánh; chịu ảnh hưởng Huyền Học: Từ Thường Vô mà sanh Diệu Hữu; Thiện và Bất Thiện, Như Lai Tạng vốn có đủ, lấy Như Lai Tạng làm Thể, từ Như Lai Tạng được sanh ra. Quan hệ với điều này, ở đây không thể nói nhiều.

✓ Sơ lược nói rõ Như Lai Tạng là Nhân nương tựa.

- Ý nghĩa của Nhân là Nương Tựa (y), Giữ Gìn (trì), Lập Thành,...

Tóm lại, Như Lai Tạng là Nhân theo Ấn Độ giáo mấy nghĩa Tự Có.

- Nêu kinh, luận làm sáng tỏ Nhân là Y, Trì, Kiến Lập.

Như kinh Thắng Man nói:

“Như Lai Tạng là tướng hữu vi; Như Lai Tạng thường còn, không thay đổi; vì thế, Như Lai Tạng là nơi Nương Tựa (Y), là nơi Gìn Giữ (Trì), là nơi Dựng lên (Kiến Lập); thừa Thế Tôn! Phật pháp không lìa, không dứt, không thoát, không nghĩ bàn.

Thưa Thế Tôn! Pháp Hữu Vi là Đoạn (dứt), Thoát (lìa), Di (đổi khác), Ngoại (ở ngoài); còn Y, Trì, Kiến Lập là Như Lai Tạng”.

Câu văn như vậy, kinh Vô Thượng Y, luận Bảo Tánh cũng đều nói như vậy. Y, Trì, Kiến Lập; đây chính là Nhân; là Tăng Thượng Duyên, là Năng Thượng Nhân.

- Nêu Tứ Đại dựa Năm Nhân tạo ra Sắc làm ví dụ để nói rõ ý nghĩa trên.

Ví như, khả năng tạo tác của Tứ Đại là tạo ra Sắc, nhất định không lấy Tứ Đại làm Thể phát sanh tạo ra Sắc, mà dựa vào Năm Nhân: Sanh, Y, Lập, Trì, Dưỡng nên nói Tạo. Y nói: Không lìa Tứ Đại mới có thể sanh khởi, tạo ra Sắc (như tạo ra tất cả cõi chúng sanh, trong kinh Lăng Già, cũng tạo ra giống như vậy).

Ba Nhân: Y, Lập, Trì trong Năm Nhân; kinh cũng nói: Là Y, là Trì, là Kiến Lập. Vì vậy, Thiện và Bất Thiện dựa vào Như Lai Tạng mà có, nhưng không phải lấy Như Lai Tạng làm Thể, chỉ dựa vào Như Lai Tạng sanh ra.

✓ Nhân Thường Trụ, Bất Biến mà là nơi nương tựa của tất cả.

Vì sao có thể cho Như Lai Tạng là Nhân: Y, Trì, Kiến Lập; bởi vì nó Thường Trụ, Bất Biến. Dù cho luân hồi các cõi, giải thoát, Niết Bàn; Như Lai Tạng vẫn thường trụ, bất biến. Đây là chỗ tất cả nương tựa.

Đã có Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, một số người nghe nói Vô Thường, Vô Ngã nên lo sợ luân hồi và giải thoát không có chỗ nương tựa thì cũng khá an tâm.

✓ Nêu hư không làm ví dụ để sáng tỏ vấn đề.

Như Lai Tạng là Nhân nương tựa, có thể nêu ví dụ để giải thích. Như mặt trời, mây đen nương tựa hư không mà có, cùng với hư không không lìa nhau; nhưng mặt trời và mây đen đều không lấy hư không làm thể, cũng chắc chắn, chẳng phải từ hư không sanh ra! Như Lai Tạng là Nhân của sanh tử, Niết Bàn cũng giống như vậy.

• **Giải thích Nhân Bất Thiện dựa Như Lai Tạng mà có**

Vì sao Như Lai Tạng là Nhân của Bất Thiện? Từ vô thỉ đến giờ, có một số pháp Hữu Vi Không tương ưng, lìa xa Như Lai Tạng như Âm, Giới, Nhập, Tham, Sân, Si... vô biên phiền não; nhưng đều dựa vào Như Lai Tạng mà có, giống bụi bặm dính vào tấm kính sáng mà có. Đã có những thứ này thì sanh, tử, tạp nhiễm, lưu chuyển không dừng.

Những thứ này đều dựa vào Như Lai Tạng mà có, cho nên nói: 依如來藏故有生死: Y như Lai Tạng cố hữu sanh tử: Dựa vào Như Lai Tạng, cho nên có Sanh Tử.

- **Giải thích Nhân Thiện dựa vào Như Lai Tạng mà có.**

- **Cùng Như Lai Tạng tương ưng, không khác tức là Phât Tánh.**

Cái gì là Nhân của Thiện? Từ vô thỉ đến giờ, đã có nhân này cùng Như Lai Tạng tương ưng, không thể nói khác, Phật pháp không thể nghĩ bàn, không thể phân ly, cũng dựa vào Như Lai Tạng mà có. Đây chính là Phât Tánh.

- **Tuy tương ưng, không khác, nhưng không nói Sanh, chỉ nói Nương Tựa.**

Nhưng Nhân này tương ưng với Như Lai Tạng mà không khác; vì sao không nói Sanh mà nói Nương Tựa?

- **Là Pháp Vô Vi nên không nói Sanh.**

Thứ nhất, đây là Pháp Vô Vi, không thể nói Sanh.

- ***Nêu Thức A Lại Da để nói rõ lỗi lầm về sanh có một Nhân Nhiều Quả.***

Lại còn, như chúng tử hữu lậu, ở trong Thức A Lại Da, không thể nói là khác lạ. Nhưng chỉ có thể nói chúng tử hữu lậu từ trong A Lại Da sanh ra Hiện Hành hữu lậu mà, không thể nói từ Thức A Lại Da sanh. Nếu nói tất cả từ Thức A Lại Da sanh thì sẽ mắc lỗi Một Nhân Nhiều Quả. Vì vậy nói không Khác, không Lìa và cũng không thể nói là Một.

Giống như thế, chúng sanh vốn đầy đủ, có khả năng làm Nhân của đức tánh vô lậu, thanh tịnh; so với Như Lai Tạng không thể nói là khác, lạ mà, chỉ có thể nói “dựa vào Như Lai Tạng”; đó là Dựa vào, Giữ Gìn, Gây dựng nên (Y, Trì, Kiến Lập).

- **Tóm lại,** Phật thì nói có “Như Lai Tạng Thường Trụ, bất biến” là chỗ nương tựa của Thiện và Bất Thiện và tất cả pháp đều được thành lập từ đây.

A Lại Da tạp nhiễm.

無始習所熏, *Vô thủy tập sở huân,*

名為阿賴耶。 *Danh vi A Lại Da.*

由此有生死, *Do thủy hữu Sanh Tử,*

及涅槃證得。 *Cập Niết Bàn chứng đắc.*

Huân tập từ vô thí, Gọi là A Lại Da.

Từ đây có Sanh, Tử, Và chứng đắc Niết Bàn.

• **Tư tưởng Chân Tâm Luận** làm vì dựa vào **Chân thường kiến lập**

Phật nói Như Lai Tạng, chủ yếu là lấy Pháp Thể thường trụ, bất biến; Tự Tánh thanh tịnh làm chỗ nương tựa của Sanh Tử và Niết Bàn.

○ *Từ trong chúng sanh nói hệ thống tư tưởng của Tạng, Thức và tất cả pháp.*

Như Lai Tạng ở trong Âm, Giới, Nhập cũng chính là ở trong Thân Tâm của chúng sanh; cho nên Như Lai Tạng nói không nhất định kết hợp cùng với Thức A Lại Da của Duy thức. Nhưng mà, chúng sanh là tất cả do Tâm; A Lại Da Thức là Thức Căn Bản của Sở Tri (cái biết) dựa vào, vì vậy, hình thành một cách tự nhiên: Dựa vào Như Lai Tạng mà có Thức A Lại Da: dựa vào Thức A Lại Da mà có hệ thống tư tưởng của tất cả Pháp.

○ *Cùng với Như Lai Tạng, A Lại Da tương hợp trở thành Tự Tánh thanh tịnh Tâm.*

Như Lai Tạng thuộc Tự Tánh Thanh Tịnh ở chỗ thăm sâu của Thức A Lại Da (Thức A Lại Da là Căn Bản hay Trung Tâm của tất cả pháp). Vì thế, kinh Thắng Man cũng gọi Như Lai Tạng là Tự Tánh Thanh Tịnh Tâm và tương hợp với thuyết Tâm Tánh Bản Tịnh, triển khai thành hệ tư tưởng của Chân Tâm Luận. Đây chính là Tâm Chân Thật, đừng nhầm lẫn với Tâm thông thường.

- **Nói về lý luận của hệ phái Chân Thường kiến lập Sanh Tử và Niết Bàn.**
 - *Dẫn kinh nói chung về hai chỗ dựa nên có Sanh Tử và Niết Bàn.*

Kinh A Tỳ Đạt Ma Đại Thừa nói: “Vô Thi Giới đến nay, tất cả pháp... đều nương tựa; từ đây có các cõi và Niết Bàn chứng được”. Chữ Giới trong là chỉ Như Lai Tạng, cũng là Thức A Lại Da.

- ***Tự Tánh Thanh Tịnh và Như Lai Tạng, Hư Vọng Tạt Nhiễm là Thức A Lại Da.***

Sự liên quan của phương diện này là: Như Lai Tạng là Tự Tánh Thanh Tịnh, nhưng từ Vô Thi đến nay, chính là bị huân nhiễm bởi Hý Luận tập khí của hư vọng tạt nhiễm, nên gọi là Thức A Lại Da.

- ***Nghiệp Tướng tức là Thức A Lại Da do Chân Tướng (Như Lai Tạng) mà đến.***

Điều này giống như hư không rộng lớn nhưng bị mây đen che phủ nên khoảng hư không ấy trở thành mờ tối. Vì vậy, phân tích nội dung Thức A Lại Da có Chân Tướng (Như Lai Tạng) và Nghiệp Tướng (Hý Luận huân tập). Hai Tướng này hòa hợp chính là A Lại Da. Điểm này, trong Duy Thức học của hai thầy Vô Trước, Thế Thân không dễ Tin và Hiểu nổi, nhưng đây là nương vào Như Lai Tạng mà có Thức A Lại Da.

- ***Từ hai Tướng ấy mà nói lưu chuyển các cõi và chứng được Niết Bàn.***
 - ***Nghiệp Tướng không là Chân Tướng mà có Sanh Tử, cho nên, nói Như Lai Tạng lưu chuyển các cõi.***
 - ✓ Từ Chủng tử tập nhiệm của Thức A Lại Da này, Nghiệp Tướng không là Chân Tướng của Như Lai Tạng nên có Sanh Tử, Lưu Chuyển trong các cõi (thú).
 - ✓ Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, không là sanh tử; cho nên cũng có thể nói Như Lai Tạng Lưu Chuyển trong các Cõi. Điều này giống như hư không vào ống thì dài, vào lọ thì tròn.
 - ***Chuyển Nghiệp Tướng của A Lại Da trở về chứng được Chân Tướng của Pháp Thân thanh tịnh Niết Bàn.***

Đồng thời Chân Tướng của Thức A Lại Da; Như Lai Tạng có Tánh Thanh Tịnh không lìa, không khác. Đây không phải là sở thuộc của Thức A Lại Da, mà là sở thuộc của Pháp Giới (chúng tử vô lậu của tông Duy Thức cũng giống với thuyết này, so với ý nghĩa của kinh hợp nhau; nhưng nói là Hữu Vi Sanh Diệt thì so với kinh trái nhau). Vì vậy, nên chán ghét sanh tử, vui mừng Niết Bàn; nên phát tâm tu hành, phá hoại phiền não, chứng được Niết Bàn. Nếu triệt để lìa xa tất cả vọng niệm, nhiễm ô; thành tựu tất cả công đức thanh tịnh. Đây chính là Như Lai Tạng ra khỏi sanh tử, gọi là Pháp Thân, cũng không còn gọi là Thức A Lại Da.

• **Kết luận về hai hệ phái Duy Thức và Chân Thường**

Hai phái Duy Thức hư vọng và Duy Tâm chân thường là thích ứng với Căn Tánh khác nhau, là khai triển, hướng dẫn giáo thuyết khác nhau. Nhưng thời gian, trước sau khá gần, cùng lấy Pháp Thật Có làm chỗ nương tựa lập thành tất cả pháp, cùng lấy Tâm Thức làm trung tâm; cho nên thường có ảnh hưởng qua lại.

Chọn ra ý nghĩa đúng nhất.

佛說法空性,	<i>Phật thuyết Pháp Không Tánh,</i>
以為如來藏。	<i>Dĩ vi Như Lai Tạng.</i>

真如無差別, *Chân Như vô sai biệt,*

勿濫外道見! *Vật lạm ngoại đạo kiến!*

Phật nói Pháp Không Tánh, Lấy làm Như Lai Tạng.

Chân Như không khác nhau, Chớ tà kiến ngoại đạo!

• **Nghi vấn về Như Lai Tạng.**

Như Lai thích ứng với phàm phu, ngoại đạo và phần nào Tiểu Thừa chấp ngã; nói Như Lai Tạng thường trụ, bất biến, lưu chuyển, sanh tử. Lại nói: Như Lai trí huệ, đức tướng, trang nghiêm thành tựu ở trong thân của chúng sanh.

- Như Lai Tạng là thế nào?
- Như Lai, đích thực có vô biên tướng hảo; cụ thể không có trong thân của chúng sanh sao?
- Quả thật, giống với Ngã của ngoại đạo, trở thành chúng sanh mà, Thể Tánh là Phạm (đại Phạm Thiên Brahman) thường trụ, thanh tịnh sao?

• **Trả lời nghi vấn về Như Lai.**

- *Dẫn kinh chứng minh Như Lai Tạng là Pháp Tánh Không rất sâu sắc.*

Vì tâm từ bi, Như Lai phương tiện, đặc biệt trong kinh Lăng Già, quyết trạch rõ ràng: Phật nói tất cả pháp đó là Pháp Không Tánh, gọi nó là Như Lai Tạng. Như nói: “Ta nói Như Lai Tạng, không giống ngoại đạo nói về Ngã.

Này Đại Huệ! Có thời gian, không gian, Vô Tướng, Vô Nguyên, Như, Thật tế, Pháp Tánh, Pháp Thân, Niết Bàn, Ly (vô), Tự Tánh, Bất sanh Bất diệt, Bản lai Tịch tĩnh, Tự tánh Niết Bàn; những câu như thế đã nói về Như Lai. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác (ba Phật hiệu trong mười Phật hiệu) vì đoạn trừ sự sợ hãi của kẻ ngu bởi câu Vô Ngã; nói pháp môn Như Lai Tạng để lìa xa cảnh giới vô sở hữu (không phải của mình)... Ví như người làm đồ gốm, trước tập hợp bùn đất, rồi công nhân, nước, dụng cụ... và nhiều đồ vật được làm ra. Như Lai cũng như thế, đối với pháp Vô Ngã, lìa tất cả Tướng vọng tưởng; bằng trí huệ dùng vô số phương tiện khéo léo, hoặc nói Như Lai Tạng, hoặc nói Vô Ngã. Vì thế, Như Lai Tạng chính là Pháp Không Tánh rất sâu sắc, là đương thể trực tiếp của Thân Tâm Chúng Sanh. Đó là Bản Tánh Không Tịch Tánh (Tánh vắng lặng vốn có).

- **Như Lai Tạng không phải là Thân Ngã của ngoại đạo, mà chỉ là giúp kẻ sợ câu Vô Ngã.**

Vì thế, phải đổi cũ thành mới, gọi là Như Lai Tạng, giống như Thân Ngã, chỉ là để thích ứng với người ngoại đạo sợ câu Vô Ngã (úy Vô Ngã cú), tránh được khi nghe: Nhân, Pháp Không, Vô Ngã (không người, không pháp, không có

cái ta), không chịu tin tưởng mà còn gièm pha. Do đó, không thể không nói như vậy để khuyến hóa những người ấy. Đây là sự tận tình dạy bảo của Như Lai! Sự khéo léo của Như Lai là ở đây. Khi nghe dường như giống với Thần Ngã, sau khi tin nhận rồi, dần dần vào sâu mới biết trước đây, đã suy nghĩ sai lầm; nguyên do chính là, trước đã nghe Tánh Không Vô Ngã, quá sợ hãi.

○ **Dưa vào Chân Như Pháp Tánh không sai khác, Cho nên, nói Chúng Sanh Có Thật Tánh.**

Pháp Tánh Không, Chân Như không khác nhau, như luận Bảo Tánh nói: “

法身遍無差,	<i>Pháp Thân biến vô sai,</i>
真如無差別,	<i>Chân như vô sai biệt,</i>
皆實有佛性;	<i>Giai thật hữu Phật Tánh;</i>
是故說眾生,	<i>Thị cố thuyết chúng sanh,</i>
常有如來藏.	<i>Thường hữu Như Lai Tạng.</i>

Pháp Thân khắp thời, không,
 Chân Như không sai khác,
 Điều có Phật Tánh;
 Cho nên, nói Chúng Sanh,
 Luôn có Như Lai Tạng.

Tự không sai khác mà nói; ở chúng sanh thì gọi là Chúng Sanh Giới; ở Phật thì gọi là Như Lai Giới.

- Pháp Tánh Không sai khác, luôn thường hằng, thanh lương, bất biến; Phật lấy đây là Tánh, lấy đây làm thân; cho nên, gọi là Phật Tánh, Pháp Thân.
- Dựa vào không sai khác của Chân Như Pháp Tánh mà nói: Phật là như vậy, chúng sanh cũng vẫn là như vậy; cho nên nói: Tất cả chúng sanh thành tựu Như Lai Tạng.
- **Dùng kinh luận khuyên can người học chớ có kiến thức giống với ngoại đạo.**
 - Kinh Lăng Già nói: “Vì cắt đứt sợ câu Vô Ngã của kẻ ngu”; “Vì tìm cách hướng dẫn về Ngã cho các ngoại đạo mà nói Như Lai Tạng”
 - Luận Bảo Tánh nói: Khiến cho chúng sanh xa lìa năm loại lỗi lầm, cho nên nói Phật Tánh. Loại thứ năm là “Cho rằng thân này có Thần Ngã”. Ở điểm này, người tin tưởng thật hành giáo học Như Lai Tạng, nên chú ý thật sâu sắc; đừng tự cho mình thấu rõ Liễu Nghĩa mà, kỳ thật, lạm dụng kiến giải của ngoại đạo.

Khéo léo nắm vững một cách nhất quán.

方便轉轉勝,	<i>Phương tiện chuyển chuyển thắng,</i>
法空性無二。	<i>Pháp Không Tánh vô nhị.</i>
智者善貫攝,	<i>Trí giả thiện quán nhiếp,</i>
一道一清淨。	<i>Nhất đạo nhất thanh tịnh.</i>

Phương tiện chuyển đổi hơn, Pháp Không Tánh không hai
Bậc trí khéo quán triệt, Con đường đến Thanh Tịnh.

- **Kết luận phương tiện của ba hệ phái không giống nhau, nhưng chứng được Pháp Không Tánh không khác nhau.**

Giải thích về Bát Nhã Ba La Mật Đa, thuận tiện lược xem
tuôn trào trong biến pháp; ở đây xin tóm tắt lại.

- *Sự chuyển biến vượt trội về phương tiện của ba hệ phái, lấy Như Lai Tạng đứng đầu.*

Nhìn từ hệ phái Đại Thừa, không thể không khen ngợi
phương tiện khéo léo của Như Lai, mỗi lần chuyển biến lại
càng thù thắng. Thuyết Như Lai Tạng có thể nói là Phương
Tiện không thể nghĩ bàn!

- *Theo thứ tự hiện quán nói rõ sở chứng Pháp Không Tánh của ba hệ phái không khác nhau.*

Nhưng khảo cứu nội dung chân thật, hiện chứng Pháp
Không Tánh, trước sau, không hai, không khác.

- *Nêu sơ lược thứ tự hiện quán của ba hệ phái.*
- ✓ *Hệ phái Tánh Không lấy hiện quán Pháp Tánh Không làm mục đích.*

Nếu hệ phái Duy Danh Tánh Không lấy hiện quán Pháp
Tánh Không làm mục đích chính thì chẳng cần phải nói.

✓ Hệ phái Duy Thức lấy Duy Thức Vô Cảnh tiến đến hiện chứng Pháp Không Tánh.

Hệ phái Duy Thức hư vọng, tuy nói rộng về Pháp Tướng, nhưng nói về tu chứng.

Trước, dùng Thức Có để loại bỏ Cảnh Không; sau, dùng Cảnh Không và Thức cũng không khởi. Đây mới đạt được Tâm, Cảnh đều vô sở đắc.

Bởi nói Y Tha có Tự Tướng, cho nên lìa chấp thì Không Tánh hiển hiện, cũng không thể không phải là thực tại (réalité).

Nhưng cuối cùng, có thể phá trừ vô biên phiền não, có thể dứt sạch vô vàn vọng chấp. Nếu có thể tiến bộ đến năm việc đầy đủ thì không còn trở về hiện quán Tự Tánh hoàn toàn không sao? Cho nên, biện luận rõ ràng, thấu đáo rằng thật có Tánh Không dường như Chân Như là Ngã (tợ ngã Chân Như); rất có thể không cần thiết!

✓ Hệ phái Chân Thường lấy thứ tự bốn loại thiền quán để chứng minh Pháp Vô Ngã.

Hệ phái Chân Thường Duy Tâm, tuy lập thuyết Như Lai Tạng gần giống với Thần Ngã, nhưng trong quá trình tu học,

Phật đã sớm khai thị Vô Ngã Như Lai Tạng; thứ tự tu hành cũng vẫn là:

- Trước, quán ngoại cảnh chẳng có Tánh Thật, gọi là Quán Sát Nghĩa Thiên.
- Tiến đến Nhị Vô Ngã, không sanh Vọng Tưởng (Thức), gọi là Phan Duyên Như Thiên.
- Chờ đến Bát Nhã hiện tiền, chính là Như Lai Thiên, đối với Pháp Vô Ngã, lìa xa tất cả Vọng Tưởng. Điều này so với thứ tự hiện quán Hư Vọng Duy Thức giống nhau.
 - **Kết luận:** Phương tiện khác, Hiện Chứng giống như thế, ba hệ phải thích ứng với chúng sanh, nhưng Phương tiện không giống nhau; hơn nữa, trở về với cội nguồn hiện chứng của Pháp Tánh Không không có một chút khác nhau.
- **Thiết lập phương tiện của ba hệ phải đều cùng trở về Cứu Cánh.**
 - **Ví dụ đặc điểm của ba hệ phái lập ra đều hòa tan với nhau.**

Nói đến phương tiện, thứ nhất:

- *Về thu nhận theo căn cơ, phương tiện lập ra ba hệ phái không giống nhau.*
- ✓ Hệ phái Tánh Không do Không lập thành tất cả pháp.

Hệ phái Duy Danh Tánh Không có thể ở trong rốt ráo Không mà lập thành tất cả pháp.

- ✓ Hệ phái Duy thức dựa Thật lập thành Giả làm phương tiện.

Không thể thành lập được nên phải dựa vào Thật lập thành Giả làm phương tiện, nói Tự Tướng của Y Tha có. Điều này rất thích ứng với căn tánh của Tiểu Thừa, dựa vào đây dẫn đến hồi Tiểu hướng Đại.

- ✓ Hệ phái Chân Thường lấy Ngã Như Lai Tạng là phương tiện.

Nhưng hàng phàm phu, ngoại đạo bình thường không tin Vô Thường, Vô Ngã (Không), không thể từ Vô Thường, Vô Ngã lập thành tất cả pháp, Phật không thể không lập riêng phương tiện nên nói rằng “Trong Thân của tất cả chúng sanh có Như Lai Tạng”. Điều này có hiệu quả rất lớn trong việc nhiếp phục, dẫn đường đối với phàm phu, ngoại đạo chấp Ngã, sợ hãi Không, Vô Ngã.

- ***Phương tiện thu phục căn cơ dùng Như Lai Tạng là thù thắng nhất.***

Tùy căn cơ mà thu nạp, dạy dỗ chúng sanh; từ năm việc đầy đủ đến năm việc không đầy đủ của Tiểu thừa... cho đến phàm phu, ngoại đạo bình thường thì căn cơ được là tối thắng, cũng chính là lý do khả dĩ để lưu hành ở thế gian.

Thuyết Cảnh Phong của ngoại đạo là kiến giải thiên cận, cho rằng Phật Tính, Như Lai Tạng thu phục càng lúc càng rộng rãi hơn; cho nên, nói phương tiện dùng thuyết Như Lai Tạng với Thượng Đế, Linh Tánh gần nhau; phải đặc biệt thông suốt điều này.

Rõ ràng, ngoại đạo muốn dụ hoặc Phật tử chúng ta, mọi người nên cảnh giác, vì giống nhau về hình thức.

○ **Thấu triệt chỗ dựa chỉ ở Pháp Không Tánh này. Thứ hai**

- ***Chỉ có Pháp Không Tánh này mới có thể lập thành tất cả pháp.***

Đối với tất cả Pháp Tánh Không mà lập thành tất cả pháp, thì có khác nào vác bó cỏ đi ngang qua đám lửa lớn mà không cháy- phải là bậc mưu trí mới làm được- không phải là khả năng của kẻ bình thường. Nhưng trên thực tế, là Pháp Tánh Không này thì hoàn toàn không có chỗ dựa cho tất cả pháp.

- ***Như Lai Tạng cũng là Pháp Không Tánh Vô Ngã.***

Vì vậy để thu nạp, giáo hóa ngoại đạo chấp Ngã mới mật thuyết Pháp Không Tánh là Như Lai Tạng.

Điều này giống như có Ngã làm chỗ dựa, thật ra, vẫn là Pháp Không Tánh Vô Ngã.

▪ ***Bàn riêng về chỗ dựa của hệ phái Duy Thức.***

- ✓ Dựa vào kinh Mật Nghiêm nói Thức A Lại Da là Như Lai Tạng.

Đối với năm việc không đủ, gần với căn Tánh của Tiểu Thừa; kinh trên còn nói: “Phật nói Như Lai Tạng cho là A Lại Da. Ác Huệ không thể biết, Tạng là A Lại Da”. A Lại Da vốn là Như Lai Tạng. Dựa vào Như Lai Tạng mà có huân tập hư vọng từ vô thí, gọi là Thức A Lại Da là chỗ y cứ của pháp tạp nhiễm và thanh tịnh. Không biết nó, thật ra, dựa vào Pháp Không Tánh- Như Lai Tạng. Khá tiếc, có một số học giả không thể tự mình biết được!

- ✓ ***Thức A Lại Da cũng chỉ là chỗ dựa tương đối so với Chuyển Thức.***

Nếu dựa Thức A Lại Da hữu lậu, đây là nói trung tâm của pháp sanh tử, tạp nhiễm. Thức A Lại Da cũng còn là Thức Chuyển Y, phải dựa vào sự huân tập của Chuyển Thức và quan hệ Nhân Quả hỗ tương với Chuyển Thức. Vì vậy, Thức A Lại Da chỉ là chỗ nương tựa tương đối.

- **Nêu ví dụ bán thuốc để sáng tỏ Phương Tiện đến Cứu Cánh.**
 - ***Lấy phương tiện khéo léo của ba hệ phái hợp thành ví dụ bán thuốc.***

Giống như ví dụ bán thuốc trong kinh Lăng Già có một thầy thuốc kê đơn, một thợ làm đồ gốm. Thuốc bán ra là thuốc quý cứu mạng.

- ***Hệ Duy Danh Tánh Không là tiệm thuốc cũ***, không chú trọng bề ngoài mà bán thuốc thật, chỉ có người hiểu biết thật sự về thuốc, mới đến mua thuốc cứu mạng.
- Nhưng có người chê tiệm thuốc thiếu thẩm mỹ, không khí nặng nề, không muốn mua. Vì thế, tiệm thuốc mới tân trang mặt ngoài là nhằm tiêu thụ hàng hóa. Trang trí lại bình, hũ, lọ cho đẹp đẽ; thuốc có dạng viên nang, bọc đường. Nhờ thế, sự tiêu thụ thuốc tăng vọt và cứu mạng người cũng nhiều thêm. Điều này như Thời Giáo thứ ba: Hệ Phái Duy Thức Hư Vọng.
- Nhưng với trẻ con thì không chưa thể dùng được; cho nên, phải nghĩ đến phương pháp khác: Thêm vào thuốc một lượng đường lớn và chế biến thuốc thành dạng đồ chơi như phi cơ, búp bê; rao bán khắp các ngõ đường. Vì thế, người mua thuốc càng nhiều và cứu được mạng sống cũng càng nhiều! Điều này giống như hệ phái Chân Thường Duy Tâm.

Thật ra, người bệnh uống thuốc cứu mạng cũng như vậy. Nhưng cái có thể cứu mạng hoàn toàn không phải bình, lọ, bọc đường; càng không phải là những hình thức dưới dạng đồ chơi mà chính là thuốc quý cứu mạng kia.

- **Phương tiện là quyền biến không phải mục đích; chớ lấy phương tiện làm cứu cánh**

Đây gọi là phương tiện, dùng phương tiện để đi đến Cứu Cánh. Phương tiện là quyền biến, không phải Mục Đích.

Vì vậy, hiểu lầm phương tiện là cứu cánh, thật là độc hại cho chúng sanh đường nào!

- **Dính mắc quá mức vào phương tiện cũng là lỗi lầm.**

Giả sử, hộp, lọ đựng thuốc tinh vi, cực đẹp, nên mua hộp, lọ mà không cần thuốc, không uống thuốc; đó quả thật là sai lầm quá lớn!

Giả sử mua phi cơ, búp bê càng xem càng thích và vui chơi với những thứ này; đó là điều thật đáng xấu hổ!

Hơn nữa, trộn đường quá nhiều, có khi làm hiệu lực thuốc giảm đi; có khi làm biến chất thuốc. Khi ấy, có uống thuốc cũng không cứu được mạng.

Vì vậy, bán thuốc thật cũng có chỗ tốt của nó.

- **Ba hệ phái cùng trở về một điểm, chớ kẹt vào phương tiện, quên mất chân thật.**

Ba hệ phái vốn đồng quy một điểm, người trí nên quán triệt pháp môn giải thoát duy nhất này để tránh khỏi tranh chấp nhiều đời. Điều quan trọng nhất là: Không được dính

chặt vào Phương Tiện mà quên mất Lý Chân Thật. Người đọc! Rốt cuộc Như Lai ra đời, đại ý là gì?

Tứ Nhiếp Pháp

成熟眾生道,	<i>Thành thực chúng sanh đạo,</i>
佛說以四攝:	<i>Phật thuyết Tứ Nhiếp Pháp:</i>
布施及愛語,	<i>Bố Thí cập Ái Ngữ,</i>
利行與同事。	<i>Lợi Hành dữ Đồng Sự.</i>

Dạy chúng sanh thuần thực,	Phật nói bốn Nhiếp Nháp
Bố Thí và Ái Ngữ,	Lợi Hành cùng Đồng Sự.

- **Nói chung bốn Nhiếp Pháp vì lợi tha và làm cho chúng sanh thuần thực.**

Ở trong đạo Bồ Đề, tự mình thuần thực Phật Đạo bằng sáu Ba La Mật Đa mà kinh đã nói. Nói đến đạo lợi tha để làm thuần thực chúng sanh, Phật dạy phải dùng Tứ Nhiếp Pháp, thu nhận, giáo hóa chúng sanh.

○ **Định nghĩa Tứ Nhiếp Pháp.**

Đó là bốn phương pháp thu nhận chúng sanh.

○ **Bác lãnh đạo ở đời và tu hành giải thoát đều không lìa bốn nguyên tắc này.**

Tại gia hay xuất gia, cho dù là gia đình, xã hội quốc gia hoặc ở trong Tăng đoàn đều phải có mối quan hệ hợp quần,

khởi dậy tác dụng của lãnh đạo, được sự tín nhiệm của mọi người, được tiếp nhận, giáo hóa qua sự thật hành, thì chắc chắn không lìa xa bốn phương pháp này. Tứ Nhiếp pháp là pháp chung với thế gian. Người Lãnh đạo trong thế gian không thể lìa xa bốn nguyên tắc này.

Lợi tha là việc làm trước hết của Bồ Tát, tất nhiên, phải có Tứ Nhiếp Pháp. Từ lợi tha bằng Tứ Nhiếp Pháp của Đại Thừa, có thể biết lợi tha của Đại Thừa cần có Đồng Nguyên Đồng Hành mà địa vị lãnh đạo là Bồ Tát.

- **Nội dung tứ Nhiếp Pháp.**

- **Bồ thí là điều cần thiết để tiếp nhận chúng sanh.**

Bồ thí là cung cấp vật chất để tiếp nhận chúng sanh. Ngay cả loài thú hoang dã, ngày nào cũng cho chúng ăn, chúng sẽ nghe theo bạn. Các ngoại đạo đem vật chất cứu giúp, thuốc men chữa bệnh để hướng dẫn, chuyển hóa niềm tin, hiểu biết chánh pháp; ấy cũng là nguyên tắc bồ thí thích hợp.

Vì vậy, trong sáu độ của Bồ Tát thì bồ thí là số một.

- **Ái Ngữ là nói năng khéo léo.**

Ái Ngữ là dung mạo dễ gần, vui vẻ; thái độ thành khẩn. Đây là thái độ cần có khi đàm thoại với người khác.

Lời nói ra hoặc thiện pháp thế gian hoặc thiện pháp xuất thế gian; nói chung cần làm cho đối phương biết, đó là vì lợi ích của người khác. Do vậy, dù bị trách mắng họ cũng vui vẻ tiếp nhận. Về phương diện này, cần thiết là khéo léo trong đàm thoại.

- **Lợi Hành là thích hợp với căn cơ khiến người khác được ích lợi.**

Lợi Hành: Hướng về người khác mà nói; chỉ vì người khác mà làm, cần thích hợp và chân tình, cốt sao cho người khác được lợi ích, ở trong Phật Pháp, tăng trưởng công đức. Vì vậy, nếu tất cả những việc ấy mà không thích hợp với nhu yếu; không phải là điều hi vọng của người khác; không phải là điều họ không thể làm thì, tuy là, pháp lành, việc lành cũng sẽ khiến cho họ không quan tâm.

- **Đồng sự là cùng làm việc chung với người khác tận lực, bình đẳng.**

Đồng sự là cùng người khác làm một việc.

Chỉ huy và binh sĩ đồng cam cộng khổ thì sẽ được binh sĩ thương mến và giúp đỡ tận lực. Đây là một ví dụ Đồng Sự Nhiếp.

Trước đây, ở trong Tông Lâm, trụ trì và đại chúng cùng sanh hoạt như nhau: Quá đường (ăn cơm), lên chánh điện (hành lễ), ngồi thiền; đi hóa duyên hết thầy bình đẳng; cho nên, mới “thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại: nắm vững nguyên tắc Đồng Sự này, tất cả đều tùy thuận.

Năm mươi ba lần tham vấn của đồng tử Thiện Tài, tất cả bậc thiện tri thức đều lấy pháp môn chính mình thật hành để dạy ông tu học. Pháp của mình thật hành không giống pháp đem dạy cho người, thì làm sao người ta có thể tín nhiệm và phục tùng đây?

Tóm lại, Bồ Tát dựa vào Tứ Nhiếp Pháp này mà thật hành; vì thế Bồ Tát là người hướng dẫn và đem lại lợi ích cho chúng sanh.

5.3.2. Lịch trình Hạnh Vị

5.3.2.1. Cấp bậc Thập Tín.

初修菩提心,	<i>Sơ tu Bồ Đề Tâm,</i>
習行十善業;	<i>Tập hành Thập Thiện Nghiệp;</i>
成就心不退,	<i>Thành tựu tâm bất thoái,</i>
入於大乘道。	<i>Nhập ư Đại Thừa Đạo.</i>

Trước tu Tâm Bồ Đề, Thực hành mười Nghiệp Lành.

Thành tựu Tâm Bất Thoái, Đi vào Đạo Đại Thừa.

a. *Pháp môn đã nói rồi, giờ nói thứ tự Hành Vị.*

Pháp môn Bồ Tát tu học, lấy Tâm Bồ Đề làm gốc; Ba Tâm Tương Ứng; tu Lục Độ, Tứ Nhiếp.

Từ cạn vào sâu, nên kinh luận lập thành hành vị theo thứ tự.

Như bài tụng ở trước đã nói: “Từ từ trải qua các địa”. Ở đây thuật lại giản lược.

- **Tu học theo Đại Thừa từ Tín Tâm đến Bất Thối, mới bắt đầu vào giai đoạn thứ nhập của Hành vị.**

Phát tâm tu học Đạo Bồ Đề của Đại Thừa, trước hết, phải phát nguyện Tâm Bồ Đề, tu Tâm Bồ Đề, sao cho Tâm ấy thành tựu. Luôn nhớ: Trên cầu Phật Đạo, dưới hóa độ chúng sanh; nếu gặp phải cảnh khôn cùng cũng không lìa bỏ hay thoái thất Tâm ấy.

- **Con đường thông thường và đúng nhất là Tâm tin vào Đại Thừa.**
 - **Thập Thiện là từ Nhân Thừa vào Đại Thừa.**

Trong việc tu học, thực hành Tâm Bồ Đề là phải thọ giới Bồ Tát, tu tập, thực hành mười Nghiệp Thiện. Đây là con đường thông thường của Đại Thừa, bằng hạnh Nhân Thừa đi vào Đại Thừa, Tâm từ bi làm tăng trưởng phong cách của Bồ Tát.

○ **Thập thiện dùng mười loại Tâm làm nội dung tu học.**

Theo kinh nói: Khi mới học, gọi là Bồ Tát Thập Tín, cũng gọi là Bồ Tát Thập Thiện.

Tu tập mười Tâm: Tín Tâm, Tinh Tấn Tâm, Niệm Tâm, Huệ Tâm, Thí Tâm, Giới Tâm, Hộ Tâm, Nguyện Tâm, Hồi Hướng Tâm. Đây là lấy Tín Tâm Đại Thừa (Bồ Đề Tâm) tu tập làm chủ đích.

○ **Thành tựu đến bất thoái là bậc đầu tiên bước vào Đại Thừa.**

Nhưng khi bắt đầu, “Trải qua mười ngàn kiếp tu hạnh Thập Thiện; có khi thoái lui, có khi tiến bộ; ví như lông nhẹ, theo gió bay sang đông, sang tây”.

Nếu tu một mạch tiến tới, không thoái lui, trải qua mười ngàn kiếp như vậy, thì có thể thành tựu Tâm Bồ Đề không thoái lui, không còn thoái chuyển mà vào Đạo Đại Thừa ở bậc thứ nhất: Phát Tâm Trụ.

Bằng Tín Tâm tu tập, cần phải lấy Thập Thiện, Lục Độ... Làm cho Tâm tin tưởng ấy thành tựu. Với Tín Tâm tu tập thành tựu, như bài tụng nói: “Thanh tịnh Tâm thêm sức mạnh, kiên cố Tâm tiến lên, gọi là Bồ Tát mới tu, vô số ba đại kiếp”.

• **Con đường Phương Tiện của Tín Tâm Đại Thừa.**

Song bằng Tín Tâm tu tập thành tựu cũng không quá dễ.

○ **Dưa vào con đường Phương tiện mà trở về với Đại Thừa.**

Vì để giúp Tín Tâm sợ hãi của người mới học, Phật nói con đường Phương Tiện dễ thật hành mà không trở ngại pháp môn Vãng Sanh Tịnh Độ; chờ sức mạnh của nhẫn nhục thành tựu, mới tu lại hạnh rộng lớn, khó làm vì sự hoàn thiện cho chúng sanh; hoặc khuyên tu trở thành Trời, thành Tiên Nhân Trì Minh.

○ **Dưa vào Thiên Thừa trở về đạo Phương Tiện.**

Có người không chịu nổi đường dài sanh tử, chúng sanh có nhiều căn tánh, công đức của Phật khó suy tư mà, quên mất Tâm Bồ Đề. Vì họ, Phật nói hóa thành để việc tu hành được giới hạn và nghỉ ngơi một chút, rồi tiếp tục đi vào Đại Thừa.

Những điều này đều là vì người mới tu học Đại Thừa mà từ trước, không có thành tựu nên đề xuất phương tiện khéo léo, nhằm giúp đỡ những người ấy.

b. Ba bậc, Mười vị

以諸勝解行, *Dĩ chư Thắng Giải hạnh;*

廣集二資糧; *Quảng tập nhị Tư Lương;*

經 一 無 數 劫, *Kinh nhất vô số kiếp,*
 證 入 於 聖 位 *Chứng nhập u Thánh Vị.*

Bằng các hạnh Thắng Giải, Tập hợp hai Tư Lương;
 Trái một vô số kiếp, Chứng được vào bậc Thánh.

- **Nói rõ tu tiến vào ba mươi cấp bậc của đại vô số kiếp thứ nhất.**

- **Phát Tâm Trụ là bắt đầu của ba đại vô số kiếp.**

Tu tập Tín Tâm thành trụ, tiến vào Trụ thứ nhất của Thập Trụ là Phát Tâm Trụ. Từ đây chắc chắn tiến tu đạo Đại Thừa. Dựa vào căn tánh thông thường mà nói, đến đây đạo Bồ Tát đã có một thời hạn nhất định, bắt đầu tiến vào ba đại vô số kiếp.

- **Lược nói cấp bậc của ba mươi vị.**

- ***Nêu tên gọi của ba mươi vị***

Trong phương diện này, kinh nói có ba mươi vị.

- ✓ Thập Trụ: Phát Tâm, Trị Địa, Tu Hành, Sanh Quý, Phương Tiện Cụ Túc, Chánh Tâm, Bất Thối, Đồng Chân, Pháp Vương Tử, Quán Đảnh.
- ✓ Thập Hạnh: Hoan Hỷ, Nhiều Ích, Vô Khuể Hận, Vô Tận, Ly Si Loạn, Thiện Hiện, Vô Trước, Tôn Trọng, Thiện Pháp, Chân Thật.
- ✓ Thập Hồi Hương: Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh ly Chúng Sanh Tướng, Bất Hoại, Đẳng Nhất Thiết Phật,

Chí Nhất Thiết, Vô Tận Công Đức Tạng, Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện căn, Tùy Thuận Đẳng Quán nhất Thiết Chúng Sanh, Như Tướng, Vô Phược Vô Trước Giải Thoát, Pháp Giới Vô Lượng.

- ***Ba mươi cấp bậc là vị Thắng Giải Tư Lương của Phàm vị.***

Ba cấp, ba mươi vị này gọi chung là Thắng Giải Hành Địa. Bởi vì những vị này còn chưa hiện chứng Pháp Tánh nên phải dùng các Thắng Giải để tu hành. Trong ba mươi vị này rộng tu Lục Độ, Tứ Nhiếp để chứa nhóm phước đức, trí huệ; đó là hai loại Tư Lương to lớn vô biên, cho nên gọi là Tư Lương vị.

- ***Trải qua một đại vô số kiếp tiến tu đến Thánh vị.***

Việc tiến tu của ba mươi vị này, trải qua thời gian dài một đại vô số kiếp; mới có thể viên mãn và tiến đến chứng ngộ Thánh vị Vô Lậu Hiện Hành; đó là Hoan Hỷ Địa.

- **Bồ Tát khi chưa vào Thánh Vị, phần nhiều ở nhân gian.**
 - **Nêu ví dụ tu theo cách Quán Huê từ vị Tư Lương đến vị Gia Hạnh.**

Ba cấp bậc này dựa vào kinh Bồ Tát Bản Nghiệp Anh Lạc:

- Thập Trụ chú trọng vào việc tu tập thành tựu Không Tánh Thắng Giải, an trụ trong Thắng Nghĩa.

- Thập Hạnh chú trọng vào quán sát Giả Danh Hữu tức Không, bằng Tâm Đại Bi làm lợi ích cho chúng sanh.
- Thập Hồi Hương chú trọng vào quán huệ Không, Giả bình đẳng.
- Khi kết thúc ở Thập Hồi Hương, tùy theo học giả Hữu Bộ, Du Già lập ra thứ tự hiện quán: Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế Đệ Nhất gọi là Tứ Da Hạnh, còn có tên là Da Hành vị.
- **Bồ Tát quả báo sanh làm Luân Vương, thi hành chính trị nhân từ, đem đến lợi ích cho mọi người.**

Tu hạnh Bồ Tát, lợi tha trước nhất, cho nên trong ba mươi vị Bồ Tát này, phần nhiều ở nhân gian làm lãnh tụ chính trị, thi hành chính trị nhân từ, đem lại lợi ích cho mọi người. Do công đức nhiều, ít mà có quốc vương lớn, nhỏ khác nhau.

Thập Thiện Bồ Tát, phần nhiều quốc vương nhỏ và dùng võ lực thống lãnh, thi hành chính trị nhân từ, gọi là Thiết Luân Vương.

Thập Trụ Bồ Tát phần nhiều thống lãnh hai châu, gọi là Đồng Luân Vương.

Thập Hạnh Bồ Tát phần nhiều thống lãnh ba châu, gọi là Ngân Luân Vương.

Thập Hồi Hương Bồ Tát phần nhiều thống lãnh bốn châu, không dựa võ lực cai trị, gọi là Kim Luân Vương.

Kỳ thật, tu tập Thập Tín mà thất bại, gọi là Bại Hoại Bồ Tát (Bồ Tát thua, hư hỏng), đa số chiêu cảm quả báo làm quốc vương, thì hành chính trị lương thiện, đem lại lợi ích cho nhân dân.

- **Bồ Tát ở phàm vị và thánh vị đều không lìa bỏ nhân gian để thật hành Chánh pháp.**

Vì vậy, việc đầu tiên của Bồ Tát mới học Đại Thừa là ở tại nhân gian phần nhiều, không bỏ những pháp chân chính của nhân gian.

Chờ đến khi chứng ngộ Thánh Vị, mới đi khắp Trời, Người, tùy cơ cảm hóa, ứng hiện độ sanh.

c. Cấp bậc Thập Địa

Hoan Hỷ Địa

初住極喜地,	<i>Sơ trụ cực hỷ địa,</i>
生諸如來家,	<i>Sanh chư Như Lai gia,</i>
斷除三種結,	<i>Đoạn trừ tam chủng kết,</i>
施德最增勝.	<i>Thí đức tối tăng thắng.</i>
Sơ trụ Cực Địa Hỷ,	Sanh vào nhà Như Lai
Dứt ba loại phiền não,	Thí đức là tột bậc.

- **Lược nói các công đức của Sơ Địa.**

Bồ Tát ở trong nhân địa, đã hiện chứng Pháp Tánh có mười địa, cũng gọi là mười Trụ Địa.

- **Sơ địa mới chứng một phần công đức của Pháp Tánh nên gọi là Hoan Hỷ Địa.**

Sơ Trụ Địa gọi là Cực Hỷ Địa, cũng gọi là Hoan Hỷ Địa

- ***Địa giống như Pháp Tánh có khả năng sanh ra vô vàn công đức.***

Địa có nghĩa là sanh ra công đức, hiện chứng Pháp Tánh, dựa vào Pháp Tánh sanh ra vô vàn công đức vô lậu, cho nên cũng gọi là Pháp Giới; giống như dựa vào đất mà sanh ra cỏ cây, trân bảo.

- ***Sơ địa là vị Kiến Đạo gọi là Tâm Bồ Đề Thắng Nghĩa (diệu lý).***

Sơ địa là Bồ Tát vào ngôi vị Kiến Đạo, hiện chứng Pháp Tánh.

Tâm Bồ Đề và Pháp Tánh tương ưng, gọi là Tâm Bồ Đề Thắng Nghĩa.

Đã từng phân chứng Vô Thượng Bồ Đề, cho nên, cũng có thể gọi là thành Phật từng phần. Lúc ấy, vui mừng rất đôi; giống như mới được Định, cũng vui mừng nhảy nhót như vậy.

- *Vừa chứng Tánh của bậc Thánh, thành Như Lai với tất cả công đức, vui mừng không thể so sánh.*

Bồ Tát mới chứng Tánh của bậc Thánh, có được Tâm Xuất Thế, nếm được niềm an lạc, lìa xa hệ lụy mà, từ xưa đến nay, chưa từng có; quán sát tất cả công đức của Như Lai, chính mình cũng có phần, có thể được, có thể thành; cho nên, có được niềm an lạc không gì sánh nổi.

○ *Lược nói vào Sơ Địa có vô số thắng đức.*

- *Thấu rõ Pháp Tánh Không, không có các sợ hãi.*

Do thông đạt Pháp Tánh Không, không còn: “sợ không sống; sợ tiếng xấu; sợ chết; sợ đọa vào đường ác; sợ oai đức của đại chúng”

- *Được sanh vào nhà Như Lai là con Phật chân chánh.*

Đi vào Sơ Địa, gọi là sanh vào nhà của chư Như Lai. Như Lai là tất cả Phật. Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật (Trí Độ) làm mẹ, Phương Tiện làm cha, chứng Pháp Thân Phật từng phần. Từ đây mới gánh vác được gia nghiệp của Phật, làm rạng rỡ dòng giống của Phật, không để gián đoạn, mới là con Phật chân chánh; cho nên nói là sanh vào nhà Như Lai.

- *Cắt đứt phiền não bằng Kiến Đạo.*

Nói chung, chứng Pháp Tánh thì cắt đứt được phiền não. Bồ Tát ở vị Sơ Địa đoạn trừ là tất cả phiền não của Kiến Đạo Sở Đoạn (do Kiến Đạo mà cắt đứt được mê hoặc; Phiền não và Sở Tri chướng). Nói vắn tắt: Đoạn trừ ba loại phiền não: Thân Kiến, Giới Cấm Thủ; Nghi.

✓ Giống như Nhị Thừa đều cắt đứt hai chấp phiền não chướng thuộc Ngã, Pháp.

Trung Quán thì nói: Chấp Ngã, Chấp Pháp đều là phiền não chướng; Đại Thừa, Tiểu Thừa đều cắt đứt.

✓ Không giống như Nhị Thừa chỉ đoạn Tập Khí để thành Phật.

Khác nhau ở chỗ:

- Thanh Văn quán trực tiếp Vô Ngã, Vô Ngã Sở cắt đứt mê lầm (phiền não), chứng được chân lý Tứ Đế, không nhất định phải quán sát sâu sắc Pháp Không; cho nên không thể cắt đứt Tập Khí (vọng hoặc gồm: Hiện Hành, Chủng Tử, Tập Khí); đó là Sở Tri Chướng.
- Nhưng Bồ Tát thì: Sơ học đã thấu rõ Pháp Tánh Không, chọn lựa một cách tinh vi, sâu sắc về Tứ Đế; sau quán Vô Ngã, Vô Ngã Sở và chứng ngộ Pháp Tánh Không; cho nên mới cắt đứt được ba kết (Kiến kết= Ngã Kiến, Giới Thủ

Kết= Hành Tà Giới; Nghi Kết= Nghi Tứ Đê. Ba kết gọi chung là Kiến Hoặc. Dứt Kiến Hoặc chứng quả Dự Lưu); hơn nữa, có thể cắt đứt Tập Khí. Tập Khí hoàn toàn thanh tịnh thành Phật.

▪ ***Việc làm ở ngôi vị Sơ Địa vượt bậc hơn cả là Bồ Thí.***

Dựa theo hạnh tu của Bồ Tát mà nói, đương nhiên là Tự Lợi, Lợi Tha, rộng tu Lục Độ, Tứ Nhiếp Pháp, vô số pháp môn.

Nhưng ý nghĩa đặc biệt trong kinh nói; Bồ Tát ở Sơ Địa bồ thí Công Đức là hơn hết, cũng gọi là Bồ Thí: Ba La Mật Đa viên mãn. Bồ Tát Sơ Địa không thể không thí xả như vậy. Công đức của từng địa, từng địa rộng lớn vô cùng, như kinh Thập Địa... nói rõ.

• **Dẫn chứng luận, nói sơ về công đức của Sơ Địa.**

Bồ Tát Long Thọ đã từng tóm tắt công đức của Sơ Địa mà nói rằng “Sơ Địa gọi là Hoan Hỷ, ở trong niềm vui ít có; do ba Kết diệt sạch nên sanh trong nhà Phật. Nhờ quả báo địa này, hiện giờ tu Bồ Thí Đáo Bỉ Ngạn, đối với hằng trăm Đức Phật trong thế giới, được tự tại bất động. Ở châu Diêm Phù làm đại Chuyển Luân Vương; thường chuyển Bảo Luân và Pháp Luân ở thế gian”.

Ly Cầu Địa

戒德滿清淨, *Giới đức mãn thanh tịnh,*

名為離垢地。 *Danh vi Ly Cầu Địa.*

Giới đức đã thanh tịnh, Gọi là Địa Ly Cầu

• Địa thứ hai giữ giới tốt nhất

Bồ Tát ở địa thứ hai, ở trong mười Ba La Mật, tốt nhất là Giới Ba La Mật Đa, công đức giữ giới thanh tịnh vẹn toàn.

• Lấy mười điều thiện làm cho ba nghiệp đạt được thanh tịnh, gọi là Ly Cầu Địa.

Giới chính là Thập Thiện Hạnh, như kinh Thập Thiện nói: Bồ Tát ở địa thứ hai, tự tu Thập Thiện, cũng dạy người tu Thập Thiện.

Bằng Tâm Đại Thừa thực hiện mười hạnh Thiện rộng lớn, đạt được thanh tịnh vẹn toàn của ba Nghiệp Thân, Khẩu, Ý; không còn như Sơ Địa, vẫn có sai phạm vi tế, làm cho Giới bớt đi thanh tịnh, cho nên, gọi là Ly Cầu Địa.

Phát Quang Địa

發光地忍勝, *Phát quang địa Nhẫn Thắng,*

慧火除諸冥。 *Huệ hỏa trừ chư minh.*

Phát Quang Địa, Nhẫn Thắng; Lửa Huệ trừ tối tăm.

- **Lược nói sự khác nhau về hạng mục tu tập của sáu Địa trước.**

Trong sự thuyết minh công đức tu tập của từng địa, có hai hạng mục của lịch trình tiến tu, điều hòa với nhau.

○ **Dùng Lục Địa giải thích Lục Độ**

Dựa theo Thập Địa tu Thập Ba La Mật Đa mà nói sáu Địa trước là Thí, Giới, Nhẫn, Cần, Định, Huệ.

○ **Dùng Lục Địa giải thích Pháp Lành của năm Thừa công pháp và ba thừa công pháp.**

Nhưng còn có:

- Sơ, Nhị, Tam Địa tu Bồ thí, Giới Thiện, Thiên Định; đây là dùng Tâm Đại Thừa, thực hành pháp lành của thế gian cùng tu chung với Năm Thừa.
- Tứ, Ngũ, Lục Địa tu ba mươi bảy Đạo Phẩm, Tứ Đê, Duyên Khởi; đây là dùng Tâm Đại Thừa, thực hành pháp lành của xuất thế gian cùng tu chung với Tam Thừa.

○ **Vì thiết lập cấp bậc của mười Địa, giữa Ba, Bốn, Năm Địa nên có chênh lệch chút ít.**

Như vậy, hạng mục tu tập của Địa Ba, Bốn, Năm thì có chênh lệch chút ít. Điều này xảy ra chỉ vì thiết lập cấp bậc của mười Địa mà khéo léo nói rõ như vậy; kỳ thật, mỗi Địa

đều có tất cả pháp môn tu tập viên mãn. Vì thế, sự chênh lệch chút ít này không ảnh hưởng lớn đến Tông Chỉ.

Biểu Đồ

<u>Lục Độ</u>			<u>Ngũ Thừa, Tam Thừa</u>		
Sơ Địa	Bồ Thí	Bồ Thí		Pháp
Nhị Địa	Trì Giới	Thập Thiện		Lành thế gian
Tam Địa	Nhẫn Nhục	Thiền Định		chung 5 Thừa
Tứ Địa	Tinh Tán	37 Đạo phẩm		Pháp Lành
Ngũ Địa	Thiền Định	Tứ Thế		xuất thế gian
Lục Địa	Bát Nhã	Duyên Khởi		chung 3 Thừa

Thứ ba là Phát Quang Địa, trong 10 Độ thì Nhẫn Ba La Mật Đa là vượt trội, trọn vẹn.

• Thứ 3 Phát Quang Địa, Nhẫn Ba La Mật vượt trội.

Thứ ba là Phát Quang Địa, trong mười Độ thì Nhẫn Ba La Mật Đa là vượt trội, trọn vẹn.

Vì sao gọi là Phát Quang?

○ **Địa ba có thể thọ trì Phật pháp, siêng tu Định học**

Bởi Bồ Tát Địa thứ ba cần cầu Phật pháp, được nghe, gìn giữ Đà La Ni, có thể giữ gìn tất cả Phật pháp, còn siêng năng tu Định học: Tứ Thiên, Tứ Vô Sắc Định, Tứ Vô Lượng Định.

○ **Do hai lực khiến lửa Huệ như ánh sáng xua tan tối tăm nên gọi là Phát Quang Địa.**

Do được nghe và sức tu Định, Huệ tăng trưởng, ánh sáng bùng lên như ngọn lửa, tiêu tan bao lớp tối tăm.

Nếu thọ trì Phật pháp mà còn gì không sáng tỏ, cũng sẽ được trừ sạch.

Người đã đi sâu vào Định thì không còn bị Tà Tham, Tà Sân, Tà Si che khuất, tối tăm và khởi lên trở lại, Tâm sáng suốt càng sáng tỏ và vắng lặng hơn.

Diệm Huệ Địa

進 滿 修 覺 分, *Tiến mãn tu giác phần,*

焰 慧 見 無 餘。 *Diệm Huệ kiến vô dư.*

Tiến tu trọn giác phần, Diệm Huệ kiến vô dư.

● **Địa bốn chuyên tu tinh tấn và giác phần.**

Bồ Tát ở địa thứ tư, tu tập theo mười Ba La Mật Đa mà nói, tinh tấn Ba La Mật Đa tròn đầy.

Theo địa bốn, năm, sáu tu chung Pháp Tam Thừa mà nói thì tu tập ba mươi bảy giác phần (phẩm Trợ Đạo).

- **Nhờ hai lực làm cho ánh sáng Trí Huệ giống như ngọn lửa nên gọi là Diệm Huệ Địa.**

Nhờ siêng năng tu tập ba mươi bảy phẩm Trợ Đạo, ánh sáng Trí Huệ giống như ngọn lửa rực rỡ bốc lên; dựa vào Ngã Kiến rồi Cháp Ngã, Cháp Pháp, Cháp bao nhiêu Ái Nhiễm, giống như lửa thiêu đốt củi, vĩnh viễn tiệt diệt, không sót mảy may; cho nên gọi là Diệm Huệ Địa.

Nan Thắng Địa.

難勝靜慮勝, *Nan Thắng tĩnh lự thắng,*

善達諸諦理。 *Thiện đạt chư Đế Lý.*

Nan Thắng: Thiên Định Thắng; Thấu đáo Tứ Đế Lý.

- **Địa năm chuyên tu Thiên Định và Tứ Đế.**

Địa năm gọi là Nan Thắng Địa.

Tu theo mười Ba La Mật Đa mà nói Tĩnh Lự Ba La Mật Đa vượt trội, tròn đầy.

Tu theo Thánh pháp của chung Ba Thừa mà nói có thể thông đạt cái Lý Tứ Đế một cách khéo léo.

- **Địa năm chứng được Hạnh Vô tướng Bất Nhị Có, Không.**

Vì sao gọi là Nan Thắng? Địa này trải qua gian nan lắm mới có thể đến được.

○ **Năm Địa về trước thường không đồng thời Có, Không.**

Đạt đến cái gì?

- ***Năm địa về trước chỉ dựa vào sức thấu hiểu mà biết được các Hành như ảo hóa.***

Từ trước khi Sơ Địa hiện chứng Pháp Không Tánh, diệt sạch tất cả tướng Hý Luận, cho nên nói: “Bát Nhã Ba La Mật có khả năng diệt các Tà Kiến, Phiền não, Hý luận đến Rốt Ráo Không”.

Chờ đến khi chứng được Thiên Định Chân Chánh, rồi khởi lên thì Tướng Có lại đến nữa; hoặc là Trí Hậu Đắc Vô Phân Biệt, hoặc là Thiên Huệ Phân Biệt, cho nên nói: 方便將出畢竟空: Phương Tiện tương xuất Tất Cảnh Không, Phương Tiện vừa xuất hiện thì Rốt Ráo Không; thanh tịnh thế giới Phật, an lạc tâm chúng sanh.

Khi ấy, tuy nói có thể thấu hiểu các Hành (tạo tác của thân, khẩu, ý. Hay tâm theo cảnh) như ảo hóa, kỳ thật, là dựa vào sức Thắng Giải chứ không phải cái Thấy hiện tiền như Thật. Bởi vì cái Biết dựa vào Cảnh, dường như có Thật Tánh, đó là Tướng Hý Luận, giống như hiện ra trước mặt; nhưng trải qua

hiện chứng Không Tánh Bát Nhã, dựa vào sức của Huệ Tánh Không thì hiểu rõ được Vô Tánh như ảo hóa mà thôi.

- *Nêu ví dụ: Mây bay Trăng chuyển để nói rõ năm Địa trước Có, Không không đồng bộ.*

Ở đây có thể nêu ví dụ để nói: Nếu nhìn lên bầu trời, thấy Mây bay trăng chuyển thì biết đó là sự di động của áng mây bông bành, chứ không phải là sự chuyển dịch của mặt trăng. Nhưng từ kinh nghiệm của cơ quan cảm giác, xuất phát từ Căn và Thức thì lại là mặt trăng đang di động. Đây chỉ là điều phân định thông qua Ý Thức; cho nên, biết rằng chỉ có mây chuyển động thôi.

Tâm, Cảnh của Bồ Tát, đối với năm Địa trước cũng như thế. Khi thấy Tánh Không, lìa tất cả Tướng, không thấy tất cả Pháp. Đợi đến khi thấu đạt Pháp Tướng, lại lìa bỏ cái Chứng Tri về Không Tánh. Không, Có vẫn không đồng bộ như thế; Còn, Mất luôn hỗ tương.

- Năm Địa trải qua tu tập lâu dài mới đạt được Không, Có Bất Nhị, cho nên gọi là Nan Thắng Địa.

Do không ngừng tu chứng Huệ Tánh Không nên sức Bát Nhã càng mạnh; lúc này mới có thể thấy tất cả pháp hữu vi hiện tiền, lìa bỏ tướng thật hữu của Hý Luận; thật sự, có thể

quán chiếu vừa ảo hữu của Vô Tự Tánh, vừa Vô Tự Tánh Không của ảo hữu. Đây mới thật sự là Chân, Tục vô ngại; Không, Hữu bất nhị. Kết quả này phải trải qua thời gian tu tập lâu dài mới đạt được, nên gọi là Nan Thắng.

- *Sơ Địa là cửa ải Phàm Thánh; Năm Địa là cửa ải Đại Thừa, Tiểu Thừa; vượt ngoài Tâm, Cảnh của Tiểu Thừa.*

Hiện chứng Không Tánh từ Sơ Địa trở về trước là cửa ải của Phàm và Thánh; hiện tại còn thông qua cửa ải thứ hai, có thể nói là cửa ải của Đại Thừa và Tiểu Thừa. Bởi vì hiện chứng Không, Hữu Bất Nhị mới không khởi lên ý chán ghét đối với Sanh, Tử; không khởi lên ý vui mừng đối với Niết Bàn; thật là có khả năng Không trụ Sanh, Tử, Không trụ Niết Bàn, siêu việt Tâm, Cảnh của bậc Thánh Tiểu Thừa.

Hiện Tiền Địa

第六現前地, *Đệ lục Hiện Tiền Địa,*
 慧勝住滅定, *Huệ thắng trụ Diệt Định,*
 佛法皆現見, *Phật pháp giai hiện kiến,*
 緣起真實性。 *Duyên Khởi Chân Thật Tánh.*
 常寂常悲念, *Thường tịch thường bi niệm,*
 勝出於二乘。 *Thắng Xuất ư Nhị Thừa.*

Thứ sáu Địa Hiện Tiên, Huệ Thắng trụ Diệt Định,
 Phật pháp đều hiện thấy, Thật Tánh là Duyên Khởi.
 Tịch tĩnh, Bi niệm luôn, Vượt thoát hơn Nhị Thừa.

• **Địa sáu Trí Huệ vượt trội trụ Diệt Định.**

Tiến tu đến địa thứ sáu Hiện Tiên, dựa theo thuyết tu tập của mười Ba La Mật Đa thì Bát Nhã – Trí Huệ - là vượt trội, tròn đầy. Đến đây, Bồ Tát ở trong Định Diệt Tận.

○ **Địa sáu vào Diệt Định, Phật pháp hiện ngay trước mắt, nên gọi là Hiện Tiên Địa.**

▪ **Định Diệt Tận giống Tướng Niết Bàn, Bi Nguyện không đủ để rơi xuống Tiểu Thừa.**

Định Diệt Tận là định hơn hết, Tâm Thức hữu lậu đều nhờ định này mà không sanh khởi.

Nếu bậc Thánh Nhị Thừa vào Định Diệt Tận thì cho là đã chứng được Thực Tế (Niết Bàn) nên sanh khởi ý tưởng vào Niết Bàn.

Kinh Lăng Già nói: Tiểu Thừa say rượ Tam Muội cũng chính là vào Diệt Tận Định. Vì vậy trong kinh Bát Nhã, Phật khuyên các vị Bồ Tát, nếu sức mạnh của Bi Nguyện không đủ, không nhất thiết vào Diệt Tận Định để tránh rơi xuống Tiểu Thừa.

- ***Trí Huệ của Bồ Tát ở Địa thứ sáu đầy đủ, có thể vào Diệt Tận Định.***

Nhưng Bồ tát đã đến địa thứ sáu, ở Trí Huệ Bát Nhã, giữ gìn tư lương là Nguyên Đại Bi, có thể vào Định Diệt Tận và hơn nữa ở trong định hiện chứng Pháp Tánh. Lúc ấy, Phật pháp hiện ra trước mặt, thấy rõ ràng toàn triệt, cho nên gọi là Hiện Tiền Địa.

- ***Đến địa sáu thì Không, Có; Bi, Trí không hai; đây là Trí chứng không chung với Nhị Thừa.***

Ở trong Không Huệ thăm sâu này, Tánh Chân Thật của Duyên Khởi, cũng chính là Áo Hữu tức Không, Không tức là Áo Hữu, không hai, bình đẳng cũng có thể thấy rõ thấu suốt. Địa thứ năm tuy có thể đạt đến quán chiếu đồng thời Chân, Tục nhưng, điều này rất khó được.

Đến Địa thứ sáu, chỉ cần tu nhiều Vô Tướng Tác Ý, thì sẽ hiện chứng Trung Đạo Duyên Khởi vô ngại Không, Có. Vì vậy, Bồ Tát ở Địa thứ sáu có thể Thường Tịch, cũng có thể Thường Bi Niệm chúng sanh. Thường Tịch là hiện chứng Bát Nhã; cho nên, đây là Đại Bi, Bát Nhã không hai, là pháp thù thắng riêng của Đại Thừa và vượt qua, siêu xuất Trí Chứng của Nhị Thừa.

• **Địa sáu cũng tu Quán Nhất Tâm Duyên Khởi nhiều.**

Địa sáu tu Quán Duyên Khởi nhiều. Do Duyên Khởi và Không tương ưng, cho nên cũng đã đến được Pháp Phật hiện tiền, nghĩa là Chứng Cảnh của Trung Đạo.

○ **Nhất Tâm Duyên Khởi của Hoa Nghiêm giống Nhất Niệm Duyên Khởi của Hữu Bộ.**

- Hữu Bộ của Tiểu Thừa nói: Duyên Khởi có bốn loại, có tên là Nhất Niệm Duyên Khởi, cho rằng mười hai Duyên Khởi không nhất định nói về Ba Đời chính là Một Niệm Trong Tâm cũng có thể an lập được.
- Phẩm Thập Địa của kinh hoa Nghiêm nói rõ và rộng về Duyên Khởi ở trong Địa thứ 6, cũng nói về Nhất Niệm Duyên Khởi này; như nói: “Ba cõi hư vọng, nhưng từ Một Tâm tạo ra. Mười hai duyên phần đều nương tựa vào Tâm...”. Giải thích, nói chung, tương đồng với Hữu Bộ.

○ **Nhất Tâm Duyên Khởi cũng ảnh hưởng đến Duy Tâm Luận của Đại Thừa.**

Ý nghĩa của một pháp này thích ứng với căn cơ và học phong của Duy Tâm Luận, đã triển khai Duy Tâm Luận của Đại Thừa có sức ảnh hưởng phi thường. Thật là Phật pháp không thể nghĩ bàn!

Viễn Hành Địa.

遠行於滅定,

Viễn Hành ư Diệt Định,

念念能起人; *Niệm niệm năng khởi nhập;*
 方便度熾然, *Phương tiện độ xí nhiên,*
 二僧祇劫滿。 *Nhị tăng kỳ kiếp mãn.*

Viễn Hành ở Diệt Định, Vào, Ra trong từng Niệm;
 Phương tiện vượt ba cõi, Hai tăng kỳ kiếp tròn.

- **Đã đến Địa thứ bảy. Viễn Hành lại càng vi diệu, sâu sắc. Có thể ở trong Định Diệt Tận và vào, ra trong từng niệm.**

Vào Định, Ra Định bình thường đã đến vị Siêu Tác ý cũng có được phương tiện. Nhưng hiện tại, từng niệm có thể ra, vào nhanh chóng. Đây không những là cần vào thì vào, cần ra thì ra; mà là, vào chính là ra, ra chính là vào. Như kinh Duy Ma Cật nói: “Không vào Diệt Định mà biểu hiện các oai nghi”.

- **Địa bảy Vô Tướng, có Công Dụng Hạnh vượt hơn Địa thứ sáu.**

Do sự mâu nhiệm, sâu thẳm của Định; Bát Nhã dựa vào Định cũng đã đến cảnh giới Vô Tướng Hữu Công Dụng Hạnh.

- Đã nói ở trên, từ Sơ Địa đến đây, Trí chứng ngộ Không Tánh là Vô Tướng, chỉ khi ra khỏi quán chiếu sâu thẳm

mới chính là Hậu Đắc Trí cũng còn có tướng hiện tiền. Chớ hiểu sai, cho có Tướng là Chấp trước.

- Địa năm khó có thể đạt đến Vô Tướng Hạnh của Không, Hữu Bất Nhị.
- Địa sáu tiến bộ nhưng chủ yếu tu nhiều Vô Tướng Tác Ý sẽ có thể hiện hành Vô Tướng, nhưng thời gian gián đoạn vẫn còn.
- Đã đến Địa bảy thì Vô Tướng Hiện Hành, có thể không gián đoạn nữa.
- **Địa bảy, Phương tiện độ là hơn hết; như lửa thiêu đốt ba cõi.**

Theo thuyết mười Ba La Mật Đa, Bát Nhã Ba La Mật Đa thứ sáu, chú trọng Thật Trí. Từ đây về sau có bốn Ba La Mật Đa: Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí đều là Diệu Dụng thuộc Phương Tiện của Bát Nhã. Vì thế, nếu nói sáu Ba La Mật Đa thì bốn Ba La Mật Đa sau này đều ở trong Bát Nhã.

Theo thuyết Thập Độ thì Phương Tiện Độ ở trong Địa Thứ bảy, cực kỳ thù thắng, như lửa càng lúc càng bùng cháy.

- **Địa bảy đã đến gần hết hai A tăng kỳ kiếp của Hạnh Vô Tướng nên gọi là Viên Hành.**

Dựa theo thời gian tu hành mà nói, đến Địa thứ bảy là hoàn tất, A tăng kỳ thứ hai đã hoàn mãn.

- Theo thời gian chia ba đại A tăng kỳ kiếp.

Sự khác nhau của ba đại A tăng kỳ kiếp, với ý nghĩa đặc thù.

- Từ phát tâm thành tựu, tu tập đến khi sắp vào hiện chứng Không Tánh là A tăng kỳ kiếp thứ nhất.
 - Về sau là bậc thánh, tiến vào A tăng kỳ kiếp thứ hai.
 - Địa bảy hoàn tất đã sắp xong Vô Tướng Hạnh hoàn toàn thanh tịnh, cho nên A tăng kỳ kiếp thứ hai viên mãn.
 - Về sau đi vào A tăng kỳ đại kiếp thứ ba.
- **Phối hợp giải thích ba đại kiếp, từ Hữu Tướng đến Vô Tướng.**

Kinh nói: Địa bảy giống như vùng đệm giữa hai quốc gia.

- Từ Địa sáu về trước, khi tu còn Hữu Tướng.
- Tập Hành giữa Hữu Tướng và Vô Tướng.
- Vô Tướng mà còn Công Dụng Hạnh.
- Về sau, hoàn toàn Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh.

Địa bảy đã sắp hoàn tất, cho nên gọi là Viên Hành.

Sơ đồ

Hữu Tướng Hành	Từ phát tâm thành tựu đến sắp vào hiện chứng Không Tánh	Vô số Đại Kiếp Thứ nhất
Tập hành giữa Hữu Tướng và Vô Tướng	Từ Địa 1 đến Địa 4 Không, Có không đồng thời	2 vô số Đại Kiếp

Vô Tướng vẫn còn có Công Dụng Hạnh	Địa 5 bắt đầu đến được Không, Có không hai	
	Địa 6, Vô Tướng Hạnh gián đoạn nhiều	
	Địa 7, Vô Tướng Hạnh không gián đoạn	
Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh	Từ Địa 8 đến Địa 10	3 vô số Đại Kiếp

Bất Động Địa

進 入 不 動 地, 無 相 無 功 用, 盡 斷 三 界 惑, 大 願 極 清 淨。 以 如 幻 三 昧, 三 有 普 現 身。 Đi vào Bất Động Địa,	Tiến nhập Bất Động Địa, Vô Tướng, Vô Công Dụng, Tận đoạn tam giới Hoặc, Đại nguyện cực thanh tịnh. Dĩ Như Huyền Tam Muội, Tam hữu phổ hiện thân. Vô Tướng, Vô Công Dụng.
--	--

Dứt hết Hoặc ba cõi, Đại nguyện rất thanh tịnh.

Lấy Tam Muội Như Huyền, Hiện thân khắp ba cõi.

- **Địa tám Vô Tướng, Vô Công Dụng không bị lay động với Phiền não và Công dụng, nên gọi là Bất Động Địa.**

Từ Địa bảy đi vào Địa tám, gọi là Bất Động Địa.

Tại sao gọi là Bất Động Địa?

Vô Tướng Hành của Địa thứ bảy, vẫn còn có Công Dụng; Địa tám thì Vô Tướng và Vô Công Dụng.

Đã đến đây, Trí Huệ, Công Đức đều theo sự vận hành của Địa mà tiến lên; phiền não cũng không khởi lên Hiện Hành nữa.

Không bị phiền não và Công dụng lay động, cho nên gọi là Bất Động.

- **Địa tám chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn, dứt hết Hoặc trong ba cõi.**

Như người ở trong mộng đi qua sông, bằng tất cả kỹ năng, nhọc nhằn, sức lực vượt qua; bỗng tỉnh giấc, tất cả công dụng đều dừng lại.

- **Địa tám cắt đứt Hoặc giống như A La Hán.**

Phiền não trong ba cõi do tu đã cắt đứt, quá khứ chưa cắt hết nhưng không đến nổi, dẫn đến hiểm nguy. Bởi vì Bồ Tát,

đồng thời, không gấp rút cần cắt đứt Phiền não, mà chỉ cần không chế được nó thôi. Có lúc, còn có thể lợi dụng Phiền não để làm phương tiện tự lợi và lợi tha. Nhưng đi vào Địa thứ tám, Phiền não Chướng không cắt đứt mà tự nhiên cắt đứt; cho nên ở trong ngôi vị Bồ Tát Địa thứ tám chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, mới cắt đứt Hoặc trong ba cõi, giống như A La Hán.

- **Địa tám, bằng Trí cắt đứt Phiền não, tuy giống như A La Hán nhưng vì hai lực mà không chứng Niết Bàn.**
 - Từ Vô Tướng Hạnh của Bồ Tát ở Địa tám mà, chứng được Pháp Tánh Vô Phân Biệt và Vô Sanh Pháp Nhẫn, có thể nói giống như A La Hán chứng nhập Niết Bàn. Và cắt đứt Phiền não ba cõi cũng giống như A La Hán; cho nên kinh Thập Địa nói: Bồ Tát đi vào Địa thứ tám là muốn vào Niết Bàn.
 - Nhờ Lực gia trì của Phật, Lực bốn nguyện của Bồ Tát, đương nhiên, sẽ không giống như Tiểu Thừa vào Niết Bàn. Từ đây, chính thức đi vào Bồ Tát Đạo không cùng với Nhị Thừa. Bồ Tát ở Địa năm khó khăn lắm mới vào được cảnh giới sâu thẳm của Đại Thừa (Vô Tướng Hành) nhưng, đến đây mới hoàn toàn đạt được.
- **Địa Tám, Nguyện Độ rất thanh tịnh, dùng Như Huyền Tam Muội để hiện thân nói pháp.**

Theo thuyết Thập Độ, Đại Nguyện của Địa thứ tám cực kỳ thanh tịnh; cho nên có thể ở trong Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh khởi sanh Như Huyền Tam Muội; ở trong ba cõi hiện tất cả thân, nói tất cả pháp.

Giống như Phổ Môn Đại sĩ Bồ Tát Quan Thế Âm, nên dùng thân gì để độ được chúng sanh thì liền hiện thân ấy để nói pháp. Đây là cảnh giới của Bồ Tát có Hạnh Nguyện sâu rộng, từ Địa tám trở lên.

Trong Vô Tướng Hạnh, không những có thể biết Như Huyền Tam Muội mà còn, thị hiện Đại Nguyện Như Huyền (Tướng Vô Hý Luận) và Không Tánh, Bình Đẳng Bất Nhị. Bồ Tát Địa thứ tám hoàn toàn thực hành Hạnh Vô Tướng; vì vậy, nói Bồ Tát Địa thứ tám khởi sanh Như Huyền Tam Muội.

Thiện Huệ Địa

善 慧 無 礙 解, *Thiện Huệ vô ngại giải,*

圓 淨 一 切 力。 *Viên tịnh nhất thiết lực.*

Thiện Huệ hiểu thấu triệt, Thanh tịnh tất cả lực.

- **Địa thứ chín dùng Bốn Trí Vô Ngại vì người khác nói pháp mà không thêm Công Dụng, nên gọi là Thiện Huệ Địa.**

Vô Tướng, Vô Công Dụng Hạnh đã đến Địa thứ chín Thiện Huệ, càng thêm vượt trội.

Tự chứng ngộ, không cần nói Vô Công Dụng mà, vì người khác nói pháp cũng có thể không đợi đến Công Dụng.

Bồ Tát Địa thứ chín chứng được bốn Trí Vô Ngại Giải (bốn Trí hiểu thấu suốt, không bị trở ngại): Pháp, Nghĩa, Từ, Biện; ở trong đại chúng nói pháp là vị đại pháp sư thứ nhất, giữ gìn, bảo vệ pháp tạng của Phật. Bồ Tát có khả năng dùng một thứ tiếng (âm) nói, tất cả pháp cho vô số căn tánh khác nhau của chúng sanh nghe được; nhất thời, nói pháp môn thích ứng với tất cả căn cơ, một cách tự nhiên mà không dụng công.

• **Lực độ Địa thứ chín hoàn toàn thanh tịnh**

Ở trong mười Ba La Mật Đa, tất cả Lục Ba La Mật Đa của Địa thứ chín hoàn toàn thanh tịnh.

Pháp Vân Địa

第十法雲地,	<i>Đệ thập Pháp Vân Địa,</i>
諸佛光灌頂,	<i>Chư Phật quang quán đỉnh,</i>
智增澍法雨,	<i>Trí tăng bành pháp vũ,</i>
長善如大雲。	<i>Trường Thiện như đại vân.</i>

Thứ mười Địa Pháp Vân; Hào quang Phật quán đảnh.

Trí tăng, mưa Pháp ngập; Dài, đẹp như cầu mây.

- **Bồ Tát Địa thứ mười là con của Pháp Vương, hào quang Phật gọi đỉnh đầu, công đức viên mãn.**

Địa thứ mười gọi là Pháp Vân Địa.

- Như vương tử phong tước cho con mình làm thái tử ở Ấn Độ, chánh thức lên ngôi, phải cử hành lễ quán đảnh, lấy nước của bốn biển lớn, tưới lên đỉnh đầu của vương tử thì lễ lên ngôi mới hoàn thành. Lễ này giống như lễ đội vương miện thời cận đại.
- Bồ Tát đã đến Địa thứ mười là Pháp vương tử, ở ngôi vị Bồ Xứ, cũng cần viên mãn thành Phật. Việc này sẽ có mười phương chư Phật phóng đại quang minh lên đỉnh đầu của Bồ Tát. Đây là Phật quang quán đảnh, tượng trưng cho ánh sáng Trí Huệ, giác ngộ của chư Phật đi vào trong tâm của Bồ Tát; ánh sáng Trí Huệ, giác ngộ của Bồ Tát và của chư Phật không hai, không khác; cũng chính là tâm quý báu, giác ngộ của Bồ Tát, viên mãn thanh tịnh như Phật chứng được. Đây là tượng trưng cho sự thành Phật.
- **Trí Độ Địa thứ mười rất vượt trội, hiện thân thông nói pháp như mây rơi xuống thành mưa, nên gọi là Pháp Vân Địa.**

Vì sao gọi là Pháp Vân?

Bởi vì tu học trong mười Độ, Địa thứ mười thì Trí Ba La Mật Đa vượt trội; Trừ Phật, tất cả Trí Huệ, Thiện Căn của Bồ Tát chín địa còn lại, đều không thể tày. Vì vậy, không chỉ có thể tự tại nói pháp, mà còn, có thể hiện thần thông khắp pháp giới để nói pháp độ sanh, như trận mưa lớn đem đến biết bao ích lợi cho loài hữu tình và vô tình.

Pháp vũ từ Pháp Vân đến, Bồ Tát thập địa là: “Từ Nguyên Lực sanh Đại Từ Bi, Phước Đức, Trí Huệ như vàng mây lớn; biểu hiện nhiều màu sắc sáng rõ, tươi đẹp; thông minh, vô úy tợ như điện, chớp; âm thanh nói ra dường như tiếng sấm vang lừng, hàng phục ma quân. Khoảnh khắc một niệm, đã nói pháp ở khắp cõi nước như vi trần, bằng trận mưa cam lồ, hương thiện”.

Vì thế, việc hiện thần thông nói pháp của Bồ Tát thập địa có khả năng nuôi lớn căn lành của tất cả chúng sanh, giống như vàng mây lớn, đúng lúc, mưa tuôn xuống vạn vật.

Biểu đồ ngôi vị tu tập theo Đại Thừa.

Thập Tín	Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Thí, Giới, Hộ, Nguyện, Hồi Hương		
Hữu Tướng Hành	Thập Trụ	Phát tâm, Trị địa, Tu hành, Sanh quý, Phương tiện cụ túc, Chánh tâm, Bất thối, Đồng Chân Pháp vương tử, Quán đánh	Phàm phu Sơ A tăng kỳ kiếp
	Thập	Hoan hỷ, Nhiên ích, Vô khuể hận, Vô tận,	

	Hạnh	Ly si loạn, Thiện hiện, Vô trước, Tôn trọng, Thiện pháp, Chân thật					
Thắng giải hành địa	Thập hồi hương	Cứu hộ tất cả chúng sanh là Tướng chúng sanh, Bất hoại, Đẳng nhất thiết Phật, Chí nhất thiết, Vô tận công đức tạng, Tùy thuận bình đẳng thiện căn, Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh, Như tướng, Vô phược vô trước giải thoát, Pháp giới vô lượng					
Cùng thực hành cả Hữu Tướng và Vô Tướng. Không, Hữu không cùng	Sơ địa	Sơ chứng Thánh Tánh đắc xuất Thế Tâm, Ly hệ lạc, Phần chứng vô thượng Bồ Đề vô tỷ Hoan Hỷ (còn liên quan giữa	Bồ Thí	Bồ Thí	Pháp chung 5 Thừa	Kiến Hoặc dứt hết	Thánh nhân, Nhị A tăng kỳ kiếp

			phàm và Thánh)					
			Nhị địa Ly Sơ địa chi vi tế Giới cầu	Trì giới	Thập Thiện			
			Tam địa Đắc văn trì Đà La Ni, Cần tu thiền định	Nhãn nhục	Thiền định			
			Tứ địa Tinh cần tập Giác phân, Vĩnh diệt Ngã Kiến nhưng Ngã Pháp lại đến 2 Chấp và nhiều thứ Ái nhiễm	Tinh tán	Đạo phẩm	Pháp chung 3 Thừa		Tập Khí từ Sơ địa trở lên, trừ bỏ tùng phần
Không Hữu	Vô Tướng	Ngũ địa	Vừa chứng	Thiền định	Tứ Đế			

Bất Nhị	hữu công dụng hạnh		được Hạnh Vô Tướng Bất Nhị của Không, Hữu (liên quan Đại Thừa, Tiểu Thừa).						
		Lục địa	Vô Tướng hiện hành còn gián đoạn.	Bất Nhã	Duyên Khởi				
		Thất địa	Vô Tướng hiện hành không còn gián đoạn	Phương Tiện		Gom hết vào trong Bất Nhã			Thánh nhân Tâm, A tăng kỳ kiếp
	Vô	Bất	Hiện	Nguyễn			Tự		

	Tướng vô công dụng hạnh	địa	hành hoàn toàn Vô tướng Vô công dụng, Chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bằng Tam Muội Như Huyền hiện tất cả thân.			Hoặc dứt hết		
		Cửu địa	Tự chứng và lợi tha đều Vô công dụng, chứng 4 Trí Vô ngại giải, ở trong	Lục				

			loài người nói pháp la đại Pháp Sư thứ nhất.					
		Thập địa	Chư Phật quán danh ở ngôi vị Bồ Xứ, Trí hơn 9 địa trước. Bằng pháp vân mưa pháp vũ nuôi lớn tất cả căn lành	Trí				

5.3.2.2. Đốn, Tiệm tùy Căn Cơ

菩薩所修道,

Bồ Tát sở tu đạo,

三期歷十地。

Tam kỳ lịch Thập Địa.

頓入與漸入,

Đốn nhập dữ tiệm nhập,

隨機有差別。 *Tùy cơ hữu sai biệt.*

Con đường Bồ Tát tu, Mười Địa qua ba kỳ,
Vào mau hay vào chậm, Khác nhau tùy căn cơ.

a. Lại bàn con đường tu thành Phật có nhanh, chậm

Con đường tu của Bồ Tát là Phát Tâm Bồ Đề, Thọ Giới Bồ Tát, Lục Độ, Tứ Nhiếp.

Thời gian Bồ Tát tu là ba đại A tăng kỳ kiếp.

Những ngôi vị trải qua, dựa theo chứng vào Pháp Giới Tánh mà nói là trải qua Mười Địa.

Điều này đã nói qua ở trên, nhưng còn một vấn đề cần giải thích.

- **Có thuyết khác nói về việc chọn ba đại A tăng kỳ kiếp.**
 - **Ở trong Đại Thừa, thành Phật nhanh hay chậm không giống nhau.**

Bồ Tát tu hành trong ba đại A tăng kỳ kiếp, vốn là quy định theo Phật giáo Thanh Văn, nhưng Đại Thừa thì không nhất định.

- Vì thế, luận Khởi Tín nói rằng kinh nói không nhất định là Phương Tiện nói; từ thành tựu Tín Tâm đến thành Phật, kỳ thật, nhất định trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp.
- Nhưng cái Thấy (kiến đạo) trong luận của Bồ Tát Long Thọ không như vậy: Thành Phật hoặc nhanh hoặc chậm; nếu chậm thì trải qua vô lượng vô số tăng kỳ kiếp!

- **Hai loại kiếp không giống nhau, tạo thành nhanh, chậm sai khác.**

Cuối cùng, việc tu hành thành Phật, có hay không có sự khác nhau Nhanh, Chậm?

Ba đại A tăng kỳ kiếp, vốn có hai loại giải thích.

- **Thời gian kiếp:** Như thời gian bao nhiêu là một Tiểu Kiếp, tám Tiểu Kiếp là một Đại Kiếp. Đại Kiếp như vậy, dựa vào $10 \cdot 10 = 100$; $10 \cdot 100 = 1000$ và tiến dần lên, đến A tăng kỳ Đại Kiếp (có nghĩa là Vô Số, nhưng thật ra có Số Lượng).

Lại đếm đến ba A tăng kỳ Đại Kiếp, thời gian tu hành trải qua lâu như thế, mới có thể thành Phật viên mãn.

- **Đức Hạnh Kiếp:** Lấy công đức để tính. Điều này giống như lấy sản lượng làm kết quả của công việc, giống như tính công một ngày làm việc; phải có ba đại A tăng kỳ kiếp Công Đức của Đức Hạnh mới có thể thành tựu. Dựa theo Đức Hạnh mà nói thì thời gian thành Phật nhanh, chậm không giống nhau. Nếu lấy sản lượng của một người làm thủ công trong một ngày, so với sản lượng của một người dùng máy móc để làm ra thì rất khác nhau, về thời gian lẫn sản lượng.
- **Sự giống và khác của hai loại Kiếp.**
 - **Dựa vào công đức để thành Phật thì giống nhau**

Vì thế, dựa vào công đức để tính ba đại A tăng kỳ kiếp, tất cả Bồ Tát tu hành thành Phật đều giống như thế.

○ **Dựa vào thời gian để thành Phật thì khác nhau nhiều.**

Nhưng dựa vào thuyết thời gian thì khác nhau nhiều.

Dựa vào ý nghĩa của luận Bồ Tát Long Thọ, thông thường, như Phật Thích Ca, đều trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp, có vị thời gian tu tập còn dài hơn; nhưng đặc biệt những vị lợi căn thì không cần lâu như vậy. Có lẽ bậc căn tánh như vậy, quá ít, cho nên, các vị Bồ Tát Mã Minh, Vô Trước đều không nói đến. Tóm lại, Đốn nhập và Tiệm nhập tùy vào căn cơ của Bồ Tát không giống nhau; kinh nói là “có sai biệt”.

b. Dựa vào luận của Bồ Tát Long Thọ lấy ba hạng Bồ Tát hợp thành hai thuyết khác nhau.

Hiện tại dựa vào Phẩm Vãng Sanh của Bồ Tát Long Thọ nói, Long Thọ còn phối hợp theo thứ tự với Nhập Định Bất Nhập Định Ấn Kinh để chỉ dạy sơ lược.

- **Lược nêu ba hạng Bồ Tát tu thành Phật có nhanh, chậm; chia năm loại khác nhau, qua Biểu Đồ.**

Phước mỏng, Căn chậm Tâm không vững (cưỡi Dê)	Phát tâm, tu vô lượng A tăng kỳ kiếp, hoặc đến hoặc không
---	---

Phước ít, lợi căn (cưỡi ngựa)		Phát tâm, tu từ từ Lục Độ, 3 A tăng kỳ kiếp, thành Phật	
Phước nhiều, lợi căn, Tâm vững		A, cưỡi mặt trăng, mặt trời	Phát Tâm, vào vị Bồ Tát
(cưỡi thần thông)		Phát Tâm nhỏ vào vị Bồ Tát	
	B. Thanh Văn	Phát Tâm thành Phật chuyển pháp luân	
	C. Như Lai	Phát Tâm Bát Nhã tu thành thực chúng sanh,	
			Đánh vị
			Đánh vị
			Địa thượng

Hạng thứ nhất: Phước mỏng, căn chậm tu vô lượng kiếp.

Như cưỡi Dê mà đi. Phát Tâm tiến lên, đi trong một thời gian rất lâu, có vị vẫn không thể đến. Như nói: “Bồ Tát phát Tâm lớn như ngư tử, như hoa am thọ; nhân của ba việc thì nhiều mà kết quả quá ít”. Đây có lẽ là căn tánh bình thường nhất!

Hạng thứ hai: Ít phước, lợi căn tu ba đại kiếp.

Như cưỡi ngựa (kinh nói như cưỡi voi) mà đi. Hoặc có vị tu ba đại A tăng kỳ kiếp hoặc có vị tu một trăm đại A tăng kỳ kiếp, mới có thể chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hạng thứ ba: Phước lớn, lợi căn là Bồ Tát đi trên con đường Phương Tiện.

Như nương thần thông mà đi, trong hạng này có ba hạng:

○ **Phát Tâm thì chứng vị Bồ Tát.**

Kinh nói: Như nương thần thông sáng tỏ mặt trời, mặt trăng mà đi. Thầy Long Thọ còn chia hạng nữa:

Có vị mới phát Tâm lên ngay vị Bồ Tát.

Có vị tu hành ít nhiều mới lên vị Bồ Tát.

Ngôi vị Bồ Tát, tuy có nhiều giải thích, nhưng dựa vào kinh Bát Nhã nói thì Đánh Vị, không rơi lại đường ác, vào nhà hạ tiện, vào Nhị Thừa; theo thuyết hành vị của kinh Hoa Nghiêm nói là Phát Tâm Trụ (ngôi thứ nhất trong Thập Trụ).

○ **Phát Tâm liền vào Sơ Địa.**

Kinh nói như Thanh Văn đi bằng thần thông; vừa Phát Tâm liền thành đại Bồ Tát, tám tướng thành đạo. Sơ Địa chứng từng phần, có thể ở một trăm thế giới Phật, hiện thân tám tướng thành đạo.

○ *Phát Tâm liền vào Bát Địa.*

Kinh nói Như Lai đi bằng thần thông, mới phát Tâm liền tương ứng với Bát Nhã, thành thực chứng sanh, trang nghiêm cõi Phật. Đây là đạo Phương Tiện của Bồ Tát. Sơ Địa trở lên đến Bát Địa.

• **Dựa vào Bồ Tát lợi căn mà nói, hoàn toàn không phát Tâm mà tức thì thành Phật.**

Điều này có thể thấy, sơ phát Tâm thì viên mãn thành Phật. Điều này, dù thế nào, cũng không thể được.

Phát Tâm thì vào Sơ Địa, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là có; còn có vị cao hơn, vừa phát Tâm thì Tự Lợi đã viên mãn rồi dùng đạo Phương Tiện độ chúng sanh.

Hạng thứ hai hoặc tu ba đại A tăng kỳ kiếp, Bồ Đề viên mãn. Đó là hàng tiệm cơ. Phật Thích Ca là hạng căn cơ này.

Sau ba hạng là hạng lợi căn, đôn nhập, nhưng ít có, khó được.

c. Nguyên nhân chính của Nhanh, Chậm; Đốn, Tiệm là Chuẩn Bị trước khi Phát Tâm.

Vì sao Căn Cơ có Tiệm có Đốn; thành Phật có Nhanh, có Chậm? Vấn đề nằm ở chỗ Chuẩn Bị Trước khi phát Tâm, không giống nhau.

• **Lược nói sự khác nhau, trước khi phát Tâm, của ba hạng Bồ Tát.**

- **Một là:** “Đời trước, Phước đức, Nhân duyên mỏng; mà còn Độn căn, Tâm không kiên cố”. Thảo nào, sau khi phát Tâm, lâu bao nhiêu đều không thể đạt đến mục đích; như xưa nay, chưa từng tu học; tương tự phát Tâm để dự thi vậy.
- **Hai là:** “Đời trước, Phước đức, Lợi căn ít”. Điều này, giống như trong quá trình học kém một chút; nhưng trong quá trình học tập dài lâu nên kinh tích lũy nhiều kinh nghiệm; chỉ cần đừng bỏ học và mỗi năm đều dự thi thì sẽ có cơ hội trúng tuyển.
- **Ba là:** “Nhiều đời đến nay, luôn thích Chân Thật; ghét dối trá. Đó là Bồ Tát lợi căn, Tâm vững, đã tích tụ từ lâu vô lượng Phước đức, Trí Huệ”. Những vị này vừa phát Tâm Bồ Đề thì có thể chứng ngay ngôi vị cao; giống như người có trình độ cao, nghiên cứu sâu, thi là trúng tuyển ngay lần đầu.

Vì thế, học Phật, tốt nhất là chớ nói đến Độn thế nào, Tiệm ra sao; đó đều là lời sáo rỗng, vô nghĩa! Tốt nhất là tự hỏi mình: Chuẩn bị như thế nào!

• **Sơ lược nêu ra vô số kiến giải sai lầm của việc phát Tâm học Phật ở thời đại này.**

Người học Phật hiện đại (ở Trung Quốc, Việt Nam) có tư tưởng rất kỳ lạ, chưa từng xem xét suy nghĩ chính mình:

Phước đức, Nhân duyên như thế nào? Căn cơ như thế nào?

Phước huệ tư lương như thế nào?

- Phát Tâm học Phật, không thể không Đốn nhập, không thể không lập tức thành Phật. Không tự hỏi mình, bèn cho đây là đại pháp, pháp môn này dễ thành Phật. Điều này giống như không tự hỏi mình về quá trình học tập, về kinh nghiệm bản thân mà chỉ muốn ứng tuyển làm tổng thống, giống như làm thử thì được ngay ngôi vị nguyên thủ.
- Lại có một số người càng thêm nực cười! Thừa nhận căn cơ của mình chậm chạp (độn), nghiệp chướng nặng nề, trí huệ cạn cợt, bèn cho không thể không tu pháp môn dễ thành Phật. Với những suy nghĩ này, so với Chánh Pháp không tương ưng!

Chân chánh muốn phát Tâm học Phật, phải từ gom góp Tư lương, thành tựu Lợi căn, Tâm chí vững vàng, ra sức nỗ lực Tu Học, không hỏi Đốn, Tiệm; càng không hỏi bao lâu Thành Phật; chỉ biết tinh tấn, mới là con đường đúng đắn mà Bồ Tát thường tu tập.

5.3.2.3. Phật quả viên mãn.

佛果圓滿,	<i>Phật quả viên mãn,</i>
三僧祇劫滿,	<i>Tam tăng kỳ kiếp mãn,</i>
登於妙覺地。	<i>Đăng ư Diệu Giác địa.</i>

Ba tầng kỳ viên mãn, Lên ngôi vị Diệu Giác.

a. Công đức tu tập đã viên mãn, tiến lên ngôi vị Phật.

Tu hành đến ba A tầng kỳ kiếp, thì công đức viên mãn, là ngôi vị Bồ Tát tiến lên ngôi vị Diệu Giác tức Phật quả. Đại Trí huệ của Phật gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh: Diệu, cho nên, Phật quả là Đẳng Giác hay Diệu Giác.

b. Dứt hết Hai Chương, viên mãn rốt ráo thành Phật.

• **Bát địa dứt hết Phiền não chương.**

Từ Sơ địa đến Bát địa. Bồ Tát dứt hết phiền não chương của ba cõi.

• **Sơ địa trở lên đoạn trừ Tập Khí từng phần.**

Tập Khí là Sở Tri Chương, từ Sơ địa trở lên, trừ bỏ từng phần.

Dựa vào Tâm Cảnh mà nói, Tập Khí là do tướng Hý Luận hiển hiện, đối với Pháp không thể có được Tri Kiến Vô Ngại, với ý nghĩa còn ngu muội, vì tập quán của phiền não, từ vô thỉ đến giờ. Phiền não chương, tuy đã dứt trừ, nhưng hơi hướng của phiền não vẫn còn.

Những Tập Khí này, Thanh Văn gọi là Bất Nhiễm Ô Vô Tri, Đại Thừa gọi là Trụ Địa Vô Minh Nhiễm Ô.

• **Do Trí Vô Tướng, tiến tu dứt hết Tập Khí, Thành Phật.**

Những Tập Khí này, do tiến tu Trí Vô Tướng đạt đến khi không còn biểu hiện nữa, càng về sau càng mỏng dần; Pháp Tánh Không cũng càng về sau càng sáng trong, vắng lặng.

Đợi đến khi trong veo, hòa tan; Trí Huệ cũng có thể càng lâu dài, càng rộng lớn, thấu đạt tất cả càng sâu sắc, tinh tế.

Đến cuối cùng, đã sạch hết: “Đối với tất cả cảnh giới Sở Tri mà, nó cực vi tế, do ngu si chấp trước” và “Chướng ngại bởi ngu si rất rất nhỏ bé cùng tính thô trọng của những phiền não ấy”.

Đến đây mới rốt ráo thanh tịnh thành Phật: “Hoàn toàn không còn chướng ngại, tất cả Tướng không hiển hiện mà, cực kỳ Thanh Tịnh Chân Thật hiển hiện”; cũng chính là “Pháp Giới vô cùng Thanh Tịnh hiển hiện”.

Kinh Bát Nhã nói: “Một Niệm tương ưng với Diệu Huệ” thì cắt đứt tất cả Tập Khí Phiền Não và Thành Phật.

Phát Tâm tu học đến đây, mới thật sự là công đức viên mãn.

5.3.3. Công đức của Phật

5.3.3.1. Pháp Thân

佛身最寂滅,

Phật thân tối tịch diệt,

平等無分別。

Bình đẳng vô phân biệt.

如彼摩尼珠, *Như bỉ ma ni châu,*
 妙用利群生。 *Diệu dụng lợi quần sanh.*

Thân Phật rất vắng lặng, Bình đẳng không phân biệt.
 Như ngọc ma ni vậy, Diệu dụng lợi chúng sanh.

a. Nói chung, dựa vào ba thân khen ngợi công đức Phật
 Dựa vào ba thân, khen ngợi công đức Phật.

b. Trước, lược nói về Pháp thân Phật

Thân Tự Tánh là Phật; cũng gọi là Pháp Thân, là cùng tương ứng với tất cả Phật pháp, là chỗ nương tựa của tất cả Phật pháp.

• **Dựa theo Giác Ngộ Viên Mãn nói về Pháp Thân**

Pháp Thân, theo giác ngộ viên mãn mà nói là ra khỏi sự che khuất của Phiền não, hiển lộ hoàn toàn Pháp Tánh Không thanh tịnh, Tự Tại sáng suốt, Rốt Ráo tột cùng. Từ ngôi vị Bồ Tát tu hành đến đây đã đạt đến “Vĩnh viễn xa lìa các Chương Ngại, không còn hiện hành tất cả Tướng”, cho nên cực kỳ Vắng Lặng.

• **Dựa theo Bình Đẳng Bất Nhị nói về Pháp Thân**

- Giữa Phật với Phật bình đẳng như nhau.
- Từ Phật mà quán tất cả: Y Chánh; Sanh Phật, Nhân Pháp; Trí Như; Tất cả đều bình đẳng. Pháp Không Tánh không

phân biệt, Bồ Đề cũng không phân biệt; cho nên nói: “Nhu Như Pháp, Nhu Như Trí, gọi là Pháp Thân”.

Nhu Trí của Pháp Thân không thể phân biệt; giống như ánh sáng của bảo châu không thể phân biệt.

Trong kinh, luận dùng vô số văn, từ hình dung, khen ngợi thân Phật, đều chỉ là tương tự chút ít thôi.

• Dựa vào Lợi Tha vô công dụng mà mơ về Pháp Thân

Giống như ngọc ma ni có công dụng thần diệu, vi tế, có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Ngọc ma ni chính là ngọc như ý, có thể đáp ứng nhu yếu của chúng sanh. Xuất hiện vô số bảo vật, làm cho tâm mong cầu của chúng sanh đầy đủ.

Bảo châu không có suy nghĩ, cũng không cố sức dụng công, chỉ là tự nhiên như thế. Quả Phật đem đến lợi ích cho chúng sanh, cũng giống như vậy.

5.3.3.2. Báo Thân

a. Một, nhiều vô ngại.

法性所流身,	<i>Pháp Tánh sở lưu thân,</i>
念念現一切。	<i>Niệm niệm hiện nhất thiết.</i>
佛事菩薩事,	<i>Phật sự Bồ Tát sự,</i>
二乘眾生事;	<i>Nhị Thừa chúng sanh sự;</i>
三世盡十方,	<i>Tam thế tận thập phương,</i>

依正悉無礙。 *Y chánh tất vô ngại.*
 於一現一切, *Ư nhất hiện nhất thiết,*
 一切人於一。 *Nhất thiết nhập ư nhất.*

Pháp Tánh chảy trong thân, Từng niệm hiện tất cả.
 Phật sự, Bồ Tát sự, Nhị Thừa, chúng sanh sự;
 Ba đời, khắp mười phương, Nương Chánh ắt vô ngại.
 Từ Một hiện Tất Cả, Tất Cả đi vào Một.

• Tiếp theo nói về Báo Thân của Phật

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân của Phật; Hoặc gọi là Pháp Tánh sanh ra Thân, chính là Báo Thân bình đẳng đã nói.

Ở trong rất nhiều kinh Đại Thừa nói: Pháp Thân và Pháp Tánh lưu chuyển trong thân không có phân biệt rạch ròi (thuyết Nhị Thân).

Đó chỉ là theo cái thấy của Bồ Tát, có tướng trang nghiêm công đức vô biên hiện rõ; vì thế, từ trong Pháp Thân lại biểu lộ riêng Báo Thân này, đây là khế hợp với Pháp Tánh mà Thân Công đức mới có.

Lưu là lưu loại (cùng loài giống nhau), đẳng lưu (cùng loài như nhau), vô biên công đức trang nghiêm đều lưu xuất từ Pháp Tánh; giống như ánh sáng và nhiệt đều lưu xuất từ mặt trời.

- **Báo Thân viên mãn, từng niệm biểu hiện tất cả, hai báo Y, Chánh không trở ngại**

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân là Công Đức viên mãn; bây giờ giải thích sơ lược.

○ **Lược nên tất cả sự việc do Báo Thân biểu hiện**

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân là tất cả những gì từng niệm biểu hiện. Tất cả là những gì?

Bốn loại Sự của phàm, Thánh trong mười pháp giới.

- **Nếu là Phật sự:** Như công đức, tướng hảo của Thân Phật; thanh tịnh, trang nghiêm của Cõi Phật; pháp hội viên mãn của Phật; âm thanh tràn khắp của Phật; thọ mạng vô lượng, trí tuệ, thần thông, lợi ích chúng sanh, tám tướng thành đạo,... của Phật.
- **Nếu là Bồ Tát sự:** Như Sơ phát Tâm; Thọ giới Bồ Tát; Hành Lục Độ; Tứ Nhiếp; Đi khắp mười phương thế giới, Gần gũi, cúng dường chư Phật mười phương; Nghe rõ, giữ gìn Pháp mười phương Phật nói; Cứu độ tất cả chúng sanh; Làm những việc khó làm trong vô số kiếp.
- **Nếu là Nhị Thừa sự:** Như sơ Tâm, Tu hành, ở A lan nhã, Tu hạnh Đầu Đà, Du hóa nhân gian, Vào Niết Bàn... của Thanh Văn và Duyên Giác.
- **Nếu là chúng sanh sự:** Như chúng sanh trong sáu đường, có vô vàn chỗ ở, rất nhiều tên gọi, có nhiều hình thái, sanh hoạt dưới nhiều hình thức, khổ nạn dưới nhiều hình dạng...

Bốn loại này chính là Sự của Phạm và Thánh trong mười pháp giới.

- **Sự thuộc mười phương của Thời, Không trong ba đời**
 - **Còn có:** Sự của ba đời; theo thời gian mà nói: Đời trước, đời này, đời sau; một niệm, vô lượng kiếp...
 - **Sự khắp mười phương, theo không gian mà nói:** vô lượng vô số trong mười phương, Thế giới nhiều không thể nói, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc thẳng hoặc nghiêng, hoặc khô hoặc vui; núi sông, đất bằng, cỏ cây, rừng rú...
- **Nói chung, vô số Sự của hai báo Y, Chánh đều hiện rõ, không chướng ngại**

Tất cả điều này không ra ngoài Y Báo là khí thế giới; Chánh Báo là chúng sanh và Phật.

Tất cả điều này là Sự có hình thức, đáng đáp; từ một niệm đến vô lượng, vô số kiếp, không thể nói.

Vô hạn Y Sự, Chánh Sự trong vô hạn của thời gian, không gian, hiện rõ trong từng niệm, đều là Vô Ngại.

- Pháp Tánh lưu chuyển trong Thân đến khắp tất cả, không có việc (Sự) gì mà không thu nhiếp

Bởi vì, Pháp Tánh lưu chuyển ở trong thân bao trùm tất cả nơi, không đâu là không có; cũng không có một Pháp nào mà không ở trong Pháp Tánh (lưu chuyển trong thân).

Pháp Tánh lưu chuyển trong thân thì không sai khác, tận cùng hư không, khắp cả pháp giới, bằng với Chân Như; cho nên, tất cả không rời khỏi Pháp Tánh (lưu chuyển trong Thân), cũng xoay vòng không trở ngại và không hai không khác. Nêu lên một điểm thì tất cả đều hiện rõ và tất cả ấy cũng đi vào Một. Tông sư Thiên Thai và Hiền Thủ ngày xưa đều từng nêu lên Cảnh Giới lớp lớp vô tận. Điều này như kinh Hoa Nghiêm đã rộng nói.

b. Đây đủ các Công Đức

十力四無畏,	<i>Thập lực, Tứ vô úy,</i>
十八不共法,	<i>Thập bát bất cộng pháp,</i>
大悲三不護,	<i>Đại bi tam bất hộ,</i>
妙智佛功德.	<i>Diệu trí Phật công đức.</i>

Mười lực, Bốn vô úy,	Mười tám Pháp không chung,
Đại Bi ba không hộ,	Diệu Trí Phật công đức.

- **Công đức Phật quả được nuôi trong Báo Thân**

Báo Thân thanh tịnh, viên mãn tương ứng với tất cả công đức. Nhưng dựa vào chứng ngộ Pháp Tánh, thành tựu Phật công đức mà nói, vì Pháp Tánh lưu chuyển trong thân nên được nuôi dưỡng.

• **Lược nói công đức Phật quả có sáu hạng cộng tri**

Quả đức của Phật khó nghĩ bàn hoặc nói một trăm bốn mươi công đức bất cộng... Bây giờ nêu một vài hạng cộng tri để nói.

- **Phật có đức mười lực thù thắng hàng phuc ma, ngoại đạo để an lập.** Mười Lực là Xứ phi Xứ Trí lực (Xứ: Đạo lý); Nghiệp dị thực Trí lực (Dị Thực: Quả báo); Tĩnh tự giải thoát, Đẳng trì đẳng chí Trí lực (Tĩnh lực: Thiền; Đẳng trì: Định); Căn thắng, liệt Trí lực; Chủng Chủng thắng giải Trí lực; Chủng chủng giới Trí lực; Biến thú hành Trí lực; Túc trụ tùy niệm Trí lực; Tử sanh Trí lực; Lậu tận Trí lực.
- **Lại có Bốn đức Vô Sở Úy, biểu thị tuyệt đối tư tin về Tư lợi, lợi Tha**

Bốn Vô Sở Úy là: Nhất thiết Trí vô sở úy, Lậu tận vô sở úy, Tận khổ đạo vô sở úy, Chương đạo vô sở úy.

- **Lại có mười tám đức bất cộng của Phật, dựa theo Bất cộng của phàm phu, Tiểu Thừa lập ra.** Mười tám Pháp Bất Cộng của Phật là: Thân không sai sót; Lời không sai sót; Niệm không sai sót; Tưởng không khác lạ; Tâm luôn trong Định; Tri nhận các pháp xong, liền bỏ; Luôn muốn độ chúng sanh, không giảm; Tinh tấn không giảm; Trí huệ luôn đầy đủ; Giải thoát không giảm; Giải thoát tri

kiến không giảm; Trí biết đời quá khứ không trở ngại; Trí biết đời vị lai không trở ngại; Trí biết đời hiện tại không trở ngại; Thân nghiệp làm theo Trí huệ; Ngữ nghiệp nói theo Trí huệ; Ý nghiệp suy tư theo Trí huệ; Huệ không giảm.

- **Còn có Đức Đại Bi**
- **Đức ba điều không che giấu.** Đó là ba nghiệp của Như Lai biểu hiện thanh tịnh, nhất định không lỗi lầm, không cần sợ ai biết nên phải che giấu cho chính mình.
- **Đức Diệu Trí, đó là trí vô sư của Như Lai; Trí tự nhiên; Trí biết tất cả; Trí biết tất cả loại.**

Những công đức này của Phật đều rất thanh tịnh, rất viên mãn.

c. Tịnh Độ viên mãn

佛住於淨土,	<i>Phật trụ ở Tịnh Độ,</i>
十八事圓滿,	<i>Thập bát sự viên mãn.</i>
與諸菩薩眾,	<i>Dĩ chư Bồ Tát chúng,</i>
受用於法樂。	<i>Thọ dụng pháp lạc.</i>

Phật ở cõi Tịnh Độ,	Viên mãn mười tám sự.
Cùng với chúng Bồ Tát,	Được thọ dụng pháp lạc.

• **Dùng mười tám Sự làm hiển lộ Báo Thân mà chỗ nương tựa là Tịnh Độ viên mãn**

Phật Tánh lưu chuyển trong thân Phật thì nhất định ở cõi Tịnh Độ. Nhưng đây là cõi Biến Pháp Giới, được biểu hiện bằng mười tám Sự viên mãn; không thể nói phương Đông, phương Tây lớn hơn hay nhỏ hơn.

○ **Dẫn chứng lời tựa trong kinh**

Tịnh Độ viên mãn này, như lời tựa của kinh Phật Địa, Giải Thâm Mật nói: “Bạc Bạt Già Phạm ở nơi trang nghiêm bằng bảy báu với ánh sáng huy hoàng tỏa chiếu tất cả thế giới; vô lượng phương sở, trang sức tuyệt đẹp, cùng khắp không giới hạn, số lượng khó lường, vượt qua những nơi đã đến trong ba cõi; xuất sắc những gì căn lành khởi lên trong thế gian; tịnh thức là tướng tự tại cùng tột; chỗ ở của Như Lai, chúng đại Bồ Tát tập trung đông đảo; vô lượng thiên, long, nhân, phi nhân cũng theo đến phụ giúp; thọ trì pháp vị hỷ lạc rộng lớn; làm lợi ích cho chúng sanh; diệt phiền não, tai ương trôi buộc; lìa xa các ma; Với những trang nghiêm cùng cực này là chỗ ở của Như Lai; đi bằng Chánh Niệm, Trí Huệ trên con đường rong chơi; bằng đại Chỉ, diệu Quán là xe di chuyển; Vào cửa bằng đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện; được trang

nghiêm bằng vô lượng Công Đức; trong cung điện vĩ đại được xây dựng bằng những đóa hoa quý nhất”.

○ **Quy nạp mười tám Sự trong kinh.**

Đây là một đoạn trong bài tựa nói về Tịnh Độ có mười tám điều viên mãn:

Hiển sắc, Hình sắc, Phân lượng, Phương sở, Nhân, Quả, Chủ, Phụ dục, Quyến thuộc, Nhậm trì, Sự nghiệp, Nhiếp ích, Vô úy, Trụ xứ, Lộ, Thừa, Môn, Y trì.

Biểu đồ đối chiếu mười tám Sự với kinh Giải Thâm

Mật và luận Nhiếp Đại Thừa

▪ ***Hiển sắc viên mãn:***

- ✓ Tựa kinh Giải Thâm Mật: Bạc Bạc Già Phạm ở trong ánh sáng bảy báu trang nghiêm cùng tột, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế giới.
- ✓ Luận Nhiếp Đại Thừa: Nơi Phật ở rất thù thắng và cung điện lớn được trang nghiêm bởi ánh sáng của bảy báu. Từ cung điện lớn này phóng ánh sáng lớn, chiếu khắp vô biên thế giới.

▪ ***Hình sắc viên mãn:***

- ✓ (nt): Trang sức khắp nơi rất vi diệu.
- ✓ (nt): Hình thái của cung điện lớn này vô cùng hoành tráng, nào vườn, nào ao, nào thêm đều được trang sức tuyệt đẹp.

▪ ***Phân lượng viên mãn:***

- ✓ Chu vi rộng lớn, khó có thể đo lường.
- ✓ Chu vi của cung điện này rất to lớn, người thường khó có thể đo lường nổi.
- **Phương sở viên mãn:**
- ✓ Vượt hẳn những chỗ đã đi qua trong ba cõi.
- ✓ Loại cung điện này không do Nghiệp Quả ràng buộc trong ba cõi.
- **Nhân viên mãn:**
- ✓ Nhân này vượt qua Thiệt Căn phát sanh của thế gian.
- ✓ Nhân này không phải do nghiệp của ba cõi hình thành.
- **Quả viên mãn:**
- ✓ Là Tướng thanh tịnh, tự tại hoàn toàn của Thức.
- ✓ Phật ở trong đại bảo điện lấy Thức vô lậu, thanh tịnh làm thể tướng, không lìa ngoài thức.
- **Chủ viên mãn:**
- ✓ Kinh độ của Như Lai.
- ✓ Đại bảo điện này, Như Lai là chủ, là nơi Phật trụ trì, an trú.
- **Phụ dục viên mãn:**
- ✓ Là nơi chư đại Bồ Tát tập trung.
- ✓ Ở trong đại bảo điện, có lúc chư đại Bồ Tát tập trung, nghe Phật thuyết pháp, giúp Phật giáo hóa chúng sanh.
- **Quyền thuộc viên mãn:**
- ✓ Vô lượng trời, rồng, nhân, phi nhân... thường theo giúp Phật giáo hóa chúng sanh.
- ✓ Trong cung điện cũng có tám bộ quyền thuộc theo Phật giúp đỡ giáo hóa chúng sanh.

▪ ***Nhậm trì viên mãn:***

- ✓ Giữ gìn pháp vị an lạc rộng lớn.
- ✓ Trong cung điện lớn của Bồ Tát, trời, rồng... Phật dùng pháp vị Đại Thừa an lạc nuôi dưỡng ngũ phần Pháp Thân của các vị ấy, để được nhậm trì an trụ.

▪ ***Sự nghiệp viên mãn:***

- ✓ Làm cho chúng sanh được tất cả lợi ích, ý nghĩa.
- ✓ Sự nghiệp của Phật là làm tất cả lợi ích có ý nghĩa và hóa độ cho chúng sanh.

▪ ***Nhiếp ích viên mãn:***

- ✓ Diệt các phiền não, tai nạn, ô nhiễm trói buộc.
- ✓ Ở trong cung điện này đã dứt trừ tất cả phiền não, ô nhiễm với bao nhiêu thiên tai, hoạn nạn bất ngờ. Không những Đức Phật như thế mà chư Bồ Tát cũng được lợi ích thanh tịnh như vậy.

▪ ***Vô úy viên mãn:***

- ✓ Lìa xa chúng ma.
- ✓ Phật và Bồ Tát đã lìa xa chúng ma: Phiền não, Uẩn, Tử, Trời và giải thoát khỏi sự dụ dỗ của ma vương.

▪ ***Trụ xứ viên mãn:***

- ✓ Không gì trang nghiêm hơn chỗ Như Lai an trụ.
- ✓ Chỗ Như Lai an trụ vượt hơn tất cả chỗ các bậc Thánh an trụ; sự trang nghiêm ấy là kết quả công đức của Như Lai mà Bồ Tát, Nhị Thừa không sánh được.

▪ ***Lộ viên mãn:***

- ✓ Du hành trên con đường Đại Niệm Huệ.

✓ Lộ là đường đi; Cõi Tịnh Độ này lấy Đại Niệm, Đại Huệ, Đại Hành làm đường đi du ngoạn. Đại Niệm là do Văn thành Huệ; Đại Huệ là do Tư thành Huệ; Đại Hạnh là do Tu thành Huệ. Tu ba con đường Trí Huệ này có khả năng đi đến và ở trong Tịnh Độ.

▪ ***Thừa viên mãn:***

✓ Đại Chỉ, Diệu Quán là xe chuyên chở.

✓ Thừa là đi bằng xe. Đại Chỉ, Diệu Quán là chiếc xe; Thừa đây là Xe Chỉ, Quán của Đại Thừa, chạy trên con đường Vi Diệu Tam Huệ.

▪ ***Môn viên mãn:***

✓ Phải có Đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện mới vào được ba cửa Giải Thoát.

✓ Vào đại bảo điện của Tịnh Độ phải từ ba cửa Giải Thoát: Đại Không, Vô Tướng, Vô Nguyện mới vào được. Ba cửa này là ba cửa nhiệm mầu Giải Thoát; cho nên, vào cung điện Tịnh Độ trang nghiêm, vi diệu chính là vào cõi Thường Tịch Quang, cung Pháp Giới, thành Niết Bàn.

▪ ***Y Trì viên mãn:***

✓ Đại cung điện được trang nghiêm vô lượng công đức, được kiến lập vô lượng hoa quý.

✓ Cung điện thế gian xây lên từ đất; cung điện của Phật được kiến lập bằng vô lượng công đức, được trang nghiêm bằng vô lượng bảy báu và vô số bông hoa quý hiếm.

• **Chư Bồ Tát đều thọ dụng Tịnh Độ viên mãn**

Tịnh Độ của Phật có đủ mười tám viên mãn là Thân có Pháp Tánh lưu chuyển, còn có thể chia hai: Theo Phật nói, còn gọi là Thân Tự Thọ Dụng; theo cái thấy của Bồ Tát mà nói, còn gọi là Thân Tha Thọ Dụng.

Vì sao gọi là Thọ Dụng? Như trước Nhậm Trì viên mãn nói “Giữ gìn Pháp Vị hỷ lạc rộng lớn”.

Phật ở trong Tịnh Độ, tự thọ dụng Pháp Lạc và vì các vị Bồ Tát lớn nói pháp, các vị Bồ Tát cũng thọ dụng Pháp lạc.

Ở trong Tịnh Độ viên mãn này, pháp hỷ sung mãn; cho nên nói: Phật và chúng Bồ Tát đều ở trong Tịnh Độ, thọ dụng Pháp Lạc vi diệu của Đại Thừa.

d. Chỉ một Phật Thừa

諸法真實義, *Chư pháp chân thật nghĩa,*

及證真實慧, *Cập chứng chân thật Huệ,*

無變異差別, *Vô biến dị sai biệt,*

是故無別乘。 *Thị cố vô biệt thừa.*

Nghĩa Chân Thật các Pháp, Huệ Chân Thật chứng được,
Không đổi thay sai khác, Nên không Thừa nào khác.

- **Bằng Như Trí biểu hiện những gì Phật nói là chỉ có Pháp Nhất Thừa**

Pháp Tánh lưu chuyển trong Thân của Tịnh Độ viên mãn là pháp đại Bồ Tát nói, là năm Thừa, ba Thừa mà, vẫn là Nhất Thừa sao? Đương nhiên là Pháp Nhất Thừa.

- **Điều đã chứng và pháp của Phật nói đều lấy giác ngộ, chứng đắc làm gốc.**

Phật là người giác ngộ, lấy đại Bồ Đề làm Thể Tánh; tất cả Tự Lợi, Lợi Tha đều lấy Giác làm gốc.

Đại sự Nhân Duyên của Phật xuất thế, thuyết pháp chính là Khai, Thi, Ngộ, Nhập Tri Kiến của Phật; đó là Đại Bồ Đề.

Vì vậy, Pháp Phật lấy Giác và Chứng làm căn bản.

- **Từ chỗ Giác và Chứng, Phật nói không thay đổi, không sai khác.**

- ***Pháp được chứng và Trí năng chứng đều không biến đổi, sai khác.***

- ✓ **Nói đến Giác, Chứng phân biệt mà nói Nghĩa Chân Thật của các Pháp là Sở chứng, là Tánh Không của Pháp, là xa Vọng Tưởng.**

Cái mà chúng sanh cho là chân thật đều là cái Thấy của Tự Tánh, cái Tướng của Hý luận; Pháp Không Vô Tánh mới là Chân Thật của tất cả Pháp. Vì thế trên kinh đã nói:

諸法無所有性,是諸法自性:

Chư pháp vô sở hữu Tánh, thị chư pháp Thật Tánh: Các pháp không có Tánh Sở Hữu là Thật Tánh của các pháp. Trong nghĩa Chân Thật này, không có sai biệt nào đáng đề nói. Đó chính là Tánh Ngã Không và Tánh Pháp Không, cũng giống như lửa cỏ và lửa than, tuy vật bị đốt cháy không giống nhau nhưng, Tánh lửa không khác nhau.

✓ Trí Huệ là khả năng chứng nghĩa Chân Thật; một khi chứng được là vĩnh viễn, chứng được rồi sẽ không mất đi. Bát Nhã vô vi dựa vào Tập Khí vô lậu mà hiển hiện, phát sanh, không phải là Pháp sát na sanh diệt.

Vì vậy, Chân Như sở chứng và Chánh Trí năng chứng đều không biến đổi.

Chân Như, tuy ở trong Phiền não mà, vẫn thế; dù là ô nhiễm, thì thanh tịnh ấy cũng vậy thôi, không hề biến đổi.

Chánh Trí là công đức vô vi của Pháp Tánh tương ứng, cũng không có biến đổi.

▪ *Như và Trí cũng không khác nhau hay đối lập.*

Tất cả điều đều không sai biệt, ngay cả Như và Trí cũng chỉ dựa vào thế tục mà an lập; nhưng ở trong Tánh Giác hiện tiền không có đối lập giữa Như và Trí.

• **Ở trong không biến đổi, sai biệt nói có vô lượng Thừa mà, thật ra, đều trở về Một**

Chân thật của Pháp Phật là như vậy, không biến đổi, không phân biệt mà trong đó vẫn có năm Thừa, ba Thừa ư? Lý do, Phật vì chư đại Bồ Tát chỉ bày (khai thị) Pháp Lớn, không có Thừa riêng; mà chỉ là Một Phật Thừa, Một Con Đường, Một Pháp Thanh Tịnh. Tuy nhiên, Bồ Tát cần phải biết Quyền, biết Thật; cho nên, đối với Nhất Thừa mà nói Vô Lượng Thừa; nhưng ở trong pháp của Bồ Tát, tất cả đều trở về MỘT.

5.3.3.3. Hóa Thân

a. Thị hiện Thân Độ

佛 得 不 動 身,	<i>Phật đắc bất động thân,</i>
悲 願 化 三 有,	<i>Bi nguyện hóa tam hữu,</i>
示 淨 或 示 穢,	<i>Thị tịnh hoặc thị uế,</i>
咸 令 入 涅 槃	<i>Hàm linh nhập Niết Bàn.</i>

Phật chứng Thân Bất Động, Bi nguyện độ ba cõi,
Hoặc tịnh hay là uế, Đều khiến vào Niết Bàn.

• **Cuối cùng nói về Hóa Thân của Phật**

Hóa Thân là Bồ Tát của địa trước: Nhị Thừa, phàm phu thì hóa hiện Phật Thân.

• **Nói rõ sự khác nhau của hai thân**

- ***Báo Thân xuất hiện từ Pháp Thân, không là Pháp Thân***

Dựa vào Pháp Thân mà sanh ra thân lưu chuyển Pháp Thân, như nướng vào ánh sáng, sức nóng của mặt trời mà hai biểu hiện này có mặt khắp nơi nhưng không lìa mặt trời.

○ **Hóa Thân là do sức Bi Nguyên vô công dụng hiện sanh.**

Hóa Thân không giống như vậy mà như bóng trăng trong nước, chỉ là phản ảnh của bóng trăng trong nước.

Pháp thân Phật thì luôn Thường Trụ, không đi, không đến, cũng không ẩn, hiện nên nói là chúng được thân Bất Động. Còn hiện sanh Hóa Thân, không có ý hướng công dụng mà do, sự huân tập, phát xuất từ Bi Nguyên cứu độ chúng sanh trong ba cõi, nên có đến, có đi, có ẩn, có hiện; giống như trường giả vào nhà lửa.

• **Sơ lược về Thọ mạng và Quốc Độ do Hóa Thân biểu hiện**

○ **Thọ mạng và Quốc độ của Hóa Thân có vô vàn sai biệt**

Hóa Thân là để giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh, là Pháp Thân thị hiện, có thân cao lớn: một trăm trượng, một nghìn trượng hoặc thân sáu trượng (1 trượng= 3,2 m). Thọ mạng thị hiện hoặc một nghìn kiếp, một trăm kiếp, hoặc 80 tuổi.

Thị hiện Quốc Độ thì hoặc là Tịnh Độ hoặc là Uế Độ.

○ **Nói theo Báo Độ viên mãn, Trí Tinh thì Quốc Độ Tinh.**

Tuy nhiên, Báo Độ viên mãn bao trùm khắp nơi, chỉ để cho Trí Huệ của chúng sanh tăng trưởng, tiến bộ, cho nên, bất cứ chỗ nào cũng chính là Tịnh Độ viên mãn ngay. Như thế giới Ta Bà là Uế Độ, nhưng dưới mắt của Loa Kế Phạm Vương là Tịnh Độ trang nghiêm bằng châu báu.

Như thế giới Cực Lạc cũng là Hóa Độ nhưng dựa theo Luận Tịnh Độ của Bồ Tát Thế Thân sáng tác, nói: Như tu đầy đủ Ngũ Môn thành tựu: Trí huệ, Từ bi, Phương tiện, Hồi hướng công đức, Thành tựu thì cũng có thể vào Báo Độ viên mãn.

○ **Tất cả sai biệt thì đều có thể nói là Hóa Thân và Hóa Độ**

Nhưng theo căn lành thuần thực của từng bộ phận chúng sanh thích ứng, hiện khởi mà nói thì tất cả quốc độ Đông phương, Tây phương, Nam phương, Bắc phương, thọ mạng của Phật và thân Phật cao, thấp đều có hạn lượng; đó là Hóa Thân, Hóa Độ.

○ **Lược nói Phương tiện và Mục đích của Hóa Thân Phật thị hiện.**

Hóa thân Phật vì sao thị hiện những khác biệt này?

- ***Vì thích ứng với căn tánh của chúng sanh mà sử dụng Nhị Môn thành Phương Tiện.***

Vì căn tánh của chúng sanh không giống nhau.

- ✓ Có khi phải dùng lời nói tha thiết, thông khổ:

Khổ của ba đường ác là như thế, khổ của cõi chúng sanh là như thế; do đây nên phát tâm tu hành; đây là Phương tiện làm cho chấp nhận (chiếc phục).

- ✓ Có khi phải dùng Ái ngữ: Thanh tịnh thế này, Tụ tại thế kia nên phải nhất định phát tâm tu hành; đây là Phương tiện nhiếp thọ (thừa nhận).

Hóa thân Phật chính là hai Phương Tiện: 折 (chiết), 攝 (nhiếp) để thành tựu cho tất cả chúng sanh.

- ***Pháp Phật không có Cao, Thấp mà chỉ là Thuốc Trị Bệnh và khiến cho chúng sanh đi vào Phật Đạo.***

Tuy có thích ứng như thuốc trị được bệnh mới là thuốc hay; vì vậy, không nên sanh ra ý tưởng cao, thấp.

- ✓ Như Phật Thích Ca xuất hiện ở cõi ô trược, Phật Di Lặc xuất hiện ở cõi thanh tịnh, với Phật pháp hoàn toàn không có khác nhau.

- ✓ Còn như cõi ô trược, tu hành không dễ nên Phật khuyên người vãng sanh cõi Tịnh Độ, dễ thành tựu.

Nhưng kinh Duy Ma Cật, kinh Vô Lượng Thọ lại nói:

Tu một ngày ở cõi ô trược hơn tu một kiếp ở cõi Tịnh Độ, Uế độ so với Tịnh độ thì tu hành càng dễ.

✓ Lại như trong kinh, Phật Thích Ca khen ngợi cõi Tịnh Độ để mọi người ham mộ và chư Bồ Tát tham gia pháp hội của Phật Thích Ca giới thiệu về cõi đó. Về Tịnh Độ, Phật khuyên mọi người, chớ có sanh tâm khinh mạn.

Vì vậy, đây là bi nguyện của Phật, ứng hiện, hóa độ chúng sanh trong ba cõi bằng hai phương tiện với mục đích là khiến cho chúng sanh vào Niết Bàn, ra khỏi sanh tử, cùng trở về Phật Đạo.

b. Lịch trình Giáo hóa

為除眾疲乏,	<i>Vì trừ chúng bì pháp,</i>
化作可愛城;	<i>Hóa tác khả ái thành;</i>
終示真實相,	<i>Chung thị Chân Thật Tướng,</i>
故唯一佛乘。	<i>Cố duy nhất Phật Thừa.</i>

Vì trừ bao biếng nhác,	Nên thị hiện Hóa Thành;
Cuối cùng Tướng Chân Thật,	Là duy nhất Phật Thừa.

- **Nêu lên sự khác nhau giữa Phật hóa thân và Ứng cơ nói pháp**

Pháp, Phật hóa thân nói không hoàn toàn như nhau. Có khi nói về cõi Phật, về pháp năm Thừa, ba Thừa; có khi nói về Xuất gia, tại gia. Cũng có khi nói về Pháp Nhất Thừa mà không có chúng xuất gia; có khi Phật cũng biểu hiện Tướng xuất gia (truyền thuyết Phật Thiên Vương biểu hiện như thế).

Có khi nói pháp Tam Thừa rồi cuối cùng trở về Pháp Nhất Thừa.

Có khi nói Pháp Tam Thừa vì căn cơ người nghe chưa thuần thực nên không nói Nhất Thừa và sẽ vào Niết Bàn (truyền thuyết Phật Đa Bảo biểu hiện như thế).

- **Nêu lịch trình Giáo hóa của Phật Thích Ca làm ví dụ**
 - **Ban đầu nêu lên ba Thừa, sau cùng trở về Nhất Thừa**

Căn cứ Phật Thích Ca hóa thân, ứng hiện nói pháp ở thế giới Ta Bà thì ban đầu nói pháp ba Thừa, sau cùng trở về một Thừa.

- **Nêu kinh Pháp Hoa làm ví dụ**

Phật ở trong kinh Pháp Hoa, chỉ dạy rằng: 為實示權, 開權顯實: Vì Thật thị Quyền, khai Quyền hiển Thật: Vì Thật thì hành Quyền, mở rộng Quyền hiển hiện Thật. Đó là theo lịch trình giáo hóa mà nói:

- ***Tâm của người mới học còn yếu kém, vì Thật mà thì hành Quyền, nên giả định có ba con đường đi (Tam Thừa Đạo).***

Có một số người đã phát Tâm Bồ Đề, nhưng trên đường dài Sanh, Tử, hầu hết căn tánh chúng sanh đều thấp kém nên đã quên mất, thoát lui sơ Tâm ấy. Với loại căn tánh này, càng nói Phật pháp cao thâm, vĩ đại, họ càng không dám tu, học. Vì thế, Phật mới đặt ra Phương Tiện và nói có Thanh Văn và Duyên Giác Thừa, dễ tu hành, dễ thoát khỏi Sanh, Tử vừa nhanh vừa tốt, có thể được rốt ráo Giải Thoát. Nhờ vậy, mọi người mới phát Tâm tu, học.

- ***Nêu ví dụ người chủ đoàn buôn và Hóa Thành làm sáng tỏ ý nghĩa này.***

Điều này giống đoàn thương nhân đi xa, chưa đi được bao xa mà đã mỏi mệt bởi đường sá khó khăn nên có người không muốn đi nữa; ông trưởng đoàn muốn làm cho họ khuây khỏa mỏi mệt, không chùng bước thoái lui; cho nên phương tiện hóa ra thành thị tập nập dễ chịu. Và ông tuyên bố với mọi người rằng nơi buôn bán, kinh doanh đã đến, ngay trước mặt đây. Mọi người, nghe vậy, mới hăng hái tiến lên, ở trong thành phố, ăn, mặc, chỗ ở, tất cả đều đầy đủ. Chờ đến khi mọi người nghỉ ngơi, thoải mái, sức khỏe được khôi

phục; ông trưởng đoàn mới nói với mọi người: Đây là Hóa Thành còn Bảo Thành là nơi, thật sự, phải đến, vẫn còn ở phía trước. Tinh thần mọi người đều sung mãn, lại hướng về mục đích mà tiến bước.

- *Tu lâu, chứng quả, khai Quyền, hiển Thật để trở về Một Phật Thừa.*

Điều này giống như Phật chờ đệ tử nương Pháp tu hành, đã chứng quả A La Hán, cuối cùng mới nói rõ Nhị Thừa là Phương Tiện để chỉ bày làm cho chúng sanh chứng ngộ Tướng Chân Thật của Tri Kiến Phật. Vì vậy, Phật, tuy nói Tam Thừa, kỳ thật Chỉ Một Phật Thừa; chỉ có Phật là Đại Niết Bàn, Niết Bàn của Nhị Thừa cũng không phải là Chân Thật. Phật nói Nhất Thừa, trong kinh, luận nói rất nhiều ý nghĩa, nhưng tất cả không ngoài: Đạo Như Thật Không Hai Không Khác, cho nên cuối cùng trở về Cực Điểm.

c. Đồng Thành Phật Đạo

一切諸善法, *Nhất Thiết chư thiện pháp,*

同歸於佛道; *Đồng quy u Phật đạo;*

所有眾生類, *Sở hữu chúng sanh loại,*

究竟得成佛。 *Cứu cánh đắc thành Phật.*

Tất cả các pháp hành,

Đều trở về Phật Đạo

Bao nhiêu loại chúng sanh, Cuối cùng đều thành Phật.

• **Pháp lành thế gian, xuất thế gian đều trở về Phật đạo**

Từ lập trường Một Phật Thừa mà nói “Tất cả Pháp” đều trở về Phật Đạo; không chỉ pháp lành xuất thế của Tam Thừa, trở về Phật Đạo, mà ngay cả tất cả pháp lành thế gian của Nhân Thừa, Thiên Thừa: Một Tâm niệm lành, Một Hành vi lành nhỏ đều trở về Phật Đạo.

○ **Pháp Lành là Phật Pháp**

Vì vậy, Phật Pháp là tên khác của Thiện Pháp.

Cuối cùng Thiện Pháp là gì? Cái gì hướng về Pháp, thuận với Pháp, cùng với Pháp tương ứng chính là Thiện, chính là Phật Pháp. Vì thế, tất cả những gì tùy thuận, khế hợp với Pháp Duyên Khởi, Tánh Không; bất luận là Tâm Niệm, đối nhân, ứng vật đều là Thiện. Do đó, Thiện cũng gọi là Pháp, Bất Thiện cũng gọi là Pháp.

○ **Bàn riêng về Tánh và Loại của Thiện Pháp**

- ***Từ Pháp khởi sanh Cái Thấy của Tự Tánh; Tánh, Loại của Thiện Pháp không giống nhau.***

Có một số luận sư, từ Pháp khởi sanh Cái Thấy của Tự Tánh, mới nói: Đây là pháp Thiện Hữu Lộ, đây là pháp Thiện Vô Lộ, đây là pháp Thiện Nhị Thừa, đây là pháp

Thiện của Phật tùy theo sự chấp trước của chúng sanh mà phân biệt; Thiện pháp được chia ra Tánh, Loại khác nhau.

- ***Theo lý mà bàn Thiện pháp hoàn toàn không phân biệt về Tánh, Loại.***

Tuy nhiên, theo chúng sanh giới hiện thực thì xác quyết là như vậy; nhưng theo khế Lý mà nói thì không phải như vậy.

Thiện Pháp chính là Thiện Pháp; lý do Thiện Pháp có Hữu Lộ, Vô Lộ. Điều này tương ứng hoặc không tương ứng với Lộ (Àsrava: Phiền não) mà thôi.

Nếu phân tích thêm thì có Hữu Lộ Thiện: xen lẫn Thiện và Phiền não; nếu lià Phiền não là Vô Lộ Thiện.

Vì vậy, xưa có ngài Thích Đạo Sanh nói: “Thiện bất thọ báo, đôn ngộ thành Phật”: Thiện không chịu quả báo vì, thành Phật ngay; chúng sanh trôi nổi trong sanh, tử là do Phiền Não và Nghiệp.

Người và Trời không hoàn toàn do Thiện Pháp mà là Phiền Não trộn lẫn với Thiện Pháp.

- **Không bỏ tất cả Thiện Pháp, làm tròn tất cả Thiện Pháp mới là ý nghĩa chân thật của Phật Pháp**
 - **Tất cả Thiện Pháp do chúng sanh làm ra đều là Phương Tiện để thành Phật**

Tất cả chúng sanh, như kinh Nhân Vương Bát Nhã Ba La Mật nói: 初一念識異木石, 生得善, 生得惡: Sơ nhất niệm thức dị mộc thạch, sanh đắc thiện, sanh đắc ác: Một niệm ban đầu khác với cây, đá; có thể sanh Thiện; có thể sanh ác.

Sanh ra đều có Tánh Thiện, cho nên, đều hướng thượng, đều hướng đến an vui, có khuynh hướng nghiêng về ánh sáng.

Chỉ vì không lấy Đạo Phật là Tông chỉ rồi suy diễn nhiều ngã rẽ, nhiều ngoại đạo, sanh làm người, sanh làm trời.

Nếu như một ngày nào đó, phát hiện mục tiêu rất ráo, Tâm trở về với Phật Thừa thì tất cả việc này đều là Phương Tiện để thành Phật.

Vì vậy, một lần chấp tay hướng về Phật, một lần cúi đầu tôn kính Phật, “Một lần xưng Nam Mô Phật, chẳng bao lâu sau, đều thành Phật Đạo”.

Việc này giống như một dân tộc thiếu lãnh tụ sáng suốt, không có quốc sách đúng đắn; mặc dù, nhân dân vẫn thế nhưng cũng muốn tiến bộ mà kết quả vẫn không đạt được, vì quốc kế về dân sinh đều không như ý muốn.

Nếu có lãnh tụ hiền minh đưa ra chính sách hoàn thiện, phù hợp và toàn dân đều hưởng ứng, tập trung, nỗ lực, chắc chắn sẽ tiến bộ, thành công mong muốn.

○ **Cứu cánh liễu nghĩa là tất cả chúng sanh, chắc chắn sẽ Thành Phật**

Vì vậy, tất cả các loại chúng sanh, không phải không có Thiện Pháp, mà chỉ vì chưa thấu rõ. Nhưng đã có Thiện Pháp, biết hướng thượng, hướng theo ánh sáng; cuối cùng sẽ hướng về Phật Đạo và tiến xa hơn; rốt ráo nhất định thành Phật.

Tất cả chúng sanh đều thành Đạo, đó là liễu nghĩa, là cứu cánh của lời Phật dạy; cho nên, Tu, Học Pháp của Phật, không nên bỏ tất cả Thiện Pháp, đem tất cả Thiện Pháp cùng trở về Phật Đạo, mới là ý nghĩa Chân Thật của Phật Pháp!

Cuối cùng, kính chúc Độc Giả, ắt, sẽ Thành Phật!

SÁCH CƯ SỸ LÊ HỒNG SƠN DỊCH

NHỮNG SÁCH ĐÃ IN

1. TỰ ĐIỂN PHÁP TAM TẠNG
2. NHẬP MÔN DUY THỨC HỌC (BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG)
3. ĐẠI THỪA QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN
4. KINH KIM CANG, LỤC TỔ HUỆ NĂNG KHẨU QUYẾT
5. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGUYÊN THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC
6. YẾU GIẢI TRUNG LUẬN
7. BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH
8. PHIẾM LUẬN DUYÊN KHỞI PHÁP
9. SÁU NHÀ CHÚ GIẢI TÂM KINH BÁT NHÃ
10. PHÁP TƯỚNG TÔNG (DUY THỨC TAM THẬP TỤNG)
11. LUẬN 100 PHÁP
12. TỰ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG

NHỮNG SÁCH CHƯA IN

1. LUẬN CÂU XÁ
2. HAI MƯƠI BỐN OAI NGHI, LUẬT SA DI, CẢNH SÁCH
3. MƯỜI TÔNG PHÁI PHẬT GIÁO TRUNG HOA
4. TÂM KINH, TỔ HÁM SƠN GIẢNG